

VL00004345



HỒ CHÍ MINH

NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG

CÁCH MẠNG



VL00004345



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

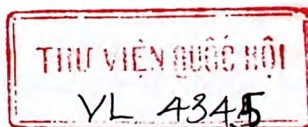
HỒ CHÍ MINH
NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG CÁCH MẠNG

Bản sao lưu trữ

T.S. VĂN THỊ THANH MAI

(*Biên soạn*)

HỒ CHÍ MINH - NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG CÁCH MẠNG



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ THÔNG TIN

Hà Nội - 2009

LỜI GIỚI THIỆU

Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ kính yêu của nhân dân Việt Nam đã rời xa chúng ta trở về cõi vĩnh hằng, song tên tuổi của Người và những gì thuộc về Người còn sống mãi trong lòng nhân dân Việt Nam và nhân loại tiến bộ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ suốt đời phấn đấu hi sinh cho độc lập tự do của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân ta, Người còn cống hiến cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng các dân tộc thuộc địa, cho cuộc đấu tranh chung vì hoà bình, dân chủ, tự do và công lý trên toàn thế giới và tình đoàn kết hữu nghị, hợp tác giữa các dân tộc. Cuộc đời cách mạng đầy thăng trầm và gian khó, song vô cùng oanh liệt, rất đỗi tự hào của Người đã hấp dẫn hết thảy.

Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là người sớm có tình thân yêu nước, có ý chí quyết tâm giải phóng đồng bào. Với bầu nhiệt huyết của tuổi trẻ, Người đã rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước (1911), đã đến với chủ nghĩa Mác-Lênin (1920), đến với con đường cứu nước theo quĩ đạo của cách mạng vô sản. Với sự lựa chọn đúng đắn đó, Người đã từ một người yêu nước trở thành một người cộng sản, đã kiên trì hoạt động lý luận và thực tiễn, đã sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1930); từng bước thực hiện thắng lợi cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam, góp phần to lớn vào sự thắng lợi của sự nghiệp giải phóng các dân tộc thuộc địa, sự nghiệp giải phóng nhân loại cần lao khỏi đói nghèo, đau khổ.

Không chỉ khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn lãnh đạo nhân dân Việt Nam, cùng nhân dân Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản chân chính, trong sạch vững mạnh, trải qua những chặng đường gian lao kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954) và đế quốc Mỹ xâm lược (1954-1969), đồng thời xây dựng miền Bắc Xã hội chủ nghĩa (1954-1969) làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Với Hồ Chí Minh, dù còn hoạt động bí mật, đầy gian khổ ở nước ngoài; từng bị giam cầm, tù tội, thậm chí bị nghi ngờ, chưa thể trở về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng; một vị lãnh tụ với những quyết sách đúng đắn, tài tình, sáng tạo; một người chiến sĩ cộng sản quốc tế thuỷ chung, trong sáng hay là một vị Chủ tịch nước giản dị, luôn gần dân, hết lòng yêu

thương nhân dân, luôn cần kiệm liêm chính, chí công vô tư thì cũng vẫn Người “cao mà không xa, mới mà không lạ, to lớn mà không làm ra vĩ đại, vĩ đại mà không choáng ngợp, gặp lần đầu mà như đã gặp từ lâu” như có Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã từng viết.

Cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng, tấm gương đạo đức cách mạng của Hồ Chí Minh không chỉ hấp dẫn bạn bè, anh em, đồng chí, mà còn hấp dẫn cả những người từng ở bên kia chiến tuyến. Đánh giá về Người, Nghị quyết của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc (UNESCO) về kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ghi rõ:

“Chủ tịch Hồ Chí Minh là một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội... và sự đóng góp nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực văn hoá, giáo dục và nghệ thuật là kết tinh của truyền thống văn hoá hàng ngàn năm của nhân dân Việt Nam và tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau”¹.

Người và sự nghiệp cách mạng của Người - một trong những vĩ nhân của thế kỉ XX đã thu hút được nhiều học giả trong nước và thế giới tìm hiểu, nghiên cứu. Trên cơ sở kế thừa thành quả nghiên cứu của những người đi trước, và với lòng kính yêu vị lãnh tụ, bằng nguồn tư liệu chân thực, chính xác, đã được kiểm nghiệm và sự luận giải của mình, tôi đã biên soạn cuốn sách: Hồ Chí Minh - Những chặng đường cách mạng.

Rất mong nhận được ý kiến đóng góp phê bình của độc giả.

Hà Nội, tháng 5/2009

TS. VĂN THỊ THANH MAI

1. Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990, tr9-10.

PHẦN I
HỒ CHÍ MINH -
NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG CÁCH MẠNG

TỪ LÀNG SEN ĐẾN BẾN NHÀ RỒNG (1890-1911)

Chủ tịch Hồ Chí Minh, tên thời thơ ấu là Nguyễn Sinh Cung, sinh ngày 19-5-1890, tại quê mẹ là làng Hoàng Trù (còn gọi là làng Trù), thuộc xã Chung Cự, tổng Lâm Thịnh, nay thuộc xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Mang đậm dấu ấn truyền thống vùng đất xứ Nghệ, nhân dân Kim Liên giàu lòng yêu nước, cần cù trong lao động, tình nghĩa trong cuộc sống và kiên cường, bất khuất trước kẻ thù.

Hoàng Trù - quê ngoại của Nguyễn Sinh Cung - là một trong bảy làng của xã Chung Cự ngày xưa, nằm ven tỉnh lộ số 49 Vinh - Nam Đàn - Thanh Chương - Đô Lương, ở về phía Tây, cách thành phố Vinh 13 km. Hoàng Trù nằm gần sông Lam giữa một vùng sơn thủy hữu tình. Từ làng Trù, nhìn về phía Đông là núi Quyết của thành phố Vinh, phía Nam là dãy núi Hồng Lĩnh và núi Thành gắn với tên tuổi người anh hùng Nguyễn Biểu; phía Tây là núi Hùng Sơn, còn gọi là Rú Đụn, và xa hơn là một màu xanh của dãy Thiên Nhân; phía Bắc là dãy núi Đại Huệ. Cảnh núi sông đẹp, nhưng Hoàng Trù nghèo, bởi nắng lên là hạn, mưa to mấy ngày là lụt. Dân Hoàng Trù vừa làm ruộng, vừa phải làm nhiều nghề phụ khác, như mộc, rèn, dệt vải,... mà cuộc sống vẫn đầy khó khăn.

Quê nội của Nguyễn Sinh Cung là làng Kim Liên, còn có tên nôm là làng Sen. Kim Liên cách Hoàng Trù 2 km, nằm cạnh một quả đồi không cao nhưng bà con vẫn quen gọi là núi Chung. Giống như Hoàng Trù, Kim Liên đất cũng xấu và dân cũng nghèo, nhưng có nhiều sen; sen trắng, sen hồng tỏa hương làm mát dịu không khí cả một vùng. Kim Liên là vùng đất có nhiều di tích lịch sử và anh hùng hào kiệt. Nơi đây, trong tầm mắt của mình, từ núi Chung nhìn về phía Tây là Rú Đụn (Hùng Sơn) có “cây mọc tựa gươm bay giáo dựng” như một đoàn quân dũng chiến. Phía đông nam núi Chung là núi Lam Thành, nơi Nguyễn Biểu, một sứ thần đời hậu Trần (thế kỷ thứ XV), đứng trước kẻ thù đã “không run sợ, nét mặt vững vàng, lời nói mạnh bạo” làm cho tướng giặc Minh là Trương Phụ phải e ngại. Tám gương sáng ngời khí tiết của ông còn lưu truyền lại qua sự tích “ăn cỏ dầu người”. Phía tây nam núi Chung là dãy Thiên Nhân (nghìn đỉnh) uốn lượn như “đàn ngựa ruổi quanh”. Nơi đây Lê Lợi, Nguyễn Trãi xây thành Lục Niên trong thời chống quân xâm lược nhà Minh. Nghĩa quân Lam Sơn đã ghi vào lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc những chiến công hiển hách trên đất Nghệ An. Cách núi Chung khoảng 3 km về phía

Đông là làng Thái Xá (nay thuộc xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An) quê tổ của người anh hùng áo vải Quang Trung - Nguyễn Huệ. Phía Bắc núi Chung là các làng Xuân Hồ, Xuân Liễu, nằm dưới dãy Đại Huệ, nơi tập kết nghĩa binh của Hội văn thân Nghệ Tĩnh làm lễ tế cờ, mở đầu cuộc khởi nghĩa Giáp Tuất (1897). Đây cũng là vùng từng bị giặc Pháp tàn sát, thiêu huỷ tan hoang.

Nhiều vô cùng những câu chuyện kể về những di tích lịch sử trong huyện trong tỉnh, những nơi đã từng chống chọi với các thế lực bành trướng phong kiến phương Bắc và bọn đế quốc phương Tây. Và cậu bé Cung thuở nhỏ mỗi khi ra lò rèn của Cổ Điền chơi, ngoài việc được nghe những câu chuyện trạng tiểu lâm còn ấn tượng mãi về những câu chuyện lịch sử về những cuộc khởi nghĩa, những trận đánh ác liệt chống lại kẻ thù. Đó là những sự kiện về phong trào Cần Vương, là năm 1885, vua Hàm Nghi cùng Tôn Thất Thuyết và những người thuộc phái chủ chiến đã mở cuộc tiến công quyết liệt vào quân đội Pháp ở Huế. Sau khi rút khỏi kinh thành Huế, đức vua chạy ra Quảng Trị, xuống chiếu Cần Vương, kêu gọi nhân dân chống Pháp. Hưởng ứng chiếu Cần Vương, ở làng Sen, Vương Thúc Mậu cũng đứng ra lập đội quân mang tên Chung nghĩa binh (đội nghĩa quân núi Chung) đánh nhau với quân Pháp nhiều trận. Sau bị giặc vây bắt, khí tiết anh hùng của ông lúc tuấn tiết còn lưu truyền mãi. Con ông là Vương Thúc Quý, nối nghiệp cha, sau cũng hăng hái tham gia phong trào yêu nước chống thực dân Pháp của Phan Bội Châu.

Đó cũng còn là niềm tự hào của cậu bé Cung khi được biết, ngay trong họ Nguyễn Sinh của mình cũng có người gia nhập nghĩa quân Phan Đình Phùng. Đó là ông Nguyễn Sinh Quyển, một “Chung nghĩa binh” dưới lá cờ Cần Vương của Vương Thúc Mậu. Sau khi cụ Vương Thúc Mậu tử tiết, ông cùng một số bạn chiến đấu vượt sông, lội suối, trèo non vào tận núi Vụ Quang (huyện Hương Khê, Hà Tĩnh) gia nhập nghĩa quân Phan Đình Phùng. Khi cuộc khởi nghĩa Hương Khê bị đàn áp, ông bị giặc bắt giải về tận làng Sen xử chém. Khí tiết và tấm lòng yêu nước của ông trước lưỡi gươm của kẻ thù là hình ảnh không bao giờ phai mờ trong tâm trí của nhân dân làng Sen.

Quê hương làng Sen của Nguyễn Sinh Cung còn có Hoàng Phan Thái, người huyện Nghi Lộc, cách Nam Đàn không xa, thi hương đỗ đầu xứ Nghệ, được các nhà Nho kính trọng, gọi là “đầu xứ Thái”. Nhưng Hoàng Phan Thái không lập thân bằng văn chương trong khi đất nước đang rên xiết dưới ách thống trị tàn bạo của kẻ thù. Nghe tin Tự Đức ký nhượng các tỉnh Nam Bộ cho Pháp, ông vô cùng căm giận. Ông chiêu tập nghĩa binh, tự xưng là “Đông hải Đại tướng quân”, quyết chống lại sự đầu

hàng của triều đình nhà Nguyễn.

Không chỉ giàu truyền thống đấu tranh anh dũng chống lại kẻ thù, địa danh Kim Liên còn tự hào là đất văn vật, chốn thi thư. Tuy nghèo và cuộc sống vô cùng lam lũ, vất vả nhưng Kim Liên mang truyền thống hiếu học của xứ Nghệ. Từ năm 1635 đến năm 1918, qua 96 khoa thi Hương và thi Hội, làng Kim Liên đã có 53 người đỗ đạt¹. Trong làng, nhiều người mở lớp chữ Hán để dạy học trò. Tuy số khoa bảng không nhiều, nhưng nho sĩ ở làng Kim Liên khá đông, và Kim Liên trở thành nơi lui tới của các nho sĩ quanh vùng. Đầu thế kỷ XX, đất Nam Đàn có 4 người học giỏi, được gọi là “tứ hổ”, và một trong số đó là ông Vương Hữu Lương - người làng Kim Liên. Trong bài văn mừng ông Nguyễn Sinh Huy đỗ Phó bảng, cử nhân Vương Thúc Quý người làng Kim Liên từng tự hào viết rằng: “*Làng ta, đất văn vật, chốn thi thư*”.

Cả hai làng Kim Liên và Hoàng Trù còn là đất “hát phường vải” - một sinh hoạt văn hóa dân gian đã có từ lâu đời. Hát phường vải là nguồn vui trong lao động, là dịp để con trai con gái qua lời thơ tiếng hát mà thử tài ứng đối, thể hiện trí thông minh, hóm hỉnh của mình. Bà Hoàng Thị An, dì của Nguyễn Sinh Cung cũng nổi tiếng một thời về tài đối đáp thông minh trong hát phường vải.

Ông ngoại Nguyễn Sinh Cung là Hoàng Xuân Đường, một nhà nho tuy chỉ đỗ “nhị trường”², nhưng dân làng vẫn yêu mến gọi là cụ Tú Đường. Cụ mở lớp dạy chữ Hán ngay tại nhà cho một số con em trong làng.

Bà ngoại của bé Cung là Nguyễn Thị Kép, làm ruộng và dệt vải để nuôi gia đình. Gốc tích dòng họ của bà theo gia phả họ Hoàng là ở thôn Nội, xã Hoàng Vân, tổng An Lạc, huyện Kim Động, phủ Khoái Châu, trấn Sơn Nam, nay là thôn Vân Nội, xã Hồng Tiên, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Phụ thân của Nguyễn Sinh Cung là ông Nguyễn Sinh Sắc, sinh năm 1862³, quê ở làng Kim Liên cùng thuộc xã Chung Cự, cách Hoàng Trù 2 km (nay thuộc xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An), là con vợ thứ

1. Song Thành (chủ biên), Hồ Chí Minh Tiểu sử, Nxb. Lý luận Chính trị, H, 2006, tr.14

2. Mỗi khóa thi hương ngày xưa thường có 3, 4 kỳ thi, vượt kỳ 1 mới được vào kỳ 2. Đỗ “nhị trường” là mới đỗ hai kỳ. Người nào đạt “tam trường” được lấy đỗ tú tài, đạt cả bốn trường được lấy đỗ cử nhân.

3. Trước đây có sách ghi là năm 1863, nhưng các văn bản của triều Nguyễn bổ nhiệm ông, cũng như danh sách trúng tuyển kỳ thi Hội năm Thành Thái thứ 13 đều ghi ông sinh năm Nhâm Tuất (1862). Qua nhiều nguồn hỏi kỹ cho biết: ông Nguyễn Sinh Sắc lên 3 tuổi (tuổi âm lịch) thì bố là Nguyễn Sinh Vượng mất (7-1864). Từ đó, chúng tôi cho rằng ông Sắc sinh năm 1862.

của ông Nguyễn Sinh Nhậm và bà Hà Thị Hy, người làng Mậu Tài, xã Chung Cự.

Ông nội của Nguyễn Sinh Cung tên là Nguyễn Sinh Nhậm (còn có tên là Nguyễn Sinh Vương), thuộc đời thứ mười của họ Nguyễn Sinh. Đó là một con người cao lớn, khỏe mạnh, có học, tính tình vui vẻ, nhân hậu, luôn sẵn sàng giúp đỡ những người gặp khó khăn. Ông lập gia đình sớm, sinh được một người con trai, đặt tên Nguyễn Sinh Trợ, sau đổi là Nguyễn Sinh Thuyết. Tuy nhiên, khi Trợ đến tuổi thiếu niên thì mẹ mất. Rất lâu sau khi mãn tang vợ, ông Nhậm đã gấn bó cuộc đời mình với bà Hà Thị Hy. Hai năm sau, bà Hy sinh con trai. Cậu bé được đặt tên là Nguyễn Sinh Sắc. Nhưng khi Nguyễn Sinh Sắc tròn ba tuổi, bà Hà Thị Hy qua đời và chỉ một năm sau khi bà Hy mất, ông Nguyễn Sinh Nhậm vì không vượt nổi sự đau buồn, nên đã nhuốm bệnh và không lâu thì mất.

Mồ côi cả mẹ lẫn cha, Nguyễn Sinh Sắc sống với gia đình người anh là Nguyễn Sinh Trợ. Sau hai đại tang liên tiếp, cơ ngơi gia đình càng sa sút, Nguyễn Sinh Sắc đã phải cùng anh chị làm đồng áng, làm lụng nuôi nhau. Nhà của anh chị cũng neo người mà công việc nhà nông thì luôn tất bật, nên dù đã mười ba, mười bốn tuổi, cậu Sắc vẫn không thể đi học. Tuy phải chăn trâu, cắt cỏ, và bận với nhiều công việc vặt khác, nhưng khi nào Sắc cũng nghĩ đến việc học và vì không có điều kiện đến lớp, nên cứ mỗi buổi sáng, khi đi qua lớp học của thầy Tú Mậu (tức Vương Thúc Mậu, đỗ Tú tài), Sắc thường dừng lại một chốc để lắng nghe, hoặc lời giảng của thầy, hoặc lời kể bài và dịch nghĩa của học trò.

Ngày ấy, cụ Hoàng Đường hay qua lại thăm bạn là Vương Thúc Mậu ở làng Sen. Vào dịp tết Mậu Thìn (1878), trên đường qua Kim Liên, cụ thấy một cậu bé đang say sưa đọc sách trên lưng trâu, trong khi các đám trẻ đang mãi mê vui đùa. Thương một thiếu niên mồ côi, quý đức tính cần cù, ham học, lại hiểu rõ gia cảnh của Nguyễn Sinh Sắc, cụ Hoàng Xuân Đường bèn bàn với người anh Nguyễn Sinh Thuyết (Trợ) xin đem về nuôi, cho ăn học. Lúc đầu anh Thuyết còn phân vân, cuối cùng đã chấp nhận để người em cùng cha khác mẹ với mình về sống tại nhà cụ Đường.

Về làng Chùa, Nguyễn Sinh Sắc được gia đình cụ Hoàng Đường chăm sóc chu đáo và được gửi tới làng Đông Chũ, xã Thịnh Trương (nay là xã Nghi Trường, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An) để học thầy Nguyễn Thúc Tự, là một nhà nho giàu lòng yêu nước và nổi tiếng uyên bác. Nhờ chăm học lại được thầy hết lòng dạy bảo, Nguyễn Sinh Sắc được dân làng trong xã so sánh với Nguyễn Đậu Tài, người học giỏi nổi tiếng ở làng Sen. Nguyễn Sinh Sắc ngày càng được mọi người yêu mến vì anh vừa học giỏi vừa lễ độ, dễ gần. Làng Chùa đối với anh là quê hương thứ hai, và cụ Hoàng Đường là người

cha đỡ đầu kính yêu của mình. Gia đình cụ Hoàng Đường cũng vào hạng trung lưu, cụ bà cùng với hai người con gái là Hoàng Thị Loan và Hoàng Thị An làm ruộng và dệt vải. Trong ngôi nhà gỗ, lợp tranh của gia đình cụ, hai gian ngoài được dành làm nơi dạy học của cụ ông. Do có lớp học trong nhà, nên cụ bà và hai cô con gái cũng biết ít chữ nghĩa.

Mấy năm sau, thấy Nguyễn Sinh Sắc say mê học hành, chăm chỉ lao động, cụ Hoàng đã không câu nệ tập tục phong kiến, bàn với cụ bà chọn Sắc làm con rể. Năm 1883, hai cụ đã cho Nguyễn Sinh Sắc thành hôn với người con gái đầu Hoàng Thị Loan, và dựng cho hai vợ chồng một căn nhà nhỏ ba gian ở góc vườn phía Tây nhà mình. Đôi vợ chồng trẻ được ở riêng trong ngôi nhà tranh ba gian xinh xắn, bên cạnh gia đình cha mẹ vợ. Ông Sắc vừa giúp vợ làm ruộng, vừa chăm chỉ học tập. Là một phụ nữ cần mẫn đảm đang, giàu lòng thương người, bà đã sinh con gái đầu lòng Nguyễn Thị Thanh (Nguyễn Thị Bạch Liên) năm 1884 và người con thứ hai là Nguyễn Sinh Khiêm, (Nguyễn Tất Đạt) năm 1888¹. Nguyễn Sinh Cung là con thứ ba trong gia đình, sinh năm 1890 (trong đơn xin vào học trường Thuộc Địa ngày 15-9-1911, Nguyễn Tất Thành khai sinh năm 1892), chào đời vào lúc thực dân Pháp đã đặt ách cai trị lên toàn cõi Việt Nam, và lớn lên trong sự yêu thương, chăm sóc của ông bà, cha mẹ, dì An và anh chị cùng với truyền thống tốt đẹp của quê hương, đất nước.

Lúc này, phong trào khởi nghĩa chống Pháp theo hịch Cần Vương của vua Hàm Nghi tuy bị đàn áp, nhưng thực dân Pháp vẫn không dập tắt được tiếng súng kháng chiến của nghĩa quân Phan Đình Phùng ở Nghệ Tĩnh và Hoàng Hoa Thám ở Yên Thế. Ngay ở vùng Nghệ Tĩnh, nhiều sĩ phu yêu nước vẫn đang ngày đêm lo nghĩ về con đường cứu dân cứu nước thoát khỏi vòng nô lệ.

Cũng trong những năm tháng đó, ông Nguyễn Sinh Sắc ngày đêm "dùi mài kinh sử" và dự thi Hương lần đầu ở Nghệ An, khoa Tân Mão (1891), nhưng chỉ đậu nhị trường (các kỳ thi hương, thi hội, các thí sinh đều phải trải qua 4 bước: nhất trường, nhị trường, tam trường và tứ trường, tức là phúc hạch. Tứ trường là giai đoạn cuối cùng để phân định

1. Chị và anh của Nguyễn Sinh Cung đều là những người yêu nước và có tham gia phong trào yêu nước. Bà Nguyễn Thị Thanh đã từng nuôi giấu các thủ lĩnh nghĩa quân chống Pháp, bí mật vận động tiếp tế lương thực cho nghĩa quân và tham gia Duy Tân hội. Năm 1918 bị thực dân Pháp bắt, đày di Quảng Ngãi, sau đó đưa về quản thúc ở Huế. Còn ông Nguyễn Sinh Khiêm đã từng tham gia biểu tình chống thuế ở Thừa Thiên, sau về quê tham gia phong trào Duy Tân. Năm 1914, Nguyễn Sinh Khiêm bị thực dân Pháp bắt, đày di Nha Trang, rồi đưa về quản thúc ở thôn Phú Lễ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên.

học vị). Không nản chí, ông lại cố gắng “dùi mài kinh sử” để chờ khoá thi sau. Vì vậy, ngày đêm ông lao vào việc học. Mọi công việc, đồng áng, nhà cửa, con cái một mình do bà Loan lo liệu. Bà rất vui lòng, chỉ mong chồng toàn tâm, toàn lực tập trung cho việc học để kỳ thi sau đỗ đạt cao hơn, và có thể tìm nơi dạy học để có thêm điều kiện dạy dỗ con cái.

Ngày 22-5-1893 (tức ngày 7 tháng 4 năm Quý Ty), cụ Hoàng Xuân Đường lâm bệnh nặng và qua đời. Khi cụ mất đi, ông Nguyễn Sinh Sắc vừa phải thay bố vợ duy trì lớp học, vừa phải ôn luyện chuẩn bị cho kỳ thi Hương sắp tới. Và tháng 6 năm 1894, ông Nguyễn Sinh Sắc đã đậu cử nhân, kỳ thi Hương tại trường thi Nghệ An¹. Kỳ thi này, ở Nghệ An có hơn 2.000 thí sinh dự thi, trong đó có 22 người đậu Cử nhân và riêng huyện Nam Đàn đậu 8 người.

Tin ông Sắc đậu Cử nhân lan nhanh về làng Hoàng Trù, ai ai cũng mừng vì làng mình có người đỗ đạt. Theo truyền thống, dân làng định tổ chức lễ ăn mừng thật to chào đón ông tân khoa Cử nhân, song vốn tính khiêm nhường, ông Sắc xin bà con không tổ chức ăn mừng mà chỉ làm lễ bái ở nhà thờ. Ông chỉ biện trâu rượu để báo tin với làng xã và dù đậu cử nhân, ông Nguyễn Sinh Sắc vẫn giữ nếp sống và thái độ cư xử thân mật, gần gũi với bà con trong xóm, ngoài làng.

Sau khi đỗ cử nhân năm 1895, ông Sắc vào Huế thi Hội² nhưng không đỗ. Quyết chí học hành cho đến nơi đến chốn, ông xin vào học trường Quốc Tử Giám (là trường dành riêng cho con cái tôn thất, quan lại cao cấp và những cử nhân đã thi hội trung một kỳ có thể được nhận và học theo chế độ nội trú) lúc bấy giờ đặt ở làng An Ninh Thượng, cách thành phố Huế 7 km về phía Tây. Hồi đó những người ở tỉnh xa vào học Quốc Tử Giám phải khá giả mới có tiền trọ học. Còn những người nghèo thường phải đưa cả gia đình đi theo, để vừa học vừa kiếm sống nuôi nhau. Được tiếp nhận vào trường, cuối năm 1895, ông Sắc trở về làng, đưa vợ và hai con trai cùng vào Huế.

Từ bé, bà Hoàng Thị Loan gắn bó với làng xóm, quê hương, ruộng vườn và nghề canh cửi. Bà không muốn rời xa mẹ, xa nơi “chôn nhau cắt rốn”, nhưng vì con đường học hành, thi cử của ông Sắc, bà gửi con gái

1. Trong danh sách khoa thi Hương năm Giáp Ngọ, năm Thành Thái thứ 6 có ghi Nguyễn Sinh Sắc đậu Cử nhân.

2. Dưới thời Nguyễn, thi Hương ba năm tổ chức một lần vào các năm Tý, Mão, Ngọ, Dậu, tại nhiều địa phương như Hà Nội, Nam Định, Thanh Hoá, Nghệ An, Thừa Thiên, Bình Định,...v. để chọn cử nhân và tú tài. Thi Hội ba năm một lần vào các năm Sửu, Mùi, Thìn, Tuất được tổ chức tại kinh đô để chọn Tiến sĩ và Phó bảng.

Nguyễn Thị Thanh ở lại nhờ mẹ mình nuôi và đưa hai con nhỏ vào Huế. Sau 5 năm sống ở quê hương, Nguyễn Sinh Cung cùng anh, theo cha mẹ vào sống ở kinh đô Huế. Từ Vinh vào Huế đồi núi trập trùng, non xanh nước biếc. Vất vả nhiều ngày đường, gia đình ông Sắc mới tới được kinh đô Huế. Tới Huế, lúc đầu gia đình ông ở nhờ những người quen. Nhưng sau mấy tháng, ông Sắc tìm thuê được căn nhà trong Thành Nội (nay là số nhà 112, đường Mai Thúc Loan). Đây là nơi cậu Nguyễn Sinh Cung đã cùng cha mẹ và anh trai sống trong những năm tháng đầu tiên khi mới vào Huế.

Ở Huế, bà Hoàng Thị Loan làm nghề dệt vải, còn ông Nguyễn Sinh Sắc, ngoài thời gian đọc sách và làm bài, nhờ quan hệ rộng rãi, lại là người giỏi chữ, nên được nhiều người nhờ dạy kèm con cháu là học trò, hoặc được các gia đình khá giả mời đến dạy chữ cho con cháu họ. Cuộc sống gia đình ông Sắc do sự chăm chỉ, thu vén của hai ông bà, cảnh nghèo khó buổi ban đầu đã được khắc phục dần dần. Trong khi ông Sắc dồn tâm cho việc học hành của mình và dạy thêm cho hai con trai, thì bằng tấm lòng nhân hậu, bằng cả tình yêu thương của người vợ, người mẹ, bà Loan đã góp phần dệt nên cái nền cuộc đời, sự nghiệp của chồng và của những người con, đặc biệt là Nguyễn Sinh Cung. Nhân cách, đức độ và ý chí kiên cường của những người con ông Sắc được nuôi dưỡng bởi những truyền thống ngàn đời của quê hương đất nước, của vùng quê xứ Nghệ; của ý chí và sự kiên nhẫn của người cha, của tâm hồn, tình cảm người mẹ hiền một đời tận tảo. Được sống trong bầu không khí trong lành đó, ngay từ khi còn nhỏ, cậu bé Khiêm và cậu bé Cung đã biết nói những điều hay, làm những việc tốt, giàu lòng vị tha, nhân ái, chan hoà trong nghĩa cử đồng bào.

Sau này, tiếng hát, lời ru của bà ngoại, của người mẹ, người dì và những tâm tình từ quê nhà đã theo Người suốt chặng đường bốn ba nơi đất khách, quê người. Và Người đã từng kể lại, một đêm khuya vắng ở Xiêm (Thái Lan), nghe người mẹ Việt Kiều ru con, nỗi lòng Người trào dâng cảm xúc nhớ về Tổ quốc: “Xa nhà chốc mấy mươi niên. Đêm qua nghe tiếng mẹ hiền ru con”.

Thời gian gia đình ông Sắc sống ở Huế (1895-1897), cũng là những năm Thừa Thiên Huế liên tiếp xảy ra hạn hán, nạn đói và bệnh dịch tả. Cuộc sống người dân xứ Huế nói chung, và cuộc sống của gia đình ông Sắc nói riêng vô cùng khó khăn, vất vả. Đến năm 1898, ông Nguyễn Sinh Sắc dự kỳ thi Hội lần thứ hai (khoa Mậu Tuất), song vẫn không đỗ. Cuộc sống đời thường càng khó khăn, lận đận hơn khi thi trượt lần này, ông Sắc không được hưởng học bổng của trường Quốc Tử Giám nữa. Giữa lúc đó, ông Nguyễn Sinh Sắc được giới thiệu về Dương Nỗ dạy học trong nhà ông

Nguyễn Sĩ Độ. Khi ấy, ông mang theo hai con trai là Nguyễn Sinh Khiêm và Nguyễn Sinh Cung về Dương Nỗ để trực tiếp dạy dỗ, phân để đỡ gánh nặng kinh tế, khó khăn cho gia đình, phân để có thêm điều kiện ôn bài chuẩn bị kỳ thi Hội lần thứ 3. Còn bà Loan vẫn ở lại một mình trong ngôi nhà ở Thành Nội - Huế.

Ông Sắc được gia đình ông Độ giao cho một ngôi nhà tranh 3 gian 2 chái, vách ghép ván để làm lớp học và làm chỗ ở của ông và hai con. Gian giữa đặt án thờ để thờ nhạc mẫu của ông Độ. Phía trước kê một bộ phản gỗ gõ là nơi ông Sắc ngồi dạy học, một án thư ông Sắc để sách vở, nghiên mực, bút, tiếp tục ôn bài vở. Lớp học không có bàn ghế, hai bộ phản gỗ kê ở hai gian bên để học trò ngồi học. Góc trong gian bên trái kế gian giữa có kê một giường gỗ gõ, dát tre là nơi Nguyễn Sinh Khiêm, Nguyễn Sinh Cung thường nằm. Hàng ngày, ông Sắc thường gọi hai anh em Khiêm, Cung dậy sớm ôn bài, quét dọn nhà cửa, sân vườn sạch sẽ ngăn nắp, gọn gàng.

Học trò của ông Sắc lúc bấy giờ có hai lớp, (lớp học trò lớn chuẩn bị thi Hương và lớp học trò mới vào học vỡ lòng). Nội dung và những bài giảng của ông Sắc bao gồm thơ phú, tứ thư, ngũ kinh. Tại ngôi nhà đơn sơ mộc mạc này, ông Sắc đã dạy cho Nguyễn Sinh Cung bắt đầu học chữ Hán, tập viết chữ đầu tiên trong cuốn sách Tập đồ hàng tư. Đây là loại sách dùng cho học trò mới bắt đầu học chữ Hán, mỗi trang có 4 hàng chữ to, Trang sách in màu đen chữ trắng. Học trò dùng bút lông chấm son đỏ để tập đồ từng nét chữ, phải đồ thế nào để một nét là đúng hình dáng và in vừa khít vào nét trắng. Người cùng thời kể lại, tuy mới 8 tuổi, nhưng cậu bé Cung rất thông minh, nhanh nhẹn và có trí nhớ khác thường. Là một cậu bé hiếu động, chẳng mấy khi Cung chịu ngồi yên. Khi được cha giao các bài học, Nguyễn Sinh Cung chỉ đọc ba bốn lần là thuộc hết¹.

Năm 1900, ông Nguyễn Sinh Sắc được cử đi coi thi ở trường thi hương Thanh Hóa. Đối với ông Sắc, đây là một đặc ân, bởi vì thông thường các nho sĩ mới đậu bằng cử nhân chưa được vào hội đồng giám khảo các khoa thi. Nhưng có lẽ, do ông cử Sắc tính tình cẩn thận và liêm khiết, tiến sĩ Trần Đình Phong (quê ở Yên Mã, Mã Thành, huyện Yên Thành Nghệ An), phó chủ khảo trường thi Thanh Hoá đã tin nhiệm ông Sắc. Khi đó, ông Sắc đưa cậu Khiêm cùng đi để đỡ dẫn ông, còn Nguyễn Sinh Cung thì về sống với mẹ trong nội thành Huế.

1. Theo lời kể của người nhà ông Nguyễn Sĩ Khuyến, có một hôm ông Nguyễn Sinh Sắc đi vắng. Nguyễn Sinh Cung cất sách đi chơi. Bạn bè nhắc Cung học bài thì Nguyễn Sinh Cung đã đọc thuộc lòng một mạch 7 trang sách cho các bạn nghe. Ngoài ra cậu còn sáng luận ngữ mỗi ngày học 4 tờ, mỗi tờ 18 dòng, mỗi dòng 10 chữ chỉ đọc vài lần người đã hiểu nghĩa.

Cuối năm 1900, bà Hoàng Thị Loan sinh người con thứ tư, đặt tên Nguyễn Sinh Xin. Trong khi cha và anh đi vắng, Nguyễn Sinh Cung vừa tự học, vừa giúp mẹ chăm sóc bé Xin. Cũng mùa đông năm ấy, sau khi hoàn thành công việc ở trường thi Thanh Hóa, ông Sắc và cậu Khiêm trở về Kim Liên thăm những người thân, bà con làng xóm, và sửa sang mộ mã cha mẹ (Nguyễn Sinh Nhậm và bà Hà Thị Hy) ở Kim Liên, thì ngày 22 tháng chạp năm Canh Tý (tức ngày 10-2 năm 1901) bà Hoàng Thị Loan lâm bệnh nặng và ra đi ở tuổi 33.

Vì mất vào những ngày giáp Tết, nên thi hài bà được bà con lối phố lạng lẽ đưa xuống thuyền qua cống Thanh Long, theo sông Đông Ba, ra sông Hương, rồi ngược dòng sông Hương về sông An Cựu. Đến gần ngã ba Giàng Xay, thi hài bà được gánh bộ theo đường Ngự Bình và phần mộ bà được đặt trên thềm cao của ngọn núi Tam Tầng, thuộc dãy Ngự Bình, mặt tiền ngoảnh về đỉnh núi Bán.

Nguyễn Sinh Cung đón xuân Tân Sửu (1900) trong cảnh mẹ mất, vắng cha, vắng chị và anh. Mới hơn 10 tuổi, Nguyễn Sinh Cung đã phải chứng kiến những giây phút đau thương mất mát quá lớn. Phải vĩnh biệt người mẹ dăm đang, hết mực thương yêu chồng, con và nhân đức; đồng thời phải thay mẹ nuôi em từng ngày chờ bố trở lại Huế, cậu bé Cung phải bế em đi xin sữa. Trong khi đó, ở quê nhà, nhận được tin vợ qua đời, ông Nguyễn Sinh Sắc vô cùng đau đớn, vội vã trở lại Huế, đưa các con trở về quê. Sau khi lo liệu cho vợ chu đáo, và thu xếp tạm ổn cuộc sống cho các con ở quê nhà, nghe lời khích lệ của bà con trong họ, ngoài làng, ông Sắc lại tạm biệt quê hương, vào Huế dự kì thi Hội, năm Tân Sửu đời Thành Thái thứ 13 (tức năm 1901).

Lần đi thi này ông mang tên mới là Nguyễn Sinh Huy và ông đã đậu Phó bảng, đồng khoa với Tiến sĩ Ngô Đức Kế và Phó bảng Phan Chu Trinh¹. Việc ông Huy đỗ Phó bảng đã đem lại niềm vui lớn cho gia đình, là niềm tự hào của dòng họ Nguyễn Sinh ở làng Kim Liên, và đó cũng chính là sự đền đáp công ơn gia đình cụ Hoàng Xuân Đường đã hết lòng nuôi dạy chăm sóc. Đã lâu lắm tổng Lâm Thịnh mới có một người đỗ Phó bảng, dân làng nô nức chuẩn bị trống cờ, võng lọng đi rước quan Phó bảng

1. Sách *Quốc triều khoa bảng lục* viết về kỳ thi này có những điều đáng chú ý như sau: Có 4 bài đạt 6 điểm ở môn thi thứ ba (tam trường) của các ông Lê Ngải, Nguyễn Đình Hiến, Hoàng Đại Bình và Nguyễn Sinh Huy. Ông Nguyễn Sinh Huy được Hội đồng Bộ phúc tra "quảng thú" (lấy nổi rộng). Kỳ thi này có 9 người trúng "đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân" và 13 người trúng "phó bảng". Ông Nguyễn Sinh Huy xếp thứ 11 trong số 13 vị phó bảng kỳ thi ấy, trong số đó có ông Phan Chu Trinh, người Quảng Nam.

Nguyễn Sinh Huy về vinh quy bái tổ, nhưng ông Sắc đã cảm ơn bà con và xin được miễn những nghi lễ.

Theo tập tục địa phương và ý nguyện của bà con dòng họ Nguyễn Sinh, ông Sắc đã vinh quy bái tổ tại làng Sen quê nội. Tuy nhiên, ông và hai con đã ở lại Hoàng Trù một thời gian, rồi mới trở về Kim Liên. Trong khi chờ ông Sắc trở về, làng Kim Liên đã xuất quỹ công ích mua một ngôi nhà năm gian bằng gỗ, lợp tranh đem về dựng trên đất công, gần giếng (ốc). Ông Nguyễn Sinh Trợ cũng dựng cho em ba gian nhà nhỏ (dùng làm nhà ngang). Làng Sen vui như ngày hội. Từ già chí trẻ, ai cũng tự hào vì lần đầu tiên trong xã có người đậu đại khoa¹. Về làng Sen, ông Phó bảng làm lễ “vào làng” cho hai con trai với tên mới, Nguyễn Sinh Cung là Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Sinh Khiêm là Nguyễn Sinh Đạt.

Là quan Phó bảng, nhưng cách sinh hoạt của ông Huy và anh em Tất Thành và Tất Đạt cũng không có gì khác trước. Mức sống ấy làm cho mọi người trong gia đình ông Sắc gần gũi với dân nghèo trong làng, dù thời ấy, ai cũng quý trọng học vị nhà nho và gọi ông Sắc là quan Phó bảng. Có lần khách đến thăm nhà, hỏi tên các con, ông Sắc đã nói đùa “anh tên Khom, cu em tên Công, “Khom Công mà”. Cuộc sống thanh bạch, đạm bạc của gia đình “quan phó bảng” đúng như những chữ ông viết lên xà nhà: “Vật di quan gia vì ngô phong dạng”, nghĩa là đừng lấy phong cách nhà quan làm phong cách nhà ta. Và dù vốn chữ Hán chưa nhiều, song ba người con cũng hiểu được tư tưởng của ông. Lời nói đi đôi với việc làm, ông dạy con không xa rời lao động chân tay, ngày ngày ngoài giờ dạy học, ông cùng các con chăm sóc mảnh vườn để cải thiện cuộc sống.

Gần nhà ông Phó bảng Nguyễn Sinh Huy là nhà ông cử nhân Vương Thúc Quý. Thầy Quý đỗ cử nhân nhưng không ra làm quan, mà ở nhà mở trường dạy học và đó là nơi lui tới của các sĩ phu yêu nước trong vùng. Trong số những người lui đến nhà ông, có các ông Phan Bội Châu, Đặng Thái Thân... là những người yêu nước, có tư tưởng chống Pháp. Cảm phục ý chí của thầy Quý, ông Nguyễn Sinh Huy quyết định gửi Tất Thành sang học với thầy Vương Thúc Quý. Ông muốn Tất Thành được học chữ của thầy, và quan trọng hơn, đó là học ở thầy tấm lòng yêu nước, thương dân và ý chí căm thù giặc sâu sắc.

Mặc dù sống trong vòng kiểm soát chặt chẽ của bộ máy thống trị từ làng đến tỉnh, nhưng thầy Quý vẫn dạy cho học trò tư tưởng yêu nước,

1. Tính từ đời vua Lê Trung Hoà (1635), cả thi Hương lẫn thi Hội gồm 96 khoa, xã Chung Cự có 193 vị đậu cử nhân và tú tài, chỉ có ông Sắc là đậu hội, đại khoa.

thương dân và ý chí “làm trai phải giúp ích cho đời”. Thầy thường gửi gắm tâm sự yêu nước và lòng căm thù giặc vào những bài giảng cho học trò. Chuyện kể rằng, trên bàn thờ phía trong lớp học nhà thầy Quý thường có khói hương, đèn nến thờ cụ Vương Thúc Mậu. Một lần thắp đèn, dầu sánh ra, thầy Quý liền ra cho học trò một vế đối: **Thắp đèn lên dầu vương ra để**. Một học trò lớn tuổi trong lớp xin đối và đối rất chỉnh: **Đốt nhang rồi gió quạt bay tàn**. Tuy nhiên khi trò Nguyễn Tất Thành xin đối: **Cưỡi ngựa dong thẳng Tấn lên Đường**, thầy Quý đã khen cả hai câu đối, nhưng với câu sau, thầy cho rằng đối thoát hơn, nhiều ý hơn, không gò bó với nghĩa đen của từng từ trong vế đối.

Học với thầy Quý, Tất Thành cảm thấy rất thoải mái, dễ hiểu vì thầy không nề cổ, không bắt học trò nhồi sọ cổ văn theo lối “tầm chương trích cú”. Nhiều hôm nhà có khách là những nho sĩ trong vùng, Tất Thành thường được thầy Quý lưu lại giúp đun nước, pha trà, tiếp nước cho những vị khách đặc biệt ấy... Nhờ đó, Nguyễn Tất Thành được nghe những câu chuyện, sớm thấu hiểu thời cuộc và sự day dứt của các bậc cha chú trước cảnh nước mất nhà tan.

Trong những người mà ông Sắc thường gặp gỡ có ông Phan Bội Châu, quê ở thôn Đan Nhiệm, tổng Xuân Liễu, huyện Nam Đàn, chỉ cách làng Sen chừng 4 km. Nguyễn Tất Thành rất kính phục ông. Mỗi khi ông qua nhà thầy Vương Thúc Quý, nhà ông Phó bảng Nguyễn Sinh Huy ngậm vị thơ phú và luận bàn thế sự, ông Huy rất tâm đắc với ông Phan về tấm lòng yêu nước, và quyết tâm cứu nước, cứu dân. Ngưỡng mộ bậc tiền bối, sau đó, chị Thanh (Bạch Liên) và anh Khiêm (Tất Đạt) đã có những hành động yêu nước theo gương Phan Bội Châu. Còn với Tất Thành, anh đã nghe, đã thuộc nhiều bài thơ ca chứa chan lòng yêu nước, thương dân của ông; bước đầu tiếp thu tư tưởng yêu nước của ông, của các bậc cha chú thông qua mối quan hệ giữa người cha với các sĩ phu trong vùng.

Năm 1902, sau khi ông Phan Bội Châu ra Bắc liên lạc với nghĩa quân của Hoàng Hoa Thám ở Yên Thế trở về, việc bàn luận kế hoạch cứu nước trong các sĩ phu càng thêm sôi nổi. Đầu năm 1903, ông Nguyễn Sinh Huy được một số thân sĩ mời lên dạy chữ Hán tại nhà ông Nguyễn Thế Văn ở Võ Liệt (Làng Võ Liệt sau này nổi tiếng cách mạng trong phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh) huyện Thanh Chương. Nguyễn Tất Đạt và Nguyễn Tất Thành cùng đi với cha để tiếp tục học chữ Hán. Trong thời gian theo cha học ở Võ Liệt, Tất Thành lại có dịp được nghe chuyện thời cuộc của các sĩ phu đến đàm đạo với cha mình. Và qua những cuộc tiếp xúc của phụ thân với các thân sĩ vùng Thanh Chương, Tất Thành và Tất Đạt càng hiểu rõ hơn nỗi thống khổ của người dân mất nước, sự trăn trở về con đường cứu

nước của các bậc cha anh.

Đầu năm 1904, bà ngoại Nguyễn Tất Thành ốm nặng và qua đời ngày 28 tháng 2 năm Giáp Thìn (ngày 6 tháng 4 năm 1904). Sau kỳ đại tang nhạc mẫu, ông Huy lại sang huyện Đức Thọ (tỉnh Hà Tĩnh) dạy học thay một người bạn thân đang có việc phải đi vắng (tại nhà ông Nguyễn Bá Úy ở thôn Hạ, xã Chính Trung tổng Du Đồng phủ Đức Thọ, nay là xã Đức Đồng, huyện Đức Thọ). Ông đưa Tất Thành cùng đi để kèm cặp. Trong thời gian dạy học, ông Huy đã tổ chức những buổi bình văn thơ, có lúc kéo dài tận khuya. Nguyễn Tất Thành thường chăm chú lắng nghe các buổi bình thơ đó.

Vốn ham hiểu biết, Nguyễn Tất Thành thường tìm đọc những cuốn sách mà các bậc cha chú thường nhắc tới và luôn được phụ thân dẫn đi thăm các di tích lịch sử và các danh lam thắng cảnh trong vùng. 14 tuổi, Tất Thành thường theo cha đến Quỳnh Đôi, một làng nổi tiếng lắm người học giỏi, đỗ đạt cao; được cha đưa đi một số nơi khác như làng Hậu Luật (nay là xã Diễn Bình, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An), xã Trảng Sơn huyện Yên Thành. Thời gian này, ông Sắc còn đưa Tất Thành ra tận phủ Kiến Xương, tỉnh Nam Định (nay là huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình) gặp gỡ nhiều bạn hữu.

Những chuyến đi này sớm mang lại cho Tất Thành nhiều điều bổ ích và những suy nghĩ về thời cuộc, về thân phận những người dân nô lệ trong cảnh nước mất nhà tan.

Trong khi đó, Phan Bội Châu đã lập Duy Tân Hội (1904) và đầu năm 1905, thi hành kế hoạch của Hội, ông vượt trùng dương sang Nhật Bản, khởi xướng phong trào Đông Du. Đây cũng là thời kỳ Nhật Bản đang liên tiếp chiến thắng Nga hoàng trong chiến tranh Nga - Nhật, nên có nhiều người Việt Nam đang hướng về người anh Nhật “đồng chủng” da vàng Đông Á, để nhờ cậy vào sự giúp đỡ của họ. Phan Bội Châu tiêu biểu cho xu hướng đó. Ông đang xúc tiến việc lựa chọn “những thanh niên thông minh ham học, có đức tính chịu kham khổ và kiên quyết không biến đổi” để đưa sang Nhật học. Tuy nhiên, khi Phan Bội Châu cử Nguyễn Thúc Canh đến Kim Liên tìm Nguyễn Tất Thành để rủ đi xuất dương du học (phong trào Đông Du) thì không gặp¹.

1. Trong cuốn *Hồi ký Năm mươi bốn năm hải ngoại* của Trần Trọng Khắc (tức Nguyễn Thúc Canh) có đoạn: “Tôi cùng cụ Sào Nam ở chung một thuyền. Chín mươi ngày sau, lúc các đồng chí đã đến họp, bàn bạc xong, cụ lên đường ra Bắc, tôi... tới trước tới nhà cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc rủ anh Nguyễn Sinh Cung đồng đi, nhưng anh Cung đã đi ra Bắc không được gặp”.

Theo cha di khắp đó đây. Tất Thành càng thấm thía thân phận cùng khổ của người dân mất nước. Thuế khóa vốn đã nặng nề lại còn thêm cảnh đi phu làm đường dây cực nhọc, bệnh tật và chết chóc khủng khiếp. Sớm thấu hiểu nỗi đau khổ của đồng bào và có chí đánh đuổi kẻ thù để cứu dân, cứu nước, câu hỏi “làm thế nào để cứu nước” cứ nung nấu trong tâm trí Tất Thành.

Trong khi đó, tháng 9-1908, thi hành Điều ước Pháp - Nhật ký ngày 10 - 6 - 1907 tại Pa ri, Chính phủ Nhật đã buộc số thanh niên Việt Nam “Đông Du” rời khỏi đất Nhật. Tháng 2-1909, Chính phủ Nhật ra lệnh trục xuất nốt Phan Bội Châu và Cường Để. Phong trào Đông Du tan rã. Trước sự thật đó, Nguyễn Tất Thành càng suy ngẫm và hiểu rằng: không thể dựa vào Nhật để đuổi Pháp, bởi đó chính là kế “đuổi hổ cửa trước, rước beo cửa sau”.

Tháng 9-1905, thực hiện Nghị định của Toàn quyền Đông Dương, loại trường Pháp - bản xứ (école franco-indigène) được mở tại Vinh, tỉnh lỵ của Nghệ An, với lớp đầu tiên của bậc tiểu học, thường gọi là lớp (curs préparatoire). Tất Thành và Tất Đạt được cha xin theo học lớp dự bị (préperatoire) Trường tiểu học Pháp - bản xứ ở thành phố Vinh, cách Kim Liên khoảng 14km. Chính tại trường tiểu học Vinh, Tất Thành đã chú ý tìm hiểu ba từ được sơn vào gỗ, gắn ở phía trên bảng đen “LIBERTÉ, ÉGALITÉ, FRATERNITÉ” (Tự do - Bình đẳng - Bác ái).

Từ thực tiễn cuộc sống, từ sự tìm hiểu nội dung và ý nghĩa khẩu hiệu nổi tiếng của Đại cách mạng tư sản Pháp năm 1789, Tất Thành muốn làm quen với văn minh Pháp, muốn tìm hiểu xem những gì ẩn náu đằng sau những mỹ từ ấy. Tuy nhiên, đến khoảng cuối tháng 4-1906, Tất Thành phải nghỉ học, để chuẩn bị theo cha lên đường vào Huế nhận chức.

Sau kỳ thi hai năm, những người đỗ cùng khoá với ông Nguyễn Sinh Huy đều đi làm thừa biện từ năm 1903. Vì không muốn đi làm quan, ông Huy đã một vài lần lấy cớ ốm đau, chịu tang mẹ vợ, v.v, để nấn ná ở lại quê nhà. Song không thể trì hoãn thêm, cuối tháng 5-1906, ông phải vào Huế để chờ bổ nhiệm. Ông được nhà vua y duyệt tờ trình của Bộ Lại, bổ nhiệm làm thừa biện Bộ Lễ. Trong tờ trình của Bộ Lại đề ngày 15-4 (nhuận) năm Thành Thái thứ 18 (tức ngày 6-6-1906, bản chụp lưu tại Viện Hồ Chí Minh), có ghi rõ: “Mới đây theo lời bẩm của Phó bảng Nguyễn Sinh Huy (45 tuổi, người tỉnh Nghệ An), viên này trúng Phó bảng kỳ thi Hội khoa Tân Sửu năm Thành Thái thứ 13. Lần đó về thăm quê nhà xong việc bị bệnh ở lại quê quán uống thuốc, nay bệnh đã khỏi đến bộ tôi đợi mệnh”.

Nhận việc ở Bộ Lễ (chuyên theo dõi về giáo dục, thiên văn, nghi lễ, tế tự), ông Sắc phụ trách “công việc trường ốc”, nên thường xuyên có mặt ở Di luân đường (dùng làm giảng đường) của Quốc Tử Giám. Trong những

lần tiếp xúc với học trò, ông thường nói: “Quan trường thị nô lệ trung chi nô lệ, hựu nô lệ”, nghĩa là: *Làm quan là nô lệ trong đám nô lệ, lại càng nô lệ hơn.*

Vào Huế lần này, gia đình ông ở tại căn buồng dãy “Thuộc viên, cấp cho ông Nguyễn Sinh Sắc gần cửa thành Đông Ba (Huế). Thu xếp xong nơi ăn chốn ở và công việc của mình, ông Sắc xin cho hai anh em Tất Đạt, Tất Thành vào học lại lớp dự bị ở trường tiểu học Pháp - Việt Đông Ba, tỉnh Thừa Thiên Huế, niên khóa 1906-1907 và tiếp đó học lớp sơ đẳng, niên khóa 1907-1908. Trường này nằm trên nền chợ Đông Ba, dạy cả ba thứ chữ: chữ quốc ngữ, chữ Pháp và chữ Hán. Nhưng lúc ấy, học trò đến lớp đều phải mang cả bút sắt lẫn bút lông và nghiên mực nho vì nhà trường vẫn cho học sinh mỗi tuần mấy giờ học chữ Hán, ngoài chữ Pháp và quốc ngữ. Càng lên lớp trên, chữ Hán càng thưa dần, chữ Pháp tăng hẳn lên đến mức khi đã vào lớp, học sinh chỉ được dùng tiếng Pháp trong mọi giao tiếp. Càng học, Tất Thành càng chăm chỉ và càng tiến bộ. Ngoài việc học ở nhà trường, Nguyễn Tất Thành còn nhờ người mượn sách ở Lầu tầng thư (nơi lưu trữ sách và các loại văn thư của triều Nguyễn) về đọc. Tất Thành ham đọc sách, biết tranh thủ thời giờ, nên đọc được nhiều loại sách quý.

Về việc học tập của mình, có lần Người nói với đồng chí thư ký của mình (27-8-1945) rằng: Người chỉ học chính thức trên ghế nhà trường hết lớp nhì của bậc tiểu học (theo nhật ký của đồng chí Vũ Kỳ)¹ tại trường tiểu học Pháp - Việt tỉnh Thừa Thiên vào năm 1907-1908 với tên mới là Nguyễn Sinh Côn: niên khóa 1906 - 1907 lớp nhì, và lớp nhất niên khóa 1907 - 1908.

Nguyễn Tất Thành là một học trò ham học, chăm chỉ, thông minh, vì vậy, trong kỳ thi Primaire năm 1908, Thành là một trong 10 học trò giỏi nhất lớp của trường tiểu học Pháp - Việt Đông Ba được thi vượt cấp vào lớp đệ nhị, niên học 1908-1909, ban trung học hệ Thành chung (Diplôme ae fin d'études complémentaires). Năm học 1908-1909, Tất Thành và Tất Đạt chuyển sang học trường Quốc học Huế. Trường được thành lập theo đạo dụ ngày 23 tháng 10 năm 1896 của vua Thành Thái, và nghị định ngày 18-11-1896 do toàn quyền Đông Dương Rút-xô (A. Rousseau) ký. Trong nghị định này ghi rõ: Trường đặt dưới quyền kiểm soát của Khâm sứ Trung Kỳ, được lập ra nhằm mục đích đào tạo một lớp công chức mới (Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ hải ngoại (CAOM), ký hiệu RI tủ GGI hộp RSA).

1. Đối chiếu toàn bộ quá trình, chúng tôi cho rằng Bác học lớp dự bị (prépatoire) tại Vinh vào năm 1905 - 1906 nhưng chưa học hết năm học, vào Huế, Bác học lại lớp dự bị và tiếp đó học lớp sơ đẳng (cours élémentaire) tại trường tiểu học Đông Ba vào các năm học 1906-1908).

Điều I của Nghị định ghi cụ thể: “Pháp văn sẽ chiếm phần lớn trong chương trình dạy, tuy Hán văn vẫn được chú ý để cho các học sinh vào ngành quan lại có thể dùng đồng thời hai thứ chữ”. Mục đích của trường là nhằm đào tạo những thanh niên bản xứ có trình độ học vấn nhất định và có “hạnh kiểm tốt”, trung thành hết mực với “mẫu quốc” để làm việc trong các cơ quan hành chính của chính quyền bảo hộ. Do đó, chương trình và nội dung giảng dạy được biên soạn đặc biệt khác các loại trường khác. Yêu cầu số một của kiến thức là phải nắm vững ngữ pháp tiếng Pháp để làm công việc hành chính. Tuy nhiên, những kiến thức phổ thông khác đều phải đạt yêu cầu nhất định để có thể trở thành những công thức “mẫn cán”, phục vụ đắc lực cho “công cuộc khai hoá” của “nước mẹ Đại Pháp” trên xứ sở này.

Theo thư của ông Sukê, Hiệu trưởng Trường Quốc học Huế, ngày 7-8-1908 về lai lịch Nguyễn Sinh Côn - tên mới của Nguyễn Tất Thành (Toàn văn thư Sukê trả lời Công văn số 526 ngày 4-8-1908 của Khâm sứ Trung Kỳ) như sau:

Huế, ngày 7 tháng 8 năm 1908.

Tiếp theo thư số 526 đề ngày 4-8 năm nay của Ngài, tôi hân hạnh báo cho Ngài rõ có thể tiếp nhận vào Trường Quốc học học sinh có tên Nguyễn Sinh Côn người gốc Nghệ An học sinh Trường Pháp - Việt tỉnh Thừa Thiên.

Ký tên: Chouquet

Có thể nói những năm tháng Nguyễn Tất Thành học ở trường Quốc học đã giúp cho anh có điều kiện hiểu rõ bản chất của bọn thực dân với cái gọi là “khai hóa thuộc địa”. Những điều thầy dạy ở trường khác xa với cuộc sống, thân phận của người dân mà anh phải chứng kiến hàng ngày. Một bên là sự ăn chơi xa hoa của giai cấp thống trị thực dân và phong kiến, một bên là cuộc sống cùng cực của nhân dân lao động, của kiếp người nô lệ.

Khi Nguyễn Tất Thành vào trường Quốc học cũng là thời gian sách *Tân thư* của Trung Quốc được lưu hành ở nhiều nơi, đặc biệt là trong giới sĩ phu yêu nước. Những loại sách báo đó bắt nguồn từ phong trào duy tân theo xu hướng tư sản. Tiêu biểu cho xu hướng này ở Trung Hoa là Khang Hữu Vy, Lương Khải Siêu. Chính tân thư, tân văn đã tác động mạnh mẽ đến nhiều nhà chí sĩ yêu nước Việt Nam. Khác hẳn các sách kinh điển Nho giáo, các loại sách mới này chứa đựng nhiều kiến thức mới về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Những loại sách mới đó còn giới thiệu về thân thế, sự nghiệp và tác phẩm của những nhà khai sáng Pháp ở thế kỷ XVIII.

Ngoài việc học tập, những sự kiện chính trị mới mẻ lại đến với anh Thành trong thời gian này. Ngày 15-8-1906, Phan Châu Trinh gửi một

bán điều trần cho Toàn quyền Đông Dương Pôn Bô (Paul Beau) tố cáo chính sách cai trị tàn bạo của Pháp và sự bất lực của quan lại Nam triều, yêu cầu thực hiện những chính sách cải cách dân chủ. Tháng 3-1907, trường Đông Kinh Nghĩa Thục được mở ra tại Hà Nội và nhiều tỉnh ở Bắc Kỳ, truyền bá nhiều tư tưởng tiến bộ, cổ động cho phong trào cải cách dân chủ, đã thu hút đông đảo quần chúng. Đông Kinh Nghĩa Thục hoạt động trong khuôn khổ công khai, hợp pháp, lấy việc vận động duy tân đất nước làm mục đích. Đông Kinh Nghĩa Thục không chống lại chủ trương bạo động của Phan Bội Châu, hơn thế, còn tích cực vận động cho phong trào Đông Du.

Với chủ trương như vậy, Phan Châu Trinh đã cùng các sĩ phu tiến bộ khác như Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Lê Văn Huân, Nguyễn Đình Kiên dấy lên một cuộc vận động Duy Tân ở Trung Kỳ, bao gồm nhiều mặt về kinh tế, văn hoá và xã hội. Đông Kinh Nghĩa Thục và cuộc vận động Duy Tân ở Trung Kỳ là những phong trào vận động cải cách văn hoá - xã hội đầu tiên ở Việt Nam, có khuynh hướng tư sản ở nước ta vào đầu thế kỷ XX. Cả hai phong trào đó, trực tiếp hay gián tiếp đều hỗ trợ cho cuộc vận động cứu nước của Phan Bội Châu, đồng thời thúc đẩy sự nghiệp cách mạng chung trong toàn quốc. Những phong trào đó là cơ sở cho những cuộc tranh luận sôi nổi trong giới trí thức, học sinh.

Càng tiếp cận với nền văn minh Pháp qua sách vở, Tất Thành càng tò mò muốn tiếp thu những tư tưởng tiến bộ Tây Âu, muốn tìm hiểu những điều bí ẩn của những từ Tự do - Bình đẳng - Bác ái. Vì vậy, cùng với quá trình được đi, được chứng kiến, được nghe, được đọc từ những cuốn sách quý, những năm tháng được học tập ở trường tiểu học Pháp - Việt Đông Ba, ở trường Quốc học đã đặt nền móng cho những nhận thức và hành động theo chí hướng yêu nước của Nguyễn Tất Thành. Đó cũng là một trong những lý do, luận giải về quyết định rời Tổ quốc, sang phương Tây tìm đường cứu nước, cứu dân của Người sau đó.

Trong khi đó, tháng 4-1908, tại Huế, khi Tất Thành đang học gần cuối lớp sơ đẳng, thì kinh đô Huế xôn xao, náo động về cuộc biểu tình chống thuế của nhân dân Thừa Thiên Huế. Hưởng ứng phong trào, Tất Thành tham gia cuộc biểu tình và nhận làm phiên dịch. Tuy nhiên, khi dịch Người không thụ động mà linh hoạt chuyển tải nội dung và tinh thần những yêu cầu của người nông dân đối với thực dân Pháp.

Phong trào chống thuế lan rộng ra cả Trung Kỳ. Sau vụ biểu tình ở Thừa Thiên Huế, nhiều văn thân bị xử tử hoặc bị đày biệt xứ. Nhân cơ hội này, thực dân Pháp buộc tội và trừ khử các nhà ái quốc Việt Nam, mặc dù có người không trực tiếp tham gia phong trào chống thuế. Cuộc khủng bố

dã man của thực dân Pháp đối với phong trào Duy Tân và phong trào chống thuế ở Trung Kỳ đã gây ấn tượng sâu sắc đối với Tất Thành. Thực dân Pháp vừa đàn áp xong phong trào chống thuế ở Trung Kỳ tháng trước (tháng 5 năm 1908), thì tháng sau chúng lại bị bất ngờ bị mưu đánh úp ở Hà Nội của nghĩa quân Hoàng Hoa Thám, mở đầu bằng vụ đầu độc lính Pháp ở Hà Nội vào ngày 27 tháng 6 năm 1908. Sau vụ này, thực dân Pháp càng điên cuồng đàn áp, chém giết nhiều người; một số người bị chúng chặt đầu, đem bêu dọc đường. Nhân vụ Hà Thành đầu độc, thực dân Pháp cố tình ghép tội nặng cho các nhân sĩ ở trường Đông Kinh Nghĩa Thục.

Việc Nguyễn Tất Thành tích cực tham gia cuộc biểu tình chống thuế của nông dân các tỉnh Trung Kỳ đã bị thực dân Pháp để ý theo dõi. Và quan Thừa biện Bộ Lễ Nguyễn Sinh Sắc cũng bị chúng khiển trách với lý do đã để cho con trai có những hoạt động bài Pháp¹.

Ngày 5-5-1909, ông Sắc được chọn làm một trong ba phúc khảo ở Bình Định để chấm thi. Sau đó, được bổ nhiệm chức đồng phủ, lãnh chức tri huyện Bình Khê. Cuối năm học đó, Nguyễn Tất Thành rời trường Quốc học, theo cha vào huyện Bình Khê.

Thời gian ở Bình Khê, Nguyễn Tất Thành được gửi học tiếp chương trình lớp nhất (cours supérior) với thầy giáo Phạm Ngọc Thọ (ông Phạm Ngọc Thọ là thân sinh cố Bộ trưởng Bộ Y tế Phạm Ngọc Thạch, lúc đó là trợ giáo hạng nhì (instituteur auxiliaire 2e classe) của Trường tiểu học Pháp - Việt Quy Nhơn) lúc ấy đang dạy ở trường tiểu học Pháp - Việt Quy Nhơn theo chương trình lớp cao đẳng (cours supérior). Hiểu khả năng và chí hướng người con trai thứ của mình, ông Sắc đã tạo điều kiện cho anh tiếp tục học lên với thầy Thọ là bạn chí cốt của mình khi tham gia Ban giám khảo thi Hương.

Vào tháng 1-1910, Nguyễn Tất Thành được một tin không vui, ông Nguyễn Sinh Sắc bị “triệu hồi” chức tri huyện Bình Khê, bị triều đình gọi “lại kinh hậu cứu” (trở về kinh đô để xem xét sau). Trước biến cố mới của gia đình, anh không theo cha trở về Huế, mà quyết định đi tiếp xuống phía Nam. Sau khi chia tay cha, Nguyễn Tất Thành nán lại nhà ông Phạm Ngọc Thọ một thời gian để chuẩn bị cho một chuyến đi xa của mình.

Ông Phạm Ngọc Thọ vốn kính trọng quan thừa biện Nguyễn Sinh Sắc và rất mến hai anh em Tất Đạt, Tất Thành. Ngược lại, Tất Thành rất yêu quý Phạm Ngọc Thạch, con trai ông Thọ, nên cả nhà ông ai cũng mến

1. Hồ sơ mật thám Trung Kỳ số A 3780, lập ngày 21-1-1920

Tất Thành. Tuy vốn liếng chữ Pháp của Tất Thành đã khá, nhưng ông vẫn thấy cần bồi dưỡng thêm cho anh. Với sự giúp đỡ của thầy giáo Phạm Ngọc Thọ, Nguyễn Tất Thành hoàn thành chương trình tiểu học vào khoảng tháng 6-1910.

Vào một ngày đầu thu (tháng 8 năm 1910) anh tạm biệt Quy Nhơn, đi vào Sài Gòn. Trên đường từ Quy Nhơn vào Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành dừng chân ở Phan Thiết vào cuối tháng 8-1910. Tỉnh Bình Thuận nói chung và thị xã Phan Thiết nói riêng nằm ở cuối miền Trung, là đất giáp ranh giữa Trung Kỳ của nhà vua triều Nguyễn với Nam Kỳ thuộc quyền cai trị trực tiếp của thực dân Pháp. Nhiều sĩ phu yêu nước đã từng lánh nạn ở đây. Trong số các sĩ phu đó, Phan Châu Trinh đã bàn bạc với những người yêu nước kế sách cứu nước, phải khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh. Từ quan điểm của ông, các sĩ phu yêu nước đã lần lượt lập ra Hội Liên Thành, Liên Thành Thương quán, Liên Thành Thư xã và Trường Dục Thanh, tên gọi của trường đã nói lên mục đích và ý nghĩa giáo dục bồi dưỡng thế hệ trẻ của nó.

Sau này, nhớ lại chặng đường ấy, có lần Chủ tịch Hồ Chí Minh kể rằng: nhờ gặp được người có mối quan hệ từ trước với phụ thân (ông Trương Gia Mô và ông Hồ Tá Bang), nên Người được giới thiệu vào làm *trợ giáo* môn thể dục tại trường Dục Thanh, đứng vào dịp nhà trường mới khai giảng. Trường Dục Thanh là trường tư thực được thành lập năm 1907. Thầy giáo Nguyễn Tất Thành được tuyển làm trợ giáo môn thể dục, và phụ trách các hoạt động ngoại khóa. Thầy dạy tận tâm, hết lòng thương yêu, chăm sóc học sinh. Thầy thường phổ biến cho học sinh những thơ ca yêu nước như á tề á ca, bài ca hát tóc, v.v.. Thầy phụ trách thể dục buổi sáng của nhà trường, chăm lo xây dựng tủ sách, hướng dẫn học sinh tham động Thiêng Đức, bãi biển Thương Chánh¹ ở trong vùng. Dù việc dạy học chỉ là tạm thời, song thầy giáo Nguyễn Tất Thành vẫn đem nhiệt tình truyền thụ cho học sinh lòng yêu nước, những suy nghĩ về vận mệnh đất nước và thầy luôn được học trò quý mến.

Còn về phần mình, ngoài thời gian dạy học, thầy Thành dành thời gian say mê đọc sách ở ngôi nhà *Ngọa du sào* (có nghĩa là nơi nằm đọc sách mà như được du ngoạn trong thế giới hiểu biết), và những sách tân thư do Trung Quốc dịch sang chữ Hán trong khu vườn của gia đình cụ Nguyễn Thông. Chính tại đây, qua Tân thư, lần đầu tiên thầy Thành đã có dịp tiếp cận với tư tưởng của Lư Thoa (J.J. Rousseau), Mạnh Đức Tư Cư (Ch. de

1. Hồi ức của các ông: Nguyễn Quý Phẫu, Nguyễn Đăng Lâu, Từ Trường Phùng, học sinh trường Dục Thanh năm học 1910-1911.

Montesquieu), Phục Nhĩ Thái (Fr. Voltaire),... những văn hào và triết gia Pháp đã khởi xướng các thuyết nhân quyền, dân quyền, tự do, bình đẳng, bác ái¹. Nước Pháp có một nền văn minh lâu đời và khi được đọc những tác phẩm của các nhà triết học Pháp “thế kỷ ánh sáng”, anh Thành thấy toát lên tinh thần phê phán chế độ chuyên chế, lòng thiết tha yêu tự do, khát khao đời sống bình đẳng, bác ái của cách mạng Pháp.

Những ngày ở Phan Thiết, Nguyễn Tất Thành đã suy nghĩ về con đường cứu nước của cụ Phan Châu Trinh. Khâm phục lòng yêu nước của Phan Châu Trinh, nhưng Nguyễn Tất Thành chưa hoàn toàn tán thành đường lối của ông. Nghĩ vậy, anh càng thấy yên tâm hơn với con đường mà anh đã chọn. Đó là tìm cách ra nước ngoài, xem thế giới làm như thế nào, để rồi trở về cứu giúp đồng bào. Trước mắt, với anh vẫn là con đường học hỏi. Và không bỏ lỡ cơ hội, trong thời gian này, thầy Thành thường gần gũi với bà con ngư dân ở bến cá Cồn Chà. Thầy hỏi cách đánh bắt cá, cách định phương hướng khi đi biển, cách chống say sóng, và cách nhận biết những dấu hiệu của các cơn giông bão ngoài khơi...

Sau mấy tháng dạy học ở trường Dục Thanh, đầu tháng 2-1911, thầy giáo Nguyễn Tất Thành rời Phan Thiết vào Sài Gòn, thực hiện hoài bão từng nung nấu trong lòng: tìm đường sang Pháp và các nước phương Tây để xem “họ làm như thế nào rồi trở về giúp đồng bào chúng ta”. Vậy là, thầy trò trường Dục Thanh không còn được nghe tiếng còi tập thể dục của thầy giáo Tất Thành nữa. Thế là thầy đã đi xa! Học sinh trường Dục Thanh nhớ mãi hình ảnh người thầy giáo trẻ, vui vẻ, niềm nở với dáng cao gầy, đôi mắt tinh anh, tóc cắt ngắn, ăn mặc giản dị và có tình thương vô hạn đối với đàn em thân yêu. Còn những người ngư dân Phan Thiết nhớ mãi hình ảnh một người thanh niên luôn lễ độ, hoà nhã với tất cả mọi người.

Để sống và tìm cách đi ra nước ngoài, Nguyễn Tất Thành phải làm nhiều công việc lao động chân tay trên đất Sài Gòn. Nơi anh ở tạm trú tại các chi nhánh của Liên Thành công ty đặt tại Sài Gòn, như nhà số 3, đường Tổng đốc Phương (nay là số 5, đường Châu Văn Liêm); nhà số 128, Khánh Hội, v.v. Lần đầu tiên vào Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành thấy thêm những điều mới lạ, nhất là những cảnh ăn chơi xa hoa dành riêng cho người Pháp. Chỉ có tới đây, Nguyễn Tất Thành mới thấy rõ cách tổ chức cai trị, cách bóc lột tinh vi, tàn nhẫn của bọn tư bản Pháp. Đội ngũ những người làm thuê ngày càng đông đảo và có mặt trong tất cả các xưởng máy, xí nghiệp. Nguồn nhân công rẻ mạt người bản xứ, rách rưới, lam lũ, làm

1. Kỷ yếu Hội thảo khoa học tại Thuận Hải, Bác Hồ với Trường Dục Thanh, lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh

đủ các nghề nặng nhọc, kéo xe, bốc vác và sống chui rúc trong những túp nhà lụp xụp, tối tăm chính là nguồn thu béo bở cho bọn tư bản Pháp. Càng thâm nhập vào đời sống của các tầng lớp quần chúng lao động, anh càng thấy rõ hơn sự đối lập giữa hai cảnh sống của bọn thực dân và những người lao động mất nước.

Tuy nhiên, khi quyết định ra đi, nghĩ đến cuộc hành trình lênh đênh trên biển hàng vạn dặm, anh không khỏi băn khoăn. Anh quyết định bộc lộ tâm trạng của mình với một người bạn:

- Tôi muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta. Nhưng nếu đi một mình thật ra cũng có điều mạo hiểm, ví như, khi đau ốm,... Anh muốn đi với tôi không?

- Nhưng bạn ơi, chúng ta lấy đâu ra tiền mà đi?¹

- Đây, tiền đây... Chúng ta sẽ làm việc. Chúng ta sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi? Nguyễn Tất Thành vừa nói vừa gơ hai bàn tay của mình, một cách tự tin và kiên quyết.

Năm 1911, trong số nhiều tàu biển của nước ngoài ra vào bến cảng Sài Gòn có tàu của Pháp, Anh, Nhật, Đức,... trong đó, chiếc tàu lớn của hãng Sác giơ Rêuyni (Chargeurs Réunis) đậu gần cột cờ Thủ Ngữ, nổi lên dòng chữ Amiran Latusơ Tôrêvin (Amiral Latouche Tréville). Tàu này cập bến Sài Gòn ngày 17-5-1911. Đây là một tàu lớn vừa chở hàng vừa chở khách của hãng Năm Sao đang chuẩn bị rời cảng Sài Gòn đi Mácxây (Marseille), Pháp.

Nguyễn Tất Thành đến xin việc làm ở tàu Amiran Latusơ Tôrêvin. Ngày hôm sau, mồng 3 tháng 6 năm 1911, Nguyễn Tất Thành với tên gọi mới là Văn Ba được nhận vào làm phụ bếp trên tàu với đôi bàn tay trắng. Viên thuyền trưởng Lu Êđua Maisen giao cho Văn Ba cạo rửa xoong chảo, bát, đĩa và những việc khác như nhặt rau, xúc than, cào lò, v.v.. Anh sẽ phải làm việc quần quật suốt ngày. Cuộc đời bôn ba của anh bắt đầu từ đây. Anh sẽ lao động để thực hiện mục tiêu đã định.

Ngày 5 tháng 6 năm 1911, tàu Amiran Latusơ Tôrêvin kéo một hồi còi dài rồi nhổ neo, Nguyễn Tất Thành từ từ rời bến cảng Nhà Rồng, thành phố Sài Gòn (nay là thành phố Hồ Chí Minh) rời Tổ quốc đi sang Pháp. Ngày 5 háng 6 năm 1911, sau khi nhận việc ở tàu Amiran Latusơ

1. Trần Dân Tiên, Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, Nxb. Văn học, H, 1970, tr.11

Torêvin. Nguyễn Tất Thành viết thư về cho thầy giáo Hải, dạy tiếng Pháp ở Trường Dục Thanh báo tin mình đã đi ra nước ngoài¹. Đó là mốc khởi đầu của một con đường đi đúng!

*

* *

Như vậy, ngược dòng thời gian, có thể thấy rằng, truyền thống yêu nước của người dân xứ Nghệ, của gia đình là chiếc nôi nuôi dưỡng tinh thần yêu nước cho Nguyễn Tất Thành. Câu nói của người cha thân yêu: Quan trường là nô lệ trong đám nô lệ lại càng nô lệ hơn và thực tế “dân tộc thì bị nô lệ, nhân dân thì bị áp bức” đã tác động sâu sắc đến người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành. Được trưởng thành nhanh chóng trong thời kỳ phong trào đấu tranh yêu nước của nhân dân ta liên tiếp nổ ra (cuộc khởi nghĩa Hương Khê do Phan Đình Phùng lãnh đạo, cuộc khởi nghĩa nông dân do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo, phong trào Đông Du của Phan Bội Châu, phong trào Duy Tân của Phan Chu Trinh), đồng thời từng được chứng kiến cảnh thực dân Pháp chém giết người yêu nước, đàn áp các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta trong biển máu, Nguyễn Tất Thành đã “sớm hiểu biết và rất đau xót trước cảnh thống khổ của đồng bào”. Người mong muốn thực hiện khát vọng lớn lao của cuộc đời mình, đó là: “Độc lập cho Tổ quốc, tự do cho đồng bào”.

Hơn nữa, cũng từ nhận thức sâu sắc rằng, học là không có giới hạn và “con người có hiểu biết nhiều thì đau nỗi lo nhiều”, Nguyễn Tất Thành thấu hiểu, hoài bão lớn lao đó không chỉ thực hiện được bằng việc học trong sách vở. Rời nhà trường, rời thành phố Huế, rời Phan Thiết, và rời Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành muốn ra nước ngoài, muốn làm quen với văn minh Pháp, muốn xem những gì ẩn dấu đằng sau những từ *Tự do, Bình đẳng, Bác ái*. Người đã chọn con đường sang phương Tây, nơi sản sinh những tư tưởng lớn, những cuộc cách mạng lớn với mong muốn, đến “xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào ... sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta”². Về quyết định này, trong một lần trả lời

1. Theo hồi ức của một số học sinh cũ của trường Dục Thanh, bức thư đó đã được đọc cho thầy trò của trường nghe trong bữa tiệc tiễn số học sinh ra Huế học). Hồi ức của các ông: Nguyễn Quý Phẫu, Nguyễn Đăng Lâu, Từ Trường Phùng, học sinh trường Dục Thanh năm học 1910-1911. Tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh; Tư liệu của cuộc Hội thảo khau học Bác Hồ với Thuận Hải, Thuận Hải với Bác Hồ, tháng 5-1986. Tài liệu lưu tại Viện Hồ Chí Minh.

2. Trần Dân Tiên. *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Sự Thật, Hà Nội 1975, tr13.

nhà văn Mỹ. Người từng nói: “Nhân dân Việt Nam, trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau ai sẽ là người giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi”¹.

Không nề hà những thử thách, những gian truân ở phía trước, bằng ý chí, bằng nghị lực và bằng sức mạnh của tuổi trẻ và bầu nhiệt huyết, Hồ Chí Minh đã quyết chí dấn thân vì nghĩa lớn. Ngày 5/6/1911, ngày Nguyễn Tất Thành – Hồ Chí Minh lựa chọn một sự khởi đầu đúng để tìm đường đi cho dân tộc theo đi.

Bản sao lưu trữ

1. Bài *Thăm một chiến sỹ cộng sản* - Nguyễn Ái Quốc, Báo Ogoniok, số 39, ngày 23-12-1923.

TỪ MỘT NGƯỜI YÊU NƯỚC TRỞ THÀNH MỘT NGƯỜI CỘNG SẢN (1911-1920)

Theo hành trình của tàu, Nguyễn Tất Thành đã dừng chân ở cảng Mácxây, cảng Lơ Hơơơ (Le Havre) của Pháp. Những ngày đầu tiên trên đất Pháp, được chứng kiến ở Pháp cũng có những người nghèo như ở Việt Nam. Tất Thành cảm nhận thấy có những người dân Pháp trên đất Pháp tốt và lễ phép hơn những tên thực dân Pháp ở Đông Dương. Ngày 15/9/1911, Tất Thành viết thư gửi Tổng thống Pháp và Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp xin học Trường Thuộc địa, với mong muốn trở thành “có ích cho đồng bào tôi” và muốn cho họ được “hưởng những lợi ích của học thức”, v.v... Tuy nhiên, yêu cầu này đã bị từ chối. Thời gian này, Nguyễn Tất Thành đã quay lại Gài Gòn, và anh đã viết thư cho Khâm sứ Trung Kỳ nhờ chuyển số tiền 15 đồng cho người cha của mình.

Sau đó, quay trở lại Pháp, nhưng không dừng ở Pháp, năm 1912, Nguyễn Tất Thành làm thuê cho một chiếc tàu của hãng Sácgiơ Rêuyni đi vòng quanh châu Phi. Cùng với hành trình của tàu, anh đã có dịp dừng lại ở những bến cảng của một số nước như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Angiêri, Tuynidi, Cônggô, Đahômây, Xênegan, Rêuyniông... Đến đâu anh cũng thấy cảnh khổ cực của người lao động dưới sự áp bức bóc lột dã man, vô nhân đạo của bọn thống trị. Một trong những cảnh ấy ở Đaca (Dacar) được Người kể lại: Bể nổi sóng rất dữ. Tàu không thể vào bờ. Cũng không thể thả ca nô xuống vì sóng rất to. Để liên lạc với tàu, bọn Pháp trên bờ bắt những người da đen phải bơi ra chiếc tàu. Một, hai, ba, bốn người da đen nhảy xuống nước. Người này đến người kia, họ bị sóng bể cuốn đi... *(Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch).*

Những cảnh tượng đó làm cho Nguyễn Tất Thành đau xót và anh liên tưởng một cách tự nhiên đến số phận của người dân Việt Nam khốn khổ của mình. Họ cũng là nạn nhân của sự tàn ác, vô nhân đạo của bọn thực dân. Những sự việc như vậy diễn ra ở khắp các chặng đường anh đi qua, tạo nên trong anh mỗi đồng cảm sâu sắc với số phận người dân các nước ở xứ thuộc địa.

Tiếp tục theo tàu đi qua Máctiních (Martinique) (Trung Mỹ), Urugoay và Áchentina (Nam Mỹ) và dừng lại ở nước Mỹ (cuối năm 1912). Tại đây, Nguyễn Tất Thành có dịp tìm hiểu cuộc đấu tranh giành độc lập

của nhân dân Mỹ với bản Tuyên ngôn độc lập 1776 nổi tiếng. Vừa đi làm thuê để kiếm sống, vừa tìm hiểu đời sống của những người lao động Mỹ, Nguyễn Tất Thành đã đến thăm quận Bruclín (Brooklin) của thành phố Niu Ốc (New York), thăm khu phố hoa lệ nổi tiếng thế giới với những ngôi nhà cao chọc trời ở Niu Ốc đến những ngôi nhà ổ chuột ở khu Háclem (Harlem), v.v.. để tìm hiểu đời sống và cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc của những người da đen.

Dừng chân ở nước Mỹ không lâu, Nguyễn Tất Thành đã sớm nhận ra bộ mặt thật của đế quốc Hoa Kỳ. Đằng sau những tuyên ngôn, hiến chương về quyền con người của nền cộng hòa dân chủ, vẫn là những thủ đoạn bóc lột nhân dân lao động rất tàn bạo. Theo anh, những nội dung về quyền con người, quyền tự do dân chủ từ các văn bản pháp lý đến thực tiễn vẫn còn là những khoảng cách. Cảm thông sâu sắc với đời sống của người dân lao động da đen và rất căm giận bọn phân biệt chủng tộc, hành hình người da đen một cách man rợ, bài báo **Hành hình kiểu Linsơ** sau đó của Nguyễn Tất Thành đã thể hiện những suy ngẫm của anh về tội ác này.

Đầu năm 1913, Nguyễn Tất Thành theo tàu rời Mỹ trở về Lơ Havơơ, và đến nước Anh. Để kiếm tiền sinh sống, Nguyễn Tất Thành nhận cào tuyết cho một trường học, rồi làm thợ đốt lò. Công việc hết sức nặng nhọc, nhưng sau mỗi ngày anh đều tranh thủ thời gian học tiếng Anh. Từ Anh, Nguyễn Tất Thành gửi thư, gửi bưu thiếp cho cụ Phan Châu Trinh, lúc này đang ở Pháp, thông báo tình hình sinh hoạt, học tập của mình và hỏi thăm tình hình người thân của cụ Phan. Trong thư, Nguyễn Tất Thành cũng bày tỏ và thăm dò ý kiến của cụ Phan về tình hình thời cuộc. Phần cuối của một trong những bức thư Nguyễn Tất Thành gửi Cụ Phan Châu Trinh, có ký tên "Cuồng Diệt" - thể hiện chí khí và lòng nhiệt huyết của mình.

Cuối năm 1913, sau hai tuần nghỉ việc vì bị cảm, Nguyễn Tất Thành đến làm thuê ở khách sạn Drayton Cốc, đại lộ Drayton, khu Ốt Ilinh (Drayton Court, Drayton Av., West Ealing), phía Tây Luân Đôn. Làm việc ở đây một thời gian, Nguyễn Tất Thành lại chuyển sang làm phụ bếp ở khách sạn Cáclơtơn (Carlton), phố Hây Makét, một khách sạn sang nổi tiếng ở Luân Đôn. Nguyễn Tất Thành làm việc dưới sự điều khiển của vua bếp Étcốpphiê (Escophier), một người Pháp có tư tưởng tiến bộ. Được giao nhiệm vụ thu dọn và rửa bát đĩa, nồi, chảo, v.v.. nhưng trong khi làm việc, để tránh lãng phí, anh Thành thường gói lại những miếng ngon còn thừa, đưa lại cho nhà bếp và nói: Ta có thể cho người nghèo những thứ ấy. Được ông étcốpphiê quý mến và giúp đỡ, sau đó, anh Thành chuyển sang chỗ làm bánh với mức lương cao hơn.

Trong thời gian ở Anh, Nguyễn Tất Thành hằng hái tham dự những

cuộc diễn thuyết ngoài trời của nhiều nhà chính trị và triết học, tham gia *Hội những người lao động hải ngoại* Luân Đôn, theo dõi những tin tức của cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Cũng trong thời gian này, Nguyễn Tất Thành đọc trên một tờ báo Anh tin về ông Terence MacSwiney, Thị trưởng thành phố Cúc (Cork), nhà đại ái quốc Airdlen, đấu tranh chống đế quốc Anh đã bị bắt. Hành động tuyệt thực, không ăn, không cử động hơn 40 ngày và hy sinh của nhà ái quốc đã làm Nguyễn Tất Thành hết sức xúc động và cảm phục. Anh nói: “Can đảm biết bao! Dũng cảm biết bao! Một dân tộc có những người như ông Terence sẽ không bao giờ đầu hàng”¹.

Cuối Chiến tranh thế giới thứ nhất (cuối năm 1917), Nguyễn Tất Thành từ Anh trở lại Pháp, để có điều kiện trực tiếp hoạt động trong phong trào Việt kiều và phong trào công nhân Pháp. Ở Pa ri, Nguyễn Tất Thành chuyển qua nhiều chỗ ở, từ một căn buồng trong phố Sarôn (Charonne) đến nhà số 9, ngõ Côngpoanh (Compoint), quận 17, một trong những khu lao động nghèo nhất của Thủ đô nước Pháp.

Thời gian đầu khi tới Pari, chưa có giấy tờ hợp pháp, Nguyễn Tất Thành được các đồng chí trong Ban đón tiếp những người lao động nhập cư của Đảng Xã hội Pháp giúp đỡ. Cuộc sống khi đó của anh gặp nhiều khó khăn, vừa hoạt động chính trị, vừa kiếm sống một cách chật vật. Thời gian này, anh Nguyễn làm thuê cho một hiệu ảnh, sau nhận vẽ thuê cho một xưởng “đồ cổ mỹ nghệ Trung Hoa”. Tuy cuộc sống vất vả, và giữa vòng vây của mật thám Pháp, giữa một mạng lưới chỉ điểm, mật vụ được bủa giăng khắp nơi, nhưng anh vẫn kiên trì, hăng say học tập và hoạt động. Anh Nguyễn thường xuyên gặp gỡ với những người Việt Nam có tư tưởng và khuynh hướng tiến bộ như Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường, và đồng thời với việc tìm hiểu tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của nước Pháp - “thành trì của phản động thế giới”, là việc anh từng bước tham gia vào cuộc đấu tranh của phong trào công nhân và lao động Pháp.

Đầu năm 1919, Nguyễn Tất Thành vào Đảng Xã hội Pháp (trong số những đảng viên tham gia năm 1919, có anh Nguyễn và 79 người Việt Nam khác). Khi được hỏi vì sao vào Đảng, anh trả lời: Vì đây là tổ chức duy nhất theo đuổi lý tưởng cao quý của Đại cách mạng Pháp: “Tự do, Bình đẳng, Bác ái”².

1. Trần Dân Tiên, Sdd, tr. 29

2. Song Thành, Sdd, tr.60

Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, khi Tổng thống Mỹ Uyn-sơn (Wilson) công bố Chương trình 14 điểm đầu tháng 1/1918, và những triển vọng về một Hội nghị Quốc tế hoà bình họp ở Véc- xây (Versaille) vào tháng 6/1919, góp phần làm cho đời sống chính trị thế giới trở nên sôi động hơn. Đó cũng là lúc, nhân dân của các quốc gia hy vọng rằng, với những gì Uyn-sơn tuyên bố, nhất định quyền dân tộc tự quyết, những yêu cầu về độc lập, tự do của các dân tộc sẽ được thực hiện. Và cũng như nhiều người, nhiều dân tộc “từng bị mê hoặc bởi những tuyên bố rộng rãi về quyền tự quyết của các dân tộc” của Tổng thống Hoa Kỳ, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã thay mặt *Hội những người Việt Nam yêu nước* tại Pháp ký tên và gửi đến Hội nghị Véc- xây *Bản yêu cầu tám điểm của nhân dân Việt Nam* được viết bằng Pháp. Đây là điểm khởi đầu của một chặng đường đấu tranh cách mạng và điểm khởi đầu đó đã gây chấn động nước Pháp và thế giới. Sau đó, Nguyễn Ái Quốc đã chuyển thể bản *Yêu sách* qua thể thơ lục bát và song thất lục bát với tên gọi *Việt Nam yêu cầu ca* và một bản chữ Hán - *An Nam nhân dân thỉnh nguyện thư*. Anh đến nhà in Sác-păng-chiê, số 70 phố Gôbolanh, bỏ tiền túi của mình thuê in 6000 bản “*Yêu sách của nhân dân An Nam*” để phân phát trong các cuộc hội họp, mít tinh, và bí mật gửi về Việt Nam.

Bản yêu cầu tám điểm của nhân dân An Nam được gửi cho tất cả các đoàn đại biểu dự Hội nghị Véc- xây. Đồng thời Người cũng chuyển yêu sách đó cho Giơnvie Taburi (Genevievre Tabouis) - vừa là thư ký, vừa là cháu gái của Trưởng đoàn đại biểu Pháp - Jules Chambon. Ngay sau đó, Người nhận được thư trả lời của đoàn đại biểu Nicaragoa, nhờ chuyển lời cảm ơn về việc bản *Yêu sách* này đã khiến cho một đại biểu của đoàn là ông Samô-rô hết sức chú ý, và cùng đó là lá thư của đoàn đại biểu Hoa Kỳ với lời hứa “sẽ trình thư đó lên Tổng thống”, v.v..

Bản yêu cầu tám điểm của nhân dân An Nam ký tên Nguyễn Ái Quốc xuất hiện tại thủ đô Pari của nước Pháp, với những nội dung cơ bản được nêu ra:

1. *Tổng ân xá cho tất cả những người bản xứ bị án tù chính trị;*
2. *Cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những đảm bảo về mặt pháp luật như người Âu châu; xoá bỏ hoàn toàn các toà án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam;*
3. *Tự do báo chí và tự do ngôn luận;*
4. *Tự do lập hội và hội họp;*
5. *Tự do cư trú ở nước ngoài và tự do xuất dương;*

6. Tự do học tập, thành lập các trường kỹ thuật và chuyên nghiệp ở tất cả các tỉnh cho người bản xứ;

7. Thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật;

8. Đoàn đại biểu thường trực của người bản xứ, do người bản xứ bầu ra, tại Nghị viện Pháp để giúp cho Nghị viện biết được những nguyện vọng của người bản xứ¹.

Yêu sách là tiếng nói đại diện cho một dân tộc đã bị mất tên trên bản đồ thế giới, thực sự chỉ như một tiếng kêu cứu, như một tiếng nói hiện diện của người dân một xứ thuộc địa tại một Hội nghị quốc tế. Về thực chất, *Yêu sách* mới chỉ dừng ở sự “đòi hỏi” thực dân Pháp “lông tay” hơn trong cai trị, và “không có gì quá đáng”, nhưng sự thức tỉnh của những lục địa chưa được gọi là “văn minh” rồi đây cũng hẳn sẽ tìm thấy từ *Yêu sách* này “tiếng nói của dân tộc mình”.

Tuy nhiên, *Yêu sách của nhân dân An Nam, Lời thỉnh cầu của người dân An Nam* đã không được Hội nghị chấp thuận. Nguyên tắc về quyền tự quyết của các dân tộc trong chương trình 14 điểm của Uyn sơn thực chất chỉ là một chiến lược lớn của Hoa Kỳ- một đế quốc mới nổi, nhưng chiến lược này mâu thuẫn gay gắt với ý đồ chiến lược của Anh và Pháp (trong việc cai trị tại các thuộc địa). Cho nên, không chỉ người Anh, người Pháp, thậm chí cả người Đức cũng không công nhận và việc yêu cầu xoá bỏ sự “bức chế của Véc- xây” ngay khi đó đã trở thành một nội dung quan trọng trong chính sách của Hít- le và nhà nước Đức.

Cùng với việc *Bản yêu cầu tám điểm của nhân dân An Nam* do Nguyễn Ái Quốc ký tên xuất hiện công khai trong dư luận Pháp, “có ảnh hưởng khá sâu sắc trong các giới Pháp”¹, là việc truyền đơn in bản *Yêu sách* “do sự tháo vát của Việt kiều” nên đã được phân phát trong các cuộc mít tinh cho Việt kiều, cho những người Việt Nam bị bắt đi lính cho nước Pháp và cả người Pháp, khiến cho những người vốn rất “thờ ơ với chính trị nay cũng phải giác ngộ”. Đặc biệt, những truyền đơn này đã được gửi về Đông Dương, chuyển về đồng bào trong nước. Đặc biệt hơn, khi bản *Yêu sách* này đã được đăng trên báo Nhân Đạo (L' Humanité), số ra ngày 18/6/1919 với tên gọi *Bản yêu cầu tám điểm* và báo Dân Chúng (Le Populaire) với tên gọi *Quyền của các dân tộc*, và việc thực dân Pháp cũng cho đăng những truyền đơn in bản *Yêu sách* lên báo chí “để chế giễu và

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb. CTQG, H, 1995, t.1, tr.435-436

2. Thu Trang, Nguyễn Ái Quốc tại Pari 1917-1923, Nxb. TTL, H, 1989, tr.63

yêu cầu đàn áp”, v.v.. *Yêu sách tám điểm* và tên gọi Nguyễn Ái Quốc không chỉ có tiếng vang lớn tại Thủ đô của nước Pháp, mà tầm ảnh hưởng của nó đã đến được với các vùng thuộc địa xa xôi của nước Pháp.

Đi liền với những sự kiện liên quan đến bản *Yêu sách* là những cảnh khám xét, bắt bớ tại các trại lính ở Pháp, là việc Bộ Thuộc địa, chính quyền Pháp tăng cường mua chuộc những tay sai người Việt Nam, trà trộn vào quần chúng Việt kiều, nhằm “dò la, theo dõi, tìm hiểu những hoạt động của Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp. Mật báo ngày 30/1/1920 tại Bộ Thuộc địa Pháp ghi rõ: Theo điều tra về những hành vi của nhiều người An Nam, phản ứng của họ về bản *Yêu cầu* của người Đông Dương, “thì kết quả cho biết linh hồn những người này chính là Nguyễn Ái Quốc”.

Tuy nhiên, chính quyền thuộc địa Pháp ở Đông Dương nói chung, Việt Nam nói riêng là một chính quyền bất hợp hiến, cho nên sẽ không có “những giới hạn cho việc thực thi quyền lực” ở nơi đây. Đó chính là cơ sở cho việc cai trị một cách tùy tiện, chuyên chế của chính quyền thực dân Pháp, và hệ lụy của nó chính là sự xâm phạm các quyền và tự do của mỗi con người. Hướng đến mục tiêu đòi lại công lý cho nhân dân Việt Nam, đồng thời bảo vệ các quyền và tự do của con người, *Bản yêu cầu tám điểm của nhân dân An Nam* đã trở thành một Tuyên ngôn chống đế quốc chưa từng có trong tiền lệ và “quả bom chính trị” này đã đưa Nguyễn Ái Quốc - Nguyễn yêu nước đã trở thành “người phát ngôn có uy tín và đáng tin cậy của dân tộc Việt Nam cũng như của dân tộc các nước thuộc địa và phụ thuộc”¹. Từ thủ đô của nước Pháp thực dân, bản *Yêu sách* và tên gọi Nguyễn Ái Quốc trở thành một niềm tin, một khẩu hiệu đấu tranh cho những “dân tộc nhược tiểu”, cho “những thân phận người nô lệ”.

Mặc dù không đạt được một yêu cầu nào, song việc gửi bản *Yêu sách* đến một Hội nghị quốc tế; hình thức đấu tranh trực diện của Nguyễn Ái Quốc - sự xuất hiện lần đầu tiên Nguyễn Ái Quốc trên vũ đài chính trị, tại sào huyệt của chủ nghĩa thực dân; cùng những nội dung của *Yêu sách* đã đánh thức sự thờ ơ của dư luận đối với vấn đề thuộc địa, chính sách cai trị hà khắc ở thuộc địa của Pháp nói chung, và thuộc địa Đông Dương, Việt Nam nói riêng.

Yêu sách của nhân dân An Nam do Nguyễn Ái Quốc ký tên xuất hiện tháng 6/1919 tại Hội nghị hoà bình Véc xây, có thể coi là một cuộc

1. Mai Văn Bộ, *Con đường vạn dặm của Hồ Chí Minh*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 2000, tr.86

gặp gỡ lịch sử, diễn ra khi nhu cầu bức thiết của đất nước Việt Nam thuộc địa đang trải qua một cuộc khủng hoảng đường lối cứu nước, giải phóng dân tộc đứng đứn với một Nguyễn Ái Quốc đầy nhiệt huyết cách mạng, ngày một trưởng thành sau những khảo nghiệm thực tế. Khác và vượt trội hơn những người Việt Nam yêu nước đương thời, Nguyễn Ái Quốc sau những khảo sát lớn lao mang tính thời đại trong hành trình “tìm đường đi cho dân tộc theo đi” đã gắn liền độc lập của dân tộc với quyền tự do của con người. Sớm giương cao ngọn cờ bảo vệ nhân quyền, vì các quyền dân tộc cơ bản của con người, trong tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, quyền sống của dân tộc và quyền sống của con người thuộc lĩnh vực công pháp quốc tế và luật pháp quốc gia gắn bó với nhau.

Với *Bản yêu cầu tám điểm của nhân dân An Nam* - văn kiện mang tính chất chính trị, pháp lý về nội dung và cả hình thức, thể hiện đòi hỏi cấp bách của một dân tộc đối với một Hội nghị quốc tế, Nguyễn Ái Quốc đã từ những tích lũy, tiến đến chiếm lĩnh đỉnh cao về quyền sống, quyền tự do của dân tộc và quyền sống, quyền tự do của con người, trở thành “người đầu tiên trong nền chính trị Việt Nam” nêu chủ trương lập hiến như một nội dung của cách mạng dân chủ. Vì vậy, *Bản yêu cầu tám điểm của nhân dân An Nam* do Người ký tên năm 1919 “xứng đáng được xem là cương lĩnh lập hiến đầu tiên trong đời sống chính trị Việt Nam”¹. Theo luật gia Vũ Đình Hòe, những yêu sách của nhân dân An Nam “phản ánh tư tưởng hiến chính của Nguyễn Ái Quốc đã nảy mầm” và “là một dạng của chế độ hiến chính”².

Ngắn gọn, súc tích, tập trung vào các nội dung đòi tự do, dân chủ của những người dân thuộc địa với yêu cầu bức thiết cần phải thiết lập một chế độ cai trị bằng các đạo luật ở Việt Nam, chứ không phải bằng các sắc lệnh, *Bản yêu cầu tám điểm của nhân dân An Nam* đã lần đầu tiên thể hiện một cách đậm nét hai từ “pháp quyền”. Như vậy là, trong thời đại mà ý muốn của nhân dân là nắm quyền tự quyết, lý tưởng dân quyền, việc thực thi quyền lực của nhân dân, thực thi tổ chức và điều hành xã hội bằng pháp luật do Nguyễn Ái Quốc trình bày trong văn bản pháp lý nêu trên, đã phản ánh nguyện vọng và yêu cầu về quyền của con người ở thuộc địa (trong đó có Đông Dương thuộc Pháp). Nội dung và ý nghĩa của những yêu cầu chính đáng này xuất phát từ sự tiếp nhận có chọn lọc những

1. Nguyễn Đình Lộc, theo Hiến pháp 1946 và sự kế thừa, phát triển trong các Hiến pháp Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 1998, tr.114

2. Vũ Đình Hòe, Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh, Nxb Văn hoá thông tin và Trung tâm lưu trữ văn hoá ngôn ngữ Đông Tây, H, 2001, tr. 342, 340.

thành tựu về quyền con người mà nhân loại đã đạt được trong cuộc đấu tranh chống chế độ phong kiến quân chủ chuyên chế từng được ghi trong *Tuyên ngôn độc lập* của nước Mỹ năm 1776 và *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của nước Pháp năm 1791. Và từ đây, *Yêu sách tám điểm* cũng “sẽ đi vào lịch sử với tính cách là điểm khởi nguồn của một cương lĩnh lập hiến theo tinh thần dân chủ ngay trong khuôn khổ chế độ thực dân”¹ và Người đã khái quát các điều yêu sách này lên mức luật hiến trong lời ca của *Việt Nam yêu cầu ca*: “Bảy xin Hiến pháp ban hành, Trăm điều phải có thần linh pháp quyền”.

Thông qua *Yêu sách tám điểm*, có thể thấy tư duy của Người về lĩnh vực luật pháp thật độc đáo, táo bạo. Trong điều kiện lịch sử khi đó, việc một người Việt Nam của xứ Đông Dương thuộc Pháp đấu tranh đoạt lại ngọn cờ dân tộc tự quyết dựa vào miệng lưỡi của kẻ thù (tuyên bố của Uyn sơn) và từ kẻ thù (thực dân Pháp) là một hành động hiểm có, tài trí, khôn ngoan, mang đậm dấu ấn một Hồ Chí Minh đầy bản lĩnh và dày dặn kinh nghiệm hoạt động thực tiễn. Nhận định về Nguyễn Ái Quốc và *Yêu sách 8 điểm*, Daniel Hémerý cho rằng: Đối với Nguyễn Ái Quốc, trong khi chờ cho các nguyên tắc về dân tộc tự quyết từ lĩnh vực lý tưởng chuyển vào lĩnh vực hiện thực do chỗ quyền tự quyết thiêng liêng của các dân tộc thuộc địa bị vi phạm tụy tiện, sự nhún nhường của Người và những người Việt Nam yêu nước là rất táo bạo, rất triệt để, “vì nó không dừng lại ở việc yêu sách được bình đẳng với nước Pháp mà còn đòi hỏi phải chuyển giao lập tức mô hình dân chủ kiểu phương Tây sang Đông Dương theo hướng độc lập... Đó là một kịch bản chấm dứt tình trạng thuộc địa trước công thức dân chủ về chính trị rồi độc lập”².

Có điều không ảo tưởng, nên ngay sau đó, Người đã sớm nhận ra rằng: Chủ nghĩa Uyn sơn mãi mãi chỉ là lời hứa suông, dù nó từng được tán dương rất nhiều. Đó chỉ là một trò bịp bợm và không thể có “độc lập cho Tổ quốc tôi, tự do, hạnh phúc cho đồng bào tôi” nếu chỉ dừng lại ở thỉnh cầu bọn đế quốc. Muốn được giải phóng các dân tộc chỉ có thể “trồng cây vào mình, trồng cây vào lực lượng của bản thân mình”.

Hoạt động của anh Nguyễn tại Pari từ năm 1919 làm cho ảnh hưởng của anh trong giới kiều bào Việt Nam tại Pháp ngày càng tăng. Một báo cáo được gửi đến Bộ Thuộc địa đã từng xác nhận rằng: Qua điều tra về

1. Nguyễn Đình Lộc, theo Hiến pháp 1946 và sự kế thừa, phát triển trong các Hiến pháp Việt Nam, Sdd, tr.115

2. Daniel Hémerý, Hồ Chí Minh từ Đông Dương đến Việt Nam, Nxb. Phụ nữ, H, 2004, tr. 29

hoạt động tuyên truyền trong các giới người An nam tại Pari về việc ủng hộ bản **Yêu sách của nhân dân An nam** thì thấy rõ linh hồn của phong trào này là Nguyễn Ái Quốc, Tổng thư ký của Hội những người An nam yêu nước. Thực dân Pháp bắt đầu chú ý hơn tới người có tên Nguyễn Ái Quốc. Tên mật thám Pháp Pôn Ácnu (Paul Arnoux) chuyên theo dõi người Việt Nam sống ở Pari, tận mắt chứng kiến anh Nguyễn đang phân phát truyền đơn in bản *Yêu sách của nhân dân An nam* đã thốt lên với các đồng sự tại Bộ Thuộc địa: “Con người thanh niên mảnh khảnh và đầy sức sống này có thể là người sẽ đặt cây chũ thập cáo chung lên nền thống trị của chúng ta ở Đông Dương”¹. Sau đó, trong một lần gặp An be Xa rô (Albert Sarraut) - Bộ trưởng Bộ Thuộc địa và trước vẻ lễ độ giả dối, trước “uy phong lẫm liệt” cùng lời hứa “khi nào ông có cần gì, tôi luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ ông” của tên trùm thực dân, Nguyễn Ái Quốc đã từ tốn nói: Cám ơn ngài! Cái mà tôi cần nhất trên đời này là đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập ...

Không thể ngồi chờ bọn đế quốc rủ lòng thương, anh Nguyễn học viết báo để lên án, tố cáo tội ác của thực dân Pháp. Nguyễn Ái Quốc đã viết bài *Vấn đề bản xứ*², đăng trên báo Nhân đạo (L'Humanité), ngày 2-8-1919 và sau đó là bài *Đông Dương và Triều Tiên* đăng báo Dân chúng (Le Populaire),... Thông qua các bài báo này, một Nguyễn Ái Quốc - người yêu nước tiến bộ, căm thù chủ nghĩa thực dân Pháp, với một khát vọng cháy bỏng là đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng đồng bào khỏi kiếp lầm than, bị đọa đày đau khổ đang trở thành “linh hồn của Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp”.

Giữa lúc đó, Nguyễn Ái Quốc được đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin* (Đại hội lần thứ II Quốc tế Cộng sản họp năm 1920 thông qua), đăng trên báo Nhân đạo ngày 16 và 17-7-1920. Đọc văn kiện này, Nguyễn Ái Quốc hiểu, Lênin phê phán mọi luận điểm sai lầm của những người đứng đầu Quốc tế II về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa. Lênin cũng lên án mạnh mẽ tư tưởng Sô vanh, dân tộc hẹp hòi, ích kỷ, và nhấn mạnh nhiệm vụ của các Đảng Cộng sản là phải giúp đỡ thật sự phong trào cách mạng của các nước thuộc địa và phụ thuộc, đồng thời kêu gọi sự đoàn kết giữa giai cấp vô sản các nước tư bản với nhân dân lao động của tất cả các dân tộc để chống kẻ thù chung là đế quốc và phong kiến.

1. Hồng Hà, Thời thanh niên của Bác Hồ, Nxb. Thanh niên, H, 1976, tr.81

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđd, t.1, tr. 6-10

Luận cương của Lênin đã giúp Nguyễn Ái Quốc xác định rõ con đường cứu nước, và theo Người: “Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: Hỡi đồng bào bị đọa dày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta! Từ đó, tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba”¹.

Tin vào bản *Luận cương* của Lênin, tin vào những gì mà Quốc tế thứ III sẽ làm cho nhân dân các dân tộc thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc vững bước đi theo con đường cách mạng triệt để của chủ nghĩa Mác-Lênin. Cũng vào thời gian đó, nội bộ Đảng Xã hội Pháp đang diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt về việc gia nhập Quốc tế III, ở lại Quốc tế II, hay cải tổ thành Quốc tế hai rưỡi của phái tả, phái hữu và phái giữa. Quan tâm theo dõi quá trình diễn biến phức tạp tại Đại hội bất thường của Đảng họp ở Pa ri (4/1919), Đại hội lần thứ 17 (2/1920) họp ở Xơ-rát-bua, Nguyễn Ái Quốc nhận thức rõ: dù gia nhập quốc tế nào, thì vấn đề quan trọng nhất đối với Đảng Xã hội khi đó và với riêng Người vẫn là sự đoàn kết trong Đảng và đoàn kết với các dân tộc thuộc địa.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII (25 đến 30-12-1920, thành phố Tua, Pháp), Đảng Xã hội Pháp đã tranh luận gay gắt về việc gia nhập Quốc tế thứ ba hay ở lại Quốc tế thứ hai; thành lập Đảng Cộng sản, hay giữ nguyên Đảng Xã hội. Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội với tư cách là đại biểu chính thức và duy nhất của các nước thuộc địa Đông Dương. Trong lời phát biểu tại phiên họp buổi chiều ngày 26-12-1920, Nguyễn Ái Quốc lên án chủ nghĩa đế quốc Pháp, vì lợi ích của nó, đã dùng lưỡi lê chinh phục Đông Dương và trong suốt nửa thế kỷ qua, nhân dân Đông Dương không những bị áp bức và bóc lột một cách nhục nhã mà còn bị hành hạ và đầu độc một cách thâm hiểm.

Bằng dẫn chứng từ thực tế, Nguyễn Ái Quốc tố cáo sự tàn bạo của bọn thực dân Pháp ở Đông Dương, và cho rằng, nhiệm vụ của Đảng Xã hội là cần phải hoạt động một cách tích cực, thiết thực để ủng hộ những người bản xứ. Đặc biệt, “Đảng phải tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước thuộc địa” và phải đánh giá đúng “tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa”. Tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ III, vừa tích cực hoạt động thực tiễn, vừa nghiên cứu lý luận, và từ sự quan tâm đến nội dung quan trọng của vấn đề thuộc địa đối với cách mạng vô sản ở chính quốc, và việc

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.10, tr.126

Đảng Xã hội phải có những hoạt động đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng các dân tộc thuộc địa, v.v.. phát biểu và bản tham luận của anh Nguyễn tại Đại hội lần thứ 18 Đảng Xã hội Pháp được đặc biệt chú ý hơn khi Nguyễn Ái Quốc kêu gọi: “Nhân danh toàn thể loài người, nhân danh tất cả các đảng viên xã hội, cả phái hữu lẫn phái tả, chúng tôi kêu gọi: Các đồng chí, hãy cứu chúng tôi!”¹.

Cuối cùng, với những người đồng chí cách mạng chân chính của Đảng Xã hội Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành tham gia Quốc tế thứ III - Quốc tế Cộng sản. Đây là một sự kiện chính trị vô cùng quan trọng trong đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc và lịch sử cách mạng nước ta. Từ một người yêu nước, đang tìm con đường cứu nước, cùng với sự kiện lịch sử đó, cùng với quyết định đúng đắn đó, Nguyễn Ái Quốc đã trở thành một trong những người tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, đồng thời trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên.

Một chặng đường hoạt động cách mạng mới, con đường đấu tranh mới để thực hiện hoài bão giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân thuộc địa của Nguyễn Ái Quốc bắt đầu. Đây là mốc đánh dấu một bước chuyển biến quyết định, bước nhảy vọt, thay đổi về chất trong nhận thức tư tưởng và lập trường chính trị của Người: đó là từ một người yêu nước, Nguyễn Ái Quốc đã trở thành một người cộng sản. Sự kiện đặc biệt này được Người viết như sau: “Cá nhân tôi, từ lúc đầu nhờ được học tập truyền thống cách mạng oanh liệt và được rèn luyện trong thực tế đấu tranh anh dũng của công nhân và của Đảng Cộng sản Pháp, mà tôi đã tìm thấy chân lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, đã từ một người yêu nước tiến bộ thành một chiến sĩ xã hội chủ nghĩa”².

*

* *

Tựu chung lại, từ năm 1911 đến 1920 là thời kỳ Nguyễn Ái Quốc khảo sát, nghiên cứu để lựa chọn con đường giải phóng dân tộc Việt Nam khỏi ách nô lệ của bọn thực dân, phong kiến. Trong hành trình bốn ba ở châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, hoà mình với cuộc sống của những người lao động, bị áp bức tại các thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc có điều kiện khảo nghiệm cuộc sống lầm than của người dân thuộc địa, nhìn rõ bộ mặt thật của những kẻ bóc lột ở chính quốc và thuộc địa. Từ đó, Người cũng tìm

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.1, tr. 23-24

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.10, tr.241

thấy những người bạn đồng minh của nhân dân ta trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc - đó là nhân dân lao động ở thuộc địa và chính quốc.

Đồng thời, nhận diện rõ bộ mặt thật của kẻ thù, Người kết luận: ở đâu chủ nghĩa tư bản cũng tàn ác và vô nhân đạo, ở đâu nhân dân lao động cũng bị áp bức bóc lột rất dã man; các dân tộc thuộc địa đều có một kẻ thù chung là bọn đế quốc thực dân. Vì vậy, năm 1924, trong bài viết **Đoàn kết giai cấp**, Người nhấn mạnh: “Vậy là, dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản”¹ mà thôi.

Quyết định lựa chọn và hành động của Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội Tua là một sự lựa chọn đúng đắn của một người yêu nước chân chính, phù hợp với trào lưu tiến hóa của lịch sử, đồng thời mở ra một con đường đấu tranh mới của người chiến sĩ cộng sản.

Tiếp đó, trong hành trình đấu tranh để thực hiện khát vọng lớn lao của cuộc đời mình, người cộng sản Nguyễn Ái Quốc đã từ những nội dung trong bản *Yêu sách tám điểm*, đã từ nội dung trong sơ thảo Luận cương của Lênin, kiên quyết đấu tranh để thực hiện quyền sống của các dân tộc thuộc địa và các quyền tự do cơ bản của con người. Bắt đầu một chặng đường mới, chặng đường hoạt động tích cực của người chiến sĩ cộng sản quốc tế Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Không chỉ đấu tranh cho một lá cờ, cho sự giải phóng của dân tộc mình, Người còn đấu tranh cho sự giải phóng của các dân tộc thuộc địa và nhân loại cần lao. Trái tim, khối óc của Người dành cho hết thảy và tất cả sức mạnh của Người đều dành cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t2, tr.266

TỪ NGƯỜI CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐẦU TIÊN ĐẾN NGƯỜI CHIẾN SĨ CỘNG SẢN QUỐC TẾ (1920 - 1924)

Từ sau Đại hội Tua, từ khi xác định: con đường giải phóng cho các dân tộc bị áp bức ở thuộc địa là con đường cách mạng vô sản, trên quan điểm Mác-xít. Nguyễn Ái Quốc nhận thức sâu sắc rằng: khi tuyên bố “Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại”, có nghĩa là “Lênin đã đặt tiền đề cho một thời đại mới, thật sự cách mạng trong các nước thuộc địa”¹. Bằng hành động cách mạng, Nguyễn Ái Quốc từng bước đấu tranh cho sự quán triệt tư tưởng của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Từ việc nêu rõ sự cần thiết phải có sự đoàn kết giữa cách mạng vô sản ở chính quốc và cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa, Người nhấn mạnh: “Để sự nghiệp giải phóng dân tộc đi tới thắng lợi, những người cộng sản phương Đông không chỉ nắm vững những nguyên lý, mà còn phải vận dụng sáng tạo lý luận Mác Lênin vào điều kiện cụ thể của nước mình.”

Nhận thức được trách nhiệm to lớn của mình, đó là góp phần cùng Đảng Cộng sản Pháp quan tâm hơn nữa đến các dân tộc thuộc địa, bằng một kế hoạch hoạt động cụ thể, một chính sách có hiệu quả và thiết thực, Nguyễn Ái Quốc bắt đầu một thời kỳ hoạt động sôi nổi trên các lĩnh vực, đặc biệt là các diễn đàn, các đại hội quốc tế và trên các phương tiện báo chí, nhằm lên án tội ác của chủ nghĩa thực dân đối với nhân dân các nước thuộc địa, thức tỉnh nhân dân các nước thuộc địa, hướng họ vào cuộc đấu tranh giành tự do, độc lập.

Đánh giá đúng vị trí và sức mạnh của nhân dân thuộc địa, vai trò của những người cộng sản trong việc tập hợp và tổ chức quần chúng đấu tranh để giành độc lập dân tộc, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: “Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến. Bộ phận ưu tú có nhiệm vụ phải thúc đẩy cho thời cơ đó mau đến. Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi: Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi”².

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.2, tr. 136

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.1, tr. 28.

Tiếp đó, Nguyễn Ái Quốc đã hoạt động tích cực và mạnh mẽ hơn về lý luận, tư tưởng, tổ chức cho sự nghiệp giải phóng các dân tộc thuộc địa theo con đường cách mạng vô sản. Không chỉ dũng cảm và tích cực lên án, tố cáo tội ác chủ nghĩa thực dân ở các thuộc địa trên các phương tiện báo chí (Thư tín quốc tế, Đời sống công nhân, Nhân đạo, Người cùng khổ...), trên các diễn đàn, các cuộc họp của Đảng Cộng sản Pháp; Người còn chỉ rõ *sự thờ ơ của giai cấp vô sản chính quốc với các nước thuộc địa*. Người từng nói: Họ hoàn toàn không để ý gì đến các thuộc địa.

Phê bình sự không triệt để, không kiên quyết của Đảng Cộng sản Pháp trong vấn đề thuộc địa, trong việc không thực hiện một cách tích cực những Nghị quyết của Đại hội II Quốc tế Cộng sản về vấn đề dân tộc và thuộc địa, trên chuyên mục *Diễn đàn của các thuộc địa* (báo L Humanité), Nguyễn Ái Quốc viết: “Những người bị áp bức khốn khổ thấy chúng ta chỉ luôn luôn hứa hẹn nhưng cũng luôn luôn không hành động gì thì bắt đầu tự hỏi rằng không biết thực ra chúng ta là những người đứng đắn hay là những kẻ lừa phỉnh”¹.

Sau ngày 14-7-1921, Nguyễn Ái Quốc đến ở trong căn phòng rộng 9 m², gác 2, nhà số 9, ngõ Côngpoanh, quận 17, Pari. Mặc dù chật hẹp, nhưng nơi đây đã trở thành một trung tâm mới, thu hút những người Việt Nam yêu nước.

Sống chủ yếu bằng nghề in phóng ảnh, nhưng do việc làm không ổn định, phần do giá sinh hoạt đắt đỏ, nên cuộc sống của Nguyễn Ái Quốc gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt, từ khi thay mặt Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp ký tên vào *Bản Yêu sách 8 điểm*, do có sự can thiệp của cơ quan an ninh Pháp đối với những chủ hiệu đã thuê Nguyễn Ái Quốc, nên sự tìm kiếm việc làm của Người càng khó khăn hơn. Cũng tại thủ đô của nước Pháp, để chống lại những đêm mùa đông giá rét, Nguyễn Ái Quốc dùng hơi ấm tỏa ra từ viên gạch (để nhờ cạnh bếp lò của người chủ nhà khi đi làm), đến tối về, bọc báo, để xuống giường cho đỡ lạnh. Thời gian này, Nguyễn Ái Quốc thường chỉ đi làm buổi sáng, buổi chiều Người đến thư viện, hoặc đi dự các buổi mít tinh, các buổi nói chuyện chính trị để nâng cao hiểu biết. Tại các buổi mít tinh, các buổi sinh hoạt chính trị, Nguyễn Ái Quốc cũng tham gia phát biểu ý kiến, tranh luận và Người thường khéo léo lái sang vấn đề thuộc địa, nhằm lên án chủ nghĩa thực dân.

Ngày 12-12-1921, Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội Đảng bộ quận Xen (Seine), nơi Người cư trú và được bầu là đại biểu chính thức dự Đại hội đại

1. Hồ Chí Minh Toàn tập. Sđd, t.1, tr. 195

biểu toàn quốc lần thứ I Đảng Cộng sản Pháp (25 đến 30-12-1921, Mácxây). Đại hội bầu Nguyễn Ái Quốc làm phụ tá của Chủ tịch Đại hội. Nguyễn Ái Quốc phát biểu cảm ơn các đại biểu đã quan tâm đến những người bản xứ, qua đó khẳng định: Chỉ có trong chủ nghĩa cộng sản người ta mới thấy tình hữu ái thực sự và quyền bình đẳng, và cũng chỉ có nó chúng ta mới có thể thực hiện sự hoà hợp và hạnh phúc ở chính quốc và ở các thuộc địa.

Với những hoạt động tích cực tại Đại hội, chiều ngày 29-12-1921, Nguyễn Ái Quốc được mời trình bày dự thảo: Nghị quyết về chủ nghĩa cộng sản và các thuộc địa - văn kiện mà Người tham gia dự thảo. Người nhấn mạnh: Điều mà người ta có thể trông đợi ở Đại hội Mácxây, trước hết là Đại hội tán thành nguyên tắc thành lập một cơ quan đặc biệt phụ trách chính sách về thuộc địa của Đảng, tiếp đó là uỷ quyền cho Ban lãnh đạo thấy rõ:

1. Tiếp tục và mở rộng nhiệm vụ chuẩn bị đã được khởi đầu.

2. Trình bày ở Đại hội sau của Đảng một luận cương về thuộc địa đã được nghiên cứu nghiêm túc để Đại hội thảo luận đến nơi đến chốn sao cho từ đó Đảng có một chính sách thuộc địa rõ ràng, có phương pháp và thiết thực¹.

Sau Đại hội, Nguyễn Ái Quốc đề nghị Ban lãnh đạo Đảng thành lập Ban Nghiên cứu thuộc địa, có nhiệm vụ giúp Đảng cập nhật thông tin về tình hình các thuộc địa, đề xuất các chính sách đấu tranh với giai cấp tư sản và bọn thực dân, thiết thực giúp đỡ và phối hợp đấu tranh với các dân tộc thuộc địa, v.v.. ý kiến này được chấp thuận và Nguyễn Ái Quốc được chỉ định tham gia Ban đó.

Tiếp đó, Người được cử đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II Đảng Cộng sản Pháp, họp ở Pari, từ ngày 21 đến 24-10-1922. Tại Đại hội này, vấn đề thuộc địa vẫn không có trong chương trình nghị sự. Trên diễn đàn của Đại hội, Nguyễn Ái Quốc lên tiếng phê bình Đảng Cộng sản Pháp chưa quan tâm đúng mức đến vấn đề thuộc địa. Theo đề nghị tích cực của Người, Đại hội biểu quyết thông qua: Lời kêu gọi những người bản xứ ở các thuộc địa do Ban Nghiên cứu thuộc địa đệ trình, và nhấn mạnh: “Vì hoà bình thế giới, vì tự do và sự no ấm của mọi người, những người bị bóc lột thuộc mọi nòi giống, chúng ta hãy đoàn kết lại và đấu tranh chống bọn áp bức”². Sau đó, Lời kêu gọi đã được viết rút gọn bằng tiếng Việt, in thành truyền đơn và bí mật gửi về Việt Nam.

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.1, tr. 445.

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.1, tr. 460.

Những hoạt động tích cực, có hiệu quả của Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội lần I và II của Đảng Cộng sản Pháp đã góp phần đánh dấu một bước tiến mới trong nhận thức và trong hoạt động của Đảng Cộng sản Pháp về vấn đề thuộc địa, đồng thời thúc đẩy Đảng Cộng sản Pháp đi đúng tư tưởng chỉ đạo của Lênin về vấn đề thuộc địa.

Thời kỳ này, Nguyễn Ái Quốc tham gia sinh hoạt câu lạc bộ Phôbua, do Léo Pônđex (Léo Poldes), một trí thức tiến bộ Pháp sáng lập và lãnh đạo, với nhiều nội dung phong phú và bổ ích. Người tham dự khá đều đặn các chương trình, sinh hoạt của câu lạc bộ và tham gia: Hội nghệ thuật và khoa học, Hội những người bạn của nghệ thuật, Hội du lịch, để có điều kiện đi tham quan các bảo tàng, nhà máy, phòng thí nghiệm, xưởng nghệ thuật, và nhiều nơi ở Ý, Thụy Sĩ, Đức, để có điều kiện khảo sát thực tế và tăng thêm sự hiểu biết.

Câu lạc bộ Phôbua, nơi Người thường xuyên tham gia sinh hoạt đã từng tổ chức trình diễn vở kịch *Con rồng tre* do Người sáng tác, nhằm đả kích tên vua bù nhìn Khải Định khi hấn sang Pháp dự Hội chợ thuộc địa tại Mácxây (6 - 1922).

Tham gia đều đặn các buổi sinh hoạt và các hoạt động ngoại khoá của câu lạc bộ Phôbua, nhận thức chính trị và xã hội của Nguyễn Ái Quốc ngày một nâng cao. Từ những hoạt động phong phú đó, Người có điều kiện hiểu sâu sắc hơn về đời sống chính trị, xã hội, về mô hình tổ chức bộ máy của Nhà nước tư sản ở Pháp, về cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản Pháp và những bất công trong lòng xã hội Pháp. Đồng thời, Người nhận thức rõ hơn về con đường, mục tiêu và những phương thức để đấu tranh đòi giải phóng của nhân dân ở các thuộc địa. Từ thủ đô nước Pháp, Người đã từng bước vạch trần những tội ác của chủ nghĩa thực dân Pháp trên các phương tiện truyền thông.

Với nhiều bài viết, bằng các thể loại khác nhau đăng trên các báo Nhân đạo (L'Humanité), Đời sống công nhân (La Vie Ouvriere), tạp chí Cộng sản (La Revue Communiste), v.v.. Nguyễn Ái Quốc tập trung tố cáo: Nền khai hoá giết người, tố cáo sự phung phí tiền của, sự bóc lột nhân dân thuộc địa của bọn thực dân; Kêu gọi các Đảng Cộng sản ở chính quốc phải giúp đỡ các phong trào đấu tranh giải phóng ở các thuộc địa; Phân tích những điều kiện và chỉ rõ chủ nghĩa cộng sản có thể thực hiện được ở châu Á, đặc biệt là cách mạng thuộc địa có thể giành thắng lợi trước, không hoàn toàn phụ thuộc vào thắng lợi của cách mạng vô sản ở chính quốc.

Theo Người, trong các thuộc địa, công nhân đã bắt đầu hiểu thế nào là đấu tranh giai cấp, nhưng "tình trạng thờ ơ của giai cấp vô sản chính

quốc đối với các thuộc địa” vẫn tồn tại. Vì vậy, công nhân ở các nước chính quốc cần phải giúp đỡ một cách tích cực nhất phong trào giải phóng của các nước phụ thuộc, theo đúng những lời dạy của Lênin, để nhân dân thuộc địa có thể đóng góp sức mình, giúp đỡ những người anh em phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn.

Cũng trong những năm tháng hoạt động ở Thủ đô Pari - Trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá của nước Pháp, Nguyễn Ái Quốc có điều kiện tiếp thu đời sống, văn minh Pháp để làm giàu cho vốn tri thức của bản thân mình. Người tìm thấy trong văn hoá Pháp, trong nền triết học ánh sáng Pháp, tâm hồn Pháp và phong cách sống của người Pháp tinh thần tự do, bình đẳng, bác ái và những tinh hoa văn hoá nhân đạo, dân chủ tiến bộ của phương Tây. Với trí tuệ mẫn cảm và vốn văn hoá rộng lớn của mình, với tinh thần không chỉ cởi mở “tiếp thu”, mà còn biết “vượt gộp”, Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, đỉnh cao và kết tinh của văn hoá nhân loại, để trở thành một nhà hoạt động và sáng tạo văn hoá kiệt xuất của dân tộc Việt Nam.

Sau đó, được sự đồng tình và ủng hộ của Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã cùng với đại biểu thuộc địa của Pháp đứng ra vận động thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa - một hình thức mặt trận của các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân Pháp thống trị, cùng liên minh với giai cấp vô sản ở chính quốc, đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Hội Liên hiệp thuộc địa là một liên minh chống chủ nghĩa thực dân ra đời và hoạt động ngay tại chính trung tâm chính trị của nước Pháp thực dân. Hội đã thông qua Tuyên ngôn do Nguyễn Ái Quốc viết và nhấn mạnh: “Chúng tôi xin nói với anh em rằng, công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em. Hội Liên hiệp thuộc địa thành lập chính là để giúp đỡ anh em trong công cuộc ấy... Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại”¹.

Từ những hoạt động và đóng góp của mình, Người đã được bầu vào Ban Chấp hành Hội Liên hiệp thuộc địa. Thời gian đầu (1922-1923), Hội Liên hiệp thuộc địa có khoảng 200 hội viên, hoạt động mạnh mẽ, sôi nổi và có ảnh hưởng rộng rãi. Hội những người Việt Nam yêu nước là một đoàn thể trong Hội Liên hiệp thuộc địa. Tuy nhiên, sau đó, do sự cản trở và phá hoại của Bộ Thuộc địa, sự eo hẹp về tài chính... hoạt động của Hội giảm dần. Đến tháng 6-1926, Hội Liên hiệp thuộc địa ngừng hoạt động.

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 2, tr. 128.

Hội Liên hiệp thuộc địa ra báo *Người cùng khổ* (Le Paria) làm cơ quan ngôn luận. Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm, kiêm chủ bút của tờ báo. Le Paria số 1, ngày 1-4-1922, đăng lời kêu gọi, nêu rõ tôn chỉ, mục đích và nhấn mạnh: “Le Paria đã sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu, mục đích của báo chắc chắn sẽ đạt được: đó là giải phóng loài người”¹. Từ khi ra đời đến khi đình bản, báo *Người cùng khổ* ra được 38 số, trong những điều kiện hết sức khó khăn về tài chính và phương tiện hoạt động, lại luôn bị cảnh sát theo dõi, đe dọa, gây khó dễ. Nguyễn Ái Quốc là một trong những người lãnh đạo chủ chốt của báo, đóng góp nhiều công sức cho sự tồn tại của báo bằng cách viết nhiều bài cho báo, thậm chí còn dành cả phần tài chính eo hẹp của mình cho báo.

Nguyễn Ái Quốc phụ trách tờ báo từ số 1 đến số 15 (6-1923). Trước khi rời Pháp đi Liên Xô, Người viết bài để lại cho các số sau. Nội dung các bài viết này tập trung vạch trần tội ác của chủ nghĩa thực dân trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội... đối với nhân dân Việt Nam, nhân dân Đông Dương và các nước thuộc địa khác. Từ đó, giúp người đọc nhận thức rõ hơn về bộ mặt thật của chủ nghĩa thực dân, về sự tàn bạo của chủ nghĩa thực dân nói chung và thực dân Pháp nói riêng; Về mâu thuẫn giữa chủ nghĩa thực dân với nhân dân lao động tại các thuộc địa; Về mối quan hệ giữa cách mạng thuộc địa và chính quốc... Cũng từ những bài báo của mình, Người đã giúp người đọc hiểu rõ: chủ nghĩa thực dân ở đâu cũng tàn bạo và người dân thuộc địa, tùy theo từng địa danh mà có những tên gọi miệt thị khác nhau, nhưng đều bị tước đoạt mọi quyền tự do, quyền sống của con người.

Mặt khác, cũng từ những bài báo đó, Nguyễn Ái Quốc đã góp phần truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào phong trào công nhân ở các thuộc địa, thúc tỉnh phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Thông qua nội dung các bài báo, Người từng bước chỉ ra yêu cầu cần thiết của việc thực hiện đoàn kết giai cấp và đoàn kết quốc tế; đoàn kết giữa nhân dân các thuộc địa; đoàn kết giữa thuộc địa với chính quốc và coi đó là những điều kiện bảo đảm cho cuộc đấu tranh đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Thời kỳ này, Nguyễn Ái Quốc đã vận động Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp ra báo *Việt Nam hôm nay*. Nhưng do Người rời Pháp đi Liên Xô nên dự định ra báo này chưa kịp thực hiện. Sau đó, báo *Việt Nam hôm nay* ra đời vào tháng 1-1926, nhưng dưới sự chỉ đạo của Nguyễn Thế Truyền.

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.1, tr. 456.

Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại Pháp và những đóng góp của Người tại Đại hội I và II của Đảng Cộng sản Pháp, tại Hội Liên hiệp thuộc địa cùng với việc xuất bản báo *Người cùng khổ* được Đảng Cộng sản Pháp đánh giá cao. Người được Đảng Cộng sản pháp cử đi Mátxcova (Liên Xô) dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản.

Ngày 13-6-1923, từ ga Duy No (Du Nord), Nguyễn Ái Quốc rời Pari bằng tàu hoả đến Béclin (Đức). Từ Hambuốc (Đức), Người đi tàu thuỷ đến Pêtorôgrát (Liên Xô), quê hương của Cách mạng Tháng Mười (30-6-1923). Sau đó, Người đi xe lửa về Mátxcova, bắt đầu một thời kỳ hoạt động, học tập và nghiên cứu về học thuyết Mác- Lênin, về chế độ xã hội chủ nghĩa ngay trên đất nước của Lênin vĩ đại.

Nguyễn Ái Quốc đến Liên Xô khi Liên Xô đang thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Liên Xô. Mặc dù mới trải qua chiến tranh, nhưng tinh thần và niềm tin tưởng vào một chế độ Xã hội chủ nghĩa tốt đẹp hiện rõ trên khuôn mặt những người dân Xô Viết. Tháng 7-1923, Nguyễn Ái Quốc gửi thư cho Trung ương Đảng Cộng sản Pháp nêu lại ý nghĩa và tác dụng của Nghị quyết Đại hội II Quốc tế Cộng sản về vấn đề thuộc địa, lưu ý Đảng Cộng sản Pháp chưa coi trọng vấn đề thuộc địa trong các chương trình hành động của mình, vì rằng: Những nghị quyết ấy chỉ được tô điểm trên mặt giấy. Người cũng đồng thời đề xuất với Đảng 8 nhiệm vụ cụ thể cần được triển khai ngay, nhằm thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội II Quốc tế cộng sản về vấn đề thuộc địa.

Tiếp đó, theo sáng kiến và đề nghị của đồng chí Đôm Ban (Thomas Dombal), Quốc tế Cộng sản đã ủng hộ việc thành lập một tổ chức nông dân quốc tế. Tháng 10-1923, Hội nghị lần thứ nhất Quốc tế Nông dân được triệu tập. Tham dự Hội nghị có 158 đại biểu, trong đó có 122 đại biểu chính thức, đại diện cho nông dân của 40 nước trên thế giới. Nguyễn Ái Quốc được mời tham dự Hội nghị với tư cách là đại biểu chính thức của nông dân Đông Dương.

Tại phiên họp đầu tiên, Hội đồng đã bầu Nguyễn Ái Quốc vào Đoàn Chủ tịch, gồm 11 người. Là đại biểu duy nhất của nông dân thuộc địa, khi được mời phát biểu, Người nói: "Quốc tế của các đồng chí chỉ trở thành một Quốc tế thật sự khi mà không những nông dân phương Tây, mà cả nông dân ở phương Đông, nhất là nông dân ở các thuộc địa là những người bị bóc lột và bị áp bức nhiều hơn các đồng chí, đều tham gia Quốc tế của các đồng chí"¹. Hội nghị bầu ra Hội đồng Quốc tế Nông dân gồm 52 uỷ viên,

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd. t.1, tr. 212.

thông qua các văn kiện và kết thúc vào ngày 16-10-1923. Trong thời gian ở Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc viết nhiều bài cho tạp chí Krestianskii International (Quốc tế Nông dân), đề cập đến các vấn đề của nông dân Việt Nam, Trung Quốc và Bắc Phi; tố cáo chế độ áp bức, bóc lột dã man của bọn thực dân, đế quốc; chỉ rõ phương hướng đấu tranh cho những người nông dân thuộc địa và nửa thuộc địa để thực hiện khẩu hiệu: “Tất cả ruộng đất về tay nông dân”. Sau khi rời Liên Xô, Người được giao nhiệm vụ phụ trách phong trào nông dân các nước châu Á với tư cách uỷ viên đoàn chủ tịch Quốc tế Nông dân.

Nguyễn Ái Quốc đến Liên Xô tham dự Đại hội Quốc tế Cộng sản, nhưng do Lenin ốm nặng, nên Đại hội hoãn họp. Trong khoảng thời gian đó, Người tham gia lớp học ngắn hạn của Trường Đại học Phương Đông và Người cũng là người Việt Nam đầu tiên vào học ở trường này. Ngày 2-4-1924, Nguyễn Ái Quốc được mời tham dự lễ kỷ niệm lần thứ 3 ngày thành lập trường. Trong thời gian học tập ở trường, Nguyễn Ái Quốc đã trao đổi với những thanh niên Trung Quốc, tập hợp tư liệu do họ cung cấp và chủ biên cuốn sách: *Trung Quốc và thanh niên Trung Quốc*, trình bày rõ tình hình nước Trung Hoa đương đại và nhiệm vụ chủ yếu của thanh niên Trung Hoa trong cách mạng dân tộc dân chủ (bằng tiếng Pháp, xuất bản 1925).

Thời gian này, Nguyễn Ái Quốc gặp và trả lời phỏng vấn nhà thơ Ôxíp Mandenxtam và Người đã để lại một ấn tượng sâu sắc trong lòng nhà thơ: “Từ Nguyễn Ái Quốc đã toả ra một thứ văn hoá, không phải văn hoá Âu châu, mà có lẽ là một nền văn hoá tương lai... Qua phong thái thanh cao, trong giọng nói trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta như nghe thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mênh mông của tình hữu ái toàn thế giới”¹. Cảm nhận của nhà thơ, nhà báo đã góp phần làm cho dư luận và bạn bè quốc tế chú ý hơn đến người chiến sĩ cộng sản Nguyễn Ái Quốc của Đông Dương thuộc địa.

Nguyễn Ái Quốc đến Liên Xô khi Lenin đang ốm nặng. Ngày 21-1-1924, Lenin qua đời. Vô cùng thương tiếc Lenin, ngày 23-1-1924 Nguyễn Ái Quốc đã có mặt trong dòng người vào vĩnh biệt Lenin ở Hội trường lớn của trụ sở các Công đoàn Liên xô. Sau đó, Người viết bài: *Lenin và các dân tộc thuộc địa, đảng báo Sự thật* (Pravda), ngày 27-1-1924, và khẳng định: “Lenin bất diệt sẽ sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta”. Nửa năm sau ngày Lenin mất, Người viết bài *Lenin và các dân tộc phương Đông*, đảng báo Le Paria (số 27, 7-1924), và khẳng định: “Không phải chỉ

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđd, t.1, tr. 478 - 479.

thiên tài của Người, mà chính là tính coi khinh sự xa hoa, tinh thần yêu lao động, đời tư trong sáng, nếp sống giản dị, tóm lại là đạo đức vĩ đại và cao đẹp của người thầy, đã ảnh hưởng lớn lao tới các dân tộc châu á và đã khiến cho trái tim của họ hướng về Người, không gì ngăn cản nổi”.

Học xong lớp ngắn hạn tại Đại học Phương Đông, trong khi chờ đợi Đại hội V Quốc tế Cộng sản khai mạc và trở về châu Á, Nguyễn Ái Quốc được nhận vào làm cán bộ của Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản (giấy xác nhận do Pêtrốp ký ngày 14-4-1924).

Nhân ngày Quốc tế lao động 1-5-1924, Nguyễn Ái Quốc được mời đến Hồng trường nói chuyện với những người đi biểu tình và được Tư lệnh thành phố Mátxcova cấp giấy phép tự do đi lại trên Hồng trường trong ngày Quốc tế của những người lao động. Những hoạt động tích cực của Người trên đất nước Xô Viết, sự có mặt của Người trong những nghi lễ quan trọng cho thấy vai trò và uy tín của Nguyễn Ái Quốc ngày càng được khẳng định ở trung tâm phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản (17-6 đến 8-7-1924, tại Mátxcova, với 504 đại biểu thay mặt cho 46 Đảng cộng sản, 4 Đảng không cộng sản và 10 tổ chức quốc tế) để tổng kết tình hình, rút ra những bài học kinh nghiệm của các cuộc đấu tranh giai cấp trong những năm 1918-1923, đồng thời nêu lên ý nghĩa, tầm quan trọng của việc Bôn-sê-vích hoá các Đảng Cộng sản. Tại Đại hội, vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa mà Nguyễn Ái Quốc đặc biệt lưu tâm là điểm thứ 5 của chương trình nghị sự.

Trong buổi khai mạc Đại hội, Nguyễn Ái Quốc phát biểu: Tôi muốn biết Đại hội có gửi lời kêu gọi đặc biệt đến các dân tộc thuộc địa không? Và trước khi biểu quyết thông qua Lời kêu gọi, Người đề nghị bổ sung mấy chữ: Gửi các dân tộc thuộc địa. Sau đó, tại phiên họp thứ 8, ngày 23-6-1924, Nguyễn Ái Quốc được mời phát biểu ý kiến. Thẳng thắn phê bình một số Đảng Cộng sản đã coi nhẹ vấn đề thuộc địa, Người nói: “Tôi đến đây để không ngừng lưu ý Quốc tế cộng sản đến một sự thật là: Thuộc địa vẫn đang tồn tại, và vạch ra để Quốc tế cộng sản thấy rằng: Cách mạng, ngoài vấn đề tương lai của các thuộc địa còn có cả nguy cơ của các thuộc địa”¹, và trong khi vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa, v.v.. thế mà khi nói về cách mạng, các đồng chí lại khinh thường thuộc địa.

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.1. tr. 2

Tiếp tục chương trình nghị sự, được phát biểu về vấn đề dân tộc và thuộc địa, ngày 1-7-1924, Nguyễn Ái Quốc phát biểu, nhắc lại luận điểm của Lênin và khẳng định tầm quan trọng, vị trí của cách mạng thuộc địa: “Cách mạng ở phương Tây muốn thắng lợi thì nó phải liên hệ chặt chẽ với phong trào giải phóng chống chủ nghĩa đế quốc ở các nước thuộc địa và các nước bị nô dịch”¹.

Tại phiên họp thứ 25, ngày 3-7-1924, Nguyễn Ái Quốc phát biểu về vấn đề ruộng đất và nông dân ở các thuộc địa của Pháp. Nói về sự thất bại của nông dân bản xứ, Người nhấn mạnh: “Họ còn thiếu tổ chức, thiếu người lãnh đạo. Quốc tế Cộng sản cần phải giúp đỡ họ tổ chức lại, cần phải cung cấp cán bộ lãnh đạo cho họ và chỉ cho họ con đường đi tới cách mạng và giải phóng”.

Với danh nghĩa đại biểu Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc được mời tham dự Đại hội lần thứ III Quốc tế Công hội đỏ, họp từ ngày 7 đến 22-7-1924. Trong bài tham luận tại Đại hội, Người trình bày những vấn đề liên quan đến giai cấp vô sản ở Đông Dương, đồng thời khẳng định giai cấp vô sản Đông Dương chưa có một tổ chức công nhân nào cả. Từ đó, Người đề nghị: “Các tổ chức công nhân cách mạng Pháp phải tích cực giúp đỡ chúng tôi trong cuộc đấu tranh giải phóng của chúng tôi”². Tiếp đó, Người được mời và tham dự Đại hội Quốc tế Cộng sản Thanh niên và Hội nghị của Tổ chức Quốc tế Cứu tế đỏ (MOPR).

Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại các Đại hội trên đã giúp cho giai cấp công nhân thế giới và nhân dân Xô Viết hiểu rõ hơn về tình cảnh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam nói riêng và nhân dân Đông Dương nói chung, đồng thời đặt nền móng cho sự liên minh, tình đoàn kết vô sản quốc tế giữa nhân dân Việt Nam và những người lao động thế giới.

Tuy nhiên, khi được sống và hoạt động ở Mátxcova, trung tâm của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, điều mà Nguyễn Ái Quốc nhận thấy rõ nhất, đó là Quốc tế cộng sản và các Đảng ở châu Âu hiểu biết rất ít về tình hình ở các thuộc địa. Đặc biệt, Người nhận thức rõ ràng, không thể áp dụng một cách máy móc, rập khuôn những nguyên lý về đấu tranh giai cấp của học thuyết Mác vào điều kiện cụ thể của các thuộc địa. Vì vậy, Người xác định sẽ tận dụng mọi cơ hội để có thể giúp những người cộng sản ở phương Tây hiểu rõ hơn về thuộc địa và vai trò của cách mạng thuộc địa.

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 1, tr. 277.

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 1, tr. 293.

Cùng từ việc thấu hiểu tầm quan trọng, mối quan hệ chặt chẽ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong cách mạng giải phóng dân tộc theo quỹ đạo của cách mạng vô sản, tại các hội nghị quốc tế: *Hội nghị quốc tế nông dân tháng (10/1923)*; *Đại hội Quốc tế công đoàn (1924)*; đặc biệt là tham luận của Người tại *Đại hội V – Quốc tế Cộng sản (7/1924)*; v.v.. và các bài viết trên các báo Nhân đạo (L'Humanité), Đời sống công nhân (La Vie Ouvrière), Sự thật (Pravda), Người cùng khổ (Le Paria), Thư tín quốc tế (Inprekor), Tạp chí Cộng sản v.v.. Nguyễn Ái Quốc tiếp tục tiến hành đấu tranh không mệt mỏi, phê phán những quan điểm sai trái của một số Đảng Cộng sản trong cách nhìn nhận, đánh giá về vai trò, vị trí của cách mạng thuộc địa: “Tôi đến đây để không ngừng lưu ý Quốc tế cộng sản đến một sự thật là: Thuộc địa vẫn đang tồn tại, và vạch ra để Quốc tế cộng sản thấy rằng: Cách mạng, ngoài vấn đề tương lai của các thuộc địa, còn có cả nguy cơ của các thuộc địa... các đồng chí chưa hoàn toàn thấm nhuần tư tưởng cho rằng vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa. Vì vậy, tôi sẽ tận dụng mọi cơ hội có được, sẽ gọi ra những vấn đề và nếu cần tôi sẽ thức tỉnh các đồng chí về vấn đề thuộc địa”¹.

Hơn thế nữa, Người còn nhấn mạnh rằng: Chừng nào Đảng Cộng sản Anh, Đảng Cộng sản Pháp và các Đảng Cộng sản khác ở các nước Tư bản chủ nghĩa chưa thi hành một chính sách thật tích cực trong vấn đề thuộc địa, thì toàn bộ chương trình rộng lớn của hai đảng đó vẫn không có hiệu quả gì, vì nó trái với chủ nghĩa Lênin. Đặc biệt, Người còn nhấn mạnh rằng: Quốc tế Cộng sản, các Đảng Cộng sản hiểu biết rất ít về thuộc địa, về những gì đã và đang xảy ra ở thuộc địa, dường như chưa làm gì cho thuộc địa và điều đó thật đáng tiếc, thật đáng trách.

Không dừng lại ở đó, Nguyễn Ái Quốc – một người sinh trưởng ở thuộc địa, khát khao giải phóng các dân tộc thuộc địa hiểu rằng: chỉ có những luận cương dài, những nghị quyết rất kêu thôi chưa đủ. Điều quan trọng nhất là phải có những biện pháp cụ thể, hữu hiệu như: mở chuyên mục đều đặn trên báo về vấn đề thuộc địa; tăng cường tuyên truyền và tuyển lựa cán bộ Đảng là người bản xứ ở những nước thuộc địa; gửi những người bản xứ vào đào tạo tại Trường Đại học Phương Đông; yêu cầu các đảng viên của Đảng quan tâm hơn nữa đến vấn đề thuộc địa, nhằm kết hợp, đoàn kết chặt chẽ hơn mối liên hệ mật thiết giữa sự nghiệp cách mạng giải phóng

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.1, tr. 273

dân tộc ở thuộc địa với cuộc cách mạng vô sản của giai cấp công nhân ở các nước Tư bản chủ nghĩa nói chung và nước Pháp nói riêng.

Cũng từ những hoạt động về lý luận và thực tiễn đó, theo Nguyễn Ái Quốc, vấn đề quan trọng đặt ra trước mắt cho các nước thuộc địa ở phương Đông: đó là đấu tranh giành độc lập dân tộc. Phải có độc lập dân tộc mới có thể tiến hành cách mạng Xã hội chủ nghĩa, xây dựng Chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, Người cũng nhấn mạnh rằng, độc lập dân tộc ở các thuộc địa không thể chỉ chờ đợi ở những người anh em nơi chính quốc, độc lập dân tộc phải do các dân tộc “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta” .

Xác định rằng: cách mạng giải phóng dân tộc ở các thuộc địa thuộc phạm trù của cách mạng vô sản, là một bộ phận khăng khít của sự nghiệp cách mạng thế giới, Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh sự ảnh hưởng, mối liên hệ chặt chẽ giữa cách mạng ở thuộc địa và cách mạng ở chính quốc. Tuy nhiên, khác với Lênin, khác với thời đại trước, cách mạng ở các thuộc địa phải phụ thuộc vào cách mạng ở các nước tư bản chính quốc và chỉ có thể thành công sau khi cách mạng ở những nước tư bản giành được thắng lợi; Nguyễn Ái Quốc đã từ sự phân tích sâu sắc bản chất của chủ nghĩa thực dân, coi nó như “một con đĩa có hai vôi” một vôi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc, một vôi nữa bám vào thuộc địa, đi đến khẳng định: *khâu yếu nhất của chủ nghĩa đế quốc chính là các thuộc địa.*

Bởi thuộc địa là nơi tập trung các mâu thuẫn của thời đại, nơi đó cách mạng vô sản có thể nổ ra trước và sẽ giành thắng lợi trước cách mạng ở chính quốc, vì vậy, cách mạng thuộc địa phải có sự chủ động, phải thực hiện sự nghiệp giải phóng bằng sự nỗ lực của chính bản thân mình, phải đồng tâm, đồng sức, đồng lòng đứng lên để tự giải phóng. Coi cách mạng giải phóng dân tộc ở các thuộc địa là một trong hai cái cánh của con chim, cánh này vỗ ở thuộc địa, cánh kia vỗ ở chính quốc, Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ: Sự nghiệp giải phóng dân tộc ở các thuộc địa gắn liền với sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân và giải phóng xã hội. Cả hai cuộc giải phóng đó đều là sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, là sự nghiệp của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Tuy nhiên, không chỉ khẳng định mối quan hệ chặt chẽ của cách mạng thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc, Người còn đồng thời chỉ rõ vai trò và tính chủ động của cách mạng thuộc địa trong sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản thế giới. Theo Người: “Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những

người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”¹.

Đặc biệt, khi nghiên cứu, xem xét cụ thể cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa, đặc biệt là xứ Đông Dương thuộc Pháp, Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh trong tác phẩm *Báo cáo về Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ năm 1924*, rằng ở đây “cuộc đấu tranh giai cấp không diễn ra giống như ở phương Tây”. Xét về “cấu trúc kinh tế, không giống các xã hội phương Tây thời Trung cổ, cũng như thời cận đại, và đấu tranh giai cấp ở đó không quyết liệt như ở đây”, do đó, “cũng không thể cấm bổ sung “cơ sở lịch sử” của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được”, và “xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông”².

Phần bổ sung cơ sở lịch sử, để củng cố học thuyết Mác, theo Nguyễn Ái Quốc đó là thuộc địa. Người nói rằng: “Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước” trong các dân tộc thuộc địa ở phương Đông. Ở nơi đó, chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc đã làm cho sự xung đột về quyền lợi được giảm thiểu, và dù là địa chủ hay nông dân, người buôn hay cu li thì họ đều là người nô lệ mất nước. Người viết: “Chủ nghĩa dân tộc đã luôn thúc đẩy các nhà buôn An Nam cạnh tranh với người Pháp và người Trung Quốc, nó thúc giục thanh niên bãi khóa, làm cho những nhà cách mạng trốn sang Nhật và làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa năm 1917”³, đặc biệt, trong điều kiện cụ thể của Việt Nam, chủ nghĩa dân tộc còn có cả lòng căm ghét bọn xâm lược Trung Quốc và người Ấn Độ có mặt trên đất nước này.

Trên cơ sở nghiên cứu cấu trúc kinh tế, văn hoá, xã hội và kết cấu quyền lực ở Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh rằng: “Những người cộng sản ở các thuộc địa muốn tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc thắng lợi thì không thể bỏ qua những nét đặc thù của điều kiện cụ thể về tự nhiên và xã hội. Phải chuẩn bị kỹ càng để có “tính chất một cuộc khởi nghĩa quần chúng chứ không phải một cuộc nổi loạn. Cuộc khởi nghĩa phải được chuẩn bị trong quần chúng” và do Đảng cộng sản - đội tiên phong của giai cấp công nhân lãnh đạo.

Như vậy là, cùng với những hoạt động lý luận và thực tiễn của mình trong những năm tháng học tập và hoạt động ở Liên Xô, Người đã đấu tranh công khai và kiên quyết để góp phần hiện thực hoá khẩu hiệu nổi tiếng của Lênin: *Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại!*

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.1, tr.36

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.1, tr. 465

3. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.1, tr. 466

Những luận điểm và kiến nghị về tình hình, đặc điểm của Việt Nam thể hiện sự sâu sát thực tế và việc vận dụng những nguyên lý cơ bản của học thuyết Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc. Có ý nghĩa như một phương hướng chung, có tính chất như một cương lĩnh hành động của cách mạng Việt Nam, Báo cáo tập trung vào 3 vấn đề chính:

- 1/ Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản;
- 2/ Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và đào tạo cán bộ cho cách mạng Việt Nam;
- 3/ Dự báo về khả năng một cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Đông Dương và nó phải được sự ủng hộ của nước Nga Xô Viết, của giai cấp vô sản toàn thế giới.

Trong điều kiện lịch sử khi đó, những ý kiến trong *Báo cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ* thể hiện một tư duy sắc sảo, một thái độ dũng cảm của Nguyễn Ái Quốc trong việc khẳng định: Thực tiễn là tiêu chuẩn, là sự kiểm nghiệm của chân lý. Mặt khác, báo cáo cũng thể hiện sự nắm vững linh hồn, phương pháp và sự vận dụng sáng tạo những nguyên lý của học thuyết Mác trong điều kiện cụ thể của Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc.

Những nghiên cứu về lý luận, những hoạt động thực tiễn của Nguyễn Ái Quốc trên đất nước Xô Viết trong hơn một năm đã giúp Người có điều kiện trang bị cho mình vốn kiến thức lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin một cách hệ thống. Đồng thời, Người có điều kiện khảo nghiệm, chứng kiến những thành tựu của Nhà nước và nhân dân Xô Viết. Những hoạt động sôi nổi của Người, những lời cáo trạng đanh thép tố cáo tội ác thực dân, sự nhận thức và luận giải một cách khoa học những vấn đề về thuộc địa, vai trò cách mạng thuộc địa trong mối quan hệ khăng khít với sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản thế giới của Người đã góp phần làm cho nhận thức luận của Người nâng cao, uy tín chính trị của Người được củng cố.

Không chỉ nắm vững những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác - Lênin, Nguyễn Ái Quốc còn đề xuất nhiều luận điểm và phát triển một cách sáng tạo lý luận về cách mạng thuộc địa của Lênin, làm phong phú lý luận Mác - Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc trong quỹ đạo cách mạng vô sản. Được sống, học tập tại trung tâm cách mạng thế giới, được làm việc tại Quốc tế Cộng sản, được đấu tranh và rèn luyện trong phong trào cộng sản quốc tế, từ những bài báo viết trong những năm 1921-1924 này, Nguyễn Ái Quốc đã bổ sung, sửa chữa thành cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp*.

Cuối năm 1924, trước khi Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô đi Quảng

Châu, bản thảo cuốn sách được gửi từ Mátxcova đến Pari cho Hội Liên hiệp thuộc địa và Ban biên tập báo Le Paria. Cuốn sách gồm 12 chương và phần Phụ lục, đề cập 3 nội dung lớn:

1/ Tội ác của chủ nghĩa thực dân Pháp;

2/ Sự thức tỉnh các dân tộc thuộc địa;

3/ Phương hướng đấu tranh, giải phóng các thuộc địa theo đường lối của Quốc tế Cộng sản.

Trong đó, bài viết: *Gửi thanh niên Việt Nam* ở phần Phụ lục của cuốn sách, là những lời tâm huyết của Người với thế hệ thanh niên Việt Nam trước vận mệnh của nước nhà. Từ việc đánh giá đúng vị trí, vai trò của thanh niên trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, Người kêu gọi: “Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu đám Thanh niên già cỗi của Người không sớm hồi sinh”¹.

Bằng sự nhạy bén về chính trị, phân tích tình hình thế giới, dự báo những biến động chính trị mới tiềm ẩn ở phương Đông, cũng thông qua các bài báo, Nguyễn Ái Quốc kêu gọi giai cấp vô sản quốc tế hãy cảnh giác với “lò lửa của chiến tranh thế giới mới”, và nhấn mạnh: Thái Bình Dương và các nước thuộc địa xung quanh Thái Bình Dương, tương lai có thể trở thành một lò lửa của chiến tranh thế giới mới mà giai cấp vô sản sẽ phải gánh chịu.

Đồng thời, Người cũng tuyên truyền về thành tích của nước Nga Xô Viết, về sự giúp đỡ của nước Nga với các dân tộc thuộc địa, góp phần chống lại sự xuyên tạc của báo chí tư sản đối với cách mạng Nga, với đất nước Nga Xô Viết, bởi Người từng nhấn mạnh: Nếu nước Nga chưa phải là một thiên đường cho tất cả mọi người, thì nước Nga đã là một thiên đường của trẻ con.

*

* *

Từ một người yêu nước, đang tìm con đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã trở thành người cộng sản và trong hành trình thực hiện khát vọng giải phóng dân tộc, Người đồng thời trở thành một người chiến sĩ cộng sản quốc tế. Trên cơ sở nhận thức được tầm quan trọng và mối quan hệ chặt chẽ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp trong cách mạng giải phóng dân tộc theo quỹ đạo của cách mạng vô sản, Nguyễn Ái Quốc đã

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđd, t. 2, tr. 133.

kiên trì đấu tranh cho vấn đề dân tộc thuộc địa tại Đảng Cộng sản Pháp và Quốc tế Cộng sản. Thông qua những hoạt động lý luận, thực tiễn của mình, Người cũng nhận thấy rằng vấn đề đặt ra trước mắt cho các nước thuộc địa ở phương Đông đó là đấu tranh giành độc lập dân tộc và phải có độc lập dân tộc mới có thể tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Cũng theo Nguyễn Ái Quốc, muốn giành được độc lập, nhân dân các dân tộc thuộc địa phải đoàn kết, phải chủ động tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, và một trong những cống hiến quan trọng nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với phong trào cách mạng thế giới và kho tàng tư tưởng Mác-xít là lý luận về cách mạng thuộc địa và tính chủ động của cách mạng thuộc địa. Nói về vấn đề này, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng trong tác phẩm “Hồ Chí Minh - Một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp” đã viết rằng: “ Cho đến đầu thế kỷ XX, học thuyết Mác Lênin chỉ mới soi sáng cách mạng vô sản ở phương Tây. Hồ Chí Minh thấy cần góp phần mang theo chân lý thời đại này để soi sáng phần của thế giới mà học thuyết Mác - Lênin vừa mới bắt đầu chiếu tới. Từ đó, Hồ Chí Minh suy nghĩ, tìm tòi, nghiên cứu để bổ sung những điều mà các bậc thầy học thuyết Mác-Lênin, vì sự hạn chế của lịch sử, chưa nói được đầy đủ” .

Nhận thức này được chứng minh qua những hoạt động của Hồ Chí Minh trong quá trình vận động thành lập Đảng, quá trình lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta trong những năm sau đó.

CHUẨN BỊ VÀ SÁNG LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (1924-1930)

Nhằm thực hiện mục đích lớn lao của cuộc đời mình, Nguyễn Ái Quốc đã trở về gần Tổ quốc. Người chọn Quảng Châu làm điểm dừng chân. Tại đây, bằng những hoạt động lý luận và thực tiễn của mình, Người đã chuẩn bị chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của một chính Đảng vô sản kiểu mới - Đảng của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam.

Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc rời Mátxcova, về đến Quảng Châu - Trung Quốc (11-11-1924) - nơi được coi là trung tâm cách mạng của châu á. Người đã kịp thời liên lạc với phong trào, tổ chức và chỉnh đốn lại phong trào, hướng phong trào đi theo quỹ đạo của cách mạng vô sản và xúc tiến việc thành lập một chính đảng mác xít.

Trong bức thư viết ngày 12-11-1924 gửi một đồng chí trong Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc báo tin: "Tôi đã đến đây hôm qua, và đang ở nhà đồng chí Bô rô đin với 2 hoặc 3 đồng chí Trung Quốc. Tôi chưa gặp ai cả. Mọi người ở đây đều bận về việc Bác sĩ Tôn lên phương Bắc"¹. Trong một bức thư khác gửi cho đồng chí Đôm Ban, Người xin thứ lỗi vì không thể báo trước về chuyến đi về châu á này, và mong đồng chí hãy nói với các đồng chí trong Ban chấp hành Quốc tế nông dân rằng: "Tôi sức khoẻ yếu, chớ đừng nói tôi vắng mặt, và vì tôi đang hoạt động ở đây".

Lúc này, Người làm việc tại cơ quan của đồng chí Bô rô đin cùng một vài người Trung Quốc khác. Tại Văn phòng làm việc của phái bộ, nữ thư ký người Nga Akhimôva từng gặp Nguyễn Ái Quốc thời kỳ này đã viết trong cuốn hồi ký *Hai năm ở nước Trung Hoa nổi dậy* (xuất bản ở Liên Xô năm 1980) như sau: "Ở nhà Bô rô đin, tôi có may mắn được làm quen với một trong những con người tuyệt diệu nhất của Quảng Châu lúc đó là Lý Thụy, một người Việt Nam mà về sau chúng tôi gọi đùa anh là Lý An Nam"².

Tại Quảng Châu, Người tiếp xúc với những người Việt Nam yêu nước đang hoạt động ở đây. Đầu tiên là những thanh niên hăng hái nhất trong

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 2, tr. 4

2. V. V. Visniamôva Akhimôva, Hai năm ở nước Trung Hoa nổi dậy, Nxb. Khoa học, Mátxcova, 1980, tr.47

Tâm Tâm xã, dần dần, Người mở rộng địa bàn hoạt động của mình, và trong một báo cáo gửi cán bộ phụ trách Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản, ngày 22-12-1924, Nguyễn Ái Quốc viết: Tôi đã tìm thấy ở đây vài người Đông Dương mà với họ, tôi hy vọng làm được việc gì đó.

Những hoạt động bước đầu đã giúp Nguyễn Ái Quốc tìm được chỗ dựa, hình thành được nhóm trung kiên để triển khai công việc. Trên cơ sở nắm vững điều kiện thực tiễn, Nguyễn Ái Quốc khẩn trương, chủ động và cẩn trọng khi tiến hành xây dựng tổ chức cách mạng theo từng bước, có tính chất quá độ. Đầu tiên, Người tiếp xúc và tìm hiểu những người Việt Nam yêu nước đang hoạt động ở miền Nam Trung Quốc, lập ra nhóm bí mật làm hạt nhân gồm 9 hội viên, trong đó có:

- 2 người đã được phái về nước.
- 3 người ở tiền tuyến (trong quân đội của Tôn Dật Tiên).
- 1 người đang đi công cán quân sự (cho Quốc dân Đảng).

Trong số hội viên đó, có 5 người đã là đảng viên dự bị của Đảng Cộng sản¹. Tiếp theo, Người thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (6-1925), một tổ chức có tính chất quần chúng, nhằm tập hợp những thanh niên yêu nước ở trong và ngoài nước, đây là một tổ chức cách mạng có khuynh hướng Mác-xít.

Hội tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ, cấp dưới phục tùng cấp trên, thiếu số phục tùng đa số, lấy tự phê bình và phê bình làm phương châm phát triển của mình. Hội được tổ chức thành 5 cấp: Tổng bộ, Kỳ bộ, Tỉnh bộ, Huyện bộ và Chi bộ và theo quy định, tất cả các hội viên phải hoạt động trong quần chúng, tuyệt đối giữ bí mật hoạt động của Hội.

Mục đích của Hội là: Hy sinh tính mệnh, quyền lợi, tư tưởng để làm cuộc cách mạng dân tộc (đập tan bọn Pháp và giành lại được độc lập cho xứ sở) rồi sau làm cách mệnh thế giới (lật đổ chủ nghĩa đế quốc và thực hiện chủ nghĩa cộng sản).

Chương trình hoạt động của Hội: kết nạp hội viên; tổ chức các đoàn thể như Công hội, Nông hội, Hội học sinh, Hội phụ nữ, v.v.. thành lập chính phủ nhân dân, đoàn kết với các giai cấp vô sản của tất cả các nước và thành lập xã hội cộng sản...

Điều lệ của Hội quy định cụ thể về điều kiện vào hội, lễ lối tổ chức, cơ cấu các cấp Trung ương, xứ uỷ, tỉnh uỷ, huyện uỷ, chi bộ, vấn đề tiến

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd. t.2. tr.141

hành hội nghị thường kỳ của các cấp và hội nghị toàn quốc, kỷ luật và nhiệm vụ của hội viên...

Việc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là một sáng tạo, có chủ đích của Nguyễn Ái Quốc. Đây là một tổ chức quá độ, phù hợp với điều kiện của Việt Nam, tạo điều kiện truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối và phương pháp đấu tranh cách mạng mới vào phong trào đấu tranh yêu nước của nhân dân ta. Thông qua những hội viên của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, thông qua phong trào vô sản hoá, luồng tư tưởng mới của thời đại đã xâm nhập vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước, làm thay đổi tính chất, chiều hướng của phong trào đấu tranh cách mạng. Phong trào công nhân đã phát triển từ tự phát lên tự giác, đưa đến sự thắng lợi của khuynh hướng vô sản trong phong trào đấu tranh cách mạng. Từ mục đích, chương trình và điều lệ hoạt động của mình, Hội đã thu hút đông đảo các lực lượng vào tổ chức cách mạng của mình, đồng thời có ảnh hưởng tích cực đến các tổ chức chính trị cùng thời khác.

Tiếp theo, Nguyễn Ái Quốc mở lớp huấn luyện chính trị, đào tạo đội ngũ cán bộ nòng cốt, làm nhiệm vụ tuyên truyền những nguyên lý cơ bản của học thuyết Mác - Lênin về trong nước. Lớp học chính thức khai mạc cuối năm 1925 tại ngôi nhà số 13 và 13/1 (nay là nhà số 248 - 250), đường Văn Minh, Quảng Châu, Trung Quốc. Từ đầu năm 1926 đến tháng 4-1927, Nguyễn Ái Quốc đã mở được ba khóa, huấn luyện cho khoảng 75 người. Tuyệt đại bộ phận học viên học xong đều trở về nước và về Xiêm hoạt động. Họ đã trở thành những người tuyên truyền, tổ chức các tổ chức cách mạng trong nước và Việt kiều ở Xiêm.

Người trực tiếp phụ trách lớp và là giảng viên chính. Chương trình học tập của lớp bao gồm cả lý thuyết lẫn thực hành. Thông qua lớp huấn luyện, các học viên được trang bị những vấn đề sơ giản về chủ nghĩa Mác - Lênin, về những nguyên tắc hoạt động bí mật, về kỹ năng thực hành các công tác vận động quần chúng...

Với vị thế cán bộ của Ban phương Đông, với tầm nhìn xa của vị lãnh tụ cách mạng và hướng tới mục tiêu đào tạo một lớp cán bộ cách mạng kế cận, Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn những thanh niên Việt Nam có khả năng, gửi đi học Trường Đại học Cộng sản của những người lao động Phương Đông ở Mátxcơva (Trường đại học Phương Đông) và Trường Quân sự Hoàng Phố ở Quảng Châu, đồng thời muốn gửi những thiếu nhi độ tuổi từ 12-15 có mặt ở Quảng Châu, đang là "những thiếu nhi cộng sản đầu tiên của nước An Nam" sang Mátxcơva để đào tạo, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng.

Cùng với việc đào tạo cán bộ, Người đồng thời chủ trương xuất bản sách và báo chí làm phương tiện tuyên truyền. Trên cơ sở nắm vững những luận điểm của Lênin về vai trò của báo chí cách mạng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cho rằng “bước thực tiễn đầu tiên để tiến tới thành lập cái tổ chức mong muốn” đó chính là phải “thành lập tờ báo chính trị” làm nhiệm vụ tuyên truyền tập thể, tổ chức tập thể. Tổ chức mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thành lập là Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, và tờ báo làm nhiệm vụ lịch sử đó là *Báo Thanh Niên*, số đầu tiên ra ngày 21-6-1925. Có 88 số trong khoảng thời gian từ (21-6-1925 đến 17-4-1927) do Người trực tiếp biên soạn, sửa chữa trên tổng số 202 số của tờ *Báo Thanh Niên*.

Xác định rõ mục đích là “gửi về nước để tuyên truyền cho nhân dân”, mà đối tượng chủ yếu là thanh niên, công nhân, nông dân... Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã chọn lối viết ngắn, dễ hiểu, giản dị, bằng các hình thức phong phú như tranh vẽ, ca dao, thơ ca, khẩu hiệu... để từng bước đề cập đến những vấn đề cơ bản nhất của đường lối cách mạng, phương pháp cách mạng và những vấn đề thuộc về lý luận Mác - Lênin, về Chủ nghĩa cộng sản, về Đảng cộng sản... Từ những nội dung dễ đọc, dễ hiểu, từ những chuyên mục: tin tức trong nước, thế giới, phụ nữ, từ điển cách mạng... báo Thanh Niên đã kêu gọi tinh thần yêu nước, truyền thống và ý chí đấu tranh chống giặc ngoại xâm của toàn dân tộc, từ đó mong mọi người hãy xích lại gần nhau hơn, đoàn kết hơn vì sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Tuy số lượng phát hành không nhiều (100 bản) nhưng với hình thức nhỏ, gọn, được truyền tay nhau đọc, ghi chép lại rồi cho người khác đọc, nhờ có hệ thống giao thông cách mạng hoạt động tốt, báo Thanh Niên đã đến được khắp 3 miền đất nước, sang cả Lào và Campuchia. Mật thám Pháp điên cuồng lùng sục, bắt bớ những người cộng sản, huỷ hoại gần hết những tờ báo mà chúng bắt được, song báo Thanh Niên vẫn đến được với đông đảo quần chúng, đến được với những chiến sĩ cách mạng và những nội dung tư tưởng của báo đã đem đến cho những người dân Việt Nam yêu nước “một đường lối cứu nước mới, một phương pháp cách mạng mới”.

Với gần 60 số trên tổng số 88 số báo do Người trực tiếp chỉ đạo, từ những nội dung cơ bản: Vì sao phải làm cách mạng? Làm cách mạng để làm gì? Vì sao phải đoàn kết?, đến những nội dung cụ thể thuộc về đường lối cách mạng như: đối tượng cách mạng, lực lượng cách mạng, con đường cách mạng, báo Thanh Niên (số 67, ra ngày 31-10-1926) đã nêu ra tính tất yếu phải có sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. Từng bước một, học thuyết Mác Lênin, học thuyết cách mạng khoa học nhất, chắc chắn nhất của giai cấp công nhân thông qua những nội dung được đăng tải trên báo Thanh Niên đã đến được Việt Nam, đất nước với hơn 90% dân số là nông dân, đa phần là mù chữ.

Thông qua báo Thanh Niên, những người dân Việt Nam đang khát khao độc lập, tự do hiểu rõ rằng muốn thực hiện được khát khao đó thì phải làm cách mạng, phải đoàn kết lại vì “nếu chúng ta đoàn kết, trong tương lai chúng ta sẽ giành được thắng lợi” (số 1, ngày 21-6-1925). Để giành được thắng lợi trọn vẹn, phải xác định rõ đối tượng cách mạng và con đường đi lên của cách mạng. Giải quyết những nội dung cụ thể đó, báo Thanh Niên nêu rõ, con đường của cách mạng Việt Nam là “trước làm cách mạng quốc gia, sau làm cách mạng thế giới” và đối tượng cần phải đánh đổ là bọn đế quốc thực dân cấu kết với các thế lực phong kiến tay sai. Cuộc cách mạng lâu dài, gian khổ nhằm giải phóng nhân dân Việt Nam, nhân loại cần lao bị áp bức trên toàn thế giới, đòi hỏi phải có sự đoàn kết, tham gia của đông đảo nhân dân lao động. Xác định rõ lực lượng cách mạng là những người yêu nước được giác ngộ cách mạng vì “quốc dân giác ngộ chừng nào thì lực lượng to lớn chừng ấy”, báo Thanh niên cũng nêu rõ lực lượng nòng cốt là công - nông liên minh (số 73, ngày 12-12-1926).

Không chỉ đăng tải những nội dung thuộc về đường lối, báo Thanh Niên còn lần lượt đăng tải những nội dung cụ thể về phương pháp tổ chức quần chúng, phương pháp đấu tranh cách mạng. Quần chúng đã được giác ngộ cách mạng, đã sẵn sàng nổi dậy đấu tranh, nhưng nếu không được huấn luyện kỹ, không được tập dượt đấu tranh, công cuộc nổi dậy sẽ thất bại. Tổ chức quần chúng đấu tranh, chớp thời cơ giành thắng lợi là một trong những nội dung cơ bản của phương pháp cách mạng. Từ những hình ảnh cụ thể, dễ nắm bắt như “Người không có tổ chức thì cũng như một chiếc đũa lẻ loi, ai bẻ cũng gãy. Người có đoàn thể..., thì cột thành một bó, không ai bẻ gãy được” (số 64, ngày 10-10-1926), đến “làm việc phải theo thứ tự” (số 72, ngày 7-12-1926) báo Thanh Niên đã từng bước vũ trang cho những người yêu nước Việt Nam phương pháp đấu tranh mới, nó khác xa với những vụ ám sát cá nhân như “tiếng bom của liệt sỹ Phạm Hồng Thái”, nó cũng khác xa con đường cứu nước theo khuynh hướng tư sản của hai nhà chí sỹ họ Phan, và cuộc khởi nghĩa nông dân của Hoàng Hoa Thám.

Khi quần chúng nhân dân đã được giác ngộ cách mạng, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh khẳng định rằng: muốn làm cách mạng thì “trước hết phải có Đảng cách mạng”. Đảng cách mạng phải đi theo một chủ nghĩa chân chính - Đó là chủ nghĩa cộng sản, phải được trang bị vũ khí tinh thần - đó là lý luận Mác - Lênin. Từ những luận điểm về giai cấp và đấu tranh giai cấp, báo chỉ rõ “giai cấp nào có Đảng của giai cấp ấy. Đảng là để thay mặt cho giai cấp (số 66, ngày 29-10-1926, đến số 67 ngày 31-10-1926), báo đã nêu rõ tính tất yếu phải thành lập một chính Đảng mác xít cho giai cấp công nhân Việt Nam. Đảng Cộng sản phải là tổ chức của những người con ưu tú nhất, trưởng thành trong phong trào quần chúng, vì vậy đảng viên phải là

những người mẫu mực, có “tư cách của người cách mệnh”, sẵn sàng hy sinh vì quyền lợi của nhân dân và “phải lấy chí công vô tư mà theo các công việc; phải biết cách mạng cốt nhất là hy sinh” (số 65, ngày 17-10-1926).

Công tác xây dựng Đảng vững mạnh, những bài học kinh nghiệm của cách mạng Tháng Mười Nga, những chuyển biến của tình hình thế giới sau thắng lợi của cuộc cách mạng Tháng Mười, vấn đề vai trò và nhiệm vụ của phụ nữ, v.v.. cũng là những nội dung được đăng tải trên nhiều số của báo Thanh Niên.

Báo Thanh Niên, phương tiện tuyên truyền hữu hiệu nhất về chủ nghĩa cộng sản, về Đảng cộng sản, về vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, đồng thời cũng hoàn thành “sứ mệnh lịch sử” chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho sự ra đời của Đảng ta sau đó. Nội dung tư tưởng của báo Thanh Niên đã đưa ý thức hệ vô sản thấm sâu trong tư tưởng các đảng viên và quần chúng nhân dân. Thắng lợi của phong trào “vô sản hoá” đã dẫn đến sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam - tiền thân của Đảng cộng sản Việt Nam sau này.

Không chỉ làm nhiệm vụ tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, báo Thanh Niên do Nguyễn Ái Quốc sáng lập còn đem đến cho nhân dân Việt Nam một niềm tin mới, niềm tin vào ngày mai tươi sáng của dân tộc. Tinh thần, tư tưởng của báo Thanh Niên đã đưa luồng sinh khí mới đến với báo chí Việt Nam. Ngắn gọn, xúc tích, những nội dung tư tưởng của báo Thanh Niên là tiếng nói của giai cấp công nhân Việt Nam trong quá trình phát triển từ tự phát đến tự giác. Báo Thanh Niên là khởi nguồn của báo chí cách mạng Việt Nam, là hình ảnh của tình đoàn kết hữu nghị giữa những người yêu nước Việt Nam và những người bạn Trung Quốc.

Mật thám Pháp Mác ty (Louis Marty), chánh mật thám Đông Dương ngay từ hồi đó đã rất chú ý đến tờ báo Thanh Niên, và trong một bức thư gửi cho Bộ trưởng Bộ Thuộc địa ở Paris, y đã từng nhận xét: “Kẻ làm tờ báo này tỏ ra là một tên cách mạng chuyên nghiệp lão luyện. Suốt 63 số báo đầu y tìm cách hâm nóng tinh thần ái quốc, căm ghét người Pháp đô hộ, để rồi từ số 64 y tung ra ý đồ chính của tờ báo: thực hành chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam...”. Mác ty đã không nhầm, sự ra đời, những đóng góp của báo Thanh Niên đối với phong trào cách mạng Việt Nam những năm 20 của thế kỷ XX thật là sâu sắc và đậm nét. Lịch sử cách mạng Việt Nam đã chứng minh rằng, báo Thanh Niên, cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên thực sự đã mở ra một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam - bước ngoặt quyết định, tạo đà cho những thắng lợi của cách mạng Việt Nam sau này.

Tiếp theo tờ Thanh Niên, Nguyễn Ái Quốc cùng các bạn chiến đấu của mình còn xuất bản ba tờ báo định kỳ khác là: báo Công nông (từ 12 - 1926 đến đầu năm 1928), báo nguyệt san Lính cách mệnh (từ đầu năm 1927 đến đầu năm 1928) và Việt Nam tiên phong cho những đối tượng hẹp hơn.

Cùng với việc xuất bản báo, Nguyễn Ái Quốc dành thời gian tập hợp, hoàn thiện những bài giảng của Người tại lớp huấn luyện chính trị trong những năm 1925-1927 và xuất bản thành cuốn sách *Đường Kách mệnh*. Sách được Bộ Tuyên truyền của Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông xuất bản đầu năm 1927, làm tài liệu học tập và truyền truyền.

Đường Kách mệnh đề cập nhiều nội dung, trong đó, phần đầu Nguyễn Ái Quốc tập trung nêu rõ chuẩn mực đạo đức của những chiến sĩ cách mạng, đó cũng là điều mà Người quan tâm trước hết ở người cán bộ cách mạng. Với những thanh niên Việt Nam yêu nước tại lớp Huấn luyện chính trị Quảng Châu, khi giảng về *Tư cách người cách mệnh* (tác phẩm *Đường Kách mệnh*), Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ: “Tự mình phải: Cần kiệm. Hoà mà không tư. Quả quyết sửa lỗi mình. Cần thận mà không nhút nhát. Hay hỏi. Nhân nại. Chịu khó. Hay nghiên cứu, xem xét. Vị công vong tư. Không hiếu danh, không kiêu ngạo. Nói thì phải làm. Giữ chủ nghĩa cho vững. Hy sinh. Ít lòng ham muốn về vật chất. Bí mật”.

Theo Người, 23 điều răn thể hiện rõ 3 nội dung (Tự mình phải; Đối người phải; Làm việc phải) là hệ tiêu chuẩn thuộc về tư cách đạo đức cách mạng mà người cán bộ đảng viên nhất định phải có. Những phẩm chất này là đòi hỏi nghiêm khắc đối với người cán bộ cách mạng, giúp họ gương mẫu, có sức hấp dẫn, quy tụ, lôi cuốn được quần chúng, lãnh đạo được quần chúng, hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ của Đảng và nhân dân giao phó.

Tiếp đó, nội dung cuốn sách giới thiệu tính chất, nội dung các cuộc cách mạng điển hình trên thế giới: Cách mạng Mỹ 1776, Cách mạng Pháp 1789, Cách mạng Nga 1917; Giới thiệu về Quốc tế I, Quốc tế II, Quốc tế III, v.v.. Thông qua những nội dung này, tư tưởng cách mạng triệt để của Người được thể hiện rất rõ: Muốn sống thì phải làm cách mạng và muốn làm cách mạng thành công phải có Đảng lãnh đạo, có chủ nghĩa Mác - Lênin làm nòng cốt, phải có phương pháp cách mạng, phải gắn cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới, v.v..

Cũng trong *Đường Kách mệnh*, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: cách mạng giải phóng dân tộc là sự nghiệp của toàn dân chứ không phải của một vài cá nhân, vì vậy đoàn kết thống nhất trong Đảng, đoàn kết toàn dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản là một trong những nhân tố quan trọng bảo đảm thắng lợi cho cách mạng Việt Nam... Phần cuối của

tác phẩm, Nguyễn Ái Quốc giới thiệu các tổ chức quần chúng của Quốc tế Cộng sản như Quốc tế Thanh niên, Quốc tế Công hội, v.v.. nhằm định hướng phong trào cách mạng theo mô hình đó.

Đường Kách mệnh được bí mật được chuyển về nước theo nhiều ngã đường khác nhau trong những năm từ 1927 đến 1930. Trong bối cảnh Việt Nam đang khủng hoảng trầm trọng về đường lối cách mạng, về phương pháp cách mạng, và đặc biệt hơn là sự khủng hoảng về tổ chức cách mạng; trong khi phong trào cách mạng của các dân tộc thuộc địa phát triển, hướng theo khẩu hiệu của Lênin vĩ đại: "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!", và ở Việt Nam với chính sách đàn áp hà khắc của thực dân Pháp, dư luận bị bưng bít thông tin, nhân dân bị đầu độc bởi văn hoá thực dân, thì những nội dung quan trọng của *Đường Kách mệnh* góp phần trang bị cho nhân dân tư tưởng mới của thời đại, đưa Việt Nam hội nhập với thế giới, và đưa cách mạng Việt Nam hoà nhập cùng dòng chảy chung của cách mạng thế giới, càng trở nên có ý nghĩa lớn lao.

Đường Kách mệnh là một trong những tác phẩm quan trọng, đánh dấu một bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc, đồng thời là một trong những văn kiện lý luận đầu tiên của Đảng ta, đặt cơ sở tư tưởng cho đường lối của cách mạng Việt Nam sau đó. Cùng với báo Thanh Niên, các tờ báo và nguyệt san bí mật được chuyển về Việt Nam, *Đường Kách mệnh* có giá trị như một cuốn "Kinh Phúc âm", góp phần quan trọng vào việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng và con đường giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc; đồng thời chuẩn bị những tiền đề về chính trị, tư tưởng và tổ chức để tiến tới thành lập Đảng Cộng sản - bộ tham mưu tiên phong của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam.

Trong những năm từ 1924 đến 1927, Nguyễn Ái Quốc tham gia những hoạt động giúp đỡ phong trào cách mạng Trung Quốc, phong trào cách mạng của các nước trong khu vực, và cùng với các đồng chí Trung Quốc, ấn Độ, Triều Tiên, Miến Điện tích cực vận động thành lập một tổ chức cách mạng có tính chất quốc tế. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức (9-7-1925) ra đời, nhằm đoàn kết các dân tộc nhỏ yếu, bị áp bức trong một tổ chức cách mạng để giải phóng đất nước khỏi ách thực dân, đưa các dân tộc bị nô lệ vào con đường đấu tranh giải phóng dân tộc. Những hoạt động tích cực của Người đã thể hiện rõ vai trò của một chiến sĩ cộng sản quốc tế. Thông qua những hoạt động thực tiễn như: bày tỏ thiện cảm, sự quan tâm, ủng hộ và tham gia Hội nghị đầu tiên của đại biểu nông dân Quảng Đông (tháng 5-1925), Hội nghị lần thứ hai đại biểu giai cấp công nhân Trung Quốc; tham gia đội diễn thuyết, ủng hộ cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Trung Quốc với bí danh Lý Thụy và Vương Đạt Nhân... Nguyễn

Ái Quốc đã thể hiện một cách sinh động tinh thần quốc tế vô sản cao cả.

Tình hình Quảng Châu sau cuộc đảo chính phản cách mạng của Tưởng Giới Thạch (4-1927) có những thay đổi bất ngờ. Trong bối cảnh đó, Nguyễn Ái Quốc đã chuyển đến Hương Cảng, nhưng do mật thám Anh yêu cầu Người rời Hương Cảng, nên Người quyết định đi Thượng Hải. Tuy nhiên, tại đây Quốc dân Đảng cũng đang tiến hành khủng bố gắt gao, bắt bớ những người cộng sản, vì vậy, Người quyết định rời Thượng Hải trên một chiếc tàu buôn đi Vladivôxtôc.

Tháng 5-1927, Nguyễn Ái Quốc trở lại Mátxcôva, tiếp tục làm việc trong Quốc tế Cộng sản. Sau ít ngày nghỉ ngơi trên bãi biển Crum, Người quay trở lại Mátxcôva và bắt đầu viết cuốn sách nhỏ *Công tác quân sự của Đảng trong nông dân*, đúc kết kinh nghiệm cao trào cách mạng và các Đảng Cộng sản ở các nước nông nghiệp và nửa nông nghiệp; nêu tầm quan trọng của công tác tuyên truyền chính trị, tổ chức và quân sự trong nông dân, đặc biệt là công tác quân sự của Đảng trong nông dân v.v.. Người cũng tìm hiểu, nghiên cứu và viết nhiều bài về Ấn Độ, đăng trên Inpreko và tập san Thư tín quốc tế.

Trung tuần tháng 11-1927, Nguyễn Ái Quốc đi Pháp công tác. Đầu tháng 12-1927, từ Pháp, Người đi dự phiên họp mở rộng của Đại hội đồng Liên đoàn chống đế quốc tại Brúcxen (Bỉ). Tuy nhiên, Người quyết định thay đổi hành trình sau khi mật thám Pháp phát hiện sự có mặt của Người tại Pháp. Người bí mật quay trở lại Đức vào trung tuần tháng 12-1927, và nhận làm phóng viên cho tờ báo Thế giới (Die Welt). Thời gian này, Người tranh thủ viết cuốn *Những ký ức của một nhà tuyên truyền* gồm 51 chương đề cập đến phong trào nông dân Trung Quốc, chủ yếu là phong trào Hải Lục Phong, nơi có Xô Viết nông dân với người anh hùng Bành Bái, vốn là cự dân uỷ nông nghiệp của Xô Viết Quảng Châu khi xưa. Sau đó, theo nguyện vọng của Người, Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản ra quyết định đồng ý để Người trở về hoạt động ở Đông Dương (25-4-1928). Ngày 21-5-1928, từ Béclin, Nguyễn Ái Quốc viết thư gửi các đồng chí trong Ban phương Đông Quốc tế Cộng sản, báo tin về việc chuẩn bị lên đường và những việc Người đã làm.

Đầu tháng 6-1928, Nguyễn Ái Quốc rời Béclin, qua Thụy Sĩ đến Italia. Tại biên giới Thụy Sĩ - Italia, mặc dù bị cảnh sát gây khó dễ, nhưng Người đã vượt qua và đi Milan. Sau đó, từ Rôma, Người đến Nápôli, đáp tàu thủy Nhật Bản đi Xiêm, trở lại lộ trình Người đã đi qua Tây Âu tìm đường cứu nước 17 năm về trước.

Từ tháng 7-1928 đến tháng 11-1929, Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Xiêm (từ 1938 gọi là Thái Lan), xây dựng lực lượng cách mạng trong Việt

kiều yêu nước. Từ Băng Cốc, Người đi Bản Đôn (huyện Phì Chịt, tỉnh Phítxanuloóc và cuối tháng 7-1928, Nguyễn Ái Quốc rời Phì Chịt đến vùng Đông Bắc Xiêm như Udon Tha ni, Xa Vang, Na Khôn Pha Nôm, Noọng Khai, v.v.. để xây dựng cơ sở, từ đó tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin và phong trào đấu tranh cách mạng, gây ảnh hưởng về trong nước). Thời gian này, Người sử dụng một số bí danh như Thọ, Nam Sơn, Thủ Chín, v.v.. và tiếp tục các hình thức hoạt động như ở Quảng Châu.

Người hoà mình với đông đảo quần chúng, sống đời sống của quần chúng, làm những việc cùng với quần chúng; đổi tên tờ báo *Đông Thanh* thành *Thân ái*; mở lớp đào tạo ngắn hạn cho hội viên của chi hội Việt Nam Cách mạng thanh niên; nắm tình hình trong nước và Quốc tế Cộng sản; dịch một sách mác xít phổ thông sang tiếng Việt, v.v..

Thông qua những hoạt động tích cực của Người, phong trào yêu nước của Việt kiều ở Xiêm đã có nhiều chuyển biến tích cực. Các tổ chức cách mạng được củng cố và phát triển. Sự đoàn kết trong nội bộ Việt kiều, mối quan hệ thân thiện giữa Việt kiều và người Xiêm được tăng cường. Những hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc trong Việt kiều Xiêm đã có ảnh hưởng tốt về trong nước.

Cũng trong khoảng thời gian từ tháng 7-1928 đến tháng 11-1929, với tên gọi Thủ Chín, Người từ Xiêm vượt sông Mê Kông sang đất nước Lào. Người từng đến và ngủ qua đêm nhiều lần ở chùa Inpeng, thủ đô Viên Chăn; ít nhất hai lần sang thị xã Xavannakhet và bản Xiêng Vang, huyện Noọng Bốc, tỉnh Khăm Muộn của Lào, để nghiên cứu tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của nhân dân Lào, của bà con Việt kiều và khảo sát thực địa để tìm đường bí mật về nước¹. Sau này, trong báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản ngày 18-2-1930, Người đã báo cáo về tình hình Lào, về hai lần cố gắng trở về An Nam không thành nên phải quay trở lại, trong đó nguyên nhân là vì: Bọn mật thám và cảnh sát ở biên giới quá cẩn mật, đặc biệt là từ khi xảy ra vụ An Nam Quốc dân đảng.

Trong những năm 1928-1929, chủ nghĩa Mác - Lênin được những chiến sĩ tiên phong của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên truyền bá về trong nước, cùng với phong trào “vô sản hoá” đã góp phần làm cho phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân ta tiếp tục phát triển mạnh về số lượng và chất lượng. Phong trào công nhân chuyển biến từ hình thức đấu tranh tự phát, đơn lẻ, chủ yếu đòi quyền lợi về kinh tế sang đấu tranh tự

1. Báo cáo kết quả đề tài, Nghiên cứu, sưu tầm tư liệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh với tình đoàn kết hữu nghị đặc biệt Việt - Lào, lưu Bảo tàng Hồ Chí Minh

giác, có tổ chức, có lãnh đạo, có sự phối hợp giữa các ngành và các địa phương. Sự phát triển sâu rộng của phong trào cách mạng trong cả nước đặt ra yêu cầu bức thiết phải có sự lãnh đạo của một chính đảng vô sản kiểu mới. Từ thực tiễn khách quan, những phân tử tiên phong trong phong trào cách mạng đã nhận thức được tình hình, và đứng ra thành lập những tổ chức cộng sản đầu tiên vào nửa cuối năm 1929 đầu năm 1930.

Ngày 17-6-1929, tại nhà số 312 phố Khâm Thiên, Hà Nội, các đại biểu tiên tiến trong tổ chức Thanh niên Bắc Kỳ đã họp, quyết định thành lập *Đông Dương Cộng sản Đảng*; ra Chính cương, Tuyên ngôn, nêu rõ đường lối của Đảng là phải làm cách mạng dân chủ tư sản do giai cấp vô sản lãnh đạo, tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, thực hành công nông liên hiệp. Tiếp đến, *An Nam Cộng sản Đảng* đã ra đời tháng 8-1929 và đến tháng 10-1929, *An Nam Cộng sản Đảng* đã họp tại Sài Gòn, cử ra Ban lâm thời chỉ đạo của Đảng và ra Điều lệ.

Trong quá trình chuyển hoá chung, dưới tác động của chủ nghĩa Mác - Lênin - luồng gió cách mạng thời đại, và tư tưởng cứu nước của Nguyễn Ái Quốc trong tác phẩm Đường Kách mệnh, tổ chức Việt Nam nghĩa đoàn - một tổ chức yêu nước tiến bộ theo khuynh hướng quốc gia đã tiếp cận và tiếp nhận sự giáo dục chính trị của Thanh niên, đổi tên thành *Tân Việt cách mạng Đảng* (tháng 7-1928). Sau đó, trên cơ sở biến thiên và cải tổ theo khuynh hướng tả, càng về sau càng chuyển biến mạnh mẽ, tháng 9-1929, những đảng viên ưu tú trong Đảng Tân Việt ra tuyên bố thành lập *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn*¹.

Trong nước đã xuất hiện ba tổ chức cộng sản. Sự tồn tại ba tổ chức cộng sản biệt lập, cùng ra Tuyên ngôn, Chính cương và Điều lệ, cùng khẳng định mục tiêu đấu tranh cho lý tưởng của chủ nghĩa cộng sản, đều tuyên bố đi theo chủ nghĩa cộng sản, đều muốn được Quốc tế Cộng sản công nhận là chân chính, đã dẫn đến tình trạng tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau, chia rẽ và phân liệt phong trào đấu tranh cách mạng. Yêu cầu cấp bách của cách mạng Việt Nam lúc này là phải chấm dứt tình trạng chia rẽ đó, thống nhất các tổ chức đó thành một Đảng Cộng sản duy nhất trong cả nước. Nhận thức sâu sắc về nguy cơ phân liệt sẽ gây bất lợi cho sự phát triển của phong trào cách mạng trong nước, ngày 27-10-1929, Quốc tế Cộng sản đã ra Chỉ thị và nêu rõ: "Nhiệm vụ quan trọng nhất và cấp bách nhất của tất cả những người cộng sản Đông Dương là thành lập một đảng cách mạng có tính chất giai cấp của giai cấp vô sản, nghĩa là một

1. Các tổ chức tiền thân của Đảng, Sdd, tr. 289

Đảng Cộng sản có tính chất quần chúng ở Đông Dương. Đảng đó phải chỉ có một và là tổ chức cộng sản duy nhất ở Đông Dương”¹.

Lúc này, Nguyễn Ái Quốc đang hoạt động ở Xiêm, chưa nhận được bản chỉ thị nói trên, nhưng chủ động và kịp thời, trên cương vị “phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương”², Người gấp rút đi Hồng Kông, đồng thời gửi thư về nước mời đại diện của các tổ chức cộng sản sang Hồng Kông bàn việc hợp nhất các tổ chức cộng sản. Cuối tháng 12/1929, Người đến Trung Quốc, gặp gỡ những chiến sĩ cách mạng Việt Nam để tìm hiểu thêm tình hình, và tiếp đó đi Hồng Kông, chuẩn bị công việc cho Hội nghị hợp nhất.

Tại Cửu Long, Hồng Kông, từ ngày 6-1-1930 đến ngày 7-2-1930, Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản đã được tiến hành dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc. Tham dự Hội nghị có Trịnh Đình Cửu và Nguyễn Đức Cảnh (Đông Dương Cộng sản Đảng); Nguyễn Thiệu và Châu Văn Liêm (An Nam Cộng sản Đảng) và Hồ Tùng Mậu và Lê Hồng Sơn giúp việc Hội nghị. Đông Dương Cộng sản liên đoàn đã thành lập, song chưa có liên hệ, nên chưa được triệu tập đại biểu tới dự. Hội nghị diễn ra khẩn trương, thuận lợi và đạt được sự nhất trí hoàn toàn, trên cơ sở bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, đặt tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt, Chương trình tóm tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc dự thảo. Các văn kiện này trở thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Chính cương vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam vạch rõ tính chất, nhiệm vụ, đối tượng của cách mạng Việt Nam, trong đó xác định rõ chủ trương của những người cộng sản là làm “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản. Nhiệm vụ của cuộc cách mạng lúc này là đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập; Dân chúng được tự do tổ chức; Nam nữ bình quyền; Phổ thông giáo dục theo công nông hoá; Quốc hữu hoá tất cả các xí nghiệp của tư bản đế quốc; Dựng ra chính phủ công nông binh; Tổ chức ra quân đội công nông; Thủ tiêu hết các thứ quốc trái; Thi hành luật ngày làm 8 giờ, v.v..

Sách lược vắn tắt của Đảng nêu rõ: “Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 1998, t.1, tr. 614.

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 3, tr. 12.

cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng. Đảng phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày và phải dựa vào dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng đánh trục bọn đại địa chủ và phong kiến”¹. Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông... để kéo họ đi về phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng... Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng thì phải đánh đổ. Đồng thời Sách lược vẫn tất nhấn mạnh nguyên tắc hợp tác giai cấp của Đảng là: khi liên lạc với các giai cấp, phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng bộ một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường lối thoả hiệp. Đảng phải đồng thời tuyên truyền và thực hành liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp thế giới, nhất là vô sản giai cấp Pháp.

Chương trình tóm tắt của Đảng nêu rõ Đảng là đội tiên phong của đạo quân vô sản, có nhiệm vụ “tập hợp đa số quần chúng nông dân, chuẩn bị cách mạng thổ địa và lật đổ bọn địa chủ và phong kiến”²; Lôi kéo tiểu tư sản, trí thức và trung nông về phía giai cấp vô sản; Liên kết những dân tộc bị áp bức và quần chúng vô sản trên thế giới, v.v..

Điều lệ vắn tắt của Đảng nêu rõ tôn chỉ, mục đích của Đảng là lãnh đạo quần chúng đấu tranh để “tiêu trừ tư bản đế quốc chủ nghĩa, thực hiện xã hội cộng sản”³; Quy định thể thức gia nhập Đảng; hệ thống tổ chức: trách nhiệm của đảng viên; quyền lợi đảng viên; các cấp đảng chấp hành uỷ viên; kinh phí; kỷ luật của đảng.

Khác với các nhà hoạt động cách mạng đương thời, tránh được những dập khuôn máy móc về quan điểm giai cấp của Quốc tế cộng sản, trong điều kiện cụ thể của Việt Nam, với mục tiêu trước mắt là giành độc lập dân tộc, ngay ở thời điểm lịch sử đó, Nguyễn Ái Quốc đã xác định rằng ở Việt Nam phải thực hiện “dân tộc cách mệnh” trước. Và cũng theo Nguyễn Ái Quốc, vì “dân tộc cách mệnh thì chưa phân giai cấp”, cho nên trong khi nêu rõ việc phải xác định rõ công nông là gốc cách mạng, thì không quên “học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ” cũng là “bầu bạn cách mạng của công nông”. Người chủ trương, muốn giải phóng giai cấp, trước hết phải giải phóng dân tộc, vì vậy trong nước không cần kêu gọi giai cấp này chống lại giai cấp khác, mà kêu gọi sự liên hiệp các giai cấp, các tầng lớp yêu

-
1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.3, tr.3
 2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.3, tr.4
 3. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.3, tr.5

nước, trong đó có công nông làm nòng cốt hợp thành lực lượng to lớn của cả dân tộc nhằm đánh đổ đế quốc và bọn tay sai.

Như vậy là, thông qua *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, có thể thấy rõ mục tiêu: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong đường lối chiến lược của Đảng là mục tiêu cao cả, là ngọn cờ đại nghĩa, là cơ sở khoa học, là tiền đề quan trọng cho việc xây dựng, huy động sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân - một vấn đề có ý nghĩa cực kỳ quan trọng, quyết định sự thành bại của cách mạng, quyết định sự tồn vong và phát triển của dân tộc trong tiến trình lịch sử.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và việc xác định con đường cách mạng đúng đắn của Đảng ngay từ khi mới thành lập, đó là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, ở vào thời điểm bước ngoặt quan trọng (đầu năm 1930, thế kỷ XX) của cách mạng Việt Nam tự nó đã nói lên bản lĩnh chính trị của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, của các đồng chí của Người và đó cũng là bản lĩnh chính trị của Đảng ta. Sự lựa chọn đó đã được kiểm nghiệm bằng thực tế đấu tranh cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng trong những năm sau đó.

Với điều kiện lịch sử của nước ta, một nước thuộc địa nửa phong kiến, chỉ có độc lập thực sự mới tạo điều kiện để xây dựng chủ nghĩa xã hội, và cũng chỉ có xây dựng chủ nghĩa xã hội thì mới thực sự có độc lập cho Tổ quốc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân. Đánh giá sự kiện trọng đại này và những quyết định có ý nghĩa lịch sử của Người ở vào thời khắc quan trọng nhất, đồng chí Võ Nguyên Giáp viết: “Thiên tài của Người chính là ở chỗ đã phát hiện ra con đường đó. Nó tạo ra sức mạnh của Người, sức mạnh của dân tộc, của tất cả chúng ta”¹.

Hội nghị hợp nhất cũng đã thảo luận và quyết định các phương châm và kế hoạch tiến hành hợp nhất các tổ chức cộng sản trong nước, về cách cử ra một Ban Trung ương lâm thời. Trong ngày làm việc cuối cùng, Hội nghị đã quyết nghị về việc xuất bản một tạp chí lý luận và ba tờ báo để tuyên truyền.

Sau Hội nghị, Nguyễn Ái Quốc thay mặt Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Việt Nam, viết Lời kêu gọi gửi công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh và tất cả đồng bào bị áp bức, bóc lột phải đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến và giai cấp tư sản phản cách mạng để giành được

1. Võ Nguyên Giáp. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng sự nghiệp đổi mới của chúng ta, Nxb. Sự thật, H, 1990, tr.64.

độc lập; thành lập chính phủ công nông binh và tịch thu tất cả các nhà hàng, cơ sở sản xuất của đế quốc trao cho Chính phủ; tiến tới quốc hữu hoá toàn bộ đồn điền và đất đai của đế quốc và địa chủ phản cách mạng chia cho nông dân nghèo; thực hiện ngày làm 8 giờ, v.v..

Lời kêu gọi là một trong những văn kiện quan trọng của Hội nghị hợp nhất, cùng với *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt, Chương trình tóm tắt* của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo đã xác định rõ đường lối, mục tiêu, phương châm của cách mạng Việt Nam trước mắt và lâu dài, đó là: “Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”¹. Đây là kết quả của một tư duy sáng tạo, phù hợp với xu thế phát triển của nhân loại, và đây chính là “cái cần thiết cho chúng ta” trong điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Ngày 8-2-1930, các đại biểu dự hội nghị thành lập Đảng trở về nước. Ngày 24-2-1930, một Hội nghị quan trọng được tổ chức tại Sài Gòn để xem xét yêu cầu gia nhập Đảng Cộng sản của Đông Dương Cộng sản liên đoàn và nhất trí công nhận Đông Dương Cộng sản liên đoàn được gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam đã thống nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản đã hoàn thành trọn vẹn nhiệm vụ lịch sử trọng đại của mình. Thành công của hội nghị và sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền với tên tuổi, trí tuệ, uy tín và đạo đức cách mạng trong sáng, tính chủ động sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc. Với uy tín và quyết định chính xác, kịp thời của mình, Nguyễn Ái Quốc đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử, trở thành Người sáng lập Đảng ta - Đảng của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam.

Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam thành công tốt đẹp, có giá trị như một Đại hội thành lập Đảng. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về vai trò lãnh đạo cách mạng Việt Nam, mở đầu một thời kỳ mới trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân cả nước: Thời kỳ giai cấp công nhân và đảng tiên phong của nó đứng ở vị trí trung tâm, lãnh đạo phong trào cách mạng cả nước theo con đường cách mạng vô sản.

Đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng được thông qua tại Hội nghị hợp nhất đã quyết định nội dung, phương pháp, bước đi của cách mạng Việt Nam, đưa nhân dân Việt Nam bước vào cuộc đấu tranh giành độc lập

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd . t.3. tr.1

dân tộc và chủ nghĩa xã hội; cùng các dân tộc bị áp bức, đấu tranh giải phóng dân tộc. xóa bỏ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, góp phần giải phóng loài người khỏi áp bức, bóc lột và bất công.

*

* *

Cùng với việc tổ chức thành công Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, và việc soạn thảo *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng, Nguyễn Ái Quốc đã thể hiện bản lĩnh, trí tuệ và sự sáng tạo của mình trong cả hoạt động lý luận và thực tiễn.

Sau này, Người viết về sự kiện trọng đại này như sau: Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam ta. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản nước ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng. Ngọn cờ độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội nêu trong *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng, thực sự là viên ngọc quý và sức hấp dẫn của nó đã góp phần khơi nguồn sức mạnh của toàn dân tộc trong sự nghiệp giải phóng. Lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, Hồ Chí Minh là người đã chỉ rõ cho nhân dân ta thấy kẻ thù chính của cả dân tộc là chủ nghĩa đế quốc Pháp và bọn phong kiến tay sai, và sự cấu kết chặt chẽ của hai thế lực đó là nét đặc trưng của chế độ thuộc địa.

Từ đó, Người khẳng định: phải đánh đổ cả đế quốc, phong kiến và tay sai, phải xây dựng chủ nghĩa xã hội, thì đất nước mới được độc lập, người dân mới được tự do, mới được giải phóng thực sự. Lịch sử luôn có những thăng trầm, luôn có những khúc ngoặt, song sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong việc lựa chọn con đường cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam; trong việc sáng lập Đảng cộng sản; xác định chiến lược, sách lược, nhiệm vụ và con đường cách mạng để thực hiện mục tiêu: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội được cụ thể hoá trong các Văn kiện của Hội nghị hợp nhất đầu năm 1930 thực sự là những cống hiến to lớn, có giá trị vượt không gian và thời gian.

CHỈ ĐẠO PHONG TRÀO CÁCH MẠNG TRONG NƯỚC (1930 -1941)

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, cách mạng Việt Nam bước vào một thời kỳ mới, vô cùng oanh liệt trong lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc. Lúc này, dù đang hoạt động ở nước ngoài, Nguyễn Ái Quốc luôn giữ liên lạc chặt chẽ với Quốc tế Cộng sản, đồng thời theo dõi chặt chẽ, kịp thời chỉ đạo phong trào cách mạng trong nước.

Ngày 27-2-1930, Người viết thư gửi đại diện Đảng Cộng sản Pháp ở Quốc tế Cộng sản, báo tin Đảng Cộng sản Việt Nam đã được thành lập, đề nghị công bố trên báo Nhân đạo (L'Humanité) và tạp san Thư tín quốc tế (Inprecor) Lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; yêu cầu Đảng Cộng sản Pháp cho biết tên những con tàu chạy tuyến đường Pháp - Viễn Đông, nơi có các đồng chí cộng sản Pháp đang làm việc, để thuận lợi cho việc liên lạc. Trong thư, Nguyễn Ái Quốc viết: Người chưa thể về nước, không tham gia Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, vì đang chịu "một cái án tử hình vắng mặt" trong phán quyết số 115 của toà án Nam Triều ở Vinh.

Cuối tháng 2-1930, Người viết thư gửi các đồng chí Liên Xô yêu cầu cung cấp tài liệu để Người viết một cuốn sách tuyên truyền về nước Nga Xô Viết với nhan đề: *Những kỷ niệm về cuộc du lịch của tôi*. Khoảng cuối năm, cuốn *Nhật ký chìm tàu* đã xuất hiện ở Việt Nam, sau đó được in lại, phổ biến rộng rãi trong cao trào cách mạng Xô Viết Nghệ Tĩnh. Nhân dịp đoàn đại biểu Việt Nam sắp đến Liên Xô dự Đại hội Công hội lần thứ V, ngày 5-9-1930, Người viết thư gửi các học sinh Việt Nam ở Liên Xô, nhắc nhở việc xây dựng khối đoàn kết giữa những học sinh ở Liên Xô với các đại biểu, phải giúp đỡ các đại biểu, chớ để người ta trông thấy sự phân biệt trí thức và vô sản¹.

Cuối 1929, Trần Phú rời Liên Xô trở về nước hoạt động và ngày 8-2-1930 đồng chí đã về tới Sài Gòn. Đầu tháng 4-1930, Trần Phú đi Hồng Kông gặp Nguyễn Ái Quốc, báo cáo với Người về nội dung Đại hội VI Quốc tế Cộng sản (1928), về nhóm học sinh Việt Nam tại Liên Xô và tình hình

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.3, tr. 40.

Liên Xô hiện tại. Trong cuộc gặp đó, Nguyễn Ái Quốc cũng thông báo với Trần Phú kết quả Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Trên cương vị là đại diện Ban Phương Đông, Người phân công Trần Phú, Ngô Đức Trì về nước hoạt động và gửi thư giới thiệu hai người với Ban Chấp hành Trung ương lâm thời trong nước.

Cũng theo ủy nhiệm của Quốc tế Cộng sản, cuối tháng 4-1930, Nguyễn Ái Quốc đến Xiêm và Malaixia. Đến Đông Bắc Xiêm, Người báo tin cho một số đồng chí ở đây biết các nhóm cộng sản ở Việt Nam đã thống nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong thời gian khoảng chừng một tháng ở đây, Người còn làm những nhiệm vụ do Quốc tế Cộng sản giao. Cuối tháng 4, Người đến Malaixia làm nhiệm vụ và sau khi thoát khỏi cuộc vây bắt ở Xinggapo (lúc đó thuộc Malaixia) vào cuối tháng 5-1930, Người quay trở lại Hồng Kông. Tại đây, Nguyễn Ái Quốc đã nhận được tin tức về phong trào cách mạng trong nước, cùng những báo cáo về hoạt động của Đảng trong quần chúng công nhân, binh lính và bà con người Việt Nam ở Thượng Hải.

Tại Thượng Hải, Nguyễn Ái Quốc họp với Nguyễn Lương Bằng, Hồ Tùng Mậu, Đỗ Ngọc Du và Lưu Quốc Long¹,... hướng dẫn họ cách vận động cách mạng trong binh lính, làm báo *Kèn gọi lính*. Người còn giới thiệu đồng chí Nguyễn Lương Bằng với đồng chí Thái Sưông, đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc, để được giúp đỡ trong công tác binh vận ở Thượng Hải. Cuối tháng 9-1930, Nguyễn Ái Quốc báo cáo với Quốc tế Cộng sản về việc cố gắng thu xếp “một cuộc họp của Trung ương để quyết định mọi việc”.

Tháng 10-1930, Người tham dự Hội nghị lần thứ nhất của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam họp tại Hồng Kông. Hội nghị quyết định thông qua: *Dự thảo Luận cương cách mạng tư sản dân quyền* do Trần Phú soạn thảo; đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Đông Dương; bầu Trần Phú làm Tổng Bí thư của Đảng; ra nghị quyết: Thủ tiêu Chánh cương, Sách lược, Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam đã thông qua ở Hội nghị họp nhất các tổ chức cộng sản với lý do: các văn kiện này “chỉ lo đến việc phản đế mà quên mất lợi ích giai cấp tranh đấu, ấy là một sự rất nguy hiểm”², cùng một số sai lầm khác về việc tổ chức Đảng, về việc phân chia địa chủ thành 3 loại: đại, trung và tiểu địa chủ, v.v..

1. Anh cả Nguyễn Lương Bằng, Nxb. CTQG, H, 2005, tr. 41

2. Song Thành, Hồ Chí Minh Tiểu sử, Sdd, tr. 222

Từ cuộc gặp tháng 4-1930 với Trần Phú, Nguyễn Ái Quốc đã nắm được tinh thần Nghị quyết Đại hội VI Quốc tế Cộng sản năm 1928 (một nghị quyết chứa đựng yếu tố tả khuynh của những người cộng sản, nhất là trong việc không phân biệt chính xác vai trò của giai cấp tư sản dân tộc và những lực lượng yêu nước của các dân tộc thuộc địa) và tinh thần của bản Chỉ thị: “Về việc thành lập một Đảng Cộng sản ở Đông Dương” (27-10-1929); đồng thời qua Ban Phương Đông Quốc tế cộng sản, Người đã biết việc những *Văn kiện của Hội nghị hợp nhất* không được Quốc tế Cộng sản chấp nhận. Cho nên, Nguyễn Ái Quốc không bất ngờ với những kết luận của Hội nghị Trung ương tháng 10-1930.

Trên tinh thần đó, dù đã thấy được những hạn chế và nhược điểm của Luận cương chính trị, cũng như sự thiếu thông tin của Quốc tế Cộng sản về thực trạng đời sống chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của các nước thuộc địa ở phương Đông; chưa thấy được khát vọng độc lập, tự do của nhân dân các thuộc địa, nên nghị quyết của Quốc tế Cộng sản chỉ nhấn mạnh tính giai cấp của cuộc đấu tranh mà coi nhẹ vấn đề dân tộc, nhưng với tinh thần cộng sản, Nguyễn Ái Quốc vẫn tuân thủ, chấp hành Nghị quyết của Quốc tế Cộng sản và Nghị quyết của Hội nghị Trung ương tháng 10-1930.

Sau Hội nghị, Người viết một báo cáo nhanh, thông tin vắn tắt những vấn đề Hội nghị tháng 10-1930 đã thảo luận và ra nghị quyết. Trung tuần tháng 11-1930, Nguyễn Ái Quốc đưa Trần Phú lên Thượng Hải gặp Hile Nulen, người phụ trách Ban Phương Đông tại Thượng Hải, còn Người quay lại Hồng Kông, tiếp tục theo dõi và chỉ đạo cao trào cách mạng trong nước.

Lúc này, ở trong nước, cao trào đấu tranh cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản phát triển mạnh, mà đỉnh cao là Xô Viết Nghệ Tĩnh. Phong trào bùng nổ từ tháng 5, nhưng phát triển đến đỉnh cao ở Nghệ An, Hà Tĩnh vào các tháng 9, 10 và kéo dài sang đầu năm 1931. Trước sự phát triển của phong trào, Nguyễn Ái Quốc đã gửi thư, báo cáo cho Quốc tế Cộng sản và Quốc tế Nông dân, đề nghị giúp đỡ các nạn nhân bị khủng bố, đồng thời nhấn mạnh việc phải làm cho nông dân hiểu rõ: Cần tiến hành kết hợp đấu tranh kinh tế với chính trị, làm cách mạng ruộng đất, “chứ không phải để tiến hành một cuộc khởi nghĩa địa phương”. Theo Người, bất cứ một hành động cá nhân hoặc một xu hướng khủng bố nào, đều trái với cương lĩnh hành động của Đảng.

Đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng, củng cố và phát triển Đảng, ngày 20-4-1931, Nguyễn Ái Quốc gửi thư cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng, yêu cầu phải tăng cường phát triển lực lượng của Đảng đều khắp

cả Bắc - Trung - Nam; chú trọng phát triển các tổ chức Công hội, Nông hội, Mặt trận... và gửi thư cho Đảng Cộng sản Đông Dương, phê bình Đảng trong cách khai hội, cách thảo luận, trong vấn đề công tác và vấn đề chậm đổi tên Đảng tại Hội nghị xứ uỷ Trung và Bắc kỳ. Người yêu cầu: "Tất cả mọi đảng viên và tất cả các chi bộ phải thảo luận Chỉ thị của Quốc tế thứ III và Nghị quyết của Trung ương, rồi phải ra Nghị quyết về những Nghị quyết và Chỉ thị nói trên... Có làm như thế thì mới có thể nâng cao được trình độ đảng viên, tất cả Chỉ thị và Nghị quyết mới được thi hành, tư tưởng và hành động của đảng viên mới thống nhất"¹, đồng thời thẳng thắn phê bình Đảng còn kém đường bí mật công tác. Người cũng nhắc nhở Đảng phải tìm cách bảo vệ cán bộ, không để địch tìm cách "túm mòn" hết cán bộ, và phải biết tự đặt câu hỏi "Vì sao mà bị lộ để suy nghĩ và tìm cách sửa đổi".

Trong các bức thư gửi Quốc tế Cộng sản và các bài viết kêu gọi ủng hộ phong trào đấu tranh của nhân dân Việt Nam, đặc biệt là Xô Viết Nghệ Tĩnh, Nguyễn Ái Quốc đã giới thiệu tóm tắt tình hình địa lý, nhân văn, hành chính và phong trào cách mạng của hai tỉnh, tố cáo những thủ đoạn đàn áp dã man của thực dân Pháp và phong kiến Nam triều. Không chỉ làm hết sức mình để kêu gọi các tổ chức quốc tế, các đảng anh em có những hình thức đấu tranh phối hợp ủng hộ, giúp đỡ phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh về mọi mặt, góp phần ngăn chặn sự đàn áp đẫm máu của bọn đế quốc đối với phong trào, Người còn đánh giá cao phong trào và nhấn mạnh: Nghệ Tĩnh thật xứng đáng với danh hiệu "đỏ".

Từ những báo cáo của Người, Quốc tế Cộng sản nắm được tình hình các phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam. Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản đánh giá cao cuộc đấu tranh anh dũng của nhân dân ta, đặc biệt là Xô Viết Nghệ Tĩnh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đồng thời khẳng định công lao, uy tín của Nguyễn Ái Quốc thời kỳ này. Tại phiên họp 11-4-1931, Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản nhất trí quyết nghị: Công nhận Đảng Cộng sản Đông Dương từ nay là một chi bộ độc lập thuộc Quốc tế Cộng sản.

Tuy nhiên, trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng Đông Dương và sự cấu kết của bọn đế quốc trong việc bắt bớ, giam cầm Trần Phú, Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Lương Bằng và các nhà lãnh đạo cách mạng Việt Nam ở trong và ngoài nước, Nguyễn Ái Quốc báo cáo về Văn phòng Ban Phương Đông, đề nghị được chuyển công tác lên Thượng Hải khi tình hình diễn

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 3, tr. 75 - 76

biến ngày càng xấu đi, song đề nghị chưa kịp thực hiện thì ngày 6-6-1931, Nguyễn Ái Quốc (tên gọi khi đó là Tống Văn Sơ) bị bắt tại số nhà 186, phố Tam Kung, Cửu Long, Hồng Kông. Ngày 15-6-1931, Hile Nulen, người phụ trách Văn phòng chi nhánh Ban Phương Đông tại Thượng Hải cũng bị sa lưới kẻ thù.

Trước sự kiện Nguyễn Ái Quốc bị bắt, nhiều tờ báo tại Pháp đưa tin: “Người Anh đã bắt giữ ở Thượng Hải, nhà cách mạng An Nam Nguyễn Ái Quốc”, (báo Nhân đạo (L' Humanité), 1931)”, “Nguyễn Ái Quốc bị bắt ở Trung Quốc”, (báo Bạo động tại Pari, 15-8-1931)... Các tổ chức cách mạng của ta ở trong nước qua tờ Tin nhanh thuộc địa (La Dépêche Coloniale) và Dư luận (Opinion) cũng đã biết được tin dữ này. Thực dân Pháp rất hý hửng, chúng tăng bốc nhau và tăng bốc đế quốc Anh khi bắt được Nguyễn Ái Quốc.

Hàng loạt các bức điện từ Hà Nội được gửi tới Bộ trưởng Bộ thuộc địa Pháp và Bộ ngoại giao Pháp, can thiệp với chính quyền Anh tại Hồng Kông nhằm dẫn độ Nguyễn Ái Quốc về Đông Dương để y án tử hình, hoặc vô hiệu hoá các hoạt động của Người. Anh và Pháp có kế hoạch, mặc cả trong việc giam giữ, dẫn độ không trả tự do cho Nguyễn Ái Quốc, vì theo Toàn quyền R. Rôbanh (R. Robin): “Vụ việc bắt Nguyễn Ái Quốc quan trọng như thế nào đối với an ninh ở Đông Dương”, và việc “trả lại tự do cho một người cực kỳ hăng hái và nguy hiểm này là một việc mạo hiểm cần phải tránh bằng bất cứ giá nào”¹.

Tuy nhiên, đế quốc Anh và thực dân Pháp đã không thể thực hiện được kế hoạch đó. Biết Nguyễn Ái Quốc bị bắt, Hồ Tùng Mậu đã cùng đại diện của Quốc tế cứu tế đỏ đến gặp luật sư Lôđơbai (F.H. Loseby), một luật sư tiến bộ người Anh khi đó là Chủ tịch công ty luật gia ở Hồng Kông nhờ giúp đỡ. Sau này, trong hồi ký của mình, luật sư Lôđơbai đã viết: “Chỉ với sau 30 phút gặp gỡ, Người đã hoàn toàn chinh phục tôi. Ở Người toát ra một sức mạnh cảm hoá kỳ diệu”.

Thời gian Tống Văn Sơ bị giam giữ cũng đồng thời là khoảng thời gian nước rút của cuộc đua giữa một bên là gia đình luật sư và những người bảo vệ Tống Văn Sơ, một bên khác là sự cấu kết, có điều kiện của mật thám Anh và Pháp muốn hãm hại Người. Dưới sức ép của dư luận, của những phương tiện thông tin báo chí, luật sư Lôđơbai đã đưa vụ án Tống Văn Sơ ra xử trước Pháp viện tối cao. Lần đầu tiên trong lịch sử thuộc địa, Toà án tối cao phải xét xử một bản án chính trị.

1. Báo cáo của Toàn quyền R. Rôbanh gửi Bộ thuộc địa Pháp, ngày 8-6-1931. Tài liệu lưu Bảo tàng Hồ Chí Minh

Tính chất đặc biệt của vụ án, sự giúp đỡ cùng tài trí của luật sư và người cộng sự, sự thông minh và nhất quán trong từng câu trả lời của Tống Văn Sơ đã buộc toà án phải xét xử Người một cách công khai. Luật sư Lôđobai cùng cộng sự của mình là luật sư JenKin đã tố cáo về việc bắt giam trái phép, các cuộc thẩm vấn bị can đều bất hợp pháp với luật pháp của nước Anh; việc thẩm tra trực xuất không đúng thủ tục, bởi hỏi quá số câu hỏi cho phép và chính quyền đưa ra một bản cung giả được đánh máy, v.v..

Vụ án đã trở thành một sự kiện chính trị đặc biệt ở Hồng Kông. Kéo dài tới 9 phiên, phiên thứ nhất (1-8-1931), diễn ra trong không khí căng thẳng, quyết liệt, đến phiên cuối cùng (19-9-1931), nhưng việc đòi trả tự do cho Tống Văn Sơ không được giải quyết dứt điểm. Luật sư Lôđobai cùng người cộng sự của mình đã quyết định chống án lên Viện Cơ mật Hoàng gia Anh. Tiền án phí và những thủ tục bắt buộc cho việc kháng án đã được luật sư lo liệu đầy đủ. Hai người bạn của ông là luật sư Đenit Noen Pơrit (Denis Noel Pritt) và Stafo Crip (Stafford Cripps) đã nhận lời giúp đỡ Tống Văn Sơ.

Nhờ sự nỗ lực của luật sư Stafo Crip, Toà án Viện Cơ mật Hoàng gia Anh đã đồng ý trả tự do cho Tống Văn Sơ. Song khi đi đến Xingapo, lấy cớ Tống Văn Sơ đi vào thuộc địa không có giấy phép, Người lại bị bắt giam. Âm mưu đen tối của các thế lực câu kết hãm hại Tống Văn Sơ một lần nữa được phơi bày. Song với bản lĩnh chính trị vững vàng, một lần nữa Người đã vượt qua thử thách, đồng thời cảm hoá được những người dù chỉ một lần từng được gặp Người.

Một lần nữa gia đình luật sư Lôđobai lại bênh vực và cứu Tống Văn Sơ ra khỏi nhà tù. Kế hoạch di chuyển và bí mật tổ chức cho Tống Văn Sơ trốn đã được vạch ra. Sau một thời gian tạm lánh bí mật trong vai một nhà buôn lớn đi nghỉ, khi thì ở tạm trong Ký túc xá Thanh niên Thiên chúa giáo Trung Hoa (Chinese YMCA), số 23 phố Oatéclo (Waterloo), Cửu Long, có khi ở ngay trong nhà của luật sư Lôđobai, ngày 22-1-1933, với sự giúp đỡ của gia đình luật sư cùng những người bạn và Thống đốc Hồng Kông, Nguyễn Ái Quốc - Tống Văn Sơ đã bí mật cải trang như một hành khách đến chậm lên tàu Anhui, rời Hồng Kông đi Hạ Môn. Đến Hạ Môn (tỉnh Phúc Kiến), Nguyễn Ái Quốc dừng lại ăn Tết âm lịch...

Gần 30 năm sau, để tri ân những ân nhân của mình, mùa xuân năm 1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mời hai vợ chồng luật sư cùng người con gái sang ăn Tết cổ truyền với nhân dân Việt Nam, thăm đất nước mà họ đã từng được nghe qua lời kể của người tù Tống Văn Sơ từ năm 1931. Tại Phủ Chủ tịch, cuộc hội ngộ đầy nghĩa tình của những người bạn chân chính, những cánh tay thân ái ôm chặt, hai mái đầu bạc bên nhau và tấm

thịnh tình của người dân Việt Nam tri ân gia đình Lôdobai - những người có công cứu thoát một người con ưu tú của dân tộc Việt Nam trong bối cảnh hiểm nghèo năm xưa đã làm ấm lòng những vị khách quý của Bác Hồ.

Sau chuyến thăm Việt Nam mùa xuân năm ấy, tình cảm đôn hậu, lòng hiếu khách, những khuôn mặt rạng rỡ nụ cười, thân thiện của mỗi người dân đất Việt dành cho luật sư và gia đình mãi là ấn tượng sâu đậm nhất trong trái tim những người bạn quý của Người. Điều đó thật đúng như luật sư đã từng nói với vị Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa rằng: Ngài nói rằng tôi đã cứu sống Ngài, điều đó có thể đúng, song nếu vậy thì đó chính là việc làm tốt nhất mà tôi từng làm, và đó mãi mãi là một việc làm sáng suốt.

Khoảng mùa hè năm 1933, khi tình hình về vụ án Tống Văn Sơ đã lắng xuống, Nguyễn Ái Quốc quyết định rời Hạ Môn lên Thượng Hải, tìm cách bắt liên lạc với những đồng chí của mình. Cũng vào mùa hè năm 1933, được bà Tống Khánh Linh giúp đỡ, Nguyễn Ái Quốc gặp Pôn Vayăng Cutuyariê - một người bạn "trong chuyến anh sang Viễn Đông với tư cách đại biểu và người tổ chức Hội nghị vì hoà bình và chống chiến tranh đế quốc". Nhờ Pôn Vayăng Cutuyariê, Người nối được liên lạc với đoàn thể. Tiếp đó, vượt qua những tháng ngày đầy sóng gió, mùa xuân 1934, Nguyễn Ái Quốc rời Thượng Hải, đi Vladivôxtốc (Liên Xô), trở về với quê hương của Cách mạng Tháng Mười.

Sau một thời gian dừng lại Vladivôxtốc để hoàn thành thủ tục nhập cảnh vào Liên Xô, vượt đường xe lửa xuyên Xibia, Nguyễn Ái Quốc trở lại Mátxcova. Người muốn bắt tay ngay vào công việc, nhưng các đồng chí lãnh đạo Quốc tế Cộng sản đề nghị Người đi an dưỡng một thời gian để phục hồi sức khoẻ. Tại nơi nghỉ an dưỡng ở Xôtri, trên bờ biển Đen, Nguyễn Ái Quốc viết thư nhờ các đồng chí ở Mátxcova gửi cho Người sách báo mới để Người đọc, nắm được những thông tin về tình hình cách mạng trong nước và thế giới, đồng thời tập luyện phục hồi sức khoẻ.

Bà Vaxilieva, cán bộ của Quốc tế Cộng sản là người đã trực tiếp đón Nguyễn Ái Quốc những ngày đầu tiên vào tháng 6/1934. Sau gần hai năm bị giam giữ trong tù, một năm không bắt được liên lạc với tổ chức, lại bị ốm đau cùng những nỗi lo về phong trào cách mạng trong nước, Nguyễn Ái Quốc gần như kiệt sức. Hơn nữa, dù đã trở về trung tâm phong trào cộng sản quốc tế, sống giữa những người đồng chí, nhưng khó khăn dường như vẫn chưa hết đối với Người. Có nhiều lý do khác nhau: từ sự xuất hiện những chủ trương mang tính chất "tả khuynh" trong tư tưởng và lý luận của Quốc tế Cộng sản, đặc biệt là ảnh hưởng của Nghị quyết đại hội VI Quốc tế Cộng sản (6/1928) với các Đảng Cộng sản, trong đó có Đảng cộng

sản Đông Dương, đến việc Nguyễn Ái Quốc có phải là người thừa lệnh của Quốc tế Cộng sản trong việc triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản ở Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam hay không? Vấn đề đặt tên Đảng, vấn đề dân tộc và giai cấp trong đường lối chiến lược và sách lược của Đảng, sự trái ngược về quan điểm giữa Nguyễn Ái Quốc với Quốc tế Cộng sản trong vấn đề dân tộc, và nhận định về Người là một người còn mang nặng tàn dư của chủ nghĩa dân tộc, cùng một số những nghi ngờ chưa được giải toả về việc hình như Nguyễn Ái Quốc được thực dân Anh thả tự do không mấy khó khăn, v.v.. đã khiến Người không được giao nhiệm vụ quan trọng nào trong những năm tháng này.

Khi về đến Mátxcơva, mặc dù Người muốn lao vào công tác ngay, nhưng Quốc tế Cộng sản đã bố trí Người đi nghỉ an dưỡng ở Xô tri trên bờ biển Đen. Tiếp đó, mùa thu năm 1934, Nguyễn Ái Quốc được Quốc tế Cộng sản bố trí cho vào học tại trường Quốc tế Lênin, đăng kí trong danh sách sinh viên. số hiệu 375¹. Người đến học năm 1934 và rời trường 1936.

Tuy ở Liên Xô, nhưng Người vẫn đặc biệt quan tâm đến phong trào cách mạng trong nước. Trong lá thư đề ngày 16/1/1935, Người tỏ ra lo lắng trước tình trạng nhận thức chính trị còn kém cỏi của phần đông đảng viên của Đảng Cộng sản Đông Dương và kiến nghị với Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản: Đại đa số đồng chí của chúng tôi, trình độ lý luận và chính trị rất thấp. Tôi thấy tuyệt đối cần thiết là chúng ta phải giúp đỡ các đồng chí của chúng ta khắc phục những khó khăn ấy bằng cách tạo điều kiện cho các đồng chí tiếp thụ được những kiến thức sơ đẳng nhất mà mỗi chiến sĩ đều phải có. Với vị trí của mình tại Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã tận tình giúp đỡ, chỉ bảo, truyền đạt những kiến thức lý luận và thực tiễn cho các cán bộ, đảng viên của Đông Dương, cũng như của các nước khác trong khu vực.

Sau đó, Người dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản vào tháng 8 năm 1935 tại Mátxcơva “với tư cách là đại biểu của Ban Phương Đông của Quốc tế cộng sản”². Tuy nhiên, trên thực tế Nguyễn Ái Quốc đã tham dự Đại hội chỉ với danh nghĩa là đại biểu tư vấn. Bởi rằng: Trong danh sách đề nghị đại biểu của các Đảng đi dự Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản 1935 của Đảng Cộng sản Đông Dương có Nguyễn Ái Quốc, đề nghị đại biểu chính thức, và là đại diện của Đảng Cộng sản Đông Dương bên cạnh Quốc tế Cộng sản, nhưng đã không được Quốc tế Cộng sản chấp nhận. Người chỉ

1. Song Thành, Sdd, H, 2006, tr. 241

2. Văn kiện Đảng Toàn tập, Sdd, t.6, tr. 767.

được tham gia Đại hội với tư cách là đại biểu tư vấn. Trong thời gian tham dự Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc được trường Quốc tế Lênin cho nghỉ học 1 tháng để tham gia dịch và in ấn sang tiếng mẹ đẻ những văn kiện của Đại hội VII Quốc tế Cộng sản.

Thời gian này, Người tận tình giúp đỡ các thành viên trong đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương sang Mátxcơva dự Đại hội lần thứ VII và tổ chức chu đáo cho chuyến trở về Tổ quốc của các đại biểu Đông Dương, mang theo tinh thần và Nghị quyết mới của Quốc tế Cộng sản về chống nguy cơ chiến tranh phát xít, chiến tranh xâm lược, đặc biệt là vấn đề phải hình thành cho được một Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi chống đế quốc, đòi dân chủ, cơm áo, hoà bình cho phong trào cách mạng thế giới và cách mạng Đông Dương trong giai đoạn lịch sử mới.

Sau đại hội VII Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc tiếp tục công việc tại trường Quốc tế Lênin, phụ giảng bộ môn về Đông Dương tại Trường Phương Đông và giúp đỡ bà V. Vaxilieva trong công việc quản lý bộ phận Đông Dương của Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản. Cũng thời gian này, Nguyễn Ái Quốc đã soạn thảo bằng chữ quốc ngữ *Bức thư ngỏ gửi Mặt trận Bình dân Pháp*, đòi thực thi những quyền cơ bản về tự do dân chủ (gồm 6 điều và quyền tự do tồn tại cho Đảng Cộng sản Đông Dương) đã in trong Văn kiện Đảng. Mặc dù tài liệu này không đề tên tác giả, nhưng khi nghiên cứu hồ sơ của mật thám Pháp, chúng ta biết đó là do chính Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.

Kết thúc khoá học ở trường Quốc tế Lênin, Người mong ước được trở về, được cống hiến cho Tổ quốc. Từ năm 1935, qua lần trả lời phỏng vấn của một nhà văn Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc đã nói: Mong ước lớn nhất hiện nay của tôi là sớm được trở về Tổ quốc¹. Và Người đã đề nghị Quốc tế Cộng sản cho trở về Việt Nam, nhưng mùa hè năm 1936, sau khi được làm tờ khai lý lịch hộ chiếu, giấy đi đường, chuẩn bị cho sự trở về của mình, Nguyễn Ái Quốc vẫn chưa thực hiện được tâm nguyện của mình. Chuyến đi đã bị huỷ bỏ, vì tình hình thế giới có những biến động, và vì chưa được Quốc tế Cộng sản chấp nhận.

Tiếp sau đó, vừa chờ đợi quyết định được về nước từ cấp trên, Người vừa nhận công tác tại Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa. Theo một số nguồn tư liệu thì: Đồng chí Ái Quốc đang ở tại Mátxcơva, học trường thuộc Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa với tư cách

1. Song Thành, Hồ Chí Minh tiểu sử, Sđ d, tr.244

ngiên cứu sinh, là giáo viên của phòng Đông Dương (tháng 11/1936). Nguyễn Ái Quốc là một trong 21 người được tuyển chọn vào lớp nghiên cứu sinh của Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa.

Kế hoạch nghiên cứu cá nhân của nghiên cứu sinh Nguyễn Ái Quốc: Họ tên Nghiên cứu sinh: Lin; Thời gian thực hiện kế hoạch từ 1/1/1937 đến 31/12/1937... với lời phê: Tôi chuẩn y hoàn toàn kế hoạch cá nhân này, và phiếu điểm cá nhân dự kỳ thi học kỳ I năm 1937 - 1938 của Người hoàn thành chương trình tối thiểu của nghiên cứu sinh, thi đạt kết quả tất cả các môn học, trong đó có những môn đạt điểm xuất sắc, đã xác minh rõ sự kiện này.

Là lãnh tụ của Đảng, dù sống và làm việc trong bất kỳ hoàn cảnh nào và ở đâu, Nguyễn Ái Quốc cũng dành hết tâm trí và sức lực của mình cho Đảng, cho dân, cho nước, đúng như Tuyên bố của đồng chí Hải An (Lê Hồng Phong) ngày 3/8/1935 khẳng định: "Tôi biết rằng đồng chí Quốc rất tích cực trong hoạt động cách mạng và các vấn đề sự nghiệp của Đảng luôn được đồng chí đặt cao hơn cuộc sống cá nhân. Có thể nói rằng đồng chí ấy luôn sống và làm việc vì Đảng".

Trong gần 5 năm (1934 - 1938), từ khi mới đặt chân lên Mátxcova, cho đến khi Người trở về nước, Nguyễn Ái Quốc đã phải sống trong bầu không khí nghi ngờ bao trùm, trong những xáo động của Quốc tế Cộng sản, trong cuộc thanh trừng của Đảng Cộng sản Liên Xô dưới sự lãnh đạo của Stalin đầy căng thẳng, v.v.. Thực tế, dù rất phiền lòng, nhưng Người vẫn chấp hành theo quyết định của cấp trên. Nữ đồng chí V. Vaxilieva từng nhận định: Anh ấy bình thản tiếp nhận sự chỉ trích trong các mối quan hệ của mình. Người đã biết kiên trì chờ đợi và không vô vọng. Cuối cùng, chỉ đến khi Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô năm 1938, chỉ đến khi những việc Người đã làm, những vấn đề thuộc về tư tưởng và lý luận Người nêu ra được thực tiễn kiểm nghiệm là đúng đắn, thì những hồ nghi này mới thực sự khép lại.

Sau này, đánh giá về những tháng ngày đầy cam go thử thách của Nguyễn Ái Quốc, để giúp những người đồng chí của mình hiểu đúng bản thân, sự kiên nhẫn trong việc chấp nhận hoàn cảnh và ý thức chấp hành quyết định của tổ chức để vượt qua những khó khăn của giai đoạn lịch sử này trong cuộc đời hoạt động cách mạng rất đổi vinh quang, song cũng nhiều thăng trầm của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, J. Lacouture từng nhận định: Trong những năm 1934 - 1938, Hồ Chí Minh đã chăm chỉ học tập nhất trong đời mình, tránh những cuộc tranh chấp, thanh trừng đang diễn ra gay gắt trong Đảng Cộng sản Liên Xô và Quốc tế Cộng sản.

Sôphie Quyn Judge trong *Hồ Chí Minh những năm tháng lưu lạc* (1919 - 1941) cũng từng nêu ra ý kiến: Khó có thể hình dung một người

cộng sản lão làng như Hồ Chí Minh có thể lại tiếp tục hoạt động trong thời kỳ diên khùng này. Sự sống sót của ông qua những tháng năm tối tệ nhất của cuộc thanh trừng, đã không chỉ chứng tỏ sự chịu đựng, mà còn chứng minh bản lĩnh cách mạng phi thường của Nguyễn Ái Quốc. Bằng trí tuệ, phong cách sống, tinh thần làm việc, và sự tin yêu giúp đỡ của những người đồng chí, những cấp trên của Người ở Quốc tế cộng sản khi đó; bằng sự kiên nhẫn chờ đợi nhưng không vô vọng và kiên định của mình, Nguyễn Ái Quốc đã thực hiện được mục tiêu của mình.

Luận giải điều này, dù viện dẫn nhiều lý do: thái độ khôn khéo, biết chấp nhận hoàn cảnh, không thụ động của Nguyễn Ái Quốc, sự giúp đỡ của Manuinxki, một đồng chí lãnh đạo của Quốc tế Cộng sản và V.I.Vaxilieva, một người đồng chí am hiểu Đông Dương, thẳng thắn trung thực của Quốc tế Cộng sản đối với Nguyễn Ái Quốc, v v.. song có thể khẳng định rằng: Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là một con người đặc biệt. Càng khó khăn và thử thách, Người càng bình tĩnh, tự tin đến lạ thường, và chỉ có như vậy, trong những năm 1934 -1938, nghị lực, sự kiên trì đường lối; trực giác chính xác và luôn tìm được lối thoát khi ở vào những hoàn cảnh khó khăn, Nguyễn Ái Quốc đã tránh được những xáo trộn mạnh mẽ của Quốc tế Cộng sản và sự thanh trừng khi đó.

Thời gian này, dù không gặp thuận lợi trong hoạt động, nhưng là khoảng thời gian quý báu để Nguyễn Ái Quốc chiêm nghiệm và đúc rút kinh nghiệm hoạt động cách mạng cho bản thân mình. Và thực tế cho thấy rằng, tuy học ở trường Quốc tế Lênin, làm nghiên cứu sinh ở Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa, nhưng vốn là một người hoạt động cách mạng chuyên nghiệp, Người luôn mong mỏi được nhanh chóng trở về Tổ quốc, lao vào hoạt động thực tiễn.

Sau đó, cùng với thời gian, cùng với những đòi hỏi bức thiết của tình hình thế giới và trong nước, Nguyễn Ái Quốc tiếp tục gửi thư cho những người có trách nhiệm tại Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa và Quốc tế Cộng sản trình bày nguyện vọng được trở về nước hoạt động. Sau khi có ý kiến phê duyệt của cấp trên, đồng chí Lin được dự kiến trở về hoạt động công tác Đảng trong nước và bức thư Người gửi cho Manuixki ngày 6-6-1938, ngày 8-6-1938, Phòng tổ chức cán bộ của Quốc tế Cộng sản cũng đã có công văn gửi đồng chí Dimitơrốp, đề nghị giải quyết dứt điểm cho đồng chí Lin về nước công tác.

Với ý kiến phê duyệt ngày 9-8-1938: “Cần đưa tất cả những người Đông Dương về vị trí sắp xếp của Đảng Cộng sản Đông Dương” và ý kiến của V.I. Vaxiliêva gửi lên Ban Bí thư Quốc tế Cộng sản: “Đồng chí Lin là uỷ viên Ban chấp hành Trung ương, là người có uy tín trong Đảng cộng

sản Đông Dương, nay từ đây về thì Đảng sẽ chăm chú lắng nghe những ý kiến của đồng chí ấy". Ngày 30-9-1938, Trưởng phòng cán bộ NINKP Nôvicốp của Viện Nghiên cứu của các vấn đề dân tộc và thuộc địa đã gửi công văn số 60 (mật) chứng thực sinh viên số 19 (Lin) đã rời khỏi biên chế của Viện ngày 29-9-1938 về nước.

Đầu tháng 10-1938, Người đáp xe lửa từ Mátxcơva, vượt qua biên giới Xô - Trung, đến Urumsi (thủ phủ của Tân Cương, Thiểm Tây) rồi đi Lan Châu (thủ phủ của Cam Túc). Tại đây, Người mang tên Hồ Quang, cấp bậc thiếu tá. Từ Lan Châu, Người đã đi Tây An theo đường của Đảng Cộng sản Trung Quốc, sau đó đến Diên An. Sau hai tuần ở Diên An, Nguyễn Ái Quốc quay lại Tây An, đi xuống Quảng Tây, tìm cách về gần Tổ quốc. Dừng chân tại Quế Lâm (Quảng Tây), với bí danh Hồ Quang, Người làm việc tại Văn phòng Bát lộ quân số 96, đường Trung Sơn Bắc, Quế Lâm, đồng thời tìm cách liên lạc với trong nước.

Trong thời gian này, Người viết nhiều báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản, nêu những thông tin tình hình của bản thân và tình hình chính trị ở Đông Dương, đồng thời, Nguyễn Ái Quốc đã viết "Thư từ Trung Quốc", cảnh báo họa xâm lược của bọn phát xít Nhật ở châu á; nêu rõ những hoạt động phá hoại của bọn Tờrốtkskit ở Trung Quốc, gián tiếp báo động về những hoạt động của chúng ở Việt Nam, nhằm nhắc nhở, giáo dục cán bộ, đảng viên nâng cao tinh thần cảnh giác, không thoả hiệp với chúng trong bất cứ vấn đề nào.

Tiếp đó, Người cũng gửi thư cho Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, trực tiếp truyền đạt tinh thần Nghị quyết Đại hội VII Quốc tế Cộng sản, đặc biệt là những ý kiến: Về khẩu hiệu đấu tranh; Về công tác mật trận; Về vai trò lãnh đạo của Đảng; Về giáo dục nội bộ; Về quan hệ quốc tế của Đảng trong thời kỳ thực hiện Mật trận dân chủ Đông Dương.

Tháng 2-1939, Nguyễn Ái Quốc rời Quế Lâm, tham gia lớp huấn luyện du kích tại Nam Nhạc thuộc Hành Dương, tỉnh Hồ Nam. Sau khi rời Hồ Nam, Người trở về Quế Lâm và đi Long Châu (một huyện nằm ở biên giới Việt - Trung, tỉnh Quảng Tây) để bắt liên lạc với người từ trong nước sang, nhưng không thành. Trong khoảng thời gian từ tháng 10-1939 đến cuối tháng 11-1939, Người di chuyển liên tục từ Quế Lâm đi Liễu Châu, đi Long Châu (Quảng Tây), đi Quý Dương (Quý Châu) và đi Côn Minh (Vân Nam) rồi đến Trùng Khánh. Tại Trùng Khánh, Nguyễn Ái Quốc thường gặp gỡ Chu Ân Lai.

Cuối tháng 11-1939, Nguyễn Ái Quốc tìm đường đi Côn Minh, và tại đây, nhờ sự giúp đỡ của các đồng chí trong Tỉnh ủy Vân Nam, Người bắt được liên lạc với Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng ta. Cuối tháng 2-1940,

Nguyễn Ái Quốc gặp đồng chí Phùng Chí Kiên tại nhà ông Tống Minh Phương, số 77, đường Kim Bích, thành phố Côn Minh.

Tháng 4-1940, Người đã cùng đồng chí Phùng Chí Kiên đi thăm một số cơ sở cách mạng dọc tuyến đường xe lửa Côn Minh - Hà Khẩu. Sau đó, với bí danh đồng chí Vương, Người đến Thuý Hồ (6/1940) gặp các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp từ trong nước sang và giới thiệu các đồng chí Cao Hồng Lĩnh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp đi học chính trị dài hạn ở Diên An. Tuy nhiên, kế hoạch đó kịp hoãn lại vì tình hình thế giới có nhiều biến động. Đang ở Côn Minh, nhưng khi nghe tin phát xít Đức tấn công Pháp (15-6-1940) và Chính phủ Pétanh đầu hàng (22-6-1940), Nguyễn Ái Quốc quyết định triệu tập cuộc họp tại trụ sở báo Đ.T. (trước đó là tờ Truyền tin) và nhấn mạnh: Đây là thời cơ thuận lợi cho cách mạng Việt Nam. Ta phải tìm mọi cách về nước để tranh thủ nắm thời cơ. Chậm trễ lúc này là có tội với cách mạng. Hội nghị tán thành ý kiến của Người và quyết định tìm mọi cách về nước.

Cuối tháng 6-1940, Người cử đồng chí Trần Văn Hinh đi Diên An để thiết lập mối quan hệ với quốc tế. Còn Người đi Trùng Khánh gặp Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, sau đó trở lại Côn Minh, định trở về nước theo hướng Côn Minh - Lào Cai. Tuy nhiên việc trở về Tổ quốc bằng tuyến đường này đã không thực hiện được. Tháng 10-1940, Nguyễn Ái Quốc lại cùng một số đồng chí rời Côn Minh đi Quế Lâm (Quảng Tây) tìm đường trở về nước. Tại đây, để có danh nghĩa hoạt động, Người cho lập lại Việt Nam độc lập đồng minh - tổ chức chính trị chống đế quốc của người Việt Nam (được phép chính quyền Tưởng Giới Thạch cho thành lập từ năm 1935 tại Nam Kinh), và mời ông Hồ Học Lãm làm chủ nhiệm văn phòng hải ngoại của tổ chức.

Trước những biến động của tình hình thế giới, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 (tháng 11-1940) đã khẳng định: "Một cao trào cách mạng nhất định sẽ nổi dậy. Đảng phải chuẩn bị để gánh lấy cái sứ mệnh thiêng liêng: lãnh đạo cho các dân tộc bị áp bức Đông Dương vô trang bạo động giành lấy quyền tự do độc lập"¹. Hội nghị quyết định tiếp tục duy trì đội du kích Bắc Sơn, hoãn khởi nghĩa Nam Kỳ, chấp nối liên lạc với Quốc tế Cộng sản và bộ phận hải ngoại của Đảng. Công việc trọng yếu này Đảng giao cho đồng chí Hoàng Văn Thụ phụ trách,...

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, t. 7, tr. 58.

Hạ tuần tháng 12-1940, Nguyễn Ái Quốc cùng một số cán bộ rời Quế Lâm đi xuống Tĩnh Tây. Vài ngày sau Tết dương lịch năm 1941, đồng chí Hoàng Văn Thụ đã gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tại Tân Khu (Tĩnh Tây). Thay mặt Trung ương Đảng, đồng chí báo cáo với Người tình hình trong nước, những công việc đang thực hiện và kế hoạch chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương lần thứ VIII, đồng thời đề nghị Người nên chọn hướng Cao Bằng để về nước. Mấy ngày sau, Người cùng Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Phùng Chí Kiên, Đặng Văn Cáp được đồng chí Hoàng Sâm dẫn đường, qua Nậm Bo xuống Nậm Quang (sát biên giới Việt - Trung).

Tại Nậm Quang, Nguyễn Ái Quốc mở lớp huấn luyện cho 43 cán bộ cách mạng Việt Nam và kết thúc vào khoảng giáp Tết âm lịch. Người cùng Lê Quảng Ba, Phùng Chí Kiên, Đặng Văn Cáp, Thế An và Hoàng Văn Lộc gặp rút chuẩn bị về nước. Ngày 1-1 Tết Tân Tỵ 1941, Nguyễn Ái Quốc cùng các đồng chí trong đoàn đi chúc Tết nhân dân hai làng Nậm Quang và Ngàn Táy. Ngày hôm sau 28-1-1941 (2-1 Tết âm lịch), đoàn rời Nậm Quang trở về nước. Ngày 28-1-1941, sau bao nhiêu năm thương nhớ, đợi chờ, Người đã vượt qua cột mốc biên giới 108, cùng các đồng chí đi về đến xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

*

* *

Như vậy là, sau gần 30 năm bôn ba tìm đường giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc đã từ một người yêu nước trở thành một người cộng sản, một lãnh tụ của Đảng Cộng sản Đông Dương, một người chiến sĩ cộng sản quốc tế. Trong những năm tháng gian lao ấy, từng phải chịu cảnh tù đầy, từng bị hiểu lầm, song kiên định con đường đã lựa chọn, kiên nhẫn chờ đợi cơ hội để thực hiện khát vọng của mình, Nguyễn Ái Quốc đã thể hiện tầm nhìn của một vị lãnh tụ cách mạng không chỉ nắm vững những nguyên lý của chủ nghĩa Mác- Lênin về cách mạng vô sản, về đấu tranh giai cấp và xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa, mà Người còn sâu sát thực tế, vận dụng một cách sáng tạo những nguyên lý cách mạng đó vào điều kiện cụ thể của đất nước mình, dân tộc mình.

Lịch sử đã lùi xa, song suốt gần 30 năm hoạt động ở nước ngoài, thì những năm 1934 -1938 là một khoảng lặng buồn trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh như chính Người đã từng viết cho một người bạn ở Quốc tế Cộng sản: "Xin đồng chí giúp đỡ tôi thay đổi tình cảnh đau buồn này". Khoảng lặng đó, với những tác động từ hoàn cảnh bên ngoài, càng giúp chúng ta hiểu sâu sắc hơn về một Hồ Chí Minh kiên định với con đường mình đã chọn. Vượt lên mọi khó khăn, vượt qua thử thách của không gian và thời gian, Người đã kiên nhẫn chờ đợi và

Người đã chiến thắng.

Phép ứng xử với thời cuộc đạt đến tâm nghệ thuật, bản chất chính trị đúng đắn và tâm trong sáng, trí tuệ mẫn tiệp của Người, cùng với sự giúp đỡ chí tình của những người bạn, những người đồng chí đã giúp Nguyễn Ái Quốc vượt qua được một đoạn đời chính trị đầy thử thách, tế nhị và phức tạp; tỏ rõ vai trò và bản lĩnh một lãnh tụ kiệt xuất của Đảng ta, một chiến sĩ tiêu biểu của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc, để mong ước trở về nước, trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của Người đã thành hiện thực.

Bản sao lưu trữ

**LÃNH ĐẠO TOÀN DÂN DÂN TÔNG KHỞI NGHĨA,
SÁNG LẬP NHÀ NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA (1941-1945)**

Sau khi ở lại nhà ông Máy Lý một thời gian ngắn, ngày 8-2-1941, Người bắt đầu sống và làm việc tại hang Cốc Bó, thôn Pác Bó, Trường Hà, Hà Quảng, Cao Bằng. Cuối tháng 3-1941, do bị địch lùng sục, Người rời Pác Bó sang Khuổi Nặm. Trong tháng 4-1941, Nguyễn Ái Quốc nhiều lần vượt qua biên giới, trở lại Tỉnh Tây và nhận được sự giúp đỡ quý báu của những người dân nơi biên khu Trung Quốc. Cuối tháng 4-1941, theo đề nghị của Người, một cuộc hội nghị cán bộ tỉnh Cao Bằng được triệu tập, đề tổng kết kinh nghiệm tổ chức thí điểm các hội quần chúng như: Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc... nhằm tiến tới thành lập Mặt trận Việt Minh trong toàn quốc.

Sau một thời gian ngắn chuẩn bị, tháng 5-1941, Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì *Hội nghị lần thứ 8* của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (10 đến 19-5-1941), với sự tham gia của các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Phùng Chí Kiên, một số đại biểu Xứ uỷ Bắc Kỳ, Trung Kỳ (Bùi San, Hồ Xuân Lưu) và đại biểu hoạt động ở ngoài nước.

Hội nghị đã bàn và thông qua nội dung “thay đổi chiến lược”, “thay đổi chính sách cách mạng ở Đông Dương cho phù hợp với nguyện vọng của toàn thể nhân dân Đông Dương” và xác định giải phóng dân tộc là nhiệm vụ bức thiết nhất của cách mạng Đông Dương, nên phải tập trung vào nhiệm vụ: “Đánh đuổi Pháp - Nhật” làm cho xứ Đông Dương độc lập”.

Hội nghị nhận định: “Cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng”, vì vậy, quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được. Tiếp tục tinh thần của văn kiện *Chung quanh vấn đề chiến sách mới của Đảng (10-1936)*, *Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (11-1939)*, và *Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 7 (10-1940)*, Hội nghị quyết định tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, chỉ tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt

gian... sau này sẽ tiến lên thực hiện đầy đủ chính sách người cày có ruộng.

Chủ trương giải quyết vấn dân tộc trong khuôn khổ mỗi nước Đông Dương, Hội nghị bàn về vấn đề chính quyền và nêu khẩu hiệu “thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà” v, v..

Hội nghị khẳng định: “Cuộc cách mạng Đông Dương phải kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang”¹. Và để tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân, tranh thủ mọi lực lượng yêu nước có thể tranh thủ, chia mũi nhọn vào kẻ thù, Hội nghị quyết định thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh).

Ngày 19-5-1941, Mặt trận Việt Minh chính thức ra đời với Tuyên ngôn và Chương trình cụ thể. Để nhấn mạnh mục tiêu giải phóng dân tộc, tất cả tên của các tổ chức quần chúng đều được gọi là Hội Cứu quốc, nhằm thực hiện hai mục tiêu của toàn thể quốc dân:

1/ Làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập.

2/ Làm cho dân Việt Nam được sung sướng, tự do.

Đồng thời, mười chính sách lớn của Việt Minh về đối nội và đối ngoại, thể hiện trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và ngoại giao, phù hợp với nguyện vọng của đông đảo quần chúng nhân dân đã góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng ngày càng phát triển.

Theo đề nghị của Người, Hội nghị đã bầu Ban chấp hành Trung ương mới, cử đồng chí Trường Chinh làm Tổng Bí thư và Ban Thường vụ gồm các đồng chí: Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ và Hoàng Quốc Việt.

Nội dung Nghị quyết Trung ương lần thứ 8 và sự thay đổi chiến lược cách mạng của Nguyễn Ái Quốc và Trung ương Đảng trong việc giải quyết một cách đúng đắn mối quan hệ giữa nhiệm vụ dân tộc và giai cấp, dân tộc và dân chủ trong điều kiện cụ thể của nước ta, chính là sự hoàn chỉnh nội dung các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 6 và 7 trước đó. Sự thay đổi chiến lược một cách kịp thời, đầy sáng tạo của Hội nghị Trung ương lần thứ 8 đáp ứng được khát vọng độc lập, tự do của toàn dân tộc, phù hợp với bối cảnh cụ thể của cách mạng Việt Nam thực chất là sự trở về với tư tưởng Hồ Chí Minh, về con đường của cách mạng Việt Nam đã được nêu ra trong Chánh cương, Sách lược vắn tắt từ đầu năm 1930.

Việc hoàn chỉnh đường lối cách mạng giải phóng dân tộc, giương cao ngọn cờ độc lập, tự do, thành lập chính thể dân chủ cộng hoà, phù hợp với

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t. 7, tr. 129.

tình hình mới, thể hiện tư duy độc lập, tự chủ, tính khoa học đúng đắn, tính cách mạng sáng tạo của Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8, dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Ái Quốc và những quyết định tài tình của Người đã trở thành một trong những nhân tố quan trọng, góp phần to lớn vào thành công của công cuộc vận động giải phóng dân tộc trong những năm 1941 đến 1945.

Trên cơ sở sự chuyển hướng chiến lược này, Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Lời kêu gọi đồng bào đã phân tích những nguyên nhân thất bại của các cuộc khởi nghĩa trước đây và kêu gọi nhân dân đoàn kết để có sức mạnh đánh đuổi Pháp - Nhật. Sau Hội nghị, ngày 6-6-1941, Người viết *Kính cáo đồng bào* phải đoàn kết lại để đánh đổ bọn đế quốc và Việt gian, dặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng và nhấn mạnh: “Việc cứu nước là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kề vai gánh vác một phần trách nhiệm”. Người kêu gọi: “Toàn thể đồng bào tiến lên. Đoàn kết thống nhất đánh đuổi Pháp, Nhật” và kiến lập chính thể “dân chủ cộng hoà”.

Đồng thời, góp phần đẩy mạnh tuyên truyền, cổ động quần chúng thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ 8, động viên nhân dân tích cực tham gia các Hội cứu quốc của Mặt trận Việt Minh, tích cực xây dựng và phát triển căn cứ địa cách mạng, Người quyết định xuất bản báo *Việt Nam độc lập*, gọi tắt là *Việt lập*. Số 1 của báo ra ngày 1-8-1941, được đánh số 101, với mục đích kế tục sự nghiệp của các tờ báo cách mạng xuất bản trước đó. Từ 1-8-1941 đến Tổng khởi nghĩa tháng 8-1945, báo ra được 226 số. Sau đó, báo tiếp tục được xuất bản và chuyển thành cơ quan ngôn luận của tỉnh Cao Bằng.

Nội dung của báo nhấn mạnh các vấn đề: Đẩy mạnh việc cổ động, tuyên truyền, tổ chức nhân dân vào các hội cứu quốc của Việt Minh; chia mũi nhọn đấu tranh vào phát xít Nhật - Pháp và bè lũ tay sai; hướng dẫn cách tổ chức các đội du kích, đội tự vệ; cách vận động binh lính; công tác đào tạo đội ngũ và hướng dẫn phương pháp tự rèn luyện cho cán bộ hội viên. Tuy chỉ in với số lượng vài trăm bản, phát hành trong phạm vi vài ba tỉnh nhưng báo *Việt Nam độc lập* được quần chúng yêu mến và cùng nhiều tờ báo cách mạng khác, báo *Việt Nam độc lập* góp phần phát động toàn dân tiến tới Tổng khởi nghĩa giành thắng lợi.

Thời gian này, Nguyễn Ái Quốc mở những lớp huấn luyện ngắn ngày cho cán bộ địa phương, yêu cầu chọn một số thanh niên Cao Bằng gửi đi học lớp vô tuyến điện ở Liễu Châu (Trung Quốc), giao cho Lê Thiết Hùng, Lê Quảng Ba và Hoàng Sâm cùng cộng tác mở lớp huấn luyện quân sự, quyết định tổ chức một đội vũ trang, v.v..và biên soạn các cuốn sách *Cách đánh du kích*, *Lịch sử nước ta* làm tài liệu phục vụ cho nhiệm vụ cách mạng.

Chiến tranh thế giới lần thứ hai bước vào giai đoạn ác liệt và ở Đông Dương, Pháp đã đầu hàng, dâng Đông Dương cho Nhật, làm cho mâu thuẫn giữa các phe phái, các lực lượng, đặc biệt là mâu thuẫn giữa nhân dân ta với bọn phát xít Nhật - Pháp càng thêm gay gắt, thúc đẩy tình thế cách mạng mau chín muồi. Trong bối cảnh đó, ngày 21-12-1941, Trung ương Đảng ra thông báo về cuộc chiến tranh Thái Bình Dương và trách nhiệm cần kíp của Đảng. Cơ hội giải phóng dân tộc đã đến gần, và trong bước chuyển của tình hình, nhận thức được tầm quan trọng của liên minh quốc tế, ngày 13-8-1942, Nguyễn Ái Quốc lên đường sang Trung Quốc.

Lấy tên mới là Hồ Chí Minh, Người đi Trung Quốc với tư cách là đại biểu của phong trào Việt Minh và đại diện của Phân hội Việt Nam thuộc Hiệp hội quốc tế chống xâm lược, nhưng ngày 27-8-1942, khi đến phố Túc Vinh (Thiên Bảo, Quảng Tây), Người bị bắt với lý do những giấy tờ tùy thân đã quá hạn sử dụng. Liên tiếp bị giải qua hơn 30 nhà lao của 13 huyện của tỉnh Quảng Tây, trải qua hơn một năm trời bị giam cầm thiếu thốn, khổ cực và bệnh tật, Hồ Chí Minh đã viết *Ngục trung nhật ký* gồm 133 bài thơ bằng chữ Hán, theo thể thất tuyệt, thất luật, ngũ ngôn và tạp thể, chép trên một loại giấy bản, đóng thành tập.

Ngục trung nhật ký bằng thơ đã tái hiện quãng đời của Hồ Chí Minh trong các nhà ngục của tỉnh Quảng Tây, thể hiện rõ phong thái ung dung tự tại, khí phách hào hùng “thân thể ở trong lao, tinh thần ở ngoài lao”, đồng thời phản ánh chân thực chế độ nhà tù hà khắc của Tưởng Giới Thạch và một phần bộ mặt thật xã hội Trung Quốc những năm 1942-1943. Đồng thời, tác phẩm cũng thể hiện tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, tinh thần lạc quan cách mạng và tình cảm nhân đạo cộng sản chủ nghĩa cao đẹp của người chiến sĩ cách mạng Hồ Chí Minh.

Trong bối cảnh bị tù đầy, *Ngục trung nhật ký* làm sáng ngời chân dung một người cộng sản kiên cường, với ý chí, quyết tâm cao độ và niềm tin tưởng vào tương lai. Những gian truân, vất vả trong cảnh lao tù, nỗi lòng Người khi nhớ về Tổ quốc, về nhân dân và các đồng chí hiện lên qua những câu thơ đã làm hiển hiện ý chí cách mạng, tâm hồn một người chiến sĩ cộng sản đầy bản lĩnh. Được thể hiện bằng ngôn ngữ giản dị mà hàm súc, trong một bút pháp đa dạng và lấp lánh như một viên ngọc quý trong nền văn học cách mạng Việt Nam, *Ngục trung nhật ký* gắn với tên tuổi Hồ Chí Minh - nhà văn hoá kiệt xuất của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX.

Ngày 10-9-1943, Người được trả tự do, nhưng vẫn bị quản chế. Do sức khoẻ sau khi ra tù rất yếu, nên thời gian này, Người kiên trì tập luyện. Giữa tháng 9-1943, Hồ Chí Minh viết bài thơ “Tân xuất ngục học đăng sơn” lên mép của một tờ Quảng Tây nhật báo, rồi gửi về nước kèm theo

một bức thư, báo tin Người đã được trả tự do, song vẫn bị quản chế với tư cách “cố vấn”, để Đoàn thể ở trong nước cần có sự vận động tích cực, giúp Người được trả tự do hoàn toàn.

Cuối tháng 10-1943, theo yêu cầu của Trương Phát Khuê, Hồ Chí Minh tham gia một số hoạt động của Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội - tổ chức của người Việt Nam tại Trung Quốc, gồm nhiều đảng phái, được sự hỗ trợ của Đệ tứ chiến khu, do tướng Trương Phát Khuê trực tiếp chỉ đạo. Để tranh thủ uy tín, đức độ và tài năng của Hồ Chí Minh, thực hiện kế hoạch hợp tác với Việt Minh, triển khai “Hoa quân nhập Việt”, Trương Phát Khuê đề nghị Hồ Chí Minh hợp tác với Nguyễn Hải Thần - lãnh tụ của Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội để cải tổ lại Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội.

Trên tinh thần nắm vững chủ trương của Đảng trong việc hợp tác với tổ chức này (Nghị quyết của Ban thường vụ Trung ương Đảng, 25 đến 28-2-1943), nhằm “tập trung lực lượng cách mạng Việt Nam đánh đuổi phát xít Nhật - Pháp”¹, Hồ Chí Minh đã nhận lời tham gia tổ chức, để vừa tranh thủ, lôi kéo, vừa phân hoá những phần tử yêu nước và tiến bộ về phía cách mạng. Cuối tháng 11 năm 1943, Hồ Chí Minh đã chuyển đến ở tại trụ sở Tổng bộ Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội tại đường Ngư Phong, thành phố Liễu Châu. Tại đây, Người viết bài cho báo *Đồng minh* - cơ quan ngôn luận của Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội, xuất bản bằng tiếng Việt ở Liễu Châu.

Tại một cuộc họp trừ bị của Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội, theo ý kiến của Hồ Chí Minh, để đi đến thống nhất, Đại hội của Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội sẽ được gọi là Đại hội đại biểu các đoàn thể cách mạng Việt Nam ở hải ngoại. Tham gia Đại hội có đại biểu của Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội, Việt Nam Quốc dân Đảng, Việt Nam Phục quốc quân, Đảng Đại Việt,... đại biểu của Quốc dân Đảng Trung Hoa và chính quyền Tưởng Giới Thạch. Tại Đại hội, ngày 16-3-1944, Hồ Chí Minh đọc báo cáo: “Về tình hình các đảng phái trong nước” và chỉ rõ dù có nhiều đảng phái, nhưng đảng có ảnh hưởng nhất, tổ chức chặt chẽ nhất và nổi tiếng nhất là Đảng cộng sản. Người cũng trình bày báo cáo: “Về tổ chức và hoạt động của phân hội Việt Nam” tại đại hội. Sau đó, Đại hội đã bầu lại Ban Chấp hành và Ban kiểm tra. Hồ Chí Minh được bầu làm Ủy viên của Ban chấp hành. Lợi dụng cương vị này, Người thảo kế hoạch đưa lực lượng thanh niên trong lớp huấn luyện đặc biệt ở Liễu Châu về nước

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng Toàn tập, Sdd, t. 7, tr. 312.

phát triển lực lượng. Tiếp đó, tranh thủ sự đồng tình của Trương Phát Khuê, ngày 9-8-1944, Hồ Chí Minh rời Liễu Châu. Cuối tháng 9-1944, Người về đến Cao Bằng.

Ngay sau khi về nước, nhận thấy các điều kiện cần thiết cho một cuộc khởi nghĩa chưa đến độ chín muồi, Người đã kịp thời hoãn chủ trương phát động chiến tranh du kích của liên tỉnh uỷ Cao - Bắc - Lạng. Theo Người, trước tình thế mới, cần phải tìm một hình thức thích hợp thì mới có thể đi tới thành công, vì vậy, quyết định kịp thời của Người không chỉ tránh tổn thất cho phong trào cách mạng của ba tỉnh Cao - Bắc - Lạng, mà còn vạch ra một hướng đi phù hợp, đúng đắn của một phương pháp đấu tranh trong thời điểm then chốt của lịch sử dân tộc.

Trước tình hình thế giới, những điều kiện thuận lợi và khó khăn của cách mạng Việt Nam, tháng 10-1944, Hồ Chí Minh viết *Thư gửi đồng bào toàn quốc* và dự đoán thời cơ của cách mạng Việt Nam như sau: “Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh!”¹.

Tình thế cách mạng đang chín muồi, cuối tháng 10-1944, Hồ Chí Minh đến kiểm tra Đại đội tự vệ vũ trang² chiến đấu Hồng Phong (tên bí mật của châu Hà Quảng). Sau khi phân tích tình hình và cân nhắc những điều kiện, chuẩn bị cho ngày “vùng lên”, Hồ Chí Minh nhấn mạnh phương châm, kết hợp hai hình thức đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, đẩy mạnh phong trào cách mạng, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền. Người chỉ rõ: “Lực lượng vũ trang muốn phát triển, chủ yếu phải dựa vào nhân dân, dựa vào phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng. Các đoàn thể cách mạng của quần chúng càng được củng cố và phát triển thì càng tạo ra những điều kiện thuận lợi cho sự lớn mạnh của lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang.” Theo tinh thần đó, Người quyết định thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và giao đồng chí Võ Nguyên Giáp phụ trách.

Mục đích và nguyên tắc tổ chức đội được nêu rõ trong Bản Chỉ thị thành lập: “Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân nghĩa là chính trị trọng hơn quân sự. Nó là đội tuyên truyền”, “Tuy lúc đầu quy mô của nó còn nhỏ, nhưng tiền đồ của nó rất vẻ vang. Nó là khởi điểm của giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam”³. Sau

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.3, tr. 506.

2. Hồ Chí Minh, Biên niên tiểu sử, Sdd, t.2, tr.222

3. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.3, tr. 507, 508.

một thời gian ngắn chuẩn bị, ngày 22-12-1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập tại khu rừng Sam Cao (còn gọi là Trần Hưng Đạo), thuộc huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng, gồm 34 đội viên do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy. Thực hiện lời căn dặn “Trận đầu phải thắng” của Người, Đội đã lập liên tiếp hai chiến công oanh liệt: hạ đồn Phay Khắt ngày 25-12-1944 và đồn Nà Ngần ngày 26-12-1944, mở đầu truyền thống anh dũng vẻ vang của quân đội ta.

Sự ra đời và những hoạt động của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân là một biểu hiện sinh động của tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh. Đây vừa là sự kế thừa, phát triển di sản quân sự truyền thống của cha ông ta trong lịch sử, vừa là sự tiếp thu và vận dụng sáng tạo tư tưởng lý luận quân sự hiện đại của học thuyết Mác - Lênin, trong điều kiện cụ thể của Việt Nam. Thắng lợi mở đầu của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân có ảnh hưởng to lớn đối với phong trào cách mạng cả nước.

Từ thực tế của cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã có những sáng tạo kịp thời trong việc xây dựng lực lượng cách mạng, căn cứ địa cách mạng, để chuẩn bị cho cuộc đấu tranh giành chính quyền. Sự ra đời, phát triển và ảnh hưởng rộng rãi của mặt trận Việt Minh ở khắp các vùng từ miền núi xuống đồng bằng, từ nông thôn đến thành thị đã tạo điều kiện thuận lợi cho Đảng mở rộng vai trò lãnh đạo và tổ chức của mình trong phong trào quần chúng. Các tổ chức Cứu quốc của Việt Minh phát triển, phong trào đấu tranh chống Pháp-Nhật lên cao.

Thanh niên, trí thức, sinh viên được sự giúp đỡ của những người cộng sản đã lập ra Đảng Dân chủ và gia nhập Việt Minh. Sự phát triển của đội quân chính trị ngày càng hùng hậu, sự kết hợp của tự vệ cứu quốc, Cứu quốc quân và Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân thành Việt Nam giải phóng quân đã tạo cho phong trào cách mạng Việt Nam một sức mạnh mới. Quá trình xây dựng lực lượng gắn liền với sự phát triển của phong trào quần chúng, với những khẩu hiệu và hình thức đấu tranh thích hợp đã cổ vũ mạnh mẽ nhân dân cả nước trong đấu tranh cách mạng và thông qua đấu tranh để phát triển lực lượng. Phong trào kháng Nhật cứu nước phát triển, chiến tranh du kích, chiếm căn cứ địa, mở rộng và phát triển các khu căn cứ địa cách mạng là phương pháp tích cực nhất để huy động lực lượng của toàn dân cho một cuộc khởi nghĩa dân tộc sắp tới.

Cùng với sự phát triển của phong trào Việt Minh, việc thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và các lực lượng vũ trang tại các địa phương, cùng khí thế quần chúng dâng cao đã làm cho các lực lượng phản động ngày càng hoang mang, lo sợ, tạo ra những thuận lợi mới cho cuộc Tổng khởi nghĩa sắp tới.

Bước sang năm 1945, tình hình thế giới càng có nhiều thay đổi quan trọng. Nhảy cảm trước những chiều hướng phức tạp, đan chéo nhau của các lực lượng chính trị quốc tế trong vấn đề Đông Dương, đặc biệt là ý đồ đặt Đông Dương dưới sự ủy trị quốc tế do Mỹ và Trung Hoa giữ vai trò chủ yếu (thông qua Tuyên bố của Hội nghị Cairô), Hồ Chí Minh quyết định sang Côn Minh tháng 2-1945. Cùng đi với Hồ Chí Minh có trung úy Sao (Shaw), người được Việt Minh cứu, để trở về Bộ tư lệnh không quân Mỹ ở Côn Minh. Đến trụ sở Cơ quan không quân cứu trợ Mỹ (AGAS) tại Côn Minh, Hồ Chí Minh tranh thủ đọc sách báo, tài liệu của Cơ quan thông tin chiến tranh Mỹ (AOWI) nhằm thu thập thông tin về tình hình thế giới.

Trong thời gian ở Côn Minh, Hồ Chí Minh đã tiếp xúc với S. Phén, đại diện cơ quan cứu trợ không quân AGAS, gặp thiếu tá Pátti, đại diện cơ quan phục vụ chiến lược OSS và gặp Tướng Sênôn (Claire L. Chenault), Tư lệnh không quân đoàn thứ 14. Trong cuộc gặp gỡ này, tướng Sênôn cảm ơn Việt Minh đã cứu thoát Sao, còn Hồ Chí Minh thì cho rằng đó là bổn phận của những người chống phát xít, giúp đỡ quân Đồng minh và tặng Hồ Chí Minh một bức ảnh có chữ ký "Tướng Sênôn" và dòng chữ để tặng: "Bạn chân thành của ông!".

Thông qua những cuộc gặp gỡ, phía Mỹ đã hiểu hơn về mục đích, tổ chức và hoạt động của Mặt trận Việt Minh và đã có những thoả thuận, cùng lời hứa giúp đỡ vũ khí, thuốc men, điện đài cho Việt Nam, đồng thời huấn luyện cho người của Việt Minh biết sử dụng các thứ đó. Sau này, Phelan, một nhân viên AGAS đã viết về Hồ Chí Minh khi gửi thư cho thượng cấp của mình là, các ngài đã không hiểu được xu hướng của Việt Minh, và "Hồ là một người yêu nước đáng tin cậy và đáng được ủng hộ hoàn toàn". Còn S. Phén thì khẳng định: "Hồ Chí Minh đã trở thành một lãnh tụ tuyệt đối của một đảng cách mạng vững mạnh".

Ngay sau đó, từ Côn Minh, Hồ Chí Minh đi Bách Sắc, một thị trấn nhỏ nhưng quan trọng về chiến lược ở phía Tây Nam tỉnh Quảng Tây tìm gặp Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội (lúc này đã chuyển về đây vì Liễu Châu đã bị quân Nhật chiếm đóng từ 11-11-1944). Người được biết tổ chức này đã có nhiều thay đổi, Nguyễn Hải Thần, Trương Bội Công, Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ đã rời Đệ tứ chiến khu và Hội gần như đã ngừng hoạt động, song các nhóm Việt Minh vẫn hoạt động tích cực tại vùng biên giới. Người lựa chọn một số chiến sỹ của các nhóm Việt Minh hoạt động ở đây để cuối tháng 4-1945 cùng Người về nước. Với chuyến trở lại Côn Minh lần này, Hồ Chí Minh đã mang về một số thuốc men, lời hứa của Sênôn, đồng thời giới thiệu hình ảnh, tâm ảnh hưởng, sự lớn mạnh và cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Việt Minh,

nhằm tranh thủ sự giúp đỡ của quân Đồng minh đối với cuộc chiến đấu giành độc lập dân tộc của nhân dân ta.

Trong thời gian Hồ Chí Minh đi Trung Quốc, phát xít Nhật tiến hành đảo chính lật đổ thực dân Pháp (9/3/1945), độc chiếm Đông Dương để rảnh tay đối phó với quân Đồng minh. Tình thế mới và những nhiệm vụ cần chú ý trong quá trình chuẩn bị lãnh đạo quần chúng đấu tranh giành chính quyền được nêu rõ trong bản chỉ thị: “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” của Đảng ra đời ngày 12/3/1945 như: Vấn đề thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng ở các nhà máy, mỏ, làng, ấp, đường, phố, v.v, thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng và Ủy ban công nhân cách mạng ở những vùng quân du kích hoạt động, đặc biệt là việc sẽ thành lập “Ủy ban nhân dân cách mạng Việt Nam theo hình thức một Chính phủ lâm thời cách mạng Việt Nam”.

Chỉ thị nêu rõ những đặc điểm, tình hình, nhiệm vụ cách mạng của Đảng và nhân dân ta trong tình thế mới. Chỉ thị đã đem đến cho phong trào cách mạng một luồng sinh khí mới. Trong cả nước, không khí gấp rút chuẩn bị sẵn sàng khởi nghĩa vũ trang, giành chính quyền khi thời cơ đến đã sẵn sàng. Dưới ánh sáng của bản Chỉ thị, một cao trào đấu tranh cách mạng rộng khắp, kết hợp đấu tranh chính trị với khởi nghĩa từng phần đã phát triển khắp nơi. Tại một số nơi thuộc các tỉnh miền núi, trung du Bắc Bộ đã lập Ủy ban nhân dân cách mạng. Phong trào phá kho thóc cứu đói, theo lời kêu gọi của Đảng đã lôi cuốn đông đảo quần chúng nhân dân tham gia. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, thời kỳ tiền khởi nghĩa đã diễn ra sôi động trong cả nước.

Cùng đó, Hội nghị quân sự Bắc Kỳ họp từ ngày 15 đến ngày 20/4/1945 cũng “đề nghị triệu tập một cuộc đại biểu đại hội gồm có các giới, các đảng phái, các thân sĩ toàn quốc để thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam và tiến tới thành lập Chính phủ lâm thời Việt Nam”. Hội nghị cũng thảo luận và quyết định việc chuẩn bị giành chính quyền, thành lập chính quyền cách mạng.

Ngày 16/4/1945, Chỉ thị tổ chức các Ủy ban dân tộc giải phóng các cấp của Tổng bộ Việt Minh nêu rõ: “Ủy ban dân tộc giải phóng là hình thức tiền chính phủ, trong đó nhân dân học tập để tiến lên giữ chính quyền cách mạng”¹, và hướng dẫn khá cụ thể việc thành lập các Ủy ban dân tộc giải phóng, Ủy ban nhân dân cách mạng và Ủy ban khởi nghĩa ở từng cấp, từng địa bàn khác nhau. Chỉ thị cũng đồng thời hướng dẫn cách tổ chức, điều hành Ủy ban với tư cách là hình thức tiền Chính phủ trong thời kỳ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, t. 7, tr. 535.

tiên khởi nghĩa và giao cho các Ủy ban nêu trên nhiệm vụ lãnh đạo và tổ chức cao trào kháng Nhật cứu nước, chuẩn bị Tổng khởi nghĩa.

Những nội dung quan trọng trong các văn kiện đã cụ thể hóa chủ trương của Hồ Chí Minh về việc thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng - một hình thức Chính phủ lâm thời trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc. Từ những chỉ dẫn kịp thời này, dưới ngọn cờ cứu nước của Việt Minh, nhân dân ta từ “phá kho thóc giải quyết nạn đói”, tiến lên kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và khởi nghĩa từng phần, từng bước xây dựng chính quyền nhân dân.

Hoạt động của các Ủy ban, của chính quyền cách mạng ở Khu giải phóng đã đảm bảo quyền lực của nhân dân được thực hiện thông qua các cơ quan đại diện. Và như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về việc sử dụng quyền lực của nhân dân, về quyền dân chủ của nhân dân không chỉ được thực thi trong thực tiễn, mà còn khẳng định tính ưu việt, tính cách mạng của các cơ quan đại diện đó. Bước đầu mang lại những lợi ích thiết thực cho đồng bào các dân tộc ở khu vực sáu tỉnh miền núi và trung du Bắc Bộ, những Ủy ban nhân dân cách mạng nhận sự uỷ thác của nhân dân trong Khu đã dùng những phương pháp cách mạng, không chỉ động viên tinh thần dân chúng đánh Nhật cứu nước, chỉnh đốn giải phóng quân, mà còn bảo đảm những quyền tự do, dân chủ cơ bản cho nhân dân, tạo điều kiện để nhân dân tham gia vào việc xây dựng và củng cố chính quyền.

Diện mạo của Khu giải phóng thực sự là hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam dân chủ mới, bước chuyển tiếp lên chính thể dân chủ cộng hòa. Luật sư Vũ Đình Hoè đã viết trong cuốn sách *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh* rằng: “Hình thức chính quyền nhân dân được tổ chức và hoạt động trong thực tiễn này là “mầm mống của một chế độ pháp quyền dân chủ tư sản kiểu mới”, góp phần tạo điều kiện cho quân chúng tập dượt quản lý và điều hành xã hội, tham gia quyết định những công việc quan trọng của địa phương.”

Ngày 6-8-1945, được tin Mỹ ném bom nguyên tử xuống Hirôshima, Hồ Chí Minh viết nhiều thư hoả tốc, thúc giục các đại biểu về nhanh Tân Trào dự Hội nghị toàn quốc của Đảng. Nhận thức sâu sắc được tầm quan trọng của việc chớp thời cơ cách mạng, của cơ hội ngàn năm có một, ngày 10-8-1945, trong khi bàn với một số đồng chí về công tác chuẩn bị tổ chức Hội nghị, Hồ Chí Minh nói: “Nên họp ngay và cũng không nên kéo dài Hội nghị. Chúng ta cần tranh thủ từng giây, từng phút, tình hình chuyển biến nhanh chóng. Không thể để lỡ cơ hội”¹.

1. Nguyễn Lương Bằng, Tân Trào 1945-1985, Hội Văn học nghệ thuật Hà Tuyên, 1985, tr.

Khi điều kiện cho cuộc tổng khởi nghĩa trong toàn quốc giành chính quyền đã chín muồi, khi vua Nhật tuyên bố đầu hàng không điều kiện (14/8/1945), khi quân Nhật ở Đông Dương mất tinh thần, chính phủ Trần Trọng Kim hoang mang, tê liệt, lãnh tụ Hồ Chí Minh nhận định: cơ hội và những điều kiện khởi nghĩa đã đến. “Dân tộc ta đến lúc vùng dậy cướp lại quyền độc lập của mình”.

Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào, từ ngày 13 - 15/8/1945 đã quyết định phát động Tổng khởi nghĩa, thi hành mười chính sách Việt Minh. Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc được thành lập để thống nhất chỉ huy cuộc chiến đấu, và 23 giờ ngày 13-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ra Quân lệnh số 1 khẳng định: “Giờ tổng khởi nghĩa đã đến! Cơ hội có một không hai cho quân dân Việt Nam vùng dậy giành lấy quyền độc lập của nước nhà!”. Vì vậy, “Chúng ta phải hành động cho nhanh, với một tinh thần vô cùng quả cảm, vô cùng thận trọng!”¹. Hồ Chí Minh đề nghị Hội nghị sớm bế mạc để các đại biểu nhanh chóng trở về các địa phương, kịp thời mang mệnh lệnh khởi nghĩa phát động, lãnh đạo quần chúng tổ chức vùng lên giành chính quyền .

Ngay chiều ngày 16/8/1945, Quốc dân Đại hội đã kịp thời họp ở Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Quốc dân Đại hội Tân Trào). Với khoảng 60 đại biểu dự Đại hội, đại diện cho cả ba miền Bắc, Trung, Nam. đại diện kiều bào ta ở Lào và Thái Lan và các đảng phái chính trị, các đoàn thể cứu quốc, các tôn giáo..., Quốc dân Đại hội Tân Trào họp trong đêm trước của cách mạng tháng Tám, thực sự là hình ảnh tiêu biểu cho khối đoàn kết nhất trí toàn dân tộc. Đại hội nhất trí việc phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc, hiệu triệu nhân dân toàn quốc và các đoàn thể cách mạng kịp thời đứng lên giành lấy chính quyền, xây dựng một nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên nền tảng hoàn toàn độc lập.

Mười chính sách của Mặt trận Việt Minh được Đại hội thông qua, đã thể hiện những nội dung cơ bản của chính sách đối nội, đối ngoại và thể chế của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và khẳng định những quyền tự do, dân chủ cho nhân dân. Quốc dân Đại hội quyết định: Cử ra Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam” (do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch). Ủy ban này cũng như Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam trước khi thành lập một chính phủ chính thức. Ủy ban này thay mặt quốc dân mà giao thiệp với các nước ngoài và chủ trì mọi công việc trong nước.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, t. 7, tr. 421 - 422.

Sau đó, quyết nghị của Đại hội quốc dân cũng nhấn mạnh: Khi thời giờ cấp bách, Ủy ban dân tộc giải phóng giao toàn quyền cho Ủy ban khởi nghĩa. Đây là sự thống nhất chỉ huy khởi nghĩa, đồng thời là sự thống nhất về tư tưởng chính quyền nhà nước do Hồ Chí Minh chỉ đạo và thực hiện.

Với những quyết nghị này, Quốc dân Đại hội thực sự là kết quả của một phong trào cách mạng rộng lớn đang phát triển, đoàn kết trong Mặt trận Việt Minh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Trên ý nghĩa đó, Ủy ban dân tộc giải phóng tức Chính phủ lâm thời do Đại hội cử ra xuất phát từ lòng dân, do nhân dân, vì nhân dân nên thực sự là “Chính phủ hợp pháp hoá” của toàn dân. Sau đó, tại đình Tân Trào, Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam ra mắt Quốc dân và tuyên thệ: “Chúng tôi, những người được Quốc dân đại biểu bầu vào Ủy ban giải phóng dân tộc để lãnh đạo cuộc cách mạng của nhân dân ta. Trước lá cờ thiêng liêng của Tổ quốc, chúng tôi nguyện kiên quyết lãnh đạo nhân dân tiến lên, ra sức chiến đấu chống quân thù, giành lại độc lập cho Tổ quốc. Dù phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng quyết không lùi bước. Xin thề”.

Như vậy, việc kịp thời quyết định triệu tập Quốc dân Đại hội Tân Trào để thông qua quyết định Tổng khởi nghĩa, thi hành mười chính sách của Việt Minh và cử ra Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam là một sáng tạo của Hồ Chí Minh. Đó cũng là một thành công của Người trong việc vận dụng, phát triển và hiện thực hóa tư tưởng dân quyền ngay trong tiến trình đấu tranh cách mạng. Đại tướng Võ Nguyên Giáp khẳng định: “Hoạt động và quyết nghị của Đại hội cho thấy: “Quốc dân Đại hội Tân Trào có ý nghĩa là một Quốc hội lâm thời, hay một tiền Quốc hội bởi vì cách mạng chưa thành công. Quốc dân Đại hội tạo căn cứ pháp lý cho sự ra đời chế độ cộng hoà dân chủ của nước ta, cho một Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khi cách mạng đã thành công¹”.

Quốc dân Đại hội diễn ra khấn trương và thắng lợi trong đêm trước của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, mang tầm vóc lịch sử như một Quốc hội của nước Việt Nam mới là một quyết định thể hiện sự nhạy bén đầy sáng tạo của Hồ Chí Minh trước những biến chuyển của tình hình quốc tế và trong nước. Quốc dân Đại hội có vai trò lịch sử như “một nghị viện từ trong phong trào đấu tranh cách mạng làm nên nền dân chủ cách mạng của chính mình”, là một tiến bộ rất lớn trong lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc và quyền tự do dân chủ cho nhân dân trong suốt gần một thế kỷ bị thực dân Pháp thống trị. Quốc dân Đại hội Tân Trào thực sự biểu thị cho ý chí và tinh thần của toàn dân tộc, phản ánh nguyện vọng

1. Quốc dân Đại hội Tân Trào, Nxb. Hà Nội, H, 1995, tr. 27.

và quyết tâm của toàn thể nhân dân, đáp ứng được những khát vọng về dân sinh, dân chủ của nhân dân lao động.

Có thể khẳng định rằng, Quốc dân Đại hội với việc tạo cơ sở pháp lý, những nguyên tắc, thể thức cơ bản cho sự ra đời một Chính phủ hợp pháp do nhân dân bầu ra sau đó, đã thể hiện sự nhạy bén trước thời cuộc của Hồ Chí Minh trong cách mạng Tháng Tám. Trong hoàn cảnh đầy khó khăn, thử thách: một mặt quân Đồng minh sắp kéo vào Việt Nam, mặt khác quân Pháp đang ráo riết chuẩn bị khôi phục quyền thống trị, và các thế lực phản động cũng đang theo đuôi quân Tưởng về nước chống phá cách mạng, v.v..., quyết định sáng suốt và những công việc cụ thể mà Hồ Chí Minh đã làm càng trở nên quan trọng và có ý nghĩa lớn lao đối với cách mạng Việt Nam. Hồ Chí Minh - con người của những quyết sách lịch sử đã tổ chức thắng lợi Quốc dân Đại hội để quyết định kịp thời chuyển xoay vận nước. Đây chính là sự thành công đầu tiên, minh chứng cho quan điểm của Hồ Chí Minh: quyền lực nhà nước, dù sơ khai cũng phải nhận được sự uỷ nhiệm từ nhân dân, của nhân dân.

Trong đêm trước của Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 lịch sử, chủ động trước mọi biến cố, nhằm tranh thủ những điều kiện thuận lợi cho ngày vùng lên của toàn dân tộc, Hồ Chí Minh đã kịp thời chuẩn bị những bước đi vững chắc về cơ sở và tính pháp lý, "làm cho mọi người thấy rõ được cả tính hợp pháp lẫn sức mạnh để giữ vai trò lãnh đạo và đã phát triển phong trào" cách mạng của thiết chế tiền Quốc hội.

Lần đầu tiên trong lịch sử cận hiện đại thế giới, dưới sự lãnh đạo của một Đảng Cộng sản do Hồ Chí Minh đứng đầu, Ủy ban dân tộc giải phóng có tính chất một Chính phủ lâm thời do Quốc dân Đại hội cử ra đã được thành lập nhằm lãnh đạo cả dân tộc vùng lên chuyển xoay vận nước giành được độc lập tự do. Bởi vậy, quyết định kịp thời của Người đã là cơ sở pháp lý đầu tiên, quan trọng cho sự hình thành, ra đời một cơ cấu, một thể chế của nhà nước mới, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau đó - Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân. Thực tế đó cũng cho thấy giá trị sáng tạo và tính thực tiễn tuyệt vời của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền được thực thi trong tiến trình đấu tranh giành độc lập dân tộc. Ngay sau Đại hội, ngày 18-8-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi **Thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa**: "Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta... Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!"¹.

1. Hồ Chí Minh Toàn tập. Sdd, t. 3, tr. 554.

Thực hiện nghị quyết của Đảng, của Quốc dân Đại hội Tân Trào, chớp đúng thời cơ, toàn dân ta từ Bắc đến Nam, từ miền núi đến đồng bằng, từ nông thôn đến thành thị đã đứng lên khởi nghĩa giành lấy chính quyền từ tay phát xít Nhật. Sức mạnh của nhân dân cả nước dưới sự lãnh đạo của Đảng đã bùng lên thành bão táp cách mạng, quyết giành lại độc lập, tự do. Ngày 19-8, Tổng khởi nghĩa thành công ở Hà Nội, ngày 23-8 ở Huế, và ngày 25-8 ở Sài Gòn. Trong một thời gian ngắn, cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước đã thành công. Chính quyền cách mạng đã về tay nhân dân. Trước khi quân Đồng minh kéo vào, chính quyền cách mạng từ trung ương đến địa phương đã được thiết lập, thay thế cho chính quyền của phát xít Nhật và tay sai. Nhân dân ta đã đón quân Đồng minh với tư cách là chủ nhân của nước Việt Nam độc lập.

Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 đã giáng một đòn quyết định vào tất cả các cơ quan đầu não của bọn thống trị và tay sai. Làn sóng cách mạng và sức mạnh bạo lực cách mạng của quần chúng đã làm tê liệt mọi sự kháng cự của các thế lực thù địch, xoá bỏ bộ máy chính quyền của giai cấp thống trị, thành lập chính quyền cách mạng ở Việt Nam.

Khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám năm 1945 là sự vùng dậy của toàn dân. Khác với chiến tranh khởi nghĩa do lực lượng quần chúng thực hiện là chủ yếu. Sức mạnh làm nên thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa - khởi nghĩa dân tộc là sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, được rèn luyện, hun đúc qua ba cuộc tổng diễn tập (1930 -1931), (1936 -1939) và (1939 -1945) dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sức mạnh đó đã lôi cuốn được cả những người còn đang do dự, phản ánh một cách rõ nét tư duy sắc sảo, trí tuệ của Đảng và sự sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong điều kiện cụ thể của Việt Nam khi giải quyết vấn đề dân tộc và dân chủ trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Như vậy, sau hơn 15 năm chuẩn bị và tập dượt đấu tranh, dưới ngọn cờ độc lập, tự do của Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng, cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 của nhân dân ta nhằm xoá bỏ ách thống trị của thực dân Pháp đã giành được thắng lợi. Chính quyền cách mạng đã được xác lập khắp cả nước, "đã được thừa nhận, hợp pháp hóa một cách vẻ vang nhất bởi sự tham gia cuồng nhiệt của toàn thể nhân dân Việt Nam". Thắng lợi này là kết quả tất yếu của việc kịp thời thay đổi chiến lược cách mạng, quy tụ sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng và việc từng bước hiện thực hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền lực của nhân dân trong tiến trình cách mạng

Thắng lợi một cách khá ôn hoà của Cách mạng tháng Tám năm 1945,

việc Bảo Đại thoái vị để làm một người dân của một nước độc lập đã chứng tỏ ngọn cờ dân tộc mà Chủ tịch Hồ Chí Minh giương cao, chủ trương đoàn kết mọi lực lượng của dân tộc trong đấu tranh giành chính quyền ở Việt Nam là hoàn toàn đúng đắn. Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã kịp thời hành động một cách kiên quyết và nhanh chóng, góp phần to lớn vào thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Ngày 23-8-1945, Hồ Chí Minh về đến làng Gạ (Phú Gia, Từ Liêm, Hà Nội), để cùng Trung ương Đảng giải quyết những vấn đề quan trọng liên quan đến vận mệnh của nước nhà. Sáng 25-8-1945, Người nghe các đồng chí Võ Nguyên Giáp và Trần Đăng Ninh báo cáo tình hình Tổng khởi nghĩa và chủ trương ra mắt của Chính phủ lâm thời. Chiều 25-8-1945, Người vào nội thành. Ngày 26-8-1945, Người mở phiên họp đầu tiên với Ban Thường vụ Trung ương Đảng để thảo luận các vấn đề quan trọng, đặc biệt là việc công bố danh sách thành viên Chính phủ lâm thời và soạn thảo bản *Tuyên ngôn Độc lập*. Theo Người, việc mít tinh lớn ở Hà Nội, ra mắt Chính phủ, tuyên bố Việt Nam độc lập và thiết lập chính thể dân chủ cộng hoà phải được gấp rút làm ngay, và làm trước khi quân Đồng minh vào giải giáp vũ khí quân đội Nhật.

Trên tinh thần đó, ngày 28-8-1945, Ủy ban dân tộc giải phóng cải tổ thành Chính phủ lâm thời. Thực hiện chủ trương của Hồ Chí Minh, một số cán bộ của Đảng và Việt Minh tự nguyện rút lui để nhường chỗ cho các đảng phái khác. Đánh giá hành động cao đẹp này của các đồng chí cán bộ của Đảng và Việt Minh, Hồ Chí Minh khẳng định: Đó là “một cử chỉ vô tư, tốt đẹp, không ham chuộng địa vị, đặt lợi ích của dân tộc, của đoàn kết toàn dân lên trên lợi ích cá nhân. Đó là một cử chỉ đáng khen, đáng kính mà chúng ta phải học”¹. Cùng ngày, Tuyên cáo của Chính phủ lâm thời khẳng định: “Nhiệm vụ của Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam hết sức nặng nề. Làm sao cho Chính phủ lâm thời tiêu biểu được Mặt trận dân tộc thống nhất một cách rộng rãi và đầy đủ. Bởi vậy, Ủy ban dân tộc giải phóng đã quyết định tự cải tổ, mời thêm một số nhân sĩ tham gia Chính phủ dựng cùng nhau gánh vác nhiệm vụ nặng nề mà quốc dân giao phó. Chính phủ lâm thời... thật là một Chính phủ quốc gia thống nhất giữ trọng trách là chỉ đạo cho toàn quốc, đợi ngày triệu tập được Quốc hội để cử ra một Chính phủ dân chủ cộng hoà chính thức”².

Tại 48 Hàng Ngang, Hồ Chí Minh đã soạn thảo bản *Tuyên ngôn Độc lập* và tranh thủ ý kiến của các đồng chí lãnh đạo Đảng. Sau những ngày

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 6, tr. 160.

2. Việt Nam dân quốc công báo, số 1, ngày 2-9-1945.

chuẩn bị khẩn trương, một cuộc mít tinh lớn của nhân dân Hà Nội đã diễn ra tại Quảng trường Ba Đình chiều ngày 2-9-1945. Trong buổi lễ long trọng đó, Chính phủ lâm thời ra mắt quốc dân. Thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn Độc lập*, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, thủ tiêu hoàn toàn chế độ thực dân, phong kiến, tuyên bố về nền độc lập của dân tộc Việt Nam trước đồng bào cả nước và nhân dân thế giới. Người khẳng định: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và thật sự đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”¹.

*

* * *

Như vậy là, từ khi trở về Tổ quốc, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng cả nước, hoạt động, nỗ lực không mệt mỏi của Hồ Chí Minh cùng những quyết định kịp thời, sáng tạo và nhạy bén của Người trong việc triệu tập và chủ trì Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ Tám tháng 5/1941; triệu tập Hội nghị toàn quốc của Đảng; triệu tập Quốc dân Đại hội họp ở Tân Trào, thông qua những nội dung quan trọng liên quan đến sự phát triển của tiến trình cách mạng, v.v.. đã góp phần quan trọng vào thành công của cuộc cách mạng tháng Tám 1945.

Với thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền mùa thu 1945, những luận điểm của Hồ Chí Minh về cách mạng thuộc địa, về tính chủ động của cách mạng thuộc địa, về cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới trong những năm 20 của thế kỷ XX đã được thực tiễn cách mạng Việt Nam kiểm nghiệm là đúng đắn. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc, sự vận dụng sáng tạo lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc của Người trong điều kiện cụ thể của Việt Nam và những đóng góp của Người vào tiến trình cách mạng thế giới đã góp phần phá vỡ “hệ thống thuộc địa ở khâu yếu nhất của nó”, làm tan rã hệ thống thuộc địa kiểu cũ của thế giới.

Đánh giá về vai trò của Hồ Chí Minh trong quá trình lãnh đạo nhân dân Việt Nam làm nên thắng lợi cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945, một số nhà nghiên cứu, tâm đắc với Hồ Chí Minh đã từng nói: Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện với một đường lối đúng, gắn vấn đề giai cấp với vấn đề dân tộc, phát huy sức mạnh đại đoàn

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 4, tr. 4.

kết của toàn dân tộc, chủ động, sáng tạo và kịp thời chớp thời cơ, đã giành toàn thắng cho cách mạng Việt Nam.

Với tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường và đoàn kết quốc tế, với việc phát huy chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, v.v.. thành công của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở một nước thuộc địa đã đưa nhân dân Việt Nam từ thân phận người nô lệ trở thành công dân một nước Việt Nam độc lập, đồng thời mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc: Kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội, góp phần vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới.

Thắng lợi vĩ đại của dân tộc Việt Nam trong cách mạng tháng Tám là một bước phát triển của tiến trình lịch sử dân tộc, song là một bộ phận của lịch sử thế giới nói chung và khu vực nói riêng, đó “thực sự là giai đoạn đầu tiên mở đầu cho làn sóng xoá bỏ chế độ thuộc địa ở châu Á, tiếp theo là châu Phi”, nhằm xoá bỏ chủ nghĩa thực dân, vì mục tiêu độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Đồng thời, với những bài học kinh nghiệm được rút ra trong 15 năm đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, nguồn sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu sẽ được tiếp tục phát huy trong sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc ngay sau đó.

**CÙNG TRUNG ƯƠNG ĐẢNG, LÃNH ĐẠO CHÍNH PHỦ
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NỘI TRỊ VÀ NGOẠI GIAO (1945- 1946)**

Ngày sau khi cách mạng tháng Tám thành công, nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa thành lập đã đứng trước vô vàn khó khăn, thử thách: Nền kinh tế kiệt quệ, nạn đói khủng khiếp, ngân khố trống rỗng, trình độ văn hoá rất thấp kém, hơn 90% dân số mù chữ, v.v.. Trong khi đó, ở miền Bắc, 20 vạn quân Tưởng, dưới danh nghĩa Đồng minh vào tước vũ khí quân đội Nhật, thực chất là muốn tiêu diệt Đảng Cộng sản, phá tan Việt Minh, lật đổ chính quyền nhân dân, lập chính phủ phản động làm tay sai cho Mỹ - Tưởng. Còn ở miền Nam, núp sau bóng quân Anh, thực dân Pháp quay trở lại tái đánh chiếm Nam Bộ, Nam Trung Bộ, và đi liền cùng đó là việc bọn phản động tay sai nổi lên khắp nơi, tìm mọi cách cản trở công cuộc kháng chiến và kiến quốc của nhân dân ta.

Đứng trước vận mệnh của nước nhà như ngàn cân treo sợi tóc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận trách nhiệm nặng nề trước quốc dân và nói: “Phận sự của tôi như một người cầm lái, phải chèo chống thế nào để đưa chiếc thuyền Tổ quốc vượt khỏi những cơn sóng gió, mà an toàn đi đến bến bờ hạnh phúc của nhân dân”¹. Người cùng tập thể Trung ương Đảng bình tĩnh, sáng suốt phân tích tình hình, kịp thời đề ra đường lối đúng đắn và những biện pháp hành động khôn khéo để giải quyết từng bước những khó khăn về đời sống kinh tế, văn hoá - xã hội và những vấn đề cấp bách khác.

Sáng ngày 3-9-1945, tại Bắc Bộ phủ, chủ tọa phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Người đã nêu 6 vấn đề cấp bách cần phải làm ngay:

Một là giải quyết nạn đói;

Hai là thanh toán nạn dốt;

Ba là tổ chức sớm cuộc Tổng tuyển cử;

Bốn là xoá bỏ hủ tục, xây dựng đời sống văn hoá mới, đạo đức mới, đạo đức cách mạng;

Năm là xoá bỏ ngay những thứ thuế bóc lột vô nhân đạo;

Sáu là thực hiện tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết.

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđd, t. 4, tr. 165.

Đồng thời, Người cũng tuyên bố lịch tiếp đại biểu nhân dân và các tổ chức đoàn thể với cách thức cụ thể, rõ ràng, để tạo điều kiện cho nhân dân được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng của mình mà khỏi phải chờ đợi mất công.

Để cấp bách chống giặc đói, Người đề nghị với Chính phủ phát động ngay một chiến dịch tăng gia sản xuất, đồng thời mở cuộc lạc quyền, cấp tốc giải quyết từng bước nạn đói, với tinh thần “lá lành đùm lá rách”: Lúc chúng ta nâng bát cơm mà ăn, nghĩ đến kẻ đói khổ, chúng ta không khỏi động lòng. Vậy tôi xin đề nghị với đồng bào cả nước, và tôi xin thực hành trước: Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn 3 bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo¹. Hưởng ứng lời kêu gọi và tấm gương của Người, cả nước dấy lên phong trào tương thân tương ái, với các hình thức phong phú “Hũ gạo cứu đói”, “Ngày đồng tâm nhịn ăn”, v.v.. Chỉ sau một tuần quyền góp, cả nước đã có hàng vạn tấn gạo cứu đói. Đồng thời Người cũng đề nghị Hội đồng Chính phủ mở chiến dịch tăng gia sản xuất, thực hiện khẩu hiệu: Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa! Bởi đó là cách thiết thực nhất để chúng ta giữ vững quyền tự do, độc lập của mình. Nhờ những biện pháp khẩn thiết đó, nạn đói đã từng bước được đẩy lùi, nhân dân thêm vững lòng tin vào Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Cùng đó, để tiêu diệt giặc đói, để mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi và bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, Người đề nghị mở một chiến dịch chống nạn mù chữ. Người yêu cầu trong một năm, tất cả mọi người Việt Nam đều phải biết chữ quốc ngữ, với phương châm người biết chữ dạy người chưa biết chữ, những người chưa biết chữ hãy gắng sức học cho biết, đặc biệt phụ nữ lại càng cần phải học, vì “đây là lúc chị em phải cố gắng để kịp nam giới, để xứng đáng mình là một phần tử trong nước, có quyền bầu cử và ứng cử”². Sau một năm thực hiện theo lời kêu gọi của Người, 95% dân số Việt Nam cơ bản xoá được nạn mù chữ.

Quan tâm đến thế hệ măng non, những chủ nhân tương lai của một nước Việt Nam độc lập, tự do, nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam, Người gửi thư cho các học sinh với kỳ vọng thiết tha: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”. Cùng đó, Người đã

1 Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 4, tr. 31.

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 4, tr. 37.

ký Sắc lệnh thành lập Nha bình dân học vụ, thành lập Hội đồng cố vấn học chính để nghiên cứu và đệ trình Chính phủ chương trình giáo dục của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và theo dõi thực hiện chương trình ấy.

Để củng cố và xây dựng nền dân chủ cộng hòa, không chỉ quan tâm và đề nghị Chính phủ mở cuộc vận động thực hiện đời sống mới, xoá bỏ dần những hủ tục lạc hậu, Người và Chính phủ còn mong muốn xây dựng nền tài chính quốc gia độc lập. Thông qua việc ký sắc lệnh thành lập Quỹ Độc lập, phát động “Tuần lễ vàng”, gửi thư kêu gọi đồng bào hưởng ứng Tuần lễ vàng, với tinh thần hăng hái yêu nước, hướng về Người, về Đảng và Chính phủ, đồng bào cả nước đã tự nguyện đóng góp được 370 kg vàng và 20 triệu đồng vào quỹ Độc lập và 40 triệu đồng vào Đám phụ Quốc phòng.

Từ những *phong trào thi đua* “diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm” trong những ngày đầu của nền dân chủ cộng hòa ấy, đã có những tấm gương tiêu biểu được nhận tặng thưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó là bà Vương Thị Lài được Người tặng Huy chương vàng “đại biểu cho lòng hăng hái và hy sinh cho tất cả phụ nữ Việt Nam”, và ông Nguyễn Sơn Hà, người đóng góp nhiều thứ 2 cho Quỹ Quốc phòng được Người tặng ảnh¹.

Từ quan niệm, chế độ xã hội mới cần phải có những con người mới và đi liền cùng đó là một đời sống mới. Vì vậy, Người đã mở cuộc vận động xây dựng đời sống mới, xoá bỏ những hủ tục lạc hậu và xây dựng nền văn hoá mới, nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân.

Mặt khác, để từng bước đem lại quyền tự do dân chủ cho nhân dân, Người và Chính phủ đã ký một loạt sắc lệnh, bãi bỏ chế độ thuế khoá bất công của thực dân Pháp như: thuế thân, thuế chợ, thuế đò, đồng thời ban hành Luật Lao động, bảo vệ quyền lợi cho công nhân; Quy định giảm tô 25% cho nông dân; Chia ruộng của bọn thực dân và ruộng công cho nông dân, ban bố Sắc lệnh tự do tín ngưỡng, v.v... Đặc biệt, trong bối cảnh đầy khó khăn, thử thách của vận nước, lãnh tụ Hồ Chí Minh vẫn quyết định nhanh chóng tổ chức cuộc Tổng tuyển cử theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu, bình đẳng, bí mật và bỏ phiếu kín trong cả nước, nhằm mục tiêu “đi đến Quốc hội để quy định *Hiến pháp*, bầu Chính phủ chính thức”. Quyết định kịp thời này có ý nghĩa lịch sử như một *tuyên bố lập hiến của Hồ Chí Minh*, đồng thời khẳng định bản chất dân chủ và vị trí pháp lý của Quốc hội trong tổ chức bộ máy Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

1. Theo Song Thành, Hồ Chí Minh tiểu sử, Nxb. LLCT, H, 2006, tr.336

Trước sự chống phá điên cuồng của các thế lực phản động, nạn đói, nạn dốt và giặc ngoại xâm đang đe dọa nền độc lập vừa giành được, để tiến hành Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, Hồ Chí Minh đã điều hành Chính phủ lâm thời một mặt khôn khéo, tận dụng mọi cơ hội để xúc tiến thực hiện cuộc Tổng tuyển cử, mặt khác kịp thời ban hành các văn bản dưới luật, tạo cơ sở pháp lý cho mọi công dân Việt Nam đều có thể tham gia vào việc bầu cơ quan đại diện cho mình.

Chính phủ quyết định chọn ngày 23-12-1945 là ngày Tổng tuyển cử, nhưng để các cá nhân, các đảng phái và tổ chức chính trị khác có thêm thời gian đề cử và ứng cử, ngày 18-12-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 76, lùi ngày bầu cử vào ngày 6-1-1946. Cùng với việc chuẩn bị những điều kiện thuận lợi về mặt pháp lý để mọi người dân Việt Nam đều có thể trực tiếp tham gia vào cuộc bầu cử Quốc hội, Hồ Chí Minh cũng đồng thời đề cập đến tiêu chuẩn người đại biểu Quốc hội, những người sẽ thay mặt nhân dân hoạt động trong cơ quan quyền lực tối cao qua những bài viết của mình. Theo Người, người đại biểu nhân dân là người phải ra sức giữ vững nền độc lập của Tổ quốc, ra sức mưu sự hạnh phúc cho đồng bào. Phải luôn luôn nhớ và thực hành câu: Vì lợi nước, quên lợi nhà; vì lợi chung, quên lợi riêng, vì vậy Người nhấn mạnh: mọi công dân Việt Nam hãy thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi thiêng liêng của mình và “những ai muốn làm quan cách mạng thì nhất định không nên bầu”.

Sau đó, tuy bị kẻ thù tìm mọi cách chống phá, nhưng với sách lược mềm dẻo, đối sách linh hoạt và niềm tin vào nhân dân, Người cùng Trung ương Đảng, Tổng bộ Việt Minh đã lãnh đạo toàn dân tiến hành thắng lợi cuộc Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946, bầu Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Người thực hiện quyền công dân của mình tại điểm bỏ phiếu số 10, phố Hàng Vôi, Hà Nội và trúng cử với số phiếu cao nhất (98,4%).

Ngày 2 tháng 3 năm 1946, kỳ họp thứ nhất Quốc hội khoá I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa họp tại Nhà hát lớn thành phố Hà Nội. Phát biểu trước Quốc hội, Người khẳng định thắng lợi to lớn của cuộc Tổng tuyển cử, đồng thời để thực hiện sự đoàn kết, tỏ rõ cho thế giới biết toàn dân Việt Nam đoàn kết nhất trí, Người đề nghị Quốc hội truy nhận thêm 70 ghế không qua bầu cử, cho các đại biểu thuộc hai tổ chức Việt Quốc (Việt Nam Quốc dân Đảng) và Việt Cách (Việt Nam Cách mệnh Đồng minh).

Quốc hội nhất trí tán thành và ghi nhận những công việc của Chính phủ lâm thời, và khẳng định: Chủ tịch Hồ Chí Minh xứng đáng với Tổ quốc. Sau đó, được Quốc hội trao trọng trách, Người đã thành lập Chính

phủ liên hiệp kháng chiến¹. Tại kỳ họp này, Quốc hội đã công nhận Chính phủ liên hiệp kháng chiến gồm 12 thành viên Cố vấn đoàn và Kháng chiến Ủy viên hội (Cố vấn đoàn do Vĩnh Thụy đảm nhận. Kháng chiến Ủy viên hội do Võ Nguyên Giáp làm Chủ tịch, Vũ Hồng Khanh làm Phó Chủ tịch).

Sau khi Quốc hội thông qua, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng các thành viên mới của Chính phủ, đoàn cố vấn, Ủy ban kháng chiến đọc lời tuyên thệ nhậm chức và xin thề “cương quyết lãnh đạo nhân dân kháng chiến, thực hiện nền dân chủ cộng hoà Việt Nam, mang lại tự do, hạnh phúc cho dân tộc. Trong công việc giữ gìn nền độc lập, chúng tôi quyết vượt mọi khó khăn, dù phải hy sinh tính mệnh cũng không từ”.

Cùng với việc ký các sắc lệnh nhằm kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy Nhà nước với chức năng và nhiệm vụ mới, Người đồng thời đề ra những nguyên tắc cơ bản về hoạt động của chính quyền nhân dân, coi cán bộ, nhân viên trong các cơ quan đó là đầy tớ gánh vác công việc cho dân, với tinh thần: “Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta”.

Tuy nhiên, ngay từ những ngày đầu đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã nhận thấy “những lỗi lầm rất nặng nề” của một số cán bộ có chức, có quyền đang tồn tại trong các cơ quan của Đảng và Chính phủ. Theo Người, các căn bệnh trái phép, cậy thế, hủ hoá, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo đang trở thành hiện tượng nhức nhối trong các cơ quan của Chính phủ, vì vậy, để xây dựng một Chính phủ liêm khiết, Người yêu cầu mỗi người cán bộ đảng viên phải “ghi sâu những chữ công bình, chính trực vào lòng”. Trước những tồn tại, những khuyết điểm của đội ngũ cán bộ đảng viên trong các

| | |
|--|------------------|
| 1. Chủ tịch: | Hồ Chí Minh |
| 2. Phó Chủ tịch: | Nguyễn Hi Thân |
| 3. Bộ trưởng Bộ ngoại giao: | Nguyễn Tường Tam |
| 4. Bộ trưởng Bộ Nội vụ: | Huỳnh Thúc Kháng |
| 5. Bộ trưởng Bộ Kinh tế: | Chu Bá Phượng |
| 6. Bộ trưởng Bộ Tài chính: | Lê Văn Hiến |
| 7. Bộ trưởng Bộ quốc phòng: | Phan Anh |
| 8. Bộ trưởng Xã hội kiêm Y tế, Cứu tế và Lao động: | Trưng Đình Tri |
| 9. Bộ trưởng Bộ giáo dục: | Đặng Thai Mai |
| 10. Bộ trưởng Bộ Tư pháp: | Vũ Đình Hoè |
| 11. Bộ trưởng Bộ giao thông công chính: | Trần Đăng Khoa |
| 12. Bộ trưởng Bộ Canh nông: | Bồ Xuân Luật |

cơ quan công quyền, trước những thói hư, tật xấu, nạn tham ô, sự lãng phí của công, bệnh quan liêu, cửa quyền, sự lên mặt của những “ông quan cách mạng”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tự phê bình và nhận trách nhiệm trước quốc dân: “Chính phủ do tôi đứng đầu chưa làm được việc gì đáng kể cho nhân dân. Có thể nói rằng: những khuyết điểm đó là vì thời gian còn ngắn ngủi, vì nước ta còn mới, hoặc vì lẽ này, lẽ khác... Nhưng không, tôi phải nói thật: những sự thành công là nhờ đồng bào cố gắng. Những khuyết điểm là lỗi tại tôi. Người đời không phải thánh thần, không ai tránh khỏi khuyết điểm. Chúng ta không sợ có khuyết điểm, nhưng chỉ sợ không biết kiên quyết sửa nó đi”¹.

Cùng đó, một mặt, Người biểu dương những cán bộ tốt, mặt khác tỏ thái độ nghiêm khắc với những người phạm những lỗi lầm trên, đồng thời yêu cầu họ “phải hết sức sửa chữa; nếu không tự sửa chữa thì Chính phủ sẽ không khoan dung”². Không chỉ viết bài, thường xuyên phê bình, nhắc nhở đội ngũ cán bộ đảng viên của Đảng phải chống chủ nghĩa cá nhân, chống các bệnh chuyên quyền, độc đoán, Người còn là một mẫu mực của tấm gương đạo đức cách mạng. Công khai tự phê bình, nhận lỗi và có tinh thần nghiêm túc tự phê bình, phê bình và sửa chữa, cán bộ chính quyền các cấp nhanh chóng khắc phục những sai sót, những khuyết điểm, vì thế, tuy đội ngũ cán bộ chưa có kinh nghiệm trong việc quản lý đất nước, nhưng đã thực sự được nhân dân tin yêu và gắn bó, đồng thời góp phần khẳng định bản chất tốt đẹp của chính quyền cách mạng.

Đứng trước nhiều kẻ thù, với nhiều âm mưu thâm độc khác nhau, nhưng cùng chung mục tiêu chống phá cách mạng, “diệt Cộng, cầm Hồ”, một mặt Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng và Chính phủ tập trung giải quyết những nhiệm vụ cấp bách, kiên trì sách lược hoà hoãn với Quốc dân Đảng Trung Hoa (thông qua những cuộc gặp với Lư Hán, Tiêu Văn, v.v..) mặt khác Người chủ trương, thực hiện việc tăng cường và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân. Với phương châm “Đoàn kết toàn dân, quyết tâm vì chính nghĩa, quyết giữ vững độc lập bằng mọi giá”, Người chủ trương mở rộng khối đoàn kết toàn dân, thu hút đông đảo, rộng rãi các tầng lớp nhân dân tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, thông qua việc nhanh chóng phát triển các tổ chức đã có trong Mặt trận Việt Minh, đồng thời thành lập thêm các tổ chức mới. Theo sáng kiến của Người, ngày 29-5-1946, Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Liên Việt) được thành lập và Người được bầu là Chủ tịch danh dự của Hội.

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.4, tr.166

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 4, tr. 58.

Tiếp sau đó, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam (20-7-1946), Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (20-10-1946), Đảng Xã hội Việt Nam (22-7-1946) ra đời, tự nguyện gia nhập Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam, làm tăng sức mạnh của khối toàn dân đoàn kết để chống thù trong giặc ngoài.

Quan tâm đến khối đoàn kết toàn dân trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam, Người đã tham dự Lễ khai mạc Hội nghị đại biểu của hơn 20 dân tộc thiểu số ở miền Bắc. Và khi Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam họp ở Plâycu ngày 16/4/1946, Người gửi thư cho đại hội và khẳng định: “Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt”¹. Từ đó, Người mong mỗi chúng ta phải “quyết góp chung lực lượng lại để giữ vững quyền tự do, độc lập”, dù “sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt”. Đặc biệt, bằng tình cảm thiết tha từ trái tim mình, Người nhấn mạnh: “Chúng ta phải thương yêu nhau, phải kính trọng nhau, phải giúp đỡ nhau để mưu cầu hạnh phúc chung của chúng ta và con cháu chúng ta”². Trong thư, Người cũng nêu rõ, những thiết chế quyền lực đại diện cho quyền lực của nhân dân đảm bảo sức sống cho khối đoàn kết, đó chính là “trong Quốc hội có đủ đại biểu các dân tộc. Chính phủ thì có “Nha dân tộc thiểu số” để săn sóc tất cả các đồng bào.

Người đặc biệt quan tâm việc tập hợp, đoàn kết đồng bào các tôn giáo vì sự nghiệp chung, với tinh thần: “Dù công giáo hay không công giáo, Phật giáo hay không Phật giáo đều phải đấu tranh cho nền độc lập của nước nhà”³. Người từng nói rằng: “Chỉ sợ lòng mình không rộng, chứ không sợ người ta không theo mình”, chính sách đại đoàn kết mềm dẻo, linh hoạt với đồng bào các tôn giáo, việc quan tâm, động viên các chức sắc tôn giáo của Người, những bức thư thăm hỏi giám mục Lê Hữu Từ; việc mời các cụ Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Văn Tố là những nhân sĩ “đức cao vọng trọng” tham gia Chính phủ; việc tin tưởng, sử dụng những thượng thư, đại thần của triều đình Huế như các cụ Phan Kế Toại, Bùi Bằng Đoàn, Phạm Khắc Hoè... vào những chức vụ quan trọng của bộ máy nhà nước, v.v.. đã góp phần làm nên một Hồ Chí Minh “linh hồn của khối đại đoàn kết toàn dân tộc” trong suốt những năm tháng gian lao của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 4, tr. 217

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.4, tr.217

3. Báo Cứu quốc, ngày 15-1-1946.

Song song với việc giải quyết những công việc cấp bách về đối nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Chính phủ đã tiến hành nhiều hoạt động đối ngoại khẩn cấp. Ngày 28-9-1945, với tư cách Bộ trưởng Ngoại giao, Người trình Hội đồng Chính phủ dự thảo Lời tuyên bố về chính sách ngoại giao của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà dựa trên những nguyên tắc tự do, bình đẳng và quyền dân tộc tự quyết đã được các nước Đồng minh ghi nhận trong các Hiến chương Đại Tây Dương và XanPhranxixcô. Không chỉ thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà gửi Thông điệp cho Liên hợp quốc và các vị đứng đầu các cường quốc, hoan nghênh việc Liên hợp quốc thành lập Uỷ ban tư vấn về Viễn Đông và phản đối việc nước Pháp là thành viên của Uỷ ban này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi điện tới ông Hăngri Xpác (H. Spaak), Chủ tịch Hội đồng Liên hợp quốc, cùng các vị ngoại trưởng các cường quốc, đề nghị đưa vấn đề công nhận nền độc lập của Việt Nam và kết nạp Việt Nam vào Liên hợp quốc ra trước Hội đồng. Đây là những đòi hỏi chính đáng của một dân tộc khi dân tộc đó đã kiên cường đấu tranh giành độc lập sau hơn 80 năm trời nô lệ.

Cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù, sau Cách mạng tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng nhận rõ kẻ thù nguy hại nhất lúc này là thực dân Pháp xâm lược. Trên nguyên tắc giữ vững chủ quyền và độc lập dân tộc, Người vận dụng sách lược khôn khéo, một mặt phân hoá cao độ kẻ thù, mặt khác kiên nhẫn tận dụng thời gian xây dựng lực lượng, với phương châm biến “đại sự thành tiểu sự và tiểu sự thì thành vô sự”.

Tạm thời hoà hoãn với quân Tưởng để giữ vững chính quyền, đồng thời có điều kiện đối phó với quân Pháp ở miền Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trên cơ sở hiểu rõ đối thủ, có đối sách phù hợp với từng đối thủ, từng bước phá tan âm mưu “diệt Cộng cầm Hồ”, “phá tan Việt Minh” của Tưởng Giới Thạch bằng cách nhân nhượng cho quân Tưởng một số quyền lợi về kinh tế, tạo điều kiện cho buôn bán gạo và hàng hoá sang Hồng Kông; mở rộng 70 ghế tham gia Quốc hội không qua bầu cử cho Việt Quốc, Việt Cách - tay sai của quân Tưởng, để xoá đi lý do mà các thế lực thù địch trong và ngoài nước lợi dụng nhằm chống phá cách mạng.

Ngày 11-11-1945, Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố tự giải tán, thực chất là Đảng rút vào hoạt động bí mật. Trong bối cảnh đó, một mặt, chúng ta dùng sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân làm thất bại mọi mưu đồ đen tối của các thế lực thù địch, trừng trị bọn tay sai đã lộ mặt phá hoại cách mạng, mặt khác, Người cùng Trung ương Đảng và Chính phủ đẩy mạnh việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, động viên nhân dân cả nước ủng hộ cuộc kháng chiến của đồng bào miền Nam.

Ngày 1/12/1945, Hồ Chí Minh đã cùng Võ Nguyên Giáp và Hoàng

Minh Giám chính thức gặp Giăng Xanhtony (Trưởng đoàn tình báo Pháp M.5 ở Côn Minh, Trung Quốc, một đơn vị thuộc quyền của SLFEO Calcutta và là một phần tử của cơ quan tình báo chiến lược DGER - Paris từ tháng 4-10/1945) và Pinhông (Pignon - một viên chức cựu trào của cơ quan thuộc địa Pháp. Tháng 7/1945, được Bộ Pháp quốc Hải ngoại chọn làm phụ tá cho Trưởng phái đoàn thuộc địa Pháp ở Calcutta về các hoạt động chính trị ở Đông Dương. Ngày 19/9/1945, Pinhông cùng Aléchsandri (Alessandri) đã sang Hà Nội để gặp gỡ, hội đàm với Chủ tịch Hồ Chí Minh) trao đổi các vấn đề rất rộng rãi liên quan đến mối quan hệ Việt - Pháp. Cuộc gặp này có Capuyt là Bí thư Đảng Xã hội Pháp ở miền Bắc tham dự có thể được coi là cuộc họp đầu tiên giữa đại diện của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với đại diện của Chính phủ Pháp. Tuy nhiên, sau nhiều lần gặp gỡ, trao đổi, tình hình vẫn diễn biến phức tạp.

Cuối tháng 2/1946, trong cuộc tiếp xúc Việt - Pháp, lập trường của hai bên vẫn chưa đi đến được thoả thuận. Hai bên tiếp tục khẩn trương giải quyết các vấn đề tồn tại như: chủ quyền, quyền ngoại giao của Việt Nam, vấn đề Nam Bộ, số lượng và thời gian quân Pháp ở miền Bắc... Theo Phi líp dvil (Philippe Devillers - Sử gia người Pháp có nhiều công trình nghiên cứu về Đông Dương, về lịch sử cuộc chiến tranh Việt-Pháp, thì đó thực sự là "những cuộc mặc cả gay go", bởi rằng, phía Pháp vẫn muốn coi Việt Nam là một nước tự trị trong liên hiệp Pháp, song lập trường của Việt Nam trong quan hệ với Pháp là độc lập và hợp tác.

Ngày 28/2/1946, Hiệp ước Hoa - Pháp được ký kết tại Trùng Khánh. Việc thực dân Pháp, chính quyền Tưởng mặc cả, mua bán với nhau về quyền lợi của Việt Nam, chà đạp thô bạo chủ quyền độc lập của Việt Nam đã làm cho lòng căm phẫn và ý chí quyết tâm bảo vệ nền độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam lên đến cực điểm. Tình thế mới sau Hiệp ước Hoa - Pháp đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta khi thực hiện đàm phán với thực dân Pháp, phải lựa chọn và quyết đoán nhanh chóng. Ngày 28-2-1946, Hiệp ước Hoa - Pháp được ký kết tại Trùng Khánh, trong những điều khoản thoả thuận, có việc phía Trung Hoa dân quốc (Tướng Giới Thạch) để Pháp thay thế mình ở phía Bắc vĩ tuyến 16. Ở Hà Nội, đại diện quân Tưởng giục ta thoả thuận với Pháp. Các nhà thương lượng Pháp càng nôn nóng hơn, vì hiểu rằng muốn đem quân ra miền Bắc Việt Nam một cách êm thấm, không có đụng độ quân sự, cần phải điều đình và đi tới một thoả thuận với Chính phủ Hồ Chí Minh.

Trước tình hình đó, Người và Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị Tình hình và chủ trương (3-3-1946). Trên cơ sở phân tích khách quan những thuận lợi và khó khăn, điều kiện trong và ngoài nước, chúng ta quyết định hoà đàm với Pháp, để phá mưu mô của quân Tưởng và tay sai,

nhANH chóng tống cổ chúng ra khỏi Việt Nam, bảo toàn lực lượng, dành thêm thời gian chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mới với tinh thần: “Trong khi mở cuộc đàm phán với Pháp, không những không ngừng một phút công việc sửa soạn, sẵn sàng kháng chiến bất cứ lúc nào và ở đâu, mà còn hết sức xúc tiến việc sửa soạn ấy, và nhất định không để cho việc đàm phán với Pháp làm nhụt tinh thần quyết chiến của dân tộc ta”¹.

Quyết định đàm phán với Pháp trên nguyên tắc Việt Nam độc lập, phiên họp bất thường của Chính phủ ngày 4/3/1946 đã cử Hồ Chí Minh và Bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Tường Tam phụ trách việc đàm phán với đại diện của Chính phủ Pháp. Đến các phiên họp áp chót, Việt Nam và Pháp đã đạt được thoả thuận về mấy vấn đề lớn: Vấn đề thống nhất ba kỳ, vấn đề Nam Kỳ và công thức thoả hiệp do Việt Nam nêu ra đã được Pháp chấp nhận. Đó là, Chính phủ Pháp cam kết công nhận quyết định của nhân dân qua cuộc trưng cầu dân ý. Trong phiên chót, quá nửa đêm ngày 5/3/1946, vấn đề thể chế chính trị của Việt Nam vẫn chưa đi đến được thoả thuận. Ngoài khơi, quân Pháp đang vào cảng Hải Phòng, tướng Trung Hoa Hoàng Khắc Thành đã thay Lư Hán đang thúc giục... Cái nút chưa gỡ được làm Xanhtơny ra về trong lo lắng. Cuối cùng, Hồ Chí Minh – con người của những quyết sách lịch sử đã tìm ra được cách giải quyết. Công thức “quốc gia tự do” trong Liên bang Đông Dương và Liên hiệp Pháp do Hồ Chí Minh chọn để nói về chủ quyền của Việt Nam đã được thông báo cho Xanhtơny vào tảng sáng 6/3/1946. Phía Pháp chấp nhận công thức này.

Thực hiện chủ trương này, dự thảo Hiệp định sơ bộ Việt - Pháp và những điều khoản nhân nhượng cần thiết liên quan đến quyền lợi quốc gia của Hiệp định đã được Hồ Chí Minh thay mặt Hội đồng Chính phủ báo cáo với Ban Thường trực Quốc hội, với Chính phủ, Uỷ ban kháng chiến, Cố vấn tối cao tại phiên họp đặc biệt sáng 6/3/1946 và được sự nhất trí của Hội nghị. Đồng thời, để cho sự uỷ quyền này có tính chất chính thức, tất các các vị đại biểu tham dự phiên họp đều ký vào biên bản đặc biệt. Chính phủ sẽ yêu cầu những vị vắng mặt ký vào biên bản sau. Nói về nội dung Hiệp định, đồng chí Phạm Văn Đồng nhấn mạnh: Trước khi cùng đại diện Chính phủ Pháp ký bản *Hiệp định sơ bộ*, Hồ Chí Minh “đã cân nhắc lợi hại gần xa của dân tộc một cách cẩn trọng và trong hai con đường đưa đến độc lập, Hồ Chủ tịch đã chọn con đường đỡ hao tổn mà cũng chắc chắn hơn”.

Sau một thời gian tiếp xúc, giao thiệp, các cuộc đàm phán bí mật diễn ra không đạt kết quả, vì lập trường hai bên còn xa nhau, 16 giờ 30 chiều ngày 6-3-1946, lễ ký kết *Hiệp định Sơ bộ* Pháp - Việt đã diễn ra tại

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đảng Toàn tập, Sdd, t. 8, tr. 46.

nhà số 38 phố Lý Thái Tổ, Hà Nội (sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra giải pháp: nước Pháp công nhận Việt Nam là một *quốc gia tự do*, trong khi Pháp chỉ muốn Việt Nam là một *quốc gia tự trị* và mong muốn của ta: Việt Nam là một quốc gia *độc lập và thống nhất*). Chúng kiến lễ ký còn có đại diện Bộ Tư lệnh quân đội Trung Hoa ở Bắc Đông Dương, phái bộ Mỹ, lãnh sự Anh và đại diện phân bộ Đảng Xã hội Pháp ở Bắc Kỳ.

Theo Hiệp định, nước Pháp công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự do, có Chính phủ, Quốc hội, quân đội và tài chính riêng ở trong Liên bang Đông Dương và khối Liên hiệp Pháp, và cam đoan thừa nhận kết quả cuộc trưng cầu dân ý về vấn đề thống nhất ba kỳ; nước Việt Nam đồng ý để 15 ngàn quân Pháp vào Bắc Việt Nam thay thế quân đội Trung Hoa và sẽ rút hết sau 5 năm; Hai bên đình chiến để mở cuộc đàm phán chính thức, trong khi đàm phán, quân đội hai bên giữ nguyên vị trí, v.v..

Việc Chính phủ Hồ Chí Minh lựa chọn và ký *Hiệp định sơ bộ* với Chính phủ Pháp trong điều kiện cụ thể của Việt Nam là một sự lựa chọn đúng đắn. Với những điều khoản đã ký (Chính phủ Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do có Chính phủ, nghị viện, có quân đội, tài chính riêng ở trong Liên bang Đông Dương và Liên hiệp Pháp, Chính phủ Việt Nam sẵn sàng tiếp nhận hữu nghị quân đội Pháp, ... và các quy định sẽ có hiệu lực ngay sau khi trao đổi chữ ký, v.v.), *Hiệp định sơ bộ* đã mở rộng khuôn khổ cho cuộc thương lượng Việt - Pháp tiếp theo, tạo cơ sở pháp lý cho cuộc đấu tranh ngoại giao của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Hiệp định được ký ngày 6/3/1946 nhưng bản phụ khoản của Hiệp định đến ngày 12/3/1946 mới được chuyển về Pháp. Vụ Á - Úc của Bộ Ngoại giao Pháp cho rằng: nội dung của bản phụ khoản có nhiều điểm không có lợi cho Pháp. Và với người Pháp, thật không thể mảy may hy vọng khôi phục sự thống trị của họ ở Đông Dương, nếu như Pháp chưa thật sự làm chủ được Hà Nội - trung tâm thần kinh trung ương của Đông Dương. Vì vậy, cần phải có những biện pháp để quân đội Pháp không bị gạt ra khỏi miền Bắc Việt Nam trong vòng 5 năm, mà trước hết là không hạn chế ở con số 15 000 quân.

Trong tình thế đó, ngày 18/3/1946, từ Pari, Mutê¹ đã điện cho Đác Giăng li o² và nhấn mạnh: Về phần tôi, tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn các hiệp định của ông và sẽ bảo vệ trước Quốc hội tất cả cái gì ông đã làm mà tôi cũng hoàn toàn liên đới... Sự chỉ đạo của Pari đã bật đèn xanh để thực dân Pháp cố tình phá hoại Hiệp định sau đó.

1. Bộ trưởng Bộ Pháp quốc Hội ngoại năm 1946

2. Cao uỷ Pháp tại Đông Dương theo quyết định của Tổng thống ngày 17/8/1945, đại diện ở Đông Dương cho Chính phủ Cộng hoà lâm thời, có quyền hành như Toàn quyền Đông Dương và Tổng Tư lệnh các lực lượng trên đất, biển và trên không có căn cứ ở Đông Dương từ năm 1945-1947

Bản Hiệp định tuy chưa đem lại nền độc lập hoàn toàn cho dân tộc ta, song đây cũng là bản Hiệp định quốc tế đầu tiên của nước Việt Nam độc lập ký với nước ngoài, có sự chứng kiến của đại diện các nước Mỹ, Anh và Trung Hoa, điều đó chứng tỏ rằng: Việt Nam không còn là thuộc địa của Pháp. Đó là thắng lợi lớn về chính trị và ngoại giao của ta, đồng thời, loại bớt kẻ thù cho cách mạng Việt Nam, và “đồng bào và đồng chí ở Nam đã khéo lợi dụng dịp đó để xây dựng và phát triển lực lượng của mình”.

Hiệp định Sơ bộ ký chưa ráo mực, thực dân Pháp đã có những hành động phá hoại, thiếu thiện chí như đòi quân đội ta nộp vũ khí, đánh úp quân ta ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, di chuyển quân đến những nơi không được phép của ta. Tuy nhiên, đối với nhân dân ta lúc này, thời gian hoà hoãn rất cần thiết, rất có ý nghĩa quan trọng để củng cố, chuẩn bị lực lượng cho cuộc chiến tranh khốc liệt ngày một lan rộng. Trên tinh thần đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm mọi cách, tranh thủ mọi cơ hội có thể, để kéo dài thời gian hoà hoãn thông qua việc xúc tiến nhiều cuộc gặp gỡ, điều đình với phía Pháp.

Nhân sự kiện này, Hồ Chí Minh nêu rõ: “Chúng ta trên thực tế đã độc lập từ 8/1945 nhưng cho đến nay chưa có cường quốc nào công nhận độc lập của chúng ta. Bản *Hiệp định* sẽ dẫn chúng ta đến một vị trí quốc tế ngày càng vững vàng, và đó là một thắng lợi chính trị lớn lao”. Giăng Xanhtony (Jean Sainteny) - người từng đối diện với Hồ Chí Minh trong giai đoạn lịch sử này khẳng định: *Đó là chính sách giành thắng lợi từng phần của Hồ Chí Minh.*

Ngày 24-3-1946, Người hội kiến với Đácgiăngliơ (D'Argenlieu - Cao uỷ Pháp ở Đông Dương từ 1945 đến 1947) trên chiến hạm Êmin Béc tanh (Emile Bertin) ở vịnh Hạ Long. Tại đây, hai bên thoả thuận: Sẽ có những cuộc thăm chính thức ngoại giao giữa hai nước; Sẽ mở Hội nghị trù bị tại Đà Lạt (trước khi có đàm phán chính thức); Phái đoàn Chính phủ Việt Nam sẽ sang Pháp để ký hiệp ước chính thức và Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Hồ Chí Minh được mời làm thượng khách của Chính phủ Pháp.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhìn thấy từ thoả thuận Hạ Long những cơ hội tốt cho chúng ta về mặt ngoại giao, và từ Pari, ta có thể làm cho dư luận Pháp và Tây Âu hiểu tình hình và đồng tình với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta. Và tiếp đó, do đấu tranh kiên quyết của Chính phủ ta, trực tiếp là Hồ Chí Minh với Giăng Xanhtony, phía Pháp đã mời phái đoàn của Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Phó Trưởng ban thường trực Quốc hội Phạm Văn Đồng làm Trưởng đoàn sang thăm nước Pháp từ ngày 25/4 đến ngày 16/5/1946. Cũng thời gian đó, tại Đà Lạt, Hội nghị trù bị để chuẩn bị các vấn đề cần giải quyết trong cuộc đàm phán chính thức tại Pháp, trải qua 27 phiên họp chung và các tiểu ban, nhưng do đoàn đại biểu của Pháp cố ý gây khó khăn nên Hội nghị đã

không đi đến một thoả thuận nào.

Ngày 31/5/1946, nhận lời mời của Chính phủ Pháp, với vị thế thượng khách, Hồ Chí Minh đã lên đường sang thăm nước Pháp. Trước khi rời Tổ quốc, Người nắm tay nhà cách mạng lão thành Huỳnh Thúc Kháng, quyền Chủ tịch nước và nói: “Tôi vì nhiệm vụ quốc dân giao phó phải đi xa ít lâu, ở nhà trăm sự khó khăn nhờ ở cụ cùng với anh em giải quyết cho. Mong cụ “đĩ bất biến, ứng vạn biến”¹. Cuộc hành trình đến Cộng hoà Pháp của Người phải đi qua các nước: Miến Điện (Mianma), Ấn Độ, Pakixtăng, Irắc, Ai Cập, Angiêri, rồi Biarrit (Biarritz) thủ phủ xứ Pirênê Atlăngtie (Pyrénées - Atlantiques), miền Nam nước Pháp.

Chiều ngày 22-6-1946, lễ đón chính thức Chủ tịch Hồ Chí Minh được tổ chức tại Pari. Quốc kỳ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tung bay trên bầu trời thủ đô nước Cộng hoà Pháp, Quốc ca Việt Nam vang lên hùng tráng. Đến Pari với một cương vị mới, một trọng trách mới - Chủ tịch nước Việt Nam độc lập, thượng khách của nước Pháp, sứ giả của tình hữu nghị Việt - Pháp, trong lời đáp từ tại buổi tiệc chiêu đãi của Thủ tướng G. Bidôn (Georger Bidault), Người nói: “Nước Việt Nam và nước Pháp có thể hoà hợp với nhau trong khối Liên hiệp Pháp gồm những dân tộc tự do bình đẳng cùng ôm một lý tưởng dân chủ và cùng say mê vì tự do... đều tán dương một nguyên tắc đạo đức: *Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân* (Điều mà mình không muốn thì đừng làm cho người khác). Tôi tin rằng trong những điều kiện ấy, hội nghị sắp tới sẽ đi tới những kết quả tốt đẹp.

Trong thời gian lưu lại trên đất Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi thăm nhiều nơi, gặp gỡ và trò chuyện với đại biểu ba chính đảng đang cầm quyền và hầu hết các đoàn thể chính trị lớn tại Pháp. Người cũng đã tiếp xúc với đại biểu các tổ chức quốc tế như Liên đoàn Phụ nữ Dân chủ thế giới, Đoàn Thanh niên Dân chủ thế giới, Người còn gặp nhiều nhà hoạt động chính trị danh tiếng, các doanh nghiệp, quân nhân, trí thức, nhà văn, nhà báo, v.v.. Thông qua những cuộc gặp đó, Người làm cho họ hiểu rõ khát vọng tự do, ý chí bảo vệ nền độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt Nam. Người đã để lại những ấn tượng khó phai trong tâm trí những người Pháp bởi sự chân thành, cởi mở và giản dị của mình. Người cũng dành thời gian tiếp xúc, trò chuyện với các thế hệ Việt kiều đang làm ăn, sinh sống tại Pháp và các nước lân cận. Người kêu gọi lòng ái quốc của bà con Việt kiều hãy giúp đỡ và ủng hộ Chính phủ.

Ngày 12-6-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh tổ chức cuộc họp báo chính thức tại lâu đài Roayan Môngxô (Royal Monceau), Pari, công bố lập

1. Vô Nguyên Giáp, Những chặng đường lịch sử, Nxb. CTQG, H, 1994, tr. 457.

trường 6 điểm của Chính phủ ta, nêu rõ: Việt Nam đòi quyền độc lập trong Liên hiệp Pháp, vui lòng cộng tác với Pháp; Việt Nam cũng tán thành Liên bang Đông Dương nhưng không chấp nhận một chính phủ Liên bang; Việt Nam bảo hộ tài sản của kiều dân Pháp nhưng họ phải tôn trọng luật pháp của Việt Nam; Việt Nam có quyền mua lại những sản nghiệp có quan hệ đến quốc phòng và sử dụng cố vấn người Pháp khi cần; Việt Nam có quyền phái đại sứ và lãnh sự tại các nước; Người đặc biệt nhấn mạnh vấn đề Nam Bộ: Nam Bộ là một bộ phận của nước Việt Nam, không ai có quyền chia sẻ, không lực lượng nào có thể chia cắt. Cuộc họp báo đã đưa vấn đề Việt Nam và khát vọng về một nền độc lập của nhân dân Việt Nam ra trước dư luận Pháp và quốc tế.

Trong thời gian ở Pháp, Người có điều kiện theo dõi sát sao và chỉ đạo trực tiếp cuộc đàm phán của Chính phủ Việt Nam do đồng chí Phạm Văn Đồng làm Trưởng đoàn với Chính phủ Pháp tại Fontainebleau (Fontainebleau) khai mạc ngày 6-7-1946. Thông qua các cuộc tiếp xúc rộng rãi, Người tranh thủ mọi cơ hội bày tỏ thiện cảm của nhân dân ta đối với nước chủ nhà, làm cho họ hiểu cuộc đấu tranh của chúng ta là chính nghĩa, đồng thời cũng tỏ rõ thiện chí với nước Pháp. Với ý nghĩa đó, Người đã đem lại cho dân tộc Việt Nam (cuộc tranh thủ độc lập của Việt Nam, lập trường đàm phán, thiện chí hoà bình của Việt Nam) một ảnh hưởng sâu xa và rộng rãi trong dư luận Pháp.

Thái độ ngoan cố, hành động trắng trợn vi phạm những điều khoản Hiệp định Sơ bộ của phía Pháp đã làm cho cuộc đàm phán tại Fontainebleau bế tắc. Để tránh một cuộc chiến tranh lớn, quyết liệt hơn, nếu đến sớm sẽ gây bất lợi cho ta, trong những ngày lưu lại tại Pháp, Người đã chủ động gặp Bộ trưởng M. Mutê (Marius Moute) và ký với M. Mutê bản *Tạm ước Việt - Pháp* 14-9-1946. Bản *Tạm ước* quy định rõ hai bên đình chỉ xung đột, phía Pháp bảo đảm thực hiện các quyền tự do, dân chủ ở Nam Bộ, thả những người bị bắt; phía Việt Nam bảo đảm quyền lợi kinh tế, văn hoá của Pháp tại Việt Nam. Hai bên thoả thuận thời gian mở lại cuộc đàm phán vào tháng giêng năm 1947. Tuy *Tạm ước* chưa đạt được những yêu cầu như mong muốn, nhưng đã đem lại thắng lợi to lớn về ngoại giao và quý thời gian quý báu để chúng ta tích cực chuẩn bị lực lượng khi cuộc chiến tranh lan rộng.

Không chỉ bên bỉ trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam còn kiên trì và nhân nhượng để duy trì nền độc lập, nền hoà bình vừa giành được. Cũng chính Jean Sainteny đã khám phá được Chủ tịch Hồ Chí Minh “còn là một con người thực tế”. Với Hồ Chí Minh, chính sách “giành thắng lợi theo từng bậc thang liên tiếp” như trong thông điệp 5 điểm của Việt Minh gửi tới Côn

Minh tháng 7-1945 là biện pháp tốt nhất để vừa “đòi độc lập cho đất nước”, vừa “tiết kiệm xương máu cho một cuộc chiến tranh”. Vì “hiểu mình và hiểu người”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ và nhân dân Việt Nam không chỉ ký với Sainteny Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946, mà còn ký với Marius Moutet bản Tạm ước Việt - Pháp 14-9-1946. Để đạt được mục đích của mình, để duy trì một quỹ thời gian hoà bình không dài, nhằm củng cố và phát triển thực lực của chế độ Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh tâm niệm, trong điều kiện cụ thể của Việt Nam, ắt “không thể có được tất cả trong cùng một lúc”.

Ngày 18-9-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh về nước trên chiến hạm Duymông Đuyécvin (Dumont d'Urville). Ngày 20-10 tàu cập cảng Hải Phòng, kết thúc chuyến đi thăm và đàm phán với Pháp. Ngày 23-10-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố với quốc dân về chuyến thăm chính thức nước Pháp. Sau khi khẳng định những kết quả đã đạt được, Người chỉ rõ nhiệm vụ của nhân dân ta trong thời gian tới là phải đồng tâm nhất trí, ra sức tổ chức, công tác để xây dựng nước nhà, phát triển kinh tế... Đối với người Pháp, cần thân thiện, lịch sự, ôn hoà, thật thà hợp tác, để tỏ cho thế giới biết rằng: “Nhân dân ta yêu chuộng hoà bình, Chính phủ ta muốn cho dân được an cư lạc nghiệp. Chúng ta muốn cộng tác thân thiện với nhân dân Pháp mong có ích lợi cho cả hai bên”¹.

Nguy cơ chiến tranh đến gần, ngày 5-11-1946, Người viết *Chỉ thị Công việc khẩn cấp bây giờ*, nêu rõ nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân là kháng chiến và kiến quốc. Cả hai việc đều cần phải có nhiều người: người về quân sự, kinh tế, giao thông... Theo Người, lực lượng đó là đảng viên, thanh niên, là những phần tử hăng hái trong nhân dân, và nếu khéo vận động, khéo huấn luyện, đào tạo, biết đặt đúng việc, thì rất có ích cho đất nước. Cũng theo lời Người, chúng ta phải làm cho toàn dân hiểu cuộc kháng chiến sẽ trường kỳ, rất gay go, cực khổ, nhưng lực lượng địch chỉ có hạn, lại ở xa, cho nên mọi người phải hăng hái tham gia du kích và tăng gia sản xuất khắp nơi, đặc biệt mỗi người phải có tin tâm và quyết tâm, thì nhất định đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Tích cực chuẩn bị cho cuộc kháng chiến, ngay từ những ngày đầu cách mạng mới thành công, Người đã ký sắc lệnh đổi Vệ quốc quân thành Quân đội quốc gia Việt Nam, kiện toàn bộ máy tổ chức của Quân đội nhân dân cách mạng và mở trường đào tạo cán bộ chính trị, quân sự cho lực lượng vũ trang. Ngày 26-5-1946, Người dự lễ khai giảng khoá đầu tiên của Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn tại Sơn Tây, trao tặng nhà trường lá cờ thêu 6 chữ

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđd, t. 5, tr. 201

vàng “Trung với nước, hiếu với dân”, và căn dặn đó “là bốn phạm thiêng liêng, là mục đích của anh em, một trách nhiệm nặng nề nhưng cũng là vinh dự của người chiến sĩ trong đạo quân quốc gia đầu tiên của nước ta”.

Song song với việc xây dựng quân đội chính quy, Người còn quan tâm chỉ đạo xây dựng dân quân du kích ở nông thôn và tự vệ ở thành phố, huy động toàn dân ủng hộ, xây dựng lực lượng vũ trang. Hiểu rõ lực lượng vũ trang của ta, đa số xuất thân từ nông thôn - những người nông dân mặc áo lính, nên dù bộn bề công việc điều hành nhà nước mới hình thành, với các bút danh Q.Th và Q.T, Người vẫn dành thời gian viết *Bình pháp Tôn Tử* (đăng trên báo *Cứu quốc* từ giữa tháng 5-1946). Đây là tập tài liệu cơ bản, cụ thể và dễ hiểu về một hệ thống luận văn quân sự phổ thông, để giảng giải và giới thiệu nội dung và phương pháp tiến hành một cuộc chiến tranh nhân dân. Người chỉ rõ, muốn chiến thắng kẻ thù, ngoài tinh thần, người chiến sĩ còn cần phải có giác ngộ chính trị cao, được bồi dưỡng về lý luận quân sự có hiểu biết về chiến thuật, kỹ thuật, v.v.. Nhờ vậy, quân đội nhân dân và dân quân tự vệ đã phát triển nhanh chóng, nhiều đơn vị mới được thành lập, tinh thần sẵn sàng chiến đấu của bộ đội rất cao, thể quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh.

Từ sau ngày Việt Nam tuyên bố độc lập, tận dụng thời gian tương đối hòa bình do kết quả các cuộc đàm phán tạo ra, nhân dân ta đã ra sức củng cố, xây dựng và phát triển lực lượng về mọi mặt. Tình hình đất nước đã có những bước phát triển nhất định. Nước nhà đã vượt qua những khó khăn ban đầu, đẩy lùi nạn đói, từng bước xoá nạn mù chữ, xây dựng hệ thống giáo dục mới, bước đầu xây dựng nền kinh tế, tài chính độc lập và thực hiện đấu tranh chính trị, ngoại giao mềm dẻo. Hệ thống chính quyền các cấp từ trung ương xuống đến địa phương dần dần ổn định và kiện toàn. Việc xây dựng và phát triển thực lực để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc được tiến hành gấp rút. Trong bối cảnh đó, theo yêu cầu của Chính phủ, Quốc hội khoá I đã họp kỳ thứ 2 tại Hà Nội từ ngày 28/10 đến ngày 9/11/1946.

Trong diễn văn khai mạc, Trưởng ban thường trực Quốc hội Nguyễn Văn Tố khẳng định: “Cuộc tranh thủ độc lập của ta đã được những kết quả tốt đẹp nay đã bước vào một giai đoạn mới, theo một hình thức khác trong khuôn khổ thỏa hiệp tạm thời 14/9/1946... Cứ xem thế đủ rõ Chính phủ Liên hiệp đã diu dắt nước ta qua các bước khó khăn. Thay mặt Quốc hội, chúng tôi xin trân trọng cảm tạ Chính phủ Hồ Chí Minh”. Ban Thường trực Quốc hội thay mặt cho cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, kể từ ngày được tín nhiệm bầu ra, “lúc nào cũng chú trọng đến quyền lợi của quốc gia, của nhân dân và đã giúp Chính phủ trong việc thi hành những phương sách thích hợp để giữ gìn đời sống cho dân chúng”, cùng với “sự

đồng tâm hiệp lực của quốc dân” đã đưa nước nhà tới một địa vị khả quan.

Tại kỳ họp này, sau khi nghe Bộ trưởng Vũ Đình Hòe và đồng chí Phạm Văn Đồng, Trưởng phái đoàn Quốc hội Việt Nam sang Pháp trình bày báo cáo đặc biệt của Chính phủ về việc giao thiệp với Chính phủ Pháp..., các vị bộ trưởng đã trả lời các câu hỏi của các đại biểu Quốc hội trong lĩnh vực chính trị, ngoại giao, tài chính, nội vụ... Nói về những hoạt động chất vấn tại kỳ họp này, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định, việc hỏi và trả lời (trả lời chất vấn) tại kỳ họp đã chứng tỏ: Quốc hội đang tập trung giải quyết những vấn đề trọng yếu của quốc gia, thể hiện rõ chức năng quyền lực nhà nước cao nhất và tính chất dân chủ của Quốc hội. Đặc biệt, là người đứng đầu nhà nước, Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ trả lời một số vấn đề lớn, liên quan đến sự trưởng thành về chính trị và xây dựng đất nước (với tư cách chủ nhân một nước độc lập của nhân dân Việt Nam), về các thành viên của Chính phủ liên hiệp đã rời bỏ quốc dân ra đi, về chính sách ngoại giao, về tính liêm khiết của Chính phủ, v.v..

Đồng thời, báo cáo và trả lời trước Quốc hội về việc trước đây có một số thành viên trong Chính phủ liên hiệp kháng chiến đòi thay đổi Quốc kỳ, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Bây giờ thì trừ hai mươi lăm triệu đồng bào ra còn không ai có quyền gì mà đòi thay đổi quốc kỳ”. Thực hiện nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc, Quốc hội đã thảo luận và thông qua các nghị quyết về nội trị, ngoại giao, v.v.. về thành lập Chính phủ mới. Ghi nhận những đóng góp to lớn của Chính phủ Hồ Chí Minh với đất nước, tại kỳ họp này, Quốc hội đã quyết nghị tán thành chính sách chung của Chính phủ, nhận sự từ chức của Chính phủ liên hiệp kháng chiến. Và thực hiện chức năng và quyền hạn của mình, Quốc hội đã uỷ quyền cho Hồ Chí Minh đứng ra thành lập Chính phủ mới.

Theo nghị quyết của Quốc hội, *Chính phủ kháng chiến*¹ do Hồ Chí

| | | |
|-----|------------------|---------------------------------------|
| 1. | Hồ Chí Minh | Chủ tịch kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao |
| 2. | Huỳnh Thúc Kháng | Bộ trưởng Bộ Nội vụ |
| 3. | Võ Nguyên Giáp | Bộ trưởng Bộ Quốc phòng |
| 4. | Nguyễn Văn Huyền | Bộ trưởng Bộ Giáo dục |
| 5. | Lê Văn Hiến | Bộ trưởng Bộ Tài chính |
| 6. | Trần Đăng Khoa | Bộ trưởng Bộ Giao thông Công chính |
| 7. | Hoàng Tích Trĩ | Bộ trưởng Bộ Y tế |
| 8. | Nguyễn Văn Tạo | Bộ trưởng Bộ Lao động |
| 9. | Vũ Đình Hòe | Bộ trưởng Bộ Tư pháp |
| 10. | Ngô Tấn Nhơn | Bộ trưởng Bộ Canh nông |
| 11. | Chu Bá Phượng | Bộ trưởng Bộ Cứu tế |
| 12. | Một vị ở Nam Bộ | Bộ trưởng Bộ Kinh tế |
| 13. | Nguyễn Văn Tố | Bộ trưởng không bộ |
| 14. | Bồ Xuân Luật | Bộ trưởng không bộ |

Minh thành lập theo nguyên tắc đoàn kết và tập hợp nhân tài không đảng phái thực sự “là một Chính phủ biết làm việc, có gan góc, quyết tâm đi vào mục đích, trong thì kiến thiết, ngoài thì tranh thủ độc lập và thống nhất của nước nhà”. Ngày 3/11/1946, Quốc hội “đã lấy sự tín nhiệm ở sự sáng suốt của Hồ Chủ tịch mà tín nhiệm”, biểu quyết tán thành danh sách 14 thành viên Chính phủ kháng chiến do Hồ Chí Minh đệ trình. Mời và thu nạp nhiều nhân sỹ, trí thức lớn, không phân biệt đảng phái tham gia Chính phủ, lãnh tụ Hồ Chí Minh thể hiện rõ mục tiêu thành lập một chính phủ dân tộc thống nhất, đại đoàn kết toàn dân.

Về vấn đề này, Giáo sư Đoàn Trọng Truyền khẳng định: “Khi lập nên nhà nước mới, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh lấy dân tộc làm nền tảng. Đó là một nhà nước của dân tộc, của đại đoàn kết dân tộc”. Từ danh sách các thành viên của Chính phủ, chúng ta nhận thấy chủ trương sử dụng, hợp tác thành thật của chính quyền cách mạng và quan điểm nhất quán của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc chọn đúng người, giao đúng việc, vì lợi ích của quốc gia. Không phân biệt giai tầng, không truy xét quá khứ, Người đã lựa chọn những trí thức danh tiếng, có đạo đức để thành lập một “Chính phủ dân chủ”, “một Chính phủ có trí tuệ, có học vấn”.

Theo Người, Chính phủ kháng chiến toàn quốc, có đủ nhân tài Bắc, Trung, Nam, “tỏ rõ cái tinh thần quốc dân liên hiệp, là một Chính phủ chú trọng thực tế và sẽ nỗ lực làm việc, để tranh thủ quyền độc lập và thống nhất lãnh thổ cùng xây dựng một nước Việt Nam mới”. Ghi nhận những đóng góp của giới trí thức Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định: trong các thành viên của Chính phủ có rất nhiều vị trí thức tham gia gánh vác một phần quan trọng nhiệm vụ bảo vệ và kiến thiết quốc gia. Đó thực sự là những con người mẫn cán, có tinh thần cách mạng, có trí thức và sẵn sàng phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân.

Đồng thời tại kỳ họp này, ngày 9-11-1946, Quốc hội đã thông qua Hiến pháp chính thức của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam, đồng thời cũng là bản Hiến pháp đầu tiên ở Á Đông.

Sự bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ của tất cả công dân Việt Nam được Hiến pháp thừa nhận, đã thể hiện rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về một nhà nước của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Với Hồ Chí Minh, đại đoàn kết không dừng lại ở nguyên tắc chính trị, mà trở thành một nguyên tắc hiến định, nhằm huy động sức mạnh của toàn dân trong công cuộc kháng chiến và kiến quốc. Nhiều điều của Hiến pháp mang nội dung dân chủ sâu sắc, vượt xa thể chế dân chủ của nhiều quốc gia trong thời điểm đó (quyền bầu cử, ứng cử, quyền bình đẳng về giới, bình đẳng về quyền lợi giữa các

giai cấp, dân tộc và tôn giáo, v.v.). Những chế định này đã tạo nên một Hiến pháp dân tộc, dân chủ và công bằng của các giai cấp. Và cũng từ những chế định này, giá trị lớn nhất của mô hình tổ chức nhà nước trong Hiến pháp là những quy định về tính chất dân tộc của nhà nước. Đó là nhà nước dân tộc không phân biệt giai cấp, mang đậm dấu ấn Hồ Chí Minh, đồng thời cũng chính là thành công của tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng một nhà nước của dân tộc, do dân tộc, vì dân tộc ở Việt Nam.

Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân của tư tưởng Hồ Chí Minh cũng được thể hiện rõ trong từng điều văn của Hiến pháp: nhân dân là người trực tiếp bầu ra các cơ quan quyền lực nhà nước, để thay mặt mình quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước (ở Trung ương là Quốc hội - Chương III) và (ở các địa phương là Hội đồng nhân dân - Chương V). Nhân dân là người trực tiếp bầu ra những đại biểu thay mặt mình gánh vác công việc nước nhà (Nghị viện nhân dân, Hội đồng nhân dân các cấp) và phải chịu trách nhiệm trước dân, mà nhân dân còn có thể thực hiện quyền lực của mình thông qua các hoạt động của những tổ chức chính trị - xã hội, thông qua các hoạt động yêu cầu khiếu nại...

Cũng trong *Hiến pháp 1946*, Nghị viện nhân dân/ Quốc hội là cơ quan có quyền cao nhất (theo Điều 22, 23) do nhân dân bầu ra, gồm đại diện của các giai tầng trong xã hội, có quyền hạn “giải quyết mọi vấn đề chung cho toàn quốc, đặt ra các pháp luật”. Nghị viện cử ra Ban thường vụ để thi hành sự kiểm soát đó. Và trong điều kiện cụ thể của Việt Nam khi đó, việc soạn thảo và thông qua các chế định về Nghị viện/ Quốc hội của Hồ Chí Minh và các nhà lập pháp Việt Nam (Điều 45, 47, 54) là một sáng tạo, vừa phù hợp hoàn cảnh, vừa đáp ứng được yêu cầu bức thiết của cách mạng. Bởi rằng, dù là cơ quan có quyền cao nhất, quyết định những công việc quan trọng nhất của nước nhà, nhưng Nghị viện/ Quốc hội không phải là nơi tập trung toàn bộ quyền lực, không phải là cơ quan “siêu quyền lực”. Đó là, “quyền lực nhà nước của nghị viện khi thực hiện cũng bị kiểm tra lại bởi các thiết chế nhà nước và của chính nhân dân - chủ thể của quyền lực”. Cũng từ những chế định này, có thể thấy rõ tính đảm bảo quyền lực của nhân dân thể hiện cụ thể ở chỗ các cơ quan đại diện (Nghị viện) là “cơ quan có quyền cao nhất”, cơ quan duy nhất có quyền đặt ra các pháp luật, giải quyết những vấn đề chung của toàn quốc nhưng phải chịu trách nhiệm trước nhân dân.

Hiến pháp 1946 cũng quy định rõ: “Cơ quan hành chính cao nhất của toàn quốc là Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa” (Điều 43). Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa “chọn trong nghị viện nhân dân và phải được hai phần ba số nghị viên bỏ phiếu thuận” (Điều 45), vừa là người đứng đầu Chính phủ, vừa là Chủ tịch nước, nắm quyền hành pháp. Quyền

hạn rất lớn của Chủ tịch được ghi trong Điều 49 của Hiến pháp và “không phải chịu một trách nhiệm nào, trừ khi phạm tội phản quốc” (Điều 50). Chủ tịch nước trong chính thể cộng hòa dân chủ nhân dân theo Hồ Chí Minh sẽ không được thiết lập bằng con đường truyền ngôi, hay sự suy tôn đương nhiên, mà phải do nhân dân lựa chọn trong cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, đó là Nghị viện/ Quốc hội.

Với điều kiện cụ thể của Việt Nam, với nhiệm vụ của cách mạng khi đó là kháng chiến, giành độc lập dân tộc và kiến quốc, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước được đặt ra trong Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam độc lập là việc “thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân”. Chế định này của Hiến pháp 1946 không chỉ thích ứng với tình thế cách mạng khi đó, mà còn có ý nghĩa thời sự cho sự nghiệp đổi mới hôm nay.

Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, việc xây dựng, thông qua những chế định về Nghị viện, Chính phủ và Chủ tịch nước trong Hiến pháp 1946, đã tạo ra một thiết chế Chủ tịch nước đặc thù Việt Nam, tạo cho Hồ Chí Minh một vị thế đặc biệt. Đó vừa là người đứng đầu nhà nước, vừa là Chủ tịch Chính phủ, đồng thời là lãnh tụ tối cao của dân tộc và của Đảng, có quyền lực tối cao (quyền phủ quyết - Điều 31, 54), để cùng với Ban Thường trực Quốc hội dựa vào tinh thần của Hiến pháp 1946 quyết định, điều hành đất nước trong điều kiện có chiến tranh lan rộng, và kịp thời thực hiện những nhiệm vụ trọng yếu của quốc gia trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Trên cơ sở nghiên cứu lịch sử tổ chức quyền lực nhà nước của các nước tiên tiến trên thế giới, Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát triển một cách sáng tạo nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan quyền lực nhà nước (Chính phủ, Nghị viện/Quốc hội, Tòa án) một cách phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Những chế định về các cơ quan quyền lực (lập pháp, hành pháp và tư pháp) trong tổ chức bộ máy Nhà nước dân chủ cộng hòa được quy định trong Hiến pháp 1946 không giống nguyên mẫu mô hình tổ chức nhà nước đã từng phổ biến khi đó (Anh, Pháp, v.v..).

Trong bối cảnh đặc thù, yêu cầu xây dựng một nhà nước dân chủ rộng rãi, phục vụ công cuộc kháng chiến, kiến quốc đòi hỏi lãnh tụ Hồ Chí Minh và các nhà lập pháp Việt Nam xây dựng những chế định về tổ chức nhà nước trong Hiến pháp thể hiện được tính liên hiệp rộng rãi, tránh sự thuần túy chuyên chính công nông. Đó thực sự là một nhà nước của dân tộc, dân chủ. Tuy nhiên, ngay trong những điều kiện vô cùng khó khăn đó, Hồ Chí Minh vẫn kiên định nguyên tắc tập trung dân chủ và trong thực tế việc tổ chức và hoạt động của các cơ quan quyền lực nhà nước có vận

dụng yếu tố phân quyền ở mức độ nhất định. Như vậy, Hiến pháp 1946 được xây dựng trên tinh thần dân chủ rộng rãi (dân chủ rộng rãi đa dạng các lợi ích, các nhóm xã hội), song vị trí của Nghị viện/ Quốc hội đã được đề cao, đảm bảo quyền lực của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng (dù Đảng đã rút vào hoạt động bí mật).

Được soạn thảo phù hợp với Việt Nam, đáp ứng nhu cầu phát triển của thời đại, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của lãnh tụ Hồ Chí Minh, của tập thể những nhà chính trị, những chuyên gia lập pháp thời đó, *Hiến pháp 1946* kết tinh ý chí, nguyện vọng và thể hiện xuyên suốt tư tưởng xây dựng nhà nước cộng hoà dân chủ, mưu cầu nền độc lập dân tộc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân của Hồ Chí Minh.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Hiến pháp 1946 cũng thể hiện tính độc đáo ở chỗ các thiết chế quyền lực trong nhà nước không xây dựng và hoạt động theo thuyết tam quyền phân lập, phân chia và kiểm chế quyền lực, mà phân công phối hợp, cùng nhau hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Với các chế định trong Hiến pháp 1946, chức năng, quyền hạn của các cơ quan quyền lực và mối quan hệ giữa Nghị viện, Chính phủ và các cơ quan Tư pháp đã tạo điều kiện cho bộ máy nhà nước vận hành một cách hiệu quả trong điều kiện chiến tranh sau đó.

Hiến pháp 1946 mang đậm dấu ấn tư tưởng Hồ Chí Minh: độc lập, dân tộc, dân chủ, tư tưởng quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Sự kết hợp tài tình giữa các giá trị phổ biến của chế độ cộng hoà dân chủ đã từng tồn tại trong lịch sử, với những đặc điểm cụ thể của Việt Nam trong điều kiện nhân dân lao động (không phân biệt nam nữ, giàu nghèo và thành phần dân tộc) trở thành chủ nhân của quyền lực nhà nước, là một sự lựa chọn tất yếu khách quan của thời cuộc, phù hợp với lịch sử cách mạng giai đoạn đó, đồng thời cũng phù hợp với trào lưu của thế giới đương đại.

Được viết ngắn gọn, rõ ràng, dứt khoát, đồng thời khẳng định được những nguyên tắc cơ bản của lập pháp, đây là một bản Hiến pháp tiên bộ, vì lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, những nét đặc trưng về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, tự do và dân chủ đã được khẳng định. Hiến pháp thể hiện cụ thể về mặt pháp lý tư tưởng độc lập tự do, quan điểm lấy dân làm gốc, quan điểm quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân của Hồ Chí Minh, “là sản phẩm của một không khí cách mạng và những khát vọng đổi đời của toàn xã hội”, đưa người dân Việt Nam từ thân phận thân dân trong chế độ phong kiến, từ thân phận người nô lệ trong chế độ thực dân, trở thành công dân của nước Việt Nam độc lập, tự do. Tinh thần dân chủ của *Hiến pháp* góp phần tập hợp mọi lực lượng yêu nước, tạo chỗ dựa về chính trị và pháp lý cho Nhà

nước dân tộc dân chủ trong công cuộc vừa kháng chiến, vừa kiến quốc. Là một vết tích lịch sử - Hiến pháp đầu tiên trong cõi Á Đông, theo Hồ Chí Minh: “Bản *Hiến pháp* đó chưa hoàn toàn nhưng nó đã làm nên theo một hoàn cảnh thực tế. *Hiến pháp* đó tuyên bố với thế giới biết dân tộc Việt Nam đã có đủ mọi quyền tự do. *Hiến pháp* đó tuyên bố với thế giới: phụ nữ Việt Nam đã được đứng ngang hàng với đàn ông để được hưởng chung mọi quyền tự do của một công dân. *Hiến pháp* nêu một tinh thần đoàn kết chặt chẽ giữa các dân tộc Việt Nam và một tinh thần liêm khiết, công bình của các giai cấp”¹.

Hiến pháp 1946, được soạn thảo và thông qua trong vòng 15 tháng kể từ khi cách mạng tháng Tám thành công, là một thắng lợi to lớn của những người cộng sản và những chuyên gia lập pháp Việt Nam do Hồ Chí Minh chỉ đạo. Để có một bản *Hiến pháp* thể hiện rõ tư tưởng quyền lực thuộc về nhân dân (Điều 1, 22, 23, 70), Hồ Chí Minh đã không chỉ dựa vào các chuyên gia mà Người rất trọng dụng, bản thân Người còn trực tiếp nghiên cứu và tham khảo những văn bản tiêu biểu của nền lập pháp quốc tế. Từ những tri thức đã tích lũy được trong những năm bôn ba hải ngoại, trong những năm lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyền, Người đã chuẩn bị rất kỹ cho ngày lập quốc với bản *Tuyên ngôn độc lập* lịch sử và sau đó là *Hiến pháp 1946*.

Đánh giá về kỹ thuật lập pháp của Hiến pháp 1946, các nhà luật học cho rằng: Đây thực sự là “một bản Hiến pháp cô đúc, khúc chiết, mạch lạc và dễ hiểu với tất cả mọi người. Đó là một bản Hiến pháp mẫu mực trên nhiều phương diện”², phản ánh trình độ cao của nhà nước Việt Nam về xây dựng hệ thống pháp luật, đặc biệt là đạo luật cơ bản.

Lịch sử đã ghi nhận, Hồ Chí Minh là người sáng lập Đảng ta, người sáng lập Nhà nước ta, sáng lập Quốc hội ta và là tác giả của bản *Tuyên ngôn độc lập* bất hủ. Lịch sử cũng đã ghi nhận, cùng với chặng đường đấu tranh cách mạng, từ *Yêu sách của nhân dân An Nam*, đến *Tuyên ngôn độc lập* và tiếp đó là *Hiến pháp 1946* do Hồ Chí Minh chỉ đạo soạn thảo để Quốc hội thông qua là một chặng đường phát triển trong tư duy lập hiến của Người.

Tuy nhiên, vì điều kiện chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp lan rộng nên Hiến pháp 1946 chưa được ban hành bằng một sắc lệnh và chưa được thi hành ngay. Việc bầu Nghị viện nhân dân theo quy định của Hiến

1. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Sdd, t.4, tr.440

2. Thái Vĩnh Thắng, Lịch sử lập hiến Việt Nam, Nxb. CTQG, H, 1997, tr. 26

pháp chưa thể tổ chức được, song Nghị quyết ngày 9/11/1946 của kỳ họp thứ 2 Quốc hội khoá I đã “ủy nhiệm Chính phủ và Ban Thường trực Quốc hội thi hành Hiến pháp”. Dựa vào nội dung của từng điều văn trong Hiến pháp 1946, Đảng ta, Hồ Chí Minh và Chính phủ, cùng Ban Thường trực Quốc hội đã có cơ sở pháp lý để tổ chức, quản lý mọi mặt của đời sống xã hội, lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc sau đó.

Cùng với việc lập Chính phủ mới, thông qua Hiến pháp, để chuẩn bị căn cứ địa cho cuộc kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân công đồng chí Trần Đăng Ninh và đồng chí Nguyễn Lương Bằng tìm địa điểm cho việc di chuyển các cơ quan của Đảng và Nhà nước, đồng thời tổ chức lực lượng di chuyển một số trang thiết bị kỹ thuật, gạo, muối về căn cứ Việt Bắc.

Trong những ngày này, tuy bận công việc đại sự của quốc gia, nhưng khi biết tin chị và anh ruột ra thăm, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn dành thời gian để giữ trọn đạo làm em với anh trai Nguyễn Sinh Khiêm và người chị gái Nguyễn Thị Thanh của mình. Thông cảm với người em trai đang bận lo việc nước, ông cả Khiêm và bà Thanh đã vui vẻ trở lại quê nhà.

Quân Pháp ngày càng vi phạm nghiêm trọng những thoả ước mà hai bên đã ký kết. Trong khi quân Pháp có những hành động quân sự tấn công, xâm chiếm ngày càng trắng trợn, liều lĩnh đối với những địa điểm của ta đóng giữ, thì chúng ta vẫn giữ thái độ hết sức mềm dẻo, mong muốn giải quyết tranh chấp bằng con đường hoà bình. Trả lời phỏng vấn với phóng viên báo Pari - Sài Gòn, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Đồng bào tôi và tôi thành thực muốn hoà bình. Chúng tôi không muốn chiến tranh. Cuộc chiến tranh này chúng tôi muốn tránh bằng đủ mọi cách, tuy nhiên nếu người ta buộc chúng tôi phải tiến hành cuộc chiến tranh ấy, thì chúng tôi sẽ làm, và “cuộc chiến đấu sẽ khốc hại, nhưng dân tộc Việt Nam đã sẵn sàng chịu đựng tất cả, chứ không chịu mất tự do”¹. Vậy là, khi người Pháp cứ muốn biến Nam Kỳ thành một xứ Alsace Lorraine mới, khi thực dân Pháp với bộ ba D’argenlieu- Pignon - Valluy đã đưa mối quan hệ Việt - Pháp đến gần cuộc “chiến tranh trăm năm”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói với Tướng quân Raoul Salan rằng, mặc dù không muốn, nhưng thực tế đã buộc “chúng tôi phải bắt đầu từ con số không, bắt đầu từ mảnh đất tro bụi bảo vệ linh hồn của tổ tiên và đất nước chúng tôi”.

Tình hình ngày càng xấu đi nghiêm trọng. Mặc dù Việt Nam đã nhân nhượng để cứu vãn hoà bình, nhưng thực dân Pháp hiếu chiến lại càng lấn tới. Trong điều kiện thực tế đó, ngày 18 và 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 4, tr. 473.

Minh đã triệu tập và chủ tọa Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng mở rộng tại làng Vạn Phúc, Hà Đông. Tại Hội nghị, sau khi phân tích sâu sắc tình hình của ta, âm mưu của địch, Hội nghị đã quyết định tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trên phạm vi cả nước.

Sau khi Hội nghị cũng thông qua *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* do Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi thảo, và sáng sớm ngày 19-12-1946, khi quân Pháp gửi tới hậu thư lần thứ 3 (hạn trong 24 giờ đồng hồ, tự vệ Hà Nội phải hạ vũ khí, đình chỉ ngay những hành động chuẩn bị kháng chiến), thì 20 giờ 3 phút ngày 19-12-1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

Cả dân tộc đồng lòng, quyết tâm kháng chiến theo lời Hịch vang dội non sông của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ. Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên!... Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!”¹.

*

* *

Như vậy là, chỉ với 16 tháng, kể từ tháng 9-1945 đến tháng 12-1946, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu, với trí thông minh, sự nhạy bén và bản lĩnh cách mạng phi thường của một lãnh tụ dày dặn kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, Người đã làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của thù trong giặc ngoài.

Giữa muôn vàn hiểm nguy, với những quyết sách kịp thời, đúng đắn, với nguyên tắc “dĩ bất biến, ứng vạn biến” trong quá trình thực hiện những nhiệm vụ nội trị và ngoại giao, và với sự nỗ lực vượt bậc của Người, cùng Trung ương Đảng và Chính phủ, những yêu cầu cụ thể và cấp bách của quốc gia đã được tập trung giải quyết. Nạn đói, nạn dốt bị đẩy lùi. Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội - cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thắng lợi. Chính phủ chính thức được thành lập. Nền Dân chủ cộng hòa được củng cố. Nhà nước dân chủ nhân dân với hệ thống chính quyền từ Trung ương đến địa phương được xây dựng, cùng việc kịp thời ban hành một hệ thống văn bản dưới luật, xây dựng và thông qua Hiến pháp - đạo luật cơ bản nhất của nước nhà để tổ chức và điều hành đất nước.

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 4, tr. 480.

Tranh thủ quý thời gian hoà bình, một Hồ Chí Minh anh minh, sáng suốt đã chèo lái con thuyền cách mạng vượt qua mọi thác ghềnh, mọi khó khăn nguy hiểm bằng những biến hoá trong sách lược, bằng sự linh hoạt đến thần tình. Nhờ vậy, nền cộng hòa non trẻ được củng cố, thực lực được chuẩn bị một cách tích cực, sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp khi chiến tranh lan rộng.

Mùa đông năm 1946, khi những nhân nhượng để cứu vãn hoà bình không thể tiếp tục, khi người Pháp đã “bỏ lỡ một nền hoà bình”, Chủ tịch Hồ Chí Minh - 56 tuổi, mang theo chiếc ba lô đựng vài ba bộ quần áo, một chiếc túi đựng tài liệu, cái máy chữ “Héc mét”, chiếc đồng hồ quả quýt cùng chiếc gậy trúc và đôi dép cao su quay trở về Việt Bắc cách mạng, cùng dân tộc đồng hành trong cuộc trường chinh chống thực dân Pháp.

Bản sao lưu trữ

LÃNH ĐẠO SỰ NGHIỆP KHÁNG CHIẾN, KIẾN QUỐC (1946 - 1954)

Cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ và dựa vào sức mình là chính của một dân tộc Việt giàu truyền thống yêu nước, yêu tự do và đoàn kết “muôn người như một” trong suốt hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, để chống lại một đế quốc thực dân luôn có dã tâm xâm lược và thống trị Đông Dương đã được bắt đầu sau rất nhiều nhân nhượng. Cũng vẫn là một Hồ Chí Minh sáng suốt, kịp thời kêu gọi cả dân tộc vùng lên kháng chiến để bảo vệ non sông, gấm vóc của tổ tiên và trở thành Người tổ chức, lãnh đạo nhân dân Việt Nam làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp 9 năm sau đó.

Không chỉ hoạch định một đường lối kháng chiến, phương châm kháng chiến đúng đắn: *Toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính*, sau đó được cụ thể hoá trong tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* do Tổng bí thư Trường Chinh viết (Nxb. Sự thật xuất bản 1947), Chủ tịch Hồ Chí Minh còn đặc biệt chăm lo củng cố bộ não chỉ huy cuộc kháng chiến. Là Người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thức sâu sắc rằng, để đưa cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi hoàn toàn, một trong những vấn đề quan trọng nhất là phải nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Từ thực tế, và xuất phát từ yêu cầu phải xây dựng Đảng ta thành một Đảng to lớn, mạnh mẽ, chắc chắn, trong sạch, cách mạng triệt để, đồng thời thấu hiểu sâu sắc rằng sức mạnh của Đảng chính là sự gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên, là sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, tháng 10 năm 1947, với bút danh X.Y.Z, Người đã viết *Sửa đổi lối làm việc*.

Sửa đổi lối làm việc gồm 6 phần, nêu lên những kinh nghiệm, bài học thực tiễn có tính lý luận, bồi dưỡng tác phong lãnh đạo của người đảng viên cộng sản; 12 điểm về xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền và cả nước có chiến tranh và nêu 5 điều về rèn luyện đạo đức cách mạng. Trong tác phẩm này, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Trong lúc dân tộc đang ở trên ngã tư đường, chết hay sống, mất hay còn, mỗi một đồng chí và toàn cả đoàn thể phải đem tất cả tinh thần và lực lượng ra để đưa toàn dân quay về một hướng, nhằm vào một mục đích: đánh đuổi thực dân Pháp, làm cho nước được thống nhất và độc lập”¹.

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 5, tr 76

Tiếp đó, Người khẳng định: “Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng”¹. Từ đó, Hồ Chí Minh yêu cầu, Đảng - đội tiền phong của dân tộc, bộ tham mưu lãnh đạo cuộc kháng chiến, để có thể hoàn thành được nhiệm vụ vẻ vang của mình, thì nhất định “phải luôn luôn xem xét lại tất cả công tác của Đảng”². Nêu ra 12 điều liên quan đến công tác xây dựng Đảng trong *Sửa đổi lối làm việc* như: người cán bộ của Đảng phải hiểu biết lý luận, phải gắn lý luận với thực tiễn, phải đặt khẩu hiệu và chỉ thị của Đảng cho phù hợp với thực tế, phải xem những khẩu hiệu và chỉ thị đó được thực hiện như thế nào, v.v., Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh nội dung: “Mọi công tác của Đảng luôn luôn phải đứng về phía quần chúng”³.

Cũng theo Người, “lực lượng của dân chúng nhiều vô cùng... Có lực lượng dân chúng việc to tát mấy, khó khăn mấy làm cũng được. Không có, thì việc gì làm cũng không xong”. Nhận thức sâu sắc rằng: Nhân dân có thể giải quyết được nhiều vấn đề một cách mau chóng, đầy đủ và giản đơn, trong khi “những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra”, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh vai trò to lớn của quần chúng và sự cần thiết phải tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Đảng và quần chúng để tiến hành công tác xây dựng Đảng. Cũng từ việc nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của việc huy động sức mạnh của toàn dân trong sự nghiệp cách mạng, một mặt Người kêu gọi “mỗi công dân là một chiến sĩ. Mỗi làng là một chiến hào” và chỉ rõ: để thực hiện toàn dân kháng chiến, “mỗi công việc của Đảng phải giữ nguyên tắc và phải liên hợp chặt chẽ với dân chúng. Nếu không vậy, thì chẳng những không lãnh đạo được dân chúng mà cũng không học được dân chúng”⁴.

Xuyên suốt cả 6 vấn đề trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, Hồ Chí Minh đã làm rõ vai trò, tầm quan trọng của việc rèn luyện phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ, đảng viên, sửa đổi lối làm việc đang có nguy cơ chia rẽ mối liên hệ mật thiết của Đảng với quần chúng, đồng thời khẳng định: “Sự lãnh đạo trong mọi công tác thiết thực của Đảng, ắt phải từ trong quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng”⁵. Từ đó, cùng với việc chỉ ra rất nhiều căn bệnh (hơn 20 bệnh) và hệ quả xấu của nó trong tác phẩm,

-
1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 5, tr 249
 2. Hồ Chí Minh Toàn tập. Sdd. t. 5, tr 249
 3. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 5, tr 249
 4. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 5, tr 249
 5. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 5, tr 290

Người đồng thời luận giải nguồn gốc của những căn bệnh truyền nhiễm đó và con đường lây lan nhanh của nó, để yêu cầu người cán bộ, đảng viên phải không ngừng tu dưỡng đạo đức cách mạng, thường xuyên tiến hành phê và tự phê bình.

Kết luận về việc tất yếu phải rèn luyện đạo đức cách mạng, phải kiên quyết đấu tranh, khắc phục bệnh quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong các cơ quan công quyền của Đảng và Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”¹.

Từ kháng chiến toàn dân, tất yếu sẽ dẫn đến kháng chiến toàn diện trên tất cả các mặt trận quân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, v.v.. và với đường lối kháng chiến đúng đắn, cuộc chiến tranh nhân dân của nhân dân Việt Nam ngày càng phát triển, càng đánh càng mạnh. Tuy nhiên, để đưa cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi trọn vẹn, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc bồi dưỡng những nhân tố của cuộc kháng chiến là cực kỳ quan trọng. Ngoài một đường lối kháng chiến đúng đắn, một Đảng lãnh đạo vững mạnh đoàn kết, thống nhất, với sự tham gia của toàn dân, thì việc thực hiện đời sống mới, thực hiện cần, kiệm, liêm, chính cũng rất cần thiết. Vì vậy, năm 1947, bên cạnh tác phẩm Sửa đổi lối làm việc, Người đã viết tác phẩm *Đời sống mới*. Bằng hình thức hỏi - đáp, cuốn sách giới thiệu vấn đề, rõ ràng, dễ hiểu nội dung của đời sống mới và nêu yêu cầu cụ thể đối với mỗi người, mỗi gia đình, từng giới, từng ngành. Cuốn sách còn hướng dẫn bộ đội và nhân dân sửa chữa những cái cũ không còn phù hợp, thực hiện những cái mới mà hay trong đời sống, trong cách ăn, mặc, ở, đi lại, cách làm việc. *Đời sống mới* đã thiết thực giúp bộ đội và nhân dân ta biết xử lý một cách đúng đắn mối quan hệ giữa cái cũ và mới, về giữ vệ sinh môi trường, đồng thời thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, để dù gian lao kháng chiến, nhân dân ta vẫn có “vật chất được đầy đủ, tinh thần được vui mạnh hơn”.

Không chỉ quan tâm đến vấn đề rèn luyện đạo đức cho quân nhân, để góp phần đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ các cấp cho quân đội, Người còn biên soạn tài liệu *Cách huấn luyện cán bộ quân sự của Khổng Minh* (Biên dịch Hồ Chí Minh, Phòng Chính trị Đ.Q.C.V.N Liên khu III xuất bản, 9-1948) gồm 36 vấn đề thuộc về phẩm chất, bản lĩnh và cách thức chỉ huy của người làm tướng. Tiếp đó, để góp phần đưa quân đội ta tiến dần

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 5, tr. 252.

lên chính quy hoá, ngày 20-1-1948, Người đã ký Sắc lệnh số 110/SL phong quân hàm Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp và Sắc lệnh số 111/SL - 112/SL phong quân hàm Trung, Thiếu tướng cho một số cán bộ cao cấp đang giữ các trọng trách trong quân đội.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp, vị Đại tướng đầu tiên của quân đội ta, mỗi khi nhớ về những kỷ niệm của ngày nhận quyết định được phong tướng (28/5/1948), vẫn khôn nguôi xúc động trước vinh dự và trách nhiệm mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao cho mình. Tại lễ thụ phong Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói với đồng chí Võ Nguyên Giáp: Nhân danh Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà, trao cho chú chức vụ Đại tướng, để chú điều khiển binh sĩ làm trọn sứ mạng mà quốc dân giao phó. Trong thực tiễn, cả cuộc đời binh nghiệp của mình, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã luôn thấm nhuần những lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đạo đức người làm tướng. Hội tụ đủ và phát huy những phẩm chất cao quý của người cán bộ, đảng viên, trong con người Đại tướng “trí, tín, nhân, dũng, liêm, trung” là những phẩm chất đạo đức nổi bật. Cùng với phương châm hành xử “dĩ công vi thượng”, những phẩm chất đạo đức của ông đã trở thành những nhân tố quan trọng, làm nên một Võ Nguyên Giáp, vị tướng huyền thoại nhất trong lịch sử Việt Nam cận hiện đại.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng rất coi trọng vai trò của dân quân du kích, vì theo Người đó “là lực lượng của toàn dân tộc, là một lực lượng vô địch, là một bức tường sắt của Tổ quốc. Vô luận địch nhân hung bạo thế nào, hễ đụng vào lực lượng đó, bức tường đó, thì địch nào cũng phải tan rã”¹. Với phương châm chắc thắng mới đánh, đồng thời chú ý phát huy sức mạnh chính nghĩa, kết hợp quân sự với chính trị, ra sức địch vận để làm tan rã hàng ngũ địch, Người khuyên các lực lượng vũ trang: Không nên nóng vội, muốn ăn to đánh lớn khi chưa đủ điều kiện. Bên cạnh đó, để động viên tinh thần quân và dân ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh về đặt và quy định thưởng Huân, Huy chương Kháng chiến, Quân công... cho các cá nhân và tập thể có nhiều thành tích trong kháng chiến.

Trong cuộc đấu tranh giải phóng và kháng chiến đầy gian khó để bảo vệ nền độc lập dân tộc, đã có biết bao tấm gương hy sinh anh dũng, có biết bao mất mát đau thương của các thương bệnh binh và thân nhân gia đình liệt sĩ. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: Đang khi Tổ quốc lâm nguy, giang sơn, sự nghiệp, mồ mả, đền chùa, nhà thờ của tổ tiên bị uy hiếp, cha mẹ, anh em, vợ con, thân thích, họ hàng bị đe dọa, của cải, ruộng nương, nhà cửa,

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 5, tr. 132.

ao vườn, làng mạc bị nguy ngập, đã có rất nhiều những người con xung phong trước hết để chống cự quân thù. Họ quyết đem xương máu của họ đắp thành một bức tường đồng, một con đê vững để ngăn cản nạn ngoại xâm tràn ngập Tổ quốc, làm hại đồng bào. Họ quyết hy sinh tính mệnh họ, để giữ gìn tính mệnh của đồng bào, hy sinh gia đình và tài sản họ để bảo vệ gia đình và tài sản của đồng bào. Trong số đó, có người đã bỏ một phần thân thể ở mặt trận, có người đã bỏ mình ở chiến trường. Đó là những thương binh, đó là những tử sĩ.

Vậy là, vì nghĩa lớn, bố mẹ họ đã mất một người con yêu quý. Vợ trở nên bà goá, con dại trở nên mồ côi. Còn những người khác, trải qua những ngày ăn gió nằm sương, những trận mưa bom bão đạn, tay què chân cụt, đã thành thương binh? Tất cả họ đều đã vì lợi ích của Tổ quốc, của đồng bào, mà chịu ốm yếu, què quặt, chịu mất mát, hy sinh. Bởi vậy, thấm nhuần đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, thấm đẫm chất nhân văn trong mỗi tâm hồn Việt, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: để tỏ lòng biết ơn và giúp đỡ những người con anh dũng ấy, đồng bào hãy sẵn lòng giúp đỡ họ về vật chất và về tinh thần với tấm lòng lòng bác ái “cùng không có hạn”. Vì vậy, tháng 6/1947, Người đề nghị chọn một ngày trong năm làm ngày Thương binh và ngày 27/7/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết thư gửi Ban thường trực của Ban tổ chức “Ngày thương binh toàn quốc”.

Quyết định chọn ngày 27 - 7 hàng năm là *Ngày Thương binh liệt sĩ* (từ năm 1955, “Ngày thương binh” được gọi là “Ngày Thương binh liệt sĩ”), Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Đây là dịp để toàn dân tỏ lòng biết ơn những chiến sĩ đã hy sinh xương máu cho Tổ quốc, cho đồng bào. Cũng nhân những dịp này, Người động viên và hoan nghênh đồng bào tùy hoàn cảnh mà gửi thư, tặng quà hoặc quyên giúp quà tặng cho những thương bệnh binh và gia đình liệt sĩ. Người từng rất nhiều lần xung phong tặng quà như: một số khăn mặt và áo quần mà đồng bào các nơi đã gửi biếu, gửi lương của Người, tặng huy hiệu, v.v.. đến cho các thương bệnh binh, đồng thời nhờ cụ Bộ trưởng Bộ Thương binh, cựu binh chuyển lời thân ái của Người an ủi anh em thương binh cùng các gia đình tử sĩ.

Nhân ngày *Ngày Thương binh tử sĩ* năm 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao cho Ban tổ chức chiếc áo lụa mà chị em phụ nữ đã biếu Người để bán đấu giá gây quỹ giúp thương binh. Thể hiện lòng biết ơn đối với thương binh, nhiều cá nhân và nhiều tập thể đã mua chiếc áo ấy. Cuối cùng, Liên hiệp Công đoàn Bắc Cạn đã mua được chiếc áo ấy với giá cao nhất: 46.700 đồng Đông Dương. Trong khi đó, ở Nam Bộ, ông Cao Triều Phát cũng vận động bà con tín đồ đạo Cao Đài mua chiếc áo ấy với giá 100.000 đồng Đông Dương, nhưng do giao thông khó khăn nên bức điện

của ông mới đến Ban tổ chức quá muộn. Nhận được điện do Ban tổ chức chuyển đến, Liên hiệp Công đoàn tỉnh Bắc Cạn quyết định gửi tặng chiếc áo này cho ông Cao Triều Phát và tín đồ đạo Cao Đài ở Nam Bộ. Sau khi nghe Ban tổ chức Ngày Thương binh toàn quốc báo cáo, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết thư cho ông Cao Triều Phát. Kèm với bức thư, Người cũng gửi tặng ông tám ảnh của mình làm kỷ niệm. Tám ảnh này được in trên giấy ảnh cũ ngày xưa, trên đầu bức ảnh có dòng chữ viết tay mực tím "*Tặng ông Cao Triều Phát đoàn kết kháng chiến thống nhất độc lập*". Phía dưới bức ảnh ở bên trái có ghi dòng chữ viết tay mực tím "10-47", bên phải có chữ ký của Chủ tịch Hồ Chí Minh bằng mực tím ở trên dấu triện vuông của Người. áo, thư và ảnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh được giao cho ông Bùi Thái Dương mang vào Nam Bộ trao trực tiếp cho ông Cao Triều Phát. Nhưng ông Cao Triều Phát đang bận công tác, nên ông Thái Dương đành viết thư xin cáo lỗi và nhờ Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ chuyển tới Cụ và quý đạo hữu tín đồ thư và quà tặng của Người. Ông Cao Triều Phát đã giữ gìn chiếc áo, bức thư và tám ảnh của Người một cách trân trọng. Đó là những kỷ vật ông luôn mang theo bên mình như những báu vật trong suốt những năm kháng chiến. Khi tập kết ra Bắc, ông đem theo các kỷ vật đó và sau khi ông qua đời, gia đình đã trao những báu vật ấy cho Bảo tàng Cách mạng Việt Nam lưu giữ¹.

Quan tâm đến những thương binh, một lần nhận được bốn chiếc chiếu của thương bệnh binh trại dột chiếu của tỉnh Tuyên Quang, Người rất vui lòng. Xúc động trước tình cảm của các thương binh, Người hỏi thăm cặn kẽ: Học dột được chiếu cần bao nhiêu ngày tháng? Trung bình, dột được một chiếc chiếu thường cần mấy giờ, và bao nhiêu vốn? Bán một chiếc được bao nhiêu lời? Với nghề dột chiếu, có thể đủ ăn đủ mặc không? Sau đó, Người gửi biếu một chiếc áo do chị em phụ nữ tặng để làm giải thưởng thi đua trong trại². Lần khác, Người gửi cụ Bộ trưởng Bộ Thương binh, cụ binh "30.600 đồng do một kiều bào ở Trung Quốc gửi tặng và một tháng lương là 45.000 đồng để cụ làm quà cho anh em"³, v.v... Tình thương yêu, sự đồng cảm và mối quan tâm thường xuyên của Người đối với những người có công thật sâu đậm và chí tình. Mãi mãi ghi công, đời đời tưởng nhớ đến sự xả thân vô giá của những thương bệnh binh, của những liệt sỹ đã làm cho đất nước ta "nở hoa độc lập, kết quả tự do" ngày một phồn vinh và phát triển, tình cảm, lòng hiếu nghĩa bác ái của người Cha già dân tộc đối với thương bệnh binh và các gia đình liệt sỹ, càng làm

-
1. Hiện vật và tài liệu lưu tại Bảo tàng cách mạng
 2. Tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh
 3. Bản thảo lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.

sinh động hơn đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, và tấm lòng “đền ơn đáp nghĩa” của Người.

Nhằm phát huy đầy đủ sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân. nhân ngày Quốc tế lao động 1-5-1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi Thi đua yêu nước. Nhân kỷ niệm 1000 ngày toàn quốc kháng chiến, Người đã ra lời kêu gọi, chính thức phát động phong trào *Thi đua ái quốc*, nêu rõ mục đích, phương châm và khẩu hiệu, cũng như nội dung thi đua cụ thể cho từng giới. Người đã mời cụ Tôn Đức Thắng làm Trưởng Ban Trung ương vận động Thi đua ái quốc, mời “lão đồng chí Thuý”- ông Hoàng Đạo Thuý làm Tổng Bí thư Ban Thi đua Trung ương, đồng thời tặng Lão đồng chí Thuý một chiếc quạt thước và lời nhắn nhủ: “*Tặng chú chiếc quạt để chú quạt cho phong trào lớn mạnh*”.

Được sự quan tâm sâu sắc, sự chỉ đạo của Người, và việc tổ chức thi đua, tiến hành thi đua một cách toàn diện, sâu rộng của Ban vận động thi đua ái quốc Trung ương và các cấp, phong trào Thi đua yêu nước do Người khởi xướng, phát động với tinh thần: Người người thi đua, ngành ngành thi đua, ngày ngày thi đua đã phát triển mạnh mẽ, phát huy nguồn sức mạnh to lớn trong quần chúng nhân dân. Từ thực tế của phong trào Thi đua yêu nước, Người nói: “Khẩu hiệu thi đua ái quốc hiện nay là: Tất cả để chiến thắng. Chiến thắng giặc thực dân, chiến thắng giặc đốt. Chiến thắng giặc đói. Chiến thắng mọi tính xấu cho mình ta”. Không ngoài mục đích lớn lao là “gây hạnh phúc cho dân”, phong trào thi đua yêu nước đã phát triển rộng rãi trên tất cả các lĩnh vực, các giai tầng mà “nền tảng là công việc hàng ngày”. Đồng bào và chiến sỹ cả nước đã hăng hái vượt mọi khó khăn, gian khổ, từng bước chiến thắng giặc đói, giặc đốt, từng bước chiến thắng những tập tục hủ lậu, những toan tính nhỏ nhen, xây dựng đời sống mới, để hướng tới chiến thắng giặc thực dân.

Sau gần hai năm kiên trì thực hiện Đường lối kháng chiến, quân dân ta bước đầu làm thất bại chiến lược đánh “chớp nhoáng” của địch, buộc chúng phải co cụm về các thành phố lớn. Từ nhận định: Nhất định thực dân Pháp sẽ mở cuộc tiến công lớn vào thu đông 1947, lấy chiến trường chính là Việt Bắc, hòng thực hiện âm mưu tiêu diệt cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến, nên khi địch cho quân nhảy dù xuống Bắc Cạn, mở đầu cho cuộc phiêu lưu quân sự lên Việt Bắc (8-10-1947), Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kịp thời ra Chỉ thị *Phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp*. Trên tinh thần chỉ đạo: Dùng cách đánh du kích và vận động chiến, quân và dân ta đã làm cho các binh đoàn lớn của Pháp bị chia cắt và hao mòn. Sau 40 ngày tấn công Việt Bắc, ngày 13-11-1947, 3 binh đoàn với 2 vạn quân tinh nhuệ của địch đã phải tháo chạy khỏi Việt

Bắc. Cuộc tấn công thu đông của thực dân Pháp hoàn toàn phá sản.

Sau chiến thắng Việt Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết tác phẩm *Việt Bắc anh dũng*, trong đó vạch rõ những thất bại của Pháp, khái quát nguyên nhân quyết định thắng lợi của quân ta trong chiến dịch thu đông vừa qua, đồng thời dự báo âm mưu mới của địch. Trong tác phẩm này, Người cũng nhắc nhở quân và dân ta: Chớ chủ quan khinh địch, tự cao tự đại mà phải luôn luôn chuẩn bị, cẩn thận đề phòng, sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm, đó là chìa khoá để đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Cuộc phản công thắng lợi ở Việt Bắc đã đưa cuộc kháng chiến của nhân dân ta sang một giai đoạn mới, buộc thực dân Pháp chuyển từ chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh” sang chiến lược đánh lâu dài, và thực hiện âm mưu “dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”, đồng thời xin viện trợ của đế quốc Mỹ. Mặt khác, sau một thời gian mặc cả, tháng 6-1948, Cao uỷ Pháp ở Đông Dương đã ký Tuyên bố chung với đại diện Chính phủ Bảo Đại, theo đó Pháp thừa nhận “độc lập” của Việt Nam.

Về phía ta, đi đôi với thắng lợi về quân sự, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền đối ngoại, phá thế cô lập về ngoại giao, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của loài người tiến bộ đối với cuộc chiến tranh chính nghĩa của nhân dân ta. Cũng với tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng quyết định đưa quân tình nguyện Việt Nam giúp đỡ cách mạng Lào và Cao Miên, phối hợp chiến đấu cùng quân giải phóng nhân dân Trung Quốc trong chiến dịch Thập vạn đại sơn, giúp bạn giải phóng một vùng rộng lớn ở Quảng Tây.

Cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược là một sự cố vũ to lớn đối với phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, nên đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ cùng tình cảm nồng nhiệt của Chính phủ và nhân dân các nước anh em. Trên cơ sở đó, Chính phủ Việt Nam đã đặt cơ quan đại diện thường trú tại Băng Cốc, Rănggun, Praha để tuyên truyền, giúp nhân dân thế giới ngày càng hiểu hơn về cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân ta.

Ngày 14-1-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra Lời tuyên bố gửi Chính phủ các nước trên thế giới: “Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là Chính phủ hợp pháp duy nhất của toàn thể nhân dân Việt Nam... Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ nước nào trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền quốc gia của nước

Việt Nam, để cùng nhau bảo vệ hoà bình và xây đắp dân chủ thế giới”¹. Sau đó, ngày 18-1-1950, Chính phủ Trung Quốc công nhận Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Ngày 30-1-1950, Chính phủ Liên Xô, rồi Chính phủ các nước dân chủ nhân dân Đông Âu lần lượt công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

Đầu tháng 1-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh bí mật rời Tân Trào đi Bắc Kinh (Trung Quốc). Đầu tháng 2-1950, Người đến Mátxcơva (Liên Xô). Trong những cuộc gặp gỡ với các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước hai nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thông báo tình hình đấu tranh cách mạng và sự phát triển của cuộc kháng chiến anh dũng nhưng rất gian khổ của nhân dân Việt Nam, trao đổi ý kiến về vai trò và vị trí của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam trong trào lưu cách mạng thế giới, về sự giúp đỡ của quốc tế đối với cách mạng Việt Nam. Các nhà lãnh đạo hai nước đánh giá cao cuộc chiến đấu anh hùng của nhân dân Việt Nam, đồng thời coi việc giúp đỡ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam là nghĩa vụ quốc tế cao cả. Việc hai nước lớn nhất thế giới là Liên Xô, Trung Quốc và các nước dân chủ mới công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một nước ngang hàng trong đại gia đình dân chủ thế giới, đã đưa lại thắng lợi to lớn nhất trong lịch sử Việt Nam và “chắc rằng cuộc thắng lợi chính trị ấy sẽ là cái đà cho những thắng lợi quân sự sau này”².

Trong thời kỳ kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhận được đề nghị trả lời phỏng vấn của báo chí và các hãng thông tấn nước ngoài. Và với thoả hiệp Êlidiê (Elysées) do Pháp ký với bảo đại, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: đối với dân Việt Nam, đó chỉ là một tờ giấy lộn, không có giá trị.

Để củng cố và mở rộng vùng căn cứ địa Việt Bắc, phá sự phong toả của thực dân Pháp, nối liền nước ta với thế giới dân chủ, tháng 7-1950, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định mở Chiến dịch Biên giới (từ ngày 16-9 đến 8-10-1950). Người trực tiếp kiểm tra kế hoạch tác chiến, phê chuẩn quyết tâm của Bộ chỉ huy chiến dịch và ra trận địa quan sát cứ điểm Đông Khê. Chiến dịch Biên giới toàn thắng, giải phóng 5 thị xã, 13 thị trấn, một dải biên giới dài 750 km với 35 vạn dân, đã nối liền nước ta với hai nước Trung - Xô và các nước dân chủ anh em.

Thắng lợi của Chiến dịch Biên giới đã làm thay đổi cục diện chiến tranh, tạo ra thế và lực mới, đưa cuộc kháng chiến của ta đi tới thắng lợi

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 6, tr. 7-8.

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 6, tr. 81-82.

hoàn toàn. Trước yêu cầu của tình hình mới, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp từ ngày 21 đến 23-6-1950, đã quyết định triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng. Trong thư gửi Đại hội tribị của Đảng (1-1951), Người yêu cầu các đại biểu cần nghiên cứu thật sâu, thảo luận thật kỹ những vấn đề chính trong các văn kiện và nhấn mạnh: “Nhiệm vụ chính của Đại hội ta là đẩy kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và xây dựng Đảng Lao động Việt Nam. Vậy việc thảo luận cần đặt trọng tâm vào hai việc đó”¹.

Từ ngày 11 đến 19-2-1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương chính thức họp tại Bản Khay, xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang. Tham dự Đại hội có 200 đại biểu, thay mặt cho hơn 76 vạn đảng viên thuộc các Đảng bộ Việt Nam, Lào và Campuchia. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc Báo cáo chính trị tại Đại hội. Sau khi điểm những nét chính về tình hình thế giới 50 năm qua và tình hình cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi Đảng ra đời, Người khẳng định: Đường lối trường kỳ kháng chiến là hoàn toàn đúng đắn; Với phương châm: Đoàn kết, đại đoàn kết toàn dân và thực hiện biện pháp: Thi đua yêu nước, cuộc kháng chiến đã thực sự là cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, là chiến tranh nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng chỉ ra những khuyết điểm, sai lầm của Đảng như bệnh chủ quan, mệnh lệnh, hẹp hòi, công thân..., đồng thời nêu lên trách nhiệm chính của đảng viên là phải phát triển lối làm việc tập thể, củng cố mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng, nêu cao tinh thần kỷ luật, tính nguyên tắc, mở rộng phê bình và tự phê bình. Đặc biệt, Người nhấn mạnh: Để đưa kháng chiến đến thắng lợi cần phải có một Đảng hoạt động mạnh mẽ, chắc chắn, trong sạch, cách mạng triệt để. Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam.

Đại hội đã nghe, thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị, bàn về phương hướng, đường lối của cách mạng Việt Nam, về tổ chức và Điều lệ Đảng, về chính quyền nhân dân, về củng cố khối đoàn kết, về xây dựng quân đội nhân dân và quan hệ ngoại giao, v.v... Trong điều kiện lịch sử mới, phải có một Đảng công khai, tổ chức hợp với tình hình thế giới và trong nước, để lãnh đạo toàn dân đấu tranh cho đến thắng lợi. Đại hội quyết định công tác chuẩn bị và tiến tới thành lập chính đảng mácxít ở mỗi nước trên bán đảo Đông Dương.

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 6, tr. 150.

Theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại hội nhất trí Đảng ta lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam. Đại hội đã bầu 29 đồng chí vào Ban Chấp hành Trung ương, bầu Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng, bầu đồng chí Trường Chinh làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, và thông qua Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam; xác định con đường tiến lên của cách mạng Việt Nam; đề ra ba nhiệm vụ của cách mạng và 12 chính sách lớn của Đảng để đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi và đặt cơ sở để kiến thiết quốc gia.

Về chính quyền nhân dân, Chính sách của Đảng nêu rõ:

1. Chính quyền của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là chính quyền dân chủ của nhân dân nghĩa là của công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tư sản dân tộc và các thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Những tầng lớp nhân dân ấy chuyên chính đối với đế quốc xâm lược và bọn phản quốc. Cho nên nội dung chính quyền đó là nhân dân dân chủ chuyên chính.

2. Chính quyền đó dựa vào Mặt trận dân tộc thống nhất, lấy liên minh công nhân, nông dân và lao động trí óc làm nền tảng và do giai cấp công nhân lãnh đạo.

3. Nguyên tắc tổ chức của chính quyền đó là dân chủ tập trung. Cơ quan chính quyền ở địa phương là Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính (hiện nay là Ủy ban kháng chiến hành chính). Cơ quan chính quyền tối cao toàn quốc là Quốc hội và Hội đồng Chính phủ¹.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng Lao động Việt Nam, công cuộc kháng chiến và kiến quốc của nhân dân Việt Nam đã giành được những thắng lợi to lớn. Sự lớn mạnh của chính quyền dân chủ nhân dân, việc thực hiện chính sách dân tộc, sự phát triển của khối đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận liên hiệp quốc dân Việt Nam gọi tắt là Liên Việt, đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân (gồm bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích), v.v.. là những nhân tố tạo đà cho việc đẩy mạnh và kết thúc cuộc kháng chiến.

Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng tập trung lãnh đạo toàn quân, toàn dân ta thực hiện thắng lợi nghị quyết do Đại hội đề ra. Để củng cố và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 3-3-1951, Đại hội toàn quốc hợp nhất Mặt trận Việt Minh và Hội

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, T.12, tr. 437

Liên Việt (Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam) đã quyết định thành một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, lấy tên là Mặt trận Liên Việt, và Người được bầu làm Chủ tịch danh dự của Mặt trận. Tiếp đến là Hội nghị liên minh nhân dân ba nước Việt - Miên - Lào, gồm đại biểu mặt trận dân tộc thống nhất của ba nước, được tổ chức thắng lợi, phá tan âm mưu chia để trị của thực dân Pháp. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Với sự đồng tâm nhất trí của ba dân tộc anh em, với sức đại đoàn kết của ba dân tộc anh em, chúng ta nhất định đánh tan lũ thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ, chúng ta nhất định làm cho ba nước độc lập và thống nhất thật sự”¹.

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, sự liên minh giữa nhân dân ba nước Đông Dương “cùng chung chiến hào đánh Pháp” đã góp phần to lớn vào thắng lợi của cách mạng mỗi nước. Từ trong gian khó, tình bạn giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và Hoàng thân Xuphanuvông - một người con của Hoàng tộc Lào sinh động và đẹp đẽ như mối tình đoàn kết đặc biệt thủy chung, trong sáng Việt - Lào. Sau lần gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh mùa thu năm 1945, trở về nước đi cùng cuộc kháng chiến của nhân dân Lào, cuối năm 1949, Hoàng thân đã nhận được thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh mời ông sang Việt Bắc làm việc, cùng Người bàn về cách mạng của hai nước trong sự nghiệp chống kẻ thù chung của nhân dân Đông Dương. Tháng 8/1950, Đại hội đại biểu quốc dân Lào họp, thành lập Mặt trận Neo Lào Itxala, Hoàng thân được bầu làm Chủ tịch Mặt trận Neo Lào Itxala, Thủ tướng Chính phủ kháng chiến kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao của Chính phủ Neo Lào Itxala. Tháng 9/1950, Hoàng thân đã sang Việt Bắc gặp và làm việc cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh và ông Sơn Ngọc Minh, Thủ tướng Chính phủ kháng chiến Miên (Campuchia). Trên nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng chủ quyền quốc gia, lãnh thổ, hết sức giúp đỡ nhau về mọi mặt để đưa cuộc kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương đi đến thắng lợi hoàn toàn, công việc chuẩn bị cho sự ra đời của Mặt trận liên minh đoàn kết Việt- Miên- Lào đã được xúc tiến.

Thời kỳ này, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Hoàng thân thường trao đổi thư từ, điện về những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ của cách mạng Lào, đến việc xây dựng liên minh, đoàn kết trong cuộc chiến đấu chung của hai nước, để cùng hoàn thành nhiệm vụ giải phóng Đông Dương, “thành lập một xã hội mới, một xã hội nảy nở ra hạnh phúc, tự do, tình yêu và sự chân thành”². Ngày 11/3/1951, tại Việt Bắc, Hội nghị liên minh nhân dân

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 6, tr. 181.

2. Bảo tàng Hồ Chí Minh, Biên niên sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh với tình hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2007, tr.48

ba nước Việt- Miên- Lào, thành lập khối liên minh chiến đấu của nhân dân Đông Dương hạp. Hội nghị nhất trí khẳng định: Đông Dương là một chiến trường, thực dân Pháp là kẻ thù của nhân dân ba nước Việt, Miên, Lào, và nhân dân ba nước quyết đoàn kết, liên minh dựa trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, tương trợ và tôn trọng chủ quyền của nhau, v.v... Hội nghị cũng kêu gọi nhân dân thế giới ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân ba nước Đông Dương chống thực dân Pháp xâm lược.

Thực hiện đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện của Đảng, từ cuối năm 1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cử đồng chí Vũ Kỳ - thư ký giúp việc của Người sang công tác ở Trung ương Đoàn Thanh niên Cứu quốc, để chuẩn bị cho sự ra đời của một lực lượng tham gia kháng chiến mới: Lực lượng Thanh niên xung phong. Nhiệm vụ ban đầu của các Đội thanh niên xung phong công tác là tham gia làm đường, vận chuyển lương thực, đạn dược cho các chiến dịch lớn. Trong chuyến công tác kiểm tra việc sửa chữa cầu đường từ Thái Nguyên đi Cao Bằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gặp đội thanh niên xung phong 312, đang làm đường ở Nà Cù, thuộc huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Cạn vào tối ngày 20-3-1951. Tại cuộc gặp đó, Người tặng bốn câu thơ:

*Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Quyết chí ắt làm nên¹*

Chủ tịch Hồ Chí Minh tham dự Hội nghị Trung ương lần thứ hai (khoá II), hạp từ ngày 27-9 đến 5-10-1951. Hội nghị nhận định: Ta đã giữ được thế chủ động trên chiến trường, nhưng chưa thay đổi được tình thế ở đồng bằng Bắc Bộ. Vì vậy, ba nhiệm vụ lớn phải thực hiện là: Ra sức tiêu diệt sinh lực địch; Phá tan kế hoạch “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt” của địch; Bồi dưỡng sức kháng chiến của nhân dân, xây dựng căn cứ địa, củng cố hậu phương để phục vụ tiền tuyến, phục vụ kháng chiến. Ba nhiệm vụ đó có mối quan hệ mật thiết với nhau và phải cùng tiến hành với nhau.

Để tập trung cho tiền tuyến, Người phát động phong trào tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm. Người nêu rõ, sản xuất muốn vững chắc phải đi đôi với tiết kiệm, vì sản xuất mà không tiết kiệm thì như gió vào nhà trống. Vì thế, Người không chỉ kêu gọi nông dân Việt Nam: “Ruộng rẫy là chiến trường, Cuốc cày là vũ khí, Nhà nông là chiến sỹ, Hậu phương

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd. t. 6, tr. 95

thi đua với tiền phương”¹, mà còn khởi xướng cuộc vận động “Thực hành tiết kiệm và chống tham ô, lãng phí, quan liêu” năm 1952.

Nói về ý nghĩa to lớn của cuộc vận động này, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: Tham ô, tham nhũng và bệnh quan liêu vốn là những căn bệnh của quyền lực và đấu tranh chống tham ô, lãng phí, quan liêu luôn gắn liền với cuộc đấu tranh chống lại tàn dư của chế độ cũ – chế độ người bóc lột người. Bởi cội nguồn sâu sa của những căn bệnh ấy chính là chủ nghĩa cá nhân, là thứ giặc nội xâm, là viên đạn bọc đường luôn rình rập xung quanh mỗi người, nên để thực hiện được “Trường kỳ kháng chiến, tự lực cánh sinh”, thì tất yếu phải “thi đua giết giặc, thi đua tăng gia, thi đua tiết kiệm, và chống nạn tham ô, chống nạn lãng phí, chống bệnh quan liêu”².

Sau khi nêu rõ “tiết kiệm không phải là bủn xỉn, không phải là “xem đồng tiền to bằng cái nống”...”, Người nêu ý nghĩa to lớn của tiết kiệm là cốt để giúp vào tăng gia sản xuất, “dần dần nâng cao mức sống của bộ đội, cán bộ và nhân dân”. Tiết kiệm chính là để “tăng gia sản xuất gấp bội mà lực lượng của ta về mọi mặt cũng tăng gấp bội”³. Đồng thời, Người kêu gọi mọi người cùng tăng gia sản xuất, thực hành “tiết kiệm sức lao động”, “tiết kiệm thời giờ”, “tiết kiệm tiền của”, đặc biệt là “vừa thi đua tăng gia sản xuất, vừa thi đua tiết kiệm” để đưa sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc mau chóng đến thành công.

Tiếp đó, Người khẳng định: Tham ô, lãng phí, bệnh quan liêu rất nguy hiểm. Tuy tham ô, lãng phí, quan liêu biểu hiện trong đời sống xã hội dưới nhiều dạng khác nhau và đối với từng đối tượng cụ thể có những biểu hiện khác nhau, song tựu chung lại: tham ô là “ăn cắp của công làm của tư”, “đục khoét của nhân dân”, “ăn bớt của bộ đội”⁴, là “khai gian, lậu thuế”, là “lãng phí sức lao động”, “lãng phí thời giờ”, “lãng phí tiền của”. Theo Người, “lãng phí tuy không lấy của công dứt túi, song kết quả cũng rất tai hại cho nhân dân, cho Chính phủ và có khi còn tai hại hơn nạn tham ô⁵. Coi “tham ô là trộm cướp”, chỉ rõ mối quan hệ “có nạn tham ô và lãng phí là vì bệnh quan liêu”⁶, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: những người và những cơ quan mắc bệnh quan liêu là do “không sát công việc

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđd, t. 6, tr. 178.

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđd, t.6, tr. 484

3. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđd, t.6, tr. 487

4. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđd, t. 6, tr. 488

5. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđd, t.6, tr. 488-489

6. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđd, t. 6, tr. 489

thực tế, không theo dõi và giáo dục cán bộ, không gần gũi quần chúng”, “không xem xét khắp mọi mặt, không vào sâu vấn đề”, “chỉ biết khai hội, viết chỉ thị, xem báo cáo trên giấy, chứ không kiểm tra đến nơi, đến chốn”, thành thử có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thâu, v.v.. Vì thế mà “ấp ủ, dung túng, che chở cho nạn tham ô, lãng phí”.

Tất cả những tệ nạn đó đều là con đẻ của chủ nghĩa cá nhân, là “xâm phạm đến lợi ích của nhân dân”, nên “là kẻ thù của nhân dân, của bộ đội và của Chính phủ”¹. Cũng theo Người, tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu là kẻ thù khá nguy hiểm, “vì nó không mang gươm súng, mà nó nằm trong các tổ chức của ta, để làm hỏng công việc của ta”, nên “dù cố ý hay không, cũng là đồng minh của thực dân và phong kiến, “làm hỏng tinh thần trong sạch và ý chí khắc khổ cán bộ của ta”, “phá hoại đạo đức cách mạng của ta là cần, kiệm, liêm, chính”, v.v.. Đặc biệt hơn, trong khi để tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến và xây dựng nước nhà, các chiến sĩ của chúng ta đã hy sinh xương máu, đồng bào đã hy sinh mồ hôi nước mắt để đóng góp” thì những kẻ tham ô, lãng phí, quan liêu đã “phá hoại tinh thần, phí phạm sức lực, tiêu hao của cải của Chính phủ và của nhân dân”. Như vậy, tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi của bọn Việt gian, mật thám.

Không chỉ nêu rõ tác hại do tham ô, tham nhũng và bệnh quan liêu gây ra, làm thiệt hại đến kinh tế, ảnh hưởng đến chính trị và làm xói mòn lòng tin của quần chúng nhân dân với Đảng, Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn cảnh báo, những biểu hiện xấu của những căn bệnh dịch dễ lây lan này cũng “quan trọng và cần kíp như việc đánh giặc trên mặt trận”. Từ việc khẳng định: Đây là cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng và chính trị, Người đồng thời chỉ ra những biện pháp để chống lại và chiến thắng những căn bệnh trầm kha này.

Theo Người, để giành chiến thắng, chúng ta “ắt phải chuẩn bị, kế hoạch, tổ chức, ắt phải có lãnh đạo và trung kiên”. Người cũng nhấn mạnh việc phải đánh thông tư tưởng, phải làm cho mọi người hiểu được tác hại của tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu, tránh ý nghĩ sai lầm, coi nhẹ tác dụng xấu của tham ô, lãng phí, coi “tham ô là có tội, song lãng phí chỉ là một khuyết điểm”, v.v.. Người cũng nêu rõ những ý nghĩ sai lầm, những “yên định những lo ngại không đúng” như: nước ta nghèo không có gì mà tiết kiệm, “một sự nhịn, chín sự lành” nên kiểm thảo nhau làm gì; ai tham ô, lãng phí thì mặc, còn mình “không tham ô, lãng phí thì thôi”, v.v.. Sau đó, Người chỉ rõ cách thức nghiên cứu những tài liệu về tiết kiệm, về tham

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.7, tr. 490

ô, lãng phí và bệnh quan liêu trong các tiểu tổ, v.v.. đồng thời chỉ ra các bước tiến hành, việc sửa chữa những căn bệnh đó với tinh thần “giáo dục là chính, trừng phạt là phụ”. Người cũng nhắc nhở rằng sau khi kiểm thảo có kết quả cụ thể phải có khen thưởng và kỷ luật công minh.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: để phong trào *Thực hành tiết kiệm, chống tham ô lãng phí, chống bệnh quan liêu* đạt chất lượng và hiệu quả, nguyên tắc tiến hành là phải làm một cách có trọng tâm, từng bước, phải nắm vững và vào sâu, phải làm từ cấp trên xuống cấp dưới, từ bộ phận chính đến bộ phận phụ. Trong đó, cán bộ cao cấp mỗi nơi phải “thật thà kiểm thảo để làm gương mẫu”, “thật thà báo cáo tình hình của đơn vị mình”, phải kiên quyết “nhỏ cổ” và phải nắm vững trọng điểm. Khi kiểm thảo “ai kiểm thảo đúng người khác, sẽ được khen thưởng”, “ai có lỗi mà không thật thà nói ra, sẽ bị kỷ luật” và “ai ngăn cản, đe dọa người kiểm thảo mình, sẽ bị kỷ luật”¹.

Người cũng nhấn mạnh rằng, tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu là kẻ thù của nhân dân, kẻ thù của việc xây dựng một xã hội cần kiệm liêm chính, nên chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu là cách mạng, là dân chủ và muốn chiến thắng kẻ thù “ắt phải dựa vào lực lượng quần chúng”, “phải phát động quần chúng, phải thực hành dân chủ, phải làm cho quần chúng hiểu rõ, làm cho quần chúng hăng hái tham gia thì mới chắc chắn thành công”². Đồng thời, Người cũng nhấn mạnh, để chống lại thứ “giặc ở trong lòng” lúc nào cũng kề cận trong ta, “ngấm ngấm ngăn trở, ngấm ngấm phá hoại sự nghiệp xây dựng cách mạng” thì nhất định “từ trên đến dưới phải đồng tâm hiệp lực”, “chiến sĩ và nhân dân phải hăng hái tham gia phong trào ấy”. Cùng theo Người, sự theo dõi, sự cảnh giác của hàng triệu triệu quần chúng sẽ là những ngọn đèn pha soi sáng khắp nơi, không để cho tệ nạn tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu còn nơi ẩn nấp.

Tựu chung lại, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: muốn xây dựng một xã hội mới, muốn chống lại những nọc độc xấu của chế độ cũ, muốn giáo dục lại những cán bộ đảng viên vì “kiêu ngạo, xa xỉ, phạm vào tham ô, lãng phí, quan liêu, không tự giác, mà biến thành người có tội với cách mạng”, để cứu vãn họ, giúp họ khôi phục lại đạo đức cách mạng thì nhất định phải thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu. Phải tẩy sạch hết những thói xấu của xã hội cũ và đó là điều kiện tiên quyết! Bởi rằng, ở đâu có bệnh quan liêu thì ở đó ắt có tham ô, lãng phí và “nơi nào

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.6, tr. 493

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.6, tr. 494

bệnh quan liêu càng nặng thì ở đó càng nhiều lãng phí, tham ô”. Dù ở dưới bất kỳ hình thức nào, song mỗi người, đặc biệt là mỗi cán bộ đảng viên của Đảng không thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, tất yếu sẽ không thể chống được tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu. Và không làm được điều đó, thì nhất định nguồn sức mạnh của sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bị rạn nứt, niềm tin của quần chúng nhân dân vào Đảng bị xói mòn.

Với ý nghĩa to lớn đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rằng: thắng lợi của phong trào *thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu* sẽ giúp cho mọi người đoàn kết hơn, nâng cao năng suất lao động, giúp cho “cán bộ ta cải tạo tư tưởng, nâng cao giác ngộ, thấm nhuần đạo đức cách mạng, giúp chính quyền ta” thành một chính quyền trong sạch, xứng đáng với lòng tin tưởng và sự hy sinh của chiến sĩ và đồng bào ta”. Và cũng trên tinh thần đó, thắng lợi của phong trào này sẽ thiết thực góp phần đầy đủ để quần dân ta “tiến sang tổng phản công”.

Trong những năm kháng chiến, những thắng lợi về chính trị, quân sự và kinh tế đã tạo điều kiện thuận lợi cho văn hoá, văn nghệ, giáo dục phát triển. Nhân dịp Hội nghị Văn hoá toàn quốc lần thứ hai, ngày 15-7-1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư đến Hội nghị. Người viết: Trong sự nghiệp vĩ đại kháng chiến kiến quốc của dân tộc ta, văn hoá gánh một phần rất quan trọng... Nhiệm vụ của văn hoá chẳng những để cổ động tinh thần và lực lượng kháng chiến kiến quốc của quốc dân, mà cũng phải nêu rõ những thành tích kháng chiến kiến quốc vĩ đại của ta cho thế giới. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “Văn hoá nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy”¹. Nhưng Người cũng nói: “Đảng và Chính phủ ta rất quý trọng những người trí thức của nhân dân, vì nhân dân” và theo Người “chính cách mạng, chính chủ nghĩa xã hội mới biết quý trọng trí thức”.

Tất cả họ, đều là một bộ phận trong lực lượng cách mạng, “là vốn liếng quý báu của dân tộc”, nên đều có khả năng vươn lên trở thành những chiến sĩ tiên phong trong phong trào cách mạng. Một Hồ Chí Minh luôn lấy cái tình, cái tâm của một nghệ sĩ lớn ứng xử với những người nghệ sĩ, trí thức đã làm “rạo rức lòng người”. Qua cảm nhận của các văn nghệ sĩ và giới trí thức, Hồ Chí Minh là một vị nguyên thủ quốc gia, một nhà văn hoá lớn “cao mà không xa”, “mới mà không lạ”, “gặp lần đầu mà như đã gặp từ lâu”. Và không chỉ quan tâm đến văn nghệ sĩ, trí thức, Người còn

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.6, tr. 368

luôn cổ vũ, động viên họ đóng góp sức mình cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng con người. Trên tinh thần đó, anh chị em văn nghệ sĩ, trí thức đã thực hiện khẩu hiệu “kháng chiến hoá văn hoá, văn hoá hoá kháng chiến”, thiết thực đóng góp sức mình cho sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc

Đồng thời với những vấn đề văn hoá, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng rất quan tâm chăm lo đến công tác tư tưởng. Trong Báo cáo về tình hình và nhiệm vụ trình bày tại Hội nghị Trung ương lần thứ III (22-4-1952), Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên ba nhiệm vụ lớn và bốn công tác chính, trong đó quan trọng nhất là chỉnh Đảng, chỉnh quân. Theo Người, là một Đảng lãnh đạo, “Đảng ta cần phải mạnh mẽ, trong sạch, kiểu mẫu. Toàn Đảng phải tư tưởng nhất trí, hành động nhất trí, đoàn kết nhất trí mới làm trọn nhiệm vụ của Đảng”¹

Người yêu cầu cán bộ và chiến sĩ phải có lập trường vững, quan điểm phải vững, tinh thần phải trong sạch, để một lòng một dạ phục vụ nhân dân. nên theo dõi chặt chẽ cuộc chỉnh huấn và nói rằng: Chỉnh huấn là để làm cho mọi người đi vào con đường sáng sủa, tươi đẹp của cuộc đời cách mạng. Người đời ai cũng có ưu điểm và khuyết điểm. Vì vậy, phải thương yêu nhau, quý trọng nhau, giúp nhau nâng cao tư tưởng cách mạng, củng cố lập trường, rửa gột khuyết điểm, phát triển ưu điểm. Cuộc vận động chỉnh huấn, chỉnh quân đã giúp cho cán bộ, đảng viên nâng cao thêm lập trường tư tưởng, tạo ra một khí thế cách mạng mới.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đã bước vào thời kỳ quyết liệt, đòi hỏi phải huy động sức người sức của ngày càng nhiều, cho nên càng phải tăng cường và bồi dưỡng sức dân, nhất là nông dân. Trong quá trình tiến hành kháng chiến, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Hồ Chí Minh đã huy động mọi nguồn nhân lực, vật lực, động viên tất cả để phục vụ chiến trường. Theo Người: “Trong vệ quốc quân và bộ đội địa phương, dân quân du kích số đông là nông dân. Tăng gia sản xuất để nuôi bộ đội, nuôi công nhân và công chức, là nông dân... Nói tóm lại nông dân là lực lượng rất to lớn của dân tộc, một đồng minh rất trung thành của giai cấp công nhân. Muốn kháng chiến kiến quốc thành công, muốn độc lập thống nhất thực sự ắt phải dựa vào lực lượng của nông dân”.

Cũng theo Người, động viên nguồn nhân lực tất yếu phải đi đôi với bồi dưỡng sức dân, trong đó đông đảo nhất là nông dân. Để giải quyết vấn đề này, để củng cố hậu phương về mọi mặt, tạo sức mạnh mới cho cuộc

1. Hồ Chí Minh Toàn tập. Sdd, t. 6. tr. 480.

kháng chiến, một trong những chính sách cơ bản của Đảng và Chính phủ là phải từng bước đem lại ruộng đất cho nông dân. Tuy chưa tiến hành Cải cách ruộng đất, nhưng quá trình thực hiện chính sách ruộng đất của Chính phủ trong khoảng thời gian từ năm 1946 đến năm 1953 đã đem đến cho nông dân những quyền lợi đáng kể về ruộng đất. Việc thực hiện từng bước khẩu hiệu “người cày có ruộng” cũng đã tạo ra sự thay đổi khá cơ bản về tình hình chiếm hữu ruộng đất ở nước ta.

Thực tế, sau chuyến đi thăm bí mật Trung Quốc và Liên Xô đầu năm 1950, đặc biệt là sau cuộc hội kiến với Stalin, vấn đề giải quyết nhiệm vụ dân chủ, đem lại ruộng đất cho nông dân trong thời kỳ kháng chiến đã được Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng xem xét. Một mặt, có thể là dưới tác động của tình hình quốc tế và sức ép từ phía Liên Xô, mặt khác trước yêu cầu cấp bách của việc bồi dưỡng sức dân, củng cố hậu phương, chi viện cho tiền tuyến, nên Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ IV họp từ ngày 25 đến 30-1-1953 đã quyết định phát động quần chúng triệt để giảm tô, tiến tới cải cách ruộng đất, thực hiện người cày có ruộng.

Quán triệt sâu sắc tinh thần: “Muốn kháng chiến hoàn toàn thắng lợi, dân chủ nhân dân thật thà thực hiện, thì phải thiết thực nâng cao quyền lợi kinh tế và chính trị của nông dân, phải chia ruộng đất cho nông dân”¹. Đầu năm 1953, theo đề nghị của Chính phủ, Hội nghị liên tịch giữa Ban Thường trực Quốc hội và Ủy ban Mặt trận Liên Việt toàn quốc được triệu tập. Sau khi thảo luận, Hội nghị đã nhất trí với bản đề án và hiệu triệu quốc dân tích cực thực hiện đề án *Phóng tay phát động quần chúng, triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức* của Đảng Lao động Việt Nam. Sau đó, Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất của Đảng họp từ ngày 15 đến 21-11-1953 đã thảo luận chính sách, kế hoạch cải cách ruộng đất và thông qua những văn kiện về cải cách ruộng đất.

Theo Hồ Chí Minh, xóa bỏ chế độ phong kiến, thực hiện khẩu hiệu “người cày có ruộng” sẽ góp phần đẩy mạnh cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Cũng theo quan điểm của Người, giải quyết triệt để vấn đề ruộng đất là một nhiệm vụ quan trọng của sự nghiệp cách mạng, liên quan đến vận mệnh của quốc gia, do đó phải được Quốc hội - cơ quan có quyền cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa xem xét và chuẩn y. Vì vậy, căn cứ vào các điều khoản của Hiến Pháp 1946, sau khi thống nhất ý kiến, Hồ Chí Minh cùng Ban Thường trực Quốc hội quyết định triệu tập kỳ họp thứ 3 của Quốc hội khoá I, “đem theo ý chí, nguyện vọng của toàn dân để quyết định một việc lớn, quan hệ đến kháng chiến, đến

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd. t.7, tr. 16.

hạnh phúc của nhân dân”¹ - Đó là cải cách ruộng đất.

Trong kỳ họp thứ 3 Quốc hội khoá I từ ngày 1 đến ngày 4/12/1953, thay mặt Hội đồng Chính phủ, Hồ Chí Minh đọc bản báo cáo về *Tình hình trước mắt và nhiệm vụ cải cách ruộng đất* và nêu rõ: Khẩu hiệu của ta trong thời kỳ kháng chiến là: “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng”, mà kháng chiến càng phát triển thì đòi hỏi sức người, sức của ngày càng nhiều. Phải bồi dưỡng cho nông dân thì mới động viên đầy đủ được lực lượng to lớn đó, do đó, một nhiệm vụ trung tâm nữa là Cải cách ruộng đất. Thay mặt Chính phủ, Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã báo cáo với Quốc hội bản *Đề án về Luật cải cách ruộng đất*. Hồ Chí Minh cũng đã trình bày với Quốc hội Dự án Luật cải cách ruộng đất đã được Đảng Lao động Việt Nam, Chính phủ, Mặt trận, các đảng phái anh em nghiên cứu kỹ, mong Quốc hội nghiên cứu, thảo luận và thông qua. Người nói: “*Luật cải cách ruộng đất* của ta chí nhân, chí nghĩa, hợp tình hợp lý. Chẳng những là làm cho cố nông, bản nông, trung nông ở dưới có ruộng cày, nhưng đồng thời chiếu cố đồng bào phú nông, đồng thời chiếu cố đến đồng bào địa chủ. Ngoài ra chúng ta chiếu cố đến đồng bào công thương nghiệp, chiếu cố cán bộ, công nhân, nhân dân lao động khác và đồng bào tản cư. Chúng ta cũng chiếu cố các chiến sĩ hy sinh xương máu để bảo vệ đất nước, chúng ta cũng chiếu cố chiến sĩ đã hy sinh một phần xương máu hay tính mạng cho Tổ quốc, đó là thương binh và gia đình tử sĩ”².

Ngày 4/12/1953, sau nhiều cuộc thảo luận, “căn cứ vào yêu cầu của kháng chiến và quyền lợi chính đáng của nông dân, theo đề nghị của Chính phủ, Quốc hội đã thông qua Luật cải cách ruộng đất, xoá bỏ chế độ phong kiến và chiếm hữu ruộng đất...thực hiện người cày có ruộng” và nhấn mạnh: “Thực hiện cải cách ruộng đất để đảm bảo thắng lợi hoàn toàn của kháng chiến”. Sau đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký *Sắc lệnh số 197/SL* ngày 19/12/1953 ban bố *Luật cải cách ruộng đất*. Sau khi nêu rõ mục đích, ý nghĩa của Cải cách ruộng đất, với 5 chương, 38 điều, *Luật cải cách ruộng đất* đã quy định các điều khoản cụ thể để áp dụng việc tịch thu, trưng thu và trưng mua đối với từng loại địa chủ; quy định cách chia ruộng đất, cơ quan chấp hành và phương pháp thực hiện cải cách ruộng đất và các điều khoản thi hành...

1. Quốc hội nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, Văn kiện Quốc hội toàn tập, Nxb. CTQG, H, 2006. t.1, tr. 43

2. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà, khoá I, Văn bản chính kỳ họp thứ III, ngày 1/12 đến 4/12/1953, Lưu trữ Quốc hội. tr.43.

Nhờ sự chỉ đạo chặt chẽ, theo dõi sát sao của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, cuộc phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất ở giai đoạn đầu đã thu được những kết quả rất to lớn: Hàng triệu nông dân có ruộng; Khối liên minh công nông được tăng cường; Chính quyền và mặt trận được kiện toàn; sự lãnh đạo của Đảng được đề cao. Hậu phương được củng cố và phát triển vững mạnh, nhờ đó sức chiến đấu của quân đội được nâng cao, kháng chiến có thêm sức mạnh mới để bước sang giai đoạn phản công thắng lợi.

Từ đầu năm 1953, dưới bút danh Đ.X, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết *Thường thức về chính trị*, đăng trên báo *Cứu quốc*. Bài mở đầu *Giai cấp là gì?* (16-1-1953) và bài *Kết luận* (23-9-1953). Đây là những bài viết nhằm cung cấp cho cán bộ và nhân dân những kiến thức phổ thông cần thiết về chính trị như: Giai cấp là gì? Phong kiến là gì? Tư bản là gì?, v.v.. đến những vấn đề về đường lối cách mạng và các tổ chức cách mạng như Đảng, Mặt trận dân tộc thống nhất, chính quyền nhân dân, v.v.. Mục đích của những bài viết ngắn này chủ yếu xây dựng lý tưởng và niềm tin cho nhân dân, để vượt qua gian khó, hy sinh, đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Trên đà thắng lợi, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng tiếp tục chỉ đạo tiến công tiêu diệt sinh lực địch, đi tới trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ. Để phá vỡ phòng tuyến địch ở đồng bằng Bắc Bộ, nhất là sau chiến thắng ở Chiến dịch Biên giới - Thu đông 1950, từ cuối 1950 đến giữa năm 1951, ta liên tiếp mở ba chiến dịch lớn: Chiến dịch Trung du, Chiến dịch Đường số 18 và Chiến dịch Hà - Nam - Ninh. Nhưng ở đây địch mạnh về cả binh lực lẫn hỏa lực, nên tuy đã tiêu hao nhiều sinh lực địch, nhưng ta cũng bị tổn thất, không đạt mục tiêu chiến lược. Tại Hội nghị kiểm thảo Chiến dịch Đường số 18, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, tìm ra khuyết điểm, quyết tâm khắc phục để giành thắng lợi mới. Theo Người, muốn đánh thắng kẻ thù, phải thảo luận kỹ để chủ trương cho đúng, đặt kế hoạch cho sát và đặc biệt cán bộ phải thương yêu đội viên, bộ đội phải thương yêu dân, phụng sự dân.

Cuối năm 1951, Tátxinhi mở cuộc phản công lớn ra Hoà Bình, nhằm cắt đứt đường liên lạc tiếp tế giữa Khu IV với Việt Bắc, hòng tiêu diệt quân chủ lực của ta, giành lại thế chủ động trên chiến trường Bắc Bộ. Ngày 24-11-1951, Trung ương Đảng ra chỉ thị về nhiệm vụ phá cuộc tiến công Hoà Bình của địch. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cho các cán bộ, chiến sĩ chủ lực và dân quân du kích tham gia Chiến dịch Hoà Bình và nhắc nhở: Muốn thắng, thì ta phải tích cực, tự động, bí mật, mau chóng, kiên quyết, dẻo dai. Chắc thắng mới đánh. Nhưng tuyệt đối chú chủ quan, khinh địch và "các lực lượng phải phối hợp nhau chặt chẽ để tiêu diệt sinh lực của địch, để đánh tan kế hoạch Thu - Đông của chúng".

Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân ta đã phối hợp đánh địch ở Hoà Bình cả trước mặt và sau lưng. Sau hơn ba tháng bao vây và tiến công quyết liệt, quân ta đã buộc quân Pháp phải rút chạy khỏi Hoà Bình, âm mưu của chúng hoàn toàn bị phá sản. Ta tiêu diệt hơn hai vạn tên địch, giải phóng một vùng Hoà Bình và hai triệu đồng bào. Trong khi địch còn đang hoang mang, bị động đối phó với ta ở trung du và đồng bằng, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định mở tiếp Chiến dịch Tây Bắc, nơi chúng đang sơ hở, địa hình rừng núi nên không phát huy được sức mạnh, khả năng cơ động của pháo và không quân.

Đến thăm và nói chuyện với *Hội nghị phổ biến kế hoạch Chiến dịch Tây Bắc*, Người nói: Phía ta có thuận lợi là phát huy sở trường đánh ở vùng rừng núi, nhưng khó khăn về huy động hậu cần tại chỗ. Muốn thắng địch, ta phải quyết tâm rất cao, nên quyết tâm của Trung ương và Tổng quân uỷ là phải đánh thắng trong chiến dịch này.” Để động viên bộ đội, Người đặt giải thưởng một triệu đồng tặng cho những đơn vị và cá nhân lập công xuất sắc. Người nói: “Số tiền tuy nhỏ, nhưng giá trị nó to, vì do tay Bác tự làm ra”¹. Người còn thăm hai đơn vị bộ đội, gửi thư cho các cán bộ, chiến sĩ và dân công phục vụ mặt trận Tây Bắc. Quyết tâm của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã truyền đến mỗi cán bộ, chiến sĩ, dân công tham gia chiến dịch.

Ngày 14-10-1952, Chiến dịch Tây Bắc mở màn bằng cuộc tiến công của ta vào phân khu Nghĩa Lộ. Sau hai tháng rưỡi chiến đấu, bộ đội ta đã giải phóng 8 phần 10 vùng Tây Bắc bị địch chiếm giữ, gồm 25 vạn dân, mở rộng và củng cố vùng căn cứ địa kháng chiến của ta, phá tan âm mưu lập “Xứ Thái tự trị” của địch. Sau Chiến dịch Tây Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng và Chính phủ ta thoả thuận với Chính phủ kháng chiến Lào, về việc quân tình nguyện Việt Nam với quân giải phóng Pathét Lào, mở chiến dịch Thượng Lào. Quán triệt tinh thần “giúp nhân dân nước bạn tức là mình tự giúp mình”² của Chủ tịch Hồ Chí Minh, bộ đội ta đã cùng quân đội và nhân dân Lào chiến đấu, giải phóng toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, một phần tỉnh Xiêng Khoảng và Phôngxalỳ, nối liền vùng giải phóng Thượng Lào với vùng tự do của ta, mở ra một tình thế thuận lợi cho cuộc chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

Những thất bại liên tiếp trên các chiến trường làm cho thực dân Pháp ngày càng dần sâu vào thế bị động, nguy khốn. Chính phủ Pháp một

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.6, tr. 561.

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.7, tr. 64.

mặt xin thêm viện trợ Mỹ, mặt khác thay đổi tướng tá chỉ huy và kế hoạch tác chiến hòng tìm lối thoát danh dự bằng thắng lợi quân sự. Tháng 5-1953, Hăngri Nava (Henri Navarre), Tham mưu trưởng lục quân khối NATO, được cử làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Nava vạch ra một kế hoạch có quy mô rộng lớn, nhằm trong vòng 18 tháng sẽ tiêu diệt phần lớn chủ lực của ta, giành thắng lợi quyết định, làm cơ sở cho một giải pháp chính trị có lợi cho chúng và sau đó tên tuổi của Nava đã gắn liền với một địa danh lịch sử của vùng *Tây Bắc Việt Nam* - đó là *Điện Biên Phủ*.

Tây Bắc luôn là một vùng đất thiêng của Tổ quốc, luôn được giữ gìn và bảo vệ "như một phần máu thịt" của dân tộc Việt trong suốt tiến trình dựng nước và giữ nước. Khi thực dân Pháp xâm chiếm Đông Dương, Tây Bắc cũng là một địa bàn chiến lược trong bản đồ quân sự Đông Dương. Nằm trong hướng chiến lược phía Tây Đông Dương, trải dài từ Tây Bắc Việt Nam qua Thượng Lào, Trung Lào và Hạ Lào, vị trí đặc địa của Tây Bắc ngày càng được chú ý. Điều đó lý giải rằng, vì sao ngay sau khi cách mạng tháng Tám 1945 thành công, đặc biệt là từ những năm đầu của cuộc trường chinh chống Pháp, Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã quan tâm đến vị trí, và tầm quan trọng của địa bàn chiến lược này. Người từng nhấn mạnh và yêu cầu các đội quân của chúng ta phải kiên trì chiến đấu, bám trụ, xây dựng vững chắc cơ sở cách mạng trong lòng đồng bào các dân tộc Tây Bắc. Theo Hồ Chí Minh, làm tốt được nhiệm vụ trọng yếu đó, không những chúng ta có thể triển khai tốt thế trận chiến tranh nhân dân và tạo điều kiện phát huy sở trường đánh địch ở vùng rừng núi của quân ta; bảo vệ được Việt Bắc - căn cứ đầu não kháng chiến, tạo thế liên hoàn với hậu phương rộng lớn, mà còn thuận lợi nhiều trong giao lưu quốc tế, đặc biệt là xây dựng khối đoàn kết liên minh chiến đấu Việt - Lào.

Trên cơ sở hiểu rõ về địa bàn Tây Bắc, hiểu rõ thế và lực giữa ta và địch, và cùng với sự phát triển của sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc, sau chiến thắng Việt Bắc thu đông 1947, chiến thắng Biên Giới 1950, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân ta không những đã giữ vững thế chủ động tiến công trên chiến trường, mà còn biết kết thúc đúng lúc. Sau khi "cân nhắc kỹ chỗ dễ và chỗ khó của chiến trường" và so sánh tương quan lực lượng, Trung ương Đảng và Tổng Quân uỷ đã quyết tâm mở chiến dịch Tây Bắc (14/10-10/12/1952). Từ kết quả của chiến thắng quan trọng này, so sánh lực lượng giữa quân ta và quân Pháp đã có những diễn tiến bất ngờ.

Các tướng lĩnh thực dân như Xalăng (Roul Salan), Nava (Navarre) và sau này là Hoa Kỳ cũng đều nhận thức được tầm quan trọng của địa bàn Tây Bắc. Vốn có vị thế đặc địa như là một điểm trụ, và xoay quanh

nó là Lào, Thái Lan, Miến Điện và vùng Vân Nam Trung Quốc, Tây Bắc tuy hiểm trở có thể làm hạn chế khả năng cơ động, sức mạnh hoả lực pháo binh và không quân, nhưng nếu khống chế được Tây Bắc, chúng có thể khống chế cả “bên sườn và sau lưng ta”, chia cắt cả khu vực này với Việt Bắc. với hậu phương kháng chiến, đồng thời có thể che chở cho Thượng Lào và Luông Phabang. Vì vậy, ngay sau chiến thắng Tây Bắc của quân ta, giới quân sự chớp bu của Pháp trong đó có tướng Xalăng đã từng nghĩ đến việc phải chiếm lại Điện Biên Phủ, để có thể xây dựng Điện Biên Phủ thành căn cứ “bảo vệ” Lai Châu, yểm trợ cho Luông Phabang. Tuy nhiên, thực tế đã không cho phép Xalăng thực hiện ý đồ đó. Hơn nữa, cho đến thời điểm đó (khi chúng ta đã giải phóng một vùng đất đai rộng lớn của Tây Bắc), người Pháp vẫn cho rằng dường như Việt Minh chỉ cố gắng tập trung vào lãnh thổ Việt Nam, không quan tâm đến Lào, Campuchia. Chỉ đến khi quân ta và lực lượng kháng chiến Lào phối hợp mở và giành thắng lợi trong chiến dịch Thượng Lào sau đó (8/4-3/5/1953), giải phóng một vùng đất đai rộng lớn, tạo điều kiện cho cách mạng Lào phát triển... chiến trường Đông Dương mới thực sự sôi động.

Tuy nhiên, sự thay đổi lớn cũng chỉ diễn ra nhanh chóng khi tướng bốn sao Nava được cử thay Xalăng. Vẫn bận tâm đến Điện Biên Phủ, Xalăng cũng không quên “bàn giao” cả những suy nghĩ và những việc làm còn dang dở của mình cho tướng Nava. Tuy nhiên, trong kế hoạch quân sự Nava (1953-1955) được triển khai, với mục tiêu “chuyển bại thành thắng” trong vòng 18 tháng, Điện Biên Phủ dường như không được chú ý đến. Chỉ đến khi Hiệp định giữa Pháp và Lào được ký kết, chỉ đến khi suy nghĩ cần phải bảo vệ Thượng Lào, Nava và cộng sự của ông mới nghĩ đến việc chiếm và xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh. Duy có điều, đội ngũ tướng lĩnh quân sự Pháp đã bỏ sót một điều quan trọng: Đó là, địa thế tự nhiên của Điện Biên Phủ tuy rất thuận lợi để xây dựng một căn cứ lực lượng - không quân kiên cố, nhưng sẽ trở nên “trơ trọi”, dễ bị uy hiếp và khó khăn cho công tác chi viện, hậu cần khi bị bao vây, chia cắt.

Về phía quân ta, trước việc quân Pháp tập trung quân cơ động nhằm tạo nên sức mạnh, giữ thế phòng ngự trong chiến cuộc 1953 -1954, tránh giao chiến với chủ lực của Việt Minh, bảo đảm an toàn và tăng cường sức mạnh cho quân đội viễn chinh; chuẩn bị để có thể chuyển sang thế tiến công trong chiến cuộc 1954-1955, gây cho chủ lực Việt Minh những thất bại quân sự để có thể buộc họ phải đi đến thương lượng hòa giải¹... Chủ

1. Điện Biên Phủ. nhìn từ phía bên kia, Nxb. QĐND, H, 1994, tr.8

tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ phương hướng chiến lược của quân ta là “tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu để phân tán lực lượng địch và tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng vùng tự do”¹.

Tại cuộc họp Bộ chính trị ở Tỉn Keo tháng 9/1953, sau khi nghe Đại tướng Võ Nguyên Giáp trình bày tình hình địch, cân nhắc kỹ thế trận giữa ta và địch, thật bình tĩnh, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt bàn tay mình lên bàn, và bỗng Người giơ lên, nắm lại rồi nói: “Địch tập trung quân cơ động để tạo nên sức mạnh... Không sợ! Ta buộc chúng phải phân tán binh lực thì sức mạnh đó cũng sẽ không còn. Bàn tay Bác mở ra, mỗi ngón trở về một hướng”². Cũng theo Đại tướng, bản đề án tác chiến của Tổng quân uỷ được Bộ chính trị thông qua, trong đó ta chủ trương dùng một bộ phận quân chủ lực phối hợp với các lực lượng địa phương chủ động mở các cuộc tiến quân lên Tây Bắc, Trung Lào, Hạ Lào, Bắc Tây Nguyên để phân tán lực lượng địch, nhưng vẫn lấy Tây Bắc làm hướng hoạt động chính, còn các hướng khác chỉ là hướng phối hợp. Người và Bộ chính trị cũng đồng thời nhấn mạnh: Hướng chính hiện nay không thay đổi, nhưng trong hoạt động có thể thay đổi. Phương châm hành động là “Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt” và nguyên tắc chỉ đạo tác chiến là “đánh chắc thắng, đánh tiêu diệt. Chọn nơi địch sơ hở mà đánh, chọn nơi địch tương đối yếu mà đánh”.

Với tinh thần chỉ đạo đó, thông qua 5 đòn chiến lược và cách điều quân cơ động tài tình: Tiến công Tây Bắc, tiêu diệt phần lớn quân địch ở Lai Châu, bao vây Điện Biên Phủ; tiến công vào Trung Lào, giải phóng Thà Khệt; tiến xuống Hạ Lào, giải phóng cao nguyên Bôlôven; mở cuộc tiến công lên Bắc Tây Nguyên, giải phóng Kon Tum, nối liền với khu giải phóng Hạ Lào; và bất ngờ tiến công Thượng Lào, uy hiếp Luông Phabang vào hạ tuần tháng 1/1954, chúng ta đã điều động được lực lượng địch, thu hút quân địch đến những chiến trường có lợi cho quân ta, và buộc khối cơ động chiến lược của Nava phải phân tán “thành nhiều nhóm nhỏ”. Năm đòn chiến lược đó đã làm cho kế hoạch Nava từng bước bị đảo lộn và phá sản. Nava đã không thể “luôn luôn tiến công”, “luôn luôn chủ động”, và càng không thể “chuyển bại thành thắng” trong vòng 18 tháng.

Sau ngày 20/11/1953, khi phát hiện quân chủ lực của ta tiến lên Tây Bắc, tướng Nava đã lập tức cho quân nhảy dù chiếm Điện Biên Phủ, gấp rút xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd t.7, tr.13

2. Võ Nguyên Giáp, Điện Biên Phủ, Nxb, CTQG, H. 1998, tr. 25

Đông Dương. Khác với kế hoạch Nava và kế hoạch tác chiến của quân ta lúc đầu, với vai trò là một “tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương”, từ đây, Điện Biên Phủ đã trở thành nơi sẽ diễn ra trận quyết chiến chiến lược giữa quân ta và thực dân Pháp. Như vậy, “số phận của Nava đã được định đoạt từ cuộc họp ở Tỉn Keo”¹ khi Bộ Chính trị thông qua kế hoạch tác chiến Đông - Xuân 1953-1954; nhất là khi tướng Nava “quyết định tiếp nhận chiến đấu ở Tây Bắc”, quyết định “chiến đấu bảo vệ Tây Bắc sẽ xoay quanh căn cứ lực quân, không quân Điện Biên Phủ mà phải được bảo vệ bằng bất cứ giá nào”.

Lựa chọn Điện Biên Phủ, quyết định của tướng Nava cho quân nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương. Việc lựa chọn nơi này làm điểm kết thúc cuộc chiến tranh kéo dài gần một thập kỷ của người Pháp khi đó đã nhận được nhiều ý kiến phản đối của một số tướng lĩnh và sĩ quan cao cấp quân đội viễn chinh. Đồng thời, quyết định này của Nava cũng đã làm cho người Mỹ, làm cho Tổng thống Aisenhao (Eisenhower) - người “trước đó chỉ tập trung vào Lào chứ không phải là Việt Nam”, đồng thời “tuyên bố Lào là chiếc chìa khoá hiện nay cho toàn bộ khu vực Đông Nam Á”² đã ngỡ ngàng đến không ngờ về tầm cỡ lịch sử của Điện Biên Phủ.

Quan tâm đến địa bàn Đông Dương, Hoa Kỳ đã từng viện trợ và tiếp tục ký hiệp định với Pháp về viện trợ quân sự của Mỹ cho Pháp trong cuộc chiến tranh Đông Dương. Tuy nhiên, cục diện chiến trường thay đổi tương quan lực lượng giữa quân ta và quân Pháp trong những năm 1953 -1954 đã làm cho người Mỹ vốn quan niệm và coi vùng đất này “là một bộ phận của cuộc đua tranh giữa phương Đông và phương Tây” càng tham vọng muốn có một cam kết về Đông Dương; muốn có một dấu ấn thực sự để chứng tỏ mình có đầy đủ sức mạnh, niềm tin và quyết tâm đối với địa bàn chiến lược này. Đương nhiên không thể đứng ngoài cuộc chơi, người Mỹ đã buộc bị cuốn hút vào cuộc chiến tranh Việt - Pháp, vào cuộc đọ sức quyết liệt nhất tại địa danh lịch sử vùng Tây Bắc - Điện Biên Phủ.

Trong khi đó, sau những thắng lợi to lớn của quân ta trong đợt 1 của chiến cuộc Đông- Xuân 1953-1954, kế hoạch tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, làm phá sản hoàn toàn kế hoạch chiến lược Nava đã được Bộ Chính trị hạ quyết tâm vào ngày 6/12/1953. Bước vào giai đoạn 2 của chiến cuộc Đông- Xuân 1953-1954, với quyết tâm tiêu diệt tập đoàn cứ

1. Võ Nguyên Giáp, Điện Biên Phủ, Sdd, tr. 27

2. La Côn, Điện Biên Phủ - Những điều chưa thấy hết, Tạp chí Xưa Nay, số 62, 4/1999, tr.9

điểm Điện Biên Phủ - tập đoàn cứ điểm mạnh nhất trong hàng loạt các tập đoàn cứ điểm của Pháp ở Đông Dương, quân ta đã chuyển từ việc “tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu” sang đánh trực tiếp vào chỗ mạnh nhất của quân địch.

Nhận thức được tầm quan trọng và ý nghĩa to lớn của trận quyết chiến chiến lược này, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã được trao trọng trách Chỉ huy trưởng Mặt trận và Bí thư Đảng uỷ mặt trận. Trước khi lên đường, Đại tướng đã nhận được từ Chủ tịch Hồ Chí Minh mật lệnh: “Tổng tư lệnh ra mặt trận. Tướng quân tại ngoại. Trao cho chú toàn quyền quyết định. Trận này quan trọng, phải đánh cho thắng. Chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh”¹. Tháng 12/1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho cán bộ và chiến sĩ mặt trận Điện Biên Phủ, trong đó nhấn mạnh: Người và Chính phủ “chờ tin thắng lợi để khen thưởng”. Ngày 22/12/1953, nhân dịp kỷ niệm 9 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định “cho mỗi đại đoàn và mỗi liên khu một lá cờ Quyết chiến, quyết thắng để làm giải thưởng luân lưu”².

Từ thực tế chiến trường, từ những khó khăn và thuận lợi của quân ta và quân địch, từ lời căn dặn “đánh chắc thắng” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trước khi mở màn chiến dịch Điện Biên Phủ, trưa ngày 26/1/1954, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã có một quyết định khó khăn nhất trong cuộc đời cầm quân của mình. Đó chính là việc thay đổi phương châm từ “đánh nhanh giải quyết nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc”, và đi liền cùng đó là việc hoãn thời điểm tiến công, kéo pháo quay trở ra.

Quyết tâm mới của vị Tổng tư lệnh chỉ huy mặt trận được báo cáo ngay về Trung ương và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sau này, trong nhiều hồi ký của các tướng lĩnh, sĩ quan và chiến sĩ từng tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ, chúng ta điều biết: Với địa thế của Điện Biên Phủ, việc kếp pháo vào đã khó, việc kéo pháo ra còn khó hơn nhiều. Tuy nhiên, để tiêu diệt bằng được tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, để “chỉ có thắng chứ không được bại, vì bại thì hết vốn”³ như Nghị quyết Trung ương đầu tháng 12/1953 chỉ rõ, nhiệm vụ khó khăn đó đã được Đại tướng Võ Nguyên Giáp và toàn thể các lực lượng tại mặt trận Điện Biên Phủ thực hiện và thực hiện rất tốt.

1. Võ Nguyên Giáp. Điện Biên Phủ, Sdd, tr. 28

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.6, tr.535

3. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, t.14, tr.59

Sau đó, khi công việc chuẩn bị chiến dịch theo phương châm “đánh chắc tiến chắc” đã hoàn thành. Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư động viên cán bộ, chiến sĩ mặt trận Điện Biên Phủ và nhấn mạnh: “Các chú sắp ra mặt trận. Nhiệm vụ của các chú lần này rất to lớn, khó khăn nhưng rất vinh quang.” Ngày 13/3/1954, quân ta mở màn cuộc tấn công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Ngày 15/5/1954, Trung Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi điện cho cán bộ và chiến sĩ ở mặt trận Điện Biên Phủ và nhấn mạnh: “Chiến dịch này là một chiến dịch lịch sử của quân đội ta, ta đánh thắng chiến dịch này có ý nghĩa quân sự và chính trị quan trọng. Tuy nhiên, với thắng lợi ở trận đầu, Hồ Chí Minh cảnh trọng nhắc nhở: “Chớ vì thắng mà kiêu, chớ chủ quan khinh địch, phải luôn luôn sẵn sàng làm trọn nhiệm vụ.”

Trong khi đó, khi nói về triển vọng của cuộc chiến ở Điện Biên Phủ (tại Bộ não chỉ huy ở Việt Bắc), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói với nhà báo Úc Bớt Sét (Wilfred Burchett) vào một buổi chiều tháng 3/1954 như sau: Lòng chảo Điện Biên Phủ là “hình tượng một chiếc mũ lật ngược”, mà vành mũ là những dãy núi, còn phía dưới là thung lũng Điện Biên Phủ. Nơi dãy núi là nơi quân đội Việt Nam đang ở, còn phía thung lũng là nơi quân Pháp với những đội quân tinh nhuệ nhất đang chiếm đóng. Và Người kết luận chắc chắn rằng: “Họ sẽ không bao giờ ra được”¹.

Niềm tin của Người đã trở thành sự thật. Ngày 7/5/1954, lá cờ Quyết chiến Quyết thắng đã phất cao ở lòng chảo Điện Biên Phủ. Tinh thần gian khổ hy sinh, đoàn kết chiến đấu, quyết chiến quyết thắng của quân và dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ. Với thắng lợi vĩ đại này, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của quân và dân ta đã kết thúc, đồng thời mang lại cho chúng ta một vị thế mới trên bàn đàm phán của Hội nghị Giơnevơ.

Điện Biên Phủ là một bài ca chiến thắng của quân và dân ta, của tình đoàn kết đặc biệt, liên minh chiến đấu Việt- Lào, sự giúp đỡ đầy tinh thần trách nhiệm của đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc, và sự chi viện đầy tình nghĩa của những người anh em xã hội chủ nghĩa, Liên Xô, Trung Quốc. Chiến dịch Điện Biên Phủ đã kết thúc trong niềm vui sướng hân hoan của Việt Nam nói riêng, của nhân dân ba nước Đông Dương nói chung và trong nỗi ngậm ngùi của người Pháp và người Mỹ.

Để có được một “Điện Biên Phủ như là một cái móc chối lợi bằng vàng

1. U. Bớt sét: Hồi ký, Nxb. TTL, H. 1980, tr.254

của lịch sử. Nó ghi rõ nơi chủ nghĩa thực dân lặn xuống dốc và tan rã, đồng thời phong trào giải phóng dân tộc đang lên cao đến thắng lợi hoàn toàn”¹, và đó thực sự là một nghịch lý đau xót của Pháp và Mỹ ở Đông Dương, không thể không nhắc đến sự kế thừa truyền thống quân sự của cha ông ta trong lịch sử; tinh thần đoàn kết của quân dân Việt Nam, của nhân dân ba nước Đông Dương và vượt lên trên hết thảy, đó là một Hồ Chí Minh nhạy bén và chính xác trong từng quyết định. Người đã cùng Bộ Chính trị lãnh đạo nhân dân ta từ hậu phương đến tiền tuyến đồng tâm, đồng lòng, đồng sức trường kỳ kháng chiến, toàn dân, toàn diện kháng chiến; từng bước đưa thế trận chiến tranh nhân dân và nghệ thuật quân sự của dân tộc Việt Nam lên một đỉnh cao mới và đi đến kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh Đông Dương.

Một trong những thành công của Bộ chỉ huy tối cao (lãnh tụ Hồ Chí Minh, Bộ Chính trị) và Bộ Tư lệnh mặt trận do Đại tướng Võ Nguyên Giáp trực tiếp chỉ huy, góp phần làm nên thắng lợi vang dội này, chính là việc thấm nhuần nghệ thuật quân sự “đánh địch bằng mưu, đánh địch bằng thế”, “nhỏ đánh lớn phải dĩ nhu xử cương”, “lấy ít địch nhiều”, “lấy yếu đánh mạnh”, v.v.. trên một đất nước Việt Nam nhỏ bé (chiến trường hẹp), có truyền thống đoàn kết, yêu nước, có bề dày lịch sử chống ngoại xâm. Không chỉ có vậy, những bài học kinh nghiệm trong lịch sử dựng nước và giữ nước đã được vận dụng một cách linh hoạt, uyển chuyển và lời căn dặn sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh rằng “biết sức ta, biết sức địch thì trăm trận đều thắng” đã được thực hiện.

Bữa tiệc Điện Biên Phủ kết thúc, song góp phần làm phong phú thêm về thiên thần thoại Điện Biên Phủ chính là tác phẩm *Giấc ngủ mười năm* viết năm 1949 của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trong tác phẩm này, Người tiên đoán rằng “một trận khủng khiếp nhất”, trận đánh cuối cùng này sẽ là nơi tập trung lực lượng quân sự mạnh nhất, có quy mô lớn nhất, ác liệt nhất của cả hai bên nhằm mục tiêu kết thúc chiến tranh. Trong trận quyết chiến đó, nước Pháp đã nhận sự giúp đỡ của một nước khác. “Chúng tiếp được viện binh bằng máy bay... xét ra không phải máy bay của Pháp, mà của một nước ngoài”². Đó là điều kỳ lạ không chỉ với mỗi người đất Việt, điều kỳ lạ ấy đã trở thành bất ngờ với cả người Pháp và người Mỹ. Thực tế cho thấy, đằng sau thực dân Pháp là đế quốc Mỹ. Không chỉ công khai viện trợ cho Pháp, Mỹ ngày một can

1. C.B. Đ.X. T.L. Chiến sĩ. Trần Lực. Nói chuyện Mỹ, Nxb. QĐND, H. 1972. tr.295

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.5, tr. 619

thiệt sâu hơn vào cuộc chiến tranh Pháp - Việt và bị cuốn hút vào cuộc chiến tranh đó. Từ chỗ không quan tâm đến Việt Nam, thậm chí chỉ đứng đằng sau, chi viện, giúp đỡ Pháp can thiệp vào Đông Dương, Tổng thống Aisenhao đã bị cuốn hút vào cuộc chiến ở Điện Biên Phủ và Điện Biên Phủ chính là “khúc nhạc dạo đầu” cho trường ca chống Mỹ cứu nước kéo dài 21 năm sau đó.

Kết cục của sự lựa chọn đó là Việt Nam - Hồ Chí Minh - Điện Biên Phủ đã trở thành lịch sử, còn sự thảm bại của người Pháp, người Mỹ và sự liên minh giữa họ ở Điện Biên Phủ đã trở thành nghịch lý của một sự lựa chọn. Sau này, khi Hiệp định đình chỉ chiến sự, lập lại hoà bình ở Đông Dương 7/1954 được ký kết, khi ngang nhiên tuyên bố không bị ràng buộc bởi Hiệp định, trực tiếp nhảy vào Đông Dương, gây ra cuộc chiến tranh Việt - Mỹ kéo dài gần 1/4 thế kỷ, chính Hoa Kỳ cũng không ngờ rằng, giấc mộng của học thuyết Dominos và sự lựa chọn của họ trong cuộc chiến tranh Việt - Mỹ đã có *mầm thảm bại từ Điện Biên Phủ*. Điều này đã chứng minh rằng: “Nếu người Mỹ và người Pháp quan tâm sớm hơn để hiểu những lời kêu gọi của Người (Hồ Chí Minh), thì họ đã cứu được hàng triệu sinh mệnh và những tài sản vật chất cho họ và cho nhân dân Đông Dương”¹.

Cũng trong *Giấc ngủ mười năm*, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiên đoán: quân địch bị ta bao vây kín, “chúng không thể cứu viện được nhau, bị ta tiêu diệt gần hết”. “Kết quả trận ấy khủng khiếp thật, nhưng khủng khiếp cho giặc chứ không phải khủng khiếp cho ta”².

Tiếp đó, nói về sự kết thúc của chiến tranh, Người viết rằng: “Tin thất bại về đến Pháp, cả nước xôn xao, đòi lập tức giảng hoà với ta. Quốc hội Pháp đánh đổ chính phủ cũ, bầu ra chính phủ mới. Chính phủ này liền phái đại biểu qua thương lượng với Chính phủ ta”³.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp, vị Tổng tư lệnh mặt trận Điện Biên Phủ đã từng nhấn mạnh: Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân và dân ta đã giành thắng lợi ở Điện Biên Phủ, đã biến “cái không thể đã trở thành có thể”. Và những điều Hồ Chí Minh suy ngẫm, niềm tin tất thắng Người tiên liệu từ trong *Giấc ngủ mười năm* đã trở thành hiện thực sinh động tại Điện Biên Phủ. Tự tin và tự phụ khi đến Đông Dương, nhưng với Điện Biên Phủ, nói như Davít Halberstam, “một thời đại mới vừa mới chấm dứt đối với người Pháp ở Đông Dương trong mùa hè năm

1. Béc-na Đam. Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nam, Nxb.KHXH, H.1990, tr.63

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.5, tr. 619

3. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.5, tr. 619

1954 và một đế quốc đã sụp đổ, chỉ còn lại nỗi đau đớn phải thừa nhận”¹.

Thắng lợi quân sự của ta trong chiến dịch Đông - Xuân 1953-1954, và chiến thắng Điện Biên Phủ đã giáng đòn quyết định làm tan rã ý chí xâm lược của thực dân Pháp. Ngày 8-5-1954, Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương khai mạc. Phái đoàn ta do Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Văn Đồng làm Trưởng đoàn, bước vào bàn Hội nghị trong tư thế của người chiến thắng và tuyên bố một giải pháp hoàn chỉnh làm cơ sở cho việc thảo luận vấn đề lập lại hoà bình ở Việt Nam và Đông Dương. Đó là: Đình chỉ chiến sự đi đôi với giải pháp về chính trị cho Việt Nam, Lào và Campuchia, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước ở Đông Dương.

Tuy nhiên, cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao cũng rất gay go và quyết liệt. Ở Pháp, ngày 12-6-1954, Chính phủ Lanien bị đổ, Măngđex Phrăngxơ (Mandès - France), đại diện phái chủ hoà, làm Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao, đã dẫn đầu đoàn đại biểu Pháp sang Giơnevơ. Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố hoan nghênh nguyện vọng muốn mau chóng thực hiện ngừng bắn ở Đông Dương của ông M. Phrăngxơ, và từ ngày 3 đến 5-7-1954, tại Liễu Châu, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hội kiến với Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai, để cùng trao đổi về tình hình và phương án đấu tranh tại Hội nghị Giơnevơ.

Tiếp đó, từ ngày 13 đến 18-7-1954, Hội nghị Trung ương lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá II) họp. Hội nghị đã nghe và thảo luận hai Báo cáo *Về tình hình và nhiệm vụ mới* của Chủ tịch Hồ Chí Minh và *Để hoàn thành nhiệm vụ và đẩy mạnh công tác trước mắt* của đồng chí Trường Chinh. Hội nghị khẳng định: Đế quốc Mỹ đang trở thành kẻ thù chính và trực tiếp của cách mạng Đông Dương. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: mục đích bất di bất dịch của ta vẫn là hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ. Nguyên tắc của ta phải vững chắc, nhưng sách lược thì linh hoạt. Vì vậy, nhiệm vụ trước mắt của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân lúc này là tăng cường lực lượng quân sự, xây dựng quân đội nhân dân hùng mạnh, phù hợp với yêu cầu của tình hình mới; Tiếp tục thực hiện chính sách ruộng đất; Phục hồi và phát triển sản xuất, chuẩn bị điều kiện xây dựng đất nước.

Trong điều kiện các nước nhân nhượng với nhau, ngày 21-7-1954, Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương đã được ký kết. Các điều khoản của Hiệp

1. Davit Halberstam. Hồ, Nxb. Randon House, New York, 1971, Bản dịch lưu Bảo tàng Hồ Chí Minh, chương II, tr.1

định Giơnevơ quy định: Các nước thừa nhận và tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, Lào và Campuchia; ngừng bắn đồng thời trên toàn chiến trường Đông Dương, Pháp rút quân về nước; Vĩ tuyến 17 chỉ là ranh giới quân sự tạm thời giữa hai miền Nam - Bắc Việt Nam và sau hai năm sẽ tổng tuyển cử để thống nhất đất nước. Nội dung và tinh thần của Hiệp định đã không phản ánh đúng cục diện của chiến trường, tuy nhiên: đó cũng là một thắng lợi to lớn của nhân dân Việt Nam, đồng thời là thắng lợi của các lực lượng dân chủ trên thế giới đang đấu tranh cho tự do, hoà bình, công lý.

*

* *

Chiến thắng Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơnevơ năm 1954 không chỉ chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp trên bán đảo Đông Dương, mà còn góp phần quan trọng, mở đầu sự tan rã hoàn toàn của hệ thống thuộc địa của đế quốc Pháp, báo hiệu quá trình sụp đổ không thể đảo ngược được của chủ nghĩa thực dân cũ trên phạm vi thế giới. Thắng lợi của cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp xâm lược và bọn can thiệp Mỹ sau 9 năm kháng chiến, chứng tỏ sự chỉ đạo chiến lược đúng đắn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, cố gắng phi thường của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta và những tiến bộ vượt bậc của quân đội ta về quân sự, về tổ chức chỉ huy, về chiến đấu, về bảo đảm chiến đấu. Thắng lợi đó chứng minh thiên tài lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, những quyết định sáng tạo, linh hoạt và nhạy bén của Người, đồng thời khẳng định trí tuệ Việt Nam, tài thao lược và nghệ thuật chiến tranh nhân dân, quyết tâm và tin tưởng tiến đến thắng lợi cuối cùng của nhân dân Việt Nam trong cuộc chiến đấu bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc.

Là linh hồn của cuộc kháng chiến, là biểu tượng sáng ngời nhất của tinh thần quyết chiến quyết thắng của dân tộc, Hồ Chí Minh đã quy tụ được sức mạnh của dân tộc và sức mạnh của thời đại, đồng tâm, hiệp lực cùng Đảng, Chính phủ, Quốc hội lãnh đạo nhân dân ta kiên quyết đấu tranh, chia thắng vào kẻ thù, khiến cho chúng luôn luôn bị động bất ngờ và thất bại. Dưới sự lãnh đạo của Người và Trung ương Đảng, sức mạnh nội lực của nhân dân ta được nhân lên gấp bội, càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng.

Đánh giá về ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là

một thắng lợi của các lực lượng hoà bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên thế giới”¹. Và thắng lợi của nhân dân Việt Nam đã làm sáng tỏ một chân lý của thời đại ngày nay là: Một dân tộc dù nhỏ nhưng đoàn kết chặt chẽ, kiên quyết chiến đấu theo đường lối cách mạng đúng đắn thì có thể đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, dù đó là quân đội nhà nghề, thiện chiến, được trang bị hiện đại. “Việt Nam - Điện Biên Phủ - Hồ Chí Minh” trở thành niềm tự hào, niềm tin tưởng và khẩu hiệu chiến đấu của tất cả các dân tộc đang đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng.

Bản sao lưu trữ

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.10, tr. 12.

**LÃNH ĐẠO SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
Ở MIỀN BẮC VÀ ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG MIỀN NAM,
THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1954 -1969)**

Sau 9 năm trường kỳ kháng chiến, cuộc trường chinh chống thực dân Pháp thắng lợi đã mở ra một giai đoạn mới trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Hoà bình được lập lại ở Đông Dương. Miền Bắc Việt Nam được hoàn toàn giải phóng, còn ở Miền Nam, đế quốc Mỹ hất cẳng thực dân Pháp, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ, chuẩn bị gây lại chiến tranh, tiến công nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và các nước Xã hội chủ nghĩa.

Trong bối cảnh đó, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng trở thành kẻ thù chính, nguy hiểm nhất và hung ác nhất của toàn dân ta. Cũng trước tình hình mới, từ điều kiện cụ thể của nước nhà, từ khát vọng và kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Người và Trung ương Đảng đã nêu lên hai nhiệm vụ chiến lược phải đồng thời tiến hành, đó là xây dựng miền Bắc, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước. Cả hai nhiệm vụ đó đều nhằm củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập, dân chủ, và thiết thực tăng cường hệ thống xã hội chủ nghĩa, bảo vệ hoà bình ở Đông Nam châu Á và thế giới.

Trong niềm vui miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng chuẩn bị trở về Thủ đô. Ngày 19-9-1954, trên đường về Hà Nội, Người ghé thăm Đền Hùng, gặp gỡ và nói chuyện với cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn quân Tiên phong chuẩn bị về tiếp quản Thủ đô. Tại Đền Giếng, Người căn dặn: *"Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước."*

Ngày 14-10-1954, Người về tới Hà Nội, và dù bận nhiều công việc đối nội và đối ngoại, Người vẫn dành thời gian tiếp đón và đi thăm các tầng lớp nhân dân, các đơn vị bộ đội, đặc biệt là đồng bào và chiến sĩ miền Nam vừa mới tập kết ra Bắc. Ngày 31-12-1954, dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ đến đặt vòng hoa tại Đài liệt sỹ Hà Nội, Người kính cẩn nghiêng mình trước anh linh của các liệt sỹ và nói: Các liệt sỹ đã hy sinh, nhưng công trạng to lớn của các liệt sỹ đã ghi sâu vào lòng dạ của toàn dân

và non sông đất nước. Máu nóng của các liệt sĩ đã nhuộm lá Quốc kỳ và vang càng thêm thắm đỏ. Tiếng thom của các liệt sĩ sẽ muôn đời lưu truyền với sử xanh, và Tổ quốc sẽ đời đời không quên họ.”

Tham dự lễ của 25 vạn đồng bào Hà Nội tại quảng trường Ba Đình, chào mừng Trung ương Đảng, Chính phủ và Bác Hồ trở về Thủ đô, trong diễn văn đọc tại cuộc mít tinh, Người khẳng định: “Nam Bắc là một nhà, là anh em ruột thịt, quyết không thể chia cắt được.” Người đồng thời nêu những nhiệm vụ trước mắt của nhân dân ta nhằm kiên quyết thi hành những điều khoản của Hiệp định đình chiến, khôi phục kinh tế, củng cố quốc phòng, tiếp tục cải cách ruộng đất, thực hiện người cày có ruộng nhằm củng cố hoà bình, tiến tới thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

Tập trung củng cố miền Bắc về mọi mặt, vì “miền Bắc là nền tảng, là gốc rễ lực lượng đấu tranh của toàn dân ta”¹, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh việc trước hết phải khôi phục và nâng cao sản xuất nông nghiệp, để “làm cho đồng bào nông dân ấm no, để cung cấp cho quân đội, để đảm bảo tiếp tế cho các thành thị, để đẩy mạnh việc khôi phục kinh tế nước nhà”². Người từng nói: dân lấy ăn làm trời, nếu không có ăn là không có trời, nên “chính sách của Đảng và Chính phủ là *phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân*. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi”³. Vì vậy, Người đã phát động phong trào thi đua sản xuất và tiết kiệm mùa xuân. kêu gọi cấy lúa xuân, trồng các loại hoa màu ngắn ngày để cứu đói...

Để tiếp tục hoàn thành Cải cách ruộng đất, xoá bỏ tàn tích phong kiến, xây dựng đời sống mới, đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, thực hiện khẩu hiệu “người cày có ruộng”, Đảng và Chính phủ đã quyết định tiến hành cải cách ruộng đất đợt 5, đợt cuối cùng của cuộc đấu tranh xoá bỏ giai cấp phong kiến ở miền Bắc. Sau gần nửa năm tiến hành khẩn trương và gian khổ, cải cách ruộng đất đợt 5 đã căn bản hoàn thành ở đồng bằng, trung du và 280 xã miền núi. Thắng lợi đó đã tạo điều kiện cho đồng bào nông thôn ta xây dựng cuộc đời ấm no, góp phần xứng đáng vào công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế, củng cố miền Bắc, để miền Bắc trở thành cơ sở vững mạnh, góp phần cùng đồng bào miền Nam trong cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 8, tr. 71.

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 7, tr. 461.

3. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 7, tr. 572.

Tuy nhiên trong quá trình tổ chức thực hiện cải cách ruộng đất, một số sai lầm nghiêm trọng, phổ biến, kéo dài về nhiều mặt như: sai lầm về những nguyên tắc, trái với chính sách của Đảng, trái với nguyên tắc và điều lệ của một đảng mác xít, trái với chế độ pháp luật của Nhà nước dân chủ nhân dân.v.v..đã gây bầu không khí căng thẳng ở nông thôn, làm ảnh hưởng và tổn thất rất lớn cho tổ chức Đảng cơ sở và chính quyền, các tổ chức quần chúng các vùng nông thôn.

Trước tình hình đó, thực hiện chủ trương của Đảng và nghị quyết của Quốc hội, việc tiếp tục hoàn thành Cải cách ruộng đất, kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong quá trình thi hành Luật cải cách ruộng đất và sửa sai ở miền Bắc đã được tiến hành. Hội nghị lần thứ 10 Ban chấp hành Trung ương Đảng họp (9/1956), nghiêm khắc kiểm điểm những sai lầm trong lãnh đạo, trong quá trình tổ chức thực hiện Cải cách ruộng đất. Hội nghị nhận định: ở các vùng đồng bằng, trung du, Cải cách ruộng đất đã căn bản hoàn thành, nhưng cũng đã phạm không ít những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài như: không biết tuyên truyền, không chấp hành đúng chính sách về phân định thành phần khi thực hiện Cải cách ruộng đất, bắt bớ bừa bãi, quy sai thành phần, bắt nhầm cả người tốt, thậm chí có nơi giã tào ra tài liệu để bắt người,v.v..

Chế độ pháp trị đã bị vi phạm, việc bắt giam, xử tử, và để cho các đội, các đoàn công tác quyền hành quá rộng đã dẫn đến xâm phạm quyền tự do dân chủ của nhân dân: “Nghiêm trọng hơn nữa là đại biểu Quốc hội cũng bị bắt một cách trái phép... không những thế nhiều người bị giết oan (nhất là đảng viên, cán bộ của ta), nhiều gia đình ủng hộ cách mạng, ủng hộ kháng chiến bị đả kích mạnh mẽ, nhiều người bị oan ức mà tự tử; đó là một tổn thương lớn cho Đảng ta từ trước đến nay”¹. Từ thực tế đó, Hội nghị đã công khai phê bình trước toàn Đảng, toàn dân và xử lý kỷ luật một số cán bộ lãnh đạo của Đảng giữ vai trò chủ yếu trong quá trình tiến hành Cải cách ruộng đất. Tiếp đó, Hội đồng Chính phủ họp vào hạ tuần tháng 10/1956, kiểm điểm việc tổ chức thực hiện Luật Cải cách ruộng đất cũng khẳng định: “Luật cải cách ruộng đất hợp tình hợp lý do Quốc hội thông qua không được chấp hành nghiêm chỉnh. Pháp luật nhà nước không được tôn trọng. Chế độ pháp trị dân chủ bị xâm phạm”².

Việc không chấp hành nghiêm chỉnh đạo luật quan trọng này, việc không củng cố được chi bộ Đảng ở cơ sở, cùng nhiều khiếm khuyết trong

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, t.17, tr. 522

2. Trần Đức Cường, Lịch sử Chính phủ Việt Nam, Nxb. CTQG, H, 2006, t.2, tr. 25

quá trình tổ chức thực hiện Cải cách ruộng đất đã tạo ra những sai lầm nghiêm trọng, gây tổn thất trong nhân dân. Sự không nghiêm túc thực hiện đúng mục đích, nội dung và ý nghĩa nhân đạo của *Luật cải cách ruộng đất* đã đụng chạm đến tình cảm và đời sống bình thường của nhân dân, có hại cho chính sách đại đoàn kết của Mặt trận dân tộc thống nhất. Những khuyết điểm đau lòng ấy, làm "hạn chế những kết quả đã thu được trong cải cách ruộng đất và gây ra cho chúng ta nhiều khó khăn.

Đặc biệt quan tâm đến vấn đề quan trọng này, tại kỳ họp thứ 6 từ ngày 29/12/1956 đến ngày 25/1/1957, Quốc hội khoá I đã nghe và thảo luận nội dung báo cáo về nhiệm vụ Cải cách ruộng đất của Chính phủ. Chính phủ đã kiểm điểm trước Quốc hội những sai lầm, thiếu sót trong quá trình tổ chức thực hiện Cải cách ruộng đất. Với tinh thần tự phê bình nghiêm khắc, nhận trách nhiệm trước Quốc hội, trước đồng bào về những sai lầm của Chính phủ mà Ủy ban Cải cách ruộng đất đã trực tiếp phạm phải, Chính phủ có quyết định thay đổi về mặt tổ chức và quyết định thi hành kỷ luật một số cán bộ trực tiếp chỉ đạo Cải cách ruộng đất trong Ủy ban Cải cách ruộng đất của Trung ương, đồng thời đề ra kế hoạch sửa chữa sai lầm với một tinh thần kiên quyết, khẩn trương, có trọng điểm, có chỉ đạo chặt chẽ.

Cùng với việc thảo luận, chân tình góp ý kiến xây dựng, Quốc hội đã nhất trí ra nghị quyết về công tác Cải cách ruộng đất, tán thành cách đánh giá của Chính phủ về thành tích, khuyết điểm, sai lầm trong Cải cách ruộng đất và những biện pháp để sửa sai. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, những sai lầm trong quá trình thực hiện Cải cách ruộng đất là tổn thất nghiêm trọng, trái với quy định đã ghi trong *Luật cải cách ruộng đất* mà Quốc hội đã thông qua, trái với chế độ dân chủ và hệ thống pháp luật dân chủ của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, với chính sách của Mặt trận Tổ quốc, và đặc biệt là thực hiện không đúng đường lối giai cấp ở nông thôn của Đảng. Vì vậy, Người đã chỉ đạo Chính phủ tiến hành sửa chữa sai lầm trong Cải cách ruộng đất một cách khẩn trương, từng bước và có trọng điểm.

Sau đó, tiếp thu sâu sắc những ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong quá trình sửa sai, sự đồng lòng, đồng thuận trong việc khắc phục những sai lầm của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và nhân dân ta đã làm giảm bớt những nỗi đau trong Cải cách ruộng đất, củng cố niềm tin tưởng của nhân dân cả nước vào đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước. Trực tiếp theo dõi và kịp thời uốn nắn trong quá trình tiến hành sửa sai, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thủ tướng Chính phủ đã có những cuộc tiếp xúc với nhân dân, trả lời phỏng vấn các vấn đề liên quan đến chế

độ dân chủ nhân dân, quyền hạn và nhiệm vụ của chính quyền dân chủ nhân dân, v. v.. Tất cả những việc làm này đã góp phần ổn định tư tưởng, tránh tình trạng náo loạn về chính trị ở các vùng nông thôn. Những nỗ lực của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ đã từng bước làm giảm thiểu những sai lầm trong quá trình tổ chức thực hiện Cải cách ruộng đất.

Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ cũng đã động viên nhân dân, cán bộ, đảng viên và cả các đại biểu Quốc hội bị xử lý oan, bị xâm phạm danh dự, tài sản trong Cải cách ruộng đất đã vì lợi ích của nhân dân, của dân tộc không vì sai lầm khuyết điểm mà bi quan, “trái lại vẫn giữ vững lòng tin tưởng vào Đảng và Chính phủ”. Quyết định kịp thời và việc thực hiện về sửa chữa sai lầm, khuyết điểm trong Cải cách ruộng đất của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ góp phần làm dịu tình hình, ổn định đời sống ở nông thôn, ổn định lòng dân, thực hiện sự đoàn kết giữa cán bộ cũ và mới. Tiếp đó, cùng với việc đem lại ruộng đất cho nông dân là việc đấu tranh và Chính phủ thực hiện cuộc vận động và đưa nông dân vào các tổ đổi công, bước đầu của lối làm ăn tập thể.

Khi tình hình ở nông thôn đi vào ổn định, Người kêu gọi nhân dân ta hãy cùng nhau thi đua sản xuất và tiết kiệm để xây dựng đất nước. Tháng 4-1956, tại Hội nghị tổng kết công tác nông lâm ngư nghiệp, Người nói: “Muốn sản xuất tốt, phải xây dựng tổ đổi công cho tốt. Cần tăng cường số lượng và nhất là củng cố chất lượng tổ đổi công, bởi đây cũng là một hình thức dễ tiến dần lên xã hội chủ nghĩa.” Và cùng với việc phát triển nông nghiệp, Người cùng Đảng và Chính phủ đặc biệt quan tâm đẩy mạnh và phát triển công nghiệp, bởi theo Người: dùng máy móc trong sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, sẽ làm cho năng suất lao động lên cao, góp phần không ngừng nâng cao đời sống cho nhân dân lao động. Tuy nhiên, cũng theo Người, để làm được như vậy thì công nhân phải là người chủ và phải hiểu rằng cần phải học hỏi, thi đua sản xuất, để tăng năng suất, tăng chất lượng, hạ giá thành. Tóm lại là “phải làm mau, làm tốt, làm rẻ, làm nhiều” và thực hành tiết kiệm, tiết kiệm thì giờ, nguyên vật liệu, máy móc và cần phải thực hiện nguyên tắc phân phối theo sức lao động, theo mức sản xuất và chất lượng sản xuất, đó là “làm tốt, làm nhiều: hưởng nhiều, làm xấu, làm ít: hưởng ít”¹.

Người đã đi thăm và tìm hiểu tình hình sản xuất cũng như đời sống của cán bộ, công nhân các cơ sở sản xuất, nhà máy, xí nghiệp, khu mỏ của các tỉnh Hải Phòng, Hồng Quảng, Nam Định, Lào Cai, Phú Thọ, Nghệ An, Hà Nội, v.v..Người đến thăm triển lãm nông nghiệp toàn quốc; thăm Hội

1. Hồ Chí Minh Toàn tập. Sdd. t. 8. tr. 338.

ng nghị tổng kết cải cách ruộng đất đợt 5, v.v.. và gửi nhiều thư cho đồng bào Hồng Quảng, cho nhân dân huyện Mỹ Đức, Hà Đông, .v.v.. Những lời phát biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh, những lời căn dặn của Người trong những chuyến đi thăm. những lần đến dự các cuộc họp, các hội nghị, đã cổ vũ, động viên nhân dân ta trong lao động sản xuất, học tập và công tác, góp phần vào những thành tích của nhân dân miền Bắc.

Đi đôi với việc lãnh đạo khôi phục kinh tế, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chú trọng tới việc chỉ đạo phát triển nền văn hoá nước nhà. Người đã đi thăm một số trường phổ thông, các lớp bổ túc văn hoá, bình dân học vụ. đặc biệt quan tâm đến sự nghiệp giáo dục, Người chỉ rõ mối quan hệ mật thiết giữa kinh tế với giáo dục: “Giáo dục phải cung cấp cán bộ cho kinh tế. Kinh tế tiến bộ thì giáo dục mới tiến bộ được... Giáo dục không phát triển thì không đủ cán bộ giúp cho kinh tế phát triển”¹, và căn dặn: Các thầy cô giáo và học sinh phải tìm cách dạy và học, sao cho phù hợp với nhu cầu của dân tộc, của Nhà nước. Cũng theo Người, thầy dạy tốt, trò học tốt, cung cấp đủ cán bộ cho nông nghiệp, công nghiệp, cho các ngành kinh tế và văn hoá, thì đó là nhiệm vụ vẻ vang, đồng thời cũng là vinh dự của các thầy giáo, cô giáo.

Nhấn mạnh đến tầm quan trọng của công tác giáo dục, để giáo dục ngày càng phát triển và phát huy được vai trò to lớn trong sự nghiệp xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, thiết thực phục vụ công cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây. Vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”, và đây không chỉ là mục tiêu, mà còn là trách nhiệm nặng nề, nhưng rất vẻ vang của chiến lược con người, của nhiệm vụ trọng yếu đào tạo thế hệ cách mạng cho tương lai của nước nhà.

Tháng 2-1957, nói chuyện với Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ II, Người khẳng định những đóng góp to lớn của các văn nghệ sĩ đối với cách mạng, kháng chiến và trong xây dựng hoà bình, như đời sống văn hoá của nhân dân đã nâng cao một bước, tàn tích văn hoá xấu của chế độ cũ đã bị tẩy trừ dần. Theo Người, một nền văn hoá mới đang được xây dựng, nhưng vẫn còn không ít những thiếu sót như: văn hoá mới có bề rộng, chưa có bề sâu; nặng về mặt giải trí mà còn nhẹ về mặt nâng cao tri thức của quần chúng. Trong khi đó, “việc phát huy vốn cũ quý báu của dân tộc (nhưng tránh “phục cổ” một cách máy móc) và học tập văn hoá tiên tiến của các nước (trước hết là các nước bạn) cũng chưa làm được nhiều”². Vì vậy,

1. Hồ Chí Minh Toàn tập. Sdd. t. 8. tr. 137-138.

2. Hồ Chí Minh Toàn tập. Sdd. t. 8. tr. 326.

Người nhấn mạnh: Các văn nghệ sĩ muốn hoàn thành tốt nhiệm vụ thì phải học tập, phải “trau dồi tư tưởng, trau dồi nghệ thuật, đi sâu vào quần chúng. Phải đi sát sự thực. Và trong lúc tiến tới thì chúng ta phải trau dồi đạo đức cách mạng, trước hết là đức khiêm tốn”¹.

Quan tâm đến việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, trong Thư gửi Hội nghị cán bộ y tế (2-1955), Người căn dặn: Chính phủ phó thác cho các cô, các chú việc chữa bệnh tật và giữ sức khỏe cho đồng bào, vì vậy, cán bộ cần phải thương yêu, săn sóc người bệnh như anh em ruột thịt của mình, và “Lương y phải như từ mẫu”².

Không chỉ quan tâm đến việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, Người cùng Đảng và Chính phủ còn quan tâm tới việc củng cố, xây dựng và phát triển quân đội và công an nhân dân nhằm bảo vệ đời sống yên bình của nhân dân; bảo vệ nền độc lập của dân tộc, giữ gìn hoà bình, chống thù trong giặc ngoài, chống bọn phá hoại và làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh thống nhất đất nước. Người từng nói, công an thì phải đánh địch thường xuyên, lúc chiến tranh có việc, lúc hoà bình lại càng nhiều việc. Còn chủ nghĩa đế quốc, còn giai cấp bóc lột là còn bọn phá hoại, nên muốn làm tròn nhiệm vụ, công an phải nắm vững đường lối, chính sách của Đảng và của Chính phủ, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân và phải biết dựa vào dân.

Ngày 5-4-1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Trường Sĩ quan Lục quân. Người nêu hai nhiệm vụ trước mắt của quân đội, đó là xây dựng quân đội nhân dân ngày càng hùng mạnh và sẵn sàng chiến đấu và thiết thực tham gia lao động sản xuất để góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người tặng nhà trường 100 huy hiệu để làm giải thưởng cho những học viên đạt được những thành tích cao trong học tập. Năm 1959, trong lễ phong quân hàm cấp tướng cho một số cán bộ cao cấp trong quân đội, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Các đồng chí cần phải trau dồi đạo đức cách mạng, khiêm tốn, giản dị, gần gũi quần chúng và gương mẫu về mọi mặt. Dù ở cương vị nào, chúng ta cũng đều phải cố gắng để xứng đáng là người dày tớ trung thành và tận tụy của nhân dân”³. Sau đó, nhân dịp kỷ niệm 15 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22-12-1959), Người gửi thư chúc mừng toàn thể cán bộ và chiến sĩ, khen ngợi những thành tích đã đạt được trong 15 năm qua và căn dặn: Phải nâng cao trình độ

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 8, tr. 325.

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 7, tr. 476.

3. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 9, tr. 496.

chính trị, kỹ thuật và văn hoá, ra sức công tác và lao động tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm; Phải trau dồi đạo đức cách mạng, đoàn kết, khiêm tốn, hết lòng vì Đảng, vì dân; Phải nâng cao chí khí chiến đấu, luôn luôn sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ hoà bình.

Để tiến hành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, ngày 3-12-1957, Người chủ toạ phiên họp cuối năm của Hội đồng Chính phủ bàn việc tổng kết kế hoạch 1957 và kế hoạch 3 năm (1958 -1960), nhằm: Đưa miền Bắc vào thời kỳ mới, thời kỳ cải tạo và bước đầu phát triển kinh tế và văn hoá. Từ ngày 13 đến 19-11-1958, Người dự Hội nghị Trung ương 14 bàn về tình hình, nhiệm vụ và kế hoạch Nhà nước 3 năm (1958-1960) và tổng kết cải cách ruộng đất. Tiếp đó, Người dự Hội nghị Trung ương 16 (25 đến 30-4-1959) bàn về vấn đề hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Bắc, về cải cách dân chủ ở miền núi và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh, v.v..

Thông qua những lời phát biểu tại các hội nghị, các bài viết, bài nói thời kỳ này, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng đã làm rõ hơn những nội dung cụ thể về đường lối, nhiệm vụ chiến lược và mối quan hệ chặt chẽ giữa hai nhiệm vụ chiến lược được đồng thời tiến hành ở hai miền Nam Bắc, đó là: “Xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công thì đấu tranh thống nhất nước nhà nhất định thắng lợi”¹.

Kế hoạch 3 năm cải tạo và bước đầu phát triển kinh tế - văn hoá 1958 -1960 của Chính phủ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 14 đã được Quốc hội khoá I thông qua. Đường lối chung tiến lên chủ nghĩa xã hội do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khoá I (18-12-1959) đã khẳng định: “Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tiến dần từ chế độ dân chủ nhân dân lên chủ nghĩa xã hội bằng cách phát triển và cải tạo nền kinh tế quốc dân theo chủ nghĩa xã hội, biến nền kinh tế lạc hậu thành một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến”². Thật giản dị, những cũng rất rõ ràng, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: Mục đích của chủ nghĩa xã hội là làm cho mọi người dân sung sướng ấm no, vì vậy muốn đạt mục đích đó, “trước hết phải tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm”³.

Việc cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, phong trào hợp tác hoá nông nghiệp được tiến hành từng bước vững chắc, đi từ thấp đến cao.

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd. t. 10, tr. 64.

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd. t. 9, tr. 588.

3. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd. t.10, tr. 31.

Cho đến cuối năm 1960, công cuộc hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Bắc về căn bản đã hoàn thành. Song song với phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, việc cải tạo xã hội chủ nghĩa với những người làm nghề thủ công, buôn bán nhỏ, với các nhà tư sản công thương và tư sản dân tộc... đã được triển khai và thu được những thành tựu đáng kể, góp phần hoàn thành kế hoạch Nhà nước 3 năm (1958-1960).

Tối ngày 5-1-1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến dự và đọc lời khai mạc tại lễ kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng. Người tổng kết quá trình rèn luyện, phấn đấu của Đảng ta trong việc lãnh đạo nhân dân ta anh dũng chiến đấu chống giặc ngoại xâm, giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà trong 30 năm và khẳng định: "Với tất cả tinh thần khiêm tốn của người cách mạng, chúng ta vẫn có quyền nói rằng:

Đảng ta thật là vĩ đại!
Đảng ta vĩ đại như biển rộng, như núi cao,
Ba mươi năm phấn đấu và thắng lợi biết bao nhiêu tình.
Đảng ta là đạo đức, là văn minh,
Là thống nhất, độc lập, là hoà bình ấm no.
Công ơn Đảng thật là to,
Ba mươi năm lịch sử Đảng là cả một pho lịch sử bằng vàng"¹

Sau đó, Người đọc diễn văn bế mạc lễ kỷ niệm 15 năm ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (1-9-1960) và khẳng định: Với tinh thần hăng hái thi đua yêu nước của toàn dân ta, với sự giúp đỡ vô tư của các nước anh em thì công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nhất định thắng lợi và sự nghiệp hoà bình thống nhất đất nước nhất định thành công." Đặc biệt, cũng trong bản thảo của diễn văn này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dự báo thiên tài rằng: "Toàn dân ta đoàn kết nhất trí, bên bỉ đấu tranh thì chậm lắm là 15 năm nữa tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất, Bắc Nam nhất định sẽ xum họp một nhà"².

Tiếp đó, trong không khí vui mừng kỷ niệm 15 năm thành lập nước, ngày 5-9-1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam khai mạc tại Hà Nội. Hơn 500 đại biểu thay mặt cho 50 vạn đảng viên trong cả nước, tiêu biểu cho truyền thống đấu tranh anh dũng của Đảng ta trong 30 năm qua cùng đại biểu các Đảng Cộng sản anh em:

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 10, tr. 5.

2. Hồ Chí Minh, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh

Liên Xô, Trung Quốc, Anbani, Bungari, Ba Lan, Đảng Xã hội thống nhất Đức, Hunggari, Mông Cổ, Rumani, và Triều Tiên đã tham dự Đại hội.

Tại Đại hội, Người đọc Diễn văn khai mạc, tổng kết những thành tựu to lớn mà Đảng ta đã đạt được trong kháng chiến và kiến quốc trong hơn chín năm qua. Trong điều kiện miền Nam vẫn còn phải sống trong ách thống trị tàn bạo của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, đã thành công trong công cuộc khôi phục kinh tế và đang hoàn thành thắng lợi kế hoạch 3 năm phát triển kinh tế và văn hoá và ngày càng củng cố thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà, những Văn kiện của Đại hội Đảng lần thứ III có một ý nghĩa quan trọng đối với cách mạng Việt Nam, vì đây là “*Đại hội xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hoà bình thống nhất nước nhà*”.

Tại Đại hội, Người được bầu lại làm Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng và đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đại hội lần thứ III của Đảng đánh dấu một bước phát triển quan trọng trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Sau đó, để cụ thể hoá con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng Ban Chấp hành Trung ương Đảng liên tiếp mở các Hội nghị Trung ương bàn sâu từng chuyên đề: về phát triển nông nghiệp (7-1961), về phát triển công nghiệp (4-1962), về kế hoạch nhà nước (4-1963), về lưu thông phân phối và giá cả (12-1964).

Từ chiến tranh chuyển sang hoà bình, từ chiến khu gian khổ trở về thành phố, một số cán bộ, đảng viên bắt đầu có tư tưởng ngại khó, ngại khổ, muốn nghỉ ngơi, hưởng thụ. Nhận thức rõ những gian nan, trắc trở, những khó khăn phức tạp của chặng đường trước mắt, và sớm tiên liệu được tình hình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết tác phẩm *Đạo đức cách mạng*, tháng 12/1958 khẳng định vai trò quan trọng của đạo đức cách mạng, chỉ rõ kẻ thù, những nguy cơ của đạo đức cách mạng, đồng thời nêu rõ những biện pháp để ngăn ngừa và sửa chữa căn bệnh đó.

Mở đầu tác phẩm, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói về lịch sử cuộc đấu tranh của con người với giới tự nhiên và lao động sản xuất để sinh tồn. Khẳng định vai trò sức mạnh của số đông, của tập thể, của xã hội, Người nhấn mạnh: “Trong thời đại văn minh, mọi việc càng phải dựa vào lực lượng của tập thể, của xã hội. Do đó, *chủ nghĩa cá nhân* là trái ngược với *chủ nghĩa tập thể* và chủ nghĩa tập thể, chủ nghĩa xã hội nhất định thắng, chủ nghĩa cá nhân nhất định phải tiêu diệt”¹. Đồng thời, Người cũng

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.9, tr. 282

khẳng định: Sự phát triển của các phương thức sản xuất, và sự tiến bộ của xã hội loài người từ công xã nguyên thủy đến cộng sản chủ nghĩa là một tất yếu khách quan. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của lịch sử, xã hội xuất hiện giai cấp, cuộc đấu tranh giai cấp giữa những người bị bóc lột và những kẻ bóc lột, giữa “bọn phong kiến địa chủ, bọn tư bản và đế quốc” và “những tầng lớp người khác, nhất là công nhân và nông dân” ngày càng quyết liệt. Vì vậy, để giành lấy thắng lợi trong cuộc đấu tranh đó, cách mạng nhất định phải do giai cấp công nhân và đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản lãnh đạo, vì đó là giai cấp tiên tiến nhất, giác ngộ nhất, kiên quyết nhất, có kỷ luật nhất và tổ chức chặt chẽ nhất. Điều này đã được lịch sử chứng minh.

Nói về vai trò của đạo đức cách mạng và kẻ thù của đạo đức cách mạng, và nhận thức rõ tính chất quyết liệt, cam go của cuộc đấu tranh giai cấp. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: Làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Vì vậy người cách mạng cần phải có đạo đức cách mạng, vì “sức có mệnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có *đạo đức cách mạng* làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang”¹.

Đề cao vai trò của đạo đức cách mạng, Người nhấn mạnh: Người có đạo đức cách mạng thì khi gặp khó khăn, gian khổ, thất bại, cũng không sợ sệt, rụt rè, lùi bước, vì lợi ích chung mà không ngần ngại hy sinh tất cả lợi ích riêng của cá nhân mình, thậm chí sẵn sàng hy sinh cả tính mạng của mình và “đó là biểu hiện rất rõ rệt, rất cao quý của đạo đức cách mạng”². Đạo đức cách mạng giúp mỗi người khi gặp thuận lợi và thành công cũng vẫn giữ vững tinh thần gian khổ, chất phác, khiêm tốn, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”, không lo kèn cựa về mặt hưởng thụ, không công thần, không quan liêu, không kiêu ngạo, không hủ hoá, v.v...

Trong cuộc đấu tranh vì độc lập tự do của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân, Người khẳng định: đã có rất nhiều những người con ưu tú của Đảng như Trần Phú, Ngô Gia Tự, Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Hoàng Văn Thụ, Nguyễn Thị Minh Khai, v.v đã vì dân, vì Đảng mà oanh liệt hy sinh, nêu gương chói lọi của đạo đức cách mạng, chí công vô tư, thực sự “quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng”; luôn “đặt lợi ích của Đảng và của nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđ d, t.9, tr. 283

2 Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđ d, t.9, tr. 284

riêng của cá nhân mình, v.v.. “ra sức học tập chủ nghĩa Mác-Lênin, luôn luôn dùng tự phê bình và phê bình để nâng cao tư tưởng và cải tiến công tác của mình và cùng đồng chí mình tiến bộ”¹.

Cũng theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, mỗi người cách mạng phải hiểu sâu sắc rằng: Đảng ta là một đội ngũ tiên tiến nhất và tổ chức chặt chẽ nhất của giai cấp công nhân, đồng thời là người lãnh đạo cách mạng. Cán bộ đảng viên phải nhận thức rõ sứ mệnh lịch sử vừa cải tạo thế giới và nhiệm vụ tự cải tạo bản thân mình, vì vậy, Người nêu rõ: Trong bối cảnh nhân dân miền Bắc tiến hành cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ tiến lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời chi viện cho miền Nam tiếp tục cuộc đấu tranh giải phóng, hơn bao giờ hết, càng cần phải có những người cách mạng, thấm nhuần đạo đức cách mạng cần kiệm liêm chính, chí công vô tư.

Vạch rõ tên của từng kẻ địch, chỉ rõ mối quan hệ, liên minh giữa chúng, Người nhấn mạnh: *chủ nghĩa tư bản và bọn đế quốc, thói quen và truyền thống lạc hậu*, là hai kẻ địch nguy hiểm. *Còn chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng tiểu tư sản thường xuyên ẩn nấp trong mỗi con người*, là đồng minh của hai kẻ địch kia, luôn sẵn sàng chờ dịp ngóc đầu dậy, dè bẹp ý chí cách mạng của mỗi người. Là Người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, Người hiểu sâu sắc rằng, dù là tập thể của những con người tiên phong nhất, song Đảng cũng là một thực thể xã hội và mỗi cán bộ đảng viên của Đảng cũng là những con người cụ thể. Đặc biệt hơn, là một Đảng kiểu mới được xây dựng và phát triển ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, những cán bộ đảng viên của Đảng, vốn sinh trưởng trong xã hội cũ, nên thường mang trong mình hoặc nhiều, hoặc ít vết tích xấu xa của xã hội đó về tư tưởng, về thói quen... Đó là những “vết tích xấu nhất và nguy hiểm nhất của xã hội cũ”, đó chính là chủ nghĩa cá nhân”, là trái ngược với đạo đức cách mạng, và nếu còn lại trong mình, “dù là ít thôi, thì nó sẽ chờ dịp để phát triển, để che lấp đạo đức cách mạng, để ngăn trở ta một lòng một dạ đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: Chủ nghĩa cá nhân là một thứ rất gian xảo, xảo quyệt; nó khéo dỗ dành người ta đi xuống dốc. Mà ai cũng biết rằng xuống dốc thì dễ hơn lên dốc. Vì thế mà càng nguy hiểm, và đó là kẻ thù của đạo đức cách mạng. Mục đích trước mắt của Đảng ta là lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh để đưa miền Bắc tiến dần lên Chủ nghĩa xã hội và thực hiện thống nhất nước nhà, xây dựng một nước Việt Nam “không còn ai bị bóc lột, trong đó mọi người được sung sướng, ấm no”. Để giành được

1. Hồ Chí Minh, Sđ d, t.9, tr. 285

thắng lợi trong chặng đường đầy chông gai, trắc trở này, mỗi cán bộ đảng viên của Đảng phải thấm nhuần và thường xuyên tu dưỡng đạo đức, hết sức trung thành phục vụ giai cấp công nhân và nông dân lao động.

Người nhấn mạnh: Đạo đức cách mạng “là vô luận trong hoàn cảnh nào, cũng phải quyết tâm đấu tranh, chống mọi kẻ địch, luôn luôn cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, quyết không chịu khuất phục, không chịu cúi đầu”. Theo Người, lời nói và việc làm của đảng viên rất quan hệ đến sự nghiệp cách mạng, vì nó ảnh hưởng lớn đến quần chúng. Vì vậy, trong bất kỳ tình huống khó khăn nào, người cán bộ đảng viên cũng phải kiên quyết làm đúng chính sách và nghị quyết của Đảng, gương mẫu trước quần chúng, nâng cao tinh thần trách nhiệm trước nhân dân, trước Đảng, phải ngăn ngừa và kiên quyết chống lại chủ nghĩa cá nhân. Từ đó, Người kết luận: Đảng ta đại biểu cho *lợi ích chung* của giai cấp công nhân, của toàn thể nhân dân lao động. Đảng viên là người thay mặt Đảng, đại biểu cho lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, vì vậy, lợi ích của người đảng viên phải ở trong chứ không thể ở ngoài lợi ích của Đảng, của giai cấp và “vô luận trong hoàn cảnh nào, người đảng viên cũng phải đặt lợi ích của Đảng lên trên hết. Nếu khi lợi ích của Đảng và lợi ích của cá nhân mâu thuẫn với nhau, thì lợi ích cá nhân phải tuyệt đối phục tùng lợi ích của Đảng”.

Nói về vai trò của việc rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, sau khi nêu rõ vai trò của đạo đức cách mạng, chỉ rõ kẻ thù của những người cách mạng là chủ nghĩa cá nhân, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định: cuộc sống “thời bình” của miền Bắc trong những năm qua đã làm không ít người lầm tưởng rằng cách mạng đã thành công, do đó mà để “*chủ nghĩa cá nhân* chớm nở”. Bên cạnh những người vẫn thường ngày rèn luyện đạo đức cách mạng, đã có không ít người thoái hoá, biến chất, chỉ lo yêu cầu hưởng thụ, nghỉ ngơi, lựa chọn công tác theo ý thích của cá nhân mình, muốn địa vị cao, nhưng lại sợ trách nhiệm nặng, v.v. Họ quên rằng “tiêu chuẩn số một của người cách mạng là *quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng*”, do đó tinh thần đấu tranh và tính tích cực của họ bị kém sút, chí khí anh dũng và phẩm chất tốt đẹp của người cách mạng cũng kém sút, sự tiên phong gương mẫu của họ cũng không còn.

Từ những biểu hiện tiêu cực nêu trên, Người nêu rõ: Cách thức để gột rửa sạch những vết tích xấu xa của xã hội cũ, chống lại chủ nghĩa cá nhân là phải rèn luyện đạo đức cách mạng, phải thường xuyên, liên tục, ra sức học tập, tu dưỡng, tự cải tạo để tiến bộ mãi. Người quan niệm, trong mọi hoạt động cách mạng, dù đó là thời kỳ hoạt động bí mật, thời kỳ khởi nghĩa, thời kỳ kháng chiến, hay công cuộc xây dựng miền Bắc tiến dần lên

Chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà, tất cả “đều là những trường học rất tốt cho chúng ta rèn luyện đạo đức cách mạng”.

Nêu ra hiện tượng một số cán bộ đảng viên vì chưa rửa gột sạch *chủ nghĩa cá nhân*, nên còn “kể công” với Đảng, muốn Đảng “cảm ơn”, đòi ưu đãi, và cho rằng họ “không có tiền đồ”, họ “bị hy sinh”, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: đó là những người “dần dần xa rời Đảng, thậm chí phá hoại chính sách và kỷ luật của Đảng”. Cùng đó, Người cũng chỉ rõ những biểu hiện khác như: có một số ít đảng viên bị *chủ nghĩa cá nhân* trói buộc mà trở nên kiêu ngạo, công thần, tự cao tự đại. “Họ phê bình người khác mà không muốn người khác phê bình họ; không tự phê bình hoặc tự phê bình một cách không thật thà, nghiêm chỉnh. Họ sợ tự phê bình thì sẽ mất thể diện, mất uy tín. Họ không lắng nghe ý kiến của quần chúng. Họ xem khinh những cán bộ ngoài Đảng”, v.v...Người kết luận, “chúng ta không sợ sai lầm, chỉ sợ phạm sai lầm mà không quyết tâm sửa chữa. Muốn sửa chữa cho tốt thì phải sẵn sàng nghe quần chúng phê bình và thật thà tự phê bình. Không chịu nghe phê bình và không tự phê bình thì nhất định lạc hậu, thoái bộ,... bị quần chúng bỏ rơi. Đó là kết quả tất nhiên của chủ nghĩa cá nhân”.

Mặt khác, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nói: hiện nay *chủ nghĩa cá nhân* đang ám ảnh một số đồng chí, họ tự cho mình cái gì cũng giỏi, xa rời quần chúng, không muốn học hỏi quần chúng mà chỉ muốn làm thầy quần chúng. Họ mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh và “kết quả là quần chúng không tin, không phục, càng không yêu họ. Chung quy là họ không làm nên trò trống gì”. Họ trở nên có tội với cách mạng, bởi họ không “*thật thà tự phê bình và thành khẩn phê bình* đồng chí khác để cùng nhau tiến bộ”. Họ quên mất, “trong bao nhiêu năm hoạt động bí mật, dù bị bọn thực dân khủng bố gắt gao và Đảng ta gặp rất nhiều khó khăn, nguy hiểm, nhưng Đảng ta ngày càng phát triển, càng mạnh mẽ và đã lãnh đạo nhân dân làm cách mạng thành công, kháng chiến thắng lợi. Đó là vì Đảng ta khéo dùng cái vũ khí sắc bén *phê bình và tự phê bình*”¹.

Sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam hiện tại là yêu cầu cấp bách của lịch sử nước nhà, đó cũng đồng thời là nhiệm vụ của toàn quân, toàn dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng ta. Bởi chủ nghĩa cá nhân là một trở ngại lớn cho việc xây dựng Chủ nghĩa xã hội, cho nên *phải kiên quyết chống lại chủ nghĩa cá nhân*. Tuy nhiên, khi khẳng định phải chống kẻ địch nội xâm là chủ nghĩa cá

1. Hồ Chí Minh Toàn tập. Sd d, t.9. tr. 290

nhân, Người cũng không quên nhấn mạnh: Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là “giày xéo lên lợi ích cá nhân”. Không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thoả mãn bằng chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, từ đó Người cũng khẳng định: “Lợi ích cá nhân là nằm trong lợi ích của tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể. Lợi ích chung của tập thể được bảo đảm thì lợi ích riêng của cá nhân mới có điều kiện để được thoả mãn”¹. Vì vậy, đối với những người cách mạng, lợi ích của cá nhân luôn gắn liền với lợi ích của tập thể. Nếu lợi ích cá nhân mâu thuẫn với lợi ích tập thể, người cách mạng phải phục tùng lợi ích chung của tập thể.

Chủ tịch Hồ Chí Minh viết, “cách mạng tiến lên mãi, Đảng tiến lên mãi. Cho nên người cách mạng cũng phải tiến lên mãi”², vì vậy, mỗi cán bộ đảng viên của Đảng phải cố gắng học tập lý luận Mác - Lênin. Bởi, “có học tập lý luận Mác - Lênin mới củng cố được đạo đức cách mạng, giữ vững lập trường, nâng cao sự hiểu biết và trình độ chính trị, mới làm được tốt công tác Đảng giao phó cho mình”³. Tuy nhiên, đó là “học tập cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình; là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta. Học để mà làm. Lý luận đi đôi với thực tiễn”⁴, chứ không phải là học thuộc lòng một số sách vở về chủ nghĩa Mác - Lênin. Đặc biệt, học để trang sức, học không phải để vận dụng vào công việc cách mạng, *đó cũng là chủ nghĩa cá nhân*.

Chủ tịch Hồ Chí Minh kết luận: Chủ nghĩa cá nhân là một thứ vi trùng mệ, đẻ ra trăm thứ bệnh nguy hiểm: quan liêu, mệnh lệnh, bè phái, chủ quan, tham ô, lãng phí...trói buộc, bịt mắt những nạn nhân của nó, khuyến khích lòng tham muốn danh lợi, địa vị cho cá nhân, không nghĩ đến lợi ích của giai cấp, của nhân dân. Đó thực sự là kẻ thù nội xâm, “một kẻ địch hung ác của Chủ nghĩa xã hội. Người cách mạng phải tiêu diệt nó”⁵. Cuối cùng, Người khẳng định công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, làm cơ sở vững mạnh cho công cuộc thống nhất nước nhà, là một nhiệm vụ cực kỳ vẻ vang, song cũng đầy gian nan, trắc trở, vì vậy để

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđ d, t.9, tr. 291

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđ d, t.9, tr. 292

3. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđ d, t.9, tr. 292

4. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđ d, t.9, tr. 292

5. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđ d, t.9, tr. 292

bảo đảm cho sự thắng lợi của sự nghiệp cách mạng, “tất cả đảng viên, đoàn viên, tất cả cán bộ trong Đảng và ngoài Đảng cần phải quyết tâm suốt đời phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân. Đó là phẩm chất cao quý của người cách mạng, đó là đạo đức cách mạng”¹.

Cùng đó, Người còn rất chú trọng đến việc bồi dưỡng và xây dựng những con người xã hội chủ nghĩa. Trong nhiều bài nói, bài viết của mình, Người đều nhấn mạnh: “Muốn xây dựng Chủ nghĩa xã hội phải có con người Xã hội chủ nghĩa”. Theo Người, con người mới Xã hội chủ nghĩa là những người có đạo đức và tri thức, là những người vừa “hồng” vừa “chuyên”.

Để lãnh đạo nhân dân ta thực hiện thắng lợi kế hoạch ba năm phát triển kinh tế và văn hoá, nhanh chóng thay đổi bộ mặt xã hội của miền Bắc, làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hết sức chăm lo đến công tác xây dựng Đảng, không ngừng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước dân chủ nhân dân. Người nói: “Trong thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng cần phải mạnh hơn bao giờ hết”², phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực, trước hết là đối với Nhà nước. Người cũng đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao trình độ lý luận của Đảng cho cán bộ, đảng viên, vì đây là một nhiệm vụ quan trọng. Có nâng cao trình độ lý luận thì cán bộ, đảng viên mới có thể hoàn thành tốt công tác của mình, nếu trình độ lý luận thấp kém thì trước những nhiệm vụ cách mạng mới và phức tạp sẽ không tránh khỏi sự lúng túng, dễ mắc phải sai lầm, khuyết điểm.

Trong Diễn văn khai mạc lớp lý luận khoá I trường Nguyễn Ái Quốc, trả lời câu hỏi vì sao phải học tập và nâng cao trình độ lý luận của Đảng, Người nói: Chúng ta phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác- Lênin “để dùng lập trường, quan điểm, phương pháp chủ nghĩa Mác- Lênin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta”. Theo Người, có làm được như thế, chúng ta mới có thể dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta³. Do đó, Đảng cần phải nắm vững khoa học và kỹ thuật, và mỗi cán bộ, đảng viên đều phải cố gắng “học tập văn hoá, học tập khoa học và kỹ thuật”.

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđ d, t.9, tr. 293

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 8, tr. 494

3. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 8, tr. 494

Để điều hành và quản lý xã hội trong bối cảnh đất nước tạm thời chia cắt làm đôi, một trong những nhiệm vụ cần thiết là soạn thảo, thông qua các đạo luật và sửa đổi Hiến pháp cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới. Trên tinh thần đó, Quốc hội khoá I, kỳ họp thứ 6, ngày 25-1-1957, đã quyết định thành lập Ban sửa đổi Hiến pháp do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Trưởng ban, bởi: “Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp dân chủ đầu tiên của nước ta, thích hợp với tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ đó. Nó đã hoàn thành sứ mệnh của nó. Nhưng so với tình hình mới và nhiệm vụ cách mạng mới hiện nay thì nó không thích hợp nữa. Vì vậy mà chúng ta phải sửa đổi Hiến pháp ấy”¹.

Để tăng cường và bảo đảm thực hiện quyền tự do, dân chủ cho nhân dân, Quốc hội khoá I đã thông qua những đạo luật, đó là *Sắc luật về chế độ xuất bản* nhằm tôn trọng và bảo đảm “quyền tự do xuất bản được sử dụng một cách đúng đắn, để ngăn ngừa mọi sự lợi dụng chế độ tự do xuất bản để làm phương hại đến nhân dân, đến chế độ”; *Sắc luật về chế độ báo chí* ra đời cùng với *Sắc luật chế độ xuất bản* không những đã phòng ngừa được những hành động phá hoại của kẻ địch, đảm bảo quyền tự do ngôn luận của nhân dân, mà còn chứng minh trong thực tế, đó là công cụ đấu tranh của nhân dân, phục vụ lợi ích tối cao của dân tộc; *Sắc luật về những trường hợp phạm pháp* quả tang và những trường hợp khẩn cấp... “làm phương hướng cho việc xây dựng những luật về các quyền tự do dân chủ, là: một mặt phải bảo đảm quyền tự do dân chủ của nhân dân, và mặt khác phải thực hiện đầy đủ chuyên chính đối với kẻ thù của nhân dân.; *Sắc luật về cấm mọi hành động đầu cơ* về kinh tế nhằm mục đích bình ổn vật giá, phát triển sản xuất, thực hiện kế hoạch nhà nước, bảo vệ và khuyến khích những người kinh doanh chính đáng, v.v., góp phần “làm cho những kẻ phạm pháp phải dè chừng và đồng thời cũng mở cho họ một con đường để hối lỗi, tự cải tạo”; *Sắc luật về quy định thể lệ bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp* “nhằm đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền tự do bầu cử ứng cử của nhân dân ta, trong khi chờ đợi Hiến pháp mới. Những quy định này góp phần mở rộng sinh hoạt dân chủ, phát huy tính tích cực và năng lực sáng tạo của nhân dân ta”; và *Luật công đoàn* được Quốc hội thông qua ngày 14/9/1957, gồm 4 chương, 22 điều, “sẽ làm cho quần chúng công nhân, viên chức rất phấn khởi, tích cực đẩy mạnh sản xuất, kiến thiết miền Bắc, tiến dần lên Xã hội chủ nghĩa và đấu tranh thống nhất nước nhà”.

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.9, tr. 585

Việc kịp thời xây dựng, thông qua những sắc luật và luật của Quốc hội đã khẳng định: Nền pháp trị của chúng ta tuy mới được chấn chỉnh, song “đã có nhiều hiện tượng tốt đẹp vì chúng ta đã có một cơ sở tốt để củng cố nền pháp trị: đó là chế độ của chúng ta, một chế độ mà trong đó quyền của người dân được phát huy đến triệt để và được hết sức tôn trọng và bảo vệ”. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh, việc xây dựng và ban hành các đạo luật đó thể hiện rõ “tinh thần đoàn kết nhất trí và tinh thần dân chủ” của chế độ mới. Điều đó “đã làm cho nhân dân ta cực kỳ phấn khởi, đã làm cho kẻ địch thất vọng”, góp phần “đưa lại những thắng lợi to lớn hơn trong sự nghiệp củng cố miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà”.

Tiếp đó, qua một thời gian chuẩn bị, lấy ý kiến của đông đảo quần chúng nhân dân và qua 27 phiên họp, ngày 18-12-1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc Báo cáo Dự thảo Hiến pháp sửa đổi tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khoá I. Đây là bản báo cáo quan trọng, có giá trị lớn về lý luận và thực tiễn, ghi rõ những thắng lợi to lớn của nhân dân ta trong những năm qua và nêu lên nhiệm vụ cách mạng mới trong giai đoạn lịch sử mới. Sau khi xem xét và thảo luận, Quốc hội đã thông qua Hiến pháp mới - *Hiến pháp 1959*.

Hiến pháp 1959 ghi rõ: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một nước dân chủ nhân dân “là một khối Bắc Nam thống nhất không thể chia cắt”; “một nước thống nhất gồm nhiều dân tộc”, đồng thời tiếp tục khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền lực của nhân dân: Tất cả quyền lực trong nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đều thuộc về nhân dân. Nhân dân sử dụng quyền lực của mình thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân. Các cơ quan quyền lực nhà nước bao gồm các đại biểu, những người có tài có đức được nhân dân tín nhiệm, lựa chọn, bầu ra theo chế độ phổ thông đầu phiếu và thực hành nguyên tắc tập trung dân chủ. Trên tinh thần cơ bản “nhân dân là chủ”, *Hiến pháp 1959* đã có những quy định, thể chế hóa mối quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân. Tuy cách mạng đã chuyển sang giai đoạn Xã hội chủ nghĩa, song do đặc thù của tình hình, cơ chế quyền lực nhà nước chưa thể hoàn toàn theo đúng mô hình Xã hội chủ nghĩa mà còn có các yếu tố kiểu dân chủ nhân dân. Đó là việc sử dụng nhà nước dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản.

Hiến pháp quy định rõ về Chế độ kinh tế xã hội, trong đó khẳng định: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiến dần từ chế độ dân chủ nhân dân lên Chủ nghĩa xã hội. Nhà nước lãnh đạo hoạt động kinh tế theo một kế hoạch thống nhất. Nhà nước chiếu theo pháp luật bảo hộ quyền sở hữu về ruộng đất và các tư liệu sản xuất khác của nông dân, bảo hộ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất và của cải khác của các nhà tư sản dân tộc, v.v.. đặc

biệt kinh tế quốc doanh giữ vai trò lãnh đạo trong nền kinh tế quốc dân và được ưu tiên phát triển. Hiến pháp dành từ Điều 22 đến Điều 42 để nói về quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của công dân, trong đó khẳng định mọi công dân Việt Nam đều bình đẳng trước pháp luật, có quyền tự do tín ngưỡng, bất khả xâm phạm về thân thể, có quyền khiếu nại và tố cáo, quyền được nghỉ ngơi, được học tập, làm việc, có bốn phạm làm nghĩa vụ quân sự để bảo vệ Tổ quốc, v.v..

Hiến pháp quy định: Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong *Hiến pháp 1959*, tính chất, chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các ủy ban của Quốc hội và mối quan hệ của Quốc hội với các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước cũng đã có sự thay đổi so với chế định về Nghị viện nhân dân trong Hiến pháp 1946, trong đó những chế định Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội, vị trí, vai trò của Quốc hội theo Hiến pháp 1959 được đề cao và quyền hạn được quy định một cách cụ thể hơn.

Hiến pháp 1959 cũng quy định về Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trách nhiệm và quyền hạn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Là cơ quan thường trực của Quốc hội, do Quốc hội bầu ra, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có 18 quyền, trong số những thẩm quyền này, một số quyền trước đây, theo Hiến pháp 1946 là do Chủ tịch nước thực hiện như: Quyền đặc xá, quyết định bổ nhiệm những thành viên của Chính phủ. Trong những trường hợp cần thiết, Quốc hội không họp, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có thể tổ chức các Ủy ban điều tra về những vấn đề nhất định (Điều 58). Đó là điểm khác biệt giữa Hiến pháp 1946 và Hiến pháp 1959.

Là Trưởng ban dự thảo Hiến pháp sửa đổi, việc Hồ Chí Minh chỉ đạo xây dựng nội dung các điều của Hiến pháp 1959 cho thấy, trong tư tưởng của Người: vị trí, vai trò của Quốc hội, cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân được tăng cường, được nâng cao trong tổ chức bộ máy quyền lực nhà nước. Những chế định này đã khẳng định tính quyền lực tối cao của Quốc hội.

Hiến pháp 1959 cũng quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đó là “người thay mặt cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về mặt đối nội và đối ngoại”, do Quốc hội bầu ra. Những công dân Việt Nam từ 35 tuổi trở lên có quyền ra ứng cử Chủ tịch nước. Các điều này vừa là sự kế thừa, vừa là sự phát triển giữa Hiến pháp 1946 và Hiến pháp 1959. Chủ tịch nước khi xét thấy cần thiết “có quyền tham dự và chủ tọa các phiên họp của Hội đồng Chính phủ” và “triệu tập và chủ tọa Hội nghị chính trị đặc biệt”, v.v..

Thể hiện rõ nội dung xây dựng và phát triển đất nước theo con đường

Xã hội chủ nghĩa, Hiến pháp 1959 cũng quy định tổ chức quyền lực nhà nước được thực hiện theo nguyên tắc tập trung quyền lực vào Quốc hội. Và Chủ tịch nước có vai trò điều hòa, phối hợp hoạt động của Quốc hội với Chính phủ. Như vậy là, quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch nước, dù được quy định trong Hiến pháp 1946 hay Hiến pháp 1959, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đó vẫn phải là người luôn có sự tín nhiệm và chịu sự kiểm soát của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Là người chỉ đạo việc xây dựng thiết chế Chủ tịch nước của chế độ cộng hoà dân chủ nhân dân mang những dấu ấn đặc thù của cách mạng Việt Nam, trong cả hai bản Hiến pháp 1946 và 1959, tư tưởng thống nhất quyền lực nhà nước của Hồ Chí Minh đều nhất quán. Điều đó cũng cho thấy, Hồ Chí Minh thực sự không chỉ là một nhà lập pháp am hiểu kỹ thuật lập pháp quốc tế, mà còn là Người luôn vận dụng sáng tạo kỹ thuật lập pháp vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Đồng thời, cũng từ những chế định đó, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền lực của nhân dân ngày càng cụ thể, rõ nét hơn, trở thành hiện thực sinh động hơn trong thực tiễn. Tổ chức, quyền hạn của Hội đồng Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính địa phương các cấp, cùng các cơ quan Tư pháp, xét xử cũng được Hiến pháp quy định trong các chương VI, VII, VIII.

Từ những chế định này và trong thực tế, cùng với việc khẳng định và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng tại Lời nói đầu của Hiến pháp 1959, có thể thấy rõ Người tập trung thực hiện chức năng, nhiệm vụ của một vị Chủ tịch nước, góp phần tích cực tranh thủ sự ủng hộ quốc tế cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và nâng cao uy tín của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên trường quốc tế.

Từ thực tiễn của cách mạng Việt Nam và hoàn cảnh ra đời của Hiến pháp 1959, có thể thấy rõ rằng: Việc thay thế Nghị viện nhân dân trong Hiến pháp 1946 bằng Quốc hội trong *Hiến pháp 1959*, không chỉ là sự thay đổi tên gọi của cơ quan quyền lực nhà nước một cách thuần túy, mà đó còn là một sự phát triển. Nghị viện nhân dân trong *Hiến pháp 1946* là một thiết chế khẳng định một bước chuyển căn bản từ chế độ thuộc địa, thực dân phong kiến sang chế độ dân chủ cộng hòa, và nó thực sự phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam khi đó. Song đến *Hiến pháp 1959*, cùng với việc khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng (tập trung ở Bộ chính trị và Ban Bí thư), thì việc tổ chức bộ máy nhà nước dân chủ nhân dân, mà đại diện tập trung là Quốc hội, với chức năng là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đã thể hiện rõ sự định hướng phát triển chế độ nhà nước theo con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội. Sự thay đổi trong tư tưởng Hồ Chí

Minh và các nhà lập pháp Việt Nam không chỉ là một bước tiến trong tư duy lập pháp. Đó còn là việc khẳng định con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội, là kết quả sự ảnh hưởng và sự tác động nhiều chiều của xu hướng tập quyền theo mô hình tổ chức nhà nước Xã hội chủ nghĩa thời kỳ này.

Nói về ý nghĩa của Hiến pháp 1959, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Bản Hiến pháp mới là kết tinh bao nhiêu thắng lợi của nhân dân ta từ cách mạng tháng Tám tới nay và đã được đông đảo nhân dân tham gia ý kiến sẽ là một mẫu mực về tổ chức đời sống của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hoá và xã hội. Việc Quốc hội thông qua Hiến pháp mới, “rất thích hợp với những thắng lợi mới, tiến bộ mới của nhân dân ta, là một sự kiện vô cùng quan trọng trong đời sống mọi mặt của nhân dân ta. Sau khi được ban hành, *Hiến pháp 1959*, “sẽ phát huy hơn nữa lòng yêu nước và chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, sẽ động viên nhân dân ta đoàn kết chặt chẽ hơn nữa, cố gắng thi đua hơn nữa để xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”.

Cùng với những đạo luật được Quốc hội thông qua, và trên cơ sở Hiến pháp 1959, nhà nước sẽ tiếp tục ban hành nhiều đạo luật và các văn bản dưới luật để quản lý đất nước. Điều đó cũng đồng nghĩa với việc, thông qua chức năng lập hiến và lập pháp; dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, Quốc hội đã giữ vai trò trực tiếp thúc đẩy mạnh mẽ đời sống kinh tế, xã hội nước ta trong từng giai đoạn phát triển của cách mạng. Soạn thảo, ban hành bản Hiến pháp 1959 và các đạo luật dân chủ thực sự vì nhân dân, có thể thấy được bước tiến trong tư duy lý luận, tư duy chính trị về hoạt động lập hiến, lập pháp của Hồ Chí Minh và cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất.

Là người được trao trọng trách trước Quốc hội - cơ quan lập pháp và Chính phủ - cơ quan hành pháp, “Hồ Chí Minh đã đoàn kết quanh mình các đại biểu, các đảng phái giai cấp, tôn giáo, dân tộc đoàn kết, thống nhất, với một nguồn sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, tiến lên xây dựng Chủ nghĩa xã hội”. Cùng với những hoạt động có hiệu quả của Người trong việc lãnh đạo nhân dân thực hiện nhiệm vụ nội trị, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hoạt động đối ngoại mềm dẻo, với một Đảng cầm quyền trong sạch vững mạnh, một Quốc hội được tập trung quyền lực, hoạt động theo định kỳ, một Chính phủ hành pháp mạnh mẽ, sáng suốt dưới sự lãnh đạo của một Hồ Chí Minh đầy bản lĩnh và hướng toàn bộ tâm lực, trí lực cho nhiệm vụ giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta đã có những bước phát triển mạnh mẽ.

Tiếp đó, ngày 1-1-1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 1, công

bố Hiến pháp mới - Hiến pháp Xã hội chủ nghĩa đầu tiên ở nước ta và ngày 21-7-1960, Người ký lệnh công bố các luật: Tổ chức Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; Tổ chức Hội đồng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; Tổ chức Toà án Nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Để tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, từ ngày 5 đến 10-9-1955, tại Hà Nội đã diễn ra Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất toàn quốc, thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Mặt trận đã thông qua cương lĩnh mới để tập hợp đông đảo các tầng lớp giai cấp, dân tộc, tôn giáo trên cơ sở nòng cốt là liên minh công nông, do Đảng ta lãnh đạo. Chủ tịch Hồ Chí Minh tham dự Đại hội và được tôn vinh làm Chủ tịch danh dự của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Nói về Cương lĩnh của Mặt trận, Người nói, đó là “Một cương lĩnh đại đoàn kết, mục đích của nó là đấu tranh cho hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ trong cả nước”¹.

Trên cơ sở xác định rõ nhiệm vụ thiêng liêng của toàn Đảng, toàn dân ta lúc này là kiên quyết tiếp tục đấu tranh thi hành Hiệp định Giơnevơ, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ bằng phương pháp hoà bình, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Nước Việt Nam ta nhất định phải thống nhất. Đồng bào Nam và Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”², vì vậy, “thống nhất nước nhà là con đường sống của nhân dân ta. Đại đoàn kết là một lực lượng tất thắng”³.

Đặc biệt, trước những diễn biến mới của tình hình cách mạng miền Nam và nhằm đưa cách mạng miền Nam tiến lên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ tọa Hội nghị Trung ương 15 mở rộng (1-1959) bàn về nhiệm vụ cách mạng miền Nam và vai trò của miền Bắc đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Nghị quyết Trung ương 15 về đường lối của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới đã khẳng định: “Nhiệm vụ cơ bản là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện dân tộc độc lập và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh”⁴. Nghị quyết nêu rõ: “Lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 8, tr. 66

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 8, tr. 197

3. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.8, tr. 198

4. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, t. 20, tr. 81

chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân"¹, Nghị quyết Trung ương 15 đã tạo một bước ngoặt mới cho cách mạng miền Nam, mở đầu bằng phong trào Đồng Khởi. Với Đồng Khởi, cách mạng miền Nam đã chuyển từ thế bảo tồn lực lượng sang thế tiến công cách mạng, giành được những thắng lợi có ý nghĩa quyết định trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, tạo điều kiện cho sự ra đời của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam vào ngày 20-12-1960.

Quan tâm đến miền Nam, hướng về miền Nam ruột thịt và luôn dành tình cảm yêu thương cho cách mạng và đồng bào miền Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cho các cán bộ và các cháu trường học sinh miền Nam, thăm nơi an dưỡng dành cho đồng bào miền Nam tập kết ra Bắc, thăm trại thiếu nhi miền Nam, v.v.. Tin tưởng vào một ngày mai thống nhất, ngay từ tháng 9-1954 trong thư gửi bộ đội, cán bộ và gia đình cán bộ miền Nam ra Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Đến ngày hoà bình đã được củng cố, thống nhất được thực hiện, độc lập, dân chủ đã hoàn thành, đồng bào sẽ vui vẻ trở về quê cũ. Lúc đó rất có thể tôi sẽ cùng đồng bào vào thăm miền Nam yêu quý của chúng ta"².

Cũng trên cơ sở đã xác định cuộc đấu tranh củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất đất nước, hoàn thành độc lập, dân chủ của nhân dân ta theo tinh thần của *Hiệp định Giơnevơ* là một cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ, nên Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ nhấn mạnh: "Đế quốc Mỹ là một trở lực chính ngăn cản việc lập lại hoà bình ở Đông Dương", mà Người còn kêu gọi toàn thể nhân dân, cán bộ, quân đội ở cả hai miền Nam - Bắc cần phải đoàn kết chặt chẽ, tư tưởng phải thống nhất, hành động phải nhất trí, để kiên trì thực hiện cuộc đấu tranh chống sự can thiệp của đế quốc Mỹ và tay sai. Theo Người: mục đích bất di bất dịch của ta vẫn là hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ. Nguyên tắc của ta phải vững chắc, nhưng sách lược phải linh hoạt. Vì vậy, cùng với việc hướng các hoạt động của Đảng, Chính phủ và Quốc hội vào việc thực hiện những nhiệm vụ nội trị, bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật và tiến hành sửa đổi Hiến pháp. Người còn kiên trì thực hiện đường lối ngoại giao có định hướng, có trọng tâm, vừa biểu hiện sự tôn trọng và gắn kết với phe Xã hội chủ nghĩa anh em, vừa khẳng định sự đánh giá đúng đắn vai trò của Liên Xô và Trung Quốc.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, t. 20, tr. 82

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 7, tr. 356

Từ chủ trương này, tại cuộc họp Bộ Chính trị, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Củng cố không ngừng tình đoàn kết hữu nghị với Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác, thực hiện việc phối hợp chặt chẽ với các nước anh em trong hoạt động quốc tế và đấu tranh ngoại giao”¹. Trên tinh thần đó, đồng thời với việc gửi và sẽ tiếp tục gửi các đoàn đại biểu của Đảng, Nhà nước và các đại diện ngoại giao của Nhà nước ta, những đoàn đại biểu nhân dân sang các nước bạn, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã thông qua việc mời Thủ tướng Ấn Độ J. Nêru (10/1954), Thủ tướng Miến Điện Unu (11/1954), Thủ tướng Lào Xavana Phuma (5/1956), v.v.. sang thăm Việt Nam, nhằm tranh thủ sự đồng tình, thu hút của dư luận quốc tế đối với nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Đặc biệt, nhằm thắt chặt thêm tình đoàn kết hữu nghị giữa Việt Nam với các nước Xã hội chủ nghĩa anh em, theo đúng tinh thần về quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch nước và Chính phủ được ghi rõ trong Hiến pháp 1946, Người đã dẫn đầu đoàn đại biểu Chính phủ nước ta đi thăm hữu nghị chính thức Liên Xô, Trung Quốc và Mông Cổ từ ngày 22/6 đến ngày 22/7/1955. Sau đó, báo cáo về hoạt động đối ngoại của Chính phủ trước Quốc hội, Người khẳng định: “Mục đích cuộc đi thăm là nhằm củng cố thêm tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân ta và nhân dân các nước bạn, phát triển thêm sự hợp tác về chính trị, kinh tế, văn hoá giữa các nước bạn và nước ta. Mục đích ấy đã hoàn toàn đạt được”.

Tháng 7/1957, nhằm tiếp tục thắt chặt và tăng cường hơn nữa tình đoàn kết quốc tế, tình hữu nghị giữa các dân tộc anh em và tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè thế giới, Người và các đại biểu lên đường đi thăm 9 nước: Triều Tiên, Tiệp Khắc, Cộng hoà dân chủ Đức, Ba Lan, Hunggari, Nam Tư, Anbani, Bungari, Rumani. Báo cáo trước kỳ họp thứ bảy của Quốc hội khoá I về chuyến đi thăm 9 nước Xã hội chủ nghĩa, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Qua chuyến đi, Người và các đại biểu đón nhận được tình đoàn kết sâu sắc của các nước anh em đối với nhân dân Việt Nam. Do sự đồng tâm nhất trí giữa Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và các nước anh em “về những vấn đề trọng yếu có quan hệ đến nước ta, đến các nước anh em, đến tình hình quốc tế”, cho nên cuộc đi thăm 9 nước của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Hồ Chí Minh và các đại biểu đã thu được kết quả tốt đẹp, thiết thực trong việc phát triển, củng cố thêm tình hữu nghị giữa ta và các nước anh em, góp phần nâng cao thêm nữa địa vị quốc tế của nước ta và thắt chặt thêm tình đoàn kết giữa các

1. Biên bản Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 7 (Khóa II), ĐVBQ 29, Cục Lưu trữ Trung ương Đảng

nước trong đại gia đình xã hội chủ nghĩa, v.v..

Theo Người, kết quả của những hoạt động ngoại giao này là biểu hiện của tinh thần ngoại giao hoà bình, là sự tiếp thêm sức mạnh của bạn bè quốc tế đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa vì hoà bình, thống nhất, độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân ta. Đồng thời, “sự đi lại thăm nhau giữa các đại biểu của nhân dân các nước rất có ích lợi, vì nó làm cho cảm tình giữa nhân dân các nước thêm gắn bó nồng nàn”. Đánh giá về chuyến đi thăm hữu nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, bức điện của Liên Xô nêu rõ, cuộc đi thăm các nước châu Âu vừa qua của Người “đã làm tăng thêm uy tín của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên trường quốc tế, mở rộng và củng cố thêm những mối quan hệ quốc tế của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”. Còn Trung Quốc thì khẳng định: Những cống hiến của nước Việt Nam, nhất là cuộc đi thăm các nước Xã hội chủ nghĩa của Hồ Chí Minh gần đây, “nhất định sẽ có lợi cho việc giữ gìn hoà bình châu Á và thế giới”.

Trong thời gian này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đón tiếp một số nguyên thủ của các nước sang thăm Việt Nam: Chủ tịch K. E. Vôrôsilốp - Liên Xô (5-1957), Tổng thống Praxat - Ấn Độ (2-1959), Chủ tịch Hátghi Lêsi - Anbani (6-1960), Tổng thống Xêcu Turê - Ghinê (9-1960), v.v.. Người tiếp các đoàn đại biểu quốc tế sang thăm và làm việc tại Việt Nam: Đoàn đại biểu Thanh niên Dân chủ thế giới (23-10-1956), Đoàn Thương mại Ai Cập (1-1-1958), Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Pháp (8-1-1958), Đoàn đại biểu Công đoàn Thái Lan (11-1-1958), Đoàn đại biểu Ghinê và Kênia (22-3-1959), Đoàn đại biểu phụ nữ Tuynidi và Angiêri (8-1959). Người đã tiếp bà Idaben Blum, Ủy viên Chủ tịch đoàn Hội đồng hoà bình thế giới (22-9-1959); Đoàn đại biểu Thanh niên Camêrun (16-1-1960), v.v.. Người đã trả lời phỏng vấn một số nhà báo nước ngoài như: các ông L. Hanxen chủ bút Hãng U.P. của Mỹ ở khu vực châu Á (26-12-1955), nhà báo Nhật Sira Isi Bôn về tình hình Việt Nam, về quan hệ của Việt Nam với các nước trên thế giới (5-10-1959), v.v.. Người tiếp ông Uyliam Uôbi - Nghị sĩ Quốc hội Công đảng Anh; tiếp Đoàn đại biểu Viện Hàn lâm Khoa học Ba Lan và Tiệp Khắc sang Việt Nam ký kế hoạch hợp tác khoa học giữa Việt Nam - Ba Lan và Việt Nam - Tiệp Khắc, v.v..

Theo nhận định của Chủ tịch Hồ Chí Minh, những hoạt động đối ngoại của Đảng, của Nhà nước trong giai đoạn này đã đạt được mục đích về cả chính trị và kinh tế. Nước ta và các nước bạn “đều nhất trí nhấn mạnh sự quan trọng của việc hiệp thương giữa Chính phủ ta và chính quyền miền Nam theo đúng *Hiệp định Giơnevơ* để bàn về việc chuẩn bị tổng tuyển cử tự do trong cả nước nhằm mục đích thống nhất đất nước

Việt Nam”. Điều này có ý nghĩa to lớn đối với cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam vì độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

Trong những năm sau đó, cũng bằng các hoạt động đối ngoại của mình, với vị thế nguyên thủ quốc gia, Hồ Chí Minh đã có đóng góp tích cực vào việc tăng cường sự đoàn kết và thống nhất giữa các Đảng Cộng sản và Công nhân trên thế giới. Tuy nhiên, trước thực trạng quan hệ Xô - Trung rạn nứt ngày càng gay gắt, với trọng trách của mình trước Đảng, Quốc hội và Chính phủ, Hồ Chí Minh vừa phải kiên định về nguyên tắc, vừa phải mềm dẻo về sách lược, để góp phần củng cố mối quan hệ Việt - Trung - Xô, đồng thời tranh thủ được sự giúp đỡ của hai nước bạn đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Như vậy là, chính sách nội trị mềm dẻo, chính sách ngoại giao hòa bình của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và những chuyến đi thăm hữu nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh và đoàn đại biểu Chính phủ đã có tác dụng to lớn để củng cố thêm tình hữu nghị giữa Việt Nam và các nước anh em, vì mục tiêu hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và Chủ nghĩa xã hội. Hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước đã mang lại sự ủng hộ rất quý báu của các nước bạn, của bè bạn quốc tế cho nhân dân ta trong cuộc đấu tranh chính trị cũng như trong việc khôi phục kinh tế và văn hoá, hàn gắn vết thương sau những năm chiến tranh.

Bên cạnh đó, những bức điện mừng quốc khánh các nước, bức điện chúc thọ, điện cảm ơn, những lời đáp từ trong các lễ trình quốc thư của đại sứ các nước trong thời gian này của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã thu hút sự chú ý của dư luận thế giới; góp phần tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với các nước; làm cho các nước hiểu hơn về đất nước và con người Việt Nam, về cuộc đấu tranh cho hoà bình, thống nhất, độc lập và Chủ nghĩa xã hội của nhân dân Việt Nam và đặt cơ sở cho đường lối vận động Mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược sau đó: “Các nước anh em thì đều hết sức ủng hộ ta trong công cuộc củng cố miền Bắc tiến dần lên Xã hội chủ nghĩa và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà bằng phương pháp hoà bình trên cơ sở *Hiệp nghị Giơnevơ*”. Đồng thời, thông qua những hoạt động của người đứng đầu Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gắn liền cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam với cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới cho hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Bước vào những năm sau, cũng trên tinh thần kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội, các hoạt động đối ngoại của Hồ Chí Minh với vai trò Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp tục được mở

rộng và tăng cường. Những hoạt động của Người, của Chính phủ và của Quốc hội đã hướng dư luận quốc tế, tranh thủ sự đồng tình của quốc tế đối với sự nghiệp đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà của nhân dân ta. Hồ Chí Minh với vị thế Chủ tịch nước, đã thông qua các bài phát biểu, các bài trả lời phỏng vấn nêu rõ lập trường của Nhà nước ta, nhân dân ta trong việc đòi chính quyền miền Nam phải: Chấm dứt hành động khủng bố, trả thù những người kháng chiến, chấm dứt những hành động tăng cường lực lượng quân sự trái với các điều khoản của *Hiệp nghị Giơnevơ* và thi hành các điều khoản chính trị về mở hiệp nghị, hiệp thương để bàn tổng tuyển cử tự do nhằm thống nhất đất nước, v.v..

Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Hồ Chí Minh nói: Việc Chính quyền Oasinhton và Chính quyền Sài Gòn cố tình chia cắt đất nước Việt Nam đã xâm phạm nặng nề đến ý chí thống nhất của toàn thể nhân dân Việt Nam. Nguyên vọng thiết tha, đòi hỏi bức xúc của toàn dân Việt Nam là nước nhà mau chóng thống nhất trên cơ sở độc lập và dân chủ như *Hiệp định Giơnevơ* đã quy định. Vì vậy, Người nhấn mạnh, “chủ trương đoàn kết tất cả các lực lượng yêu nước ở miền Bắc và miền Nam, ra sức phấn đấu chống sự can thiệp của bọn đế quốc thực dân, để xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”.

Đánh giá về chuyến đi thăm Indônêxia (tháng 3/1959) và tuyên bố của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chủ trương thực hiện thống nhất đất nước Việt Nam bằng phương pháp hoà bình trên cơ sở độc lập và dân chủ, như *Hiệp định Giơnevơ* đã quy định”, Quốc hội khoá I khẳng định: “Việc Hồ Chủ tịch đi thăm Indônêxia là một thành công rực rỡ. Nhân dân và Chính phủ Indônêxia đã đón tiếp Hồ Chủ tịch rất thân ái và rất nồng nhiệt, tiêu biểu cho mối cảm tình sâu sắc giữa nhân dân hai nước”. Những hoạt động đối ngoại của Hồ Chí Minh, của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cho thấy, cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà của nhân dân Việt Nam đang ngày một phát triển và ngày càng nhận được sự ủng hộ của các nước Xã hội chủ nghĩa anh em, của nhân dân tiến bộ trên thế giới, đúng là “những thuận lợi to lớn kể trên mở ra cho nhân dân ta, cho đồng bào miền Bắc và đồng bào miền Nam những triển vọng vô cùng tốt đẹp”.

Đối với nước Mỹ và những kẻ đang gây ra cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu Mỹ phải tôn trọng và thực hiện nghiêm chỉnh những nội dung của Hiệp định Giơnevơ. Còn đối với nước Pháp, Người thể hiện rõ mong muốn lập những mối quan hệ kinh tế và văn hoá trên cơ sở bình đẳng, hai bên đều có lợi, cộng tác thẳng thắn và tin cậy lẫn nhau. Riêng với các nước trong khu vực, đặc biệt hai nước Lào và Campuchia anh em, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn nhấn mạnh tới ý

nghĩa quan trọng của mối liên minh chiến lược, tình đoàn kết quốc tế giữa nhân dân ba nước Đông Dương trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ nền hoà bình ở Đông Dương và trong công cuộc xây dựng đất nước.

Tiếp tục tăng cường và mở rộng các hoạt động đối ngoại với Liên Xô, tháng 11-1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Việt Nam sang dự Lễ kỷ niệm lần thứ 43 Cách mạng Tháng Mười Nga. Sau đó, Người dự và ký Tuyên bố chung tại Hội nghị đại biểu 81 Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế họp ở Mátxcơva. Những hoạt động ngoại giao của Người, thiện chí hoà bình của “vị thiên sứ cách mạng” Hồ Chí Minh đã góp phần giảm bớt sự căng thẳng, bất hoà giữa Liên Xô và Trung Quốc, đã làm tăng cường tình đoàn kết quốc tế, sự thống nhất giữa các Đảng Cộng sản và công nhân các nước anh em.

Cũng tiếp tục các hoạt động quốc tế, nhằm tranh thủ sự ủng hộ của dư luận quốc tế với cuộc chiến đấu chính nghĩa của nhân dân Việt Nam, ngày 23-10-1963, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc lời chào mừng các đoàn đại biểu Công đoàn quốc tế sang dự Hội nghị của Ủy ban công đoàn quốc tế đoàn kết với lao động và nhân dân miền Nam Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Hội nghị đã thông qua những nghị quyết thiết thực để ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân miền Nam Việt Nam cả về tinh thần và vật chất. Sau đó, tại Hội nghị quốc tế đoàn kết với nhân dân Việt Nam chống Mỹ và bảo vệ hoà bình (25 đến 29-11-1964), Người nhấn mạnh rằng: Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam đã được nhân dân thế giới đồng tình và ủng hộ, vì “mỗi thắng lợi của nhân dân thế giới là một thắng lợi của nhân dân Việt Nam. Và mỗi thắng lợi của nhân dân Việt Nam cũng là một thắng lợi của nhân dân thế giới”.

Đối với Liên Xô, Chủ tịch Hồ Chí Minh hoan nghênh những chủ trương tích cực của Liên Xô trong việc ủng hộ và viện trợ cho Việt Nam chống Mỹ. Người chỉ đạo việc mời và đón tiếp thân tình nhiều Đoàn đại biểu cao cấp của Đảng và Nhà nước Liên Xô sang thăm nước ta. Từ những đóng góp của Người vào việc củng cố và tăng cường tình hữu nghị vĩ đại với Liên Xô, nhân dịp kỷ niệm 50 năm Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười, Đoàn Chủ tịch Xô viết tối cao Liên Xô quyết định tặng *Huân chương Lênin* cho Người - Huân chương cao quý nhất của Liên Xô. Nhân sự kiện đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi điện cảm ơn, xin tạm hoãn việc trao tặng

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 12, tr. 312-313

phần thưởng cực kỳ cao quý ấy với lý do: “Đến ngày nhân dân chúng tôi đánh đuổi được bọn đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng hoàn toàn đất nước Việt Nam, tôi sẽ đại biểu cho toàn thể đồng bào tôi, trân trọng và vui mừng lãnh lấy Huân chương mang tên Lênin vĩ đại”¹.

Tiếp đó, nhân dịp kỷ niệm 50 năm Cách mạng Tháng Mười Nga (1917-1967), Người viết bài *Cách mạng Tháng Mười vĩ đại mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc*, đăng trên báo *Sự thật (Pravda)*, Liên Xô, bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc của nhân dân Việt Nam với Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, sự giúp đỡ to lớn của nhân dân Liên Xô trong cuộc đấu tranh vì độc lập và thống nhất Tổ quốc của nhân dân ta.

Trong quan hệ với đất nước Trung Quốc anh em, Chủ tịch Hồ Chí Minh có mối thâm tình đặc biệt. Người đã nhiều lần sang thăm, nghỉ ngơi, chữa bệnh tại Trung Quốc. Để cảm ơn về sự giúp đỡ to lớn và củng cố hơn nữa mối quan hệ hữu nghị, đoàn kết Việt – Trung, nhân kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc (1/7/1921-1/7/1961), Người viết bài *Cách mạng Trung Quốc và cách mạng Việt Nam*, nêu lên mối quan hệ gắn bó, sự giúp đỡ lẫn nhau giữa cách mạng và nhân dân hai nước Việt - Trung.

Đối với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, các cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập, chủ quyền của các dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng bày tỏ sự ủng hộ của mình, đồng thời lên án các hành động can thiệp, xâm lược của chủ nghĩa đế quốc (ủng hộ đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân các nước Ả-rập chống lại cuộc xâm lược của Ixraen; ủng hộ cuộc đấu tranh vì độc lập của nhân dân Cônggô và nhân dân Đôminích; ủng hộ phong trào đoàn kết nhân dân Á - Phi chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, v.v..).

Tập trung lãnh đạo công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, trong suốt những năm từ 1960 đến năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng Đảng, Chính phủ và Quốc hội lãnh đạo nhân dân miền Bắc tiến lên Chủ nghĩa xã hội, xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc “phải lấy phát triển nông nghiệp làm gốc, làm chính”, vì nông nghiệp chiếm bộ phận lớn trong nền kinh tế, ngày 22-7-1961, tại Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương (khoá III) bàn về nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Chúng ta phải tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc trong công cuộc phát triển nông nghiệp”, vì nông nghiệp cung cấp lương thực và nguyên liệu để phát triển công nghiệp, để đảm bảo công nghiệp hoá chủ

nghĩa xã hội. Quan tâm đến tình hình sản xuất nông nghiệp, Chủ tịch không chỉ về thăm các địa phương, thăm đồng bào chống hạn, làm thủy lợi, Người còn theo dõi việc củng cố và phát triển cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp, phát triển sản xuất, cải tiến kỹ thuật. Năm 1966, Người viết thư khen các hợp tác xã Nam Tiến- Phú Thọ, hợp tác xã thôn Thượng-Vĩnh Phúc, hợp tác xã Thắng Lợi - Thanh Hoá, v.v.. nhân dịp năm mới 1967, Người về thăm cán bộ và nhân dân tỉnh Thái Bình. Người cho rằng nhiệm vụ quan trọng nhất của toàn Đảng và toàn dân ta lúc này là sản xuất giỏi, chiến đấu giỏi để cùng miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược và “các hợp tác xã nông nghiệp là đội quân hậu cần của quân đội chiến đấu ngoài mặt trận.. Vì vậy, nhiệm vụ của các hợp tác xã nông nghiệp, của bà con xã viên, của cán bộ công tác ở nông thôn là rất quan trọng”¹.

Coi trọng việc phát triển công nghiệp, coi công nghiệp là một trong hai chân của nền kinh tế, ngày 16-4-1962, tại Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (khoá III) họp bàn về phát triển công nghiệp, Người nói: “Công nghiệp và nông nghiệp là hai chân của nền kinh tế”, vì vậy, “hai chân đi khoẻ và đi đều thì tiến bước sẽ nhanh và nhanh chóng đi đến mục đích. Thế là thực hiện liên minh công nông để xây dựng Chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no sung sướng cho nhân dân”². Người dành thời gian đến thăm và nói chuyện với cán bộ, công nhân Nhà máy bóng đèn phích nước Rạng Đông, với Hội nghị phát động cuộc vận động “Nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế, tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô lãng phí quan liêu”, thăm triển lãm “*Sáng kiến cải tiến kỹ thuật hợp lý hoá sản xuất*” toàn quốc và khi đến thăm Nhà máy Sứ Hải Dương, Người ghi dòng chữ “*Phải cố gắng, tiến bộ*” trên một lọ hoa sứ. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đến thăm và nói chuyện với Hội nghị ngành công nghiệp nhẹ, với Đại hội thi đua “Năng suất cao, chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều” toàn miền Bắc, dự lễ khánh thành Nhà máy dệt 8-3, thăm Nhà máy cơ khí Duyên Hải ở Hải Phòng, v.v.. và trong thư khen công nhân và cán bộ mỏ than cộc 6 (7-9-1968), Người căn dặn mọi người “chớ vì có thành tích mà tự mãn, cần phải đoàn kết chặt chẽ và luôn luôn cố gắng hơn nữa”.

Quan tâm, ưu tiên cho công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, những bài viết, bài trả lời phỏng vấn các cơ quan thông tấn báo chí của lãnh tụ Hồ Chí Minh thời kỳ này, cùng hoạt động và những quyết

1 Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 12, tr. 193

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 10, tr. 544 - 545

ngị của Đảng, Quốc hội, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại các kỳ họp Quốc hội về việc thông qua kế hoạch nhà nước, ngân sách hàng năm; thông qua năm nội dung cơ bản của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965)¹ về phát triển nền kinh tế quốc dân (công nghiệp, nông nghiệp, cải tạo Xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế), về văn hoá xã hội, về cải thiện một bước đời sống vật chất của nhân dân cùng với củng cố nền quốc phòng và tăng cường an ninh trật tự, bảo vệ sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội đã thiết thực góp phần tăng cường, củng cố lực lượng mọi mặt của miền Bắc.

Đặc biệt quan tâm đến thiếu niên, nhi đồng, nhân kỷ niệm 20 năm ngày thành lập Đội Thiếu niên tiên phong (15-5-1961), Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho thiếu niên nhi đồng toàn quốc, căn dặn các cháu thực hiện tốt 5 điều Bác dạy. Và luôn coi trọng chiến lược giáo dục, đào tạo, Người đã gửi thư cho cán bộ giáo dục, học sinh, sinh viên các trường và các lớp bổ túc văn hoá, nhân dịp năm học mới 1960-1961; đến thăm các trường Chu Văn An, trường Đại học nhân dân Việt Nam, lớp học võ lòng phố Hàng Than, Hà Nội; gửi thư cho các thầy giáo, học sinh và quyết định tặng giải thưởng cho các cháu học sinh giỏi năm học 1962-1963 và mong năm học 1963-1964 có nhiều học sinh giỏi hơn nữa. Đặc biệt, ngày 16-10-1968, Người gửi thư cho các cán bộ, cô giáo, thầy giáo, công nhân viên, học sinh, sinh viên ngành giáo dục và căn dặn: *“Dù khó khăn đến đâu cũng phải thi đua dạy tốt và học tốt.”*

Ngày 20-2-1961, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có dịp trở lại thăm Cao Bằng, quê hương đã đón Người trở về sau gần 30 năm bôn ba ở nước ngoài và về thăm Nghệ An (9-12-1961) - quê hương đã sinh ra Người, nơi Người sống những năm tháng thời niên thiếu. Sau nhiều năm xa cách, khi trở lại, Người xúc động và ân cần thăm hỏi bà con, căn dặn đội ngũ cán bộ, đảng viên, những người lãnh đạo của hai tỉnh phải luôn đoàn kết, nhất

1. a, Ra sức phát triển công nghiệp và nông nghiệp, thực hiện một bước việc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp toàn diện, v.v...

b, Hoàn thành công cuộc cải tạo Xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa tư doanh, v.v...

c, Nâng cao trình độ văn hoá của nhân dân, đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xây dựng kinh tế và công nhân lành nghề, nâng cao năng lực quản lý kinh tế của cán bộ, công nhân và nhân dân lao động, v.v...

d, Cải thiện thêm một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân lao động, làm cho nhân dân ta được ăn no, mặc ấm, v.v...

e, Đi đôi và kết hợp với phát triển kinh tế, cần ra sức củng cố quốc phòng, tăng cường trật tự an ninh, bảo vệ sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, v.v..

trí, phải đồng tâm hiệp lực chăm lo đến lợi ích của nhân dân.

Ngày 1-9-1962, tại Hội nghị cán bộ miền núi, Người nói về hai điều quan trọng nhất trong chính sách của Đảng và Chính phủ ta đối với miền núi, đó là đoàn kết dân tộc và nâng cao đời sống của đồng bào. Để đời sống nhân dân ngày càng được ấm no hơn, mạnh khoẻ hơn, văn hoá cao hơn, giao thông tiện lợi hơn, làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi thì nhiệm vụ của đồng bào miền núi là phải “ra sức tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm”. Dù đến thăm nơi đâu và dưới hình thức nào, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng luôn luôn động viên nhân dân ta hãy cùng nhau đoàn kết, cố gắng và nỗ lực phấn đấu để xây dựng Chủ nghĩa xã hội, xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn miền Nam. Thông qua nhiều bài viết, bài phát biểu của mình đối với đồng bào miền núi, tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết đồng bào các dân tộc anh em là nền tảng của quan hệ dân tộc, là mục tiêu và cũng là chính sách dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam để giữ gìn và bảo vệ đất nước Việt Nam “là nước chung của tất cả chúng ta” được thể hiện một cách sinh động trong thực tiễn.

Thực hiện tư tưởng đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, và thông qua chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và những hoạt động thực tiễn của Người, chiến lược đoàn kết đồng bào các dân tộc thiểu số, “chú ý đến đồng bào vùng cao và ngày càng hết sức chú ý giúp đỡ đồng bào nhiều hơn nữa” được thực hiện xuyên suốt trong mọi thời điểm cách mạng. Đó không phải là một thủ đoạn chính trị, đó cũng không phải là đoàn kết một cách mơ hồ, chung chung, gò ép, “xoá bỏ xích mích do đế quốc và phong kiến gây ra”, mà là cùng nhau đoàn kết chặt chẽ trên cơ sở *bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ lẫn nhau*.

Trên tinh thần đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn những lời tâm huyết: “Trong khi tuyên truyền cho đồng bào các dân tộc thiểu số, người cán bộ, đảng viên phải thấu hiểu phong tục, tập quán, tâm tư, nguyện vọng của đồng bào, phải hiểu “đồng bào các dân tộc rất thật thà và rất tốt. Nếu nói đúng thì đồng bào nghe, đồng bào làm và làm được”, do đó phải “xuất phát từ nhiệt tình cách mạng, tình thương yêu chân thành đồng bào các dân tộc, từ tinh thần phục vụ đồng bào các dân tộc”¹ để giúp đỡ, cổ vũ đồng bào đoàn kết. Người cũng nói, đoàn kết là sức mạnh vô địch, đoàn kết làm nên thành công, vì vậy đồng bào các dân tộc “cần phải đoàn kết chặt chẽ, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau. Đoàn kết giữa dân tộc mình, đoàn

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.11, tr.138, 128

kết giữa các dân tộc”, “đoàn kết chặt chẽ với đồng bào cả nước”, nâng cao tinh thần cảnh giác, ngăn chặn bọn phản cách mạng âm mưu phá hoại cách mạng, phá hoại sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà và xây dựng Chủ nghĩa xã hội của nhân dân cả nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hơn một lần nói rằng, dù thuộc nhiều dân tộc, nhiều địa phương khác nhau, nhưng nước ta là một nước thống nhất gồm nhiều dân tộc. Các dân tộc anh em gắn bó ruột thịt với nhau, sống trên một lãnh thổ chung và trải qua một thời kỳ lịch sử lâu đời cùng nhau lao động và đấu tranh để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nên “đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ”. Đồng bào các dân tộc anh em “đều là con em của đại gia đình chung: là gia đình Việt Nam, đều có một Tổ quốc chung: là Tổ quốc Việt Nam”¹, vì vậy muốn tiến bộ, muốn phát triển, “phải tẩy trừ những thành kiến giữa các dân tộc, phải đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ nhau như anh em một nhà”².

Không chỉ tập trung xây dựng, củng cố và bảo vệ miền Nam, Người luôn cùng Đảng, Chính phủ, Quốc hội hướng về miền Nam, theo dõi sát sao cuộc đấu tranh anh dũng của đồng bào miền Nam. Nhìn rõ mối tương quan lực lượng cách mạng và phản cách mạng trên phạm vi toàn thế giới, thấy rõ thế tiến công của ba trào lưu cách mạng trong thời đại ngày nay. Từ thực tế của Việt Nam, Người và Trung ương Đảng khẳng định quyết tâm đẩy mạnh cuộc đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị tiến tới giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Trong khi đó, hướng về Chủ tịch Hồ Chí Minh, về miền Bắc Xã hội chủ nghĩa, dưới ánh sáng Nghị quyết Trung ương 15 (1-1959), Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ III (9-1960) của Đảng, nhân dân miền Nam đã đẩy mạnh cuộc đấu tranh chính trị đồng thời với đẩy mạnh cuộc đấu tranh vũ trang, tiến công địch trên cả hai mặt trận chính trị và quân sự và đã giành được thắng lợi ngày càng to lớn. Trên đà thắng lợi, tháng 3-1961, các lực lượng vũ trang cách mạng ở miền Nam đã được hợp nhất lại, thành lập *Quân giải phóng miền Nam Việt Nam*.

Tập trung sức lực, trí tuệ chỉ đạo sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, Người cùng Bộ chính trị chú trọng đặc biệt việc tổ chức chi viện cho cách mạng miền Nam. Đầu tháng 5-1961, Người tiếp đồng chí Bông Văn Dĩa từ miền Nam ra để nhận nhiệm vụ lái con tàu mở đường

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.7, tr.496

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.7, tr.496

“Hồ Chí Minh trên biển”, đưa vũ khí vào miền Nam; tiếp đồng chí Võ Bẩm, Đoàn trưởng Đoàn vận tải quân sự 559 và căn dặn: “Đoàn phải làm tốt, làm nhiều hơn nữa, phải giữ được bí mật, bất ngờ, để con đường huyết mạch đó “hoàn thành tốt nhiệm vụ tiếp sức” cho cách mạng miền Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng.”

Dành cho đồng bào miền Nam những tình cảm thân thương nhất, Người nói: “Ngày nào đế quốc Mỹ chưa rút khỏi miền Nam nước ta, ngày nào miền Nam chưa thoát khỏi ách thống trị tàn bạo của Mỹ - Diệm, chưa được giải phóng, thì Người và toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta vẫn chưa thể ăn ngon, ngủ yên.” Người dành thời gian tới thăm Triển lãm tranh tượng của các họa sĩ điêu khắc miền Nam tập kết ở miền Bắc, v.v.. xúc động ôm hôn Giáo sư Nguyễn Văn Hiếu và Đoàn đại biểu Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam lần đầu ra thăm miền Bắc (20-12-1962), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt tay lên ngực mình và nói: *“Hình ảnh miền Nam yêu quý luôn ở trong trái tim tôi”*. Người tin rằng với tinh thần đoàn kết, bền bỉ, anh dũng chiến đấu và quyết thắng của nhân dân miền Nam, được nhân dân yêu chuộng hoà bình chính nghĩa trên thế giới ủng hộ, được sự hậu thuẫn của miền Bắc Xã hội chủ nghĩa, nhất định cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam của đồng bào ta sẽ giành được thắng lợi.

Dưới sự lãnh đạo, cổ vũ của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, dưới ngọn cờ đoàn kết cứu nước của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, nhân dân miền Nam đã giành được những thắng lợi to lớn trong cuộc đấu tranh kết hợp chính trị với vũ trang, nổi dậy với tiến công trên cả ba vùng chiến lược, tiến công địch bằng cả ba mũi: chính trị, quân sự và binh vận, từng bước phá vỡ các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ, đẩy đế quốc Mỹ vào tình thế “tiến thoái lưỡng nan”. Và trong những ngày tháng đó, những ngày tháng đồng bào miền Bắc đang hăng hái trên công trường xây dựng Chủ nghĩa xã hội, đồng bào miền Nam anh dũng trên đường chiến thắng, Quốc hội - cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã quyết định trao tặng Người Huân chương Sao Vàng. Phát biểu tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khoá II, ngày 8-5-1963, Người từ chối nhận Huân chương Sao Vàng với lời tâm sự: “Chờ đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc hoà bình thống nhất, Bắc - Nam sum họp một nhà, Quốc hội sẽ cho phép đồng bào miền Nam trao cho tôi Huân chương cao quý. Như vậy thì toàn dân ta sẽ sung sướng, vui mừng”¹.

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 11, tr. 62

Trên cương vị Chủ tịch nước, cùng với việc tham dự các cuộc Hội nghị Bộ chính trị, quyết định những vấn đề cơ bản về đường lối chiến lược, sách lược của Đảng, Người đặc biệt quan tâm đến tình hình chiến sự của tiền tuyến lớn miền Nam. Khát vọng và tâm trí của Người luôn hướng về miền Nam và quyết tâm không gì lay chuyển nổi của Người là giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Trong khi đó, càng thua đau ở miền Nam, đế quốc Mỹ ngày càng tăng cường lực lượng và thực hiện chiến lược chiến tranh đặc biệt ở miền Nam, đe dọa hòa bình, an ninh khu vực, chuẩn bị và đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân. Trước tình hình mới, trước yêu cầu phải tăng cường hơn nữa sự đoàn kết nhất trí trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, để phát huy nguồn sức mạnh nội lực của khối toàn dân đoàn kết nhằm chống lại âm mưu mở rộng chiến tranh xâm lược nước ta của đế quốc Mỹ, ngày 7/3/1964, Hồ Chí Minh đã triệu tập và chủ trì Hội nghị chính trị đặc biệt. Tham dự Hội nghị có 327 đại biểu, thay mặt cho những cán bộ lão thành, cho các chính đảng, tiêu biểu cho các ngành, các giới, các tôn giáo, dân tộc, thay mặt cho đồng bào miền Nam và kiều bào ta ở nước ngoài.

Hội nghị đã nghe và thảo luận Báo cáo chính trị của Hồ Chí Minh đánh giá về những thành tích to lớn của nhân dân ta trong 10 năm qua (1954-1964), về tình hình hiện tại và nhiệm vụ trước mắt, về đường lối đối nội và đối ngoại của Đảng và Chính phủ ta. Đánh giá về những thành tựu của miền Bắc, Người khẳng định: “Dưới chính quyền nhân dân, 17 triệu đồng bào miền Bắc đều đoàn kết một lòng, ra sức xây dựng đất nước, xây dựng đời sống mới, tăng cường lực lượng về mọi mặt. Những thành tích to lớn của miền Bắc ngày càng tỏ rõ chế độ Xã hội chủ nghĩa là rất tốt đẹp và đang cổ vũ mạnh mẽ cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào miền Nam.

Đối với cách mạng miền Nam, báo cáo của Người nêu rõ: “Tình hình ở miền Nam hiện nay chứng tỏ một cách rõ rệt sự thất bại không thể tránh khỏi của đế quốc Mỹ trong cuộc “chiến tranh đặc biệt”. Tuy nhiên, càng thua đau, đế quốc Mỹ càng điên cuồng leo thang chiến tranh, và cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam để giành hoà bình và thống nhất Tổ quốc càng trở nên bức thiết và ác liệt. Đề cập vấn đề giải quyết cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt Nam, tuyên bố trước dư luận thế giới và dư luận ở chính nước Mỹ, Hồ Chí Minh luôn chủ trương và nhấn mạnh rằng: “Giải pháp duy nhất đúng đắn về vấn đề miền Nam là phải thực hiện nghiêm chỉnh những điều khoản cơ bản của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương”. Đồng thời, Người “hoàn toàn ủng hộ những đòi hỏi rất đúng đắn của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam, đòi chấm dứt sự can thiệp của đế quốc Mỹ ở miền Nam, đòi quân đội và vũ khí Mỹ phải rút khỏi miền

Nam, để công việc nội bộ của miền Nam do nhân dân miền Nam tự giải quyết lấy theo tinh thần Cương lĩnh của Mặt trận”.

Hội nghị chính trị đặc biệt do Người triệu tập và chủ trì là một sự kiện quan trọng, được nhân dân cả nước và dư luận quốc tế đặc biệt quan tâm. Những ý kiến phát biểu trong Hội nghị và những Văn kiện của Hội nghị thực sự đại biểu cho ý chí và nguyện vọng của toàn dân, khẳng định sự nhất trí của toàn thể nhân dân về chính trị và tinh thần của xã hội miền Bắc. Đồng thời, các văn kiện đó cũng chứng tỏ sự nhạy bén, kịp thời của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi quyết định triệu tập và chủ trì cuộc Hội nghị quan trọng này trong điều kiện chiến tranh có nguy cơ lan rộng, đe dọa hòa bình của miền Bắc và khu vực. Điều này càng chứng tỏ những hoạt động đối nội sâu sát, những quyết định kịp thời, nhạy bén của vị nguyên thủ quốc gia Hồ Chí Minh luôn nhất quán mục tiêu: Vì Tổ quốc, vì nhân dân, vì sự tín nhiệm của cử tri và Quốc hội, “luôn cố gắng làm tròn trách nhiệm của mình, quyết không phụ lòng tin cậy của đồng bào và Quốc hội”.

Ngày 5-8-1964, đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc, ồ ạt đưa quân viễn chinh vào miền Nam Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố: Tôi muốn nói với dư luận nhân dân ở nước Mỹ và toàn thế giới sự căm phẫn của toàn thể nhân dân Việt Nam trước những hành động xâm lược có tính toán từ trước của Chính phủ Mỹ đối với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Tôi cũng muốn nói lên ý chí của toàn thể nhân dân Việt Nam, với sức mạnh được tăng cường gấp bội, quyết đấu tranh chống bọn xâm lược cho đến thắng lợi. Tiếp đó, Người nêu biện pháp duy nhất để giải quyết vấn đề chiến tranh ở Việt Nam, đó là: “Đế quốc Mỹ phải tôn trọng Hiệp định Giơnevơ, phải rút khỏi miền Nam Việt Nam, phải chấm dứt ngay những cuộc tiến công vào miền Bắc”¹.

Thực hiện đường lối của Đảng, thể hiện trong các Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 11 và 12, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo nhân dân miền Bắc vừa sản xuất, vừa chiến đấu, đánh thắng chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, đồng thời ra sức hoàn thành nhiệm vụ chi viện cho cách mạng miền Nam. Tại kỳ họp thứ hai, Quốc hội khoá III, Người khẳng định: “Lúc này chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng nhất của mọi người Việt Nam yêu nước”, đồng thời kêu gọi: “Tất cả chúng ta hãy đoàn kết nhất trí, triệu người như một, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược!”².

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 11, tr. 433

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 11, tr. 435

Trước sự xâm phạm trắng trợn chủ quyền, độc lập của Việt Nam, ngày 10-4-1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kịch liệt lên án đế quốc Mỹ “đưa hàng trăm máy bay, hàng chục tàu chiến liên tiếp đến bắn phá miền Bắc, phơi trần bộ mặt ăn cướp của chúng”. Người tuyên bố lập trường trước sau như một của Chính phủ và nhân dân Việt Nam là: Kiên quyết bảo vệ nền độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam. Đế quốc Mỹ phải tôn trọng Hiệp định Giơnevơ, phải rút khỏi miền Nam Việt Nam, phải chấm dứt ngay những cuộc tiến công vào miền Bắc - “Đó là biện pháp duy nhất để giải quyết vấn đề chiến tranh ở Việt Nam”¹.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng đã đề ra những chủ trương đường lối mới trong điều kiện đế quốc Mỹ leo thang trong cuộc chiến tranh cục bộ ở miền Nam, tăng cường ném bom phá hoại miền Bắc. Ngày 16-1-1966, Người nói: “Chúng ta phải ra sức cố gắng giành cho được thắng lợi quyết định ở miền Nam, bởi vì cuộc chiến tranh này căn bản là ở miền Nam. Mỹ thua ở miền Nam tức là nó thua, ta thắng ở miền Nam, tức là ta thắng”. Vì vậy, chúng ta phải “giành thắng lợi quyết định trong một thời gian, ta không nói mấy năm, mấy tháng, mấy ngày, nhưng trong một thời gian càng ngắn càng tốt”. Còn ở miền Nam, quân dân ta phải “tiêu diệt và phá tan được quân ngụy, tiêu diệt được nhiều quân Mỹ, đó là ta giành được thắng lợi quyết định”, đồng thời đồng bào và chiến sĩ cả nước phải tin tưởng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến của chúng ta, vì đó cuộc chiến tranh của nhân dân, vì độc lập, tự do của nhân dân và do toàn dân tiến hành.

Người từng nói: “không một giờ một phút nào không nhớ đến đồng bào ruột thịt ở miền Nam đang chiến đấu anh dũng chống bọn Mỹ Diêm để cứu nước cứu nhà”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt xúc động mỗi khi được gặp những người con của miền Nam được ra thăm miền Bắc. Và tháng 5/1965, sau những thắng lợi vang dội đánh tan bước đầu kế hoạch “tìm diệt” của Giôn-xơn, miền Nam đã mở Đại hội liên hoan anh hùng, chiến sĩ thi đua lần thứ nhất. Sau đó, Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam cử một đoàn đại biểu gồm các anh hùng, chiến sĩ thi đua các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng ra thăm miền Bắc.

Đoàn gồm có năm người, đó là Tạ Thị Kiều, người con gái anh hùng của đất Bến Tre đồng khởi, là Lê Chí Nguyên, Huỳnh Văn Đảnh tiêu biểu cho thanh niên miền Nam “đánh đâu thắng đó”, là Trần Dương, người con của Quảng Nam đã “thần thông biến hoá” làm cho kẻ địch phải kinh sợ,

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 11, tr. 433

là A Vai, người con của dân tộc Pacô đã “nhen ngọn lửa cách mạng” ở miền Tây Thừa Thiên.

Mang theo trong lòng tình cảm thiết tha của đồng bào miền Nam và của bản thân, ý nguyện được gặp Bác Hồ của những người con miền Nam từ ngày đầu được ra miền Bắc đã được thực hiện. Khi đồng chí Hồ Thị Bi báo tin sẽ được vào thăm Bác Hồ, cả đoàn đều rất xúc động, vui mừng. Được gặp Bác Hồ tại Phủ Chủ tịch, được chụp ảnh và ăn cơm cùng Người là một niềm hạnh phúc lớn của các anh hùng dũng sĩ miền Nam.

Vừa nhìn thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, chị Mười Lý và AVai đã rưng rưng nước mắt, ngập ngừng: “Bác ơi! Chúng cháu nhớ Bác quá. Đồng bào miền Nam nhớ Bác quá!”. Lúc ấy, cả năm đồng chí đều không ngăn được nước mắt vì sung sướng. Mắt Người cũng ngấn lệ. Người âu yếm nhìn những người con ưu tú của miền Nam Thành đồng Tổ quốc và nói với một giọng ấm áp: “Bác mong các cháu lắm, Bác nhớ đồng bào miền Nam lắm! Kia, sao các cháu lại khóc? Bác cháu ta gặp nhau thì vui chứ!” Nghe lời nói đầy yêu thương của Bác, các anh hùng, chiến sĩ miền Nam càng nức nở hơn. Rồi Người nói: “Bác cháu ta đi dạo chơi một lúc” và Bác đi giữa, A Vai bám bên trái, Mười Lý bám bên phải Bác. Sau đó, mọi người được chụp ảnh cùng Bác. Bức ảnh hôm ấy đã ghi lại những phút giây rất đẹp về tình cảm của Bác với các cháu con miền Nam.

Vừa dạo chơi vừa trò chuyện, Người đưa đoàn đến một chỗ thoáng đẹp. ở đó có bày sẵn bàn ghế, trên bàn có hoa hồng, kẹo, táo và chuối, và nói: Bây giờ Bác cháu ta ngồi đây chơi. Bác chỉ chiếc ghế bên phải bảo: Cháu Mười Lý ngồi đây, còn Người ngồi vào chiếc ghế ở đầu bàn, mời các cháu ăn kẹo, uống nước. Sau đó, Người quay sang hỏi thăm Mười Lý về sức khoẻ, về bữa ăn và Bác chỉ đồng chí Hồ Thị Bi ngồi bên, rồi nói: Cô Bi phải trông nom các cô, các chú ấy ăn, ngủ cho tốt, đừng để các cô, các chú ấy ốm nhé. Nghe Bác dặn, chị Hồ Thị Bi đứng dậy: Thưa Bác, vâng ạ! Khi Bác hỏi thăm: Chị Út Tịch có khoẻ không? Chị Mười Lý đã thay mặt đoàn thưa: “Dạ, chị Út vẫn khoẻ. Cháu xin thưa với Bác, chị Ba Định, chị Út Tịch và tất cả các cô, bác, anh, chị trong Mặt trận và bộ đội giải phóng cùng đồng bào quê hương kính chúc Bác mạnh khoẻ sống lâu”, Bác liền vui vẻ hỏi: “Cháu xem Bác có khoẻ không?”.

Thay mặt đoàn, chị Mười Lý ngược lên nhìn Bác: Dạ, được gặp Bác, thấy Bác hồng hào, mạnh khoẻ, cháu mừng quá. Ở trong Nam, bà con nghe đài Hà Nội, chỉ mong hoài được nghe tiếng Bác nói, nhất là vào đêm giao thừa để theo dõi sức khoẻ của Bác, chỉ mong Bác mạnh khoẻ, sống lâu, mong đoàn kết cùng nhau đánh hết giặc để rước Bác vào thăm... Như nghe thấy tiếng nói thân thương của cả miền Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói:

Mỗi năm thêm một tuổi, Bác cháu ta càng lớn, càng mạnh. Các cô, các chú càng đánh thắng giặc Mỹ, Bác càng mạnh khoẻ sống lâu. Rồi Người quay sang phía trái, chỉ đồng chí Vai, và hỏi Vai người dân tộc nào? Khi biết Vai người dân tộc dân tộc Pacô, Người lại hỏi thăm về đời sống của gia đình và quê A Vai bây giờ thế nào? Đồng bào dân tộc ở quê Vai có nói được tiếng Kinh như cháu không? Sau khi nghe Vai kể về mình, về đồng bào dân tộc mình, về quê hương miền Tây Thừa Thiên, Bác cảm động nói: “Ngày thống nhất Bác vô Nam, thế nào cũng về thăm quê hương cháu Vai”.

Người vui vẻ nhìn sang đồng chí Huỳnh Văn Đánh, hỏi: Cháu Đánh quê ở tỉnh nào? Cháu bị thương trong trận nào? Vết thương cháu đã lành hẳn chưa? và Bác còn hỏi thêm đồng chí Đánh về đời sống của đồng bào và bộ đội, về vấn đề ruộng đất và cách làm ăn của bà con trong xã., v.v. Khi Người hỏi đồng chí Dương: Gia đình cháu bây giờ còn những ai? Quá xúc động, mắt đồng chí Dương vẫn nhìn Bác không chớp. Giọng nói của anh nhỏ lại vì xúc động: Nhà cháu chỉ còn mình cháu. Người cố nén buồn và trùi mền nhìn Dương, rồi nói: “Bây giờ không phải cháu chỉ có một mình. Đây là anh em của cháu, là gia đình của cháu”. Trần Dương cảm động, nhìn Bác mãi mà không nói được gì. Bác lại hỏi đồng chí Nguyễn: Các cháu đánh giặc giỏi, nhưng có sản xuất được nhiều không? Đạo này bộ đội ăn có được no không? Các cháu mặc có đủ ấm không? Đồng bào ở vùng giải phóng có được no ấm không? Nguyễn nói: Thưa Bác, chúng cháu được mặc đủ, được phát cả áo ấm nữa. Cháu thấy đời sống của đồng bào ở vùng giải phóng đã khá hơn trước nhiều. Bà con được ăn no, mặc ấm. Bác gật đầu tỏ ý vui mừng. Mọi người đều rất cảm động khi Bác hỏi thăm những gia đình có người bị địch khủng bố, v.v.. Cuối cùng, Bác nói: “Giặc Mỹ và tay sai rất hung ác, song nhân dân ta rất anh hùng, thắng lợi cuối cùng nhất định sẽ về ta”.

Những tình cảm của Chủ tịch Hồ Chí Minh dành cho những người con ưu tú của Quân giải phóng miền Nam là những tình cảm bao la của người cha, người ông đối với cháu con của mình. Sau đó, trong suốt thời gian đoàn ở thăm miền Bắc, lúc nào rảnh, Người lại cho phép đoàn vào thăm và lần nào Người cũng hỏi các anh hùng có mặc đủ ấm không... Các anh hùng chiến sĩ thi đua miền Nam về thăm Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn cảm động và cảm thấy mình được lớn lên trong tình thương yêu bao la của Người. Xúc động trước tình thương yêu và nỗi nhớ mong khắc khoải của Người đối với miền Nam, Anh hùng Tạ Thị Kiều đã nói: Càng được gần Bác, càng hiểu tình thương yêu cán bộ chiến sĩ và đồng bào miền Nam của Bác là vô cùng!

Và cũng vì miền Nam yêu quý, dưới sự lãnh đạo và động viên của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ở miền Bắc Xã hội chủ nghĩa, các phong trào thi

đua yêu nước nở rộ. Đó là *phong trào thi đua của phụ nữ ở miền Bắc* với các nội dung: Cần kiệm xây dựng Tổ quốc, cần kiệm xây dựng gia đình đã được thực hiện (8/3/1960), “Vững tay cày, chắc tay súng” (1961), “Năm tốt” (30/4/1964), “Ba đảm nhiệm” (18/3/1965) về sau đổi thành “Ba đảm đang” với 3 nội dung: 1/Phụ nữ đảm đang sản xuất và công tác; thay thế cho chồng con đi chiến đấu; 2/Phụ nữ đảm đang việc gia đình cho chồng, con, anh em tòng quân và phục vụ lâu dài trong quân đội; 3/Phụ nữ đảm đang phục vụ chiến đấu, tham gia dân quân tự vệ, tập luyện quân sự để sẵn sàng chiến đấu; phục vụ bộ đội, công an, dân quân tự vệ khi chiến đấu, v.v... đã diễn ra rất sôi nổi và bền bỉ. Họ, những người phụ nữ Việt Nam thật xứng đáng với 8 chữ vàng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao tặng: “Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang” thực sự là “hậu phương lớn”, vững chắc cho những người cha, người anh, người em, người chồng, người con ở tiền tuyến yên tâm nắm chắc tay súng, diệt quân thù.

Không chỉ có phụ nữ, sôi nổi và hào hùng, thế hệ trẻ (thanh thiếu niên và nhi đồng) hăng hái tham gia phong trào Thi đua yêu nước. *Phong trào thanh niên “ba sẵn sàng”* (2/1965) của thanh niên hưởng ứng Lời kêu gọi chống Mỹ cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng với 3 nội dung: 1/ Thanh niên sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu dũng cảm và gia nhập các lực lượng vũ trang; 2/Thanh niên khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, học tập trong bất kỳ tình huống nào; 3/Thanh niên sẵn sàng đi bất cứ nơi nào, làm bất cứ việc gì mà Tổ quốc cần; phong trào thanh niên “xung phong tình nguyện vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) ở miền Bắc và phong trào “Năm xung phong” của tuổi trẻ cả nước trong những năm 1961-1965, *phong trào thiếu nhi “làm nghìn việc tốt”* (1963), cũng góp phần làm cho thi đua yêu nước ở miền Bắc trong những năm thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất thêm sôi động. Từ thi đua yêu nước đã xuất hiện các phong trào xung phong đi xây dựng kinh tế miền núi của nhân dân các tỉnh đồng bằng, xây dựng các đơn vị sản xuất, các ca sản xuất thanh niên trong các nhà máy xí nghiệp, thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy trong thiếu niên, nhi đồng, v.v.. thu hút đông đảo mọi người tham gia.

Phong trào thi đua trong ngành công nghiệp của giai cấp công nhân, với các mục tiêu: thi đua sản xuất “nhanh, nhiều, tốt, rẻ” (30/5/1957), thực hiện cuộc vận động: 3 xây 3 chống: Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường quản lý tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu (27/7/1963). Trong các xí nghiệp, nhà máy, phong trào thi đua đạt: Năng suất cao, chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều (3/4/1964) sau gọi thành thi đua 3 cao điểm (12/2/1965), v.v..cũng diễn ra sâu rộng và liên tục. Giai cấp công nhân đã thi đua đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, giữ đúng

kỷ luật lao động, góp phần nâng cao đời sống của nhân dân và thiết thực chi viện cho đồng bào miền Nam đánh Mỹ. Điển hình của phong trào là nhà máy cơ khí Duyên Hải, Hải Phòng đã có thành tích trong: Thi đua hợp lý hoá sản xuất và Cải tiến kỹ thuật (1961). Thành tích toàn diện và vượt mức kế hoạch năm 1961 của Nhà máy cơ khí Duyên Hải đã có tác dụng cổ vũ, thúc đẩy mạnh mẽ phong trào thi đua trong toàn ngành công nghiệp, với tinh thần “Học tập Duyên Hải, Thi đua với Duyên Hải”. Nói chuyện tại hội nghị sơ kết phong trào thi đua “Phấn đấu trở thành người lao động tiên tiến, tổ tiên tiến, đơn vị tiên tiến”, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Phong trào Thi đua yêu nước, phong trào cải tiến quản lý xí nghiệp, phong trào “tiên tiến” (20/6/1960), ba phong trào đó kết hợp chặt chẽ với nhau”¹, cùng nhằm mục đích xây dựng thành công Chủ nghĩa xã hội. *Phong trào thi đua trong ngành thủ công nghiệp* đã xuất hiện hợp tác xã Thành Công, Thanh Hoá đạt thành tích: Tinh thần tự lực cánh sinh; Cần kiệm xây dựng hợp tác xã (12/1961). Thi đua với Thành Công, có hơn 8000 hợp tác xã thủ công nghiệp phát huy được 56.000 sáng kiến (số liệu của Viện Thi đua khen thưởng Trung ương), góp phần hoàn thành thắng lợi kế hoạch năm 1961 của ngành thủ công nghiệp.

Cùng với công nhân, nông dân miền Bắc thực hiện cuộc vận động Cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất toàn diện. Cùng với *phong trào thi đua* đạt: Năng suất cao, hoa màu nhiều, chăn nuôi giỏi, cây công nghiệp tăng (3/4/1964), là các *phong trào thi đua làm thủy lợi* trong hai năm 1964-1965, *phong trào thi đua trồng cây, gây rừng*, v.v... Trong thi đua, đã xuất hiện những tập thể điển hình, được các phương tiện truyền thông nêu gương. Đó là Hợp tác xã Đại Phong thuộc xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy, Quảng Bình, đơn vị đã có thành tích đi đầu trong phong trào: Cải tiến quản lý hợp tác xã; cải tiến kỹ thuật; đẩy mạnh sản xuất. Noi gương Đại Phong, hơn 10.000 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở miền Bắc (số liệu của Viện Thi đua khen thưởng Trung ương) hăng hái thi đua, tỏ rõ sức mạnh to lớn của nông dân nước ta trên con đường hợp tác hoá, xây dựng đời sống hạnh phúc ấm no.

Phong trào thi đua trong Quân đội, như cờ Ba nhất: Đạt thành tích nhiều nhất; Đều nhất; Giỏi nhất và phong trào thi đua thuộc ngành hậu cần: Tiến nhanh vượt mức kế hoạch, vươn lên hàng đầu, v.v.. đã phát huy được truyền thống và bản chất tốt đẹp của quân đội ta. Trong từng đơn vị, phong trào thi đua đã cổ vũ tinh thần phấn đấu vươn lên trong học tập và

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.10, tr.162

rèn luyện của cán bộ và chiến sĩ để tăng nguồn sức mạnh đánh thắng mọi kẻ thù.

Trong ngành giáo dục, phong trào thi đua Hai tốt: Dạy tốt, Học tốt trong các nhà trường theo gương điển hình Bắc Lý, Nam Hà (1961) cũng được nhân rộng. Thực hiện nội dung giáo dục toàn diện, gắn nội dung giảng dạy với thực tế lao động sản xuất, thầy và trò ngành giáo dục đề ra khẩu hiệu “Học tập Bắc Lý, đuổi kịp và vượt Bắc Lý”. Hoà cùng phong trào Thi đua yêu nước, *giới trí thức cũng có phong trào thi đua 3 quyết tâm*: Quyết tâm phục vụ sản xuất và chiến đấu; Quyết tâm đẩy mạnh cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng văn hoá tư tưởng; Quyết tâm xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức Xã hội chủ nghĩa (6/1/1966), biểu thị ý chí quyết tâm, mang hết tài năng trí tuệ của giới trí thức cách mạng trên các mặt trận lao động sản xuất và chiến đấu, cống hiến cho sự nghiệp chống Mỹ cứu nước.

Thi đua yêu nước, thi đua trong tất cả các ngành, các giới, trên mọi lĩnh vực và thi đua ở cả 2 miền Bắc Nam, đã không chỉ xuất hiện nhiều anh hùng và chiến sĩ thi đua, mà còn có nhiều bông hoa người tốt, việc tốt toả sáng trong thực tiễn. Theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, những cuốn sách viết về tám gương Người tốt, việc tốt (6/1968) đã từng được báo chí, bản tin nêu gương sẽ được xuất bản để nhân rộng những hạt giống đỏ, những bông hoa đẹp trong vườn hoa của chủ nghĩa anh hùng cách mạng mà sức lan toả trong quần chúng vô cùng sâu sắc. Và đi liền đó là *phong trào thi đua noi gương* Người tốt, việc tốt cũng được thực hiện.

Hướng về miền Nam, phong trào thi đua: *Mỗi người làm việc bằng hai để đền đáp lại cho đồng bào miền Nam ruột thịt* (28/3/1964) của đồng bào và chiến sĩ miền Bắc, đã góp phần tăng cường sức mạnh, củng cố quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ. Từ hậu phương miền Bắc Xã hội chủ nghĩa, theo lời kêu gọi thi đua vì miền Nam “Thành đồng Tổ quốc” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, khẩu hiệu thi đua: *Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người* đã được thực hiện. Tinh thần thi đua yêu nước trong lao động sản xuất, trong học tập và đặc biệt là trên trận tuyến đánh quân thù của quân dân cả nước trong những năm xây dựng miền Bắc Xã hội chủ nghĩa và chống Mỹ cứu nước, với biết bao anh hùng, chiến sĩ thi đua, bao dũng sĩ diệt Mỹ, bao tổ đội lao động Xã hội chủ nghĩa v.v được tuyên dương tại Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ 3 (1962), lần thứ 4 (1966) và nhiều Hội nghị khác. Cùng đó, bao tám gương người tốt, việc tốt cũng được nhận quà tặng, giấy khen và huy hiệu của Người. Thi đua yêu nước thực sự trở thành động lực tinh thần của toàn xã hội, góp phần to lớn vào thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước.

Hưởng ứng phong trào Thi đua yêu nước, trong toàn Đảng cũng đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng chi bộ vững mạnh, gắn liền với việc chỉnh đốn Đảng. Trước mỗi bước ngoặt của cách mạng, Đảng lại thường xuyên tự đổi mới và giữa những năm tháng đầy khó khăn của sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và chống Mỹ cứu nước, *phong trào thi đua*: xây dựng chi bộ và Đảng bộ cơ sở 4 tốt sau 3 năm thực hiện đã được tổng kết (4/1966). Tại Hội nghị Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh, “đảng viên tốt thì chi bộ mới tốt. Muốn đảng viên tốt thì chi bộ phải thường xuyên giáo dục... đồng thời giúp đỡ đảng viên hàng ngày tự kiểm điểm mình”¹, để ngày càng có nhiều hơn chi bộ đạt “bốn tốt”, lãnh đạo nhân dân hoàn thành thắng lợi kế hoạch nhà nước.

Tất cả những phong trào Thi đua yêu nước trong suốt những năm miền Bắc xây dựng Chủ nghĩa xã hội và kiên cường trở thành hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn miền Nam theo lời kêu gọi Thi đua ái quốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã không chỉ góp phần làm nở rộ những bông hoa tươi thắm của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trên mọi lĩnh vực, mà còn thiết thực góp phần đánh Mỹ và thắng Mỹ cùng đồng bào miền Nam ruột thịt.

Ngày 15-2-1965, giữa bận bịu công việc, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn dành thời gian về thăm Côn Sơn, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, nơi thờ vị anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi. Người nghỉ trưa tại đây, xem rất kỹ văn bia trong đền thờ Nguyễn Trãi. Đó là cuộc gặp gỡ giữa Người và tiền nhân, cuộc gặp gỡ của hai nhà chính trị và quân sự kiệt xuất, hai nhà thơ lớn, hai nhân cách lớn cùng chung một tấm lòng vì nước, vì dân, vì một nền hoà bình nhân nghĩa, thấm đẫm phẩm cách và đạo đức tâm hồn Việt.

Phối hợp với những hoạt động ngoại giao tích cực của một vị Chủ tịch nước, Người còn chỉ đạo nhiều hoạt động của Đảng và Nhà nước ta nhằm thiết lập mối quan hệ rộng rãi với nhiều quốc gia, với nhiều tổ chức quốc tế, nhiều nhân sĩ, trí thức, chính khách, nhà văn hoá có tên tuổi để hình thành một mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ nhân dân ta chống đế quốc Mỹ xâm lược. Nhân dịp năm mới 1966, Người gửi lời chúc mừng xuân mới đến nhân dân Mỹ, cảm ơn nhân dân Mỹ đã đấu tranh đòi Chính phủ Mỹ chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam và nói rằng: Nhân dân Việt Nam rất quý trọng tình hữu nghị với nhân dân Mỹ vĩ đại đang tiếp tục những truyền thống của Hoa Thịnh Đốn và Lincôn đấu tranh cho độc lập dân tộc và dân chủ.

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.12, tr.80 .

Ngày 24-1-1966, trong thư gửi các vị đứng đầu các nước xã hội chủ nghĩa, các nước liên quan tới Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Việt Nam, các nước dân tộc chủ nghĩa và nhiều nước khác quan tâm đến tình hình Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói về tình hình nghiêm trọng do đế quốc Mỹ gây ra ở miền Nam Việt Nam, Lào và Campuchia. Cục lực phản đối những tội ác man rợ của đế quốc Mỹ gây ra ở miền Nam, Người khẩn thiết yêu cầu các chính phủ và nhân dân yêu chuộng hoà bình toàn thế giới hãy kiên quyết chặn tay bọn tội phạm chiến tranh Mỹ và khẳng định: Ngày nào còn đội quân xâm lược Mỹ trên đất nước chúng tôi, thì nhân dân chúng tôi kiên quyết chiến đấu chống lại chúng.

Những hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần khẳng định lập trường và thiện chí của Đảng, Nhà nước ta trong việc giải quyết vấn đề Việt Nam và cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Đồng thời cũng khẳng định niềm tin, ý chí quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ của nhân dân Việt Nam vì mục tiêu: Hoà bình, thống nhất, độc lập dân tộc, dân chủ và góp phần vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới. Những hoạt động đó đã góp phần nêu cao thiện chí hoà bình, chính sách láng giềng thân thiện của Việt Nam, nâng cao địa vị và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, đồng thời góp phần tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của nhân dân các nước trên thế giới đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta, làm cho nhân dân thế giới hiểu hơn về những đau thương, mất mát mà cuộc chiến tranh đế quốc Mỹ đã gây ra ở miền Nam Việt Nam.

Sự đoàn kết, đồng tình và ủng hộ chí tình của nhân dân thế giới với cuộc chiến đấu chính nghĩa của nhân dân Việt Nam không chỉ mang đến cho nhân dân Việt Nam nguồn sức mạnh vật chất và tinh thần to lớn, mà còn góp phần vào thắng lợi to lớn của nhân dân miền Nam Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược. Chủ tịch Hồ Chí Minh, với vị thế một nguyên thủ quốc gia, đã thay mặt nhân dân Việt Nam và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gửi lời cảm ơn sâu sắc đến nhân dân và Chính phủ các nước anh em.

Chiến tranh ngày càng ác liệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo, động viên quân dân miền Bắc vừa sản xuất, vừa chiến đấu, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Ngày 17-7-1966, qua làn sóng của Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước*. Người nói: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ

xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!”¹. Đồng thời, Người khẳng định: “Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam, phải rút hết quân đội Mỹ và chư hầu ra khỏi Việt Nam thì hoà bình sẽ trở lại ngay lập tức. Lập trường của Việt Nam đã rõ ràng: đó là 4 điểm của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và 5 điều của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam - Ngoài ra, không có cách nào khác!”.

Ngày 2-1-1967, trong buổi tiếp đại biểu các đơn vị anh hùng và chiến sĩ thi đua chống Mỹ, cứu nước, Người nói: “Các cô, các chú được tuyên dương là anh hùng, phải nhận rõ rằng vinh dự đó là vinh dự chung của tập thể, chứ không chỉ là của riêng từng người. Nếu không có Đảng, không có nhân dân, không có tập thể thì mọi người không trở thành anh hùng được. Có anh hùng là vì có tập thể anh hùng. Có tập thể anh hùng là vì có nhân dân anh hùng, dân tộc anh hùng, Đảng anh hùng. Sự nghiệp anh hùng của nhân dân ta gắn liền với sự nghiệp đấu tranh cách mạng của nhân dân thế giới².”

Sau khi chuyển hướng công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, vừa sản xuất, vừa chiến đấu vô cùng anh dũng, quân và dân miền Bắc anh hùng đã giành được thắng lợi vẻ vang, đã bắn rơi hơn 3.200 máy bay, bắn cháy hàng trăm tàu chiến lớn nhỏ, đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ trên miền Bắc nước ta. Đây là một thắng lợi có ý nghĩa vô cùng quan trọng, phá vỡ được âm mưu làm suy yếu miền hậu phương lớn miền Bắc và đập tan hy vọng về việc “làm giảm sút sức chi viện cho miền Nam” của đế quốc Mỹ. Song không hề chủ quan trước những thắng lợi đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Đế quốc Mỹ rất ngoan cố và xảo quyệt. Chúng nói “hoà bình”, “thương lượng” nhưng vẫn chưa chịu từ bỏ dã tâm xâm lược của chúng. Hơn một triệu quân Mỹ, quân ngụy và quân chư hầu còn đang hàng ngày gây ra biết bao tội ác dã man đối với đồng bào miền Nam ta.” Vì vậy, Người chỉ ra nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân ta lúc này là: “Phải nâng cao tinh thần quyết chiến quyết thắng, quyết tâm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hoà bình thống nhất Tổ quốc. Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi”³.

Để động viên tinh thần của quân và dân ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên gửi thư, điện khen ngợi những thành tích đã đạt được trong

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđd, t.12, tr. 108

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđd, t. 12, tr. 198

3. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđd, t. 12, tr. 407

lao động sản xuất, học tập, và chiến đấu. Những bức thư Người gửi cán bộ và nhân viên quân y đã có nhiều thành tích trong việc cứu chữa thương, bệnh binh cũng như trong việc giữ gìn sức khoẻ bộ đội; Khen Tiểu đoàn I pháo cao xạ Quân khu IV; Khen quân và dân Hà Nội đã bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 1.600; hợp tác xã Tân Phong, tỉnh Thái Bình, hợp tác xã Nam Tiến, tỉnh Phú Thọ đạt năng suất lúa cao, v.v.. những lần Người dành thời gian đến thăm Đại hội “Ba sẵn sàng” của Đoàn Thanh niên lao động các cơ quan Trung ương; thăm Đại hội những người xuất sắc trong phong trào “Phụ nữ ba đảm đang” của phụ nữ Hà Nội; tiếp Đoàn đại biểu Đại hội nữ công nhân cầu đường, đơn vị anh hùng của Bộ Giao thông Vận tải; tặng hoa phong lan cho các đại biểu nữ dân quân Quảng Bình và Vĩnh Linh, v.v.. đã cổ vũ, động viên quân dân miền Bắc hăng hái thi đua lập thành tích trên mọi lĩnh vực, để vừa xây dựng và bảo vệ miền Bắc Xã hội chủ nghĩa, vừa thiết thực chi viện cho đồng bào miền Nam trên chiến trường đánh Mỹ.

Theo dõi từng tin thắng trận của quân và dân miền Nam, nhân dịp kỷ niệm lần thứ năm, ngày thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20-12-1965), Người gửi điện chúc mừng, khen ngợi những chiến thắng vang dội ở Vạn Tường, Plâyme, Đà Nẵng, Chu Lai, Bầu Bàng, Dầu Tiếng, Sài Gòn, v.v.. và khẳng định: “Quân và dân ta ở miền Nam có đủ khả năng đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ dù chúng đưa thêm vào miền Nam mấy chục vạn quân nữa”¹. Cùng với sự chi viện của hậu phương miền Bắc, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, trực tiếp là Trung ương Cục miền Nam, quân và dân miền Nam đã làm thất bại cuộc phản công mùa khô lần thứ nhất (1965 -1966), và phá sản hoàn toàn kế hoạch “tìm diệt” và “bình định” của Mỹ trong mùa khô 1966 -1967.

Tháng 12-1966, khi Phái đoàn thường trực của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra thăm Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gặp gỡ và thăm hỏi những người con ưu tú của miền Nam, đồng thời thân ái gửi lời chúc mừng đồng bào và chiến sĩ miền Nam anh hùng. Người gửi thư cho Luật sư Nguyễn Hữu Thọ và các vị trong Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam, chúc mừng miền Nam giành thắng lợi trong chiến dịch Đông Xuân 1966 –1967. Người khẳng định thắng lợi đó có ý nghĩa chiến lược rất to lớn về quân sự và chính trị trong các cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của toàn dân ta. Tiếp đó, Người gửi điện mừng Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua và dũng sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam lần thứ hai (9-1967), khen ngợi những thành

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđd, t. 11, tr. 562

tích trong hơn 20 năm chiến đấu vô cùng anh dũng, bền bỉ, vượt mọi gian khổ, hy sinh, quyết giành lại độc lập, tự do của đồng bào và chiến sĩ miền Nam và nhấn mạnh: “Đại hội anh hùng lẫm này là Đại hội của những người sẽ đánh thắng “chiến tranh cục bộ” của chúng, thực hiện Cương lĩnh chính trị của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam”¹.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta còn gặp nhiều khó khăn, gian khổ, nhưng nhất định sẽ giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống giặc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thực hiện hoà bình thống nhất Tổ quốc. Và khi cục diện chiến trường đã có những thay đổi nhất định, ngày 28-12-1967, Chủ tịch Hồ Chí Minh họp Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định chủ trương mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968. Người cũng đồng thời chỉ thị cho cán bộ chỉ huy các chiến trường: “Kế hoạch phải thật tỉ mỉ. Hợp đồng phải thật khớp. Bí mật phải thật tuyệt đối. Hành động phải thật kiên quyết. Cán bộ phải thật gương mẫu.”

Sau đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh sang chữa bệnh tại Trung Quốc (Ngọc Tuyên Sơn, Bắc Kinh, từ ngày 1/1/1968 đến ngày 21/4/1968). Mặc dù tình hình sức khoẻ của Người có chiều hướng xấu đi, mặc dù hàng ngày phải tiêm kháng sinh (lúc đầu ngày tiêm 4 mũi, sau đó giảm dần xuống 3 mũi, rồi 2 mũi), phải chạy điện cường phổi, chạy điện cổ, điện tim, điện tay nhiều đợt, phải châm cứu, v.v.. nhưng khát vọng được vào thăm miền Nam luôn thôi thúc Người. Không chỉ chấp hành nghiêm ngặt việc chữa bệnh theo yêu cầu của bác sĩ, Người còn tích cực tập luyện, rèn luyện sức khoẻ để có thể vào thăm quân dân miền Nam. Xúc động mỗi khi xem phim về cuộc sống, chiến đấu của đồng bào miền Nam: *Bên bờ Bến Hải, Vĩ tuyến 17, Rừng O Thảm*, v.v.. hình ảnh miền Nam yêu quý càng thôi thúc “nỗi nhớ nhà” trong trái tim Người.

Và cùng với việc quân dân ta ở miền Nam đồng loạt mở cuộc Tổng tấn công trên khắp các chiến trường, từ Trung Quốc, Người cũng liên tiếp nhận được tin chiến thắng từ Việt Nam báo sang. Dù đang ở xa, dù không thể trực tiếp theo dõi và chỉ đạo sát sao, nhưng Người luôn yêu cầu các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước báo tin mỗi ngày hai lần về tình hình chiến sự miền Nam. Thắng lợi của cuộc tổng tấn công xuân Mậu Thân của quân và dân miền Nam làm đồng bào cả nước phấn khởi, tự hào, bạn bè thế giới vui mừng. Trong niềm vui đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi điện mừng và căn dặn: “Thắng lợi đầu Xuân của quân và dân miền Nam đã

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 12, tr. 292

đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của toàn dân ta đến một tình thế mới rất có lợi! Không có gì cứu vãn nổi sự sụp đổ hoàn toàn của giặc Mỹ và tay sai! Càng gần thắng lợi, càng nhiều gian nan. Quân địch như con thú dữ đến bước đường cùng càng giãy giụa điên cuồng, quân và dân ta càng phải tăng cường đoàn kết, kiên trì chiến đấu, đánh mạnh, đánh liên tục, giành nhiều thắng lợi to lớn hơn nữa!"¹. Ngày 26-2-1968, khi đồng chí Lê Đức Thọ sang Trung Quốc, Người đã sang gặp và nghe đồng chí Thọ báo cáo tình hình. Vui niềm vui chiến thắng của quân dân miền Nam, khát vọng và ý chí quyết tâm vào thăm miền Nam trước ngày giải phóng hoàn toàn càng trở nên mãnh liệt. Ngày 10-3-1968, Người gửi đồng chí Lê Văn Lương chuyển tới đồng chí Lê Duẩn bức thư, trong đó đề nghị Bộ Chính trị bố trí để Người vào thăm đồng bào miền Nam. Tuy nhiên, vì địch đánh phá ác liệt, vì không đảm bảo an toàn, và vì sức khỏe Người đã yếu, nên nguyện vọng vào thăm miền Nam của Người đã không thể thực hiện được.

Bị thất bại nặng nề ở cả hai miền Nam, Bắc, ngày 31-3-1968, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn đã tuyên bố ném bom hạn chế nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trước tình hình đó, ngày 3-4-1968, trong thư gửi Bộ Chính trị *Mấy ý kiến về tuyên bố của Giôn-xơn*, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Đối với tuyên bố của Giôn-xơn, chúng ta phải cân nhắc kỹ, không nên vội trả lời...cần củng cố tư tưởng quyết chiến quyết thắng và chớ mất cảnh giác. Tuyệt đối chớ chủ quan và vì địch có thể bất thành linh đánh lại"².

Rời Trung Quốc, Người trở về nước. Tại Hà Nội, nhớ tới đồng bào miền Nam đang ngày đêm anh dũng chiến đấu, Người đến thăm phái đoàn đại diện thường trực của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, tiếp các đoàn đại biểu miền Nam ra thăm miền Bắc, các Anh hùng và chiến sĩ thi đua các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam, các cháu thiếu nhi dũng sĩ miền Nam, hỏi thăm tình hình chiến sự và cuộc sống của đồng bào và chiến sĩ. Tình cảm và sự quan tâm sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng và đồng bào miền Bắc là nguồn sức mạnh vật chất và tinh thần to lớn, góp phần vào những chiến công vang dội của quân và dân miền Nam.

Mọi thắng lợi của sự nghiệp cách mạng cả nước đều gắn liền với việc xây dựng một Đảng trong sạch vững mạnh; với việc xây dựng các tổ chức quần chúng và chiến lược đào tạo, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau. Trong những năm cuối đời, Người càng đặc biệt quan tâm chỉ đạo công

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 12, tr. 332.

2. Tài liệu lưu Bảo tàng Hồ Chí Minh

việc trọng yếu này. Người từng nói: “Chúng ta đã giành được thắng lợi to lớn. Nhưng đó mới chỉ là bước đầu trên con đường muôn dặm. Sự nghiệp cách mạng còn lâu dài, gian khổ. Đảng ta còn có trách nhiệm nặng nề đối với 30 triệu đồng bào cả nước ta và phải tích cực gánh vác phần trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp cách mạng thế giới”¹ và tỏ ý phê bình một số cán bộ mãi làm công tác hành chính, sự vụ, mà không dành nhiều tâm sức để xây dựng con người, xây dựng Đảng và các tổ chức cách mạng.

Nhấn mạnh vai trò và tầm quan trọng của việc xây dựng, bồi dưỡng con người mới Xã hội chủ nghĩa, trong các bài nói, bài viết của mình thời kỳ này, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ những tiêu chuẩn của con người mới Xã hội chủ nghĩa. Theo Người, đó là những người có tư tưởng và tác phong xã hội chủ nghĩa, có ý thức làm chủ Nhà nước, tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa “mình vì mọi người, mọi người vì mình”, phải chí công vô tư, chống chủ nghĩa cá nhân, phải có đạo đức của người cộng sản, cần kiệm xây dựng nước nhà.

Không chỉ dành thời gian đến thăm và nói chuyện với Hội nghị chỉnh huấn do Trung ương triệu tập (26-1-1965), Hội nghị tổng kết ba năm xây dựng chi bộ và đảng bộ cơ sở “bốn tốt” (19-4-1966), Người còn phát biểu, đề cập nhiều vấn đề rất quan trọng của công tác xây dựng Đảng. Đặc biệt, nhân dịp kỷ niệm 39 năm ngày thành lập Đảng, Người viết bài *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*, đăng báo *Nhân Dân*, số 5409, ngày 3-2-1969. Trong tư tưởng của Người, không thể có một Đảng luôn trong sạch, luôn vững mạnh, lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, Xã hội chủ nghĩa, nếu không có một đội ngũ cán bộ đảng viên của Đảng luôn thấm nhuần sâu sắc tinh thần “nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân”.

Không phải ngẫu nhiên, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại viết: “Đảng viên đi trước, làng nước theo sau”². Thực tiễn cho thấy, trong những tháng năm đấu tranh gian khổ để giành và giữ chính quyền, thực hiện thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đang đồng thời thực hiện hai chiến lược cách mạng ở cả hai miền Nam - Bắc, đội ngũ cán bộ đảng viên của Đảng đã không ngừng phấn đấu, sẵn sàng hy sinh tất cả vì thắng lợi của cách mạng, vì độc lập, tự do và hạnh phúc của nhân dân. Trên mọi lĩnh vực, người cán bộ đảng viên “gái cũng như trai” đều gương mẫu đi

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t. 11, tr. 372.

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.12, tr.438

đầu, đều trở thành mục thước cho nhân dân noi theo. Là những người cộng sản chân chính, luôn thấm nhuần “tư cách người cách mạng”, nên dù bị hắt giam, bị tù đầy, bị tra tấn dã man, thậm chí phải hy sinh cả tính mệnh, các cán bộ, đảng viên của Đảng vẫn một lòng kiên trung, bất khuất. Đúng như Người từng nhấn mạnh: “Nhân dân ta và Đảng ta rất tự hào vì có những người con xứng đáng như thế”¹.

Tuy nhiên, cùng với thắng lợi của cuộc cách mạng tháng Tám 1945, Đảng ta đã trở thành Đảng cầm quyền. Đi liền cùng đó là một bộ phận cán bộ, đảng viên của Đảng được giao trọng trách giữ những chức vụ chủ chốt trong bộ máy Nhà nước và các cơ quan của Đảng, và quyền lực, danh vị, những đặc quyền, đặc lợi cùng nguy cơ thoái hoá, biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên trong Đảng đã xuất hiện và xuất hiện ngày càng nhiều. Ngay khi miền Bắc bước vào cải tạo Xã hội chủ nghĩa, bắt đầu xây dựng cơ sở vật chất cho Chủ nghĩa xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ rằng, chúng ta có ba kẻ địch: Chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc là kẻ thù số một nguy hiểm; thói quen cố hữu là kẻ địch to thứ hai; còn chủ nghĩa cá nhân là kẻ địch thứ ba luôn ẩn náu trong mỗi con người, là đồng minh của hai kẻ địch kia. Trong đó, kẻ địch thứ 3 tuy không nhìn rõ hình dạng, nhưng luôn rình rập quanh ta, dễ phá ta.

Vì thế, Người nói rất rõ ràng, do cá nhân chủ nghĩa mà không ít người mang trong mình những căn bệnh, những thói hư tật xấu như: “Không lo mình vì mọi người” mà chỉ muốn “mọi người vì mình”; “ngại gian khổ, khó khăn, sa vào tham ô, hủ hoá, lãng phí, xa hoa”; “tham danh trục lợi” nên chỉ thích địa vị quyền hành, họ chỉ mong nhận được bổng lộc mà quên đi kỷ luật của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Họ “tự cao tự đại, coi thường tập thể, xem khinh quần chúng, độc đoán chuyên quyền”, “xa rời quần chúng, xa rời thực tế, mắc bệnh quan liêu mệnh lệnh” mà trở thành xa lạ với nhân dân; “không có tinh thần cố gắng vươn lên, không chịu khó học tập để tiến bộ” nên trở thành người “thoái bộ”. Họ thực sự là những kẻ phản bội, có tội với cách mạng và nhân dân. Là những người đã từng quên thủ thách của nếm mật, nằm gai trong 15 năm đấu tranh giành chính quyền và những gian khổ hy sinh trong khói lửa của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, giờ đây họ ngại khó, ngại khổ, ngại sự phấn đấu hy sinh, ngại học tập để tiến bộ, tự cho mình quyền được hưởng thụ, quyền được “làm cha mẹ của dân” không phải là đầy tớ của nhân dân như lãnh tụ Hồ Chí Minh từng mong muốn.

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.12, tr.438

Đã từng một thời là đồng đội, đồng chí và gắn bó chặt chẽ với nhân dân, được nhân dân tin yêu, che chở, nhưng vì mang nặng chủ nghĩa cá nhân, họ tự cho mình là cấp trên, họ ưa mệnh lệnh, chụp mũ người khác. Không thích tự phê bình và phê bình, họ sợ mất thể diện trước quần chúng, không thực hiện dân chủ trong Đảng, càng không lắng nghe ý kiến của quần chúng và do “cá nhân chủ nghĩa mà mất đoàn kết”, “làm hại đến lợi ích của cách mạng, của nhân dân”¹. “Do cá nhân chủ nghĩa mà phạm nhiều sai lầm”, họ là những người chỉ biết nghĩ đến mình, đến lợi ích của gia đình, dòng tộc mình mà ưa những người cánh hẩu, địa phương chủ nghĩa, kéo bè, kéo cánh, rời xa và coi thường quần chúng. Người vô tình, người hữu ý, song tất cả họ đều là những “con sâu mọt” đã làm xói mòn lòng tin của quần chúng với Đảng, làm tan vỡ mối quan hệ máu thịt Đảng - Dân.

Thực trạng này vô cùng nguy hại, thực trạng này không chỉ làm rạn nứt khối đại đoàn kết thống nhất trong Đảng, làm giảm đi nguồn sức mạnh của Đảng, tính tiên phong của đội ngũ cán bộ đảng viên, thực trạng này còn đe dọa sự tồn vong của một Đảng cầm quyền. Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, nhận thức rõ những nguy cơ thoái hoá biến chất trong nội bộ một Đảng Mác xít, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã không chỉ nêu ra những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, chỉ rõ tên kẻ địch nội xâm nguy hiểm này, Người còn đồng thời nhấn mạnh nhiệm vụ: “Phải ra sức tăng cường giáo dục toàn Đảng về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, về đường lối chính sách của Đảng, về nhiệm vụ và đạo đức của người đảng viên”².

Chỉ rõ rằng, “phải thực hành phê bình và tự phê bình nghiêm chỉnh trong Đảng”, và “phải hoan nghênh khuyến khích quần chúng thật thà phê bình cán bộ, đảng viên”, Chủ tịch Hồ Chí Minh coi đó là phương thuốc đặc hiệu để chữa bệnh “cá nhân chủ nghĩa” đang tiềm ẩn trong mỗi người, để thiết thực giúp tất cả các cán bộ, đảng viên đều tiến bộ, góp sức nhiều hơn cho sự nghiệp cách mạng. Cũng theo Người, không chỉ dừng lại ở tình thần phê và tự phê một cách chân thành trên cơ sở của tình đồng chí thương yêu lẫn nhau, để xây dựng một Đảng chân chính, chắc chắn mạnh khoẻ, thì “chế độ sinh hoạt của chi bộ phải nghiêm túc. Kỷ luật của Đảng phải nghiêm minh. Công tác kiểm tra của Đảng phải chặt chẽ”³. Đó là những yêu cầu bắt buộc, đó là sự nhất quán trong tư tưởng Hồ Chí Minh

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.12, tr.438

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.12, tr.439

3. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.12, tr.439

về xây dựng Đảng theo những nguyên lý của học thuyết Mác- Lênin.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh, “phải kiên quyết quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng”. Nhất quán trong việc tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên của Đảng trong mọi thời điểm cách mạng, hàm ý sâu sa của Người thể hiện rõ: Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, dù chiến tranh hay thời bình, để xây dựng và chỉnh đốn Đảng, để Đảng ta xứng đáng là đại biểu của giai cấp, của nhân dân và của dân tộc; để làm cho đội ngũ cán bộ, đảng viên thực sự là những chiến sỹ cách mạng vừa tài vừa đức, là tấm gương mẫu mực cho quần chúng noi theo thì nhất định phải tiêu diệt kẻ địch nội xâm, “phải bồi dưỡng tư tưởng tập thể, tinh thần đoàn kết, tính tổ chức và tính kỷ luật”. Mỗi cán bộ đảng viên của Đảng không thể vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân, nếu lòng dạ không còn trong sáng, nếu họ không “đi sâu sát thực tế, gần gũi quần chúng”, tự mình cắt đứt mối liên hệ với quần chúng, đặc biệt là không lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, ý kiến và tôn trọng quần chúng, “phát huy quyền làm chủ” của quần chúng.

Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng nguy cơ và tác hại của căn bệnh cá nhân chủ nghĩa, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: người cán bộ cách mạng sẽ không thể làm mực thước trước nhân dân, không thể được nhân dân tin yêu, quý trọng và càng không thể hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân với tinh thần “mình vì mọi người”, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”, “chí công vô tư” nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân. Vì vậy, Người yêu cầu: Người cách mạng phải kiên quyết tiêu diệt nó. Luôn lo lắng và quan tâm đến công tác xây dựng Đảng. Từ nỗi bận tâm và trăn trở của mình về nhiệm vụ trọng yếu này, mùa xuân cuối cùng cuộc đời mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, Người sáng lập và rèn luyện Đảng ta đã để lại một di huấn thiêng liêng cho toàn thể cán bộ, đảng viên của Đảng, đó là tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*. Đây không chỉ là lời nhắn gửi, là khát vọng của Người về việc rèn luyện đạo đức cho đội ngũ cán bộ đảng viên của Đảng, đó còn là thông điệp vĩnh hằng của Người, là lý luận của Người về xây dựng một Đảng trong sạch vững mạnh, ngang tầm với tình hình và nhiệm vụ cách mạng mà Tổ quốc và nhân dân giao phó.

Không chỉ quan tâm đến công tác xây dựng Đảng, Người còn rất chú trọng đến công tác giáo dục thanh niên, nhằm “bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau”. Người tham dự nhiều hoạt động của thanh niên: Nói chuyện tại các lễ kỷ niệm ngày thành lập Đoàn, các đại hội thi đua, hội nghị mừng công, đại hội thanh niên “ba sẵn sàng”, v.v.. kịp thời biểu dương những tấm gương anh hùng, dũng cảm, sáng tạo của đoàn viên

thanh niên cả nước trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước. Người tỏ ý tin tưởng với một thế hệ thanh niên hăng hái và kiên cường, chúng ta nhất định thành công trong sự nghiệp bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Người yêu cầu các cấp uỷ Đảng, Chính quyền phải mạnh dạn giao việc cho những cán bộ trẻ đã được rèn luyện, thử thách, kèm cặp họ, giúp họ kinh nghiệm hoạt động thực tiễn để họ ngày càng trưởng thành.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, công cuộc xây dựng hậu phương miền Bắc Xã hội chủ nghĩa và cuộc chiến đấu ở tiền tuyến lớn miền Nam đã xuất hiện nhiều tấm gương anh hùng, chiến sĩ thi đua, nhiều tấm gương người tốt việc tốt. Dù bận bịu công việc, Người vẫn dành thời gian theo dõi rất kỹ những bản tin, bài viết về tấm gương những người tốt đã làm những việc tuy nhỏ, nhưng rất đẹp, rất “mình vì mọi người”. Người từng nói rằng: “Các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”¹. Vì vậy, để nhân những hạt giống đỏ gương mẫu trong việc làm, gương mẫu trong đạo đức lối sống, và để “cả dân tộc ta là một rừng hoa đẹp”, đầu tháng 6-1968, Chủ tịch Hồ Chí Minh làm việc với một số đồng chí cán bộ Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng về việc xuất bản sách *Người tốt, việc tốt*, phổ biến sâu rộng, nhân rộng trong nhân dân và phát động phong trào thi đua học tập và làm theo tấm gương người tốt, việc tốt.

Thấm nhuần quan điểm mác xít, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, không phải của riêng một vài cá nhân anh hùng, và để nhiệt tình cách mạng của quần chúng được bắt nguồn vững chắc từ nhận thức tình hình, nhiệm vụ cách mạng một cách sâu sắc, đồng thời chuyển nhiệt tình cách mạng thành hành động cách mạng chung của mọi người Việt Nam yêu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh trân trọng hết thảy những việc làm tốt, những công việc nhỏ nhưng vô cùng có ý nghĩa trong đời sống thường ngày. Người hiểu rằng, bên cạnh những tấm gương anh hùng của những chiến sĩ thi đua, anh hùng dũng sĩ làm nên những việc anh hùng, còn biết bao những con người bình thường khác mà những việc họ đã làm vẫn ngời sáng đạo lý làm người cao cả, ích nước lợi dân, vẫn có sức lan toả, thấm sâu trong cộng đồng. Người từng nói rằng: “Sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước đã đặt chúng ta đứng trước những thử thách lớn và truyền thống anh hùng đang được nhân dân ta phát huy đến

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.1, tr. 263

cao độ. Từ trong thực tiễn đó có những người, những tập thể đã được Đảng và Chính phủ tuyên dương là anh hùng, dũng sĩ. Tuy nhiên, đó “vẫn chỉ là số ít” trong quân chúng hàng ngày, hàng giờ “góp gió thành bão”, gánh vác, việc nước việc nhà. Vì thế, những điển hình tiên tiến nảy sinh trong thực tiễn, dù ở đâu và làm bất cứ công việc gì, thì bằng những việc làm cụ thể của mình, cũng sẽ “hữu xạ tự nhiên hương”, góp phần lôi kéo mọi người xung quanh cùng làm tốt công việc.

Xuất phát từ phương pháp nêu gương, lúc đầu Người đề nghị các báo của Đảng, của các đoàn thể “mở ra mục *Người mới, việc mới* nhằm nêu lên những gương người tốt, việc tốt trong phong trào thi đua yêu nước ở các cấp, các ngành”¹. Không chỉ động viên, Người còn quan tâm và tặng huy hiệu của Người cho những tấm gương tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong chiến đấu, học tập, lao động sản xuất nhằm thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước. Sau đó, trong những năm (1968-1969), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề nghị Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ thị cho toàn Đảng noi theo tấm gương người tốt - những bông hoa đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng để làm những việc tốt.

Thực tiễn lãnh đạo phong trào cách mạng cả nước trong những năm đấu tranh giành chính quyền, qua hai cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, đã xuất hiện biết bao nhiêu tấm gương những con người tốt với những việc làm tốt. Trong những năm tháng kháng chiến chống Pháp gian khổ, những tấm gương những người làm “những việc nhỏ, bình thường thôi, nhưng ích nước lợi dân” được Người động viên, thưởng huy hiệu đã nhiều. Đó là tấm gương những người tốt, những việc làm tốt sáng ngời đạo đức cách mạng: trung với nước, hiếu với dân, gương mẫu đi đầu, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, v.v.. góp phần không nhỏ vào chiến thắng chung của dân tộc. Tiếp tục phát huy sức mạnh của phong trào Thi đua yêu nước, trong những năm cả nước cùng đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, thì những bông hoa tươi thắm của vườn hoa người tốt, việc tốt càng nở rộ hơn bao giờ hết.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, noi gương và thi đua học tập, làm theo những tấm gương người tốt, việc tốt để cả xã hội cùng đổi mới và phát triển tốt đẹp là ý nghĩa lớn lao nhất của những việc làm, những hành động

1. Thành Duy: Tư tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, Nxb. CTQG, H, 2001, tr.128

bình thường mà vĩ đại của hàng chục triệu người trong xã hội. Và cũng theo Người, việc lấy gương tốt trong quần chúng nhân dân để giáo dục quần chúng là cách làm tốt nhất, sinh động và sâu sắc nhất, nhằm nhân rộng những điển hình, kích thích phong trào Thi đua yêu nước phát triển: “Lấy gương người tốt, việc tốt để hằng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới”¹

Trong 15 năm đứng đầu sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng Trung ương Đảng sáng suốt đề ra đường lối đồng thời hiện hai nhiệm vụ cách mạng: Đưa miền Bắc tiến lên Chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà.

Cuộc chiến đấu của nhân dân ta chống lại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ở miền Nam và chiến tranh phá hoại của chúng ở miền Bắc là một cuộc đọ sức đầu lịch sử. Trong cuộc chiến đấu đầy cam go và ác liệt ấy, với bản lĩnh chính trị, nghị lực phi thường và trí tuệ uyên bác, Chủ tịch Hồ Chí Minh - một người được lịch sử giao phó đã từng bước xử lý một cách tài tình, sáng tạo mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược của hai miền; mối quan hệ giữa dân tộc và thời đại, đồng thời chú trọng những nhân tố đảm bảo thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ ấy (xây dựng Đảng, Nhà nước vững mạnh, xây dựng khối đoàn kết toàn dân, động viên nhân dân ta thi đua yêu nước, tăng cường đoàn kết quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân yêu chuộng hoà bình trên toàn thế giới), góp phần đưa cuộc đấu tranh của nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, nâng địa vị và uy tín của dân tộc ta lên một tầm cao mới.

Và cũng từ trong khói lửa của chiến tranh, từ thực tiễn và những thay đổi của cục diện chiến trường, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Hồ Chí Minh tin tưởng chắc chắn rằng: Dù kẻ địch còn rất ngoan cố, dù còn phải vượt qua nhiều khó khăn, gian khổ, nhưng nhân dân ta nhất định sẽ thắng lợi hoàn toàn trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, vì hoà bình, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđ d, t.12, tr.558

NHỮNG NGÀY THÁNG CUỐI ĐỜI VÀ BẢN DI CHỨC LỊCH SỬ CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Trong những năm cuối đời mình, dù tuổi cao và sức khoẻ giảm nhiều, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn rất sáng suốt. Người tập trung cao độ, cố gắng làm việc, cùng Trung ương Đảng và Chính phủ lãnh đạo nhân dân ta đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng Chủ nghĩa xã hội. Bước sang năm 1969, sức khoẻ của Người sút kém nhiều, nhưng Người vẫn tranh thủ quỹ thời gian đang ít dần đi để làm việc, gặp gỡ, đi thăm cán bộ, nhân dân và chiến sĩ.

Mừng Xuân 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư chúc mừng đồng bào và chiến sĩ cả nước, truyền đến nhân dân ta sức mạnh, niềm tin tất thắng vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước:

“Năm qua thắng lợi vẻ vang,
Năm nay tiên tuyến chắc càng thắng to.
Vì độc lập, vì tự do,
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào.
Tiến lên! Chiến sĩ, đồng bào,
Bắc - Nam sum họp, Xuân nào vui hơn!”¹.

Đêm 30 Tết 1969, tại Phủ Chủ tịch, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng các đồng chí phục vụ và bảo vệ vui văn nghệ. Đầu năm mới 1969, Người dành thời gian gặp gỡ các cháu thiếu nhi dũng sĩ miền Nam ra thăm miền Bắc; tiếp các gia đình có công với cách mạng; thăm và chúc Tết đơn vị bộ đội Phòng không Không quân và trồng cây đa ở đồi Vật Lại, Ba Vì, Hà Tây - Đó là cây đa cuối cùng Người để lại cho đời sau.

Ngày 27-4-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi bỏ phiếu bầu cử Hội đồng nhân dân khu phố Ba Đình, Hà Nội. Sau đó, Người gặp đại biểu các đơn vị anh hùng, các đơn vị quyết thắng, chiến sĩ thi đua khu IV, tiếp các anh hùng và dũng sĩ miền Nam

Trong những ngày tháng 5 năm 1969, dịp sinh nhật cuối cùng của cuộc đời mình, Người dành sự quan tâm của mình cho thế hệ măng non. Người gửi thư cho các cháu thiếu niên hợp tác xã Măng non thôn Phú Mãn, xã Hàm Sơn, huyện Yên Phong, tỉnh Hà Bắc, khen ngợi thành tích chăm sóc trâu bò, giúp đỡ thiết thực hợp tác xã. Người gặp gỡ các cán bộ cao cấp toàn quân và ngày 22-5-1969, Người tham dự Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng bàn về tình hình và nhiệm vụ mới.

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđd, t. 12, tr. 426

Tiếp đó, ngày Quốc tế thiếu nhi, Người gặp gỡ các cháu thiếu nhi và xem các cháu học sinh lớp 1 Nhạc viện Hà Nội biểu diễn nghệ thuật tại Phủ Chủ tịch và viết bài *Nâng cao trách nhiệm chăm sóc và giáo dục thiếu niên, nhi đồng*, đăng báo *Nhân Dân* (1-6-1969), mong mỗi toàn xã hội có trách nhiệm trong việc chăm sóc và giáo dục thiếu niên, nhi đồng - thế hệ tương lai của nước nhà. Ngày 12-6-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh chúc mừng Phái đoàn đại diện Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tại Hà Nội, nhân dịp thành lập Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam.

Gần hai tháng trước khi Người qua đời, trong bài trả lời phỏng vấn nữ đồng chí Mácta Rôhát, phóng viên báo Granma, CuBa, trần trở về khát vọng giải phóng miền Nam, Người đã nói về tình cảm và trách nhiệm của mình với nhân dân hai miền Nam, Bắc: “Tôi yêu đồng bào ở miền Bắc cũng như yêu đồng bào ở miền Nam. Tôi hiến cả đời tôi cho dân tộc tôi...Mỗi người, mỗi gia đình đều có một nỗi đau khổ riêng và gộp cả những nỗi đau khổ riêng của mỗi người, mỗi gia đình lại thì thành nỗi đau khổ của tôi. Tôi nghĩ rằng tôi chưa làm tròn nghĩa vụ cách mạng của tôi đối với đồng bào miền Nam; mặc dù vậy, tôi biết rằng đồng bào miền Nam vẫn yêu quý tôi cũng như tôi luôn luôn yêu quý đồng bào. Ở miền Nam tôi không phải là Chủ tịch Hồ Chí Minh mà là Bác Hồ”.

Sau đó, giữa lúc nhân dân ta ở cả hai miền Nam - Bắc đang giành được những thắng lợi to lớn trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng Chủ nghĩa xã hội thì Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu lâm bệnh. Tháng 8-1969, sức khoẻ của Bác đã giảm sút nhiều. Chiều ngày 12-8, sau khi đến thăm phái đoàn ta từ Hội nghị Pari về, trên đường về Người bị cảm lạnh. Từ ngày 18-8, theo đề nghị của bác sĩ, Người không làm việc ở nhà sàn nữa mà chuyển xuống căn phòng nhỏ, xây năm 1967, phía sau nhà sàn. Hàng ngày, Người vẫn theo dõi tin tức và báo chí đều đặn. Trưa ngày 25-8, Người nghe diễn ca về Điều lệ hợp tác xã nông nghiệp qua Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam và sau đó tiếp vợ chồng Đại tướng Võ Nguyên Giáp tới thăm.

Từ lúc Người lâm bệnh, Trung ương Đảng, Chính phủ đã tập trung mọi khả năng và phương tiện để săn sóc sức khoẻ của Người. Một tập thể giáo sư và bác sĩ y khoa giỏi ngày đêm túc trực bên giường bệnh để chạy chữa cho Người, nhưng do tuổi cao, bệnh nặng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã qua đời lúc 9h 47 phút, ngày 2-9-1969, tại Hà Nội, thọ 79 tuổi.

Trước lúc đi xa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta bản *Di chúc* lịch sử. Người bắt đầu viết ngày 10-5-1965, khi còn rất minh mẫn, và hàng năm vào dịp sinh nhật của mình (năm

1966, 1967, 1968 và 1969), Người đều dành thời gian để xem lại, sửa chữa và bổ sung vào bản *Di chúc*. Năm 1966, Người bổ sung thêm một câu vào phần nói về tự phê bình và phê bình trong Đảng: “*Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau*”. Năm 1967, Người xem lại, nhưng không bổ sung gì. Năm 1968, Người bổ sung thêm 6 trang viết tay, gồm một số đoạn nói “*Về việc riêng*”, về một số công việc cần làm sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi. Ngày 10-5-1969, Người xem và viết lại toàn bộ phần mở đầu *Di chúc*, gồm một trang viết tay. Có rất ít người được biết rằng, bản viết tay ngày 10-5-1969 này của Người lại được viết vào mặt sau của một tờ bản tin tham khảo đặc biệt của Thông tấn xã Việt Nam. Bản *Di chúc* thiêng liêng, dặn lại những điều cần thiết, quan trọng được hoàn tất và đi vào lịch sử từ đây.

Trong lịch sử hiện đại, Hồ Chí Minh là một người đặc biệt trong số các vị lãnh tụ cách mạng trên thế giới. Những người yêu chuộng tự do, hoà bình trên thế giới đều gọi Hồ Chí Minh là Bác Hồ. Người đã hoàn thành đầy đủ sự nghiệp của đời mình, cũng chính là sự nghiệp của dân tộc Việt Nam và của cả loài người tiến bộ. Vượt lên tất cả, khi mất đi, Hồ Chí Minh không phải là một kỷ niệm của quá khứ, Người sống mãi. Người cùng những cống hiến và phẩm cách cao quý của mình gắn liền với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa của loài người mà đỉnh cao là học thuyết Mác- Lênin - ánh sáng tư tưởng của thời đại trở nên diệu kỳ trong ký ức tất cả mọi thời đại. Cùng với thời gian, di sản tư tưởng của Người và bản *Di chúc* “hiện nay và mai sau, không chỉ là của riêng nhân dân Việt Nam, mà còn dành cho tất cả các dân tộc, các Đảng đấu tranh về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, dù ở châu Á, châu Âu hoặc bất cứ nơi nào trên các lục địa”¹.

1. Di chúc - Lời dặn lại đầy tâm huyết của vị lãnh tụ cách mạng

Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá kiệt xuất, một trong những vĩ nhân của thế kỷ XX đã yên nghỉ 40 năm, song di sản tư tưởng, tinh thần lớn lao hàm chứa trong từng trước tác của Người vẫn đang cùng dân tộc Việt Nam đồng hành trong những thiên niên kỷ mới. Một trong số những di sản đó chính là lời dặn lại đầy tâm huyết, tiếng nói khiêm nhường của một người cộng sản, thấm đẫm chất nhân văn, đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc và thời đại có giá trị vượt không gian và thời gian - Bản *Di chúc* lịch sử.

1. Xã luận Báo Tự do nhân dân, Budapét, Hung ga ri, ngày 11/9/1969

“Tài liệu tuyệt đối bí mật” thể hiện rõ một Hồ Chí Minh không chỉ suốt đời tận tụy, phấn đấu cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người, mà còn mang theo khát vọng về một đất nước Việt Nam độc lập, hoà bình, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh, cùng một thế giới hạnh phúc cho con người vào cõi vĩnh hằng. Chuẩn bị cho chuyến đi xa vĩnh viễn của mình, một Hồ Chí Minh khi còn anh minh, tỉnh táo đã dành mỗi ngày khoảng từ 1 đến 2 giờ của những ngày tháng 5 đẹp trời (từ năm 1965 đến năm 1969) để viết “Tài liệu tuyệt đối bí mật” gửi lại cho mai sau. Và cũng trong những năm cuối của đời mình, một Hồ Chí Minh bộn bề công việc, đang bận lòng với nỗi đau trước mắt đã xót xa một nỗi đau chôn vùi trong lòng đất mẹ, bỗng về thăm tiền nhân, tưởng nhớ Nguyễn Trãi ở Côn Sơn, giữa những ngày miền Bắc đang chống chọi cùng mưa bom, bão đạn của giặc Mỹ (1965). Thăm đền thờ, dừng lại hồi lâu đọc những dòng chữ trên văn bia, leo lên Thạch Bàn,... người đầy tớ trung thành của nhân dân dường như đã lường trước được quy luật khắc nghiệt của tạo hoá. Tự ý thức một cách tích cực về bản thân mình, với phong cách ung dung, tự tại vốn bắt nguồn từ chỗ nắm được quy luật vận động của cuộc đời, biết rõ điều gì ắt sẽ qua đi, điều gì ắt sẽ đến và điều gì là trường tồn phải còn mãi, Hồ Chí Minh gửi những suy tư trăn nặng của tiền nhân “là theo đức hiếu sinh để toàn vẹn cho sự sống còn của nhân dân” của mình vào những lời cuối cùng để lại cho hậu thế.

Giờ đây, mỗi khi lật giở lại những trang bản thảo, những bút tích chỉnh sửa, bổ sung của Người trong bản Di chúc thiêng liêng như một Cương lĩnh hành động ngày nào, dường như vẫn thấy một Hồ Chí Minh đang cẩn trọng, cân nhắc từng ý, từng việc, để cô đọng nhất những trăn trở, những điều cần phải dặn lại. Đó là những vấn đề quan trọng, cần thiết phải làm, nhằm đảm bảo vai trò lãnh đạo cách mạng của một Đảng cầm quyền, đồng thời đưa đến thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong cuộc đấu tranh chung, vì độc lập dân tộc và những tiến bộ xã hội. Đó cũng chính là những dòng chữ cuối cùng của người anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn, người chiến sĩ quốc tế nặng lòng vì Đảng, vì dân, vì tình đoàn kết giữa các Đảng anh em và các dân tộc đang đấu tranh cho công lý.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ đấu tranh cho một lá cờ, cho “một sự giải phóng ở bề mặt bên ngoài”, Người hiến dâng cuộc đời mình cho cuộc chiến đấu vì phẩm giá và quyền của con người, cho sự giải phóng hoàn toàn. Trong tư tưởng và tình cảm của Người, nhân dân yêu chuộng hoà bình và công lý, nhân dân tiến bộ thế giới là anh em của nhau: “Tất cả những người có lương tri trên thế giới đều nhìn thấy ở Nguyễn Ái Quốc - “Người yêu nước”, ở Hồ Chí Minh - “Người chiếu sáng”, ở Bác Hồ - “Vi

Chủ tịch kính mến”¹. Vì vậy, Người và Di chúc của Người tuy kết tinh tư tưởng, văn hoá, tâm hồn, đạo đức Việt, song “vẫn thuộc vào gia tài của nhân loại, gia tài của mọi dân tộc yêu tự do, giải phóng đã phải tiến hành đấu tranh chống lại ách thực dân hay đế quốc”², nhằm thực hiện khát vọng làm người cao cả nhất.

2. Di chúc - Cương lĩnh xây dựng và phát triển đất nước

Thâu thái những hiểu biết quý báu của các đời trước để lại, một Hồ Chí Minh luôn cởi mở tiếp thu để làm giàu vốn tri thức của bản thân mình không chỉ trở thành “một nhà tiên tri châu Á báo trước công cuộc giải phóng của các dân tộc bị áp bức”, khổ đau, Người còn nhìn thấy và dặn lại trước những công việc cần thiết phải thực hiện để xây dựng lại một nước Việt Nam đàng hoàng hơn, to đẹp hơn trong tương lai.

Trong Di chúc, khát vọng và niềm tin tất thắng của lãnh tụ Hồ Chí Minh về cuộc chiến đấu chính nghĩa của nhân dân Việt Nam, góp phần vào sự nghiệp hoà bình thế giới dồn nén, chứa chất chỉ trong mấy lời, và niềm tin đó không phải chỉ được nhắc một lần: “Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn”³ và dù phải hy sinh nhiều của, nhiều người nhưng “Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất”, “đồng bào Nam Bắc nhất định sum họp một nhà”. Theo Người, thắng lợi đó của dân tộc ta là vinh dự, vì “đã anh dũng đánh thắng 2 đế quốc to - là Pháp và Mỹ và góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc”.

Tiếp đó, với phép xử thế của một nhà văn hoá lớn, là biểu tượng kết tinh truyền thống lịch sử và văn hoá của dân tộc Việt có hàng ngàn năm văn hiến, Hồ Chí Minh “có ý định đến ngày đó” sẽ đi khắp hai miền Nam Bắc chúc mừng đồng bào và chiến sĩ cả nước, và thay mặt nhân dân Việt Nam “đi thăm và cảm ơn” bè bạn quốc tế đã “tận tình ủng hộ và giúp đỡ” cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

Tuy nhiên, là Người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, bằng dự cảm của riêng mình, Hồ Chí Minh thấu hiểu rằng, mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam đều gắn liền với sự trưởng thành ngày càng vững mạnh của Đảng - đội tiên phong của giai cấp và của dân tộc Việt Nam, nên đã dành

1. Mi-ghe-n Đê-xtê-pha-nô, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb. KHXH, H.1990, tr.55

2. Mô-ha-mét La-ma-ri, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr. 42

3. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđd, t.12, tr.506

những điều “trước hết nói về Đảng” và yêu cầu “việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng”.

Ghi nhận nguồn sức mạnh nội lực làm nên sức mạnh của Đảng chính là sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, Người và tất cả mỗi người cán bộ, đảng viên của Đảng đều nhận thức được rằng: đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết và đoàn kết làm nên thành công, nên đã luôn cố gắng giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Tuy nhiên, cũng đã có những thời điểm, những con người, vì nhiều lý do khác nhau, đã quên đi lý tưởng và lời thề cộng sản, xa rời đạo đức cách mạng, phá hoại khối đoàn kết “muôn người như một” của Đảng. Vì vậy, Người nhấn mạnh: “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”¹, đồng thời, yêu cầu “trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình”. Theo Người, đó không chỉ là nhiệm vụ trọng yếu, là yêu cầu bức thiết của Đảng cầm quyền trước mỗi bước chuyển của cách mạng, mà còn là cách tốt nhất để “củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng”, để Đảng trong sạch, khoẻ mạnh, để “dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi”.

Những lời dạy thiết tha, đậm chất nhân văn trong Di chúc chứa đựng những giá trị tư tưởng, tinh thần cao quý của cuộc đời Hồ Chí Minh, từ cuộc đời Hồ Chí Minh. Theo Người, dù đã có những đóng góp nhất định, song để thật sự trong sạch, “xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của nhân dân”, mỗi cán bộ, đảng viên, đoàn viên và thanh niên phải hết lòng tận trung với nước, tận hiếu với dân, phải thấm nhuần và nâng cao “đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”, và vượt lên hết thảy là phải sống với nhau có tình, có nghĩa, có “tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”. Và cũng theo Hồ Chí Minh, để rời xa những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, để làm mục thước cho dân, cán bộ, đảng viên nhất định phải thường xuyên tiến hành tự phê bình và phê bình.

Song cũng theo Người, phê bình và tự phê bình phải trên cơ sở “tình đồng chí” thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, làm cho điều thiện sinh sôi, điều ác thui chột, để tiến bộ và vững vàng trước mọi cám dỗ, thử thách. Đó không phải không phải đập cho tơi bời, hả giận, đó chính là có lý, có tình, chân thành, thẳng thắn, là văn hoá Đảng, là bản chất tâm hồn và đạo đức dân tộc Việt mà Hồ Chí Minh mong mỏi và gửi lại cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta.

. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sđd, t.12, tr.506

Sau những điều tâm huyết về Đảng, người cộng sản đầy kinh nghiệm Hồ Chí Minh đã nhắc đến việc chăm lo lực lượng kế cận của cách mạng. Người dành những dòng thiết tha cho thế hệ trẻ, khen ngợi đoàn viên, thanh niên, phụ nữ, thiếu nhi, v.v.. đã đóng góp công sức của mình trong sự nghiệp cách mạng và yêu cầu. “Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa “hồng” vừa “chuyên”. Theo Người, “bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và cần thiết¹, bởi không chăm lo cho thế hệ trẻ, không tạo dựng một lực lượng kế tục có đức và có tài, sẽ không có những con người Xã hội chủ nghĩa để xây dựng thành công Chủ nghĩa xã hội và Chủ nghĩa cộng sản như Lenin từng khẳng định.

Tư tưởng và mục đích cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh xuất phát từ con người và cuối cùng trở về với con người. Bởi lẽ vậy, như một lẽ tự nhiên, trong những lời để lại, Người đặc biệt quan tâm đến con người và những “công việc với con người”. Người cũng chỉ rõ, khi đất nước đã trải qua những năm dài chiến tranh, việc hàn gắn những vết thương của thời hậu chiến là công việc đầy nặng nề, phức tạp nhưng cũng rất vẻ vang, nên Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hoá, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân lao động ở miền núi cũng như miền xuôi. Những đề nghị của Người về miễn thuế nông nghiệp 1 năm, để “đồng bào hỉ hả, mát dạ, mát lòng, thêm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất”; về xây dựng lại thành phố, làng mạc; về xây dựng những vườn hoa, bia tưởng niệm các liệt sĩ, “để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta”, v.v.. thực sự thiết thực, cụ thể, đầy tính nhân văn.

Một Hồ Chí Minh đầy bao dung nhân ái, mà lòng thương yêu đối với nhân dân và nhân loại không bao giờ thay đổi đã dành tình thương yêu của mình cho hết thảy mọi người. Đó là những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình; những liệt sĩ, cha mẹ vợ con của thương binh, liệt sĩ; những chiến sĩ trẻ, những phụ nữ, những thanh niên xung phong, v.v.. Và với họ, Người mong mỗi Đảng và các cấp chính quyền chăm lo, tạo điều kiện giúp họ được sống yên ổn, có công việc làm ăn thích hợp, để góp sức mình cho công cuộc xây dựng lại đất nước. Còn đối với những con người từng lầm lỗi, lạc đường, hoặc là nạn nhân của chế độ cũ (như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu, v.v..), Hồ Chí Minh tâm niệm, dù là ai, họ cũng mang dòng máu Việt, cũng có nguồn cội, nên lấy lòng nhân,

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.12, tr.498

khoan dung độ lượng, hướng về lẽ phải chân chính mong mỗi “cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện”.

Như một Cương lĩnh hành động của một Đảng trong sạch, vững mạnh, ngang tầm với tình hình và nhiệm vụ cách mạng được giao phó, những chỉ dẫn của Người trong “Tài liệu tuyệt đối bí mật”- không mang tính áp đặt, nhưng vẫn được toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đồng tâm, đồng lòng thực hiện. Bởi rằng, đối với một Đảng cầm quyền, việc quan tâm đến những lợi ích thiết thực hàng ngày của mỗi người dân, cổ vũ họ, chia sẻ với họ, cũng chính là chăm lo đến quyền con người, phát huy quyền làm người của mỗi người. Hơn ai hết, Hồ Chí Minh thấu hiểu rằng, động lực để thực hiện khát vọng: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam chính là nhân dân lao động. Lòng yêu nước, thương dân, thương nhân loại khổ đau của Người trong Di chúc dành lại cho muôn đời con cháu mai sau thể hiện sự quan tâm của Người đến lợi ích của từng con người và lợi ích của cả cộng đồng. Đó cũng chính là sự biểu đạt đặc sắc của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh, của nhà văn hoá lớn Hồ Chí Minh, suốt đời không mang danh lợi, chỉ khôn người một hoài bão: Độc lập, tự do cho Tổ quốc, hạnh phúc cho đồng bào.

3. Di chúc - lời dạy khiêm nhường của người cộng sản

Hồ Chí Minh không chỉ là lãnh tụ của nhân dân Việt Nam, Người còn “là một nhà cách mạng trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản và đã đóng góp to lớn vào sự đoàn kết các nước xã hội chủ nghĩa, vào việc củng cố và phát triển phong trào cộng sản”¹. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh không chỉ là một người cộng sản Việt Nam mẫu mực, Người còn là người chiến sĩ cộng sản quốc tế trong sáng, thủy chung, luôn quan tâm đến sự phát triển chung của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Khó rút xếp trong Hồi ký của mình từng viết: Hồ Chí Minh là “vị thiên sứ cách mạng”, là “vị thánh cộng sản”, bởi những hoạt động không mệt mỏi của Người cho phong trào cộng sản quốc tế.

Không phải ngẫu nhiên, trong Di chúc, khi viết về phong trào cộng sản quốc tế, Hồ Chí Minh viết: “Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hoà hiện nay giữa các đảng anh em”². Người chiến sĩ cộng sản quốc tế Hồ Chí Minh đã

1. Kim-hu-Giông: Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.115

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.12, tr.511

có những đóng góp tích cực cho phong trào cách mạng thế giới. Người đã từng nhiều lần cảnh báo sự không quan tâm đúng mức về mối quan hệ gắn bó chặt chẽ giữa phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa với phong trào cách mạng vô sản ở chính quốc tại các diễn đàn quốc tế; Người cũng từng trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình, hết lòng hàn gắn những mâu thuẫn trong phe Xã hội chủ nghĩa, bởi Người nhận thức sâu sắc rằng: Mối bất hoà, mâu thuẫn Xô - Trung và sự rạn nứt trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế là một tổn thất to lớn của sự nghiệp cách mạng thế giới. Theo Người, những bất đồng, chia rẽ đó không chỉ làm giảm đi nguồn sức mạnh của sự nghiệp đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng con người, mà còn chia rẽ khối đoàn kết, nhất trí của các lực lượng dân chủ, yêu chuộng hoà bình, tiến bộ trên thế giới; đồng thời tạo điều kiện để đế quốc Mỹ lợi dụng tình hình, mở rộng cuộc chiến tranh ở Đông Dương và sự không thống nhất trong hành động ủng hộ Việt Nam chống Mỹ xâm lược.

Do đó, trước khi đi xa, Hồ Chí Minh đã rất đau lòng trước những tồn tại đang diễn ra trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Và cũng biết rằng mình không thể tiếp tục làm vị “thiên sứ cách mạng”, vị thánh Hồ Chí Minh đã gửi những ưu phiền vào Di chúc và mong ước: đó là một nhiệm vụ quan trọng trong hoạt động đối ngoại của Đảng, để “góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết” quý báu giữa các đảng anh em. Với tinh thần quốc tế vô sản cao cả đó, “Bác Hồ cùng với bản Di chúc của Người là thuộc về tất cả phong trào cộng sản, công nhân và cách mạng trên thế giới. Người được liệt vào những bậc mà thân thể và sự nghiệp đã vượt ra ngoài phạm vi biên giới của Tổ quốc mình”¹.

Khiêm nhường trong vị thế một nguyên thủ quốc gia, một Hồ Chí Minh cũng rất giản dị trên cương vị một lãnh tụ của nhân dân Việt Nam. Bao giờ và ở đâu, cũng vẫn ngời sáng một Hồ Chí Minh tấm gương của đạo đức cách mạng, chí công vô tư. Phút cuối của đời mình, sau khi dành tâm tư, tình cảm cho Đảng, cho dân, cho phong trào cách mạng thế giới, ung dung và thư thái, Người để lại mấy dòng cuối cùng trong Di chúc để viết về việc riêng của mình.

Một Hồ Chí Minh suốt đời yêu thương nhân dân, vốn giản dị, rất “vĩ đại mà không choáng ngợp”, khi ra đi, tiếc nuối lớn nhất của Người là “suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải

1. I-Liu-Sít- lịch, Báo Quyền lợi đỏ, Praha, Tiệp Khắc, ngày 9/9/1989

hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”¹. Vì vậy, Người mong “chớ nên tổ chức linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân” và yêu cầu được hoá táng. Sau đó ba phần tro cốt của Người để vào 3 hộp sành, như tình yêu thương tha thiết của Người dành cho đồng bào ở cả ba miền Bắc - Trung - Nam...

Sau Hồ Chí Minh, một trong những người bạn thân thiết của Người, nguyên Thủ tướng Chu Ân Lai trước khi vĩnh biệt thế giới đã dặn lại rằng: Khi mất đi, ông muốn được hoá táng. Tư tưởng và tình cảm ông dành cho đất nước, nên mong muốn tro cốt của mình sẽ được nhồi vào đại bác, bắn đi bốn phương tám hướng, để ông được sống cùng non nước Trung Hoa rộng lớn. Và Đức Giáo hoàng John Paul II, trong di chúc của mình cũng dặn lại: Ta không có sản vật gì lưu lại và xin được “chôn táng dưới đất, chớ không phải trong thạch mộ nổi”.

Vậy là, dù sinh ra ở những hoàn cảnh, thời điểm khác nhau, làm những công việc khác nhau, nhưng giữa họ đều có một điểm chung nhất, đó chính là tư tưởng, tình cảm và tấm lòng của những người con luôn hướng về quê hương đất nước, về con người, hướng về những điều tốt đẹp, thức tỉnh mọi tâm hồn. Với ý nghĩa đó, những điều Hồ Chí Minh dặn lại trong Di chúc chứa đựng giá trị tư tưởng và tinh thần, kết tinh từ cuộc đời hoạt động cách mạng không mệt mỏi của một con người “đã trở thành huyền thoại ngay từ khi còn sống”. Tư tưởng và tình cảm đó không chỉ mang lại sự đổi đời cho một dân tộc Việt Nam, mà còn đem lại niềm tin tưởng mãnh liệt và khát vọng vào một ngày mai tươi đẹp cho tất cả các dân tộc yêu chuộng tự do, công lý trên toàn thế giới, vì vậy, “Di chúc của Người đặc biệt có ý nghĩa đối với các lực lượng cách mạng và toàn thế giới tiến bộ”².

Hồ Chí Minh không còn với chúng ta theo nghĩa vật chất. Nhưng Người rất gần bó với chúng ta về mặt đạo lý, tinh thần. Dùng những ngôn từ giản dị nhất để biểu đạt cái lớn lao của tư tưởng, Di chúc Hồ Chí Minh “là một áng văn tuyệt bút” không dài, là những lời cuối đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc và thời đại, hội tụ trong đó hoài bão và tình cảm của một nhà văn hoá lớn. Phản ánh tâm hồn một nhà cách mạng nhân đạo; trí tuệ, tư tưởng của một nhà hoạt động cách mạng phi thường; lòng vô tư tuyệt đối, tình yêu của Người đối với nhân dân, với thiên nhiên trong Di chúc

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Sdd, t.12, tr.501

2. I-li-a Sét-lich, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự thật, H.1971, tr.67.

không có gì so sánh nổi. Và dường như lời cuối của một con người biết nói lên những lời cần nói vào mỗi giai đoạn lịch sử, những lời nói giản dị, đúng mức, không văn hoa nhưng khắc sâu vào trái tim, khối óc của từng người, diễn đạt điều mà mọi người cảm thấy sâu xa nhất trong lòng mình nhưng chưa diễn đạt được, đều hội tụ trong bản Di chúc lịch sử của Hồ Chí Minh.

Mỗi điều Hồ Chí Minh trần trở, dạn lại trong Di chúc đều chứa chan tấm lòng một hiền nhân đối với con người, với thiên nhiên, với quê hương đất nước, phản ánh tư tưởng, tình cảm, đạo đức và tâm hồn một người con ưu tú của dân tộc Việt; hiện thân tinh thần, tài năng và tâm hồn của người dân Việt; hiện thân của tinh thần yêu tự do tha thiết, bình dị mà vĩ đại, dân tộc mà thời đại. Đó là di sản bất hủ, đậm đà bản sắc dân tộc và thời đại, “là sự thức tỉnh của nhân tâm, của trí tuệ, của dũng khí” Hồ Chí Minh gửi lại cho các thế hệ mai sau. Cuộc đời Người, với những gì Người đã đi, đã đến và chiến thắng; với tất cả những gì Người đã làm, đã nêu gương và để lại, có lý và có tình, sẽ sống mãi qua các thời đại.

Dù Người đã đi xa, song trên các trang của lịch sử, cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng và tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh vẫn sẽ vinh quang chói lọi như sao Bắc đẩu. Mưu cầu hạnh phúc cho hết thảy mọi con người, hướng dẫn loài người đi đến một tương lai tốt đẹp hơn, Người và bản Di chúc gửi lại “tiếp tục là nguồn cảm hứng” cho hậu thế, “để không yếu đuối trong đấu tranh giành lấy tương lai, để không dừng lại ở điều đạt được mà luôn luôn tiến lên phía trước”¹.

Ngày 9-9-1969, tại Hà Nội, Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh đã diễn ra rất trọng thể.

Tuy đã rời xa chúng ta, nhưng tư tưởng, đường lối chỉ đạo của Người cùng với tình thương yêu bao la, sự quan tâm sâu sắc của Người đến thân phận mỗi con người, mỗi giai tầng trong xã hội và thiên nhiên môi trường vẫn còn sức sống bất diệt. Tấm gương đạo đức của Người, tư tưởng độc lập, tự do và Chủ nghĩa xã hội của Người luôn luôn là nguồn ánh sáng dẫn đường, cổ vũ, động viên nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh chống đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi xa, nhưng Người để lại cho chúng ta một di sản vô cùng quý báu. Đó là thời đại Hồ Chí Minh, thời đại rực rỡ nhất trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước oai hùng của dân tộc. Đó là kỷ nguyên độc lập, tự do và Chủ nghĩa xã hội được Đảng và Chủ tịch

1. Mi-ghen Đê-xtê-pha-nô, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.54.

Hồ Chí Minh lựa chọn từ mùa xuân năm 1930, được chính Người, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta kiên định thực hiện. Người đã đi xa, nhưng Người luôn dẫn dắt chúng ta. Chúng ta vẫn cảm thấy Người luôn luôn bên cạnh, bởi vì chúng ta vẫn đi theo con đường của Người, bởi vì “dân tộc ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch vĩ đại và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, non sông đất nước ta và tên tuổi, hình ảnh của Người ngày càng khắc sâu trong trái tim, khối óc của mỗi chúng ta.

Thực hiện lời thề, thực hiện Di chúc của Người, và biến đau thương thành hành động cách mạng, kế tục sự nghiệp của Người, chúng ta thề: “Giương cao mãi mãi ngọn cờ độc lập dân tộc, quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất đất nước để thoả lòng mong ước của Người”. Quyết tâm thực hiện khát vọng lớn nhất của Người là giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà, nhân dân cả nước đã đoàn kết một lòng, thi đua đánh thắng giặc Mỹ và bẻ lũ tay sai, phá tan chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh của đế quốc Mỹ”. Tiếp đó, cùng với những thất bại nặng nề trên chiến trường miền Nam và yêu cầu hợp lý của ta, đế quốc Mỹ buộc phải ngồi vào bàn đàm phán ở Pari từ tháng 5-1968. Tháng 12-1972, quân dân miền Bắc phá tan kế hoạch bắn phá miền Bắc lần thứ hai của Mỹ, làm nên trận một “Điện Biên Phủ trên không” lừng lẫy. Chiến thắng có tính quyết định này đã buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pari ngày 27-1-1973, chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút quân khỏi miền Nam Việt Nam.

Hồ Chí Minh đã qua đời, nhưng tình cảm của Người dành cho đồng bào miền Nam ruột thịt, sự quan tâm, săn sóc của Người đối với cuộc đấu tranh kiên cường, anh dũng của đồng bào miền Nam được thể hiện thông qua những lời phát biểu, những bức thư, những quyết định chiến lược trên các diễn đàn đã sưởi ấm và động viên đồng bào miền Nam hăng hái tiến lên, “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”. Và tiếp tục thực hiện khát vọng của Người, trong những năm sau, các kế hoạch nhà nước hàng năm đã thể hiện rõ nhiệm vụ xây dựng và phát triển miền Bắc, tăng cường chi viện cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam.

Mùa xuân năm 1973, cùng với những thắng lợi của quân dân Việt Nam trên các chiến trường và thắng lợi trên mặt trận ngoại giao, Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam đã được ký kết (1/1973). Đế quốc Mỹ đã rút quân khỏi Việt Nam. Mùa xuân năm 1975, cuộc Tổng tấn công nổi dậy mùa xuân 1975 đã thắng lợi. Miền Nam đã được giải phóng. Nam, Bắc sum họp một nhà, non sông liền một dải. Khát vọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ý chí quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân Việt Nam về một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ sau những năm dài trường kỳ kháng chiến đã trở thành hiện thực. Sau

thắng lợi mùa xuân năm 1975, cách mạng Việt Nam chuyển sang một giai đoạn mới: Đất nước hoàn toàn độc lập, thống nhất, cùng đi lên xây dựng Chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.

*

* *

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một trong những anh hùng vĩ đại nhất của lịch sử dân tộc, bởi “mỗi bước đi của nhân dân ta và của Đảng ta trong 40 năm qua đều gắn liền với cuộc đấu tranh cách mạng vô cùng sôi nổi và đẹp đẽ của Hồ Chủ tịch. Toàn bộ hoạt động của Người cùng với sự nghiệp của nhân dân ta và của Đảng ta là một thiên anh hùng ca bất diệt của cách mạng Việt Nam”¹.

Người là Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành- Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh - là anh hùng dân tộc vĩ đại. Là người sinh ra và lớn lên trong một giai đoạn lịch sử đầy biến động của đất nước - giai đoạn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, đồng thời cũng là Người đưa Việt Nam trở thành một nước độc lập, tự do, có tên, có vị trí trên trường quốc tế. Cũng từ một sự lựa chọn đúng đắn, vượt qua hạn chế của các bậc tiền bối, Người đã ra đi và đã tìm ra con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam, con đường cách mạng vô sản. Con đường kết hợp chủ nghĩa yêu nước nồng nàn với chủ nghĩa quốc tế chân chính. Con đường độc lập dân tộc gắn liền với Chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, để đưa nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của một Đảng chân chính cách mạng, tiến lên giành được những thắng lợi rất đổi tự hào.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là Người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam, luôn chăm lo xây dựng Đảng cộng sản Việt Nam trong sạch vững mạnh thành đội tiên phong, bộ tham mưu vững vàng, sáng suốt của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh – Người bắt nhịp bài ca Kết đoàn, là linh hồn của Mặt trận dân tộc thống nhất, của khối đại đoàn kết toàn dân vững chắc, góp phần tạo nên nguồn sức mạnh vô địch với khẩu hiệu nổi tiếng: “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công*”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập và rèn luyện Quân đội nhân dân Việt Nam thành một đội quân cách mạng, luôn “Trung với nước, hiếu

1. Lê Duẩn, Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới, Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr. 35.

với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á, cũng là Người đã góp phần đưa dân tộc Việt Nam sánh vai cùng các dân tộc yêu chuộng hoà bình trên toàn thế giới, đấu tranh cho một xã hội công bằng, tiến bộ, văn minh, cho một sự giải phóng hoàn toàn, triệt để.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một chiến sĩ quốc tế mẫu mực, “một vị thiên sứ cách mạng”, “một vị thánh cộng sản” đã có cống hiến to lớn vào sự nghiệp giải phóng các dân tộc bị áp bức; vào việc củng cố phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; vào việc đoàn kết các lực lượng vì hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Là người khởi xướng cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa trong thế kỷ XX, một trong những người chiến sĩ kiên cường, thủy chung, trong sáng của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Chủ tịch Hồ Chí Minh đồng thời là người chiến sĩ đấu tranh không mệt mỏi cho hoà bình, tự do, công lý, tình hữu nghị và hợp tác giữa các dân tộc, đóng góp quan trọng vào một sự nghiệp văn hoá cao cả. Bởi hơn bao giờ hết, giải phóng con người khỏi thân phận nô lệ, khỏi đói nghèo và ngu muội, đưa họ trở thành chủ nhân của một nước tự do, độc lập là một sự nghiệp văn hoá có ý nghĩa cao cả nhất, đồng thời cũng là ước mơ ngàn đời của nhân loại.

Trí tuệ uyên bác của Hồ Chí Minh, chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh cùng những hoạt động văn hoá, đóng góp của Người vào sáng tạo văn hoá, đưa Người trở thành một danh nhân văn hoá kiệt xuất của dân tộc Việt Nam. Thế giới dù có đổi thay, nhưng sự nghiệp và tư tưởng Hồ Chí Minh còn sống mãi. Chân dung của Người “đã được giương cao không những trong các cuộc biểu tình vì hoà bình ở Việt Nam mà còn xuất hiện trong các cuộc bãi công, hoặc tại những cuộc chiếm giữ các trường đại học và trong các hoạt động của công nhân, sinh viên và những nhà hoạt động cách mạng lão thành của phong trào công nhân, cũng như những người Thiên Chúa giáo, từ những người trong các nghiệp đoàn cho đến các nhà hoạt động vì hoà bình. Hồ Chí Minh đã trở thành ngọn cờ thống nhất cho nhân dân thuộc mọi thế hệ khác nhau có chính sách chính trị và quan điểm khác nhau nhưng đã liên hiệp với nhau bằng sự khâm phục chủ nghĩa anh hùng của Việt Nam và bằng mối tình đoàn kết của họ với Việt Nam”¹.

1. Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1970, t. 3, tr. 66 - 67

Cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng và tấm gương đạo đức cách mạng của Người được lưu truyền trong trái tim và khối óc của hàng triệu triệu người trên thế giới; được trân trọng ghi vào các bộ đại bách khoa, các bộ từ điển danh nhân lỗi lạc của thế giới, và đã được đặt cho nhiều công trình, trường học, quảng trường, đại lộ, v.v... Tên tuổi và sự bất tử của Người trong trái tim nhân dân Việt Nam và trái tim nhân loại gắn liền với cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam trong cuộc vận động cách mạng tháng Tám năm 1945 lịch sử, trong hai cuộc trường chinh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, trong công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, hoà bình và Xã hội chủ nghĩa.

Từ những cống hiến của Người cho dân tộc Việt Nam, cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người và những sáng tạo văn hoá của Người, năm 1987, Tổ chức Giáo dục - Văn hoá - Khoa học của Liên hợp quốc (UNESCO) đã ra nghị quyết công nhận Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam và nhà văn hoá kiệt xuất, bởi Người là “một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội”, và “Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc dân tộc của mình và tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau”¹.

1. Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb. KHXH, H, 1990, tr. 5-6

PHẦN II
HỒ CHÍ MINH -
NGƯỜI SỐNG MÃI

Cuộc đời hoạt động cách mạng và những trước tác của Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Việt Nam sinh động và hiển hiện một tấm gương đạo đức cách mạng ngời sáng. Nhớ về Người, chúng ta không chỉ nhớ về những cống hiến vĩ đại của Người trong sự nghiệp hoạt động và đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người, mà còn vì đạo đức tuyệt vời của Người. Vì vậy, “những người trên thế giới này, ngay trong một nước cũng như từ nước này sang nước khác, có bao nhiêu điều không giống nhau, thậm chí trái ngược nhau về cảnh ngộ, về trình độ hiểu biết, về xu hướng chính trị, xã hội hay tôn giáo; nhưng miễn là không phải bọn áp bức bóc lột, bọn xâm lược và tay sai của chúng, thì mỗi người đều có thể thấy ở cuộc chiến đấu và cuộc sống của Hồ Chủ tịch, những điều mà mình hàng ngày mong mỏi, những giá trị tinh thần mà mình thiết tha, những mục tiêu mà mình khao khát muốn vươn tới”¹.

Hồ Chí Minh đã từ một người yêu nước trở thành một người cộng sản. Người đã không chỉ kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp của đất nước, con người Việt Nam mà còn tiếp thu, chắt lọc và phát triển vượt trội những truyền thống đó, làm phong phú hơn bởi sự gặp gỡ giữa Người và những nhà tư tưởng lớn của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Yêu nước và thương dân, tiếp thu từ Khổng Tử phẩm chất hiếu học, sự tu dưỡng đạo đức cá nhân, Hồ Chí Minh nhấn mạnh tinh thần tu thân trong việc rèn luyện đạo đức cho những người cán bộ cách mạng. Và chính Người là một mẫu mực của tấm gương đạo đức cách mạng.

Trong hành trình bôn ba tìm đường cứu nước, sự cảm thông chia sẻ, thương người như thể thương thân trong tấm lòng của một người dân Việt đã gặp gỡ, hoà quyện cùng “lòng nhân ái cao cả” của Đức Chúa Giêsu, cùng những khát vọng cao đẹp trong khẩu hiệu: Tự do, Bình đẳng, Bác ái của Đại cách mạng Tư sản Pháp 1789. Tuy nhiên, càng có điều kiện đi nhiều, trải nghiệm và đúc kết, Hồ Chí Minh càng tiến sát đến một sự thật. Đó là, với chế độ tư bản, không có tự do cho những người nô lệ; không có sự bình đẳng thực sự giữa các màu da, và cũng không có lòng bác ái cao cả giữa những kẻ thống trị và những người bị thống trị.

Sau này, khi đã trở thành người cộng sản, nghiên cứu học thuyết Mác- Lênin và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Mười Nga, Hồ Chí Minh cũng đồng thời tìm thấy từ học thuyết cách mạng này một khái

1. Phạm Văn Đồng: "Chủ tịch Hồ Chí Minh, tinh hoa khí phách của dân tộc, lương tri của thời đại", Báo Nhân dân, 19-5-1970

niệm đạo đức mới, đó là đạo đức cách mạng của những người cộng sản. Cái cốt lõi, cái làm nên nét độc đáo đã hấp dẫn Hồ Chí Minh (và thực tế Người đã luôn làm như vậy) ở hành động và tư tưởng của Người là: Người cách mạng coi hạnh phúc của mỗi người là được đấu tranh cho hạnh phúc của mọi người và điều đó được thể hiện rõ nét ở mục tiêu của cuộc đấu tranh như: Đoàn kết tất cả những người bị áp bức, đấu tranh phá hủy xã hội cũ của bọn bóc lột, giải phóng triệt để cho giai cấp vô sản và nhân dân lao động bị áp bức trên toàn thế giới, xây dựng một xã hội mới “dân chủ ngàn lần hơn dân chủ tư sản”.

Không chỉ tìm thấy ở học thuyết Mác - Lênin con đường và biện pháp để cứu nước cứu nhà, lý tưởng và mục tiêu phấn đấu: Độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội cho nhân dân Việt Nam, Hồ Chí Minh còn tìm thấy từ đó phương pháp làm việc khoa học, biện chứng và những điều kiện cần thiết để thực hiện mục tiêu giải phóng dân tộc mình, giải phóng các dân tộc thuộc địa và giải phóng nhân loại cần lao. Tuy nhiên, Người cũng nhận thức sâu sắc rằng, một trong những điều kiện đó là: Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng, vì nếu không có đạo đức cách mạng thì dù tài giỏi mấy họ cũng không thể lãnh đạo được nhân dân, không thể hoàn thành được nhiệm vụ Tổ quốc và nhân dân giao phó.

Không chỉ là người đầu tiên nêu ra và thực hiện một cách sinh động trong thực tiễn những chuẩn mực đạo đức cách mạng mới, Hồ Chí Minh còn không ngừng tuyên truyền, vận động mọi người cùng rèn luyện. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh đã lựa chọn, đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng, bảo vệ thành quả cách mạng và lãnh đạo nhân dân Việt Nam xây dựng chế độ Xã hội chủ nghĩa. Quá trình tu dưỡng đạo đức của Người cũng chính là việc Người vừa kế thừa đạo đức truyền thống dân tộc, vừa tiếp thu những tinh hoa tư tưởng đạo đức của nhân loại mà đỉnh cao là chủ nghĩa nhân đạo cộng sản của học thuyết Mác - Lênin, gắn liền với những hoạt động cách mạng của Người. Hồ Chí Minh đã không chỉ hướng đến, mà còn dành cả cuộc đời mình, gắn bó chặt chẽ cuộc đời mình với lý tưởng cao đẹp: Giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội.

Dường như tất cả những gì tốt đẹp của dân tộc trong hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước đều sống dậy, hội tụ nơi Hồ Chí Minh, nơi tinh hoa của dân tộc được kết hợp với chủ nghĩa Mác - Lênin, đỉnh cao của tư tưởng loài người trong thời đại mới. Cuộc đời Hồ Chí Minh thực sự là một tấm gương đạo đức và nhân cách thanh cao của người chiến sĩ cách mạng, hết lòng tận trung với nước, tận hiếu với dân, mà “gia đình của Người là Nhân dân, là Đảng và Tổ quốc. Bởi lẽ đó, tất cả điều gì Hồ Chí

Minh dạy và làm, thì mọi người đều ngưỡng mộ và làm theo không chút đắn đo”¹.

Hồ Chí Minh là một vị lãnh tụ luôn gần dân, hết mực yêu thương nhân dân. Vốn xuất thân từ nhân dân, đau cùng nỗi đau nước mất nhà tan với nhân dân, Hồ Chí Minh nung nấu một lòng yêu nước nồng nàn, một khát vọng giải phóng đồng bào khỏi những năm tháng bị đọa đầy đau khổ. Với Hồ Chí Minh, không có gì là của riêng, tất cả đều là của nhân dân. Khái niệm nhân dân trong Hồ Chí Minh rất rõ ràng, đó là tất cả những người lao động, những người bị áp bức trên toàn thế giới. Vì vậy, cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam do Hồ Chí Minh lãnh đạo, vì độc lập tự do, vì hoà bình và tiến bộ xã hội đã được nhân dân thế giới đồng tình, ủng hộ. “Người được yêu mến, khâm phục và kính trọng trên toàn thế giới”², bởi vì “tuy thuộc nhân dân Việt Nam, Người vẫn thuộc vào gia tài của nhân loại, cái gia tài của mọi dân tộc yêu tự do, giải phóng đã phải tiến hành đấu tranh chống lại ách thực dân hay đế quốc”³.

Hồ Chí Minh là người Việt Nam đẹp nhất, là người anh hùng giải phóng dân tộc, là tấm gương mẫu mực của tinh thần cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Người đã từng nói: Muốn toàn tâm, toàn ý phấn đấu cho sự nghiệp cách mạng, người cán bộ, đảng viên phải không ngừng tu dưỡng đạo đức cách mạng, phải tích cực chống chủ nghĩa cá nhân. Theo Hồ Chí Minh, người cán bộ cách mạng sẽ không thể làm mực thước trước nhân dân, không thể được nhân dân tin yêu và quý trọng, càng không thể thực hiện được nguyên tắc đạo đức “mình vì mọi người”, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ” một cách “chí công vô tư”, nếu không thực hiện được bốn chữ vàng của đạo lý làm người cao cả nhất, đó là: “cần, kiệm, liêm, chính”.

Cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh, đức độ của Người là hiện thân của sự kết tinh những truyền thống tốt đẹp của dân tộc gắn liền với phẩm chất cao quý của người cộng sản trong thời đại mới, mà biểu hiện rực rỡ nhất là tình đoàn kết quốc tế trong sáng. Hồ Chí Minh không chỉ yêu Tổ quốc và nhân dân mình, Người còn luôn mơ ước, phấn đấu cho một xã hội tốt đẹp, hoà bình và hạnh phúc cho tất cả những người cùng khổ. Vạch đường, chỉ lối, đoàn kết họ, Hồ Chí Minh đã kiên định thực hiện khẩu hiệu nổi tiếng: *Vô sản các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại!*, đồng

1. Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb. KHXH, H, 1990, tr 130

2. Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sdd, tr 41

3. Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Sdd, tr 42

thời góp phần giữ gìn tình đoàn kết giữa các dân tộc và các Đảng cộng sản anh em. Hồ Chí Minh là Người trân trọng truyền thống của dân tộc mình, song Người không bao giờ để cho chủ nghĩa dân tộc ràng buộc mình, hoặc trái lại biến dân thành chủ nghĩa dân tộc. Không chỉ dừng lại ở điều đó, dường như chủ nghĩa sô vanh, chủ nghĩa chủng tộc, bài ngoại hay biệt lập đều xa lạ với Hồ Chí Minh, xa lạ với lý tưởng cao đẹp của Người. “Cho đến những ngày cuối đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn trung thành với những nguyên tắc cao cả của chủ nghĩa Quốc tế vô sản, thể hiện mối liên hệ qua lại khăng khít và biện chứng giữa tính dân tộc và tính quốc tế”¹.

Hồ Chí Minh suốt đời phấn đấu không mệt mỏi cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, cho tự do và hạnh phúc của nhân dân, cho mục đích tốt đẹp và lý tưởng cộng sản chủ nghĩa. Phẩm chất và đạo đức cách mạng của Người mãi mãi là một tấm gương ngời sáng. Một Hồ Chí Minh luôn thống nhất giữa lời nói và việc làm, luôn giản dị mà trí tuệ trong cuộc đời thường cũng như khi đang tranh đấu, khiêm nhường và sẵn sàng quên mình cho hết thảy, đã đem lại sự hài hoà, làm lấp lánh hơn cho tư tưởng đạo đức của Người. Đạo đức cách mạng hành động của Hồ Chí Minh tỏa ra, hoà nhập với pháp luật và chính trị, kết hợp giữa đức trị và pháp trị, chính là “chính trị cách mạng trong đạo đức”, và “soi sáng chính trị từ bên trong”. Đó cũng chính là tấm gương đạo đức của một con người đã dành tất cả trí lực của mình để đấu tranh cho hạnh phúc của mọi người, trở thành biểu tượng rực rỡ nhất trong cuộc chiến đấu giành độc lập, tự do và những quyền làm người cho tất cả mọi người lao động.

Nhà thơ Rơ-Nê Đơ- Pê-Tơ- Rô (Ha-i -ti) từng được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1961, sau đó đã viết về Người như sau: “Những ai được biết thế nào là một người thực sự, vẻ đẹp của thế giới ở đâu, sự chiến thắng của chân lý trên trái đất ở đâu, ở đâu có mùa xuân, xin hãy đến thăm cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự tồn tại điển hình của một anh hùng của thời đại chúng ta”². Trái tim Người, cho đến hơi thở cuối cùng, vẫn dành để cống hiến cho mọi người, cho dân tộc và cho nhân loại. Tạp chí *Những người bạn Mỹ*, từng thừa nhận: Cả bè bạn lẫn kẻ thù, đều phải công nhận rằng Người là một nhân vật xuất chúng đã không nghĩ đến mình, đã hiến dâng cả cuộc đời mình cho sự nghiệp độc lập dân tộc và xây dựng Chủ nghĩa xã hội của nhân dân Việt Nam và: “Loài người sẽ mãi mãi nhớ đến nhà yêu nước vĩ

1. Viện Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại, NXB Lao Động, NXB QĐND, H, 1993, tr.114

2. Viện Hồ Chí Minh, Sdd, tr.40

dại Hồ Chí Minh, đó là một trong những chiến sĩ vĩ đại nhất đã bảo vệ tự do và phẩm cách con người trong một thế giới đầy lo âu và biến động”¹.

Nêu cao đức hy sinh, sự liêm khiết, tinh thần bất khuất, dũng cảm và trung thành với những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác- Lênin, tấm gương Hồ Chí Minh, sẽ không chỉ cổ vũ nhân dân Việt Nam kiên định trên con đường thực hiện mục tiêu: Độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội mà còn “tượng trưng cho cuộc đấu tranh cách mạng, cho sức mạnh cách mạng của nhân dân. Đúng thế, Hồ Chủ tịch là Đa - vít của thời đại chúng ta, đã đánh đổ tên đế quốc Gô-li-át”². Là Người đứng đầu Đảng và Nhà nước, trong những hoàn cảnh nhạy cảm của tình hình quốc tế, đặc biệt khi giải quyết mối quan hệ Việt - Trung - Xô (những năm 60 của thế kỷ XX), tiếng nói chân thành xuất phát từ mong muốn đoàn kết và thái độ không khoan nhượng của Người để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác- Lênin, bảo vệ tình đoàn kết quốc tế vô sản đã chiếm được lòng tin của bạn bè quốc tế. Không phải ngẫu nhiên, N. Khrútsốp lại viết về Hồ Chí Minh như sau: “Mỗi lời nói của Ông hình như dựa vào niềm tin là về nguyên tắc tất cả mọi người cộng sản đều là anh em cùng giai cấp, họ chỉ có thể tỏ ra trung thực và chân thành với nhau thôi. Hồ Chí Minh quả thực là một trong “các vị thánh của chủ nghĩa cộng sản”³.

Mỗi khi nói về Hồ Chí Minh, những người đã từng một lần được gặp gỡ Người, đều có chung một nhận xét: Điểm đặc biệt làm nên một Hồ Chí Minh- người anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá kiệt xuất của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX, chính là sự nhất quán giữa cuộc đời hoạt động chính trị lay trời chuyển đất với cuộc đời thường vô cùng bình dị, nhân ái và hoà đồng với thiên nhiên của Người. Hồ Chí Minh không chỉ giản dị trong đời sống, Người còn giản dị trong tác phong, trong mỗi lời nói, bài viết và trong từng cách xử thế. Bởi thế, tất cả mọi người đều cảm thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh là một con người “như mình, gần mình, của mình”. Dù rất ít khi muốn nói về mình, thì thiên thân thoại cuộc đời Hồ Chí Minh vẫn hấp dẫn tất cả.

Hồ Chí Minh, con người và nhân cách vĩ đại đã từng được một nhà lãnh đạo lão thành của Đảng cộng sản Pháp thành kính suy tôn là “một hiền nhân”, và sự ngưỡng mộ Người đã không dừng lại ở châu Á. Và không

1. Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch , NXB Sự Thật, H, 1976, tr. 339

2. Báo Người Dân tộc của Tan-da-ni-a, ngày 6-9-1969

3. N. Khrútsốp, Hồi ký, xuất bản 1971, bản dịch tiếng Việt lưu tại Viện Hồ Chí Minh và các Lãnh tụ của Đảng, tr. 59

chỉ thuộc về hiện tại, Hồ Chí Minh là một con người của tương lai, từ Người không chỉ toả ra nền văn hoá của tương lai, từ Người còn toả ra và sáng lấp lánh những phẩm cách đẹp đẽ nhất của một con người trong tương lai, mà “nếu Việt Nam là lương tâm của thời đại chúng ta thì cụ Hồ Chí Minh là tác giả của lương tâm đó”¹.

Với nhân dân phương Đông, cuộc đời hoạt động cách mạng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh sinh động và thiết thực hơn cả những điều Người từng nói, đã làm và làm hơn cả những điều Khổng Tử thường mong ước: Đó là, đem lại sự nghỉ ngơi cho người già, lòng tin cậy cho bầu bạn và đem lại tình thương yêu cho trẻ nhỏ. Hồ Chí Minh là Người giữa bộn bề công việc vẫn không quên “sữa để em thơ, lụa tặng già”. Một Hồ Chí Minh với tâm hồn thanh cao là biểu hiện một sự dung hợp chưa từng thấy những phẩm chất tuyệt vời của một vị lãnh tụ nhân dân trong thời đại mới. Và trong thực tế, rất hiếm người “đạt tới sự thống nhất hài hoà giữa chủ nghĩa nhân đạo và tầm cao chính trị, giữa đức tính giản dị, khiêm tốn và sự hiểu biết sâu rộng, giữa tình cảm ấm áp và nghị lực phi thường đến mức tuyệt vời như Bác Hồ. Được gặp Người, quả thật là một điều sung sướng, vinh dự, một điểm phúc trong đời”².

Khi còn sống, Hồ Chí Minh là một tấm gương mẫu mực của người cách mạng. Khi mất đi, những trang lịch sử cuộc đời Người và vô vàn tình thương yêu của Người dành cho tất cả mọi người cũng vẫn giản dị, bao dung như chính cuộc đời Người. Hồ Chí Minh ra đi, song tất cả những gì thuộc về Người còn sống mãi. Thế giới có đổi thay, nhưng Hồ Chí Minh và tư tưởng của Người vẫn sống mãi. Những ghi nhận, tôn vinh, đánh giá; những bài viết, những công trình nghiên cứu về cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng, đạo đức của Người vẫn tiếp tục; những công trình tưởng niệm, những quảng trường, công viên, đại lộ, v.v. mang tên Người vẫn tiếp tục nhiều lên ở cả những nơi từng ghi dấu chân Người và ở cả những nơi Người chưa một lần đặt chân đến. Tất cả chỉ có thể là, trái đất nặng ân tình, nhân loại tiến bộ nhớ mãi con người huyền thoại Hồ Chí Minh.

1. Viện Hồ Chí Minh, Sdd, tr. 36

2. John Stern, Bác Hồ như chúng ta đã biết, NXB.Thanh Niên, H, 1985, tr56

**HỒ CHÍ MINH - ANH HÙNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC,
NHÀ VĂN HOÁ KIỆT XUẤT**

1. Mỗi bước đi của nhân dân ta và của Đảng ta trong 40 năm qua đều gắn liền với cuộc đấu tranh cách mạng vô cùng sôi nổi và đẹp đẽ của Hồ Chủ tịch. Toàn bộ hoạt động của Người cùng với sự nghiệp của nhân dân ta và của Đảng ta là một thiên anh hùng ca bất diệt của cách mạng Việt Nam.

(Lê Duẩn, “Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới”, Hồ Chí Minh tiểu sử, Nxb. Lý luận chính trị, H., 2006, tr.609)

2. Hồ Chí Minh thuộc về tương lai, vì Hồ Chí Minh đã tạo ra tương lai vĩ đại ấy... Người là một người làm nên lịch sử hiện đại. Người đã trở thành một nhà kiến trúc và tạo hình của quá trình cách mạng thế giới trong thời kỳ có tính chất bùng nổ nhất... Người đã trở thành ngọn đèn biển soi sáng đường đi cho tất cả các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới... Có lẽ hơn bất kỳ người nào khác của thế kỷ này, đối với dân tộc mình và đối với cả thế giới, Hồ Chí Minh là hiện thân của cách mạng... Người là một trong những nhân vật cao quý nhất, đáng yêu nhất của thời đại chúng ta.

(Phạm Văn Đồng, Hồ Chí Minh - một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp, Nxb. Sự thật, H.1990, tr.19- 20).

3. Cho đến đầu thế kỷ XX, học thuyết Mác-Lênin chỉ mới soi sáng cách mạng vô sản ở phương Tây, Hồ Chí Minh thấy cần góp phần mang chân lý thời đại này để soi sáng phần của thế giới mà học thuyết Mác – Lênin vừa mới bắt đầu chiếu tới. Từ đó, Hồ Chí Minh suy nghĩ, tìm tòi, nghiên cứu để bổ sung những điều mà các bậc thầy học thuyết Mác – Lênin, vì sự hạn chế của lịch sử, chưa nói được đầy đủ. Đó là lý luận về cách mạng ở các nước thuộc địa.

(Phạm Văn Đồng, Hồ Chí Minh - một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp, Nxb. Sự thật, H.1990, tr.22)

4. Một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp thống nhất với nhau, sản sinh ra và kết tinh ở một con người, đó là bản chất và tầm vóc của Hồ Chí Minh.

(Phạm Văn Đồng, Hồ Chí Minh - một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp, Nxb. Sự thật, H.1990, tr.62)

5. Hồ Chí Minh là người mang tính cách Á Đông nhất, nhưng cũng là người cởi mở nhất với tư tưởng phương Tây. Ở đây, nổi bật lên trên một bối cảnh được dò xét đến tận đáy thẳm sâu, hình ảnh của một nhà kiến thiết lớn nhất của thời đại ngày nay.

(Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, H., 2003, tr.97).

6. Hồ Chí Minh cũng là người dân thuộc địa đầu tiên đã vạch rõ chủ nghĩa đế quốc thực dân là kẻ thù chính của các dân tộc thuộc địa, đồng thời cũng là kẻ thù của giai cấp vô sản và nhân dân lao động “chính quốc”. Từ tình cảm, lòng thương yêu và khát vọng giải phóng dân tộc mình, đất nước mình, Người thông cảm với nỗi thống khổ và số phận cùng cực của nhân dân các thuộc địa, xem nhân dân các nước thuộc địa, phụ thuộc là “đồng bào”, anh em như đối với “đồng bào mình”. Người còn là một trong những người có công đầu trong việc xây dựng các tổ chức liên minh của các dân tộc thuộc địa.

(Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, H., 2003, tr.153).

7. Tất cả bắt đầu từ con người và con người làm ra tất cả, quan điểm đó của Hồ Chí Minh xét cho cùng là tình cảm quý trọng và yêu mến đối với con người, là chủ nghĩa nhân đạo cộng sản.

(Phạm Văn Đồng, Hồ Chí Minh - một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp, Nxb. Sự thật, H.1990, tr.27)

8. Hồ Chí Minh là một con người phi thường và xuất chúng. Tuy nhiên, khi gặp Hồ Chí Minh, mọi người cảm thấy như thân thuộc từ lâu, dễ dàng nói chuyện cởi mở, tự nhiên, không chút nào cách bức.

(Phạm Văn Đồng, Hồ Chí Minh - một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp, Nxb. Sự thật, H.1990, tr.62)

9. Chủ nghĩa nhân đạo của Hồ Chí Minh thể hiện trong thái độ đối với từng con người, lo toan trước hết cho những người ở vị trí chiến đấu gian khổ nhất, chia sẻ đau buồn với những người mất mát, tìm cách đền đáp cho những người thiệt thòi, bao dung độ lượng với những người lỗi lầm mà thành thật hối cải.

(Phạm Văn Đồng, Hồ Chí Minh - một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp, Nxb. Sự thật, H.1990, tr.67)

10. Chủ nghĩa nhân đạo của Hồ Chí Minh không chỉ là sống vì con người, suốt đời lo toan cho con người, càng không phải là làm ra và đem

lại cho con người hưởng những điều con người mong muốn, mà là khơi dậy trong con người lòng tự hào và niềm tin, ý chí và nhiệt tình cách mạng, để con người tự mình làm ra tất cả.

(Phạm Văn Đồng, Hồ Chí Minh - một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp, Nxb. Sự thật, H.1990, tr.68)

11. Nét đặc biệt của Hồ Chí Minh là khiêm tốn, giản dị, sự khiêm tốn, giản dị chân thành và hồn nhiên của con người bao giờ cũng là chính mình và chỉ cần là chính mình. Địa vị càng cao, uy tín càng lớn, Hồ Chí Minh càng khiêm tốn và giản dị. Trước tất cả và hơn hết mọi người, trong mỗi ngày, mỗi việc, Hồ Chí Minh đã làm đúng điều Người nhắc nhở mọi cán bộ cách mạng, là trung thành và tận tụy làm người đầy tớ của nhân dân.

(Phạm Văn Đồng, Hồ Chí Minh - một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp, Nxb. Sự thật, H.1990, tr.69)

12. Nguyễn Ái Quốc từ xưa đến nay vẫn đem hết nghị lực cho công cuộc giải phóng công nông. Mười mấy năm trời đồng chí ngược xuôi Âu Á đi đến đâu cũng hết lòng tổ chức thợ thuyền, hô hào quần chúng ra tranh đấu. Đồng chí đã từng tham dự vào cuộc gây dựng Đảng Cộng sản Pháp, năm 1920. Đồng chí đã sớm biết cùng các đồng chí Pháp, Xyri, Ả Rập xây đắp nền móng cuộc cách mạng vận động ở thuộc địa. Báo Paria cũng do đồng chí lập ra ở Pari, tự tay đi bán đầu đường, cuối ngõ trước mắt bọn cảnh sát hung tàn.

Bởi công phu đồng chí rục rờ như vậy, cho nên đế quốc toàn thế giới mới căm hờn, xuất tiền ngàn bạc vạ thuê người bắt cho được. Ngày nay tuy đồng chí đã mắc vào tay chúng nó, ta cũng hoan hô đồng chí và hết sức buộc đế quốc phải thả đồng chí ngay lập tức.

(Tiến Hành: Sau khi Nguyễn Ái Quốc bị bắt ở Tàu, báo Vô sản số 8, tháng 10-1931)

13. Người là một con người sống có hoài bão, có lý tưởng yêu nước thương dân sâu sắc, nhất là đối với những người cùng khổ bị áp bức bóc lột, có bản lĩnh kiên định, có khí tiết kiên cường trong đấu tranh thực hiện mục tiêu, lý tưởng đã lựa chọn.

Người là một con người đặc biệt thông minh, sắc sảo, nhạy bén với cái mới, ham học hỏi, có tư duy độc lập, sáng tạo, có trí tuệ uyên bác, kiến thức sâu rộng, biết nhiều ngoại ngữ, do đó có điều kiện tiếp xúc với văn hoá của nhiều dân tộc. Người là một con người có lòng tin mãnh liệt ở nhân dân, có ý chí, nghị lực phi thường, có đầu óc thực tiễn, thiết thực cụ thể, lý luận gắn liền với thực tiễn, nói đi đôi với làm. Người là một con

người mẫu mực về đạo đức cách mạng, tác phong bình dị, chân tình, khiêm tốn, gần gũi, hoà mình với quần chúng, có sức cảm hoá lớn đối với mọi người.

(Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, H., 2003, tr.68, 69)

14. Hồ Chí Minh có thể được coi như một nhà duy vật biện chứng và duy vật lịch sử đã giải quyết thành công mối quan hệ giữa các mặt tưởng chừng khó dung hoà của sự nghiệp cách mạng: Dân tộc và giai cấp, quốc gia và quốc tế, sáng tạo và trung thành, kế thừa và đổi mới

(Phạm Văn Đồng, Hồ Chí Minh - một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp, Nxb. Sự thật, H.1990, tr.37)

15. Chủ nghĩa quốc tế mà Hồ Chí Minh đã trau dồi thành một phẩm chất của dân tộc Việt Nam là chủ nghĩa quốc tế vô sản của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức, là chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa của những dân tộc đã làm cách mạng thành công và đang xây dựng Chủ nghĩa xã hội, là chủ nghĩa quốc tế thấm nhuần nhân đạo của mọi con người có lương tri trước vận mệnh chung của các dân tộc và của loài người trong thời đại ngày nay.

(Phạm Văn Đồng, Hồ Chí Minh - một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp, Nxb. Sự thật, H.1990, tr.50)

16. Trân trọng giữ gìn và kế thừa sáng tạo di sản cách mạng của Hồ Chí Minh, là tiếp tục sự nghiệp cách mạng trong thế giới ngày nay, mà đổi mới là đòi hỏi bức thiết. Thế giới biến chuyển nhanh chóng và phức tạp không lường trước được, biết bao cái mới nảy sinh trên mọi lĩnh vực mà chúng ta phải nhạy cảm nắm bắt và vận dụng. Song đừng vì vậy mà lãng quên di sản của Hồ Chí Minh. Chính đó là cái vốn và chất men để sáng tạo nên cái mới.

(Phạm Văn Đồng, Hồ Chí Minh - một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp, Nxb. Sự thật, H.1990, tr.58)

17. Hồ Chí Minh là người năng động và linh hoạt trong ứng biến, minh triết và thanh thản trong tâm hồn và phong độ. Hoàn cảnh càng nguy hiểm, khó khăn, Hồ Chí Minh càng bình tĩnh sáng suốt. Giải pháp đúng dẫn đến thần tình thường bật ra trong một phản ứng tự nhiên, như từ trực giác cách mạng. Bản lĩnh ứng biến năng động và linh hoạt đi đôi với sự minh triết và thanh thản trong tâm hồn, sự ung dung, thoải mái trong phong độ. Hồ Chí Minh hoàn toàn không theo kiểu hiền triết thời xưa, coi mọi thứ trên đời đều là phù du, không đáng kể. Hồ Chí Minh luôn

luôn sống giữa cuộc đời, và đúng như câu phương ngôn mà Mác ưa thích: Không có cái gì thuộc về con người mà đối với Hồ Chí Minh lại là xa lạ.

(Phạm Văn Đồng, Hồ Chí Minh - một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp, Nxb. Sự thật, H.1990, tr.65)

18. Hồ Chí Minh là một nhà văn hoá lớn của dân tộc Việt Nam và của loài người, với ý nghĩa đầy đủ nhất của danh hiệu Nhà văn hoá. Ở Hồ Chí Minh, nhà văn hoá lớn gắn liền với nhà nhân văn lớn, phát huy truyền thống của một dân tộc “văn hiến”.

Hồ Chí Minh là một nhà văn hoá lớn, vì cuộc đời và sự nghiệp của Người là tấm gương về nhân sinh quan và thế giới quan cao đẹp, làm sáng lên một chủ nghĩa nhân văn trùng với những ước mơ cổ truyền của dân tộc Việt Nam và các dân tộc, kết tinh những tư tưởng và tình cảm lớn của loài người.

(Phạm Văn Đồng, Hồ Chí Minh - một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp, Nxb. Sự thật, H.1990, tr.71)

19. Ông Hồ Chí Minh là một người tạo ra thời thế. Ông đã kết hợp được trong bản thân mình hai trong những lực lượng trung tâm của lịch sử Việt Nam hiện đại: Khát vọng độc lập dân tộc và hoài bão về công bằng xã hội - kinh tế, ... cho nên ông có khả năng truyền đạt thông điệp của mình đến khắp các dân tộc thuộc địa trên thế giới, đáp ứng yêu cầu của họ về một cuộc sống danh dự và tự do, thoát khỏi ách áp bức của chủ nghĩa đế quốc Bất kể lời phán xét thế nào đối với di sản ông để lại cho dân tộc mình, Hồ Chí Minh vẫn có vị trí trên tượng đài của các vị anh hùng cách mạng đã chiến đấu ngoan cường cho những người cùng khổ trên thế giới, giúp họ nói lên được tiếng nói đích thực của mình.

(William J. Duiker: Ho Chi Minh a life, Hyperion, New York, 2000, tr.577, (tiếng Anh).

20. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người con của quần chúng nhân dân. Người là hiện thân của sự kết hợp tinh thần dũng cảm, chí khí kiên cường của một con người hành động với sự nhạy cảm tinh tế của một nhà văn hoá lớn. Người là triết gia, chính khách chân chính, là biểu tượng của ý chí không gì lay chuyển nổi của con người. Tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ mãi mãi là ngọn cờ cổ vũ đối với các dân tộc đấu tranh cho hoà bình và tự do trên toàn thế giới.

(C. Sèkha, Thủ tướng Ấn Độ, phát biểu tại cuộc mít ting kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 14-1-1991, tại Sân vận động Néctagi - Thành phố Cancútta)

21. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thấy trong chủ nghĩa Mác – Lênin bài học và con đường tìm ra giải pháp cho tất cả các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân áp bức và bóc lột. Đồng chí Hồ Chí Minh đã kết hợp một cách thiên tài cuộc đấu tranh giành độc lập tự do và cuộc đấu tranh vì quyền lợi của quần chúng bị bọn phong kiến và giai cấp áp bức, bóc lột. Người đã tìm ra con đường kết hợp giữa tư tưởng yêu nước của các dân tộc với sự cần thiết phải giải thoát cho họ khỏi sự bóc lột xã hội. Sự nghiệp giải phóng dân tộc và sự nghiệp giải phóng xã hội là hai điều then chốt trong học thuyết của Người.

(Phát biểu tại Hà Nội của đồng chí Phiden Cátxtơrô, Chủ tịch Đảng Cộng sản Cuba, ngày 12-9-1973)

22. Đồng chí Hồ Chí Minh là một lãnh tụ và là một nhà Mácxít – Lêninnít vĩ đại của thế giới. Đồng chí Hồ Chí Minh là con người cần thiết xuất hiện đúng lúc, đúng yêu cầu của lịch sử. Chính vì vậy mà đồng chí làm ra lịch sử.

(Gót Hôn, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Mỹ, báo Nhân Dân, ngày 17-9-1969)

23. Hồ Chí Minh gắn bó với dân tộc mình, đồng thời cũng dành những tình cảm thắm thiết với mọi dân tộc trên thế giới, luôn luôn ủng hộ mọi cuộc đấu tranh yêu nước và cách mạng bất cứ ở đâu, quan tâm chí tình mọi bạn bè quốc tế, sẵn sàng ân cần mọi số phận con người, bằng những việc làm cảm động và thiết thực. Hồ Chí Minh là hiện thân của tinh thần “Quan san muôn dặm một nhà, bốn phương vô sản đều là anh em” và của lý tưởng: “Người với người là bạn”.

(Phạm Văn Đồng, Hồ Chí Minh - một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp, Nxb. Sự thật, H.1990, tr.68)

24. Con người Hồ Chí Minh trước sau như một, vượt qua thử thách của vinh quang, của quyền lực, của tuổi tác, của thời gian, làm sáng lên sự cao cả của con người.

(Phạm Văn Đồng, Hồ Chí Minh - một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp, Nxb. Sự thật, H.1990, tr.69).

25. Hồ Chí Minh là người sống một cuộc sống trước sau như một, nhằm những mục tiêu cao cả được xác định từ lúc bắt đầu và từng bước đã thực hiện được. Hồ Chí Minh là con người của một lý tưởng và lý tưởng thể hiện trong một con người. Đây là con người lịch sử và con người làm ra lịch sử.

(Phạm Văn Đồng, Hồ Chí Minh - một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp, Nxb. Sự thật, H.1990, tr.75)

26. Trên thế giới hiện nay không có lãnh tụ nào đối với nhân dân mình vừa là người phát sinh, vừa là người bảo vệ, vừa là nguồn gốc, vừa là phương hướng, vừa là tư tưởng, vừa là thực hành, vừa là dân tộc, vừa là cách mạng, vừa là người Bác nhân hậu, vừa là vị tướng cầm quân ... Qua những lời dạy của Người ... các chân lý lớn của thời đại được diễn đạt trong những lời giản dị và hàm súc.

(Võ Nguyên Giáp, Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, H., 2003, tr.97).

27. Tư tưởng Hồ Chí Minh là linh hồn, ngọn cờ thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong suốt hơn nửa thế kỷ qua. Cùng với chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng ta, nhân dân ta. Tư tưởng Hồ Chí Minh mãi mãi soi con đường cách mạng Việt Nam, con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội của toàn dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

(Võ Nguyên Giáp: Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, H., 2003, tr.99).

28. Hồ Chí Minh, người chiến sĩ dũng cảm đã giải phóng dân tộc mình khỏi một thế kỷ đô hộ thực dân, bằng sự lãnh đạo khôn khéo và quyết tâm vững chắc. Người là một trong những động lực đầu tiên của phong trào chống thực dân thời kỳ sau Đại chiến thế giới thứ hai ở châu Á, và là một trong những lãnh tụ có ảnh hưởng nhiều nhất của các dân tộc ở thế kỷ 20.

(M.At-mét, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.34).

39. Chỉ có ít nhân vật trong lịch sử trở thành một bộ phận của huyền thoại ngay khi còn sống và rõ ràng Hồ Chí Minh là một trong số đó. Người sẽ được ghi nhớ không phải chỉ là người giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị đô hộ mà còn là một nhà hiền triết hiện đại đã mang lại một viễn cảnh và hy vọng mới cho những người đang đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này.

(M.At-mét, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.37).

30. Người không phải là một nhà dân tộc hẹp hòi, mà có những tình cảm lớn đối với mọi tầng lớp trong xã hội, đặc biệt là những người nghèo, những người bất hạnh và bị áp bức. Người không buộc tội nhân dân Pháp hoặc nhân dân Mỹ mà chỉ lên án chính quyền thực dân, đế quốc của họ.

(T.N.Ca-un, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH,

H.1990, tr.39).

31. Người là Bác Hồ, bởi vì tuy thuộc nhân dân Việt Nam, Người vẫn thuộc vào gia tài của nhân loại, cái gia tài của mọi dân tộc yêu tự do, giải phóng đã phải tiến hành đấu tranh chống lại ách thực dân hay đế quốc.

(Mô-ha-mét La-ma-ri, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.42)

32. Ưu điểm lớn nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh là không chỉ đấu tranh cho một lá cờ, cho một sự giải phóng ở bề mặt bên ngoài, Người muốn tiến hành một cuộc chiến đấu cho phẩm giá con người, cho sự giải phóng và phúc lợi của toàn dân và nhờ thế mà cuộc cách mạng Người phát động đã mang tầm cỡ thế giới.

(Mô-ha-mét La-ma-ri, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.43)

33. Bác Hồ đã viết: "Tất cả những gì tôi muốn là tự do cho nhân dân tôi và độc lập cho đất nước tôi". Và Người đã chứng minh điều đó trong suốt cuộc đời mình cho tới phút cuối cùng, nghĩa là Người chẳng hề có ham muốn nào khác ngoài ham muốn cho dân mình được sống yên vui và Tổ quốc mình được thoát khỏi ách nô lệ.

(Mô-ham-mát I-xman Mat-sua, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.44-45).

34. Ở nước tôi, nhân dân biết tới Bác Hồ như một người chiến sĩ đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân và sự tàn bạo. Bác Hồ là tấm gương sáng cho thanh niên Á-p-ga-ni-xtan vì lòng yêu nước và sự cống hiến vô hạn cho nhân dân.

(Mô-ham-mát I-xman Mat-sua, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.46).

35. Bác Hồ - người luôn tiến về phía trước, sẵn sàng chiến đấu và chiến thắng với những vũ khí thô sơ chống lại những kẻ thù có vũ khí hùng mạnh; những nguyên lý của Người là nghìn lần hùng mạnh hơn cả. Người đã hoàn thành đầy đủ sự nghiệp của đời mình, cũng chính là sự nghiệp của dân tộc của Người, sự nghiệp của tất cả các dân tộc cách mạng. Nhưng Người không phải là một kỷ niệm của quá khứ. Người là một con người diệu kỳ cho tất cả mọi thời đại.

(Mi-ghen Đê-xtê-pha-nô, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.55).

36. Tất cả những người có lương tri trên thế giới nhìn thấy ở Nguyễn

Ái Quốc - “Người yêu nước”, ở Hồ Chí Minh - “Người chiếu sáng”, ở Bác Hồ - “Vị Chủ tịch kính mến”.

(Mi-ghen Đê-xtê-pha-nô, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb. KHXH, H.1990, tr.55).

37. Hồ Chí Minh trước hết là biểu tượng của cuộc chiến tranh thiêng liêng của dân tộc Việt Nam chống chủ nghĩa thực dân. Hồ Chí Minh đã trở thành điểm hội tụ, nhờ đó Mặt trận đoàn kết dân tộc, dù gặp bao nhiêu khó khăn trở ngại đã có thể vượt qua, tiến tới vững mạnh. Chẳng phải ngẫu nhiên, tên Người - Hồ Chí Minh đã trở thành lời kêu gọi đoàn kết đấu tranh.

(W.Lu.lây, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.57).

38. Trong việc vạch ra chiến lược cách mạng để giải phóng Việt Nam khỏi ách đế quốc và thực dân mới, Hồ Chí Minh xem xét đặc thù của tình hình Việt Nam một cách cụ thể nhất. Người đã đưa ra những tư tưởng mới nhất phát triển học thuyết mác-xít về cách mạng và khoa học quân sự.

(Tê-shôm Kê-bê-de, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.65).

39. Để đối phó với âm mưu của chủ nghĩa đế quốc, Hồ Chí Minh đã phát triển lý luận ba cuộc cách mạng và lý luận đó là một cái móc trong tư tưởng của những người theo học thuyết Mác. Lý luận này nêu rõ ràng chủ nghĩa xã hội có thể được xây dựng không chỉ trong điều kiện hoà bình mà cả trong điều kiện chiến tranh.

(Tê-shôm Kê-bê-de, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.66).

40. Bác Hồ, là biểu tượng của cuộc đấu tranh chống sự thống trị của nước ngoài và của công cuộc xây dựng một đất nước thống nhất và phồn vinh. Người đã đồng nhất cuộc đời của mình với cuộc đời của dân tộc mình qua những hành động cũng như qua tư tưởng và ngòi bút của mình. Là một chiến sỹ không mệt mỏi, kiên trì, Hồ Chí Minh đã bắt đầu tỏ rõ ý chí chống thực dân khi mới vừa bước ra khỏi tuổi thiếu niên.

(A-bu Ca-ma-ra, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.68).

41. Hồ Chí Minh đã sống hầu như trên khắp các lục địa. Nhạy bén với nỗi đau khổ của người khác, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, dân tộc, Người là tiếng nói và bàn tay của những người “không có tiếng nói”.

(A-bu Ca-ma-ra, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.69).

42. Sự giúp đỡ của Người đối với các nước đang đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng, hành động của Người vì hoà bình giữa các dân tộc, tất cả những cái đó không phải là không đáng kể và cũng không cần phải chứng minh.

(A-bu Ca-ma-ra, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.69).

43. Ngày nay, trong phong trào cộng sản, không có nhân vật lịch sử nào có tầm vóc có thể so sánh được với Hồ Chí Minh. Đó là tầm vóc của một con người có phẩm giá mà tên gọi gợi lên một lòng kính trọng bất di bất dịch của không những bè bạn mà cả những đối thủ của Người. Đó là tầm vóc những hoạt động mà với tư cách là nhà cách mạng và nhà chính khách, Người đã được mọi người tôn kính khi còn sống cũng như khi Người mất, không những ở đất nước của Người mà cả trên toàn thế giới.

(La-giơ-lô Xan-gô, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.71).

44. Cuộc chiến tranh ở Việt Nam là bước khởi đầu cho sự sụp đổ của toàn bộ Liên hiệp Pháp, tức của đế quốc thuộc địa Pháp... Trong thực tế đó, có sự đóng góp quý báu của người con lỗi lạc của nhân dân Việt Nam - Hồ Chí Minh và những bạn chiến đấu của Người vì sự nghiệp giải phóng các dân tộc bị thực dân Pháp áp bức. Họ đã có lòng tin và lòng dũng cảm một mình tiến hành cuộc chiến tranh đó, đồng thời tạo nên phản ứng dây chuyền dẫn đến độc lập cho không những các thuộc địa Pháp mà còn cho các dân tộc khác bị áp bức.

(La-giơ-lô Xan-gô, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.75).

45. Nhắc tới lịch sử cuộc đời Hồ Chí Minh, thực tế là nhắc tới lịch sử loài người. Đặc biệt lịch sử đầu thế kỷ 20 cho đến khi thế kỷ này kết thúc. Và cụ thể hơn, đó là lịch sử các nhân dân châu Á chiến đấu chống chủ nghĩa thực dân phương Tây đã từng được thiết lập ở đây qua nhiều thế kỷ.

(Rô-ét-slan áp-đun-ga-ni, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.77).

46. Người cũng là một người quốc tế nhân đạo và một người của cả nhân loại yêu chuộng hoà bình và hợp tác với mọi dân tộc trên cơ sở tự do, độc lập và hiểu biết lẫn nhau, dựa trên sự bình đẳng phù hợp với phẩm giá của con người.

(Rô-ét-slan áp-đun-ga-ni, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.81).

47. Một nhân vật tưởng chừng như nhỏ bé là Bác Hồ, hiên ngang đứng lên trong sự nghiệp đầy nhiệt huyết bảo vệ dân tộc mình, dẫn dắt dân tộc mình và làm sáng ngời lẽ phải và chính nghĩa. Con người đó, người anh hùng chân chính đó là của Việt Nam và của tất cả các dân tộc bị áp bức trên thế giới.

(Mac-xê-la Lom-bac-đô, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.87- 88).

48. Hồ Chí Minh đã có những đóng góp quý báu vào việc phát triển luận điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa. Sự sáng tạo trong quan điểm về đấu tranh giải phóng dân tộc của Người là xác định sự thống nhất chặt chẽ giữa tính dân tộc và tính quốc tế, giữa tính giai cấp và tính nhân loại.

(L.Ô-gun-giê-ran, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.92-93)

49. “Vấn đề dân tộc” không còn là một khái niệm suông của phong trào cách mạng nữa mà đã mang lại một sức sống mới, một sức mạnh đấu tranh của bản thân mình như Lênin đã dự đoán về khả năng thắng lợi của một dân tộc yếu bị áp bức đối với một kẻ địch mạnh và những kỳ tích của họ. Hồ Chí Minh cuối cùng đã thực hiện được những khả năng và kỳ tích ấy và đã đặt việc giải phóng dân tộc vào quỹ đạo của lịch sử chứ không phải chuyện thân thoai. Hồ Chí Minh, lần đầu tiên đã mang tới một hệ tư tưởng và hành động của giải phóng dân tộc

(Sai-tô-ghen, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.99).

50. Mỗi tiến trình phát triển của phong trào cách mạng Việt Nam, trong cội nguồn của nó, đều có sự tác động của cá nhân Nguyễn Ái Quốc, là người luôn luôn kết hợp được ba khía cạnh: lãnh tụ dân tộc, nhà lãnh đạo cộng sản và đại diện của Quốc tế cộng sản.

(Sác-lơ Phuốc-ni-ô, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.105).

51. Người là một trong số ít người châu Á đã để lại được dấu ấn của mình ở nơi tôn thờ những con người vĩ đại của châu Á hiện đại.

(Sê-ra-phin D.Quy-sơn, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.106).

52. Đồng chí Hồ Chí Minh là một nhà cách mạng trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản và đã đóng góp to lớn vào sự đoàn kết các nước xã hội chủ nghĩa, vào việc củng cố và phát triển phong trào cộng sản.

(Kim-hu-Giông, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.115).

53. Để triệt để đập tan ách áp bức thực dân và gông xiềng nô lệ hàng mấy thế kỷ, biết bao bậc tiền bối cách mạng đã nối bước nhau, hiến dâng cuộc đời quý báu của mình trong cuộc đấu tranh máu lửa, trở thành những vị anh hùng chân chính của phong trào giải phóng dân tộc, được nhân dân mãi mãi ghi nhớ. Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam, chính là một trong những anh hùng kiệt xuất đó.

(Cốc Nguyên Dương, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.117).

54. Nhà cách mạng vĩ đại Hồ Chí Minh và chắc chắn Người là một trong những người hiếm có của thời đại chúng ta, mà người ta có thể nói rằng: không có Người, lịch sử có thể đã đi theo một con đường khác. Lịch sử đã đặt Người vào đúng chỗ của mình, trong quá trình đó, Người là nhân vật sáng tạo quyết định. Trong một phần tư thế kỷ cho đến khi qua đời, Hồ Chí Minh đã ở vào trung tâm cuộc chiến đấu sau khi giành được độc lập; trong gần một phần tư thế kỷ khác trước đó, Nguyễn Ái Quốc đã ở vào trung tâm sự tiến triển cần mẫn và cần thiết, nhờ đó mà Việt Nam đã là nước đầu tiên bẻ gãy cái vòng sắt của hệ thống thuộc địa thế giới.

(Pi-nô Ta-gơ-li-a-đúc-chi Pê-ru-gia, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.127-128)

55. Trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc lâu dài và phức tạp của các dân tộc Đông Dương, Hồ Chí Minh đóng vai trò người đi tiên phong và hoàn toàn đầy đủ ý nghĩa của từ này. Hồ Chí Minh thực sự tượng trưng cho sự đoàn kết dân tộc. Điều đó bảo đảm một liên minh khá rộng rãi của dân tộc Việt Nam để chống lại kẻ thù bên ngoài. Nhiều đại diện lớp trí thức tư sản phong kiến ở Việt Nam đã thừa nhận rằng họ đã đi theo cách mạng dưới tác động ảnh hưởng của nhân cách, phẩm chất của Hồ Chí Minh và coi Người là niềm hy vọng đối với sự giải phóng dân tộc và sự hồi sinh của Việt Nam.

(Ép-ghê-nhi Cô-bê-lép, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.139-140).

56. Trong suốt thời kỳ đen tối này, ngay cả trong cuộc chiến tranh chống chính quyền thực dân Pháp, Hồ Chí Minh vẫn tìm mọi cách duy trì mối quan hệ hữu nghị với nhân dân Pháp. Người muốn có những quan hệ

tốt với nước Pháp trong tương lai, và phải nói rằng, Người có một tầm nhìn xa trông rộng về tương lai rất đặc biệt trong thời kỳ vô cùng nguy hiểm này. Người cũng có một quan điểm tương tự đối với nhân dân Mỹ.

(Gun-na Phơ-rê-đơ-ric-son, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.154).

57. Cuộc đấu tranh suốt đời để giành độc lập cho đất nước mình đã không làm cho Hồ Chí Minh trở thành một người dân tộc chủ nghĩa hẹp hòi, trái lại, Người vẫn là một quốc tế chủ nghĩa vĩ đại với một nhãn quan thế giới. Hồ Chí Minh là một nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa sáng tạo vĩ đại và một người hành động. Chủ nghĩa xã hội của Người không bè phái cũng không giáo điều, mà nhân đạo và nhân loại.

(Gôn-lan, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.157).

58. Trên các trang của lịch sử, Hồ Chí Minh vẫn sẽ vinh quang chói lọi như sao Bắc đẩu để hướng dẫn loài người đi đến một tương lai tốt đẹp hơn trên hành tinh thân yêu này của chúng ta.

(Xan-ti Mau-roi, Hội thảo quốc tế về chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.161).

59. Tên tuổi của đồng chí Hồ Chí Minh gắn liền với hàng chục năm đấu tranh cách mạng gian khổ và quang vinh của nhân dân Việt Nam chống thực dân và đế quốc, những năm xây dựng Chủ nghĩa xã hội sau khi đất nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành lập ngày 2 tháng 9 năm 1945 và cuộc đấu tranh anh hùng của nhân dân Việt Nam chống sự xâm lược của đế quốc Mỹ.

(Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.9).

60. Đồng chí Hồ Chí Minh vừa là một chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản và công nhân thế giới, là vị lãnh tụ của cách mạng Việt Nam, vừa là một trong những người khởi xướng và là lãnh tụ xuất sắc nhất của phong trào giải phóng dân tộc.

(Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.10).

61. Đồng chí Hồ Chí Minh đã sống một cuộc đời rạng rỡ của một nhà cách mạng Mác-xít, của một người lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa chống thực dân, của một người tổ chức và xây dựng một Nhà nước Xã hội chủ nghĩa đầu tiên và duy nhất ở Đông Nam Á, kể cả cho đến ngày nay. Đồng chí Hồ Chí Minh đã sống một cuộc đời đầy đấu tranh gian khổ và

thắng lợi, là tấm gương cho tất cả những người trung thực và có ý thức về chính trị.

(Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.11).

62. Tên tuổi đồng chí Hồ Chí Minh đã trở thành tượng trưng cho cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam vì một nước Việt Nam tự do và thống nhất. Người đã nguyện hi sinh tất cả để thực hiện cho kỳ được mục đích cao cả đó. Người đã quên mình để đấu tranh cho hạnh phúc của mọi người, và chính đó là điều đã mang lại hạnh phúc to lớn đối với bản thân Người.

(Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.15).

63. Đối với tất cả mọi người Việt Nam, Người là tượng trưng cho thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh vì tự do và tiến bộ. Đối với tất cả các dân tộc bị áp bức mà Người đã vạch ra con đường đấu tranh đúng đắn để giành thắng lợi, thì đó là người cộng sản vĩ đại, đã trở thành ngọn cờ đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chống bạo lực của chủ nghĩa đế quốc.

(Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.30).

64. Đồng chí Hồ Chí Minh là một con người như thế, là một trong những anh hùng của thời đại, của thế hệ chúng ta, là vị anh hùng dân tộc, đồng thời cũng là anh hùng của phong trào công nhân quốc tế. Người còn là vị anh hùng của cuộc đấu tranh cho tự do và tiến bộ của toàn thể loài người.

(Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.32)

65. Vĩ đại trong số những người vĩ đại, lãnh tụ phi thường của một dân tộc phi thường, cuộc đời 79 năm hoàn toàn dành cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc đã khiến cho Người trở thành một trong những động lực hiếm có, không thể thiếu được của lịch sử.

(Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.39).

66. Hồ Chủ tịch thuộc lớp người vô song khó ai có thể sánh kịp, khó ai có thể vượt hơn. Nhưng với sự kết hợp những đức tính đó, Người cũng là tấm gương mà nhiều người khác có thể noi theo và làm được như Người.

(Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.41).

67. Như vậy là thông qua chủ nghĩa anh hùng nảy sinh hàng ngày trong nhân dân Việt Nam, người ta đã tìm thấy lời giải thích hay nhất về học thuyết vì độc lập và tự do của Hồ Chủ tịch.

(Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.52).

68. Con đường Người đã đi qua đánh dấu bằng cuộc đấu tranh gian khổ, bằng những khó khăn lớn lao nhưng đồng thời cũng đánh dấu bằng những thắng lợi chính trị độc đáo phản ánh lịch sử của dân tộc Người trong khoảng 50 năm vừa qua.

(Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.55).

69. Người đã hoạt động không mệt mỏi cho sự đoàn kết của tất cả các lực lượng chống đế quốc, cho cuộc đấu tranh vì tự do và độc lập của các dân tộc và cho sự phát triển của các dân tộc ấy trên con đường tiến bộ, do đó làm tăng ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội và bảo đảm thắng lợi của việc giữ gìn hoà bình trên toàn thế giới.

(Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.62).

70. Đối với chúng ta cũng như đối với tất cả mọi người yêu chuộng lý tưởng tự do, độc lập và Chủ nghĩa xã hội ở trên trái đất, đồng chí Hồ Chí Minh đã và sẽ là một hình ảnh trong sáng, một tấm gương của người chiến sĩ cách mạng. Người đã sinh ra từ trong lòng nhân dân và nguyện vọng của Người cũng là nguyện vọng của nhân dân. Chính vì Người đã thấu hiểu lòng khao khát tự do và ý chí của nhân dân muốn xây dựng trên Tổ quốc mình một cuộc sống có nhân phẩm, phồn vinh và hạnh phúc.

(G.I-ô-ne-scu, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.63-64).

71. Hồ Chí Minh đã trở thành ngọn cờ thống nhất cho nhân dân thuộc mọi thế hệ khác nhau có cuộc sống chính trị và quan điểm khác nhau nhưng đã liên hiệp với nhau bằng sự khâm phục chủ nghĩa anh hùng của Việt Nam và bằng mối tình đoàn kết của họ với Việt Nam.

(I-li-a Sét-lich, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.67).

72. Hồ Chí Minh đang chiếm một vị trí quang vinh nhất trong lịch sử của nhân dân Việt Nam và chiếm một trang đầy tự hào trong lịch sử đấu tranh chống đế quốc giải phóng dân tộc của nhân dân bị áp bức trên thế giới.

(Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.71).

73. Hồ Chí Minh, không phải chỉ là một tên gọi mà còn là và mãi mãi sẽ là - như chúng ta biết, - một khẩu lệnh. Đó là một khẩu lệnh chiến đấu, là tượng trưng cho cuộc chiến đấu từ hơn nửa thế kỷ nay vì tự do và độc lập, vì công lý và tiến bộ. Hồ Chủ tịch đã cống hiến trọn đời mình cho những lý tưởng cao quý đó.

(Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.81).

74. Như một thiên anh hùng ca, trong cuộc đời Người đã diễn ra những giờ phút vĩ đại nhất của lịch sử một dân tộc chiến đấu cho tự do. Và trong cuộc đời của Người đã được tập trung tất cả những phẩm giá cao quý nhất của con người, những phẩm giá mà cái xã hội và chế độ đế quốc chủ nghĩa luôn luôn muốn phá huỷ.

(Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.83).

75. Cụ Hồ Chí Minh đã cống hiến cả cuộc đời mình cho một mục tiêu duy nhất là “giải phóng Tổ quốc”. Nhờ có lòng tin không hề lay chuyển đó, nên những đau khổ, những khó khăn tất nhiên xảy đến trong cuộc đời đấu tranh này đối với Cụ chỉ là những thử thách mà Cụ phải vượt qua bằng bất cứ giá nào, chứ không hề lùi bước, không hề nản lòng. Là một người yêu nước, một nhà triết học, một người vô sản, cuộc sống đối với Cụ chỉ có ý nghĩa trong ngọn lửa đấu tranh và cuộc đấu tranh đó là một cuộc đấu tranh liên tục và thường xuyên...

(Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.86).

76. Nhân dân Việt Nam đã sáng tạo ra bản anh hùng ca này vì họ được cổ vũ bởi lòng quyết tâm giành lại tự do, vì họ được phong trào cách mạng đứng đầu là vị lãnh tụ tài tình, nhà Mác-xít - Lê-nin-nít lỗi lạc - đồng chí Hồ Chí Minh - hun đúc và lãnh đạo.

(Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.92).

77. Đối với Người không có miền Bắc hay miền Nam. Dân tộc Việt Nam là một, và một trong những tội ác của chủ nghĩa thực dân là ngay cả khi chúng đã phải “thoái vị”; chúng vẫn còn âm mưu chia cắt dân tộc này. Chủ nghĩa dân tộc, đó là điều cần thiết trước nhất, nhưng nó phải được vũ trang bằng chủ nghĩa cộng sản thì mới giành được tự do cho dân tộc.

(Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.93 - 94).

78. Người luôn luôn hoà mình với quần chúng, không bao giờ để cho chủ nghĩa dân tộc ràng buộc mình hay trái lại, biến dần thành chủ nghĩa chủng tộc. Người mất đi làm cho hầu khắp thế giới đau buồn nhưng không thất vọng. Vì rằng, Người là hiện thân của lòng dũng cảm đã trở thành một loại vũ khí không thể thiếu được của dân tộc Việt Nam.

(Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.96-97).

79. Địa vị độc đáo của Người trong lịch sử cũng giống như những vĩ nhân Lê-nin, Găng-đi, Ma-di-ni và những người khác mà bằng nhiều cách, đã góp phần giải phóng đất nước và dân tộc họ, giải phóng loài người.

(Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.98).

80. Đúng như Gia-oa-hác-lan Nê-ru đã nói về Người: “Chủ tịch Hồ Chí Minh là lãnh tụ của dân tộc Việt Nam, là một chính khách châu Á và thế giới”. Nê-ru đã thật sự ca ngợi lòng dũng cảm và tinh thần bình đẳng hiếm có của Người.

(Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.98-99).

81. Là nhân vật lỗi lạc nhất trong lịch sử Nam Á từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, Cụ nổi bật lên như một ngọn núi cao chót vót giữa những đồi núi thấp lè tè và những thung lũng chung quanh.

(Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.99).

82. Không có vị lãnh tụ của một dân tộc nhỏ nào đã từng ghi lại một dấu vết sâu sắc đến thế trong lịch sử của thời đại mình như Bác Hồ. Có nhiều lãnh tụ đã lãnh đạo nhân dân họ giành được độc lập, thoát khỏi ách thống trị thực dân và đã làm một cuộc cách mạng ảnh hưởng sâu sắc đến cuộc sống của họ. Nhưng chưa một ai phải đối phó với những khó khăn ghê gớm như Bác Hồ, trong một cuộc đấu tranh vũ trang kéo dài như vậy, chống lại cả một loạt kẻ thù.

(N.K.Sinh, “Bác Hồ” - Một pho lịch sử đấu tranh, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.102).

83. Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà lãnh đạo chính trị và quân sự, có tinh thần tận tụy và có thiên tài. Người biết tổ chức nhân dân nước

mình, biết truyền cho nhân dân một bí quyết kì diệu, giúp cho họ được vững vàng trước những khó khăn và mở ra cho họ một con đường quyết định ngày càng đi đến gần sự giải phóng hoàn toàn.

(Báo Gơ-ran-ma, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.109).

84. Hơi thở kì diệu của Người đến tận giây phút cuối cùng của cuộc đời chiến đấu của mình vẫn như một cơn bão táp không ngừng thổi làm lung lay dinh lũy của bọn thống trị, và đã làm rạn nứt một số bức tường của cái dinh lũy đó; cũng giống như chế độ người bóc lột người, trong tương lai sẽ ngày càng lùi lại phía sau, khi mà những người cùng khổ trên trái đất đang tiến hành ngày càng thắng lợi công cuộc cách mạng để cải tạo nhân loại, một cuộc cách mạng nhằm đưa lại quyền lợi cho những người bị tước đoạt và cho quần chúng lao động. Bác Hồ đã đi vào lịch sử, đã trở thành nhân vật truyền thuyết và thần thoại của thời đại ngày nay cả khi Người còn sống.

(Người chiến sĩ chống chủ nghĩa thực dân vĩ đại nhất của thời đại chúng ta qua đời, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.111-112).

85. “Người đã tới, đã nhìn, đã chiến thắng”. Ngay trước khi mất, Chủ tịch Hồ Chí Minh, một trong những nhân vật kiên cường nhất trong phong trào Xã hội chủ nghĩa thế giới đã đi vào truyền thuyết chiến đấu của thời đại chúng ta, tượng trưng cho cuộc chiến đấu giữa người bị áp bức với bọn đi áp bức trên trái đất, để giành một cuộc sống tốt đẹp hơn cho loài người... Người đã làm lay chuyển hệ thống thực dân. Người đã góp phần biến đổi bản đồ thế giới. Người đã đẩy bánh xe lịch sử theo hướng tiến bộ. Cả ba đặc điểm đó, thể hiện khái quát một trong những đường lối chiến đấu hoàn hảo nhất của thời đại chúng ta.

(Hồ Chí Minh, người mác-xít vĩ đại sẽ sống mãi, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.114-115).

86. Bác Hồ đã gieo những hạt giống cho cuộc đấu tranh cách mạng ở tất cả các nơi nhân dân đang bị áp bức, bóc lột. Chủ tịch Hồ Chí Minh là câu chuyện thần kỳ của thời đại này, và là tượng trưng cho mọi dân tộc đang đấu tranh trên toàn thế giới.

(Lai-la En-ghê-ba-li, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.122).

87. Quang vinh thay Bác Hồ và nhân dân anh hùng của Người!
Quang vinh thay mỗi một túp lều chiến đấu, bụi cây và góc phố bất khuất

ở nước Việt Nam thần kỳ do bàn tay của Người đã tạo nên trong hơn 50 năm qua.

(Tuởng nhớ Bác Hồ, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.130).

88. Dù chúng ta không cùng quan điểm chính trị với Người, nhưng không thể không cảm thấy một niềm kính trọng và mến phục sâu sắc đối với tinh thần dân tộc mãnh liệt, đối với người chiến sĩ không mệt mỏi đó.

(Giấc Ra-bê-ma-nan-gia-ra, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.131-132).

89. Chính Người, Bác Hồ, đã đóng hàng ngàn mũi đinh vào cái quan tài của chủ nghĩa đế quốc Mỹ ở trên đất nước Việt Nam. Chính Người đã giúp chúng tôi mở đường đi đến ánh sáng, để cho những đôi mắt của trẻ em chúng tôi trở nên trong sáng và đáng yêu, để cho trẻ em chúng tôi được tới trường học và để thay thế những thùng rác kia bằng những vườn hoa.

(A-min, Chính Người, Bác Hồ, đã giúp chúng tôi mở đường đi đến ánh sáng, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.136).

90. Điều quan trọng về Người không phải ở chỗ Người là một người cộng sản mà ở chỗ Người là một chiến sĩ chống chủ nghĩa thực dân, một người dân tộc chủ nghĩa.

(Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.141-142).

91. Một là ngay cả những kẻ ghét Người cũng không dám phê phán Người là không có tính độc lập. Hai là, trong suốt cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ, ác liệt chống lại sự can thiệp của nước ngoài, Người đã tập hợp được và lãnh đạo đại đa số đồng bào của Người kể cả những kẻ không tin vào chủ nghĩa cộng sản.

(Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.142).

92. Tám gương của Người sẽ tiếp tục tồn tại để làm ngôi sao dẫn đường cho các dân tộc ở châu Á và châu Phi mà một số nguyện vọng của họ đang bị chà đạp bởi những lực lượng hiện nay còn mạnh hơn họ về kỹ thuật và quân sự.

(Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.143-144).

93. Cụ Hồ là một biểu tượng của châu Á, không những Cụ đã thành công trong sự lãnh đạo một cách mẫu mực, toàn tâm, toàn ý phục vụ quyền lợi của nhân dân mà còn nêu lên một chân lý chưa từng thấy là, một dân tộc dù nhỏ bé với tài nguyên không đáng kể, nhưng nếu quyết tâm, thì có thể chống lại cả những cường quốc quân sự mạnh nhất.

(A.R. Rô-xơ, Vai trò của Cụ Hồ ở châu Á, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.146).

94. Người đã lấy tên là Hồ Chí Minh, nghĩa là “Người đã nhận được ánh sáng” và phải công nhận rằng ánh sáng đó đã soi đường cho tất cả các phong trào giải phóng dân tộc. Giăng La-cu-tuya đã gọi rất đúng là “sự kết hợp tài tình giữa mềm dẻo với nghị lực bất khuất, giữa việc nhìn xa trông rộng về chính trị với thái độ kiên trì giữ vững những nguyên tắc về truyền thống yêu nước và về cách phân tích theo quan điểm mác-xít”, tất cả những điều đó đã làm cho Chủ tịch Hồ Chí Minh trở thành tượng trưng cho cuộc đấu tranh giành tự do ở các nước mới giành được độc lập.

(Pôn Béc-nơ-ten, Tấm gương Hồ Chí Minh, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.148).

95. Hồ Chí Minh: một cái tên đã đi vào truyền thuyết; một người anh hùng chân chính của thời đại chúng ta, bằng tấm gương của mình đã rèn luyện một dân tộc khiến cho những hành động anh hùng của dân tộc này đã trở thành thực tế hàng ngày. Những con người với tầm lớn lao như Người đã để lại sự đóng góp bất diệt vào thắng lợi của sự nghiệp chống đế quốc trên thế giới, rọi chiếu đường đi tới tương lai Xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa cho loài người. Tên tuổi của Người không bao giờ phai nhạt trong tâm trí các dân tộc.

(Hồ Chí Minh, người là tiêu biểu cho khả năng của các dân tộc đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.150 -151).

96. Các chiến sĩ tự do đang cầm vũ khí chống chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa phát-xít hiện nay, biết rằng từ tấm gương của Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đồng chí Hồ Chí Minh, họ cũng có thể chiến thắng.

(Thương tiếc đồng chí Hồ Chí Minh, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.153).

97. Đồng chí Hồ Chí Minh là một trong những người đã làm ra lịch sử hiện đại. Sự lãnh đạo của Người đối với nhân dân Việt Nam không những ảnh hưởng đến lịch sử của dân tộc Việt Nam mà còn ảnh hưởng đến cả chiều hướng phát triển của những sự kiện trên toàn thế giới.

(Giôn Gô-lan, Bác Hồ người xây đắp nền tự do của nhân dân Việt Nam, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.162).

98. Cụ Hồ Chí Minh là một trong những chiến sĩ tiên bối của lớp người mới, những người “sẽ làm biến đổi thế giới, biến đổi nhân loại và đưa chúng ta vĩnh viễn thoát khỏi nanh vuốt tàn bạo của bọn quỷ dữ thời xưa và hiện nay đang luôn luôn tìm cách huỷ diệt chúng ta”.

(Cụ là một người cộng sản, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.171).

99. Đồng chí là lãnh tụ của phong trào thế giới trong thời kỳ có tính chất bùng nổ nhất. Đồng chí Hồ Chí Minh là hiện thân đầy đủ nhất của lợi ích dân tộc Việt Nam và cũng là một lãnh tụ của phong trào cách mạng Xã hội chủ nghĩa thế giới. Những cống hiến của Đồng chí đối với phong trào cách mạng thế giới và kho tàng tư tưởng mác-xít sẽ đời đời sống mãi và sẽ được đời đời quý trọng. Người ta gọi đồng chí Hồ Chí Minh bằng nhiều tên kính trọng, nhưng cái tên Đồng chí thích nhất là “người lê-nin-nít”.

(Gốt Hơn, Hen-ri Uyn-xtơn và Giêm Giắc-xơn, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.176-177).

100. Đúng như vậy, Cụ Hồ là “Gioóc-giơ Oa-sinh-tơn” của Việt Nam, vì trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, Cụ đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam đi đến thắng lợi. Nhưng Cụ cũng là “Lê-nin” của Việt Nam, bởi vì dân tộc Việt Nam mà Cụ đã góp phần giải phóng, - không dừng lại ở đó, mà còn tiếp tục làm một cuộc cách mạng Xã hội chủ nghĩa dựa trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và đã trở thành ngọn đèn biển soi sáng đường đi cho tất cả các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Cuộc đời Cụ Hồ Chí Minh là một tấm gương chói lọi nói lên rằng, trong thời đại ngày nay, chủ nghĩa cộng sản và phong trào giải phóng dân tộc quyện với nhau trong cuộc đấu tranh chung, không thể nào tách rời nhau được.

(Cụ Hồ Chí Minh, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.179).

101. Cụ Hồ Chí Minh là một trong những người hiếm có trong lịch sử. Cụ hiểu rõ và phản ánh một cách hoàn hảo những nguyện vọng của nhân dân. Cụ đã hiến trọn đời mình để hoạt động và chiến đấu cho sự nghiệp giải phóng của Việt Nam là nước liên tục bị chủ nghĩa đế quốc Pháp, Nhật và Mỹ tiến công, và cho nền tự do của tất cả các dân tộc bị áp bức trên thế giới.

(Ri-sốt U-oác-đơ, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.181).

102. Hồ Chí Minh đã chứng minh rằng không thể có sự chung sống và hoà hợp giữa người dân thuộc địa và bọn thực dân. Để giành lại nhân phẩm, giành lại bản sắc dân tộc đã bị tha hoá, tất cả các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa phải dùng bạo lực cách mạng đập tan ách thống trị của chủ nghĩa thực dân.

(Rơ-nê Đì-pét, Bác Hồ sống mãi, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.200).

103. Chúng ta tôn kính Chủ tịch Hồ Chí Minh, còn là vì Chủ tịch là một trong những chiến sĩ tiên phong của chủ nghĩa cộng sản, một trong những người đã tổ chức và phát triển phong trào cách mạng trong khắp năm châu bốn biển.

(Gioóc-giơ Mác-se, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.241).

104. Từ con người của đồng chí còn toả ra ánh sáng của người chiến sĩ cách mạng đã hoạt động tích cực ngay từ những ngày còn nhỏ tuổi, của nhà yêu nước, yêu dân tộc, yêu xứ sở mình và suốt đời chỉ có một mục đích là làm sao cho dân tộc và đất nước mình được tự do.

(Lê-ô Phi-ghe, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.248).

105. Người muốn hạnh phúc đến với tất cả mọi người. Và cũng không ai tha thiết bằng Người, mong muốn cho hoà bình trở lại trên đất nước mình. Chính vì lẽ đó nên Người đã tuyên bố là nhân dân Việt Nam sẽ không bao giờ ngừng đấu tranh chừng nào mà tên lính Mỹ cuối cùng chưa rút khỏi Việt Nam.

(Ma-đơ-len Ríp-phô, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.269).

106. Cụ Hồ Chí Minh là một trong những chiến sĩ đầu tiên của thế giới thứ ba, của các dân tộc đói nghèo và khát khao một cuộc sống cho ra con người. Cụ đã dạy họ rằng muốn tự giải phóng, trước hết phải dựa vào sức mình là chính, và một dân tộc chỉ có thể sống còn, nếu con em của dân tộc đó không chịu sống cuộc đời nô lệ. Nhất là cụ đã dạy họ rằng cuộc chiến đấu vì nhân phẩm và tự do, phải vượt lên trên mọi cuộc chiến đấu khác.

(Gioóc-giơ Mông-ta-rông, Một người cùng khổ chống lại bọn khổng lồ,

Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.280).

107. Mọi cố gắng cũng như mọi tư tưởng của người ta đều hướng về cùng một mục đích, và đối với Cụ Hồ Chí Minh, mục đích đó là nền độc lập của đất nước, là việc thiết lập một chế độ nhân dân nhằm chấm dứt tình trạng bóc lột và suy đồi do chế độ thực dân nuôi dưỡng.

(Phơ-răng-xoa Phông-vi-ây An-ki-ê, "Bác Hồ" cũng như Mô-i-dơ, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.283).

108. Hồ Chí Minh, Người đã, sẽ và mãi mãi là biểu tượng cho cuộc đấu tranh vì hoà bình dân chủ và chủ nghĩa xã hội, vì tự do và độc lập.

(Hai-nơ-xơ Gơ-ruyn-béc, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.289).

109. Cụ không những đã giải phóng Việt Nam mà còn đưa cả Đông Dương, và sau đó cả hệ thống của đế quốc Pháp ở Đông Nam Á ra khỏi chủ nghĩa thực dân. Rồi Cụ đã trở thành nhà lãnh đạo của một dân tộc chống lại những lực lượng quân phiệt lớn nhất trong mọi thời đại. Người Mỹ xuất hiện, Cụ đã đưa họ đến chỗ không còn có thể nói đến chiến thắng mà chỉ còn có thể nói đến rút quân, Cụ đã đánh đổ một tổng thống của nước Mỹ.

(Cụ Hồ Chí Minh là một bậc vĩ nhân, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.293).

110. Cụ Hồ Chí Minh, trong suốt cả cuộc đời hoạt động của mình là một nhà tổ chức rất tài giỏi, có khả năng động viên tinh thần tận tụy hi sinh, chủ nghĩa anh hùng và tài năng của toàn dân Việt Nam. Cách thức mà nhân dân Việt Nam đã dùng để xoá bỏ chế độ phong kiến, nạn mù chữ và tình trạng đói khổ dưới chế độ thực dân, sẽ là một tấm gương sáng ngời đối với tất cả các dân tộc bị áp bức.

(Giôn Tác-man, Cụ Hồ Chí Minh thuộc về tương lai, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.295).

111. Cuộc đời của Người là một thiên anh hùng ca của chủ nghĩa anh hùng, đầy trí thông minh, tinh thần trong sáng, hoài bão lớn lao và quyết tâm sắt đá nhằm thực hiện bằng được những mục đích mà Người đã đề ra. Người là bạn chiến đấu của tất cả những lãnh tụ cộng sản vĩ đại trong thời đại của Người.

(L.A.A-rông, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.297).

112. Tất cả ai ai cũng đều cảm thấy tên tuổi của Người tượng trưng cho một cuộc đấu tranh mà họ cần tiếp tục và cuộc đấu tranh đó đã được đồng chí Hồ Chí Minh xúc tiến nhằm hạ uy thế, trước toàn thế giới, kẻ láo xược nhất được vũ trang mạnh nhất trong bọn đế quốc, và nhằm đưa lại cho những người bị áp bức trên khắp trái đất một tấm gương và một niềm hi vọng mà hiện nay đang có hiệu quả tích cực là nuôi dưỡng cuộc đấu tranh của hàng triệu, hàng triệu người vì tự do, hoà bình và chủ nghĩa xã hội.

(Bài học về đồng chí Hồ Chí Minh, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.309).

113. Cụ Hồ Chí Minh là một nhân vật hạng nhất, chẳng bao lâu sẽ nổi bật lên ở mặt trước của sân khấu chính trị châu Á. Hôm nay, Cụ tượng trưng cho sự thắng lợi của cả một dân tộc đấu tranh cho sự tự do của mình. Ngày mai, có lẽ Cụ lại tượng trưng cho sự đắc thắng của những người bị chinh phục nổi dậy chống lại ách thống trị của “những kẻ có quyền thế hùng mạnh nhất thế gian”.

(Chủ tịch Hồ Chí Minh qua ý kiến của một số chính khách phương Tây, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 2/1990, tr.66).

114. Qua ánh mắt sáng ngời biểu hiện ý chí bất khuất của Cụ, người ta hiểu rằng Cụ sẽ không lùi bước trước bất cứ cái gì để chiến thắng. Nguyễn Ái Quốc đã truyền lại cho vị Chủ tịch tương lai Hồ Chí Minh sức mạnh của một quá khứ toàn tâm toàn ý hiến dâng cho Tổ quốc, không bị ảnh hưởng bởi ngoại lai ràng buộc. Hồ Chí Minh đã soạn thảo một loạt lý luận đầy uy tín không thể chối cãi được nhằm giải phóng người dân thuộc địa bị áp bức.

(Chủ tịch Hồ Chí Minh qua ý kiến của một số chính khách phương Tây, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 2/1990, tr. 67- 68).

115. Tâm hồn Bác Hồ đã rộng mở trước những đau khổ của hàng nghìn chiến sĩ cách mạng trên trái đất này. Người là tượng trưng bất diệt cho cuộc đấu tranh của các dân tộc chống ách nô lệ, là hơi thở của các tầng lớp quần chúng đang đi tới tương lai tươi sáng. Bác Hồ sẽ sống mãi trong tâm tư của những người chiến sĩ. Bác Hồ sẽ là ngọn đuốc soi đường cho cuộc đấu tranh đi tới thắng lợi hoàn toàn.

(Chủ tịch Hồ Chí Minh qua ý kiến của một số chính khách phương Tây, tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 2/1990, tr.69).

116. Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần là mất đi một nhân vật thần thoại đã trở thành một trong những người cầm cờ vĩ đại nhất của cuộc đấu tranh giải phóng và tái sinh của nhân dân châu Á trong thời đại ngày

nay... Tám gương của Người sẽ tiếp tục là ngôi sao dẫn đường cho các dân tộc châu Á và châu Phi.

(Chủ tịch Hồ Chí Minh qua ý kiến của một số chính khách phương Tây, tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 2/1990, tr.69).

117. Đồng chí Hồ Chí Minh đã cống hiến cả cuộc đời tuyệt vời và toàn bộ tài năng của người chiến sĩ cách mạng cho sự nghiệp đấu tranh vì tương lai xán lạn của nhân dân mình, vì thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lênin.

(Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô..., Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.10).

118. Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà cách mạng vô sản lỗi lạc, là vị lãnh tụ vĩ đại kính yêu nhất của nhân dân Việt Nam,... Người suốt đời phấn đấu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam và sự nghiệp cộng sản chủ nghĩa.

(Quốc vụ viện nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.16).

119. Hồ Chí Minh đã hiến dâng tất cả đời mình cho cuộc đấu tranh của phong trào cách mạng và cộng sản quốc tế chống ách thực dân và chủ nghĩa đế quốc vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và xã hội của Việt Nam và của các dân tộc bị nô dịch khác.

(Vla-Đi-Xláp Gô-mun-ca,, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.21-22).

120. Đồng chí Hồ Chí Minh thuộc lớp những người đặc biệt mà cái chết là mầm mống của sự sống và là nguồn cổ vũ đời đời bất diệt và vì vậy Đồng chí vẫn như còn tiếp tục lãnh đạo nhân dân Việt Nam đến chiến thắng hoàn toàn và cuối cùng, chiến thắng này đã tới gần.

(Phi-đen Ca-xtơ-rô, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.27).

121. Hồ Chí Minh là một nhân vật xuất sắc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, một chiến sĩ quốc tế đấu tranh kiên quyết về nguyên tắc và không mệt mỏi cho sự thống nhất của các đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa, cho tình hữu nghị giữa các dân tộc. Cuộc đời và sự nghiệp đấu tranh của Đồng chí Hồ Chí Minh mãi mãi là tấm gương sáng cho tất cả những người cách mạng ở Việt Nam và trên toàn thế giới.

(I-a-nốt Ca-đa, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.33-34).

122. Đồng chí Hồ Chí Minh là lãnh tụ vĩ đại của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam và là một trong những nhân vật xuất sắc của phong trào cộng sản quốc tế, cống hiến cả cuộc đời mình cho sự nghiệp cách mạng vì nền độc lập và tự do của nước Việt Nam và sự phát triển của phong trào cộng sản quốc tế... Đồng chí Hồ Chí Minh là người chiến sĩ cách mạng lão thành luôn luôn trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản, đã góp phần lớn lao vào sự nghiệp đoàn kết nhất trí của phe Xã hội chủ nghĩa và tăng cường phát triển phong trào cộng sản quốc tế.

(Kim Nhật Thành, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.42-43).

123. Đồng chí Hồ Chí Minh là một chiến sĩ cách mạng lão thành đã trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản và cống hiến to lớn cho sự đoàn kết nhất trí của phe xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản quốc tế.

(Choi Yong Con, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.47).

124. Cả cuộc đời Đồng chí Hồ Chí Minh đã quán triệt con đường mà lý luận giải phóng và chủ nghĩa Mác - Lênin đã vạch ra trong cuộc đấu tranh bất khuất cùng với nhân dân chiến đấu đến cùng. Đồng chí đã để lại những công trạng bất hủ trong lịch sử đấu tranh giải phóng của nhân dân Việt Nam cũng như của các dân tộc bị áp bức và nhân dân bị áp bức ở châu Á và thế giới. Đồng chí Hồ Chí Minh đã từng mong mỏi sự đoàn kết quốc tế của tất cả các lực lượng chống đế quốc, nhất là sự đoàn kết của phong trào cộng sản quốc tế dựa trên nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đồng chí luôn luôn nỗ lực nhằm giải quyết vấn đề mất đoàn kết hiện nay.

(Nô-xa-ca Xan-dô, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.68 -69).

125. Tên tuổi và hình ảnh của Đồng chí Hồ Chí Minh đã đi vào từng căn nhà, bao trùm lên các đường phố, quảng trường, nhà máy, cánh đồng trên khắp đất nước chúng tôi, lên tất cả những nơi đang đấu tranh chống bất công và bóc lột, vì hoà bình và tự do, cổ vũ từng giờ, từng phút cuộc đấu tranh mà nhân dân nước chúng tôi tiến hành sát cánh với các đồng chí để chấm dứt cuộc xâm lược của đế quốc trên đất nước các đồng chí.

(Lui-gi Lông-gô, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.72).

126. Nếu di sản của một dân tộc bao hàm tất cả những thử thách mà dân tộc đó phải đương đầu, bao hàm những cuộc chiến đấu mà dân tộc đó

phải trải qua, bao hàm những bước gian lao và trắc trở mà người ta ghi nhớ và rút ra những bài học quý báu, bao hàm niềm phấn khởi của những thắng lợi đã giành được, những triển vọng được vạch ra, nếu từ những điều đó mà kinh nghiệm lịch sử của một cuộc cách mạng được vun đắp nên thì phải nói rằng Đồng chí Hồ Chí Minh, với cuộc sống chiến đấu, cách mạng phong phú của Người, đã kết tinh toàn bộ kinh nghiệm của các đồng chí.

(Lui-gi Lông-gô, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.72-73).

127. Người đã đấu tranh cho tình anh em của con người và cho sự tiến bộ của nhân dân tất cả các nước, tất cả các khu vực và màu da khác nhau, với một nhiệt tình như Người đã đấu tranh để giải phóng Tổ quốc khỏi gông xiềng của bọn xâm lăng.

(H.Uynxtơn, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.76).

128. Đồng chí Hồ Chí Minh là một lãnh tụ thế giới vào lúc lịch sử loài người đang ở bước ngoặt có tính chất cách mạng nhất. Đồng chí là một nhà kiến trúc và tạo hình làm nên quá trình cách mạng thế giới. Người am hiểu một cách vô cùng sáng suốt phương hướng và mục tiêu của quá trình đó. Người biết rõ động lực và sức mạnh của nó. Đối với Đồng chí Hồ Chí Minh, những dòng nước chấn ngang nhau hay chảy ngược chiều thật sự trong cuộc sống chính là giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, giữa giai cấp tư bản và giai cấp công nhân, giữa chủ nghĩa đế quốc và các lực lượng chống đế quốc.

(Gót Hơn, Một lãnh tụ ở bước ngoặt của lịch sử, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.78 -79).

129. Cuộc đời của Người - với tư cách là một nhà Mác-xít - Lê-nin-nít chân chính - cống hiến trọn vẹn cho sự nghiệp của Chủ nghĩa xã hội và nền độc lập của dân tộc mình, đã là một trang bất diệt trong lịch sử của phong trào cộng sản quốc tế.

(Tim Béc, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.87).

130. Đồng chí Hồ Chí Minh đã trở thành một tấm gương vĩ đại trong cuộc đấu tranh quên mình, dũng cảm và sáng suốt của các dân tộc chống đế quốc áp bức, vì tự do và độc lập của dân tộc mình.

(Mác Rai-man, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.93).

131. Đồng chí Hồ Chí Minh mất đi, phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới cũng mất đi một lãnh tụ có những kinh nghiệm phong phú trong lĩnh vực đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc, mất một người thầy lỗi lạc đã đào tạo nên những nhà lãnh đạo kiên quyết có đủ phẩm chất để lãnh đạo nhân dân mình tiến hành cuộc chiến đấu gương mẫu vì tự do, hoà bình và chủ nghĩa xã hội chống lại cuộc xâm lược đế quốc xấu xa nhất trong thời đại hiện nay.

(Nát-xa, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.95-96).

132. Cuộc đấu tranh của Đồng chí Hồ Chí Minh, người lãnh đạo cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân Việt Nam anh hùng cho tự do, cho sự nghiệp thống nhất đất nước và cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cơ sở những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, đã có tác dụng thúc đẩy cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân các nước bị áp bức, và của những dân tộc vừa mới được giải phóng, trong đó có nhân dân các nước A-rập đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chống các thế lực phản động và chống chủ nghĩa Do-thái.

(A-dích Mô-ha-mét, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.104).

133. Từ thời còn trẻ, Đồng chí Hồ Chí Minh đã nổi tiếng là người chiến sĩ kiên cường đấu tranh cho thắng lợi của sự nghiệp chủ nghĩa xã hội, người cộng sản trung thành đã hiến dâng tất cả nghị lực của mình cho việc củng cố phong trào cộng sản quốc tế, củng cố ảnh hưởng và vai trò của nó; người cộng sản trung thành và kiên cường trong cuộc đấu tranh nhằm củng cố sự thống nhất của các đảng cộng sản trên cơ sở những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản và chủ nghĩa Mác - Lênin, người chiến sĩ trung thành chủ trương hữu nghị với các nước Xã hội chủ nghĩa, đầu tiên là Liên Xô và Đảng của Lênin.

(Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Li-băng, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.106-107).

134. Đồng chí Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ vĩ đại và kính yêu không những của nhân dân Việt Nam mà còn là của tất cả các dân tộc đang đấu tranh chống bọn bóc lột; Người đã cống hiến cả cuộc đời cho sự nghiệp của Tổ quốc và nhân dân nước mình, cho sự nghiệp của cách mạng và chủ nghĩa Mác - Lênin.

(Ran-đơ-ri-an-gia Rơ-nê An-xen-mơ, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.110).

135. Cuộc đấu tranh vẻ vang của Người trong nhiều năm chống chủ nghĩa đế quốc và đấu tranh cho tự do dân tộc và Chủ nghĩa xã hội, Đồng chí Hồ Chí Minh đã trở thành ngọn cờ của toàn bộ phong trào cộng sản quốc tế, của hàng triệu nhân dân bị áp bức trên thế giới đang đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng mình khỏi ách đế quốc.

(Rê-đa T.Lắc-xen, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.118).

136. Cuộc đời Đồng chí Hồ Chí Minh là một thiên thần thoại về cuộc chiến đấu chống đế quốc. Như lúc còn sống Người hằng cổ vũ, cuộc đời Người sẽ tiếp tục cổ vũ các dân tộc trên toàn thế giới trong cuộc chiến đấu giải phóng đất nước.

(Pu-xpha Lan, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.120).

137. Đối với toàn thể loài người, Chủ tịch Hồ Chí Minh trước hết là nhà hoạt động không mệt mỏi và là người chiến sĩ kiên cường đã hiến dâng cả đời mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng con người vì phẩm cách và công lý. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người mở đầu cho cuộc đấu tranh của nhân dân các nước trong thế giới thứ ba để tự giải phóng khỏi ách kìm kẹp của chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc. Tên tuổi của Người mãi mãi sẽ là một biểu tượng và hoạt động của Người là một gương sáng.

(Hu-a-ri Bu-mê-diên, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.175).

138. Người mất đi là các dân tộc bị áp bức mất đi một vị lãnh tụ mà ý thức trách nhiệm, lòng dũng cảm và danh dự chỉ có thể so sánh với niềm tin của Người ở tự do và sự kiên trì của Người đấu tranh, chống những kẻ thù chung của chúng ta là chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc.

(Ma-riêng Nơ-gu-a-bi, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.179).

139. Người là nguồn cổ vũ tất cả các dân tộc yêu chuộng tự do và hoà bình trên thế giới. Tuy Người đã mất, nhưng các lực lượng đế quốc vẫn không thể hết lo sợ, vì tư tưởng chỉ đạo của Người vẫn còn soi sáng cuộc đấu tranh mãi cho tới khi tất cả bọn xâm lược và áp bức bị hoàn toàn đánh bại.

(Giơ-li-út Ni-ê-rê-rê, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.189).

140. Cuộc đời đấu tranh không mệt mỏi và liên tục của Người chống

chủ nghĩa đế quốc, các lực lượng áp bức và chủ nghĩa thực dân sẽ mãi mãi là nguồn cổ vũ đối với tất cả chúng ta.

(Ba-ba-co A-oa-đa-la, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.194).

141. Hình ảnh cao quý của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà cách mạng thần kỳ, người chiến sĩ lỗi lạc đấu tranh cho quyền tự quyết của các dân tộc và sự phát triển tự do.

(J.B.Ti-tô, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.196).

142. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành người tượng trưng chói lọi của cuộc đấu tranh mà loài người đông đảo đang sát cánh với nhân dân Việt Nam đang tiến hành. Tiếng nói hoạt động của Người và tấm gương vô giá của Người đã vượt qua biên giới các nước, đem lại lòng tin tưởng và dũng khí chẳng những cho đồng bào của Người mà cho cả toàn thể mọi người ở trên thế giới đang hăng hái lao vào cuộc đấu tranh nhằm chấm dứt chiến tranh xâm lược và xây dựng thế giới hoà bình.

(Ban Thư ký Hội đồng hoà bình thế giới, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.208-209).

143. Hồ Chủ tịch, người dẫn đường của những người cách mạng, tấm gương và lòng danh dự trong cuộc đấu tranh vì độc lập và tự do sẽ mãi mãi động viên và cổ vũ các dân tộc trên những trận tuyến mới giành tự do hoàn toàn và vĩnh viễn.

(Ô-xma-ni Xi-en-phu-ê-gốt, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.212).

144. Người đã chứng minh cho thế giới biết rằng một khi chính nghĩa được bảo vệ bằng một lòng dũng cảm vô song và bằng một sự hiểu biết sâu sắc những quy luật của lịch sử thì nó sẽ chiến thắng những vũ khí và quy luật tối tân nhất. Điều đó làm cho cả thế giới khâm phục đồng thời đem lại cho những người bị áp bức một nguồn hy vọng vô biên.

(J.Noóc-man, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.218-219).

145. Cuộc đời và hoạt động của đồng chí Hồ Chí Minh gắn liền với lịch sử cuộc đấu tranh anh hùng của nhân dân Việt Nam và Đảng của mình chống ách áp bức thực dân, vì độc lập dân tộc và xã hội và để bảo vệ những thành quả của Chủ nghĩa xã hội.

(Xê-xláp Vê-xéch, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.7).

146. Với lòng yêu nước nồng nhiệt, đồng chí Hồ Chí Minh đã hiến dâng cả cuộc đời cho cuộc chiến đấu vì sự nghiệp của Chủ nghĩa xã hội, cho cuộc chiến đấu chống lại chính sách nô dịch các dân tộc của chủ nghĩa đế quốc, vì tự do và độc lập của Tổ quốc Người, vì sự nghiệp hoà bình và hợp tác quốc tế.

(Xtê-phan Vôi-têch, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.9).

147. Người là một trong những lãnh tụ cách mạng vĩ đại của thời đại chúng ta và một người thầy chân chính của nhân dân, vì vậy chúng tôi quyết định lấy tên vĩ đại của Người đặt cho một trong những căn cứ đã được giải phóng ở trong nội địa Ê-ri-tơ-rê của chúng tôi để tưởng nhớ tới anh linh vĩ đại của Người.

(Ô-sman Xa-bê-xê-bê, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.29).

148. Trọn đời mình, đồng chí Hồ Chí Minh là một lãnh tụ nổi bật ở hàng đầu trong phong trào công nhân quốc tế. Đồng chí Hồ Chí Minh chưa bao giờ đi chệch khỏi các nguyên lý của Chủ nghĩa xã hội và đồng chí xứng đáng với vị trí bên cạnh các lãnh tụ vĩ đại mẫu mực của phong trào công nhân là Mác, Ăng-ghe-nh, Lê-nin. Lòng trung thành của đồng chí đối với những nguyên tắc làm cơ sở cho hệ thống Xã hội chủ nghĩa thế giới là một tấm gương cần phải cấp bách noi theo đối với tất cả những ai mong muốn thấy độc lập dân tộc, tự do và Chủ nghĩa xã hội thắng lợi trên toàn thế giới.

(O.R.Tam-bô, Quyền Chủ tịch Đại hội dân tộc Phi A-da-ni-a, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.40).

149. Đồng chí Hồ Chí Minh, con người vĩ đại đã hiến dâng cả cuộc đời vì sự nghiệp chính nghĩa của dân tộc mình, vì sự nghiệp giải phóng, tiến bộ và hoà bình của mọi người ở khắp nơi trên thế giới, sẽ sống mãi, bất diệt trong tâm trí của loài người qua hết thế kỷ này sang thế kỷ khác, như tượng trưng cao nhất của lòng hi sinh tận tụy và khí phách đấu tranh kiên cường.

(Bộ chỉ huy toàn quốc Đảng Xã hội phục hưng A-rập (Xy-ri), Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.45).

150. Con người, bằng hoạt động của mình đã trở thành tượng trưng cho cuộc kháng chiến anh hùng của nhân dân Việt Nam, tượng trưng cho khí phách ngoan cường, ý chí kiên quyết và niềm hy vọng, không còn nữa. Nhưng Người đã để lại tấm gương của Người cho chúng ta. Người vẫn ở với chúng ta. Người vẫn sống mãi mãi, mãi mãi in sâu trong tâm trí nhân dân Việt Nam và các dân tộc trên toàn thế giới, trong cuộc chiến đấu của

cất cả các dân tộc ở khắp mọi nơi trên năm châu chống lại chủ nghĩa đế quốc và mọi hình thức áp bức, vì tự do và độc lập dân tộc.

(Mặt trận yêu nước giải phóng dân tộc Bồ Đào Nha, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.49).

151. Sự nghiệp chiến đấu kiên cường và những đóng góp vô giá của Người cho Chủ nghĩa xã hội, giải phóng dân tộc và hoà bình sẽ mãi mãi khắc sâu trong tâm trí tất cả mọi người.

(Tô-mô-mi Na-ri-ta, Chủ tịch Đảng Xã hội Nhật Bản, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.58).

152. Hồ Chủ tịch là hình ảnh thần kỳ đã tượng trưng bằng cuộc đời mẫu mực của mình về chủ nghĩa anh hùng của một dân tộc, không một phút ngừng đấu tranh cho độc lập và tự do.

(Men-ba éc-nan-đê, Chủ tịch Uỷ ban Cu-ba đoàn kết với Việt Nam, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.69).

153. Chúng ta sẽ mãi mãi khắc sâu trong tâm trí chúng ta hình ảnh Người, vị lãnh tụ vĩ đại và vị cứu tinh của nhân dân Việt Nam, người chiến sĩ vĩ đại chống thực dân, đế quốc, một biểu tượng của các dân tộc và các quốc gia bị áp bức trên thế giới.

(Ha-ran Rêch-kê-đan, Uỷ ban Na-uy đoàn kết với Việt Nam, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.87).

154. Người mất đi khiến cho tất cả chúng ta đều xúc động sâu sắc vì trước con mắt của tất cả các dân tộc và của toàn thể mọi người, Người đã trở thành biểu tượng rực rỡ của cuộc chiến đấu giành tự do.

(Van-te Pha-bi-an, Chủ tịch Tổ chức hoạt động ủng hộ Việt Nam của Cộng hoà liên bang Đức, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.91).

155. Chủ tịch Hồ Chí Minh là một trong những nhà cách mạng kiệt xuất nhất của thế kỷ XX. Người đã hiến dâng tất cả cuộc đời cho cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam chống lại bọn lái buôn chiến tranh Nhật, bọn thực dân Pháp, và là người anh hùng lãnh đạo nhân dân Việt Nam chống lại cuộc xâm lược trắng trợn của đế quốc Mỹ, tiếp tục không ngừng cuộc chiến đấu bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, và vì sự sống còn của Tổ quốc.

(Oa-đa-đa Na-bu-đê-rê, Chủ tịch Uỷ ban đoàn kết với Việt Nam của U-gan-đa, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.97).

156. Trong trái tim của mọi người và trong lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh mãi mãi là một trong những nhân vật vĩ đại nhất của thời đại chúng ta. Đấu tranh trong nửa thế kỷ, Người đã làm cho cuộc cách mạng giải phóng của nhân dân nước Người trở thành biểu tượng của tự do, công lý và hoà bình trên thế giới.

(En-do A-nhô-lét-ti, Uỷ ban ý đấu tranh cho hoà bình và tự do ở Việt Nam, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.99).

157. Sự nghiệp vô tư và quên mình của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho nền độc lập và thống nhất của Việt Nam suốt hơn nửa thế kỷ nay đã làm cho Người trở thành không những là người cha của dân tộc mà còn là nhà kiến trúc sư nổi tiếng của thế giới đã thoát khỏi chủ nghĩa thực dân. Người tượng trưng cho cuộc đấu tranh cho độc lập của các dân tộc nhỏ bé trong một thế giới bị những nước lớn thống trị.

(Béc-tơ-răng Rút-xen, nhà bác học Anh, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.111).

158. Chủ tịch Hồ Chí Minh mất đi là thế giới mất đi một vị lãnh tụ vĩ đại, ngọn hải đăng của các dân tộc bị áp bức trong cuộc đấu tranh giải phóng. Người đã xây dựng một cộng đồng dũng cảm chống mọi lực lượng tàn bạo đang âm mưu tước đoạt quyền của một dân tộc được sống trên đất nước mình.

(Ô-ba Bu-pa-thi-tha-xa, Cô-lôm-bô (Xây-lan, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.114).

159. Lịch sử sẽ ghi tên tuổi của Người như một vị lãnh tụ, một nhà yêu nước kính yêu của nước Ngai, một chiến sĩ vĩ đại đấu tranh cho độc lập dân tộc.

(Lý Quang Diệu, Thủ tướng Xinh-ga-po, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.169).

160. Bằng cuộc đấu tranh lâu dài của mình, vĩ nhân đã quá cố đã vạch ra con đường tiến lên cho tất cả các dân tộc đấu tranh vì tự do, độc lập và một cuộc sống xứng đáng, và mặc dù đã mất, Người vẫn sẽ tiếp tục là ngọn đèn pha soi đường cho tất cả những người cách mạng trên thế giới.

(Nu-rét-đi Na-tát-xi, Tổng thống kiêm Thủ tướng Chính phủ Cộng hoà A-rập Xy-ri, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.171).

161. Với thành tích của bản thân Ngai, Ngai là tượng trưng cho sức mạnh

của sinh lực đem cống hiến cho một mục đích, và do nửa thế kỷ đấu tranh và thắng lợi cuối cùng, Ngài đã trở thành một bộ phận lịch sử của châu Á.

(Ra-giăng-đra-pơ-ra-xát, Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại, Nxb. Lao động, Nxb. Quân đội nhân dân, H.1993, tr.11).

162. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo và cổ vũ tất cả các dân tộc bị áp bức khắp mọi nơi. Người thuộc về các bạn, nhưng cũng thuộc về chúng tôi.

(Bơ-ni-e Thơn, Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại, Nxb. Lao động, Nxb. Quân đội nhân dân, H.1993, tr.11-12).

163. Với châu Á, Hồ Chí Minh là một nhân vật thần thoại đã trở thành một trong những người cầm cờ vĩ đại nhất của cuộc đấu tranh giải phóng và tái sinh của nhân dân châu Á trong thời đại ngày nay.

(Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại, Nxb. Lao động, Nxb. Quân đội nhân dân, H.1993, tr.17).

164. Đối với những người cách mạng khắp thế giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh tượng trưng cho đấu tranh cách mạng, cho hoài bão cách mạng, cho sức mạnh cách mạng của nhân dân.

(Báo Người dân tộc của Tan-da-ni-a, Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại, Nxb. Lao động, Nxb. Quân đội nhân dân, H.1993, tr.17).

165. Hồ Chí Minh là “vị thiên sứ cách mạng” quả thực là một trong “các vị Thánh” của chủ nghĩa cộng sản.

(N.Khơ-rút-xốp, Hồi ký, Lưu Bảo tàng Hồ Chí Minh).

166. Suốt cả cuộc đời mình, Người là một chiến sĩ quốc tế rực lửa cách mạng, Người đấu tranh kiên cường cho tư tưởng Mác và Ăng-ghe-n, Lênin, Người được kính trọng và có uy tín trên toàn thế giới.

(Mác Rai-man, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.93).

167. Ta hãy nhớ thành tựu nghệ thuật đặc biệt của Người để trân trọng ký ức về Người - một bộ phận hữu cơ của những lao động khổng lồ mà Người đã thực hiện cho những người bị áp bức không những của đất nước mình mà cả các nơi khác trên thế giới. Một người dù có sống hai ba cuộc đời cũng không thể thực hiện được những công việc như thế.

(Vi-ven-xi-ô Hô-xê, Hội thảo quốc tế về chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.151).

168. Khí phách anh hùng của Người trong chiến đấu, trong xây dựng và trong lãnh đạo là nguồn cổ vũ vô cùng to lớn đối với hoạt động cách

mạng của tất cả những ai mong muốn một trật tự xã hội công bằng và là nhân tố quyết định nhất đối với sự thất bại không thể tránh khỏi của chủ nghĩa đế quốc và đối với sự thống nhất của Tổ quốc Việt Nam.

(A-gien-đê, Thượng nghị sĩ Chi-lê, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.115).

169. Ít người đã đi qua lịch sử cận đại một cách sáng chói như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người trước hết là một trong những lãnh tụ cách mạng kiệt xuất thế giới. Với bản chất đấu tranh, Người đã tranh đấu với tinh thần hăng say, bền bỉ tuyệt vời và đã đạt được những thắng lợi vô song. Trung tâm cuộc đời của Người, lẽ sống của Người là nền độc lập và sự thống nhất của nước Việt Nam. Do đó, Người được nhân dân Việt Nam và hàng triệu triệu người trên thế giới yêu mến. Người đã hiến dâng cả cuộc đời cho dân tộc của Người...

(Báo Gran-ma, Cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Cu Ba, Hồ Chủ Tịch sống mãi trong lòng chúng ta, Đài Tiếng nói Việt Nam, Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh, H.1976)

170. Hồ Chí Minh đã thành công trong việc liên kết nhiều sắc thái văn hoá vào một nền văn hoá Việt Nam duy nhất. Người đã làm được việc này nhờ sự hiểu biết sâu sắc và tôn trọng những đặc điểm văn hoá khác nhau. Người đã hoàn thành được nhiệm vụ này, và trong việc làm và lời nói của Người, ta có thể nhìn thấy rõ hình ảnh, tư tưởng của nhà thơ, nhà văn, nhà nghệ sĩ dân ca, những người đem lại nguồn cảm xúc cho nhiều thế hệ nhân dân Việt Nam. Cuộc đời của Người mang ảnh hưởng của những giá trị và truyền thống dân tộc, có những đóng góp vào việc sáng tạo nên một nền văn hoá Việt Nam hiện đại.

(M.At-mét, Hội thảo quốc tế về chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb KHXH, H.1990, tr.37).

171. Trong khi chiến đấu cả đời mình chống lại ách thống trị thực dân, Người vẫn là một nhà nhân văn chân chính trong tư tưởng và hành động.

(M.At-mét, Hội thảo quốc tế về chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb KHXH, H.1990, tr.36).

172. Một cống hiến quan trọng khác của Hồ Chủ tịch là chủ trương làm khởi sắc và tăng cường truyền thống văn hoá Việt Nam, gắn nó với các nền văn hoá khác trên thế giới. Các bài thơ, tiểu luận và diễn văn của Người phản ánh một sự hiểu biết sâu sắc về lịch sử và văn minh nhân loại và một niềm tin chung thuỷ đối với bản sắc văn hoá của mỗi dân tộc và quốc gia, kể cả dân tộc mình và các dân tộc khác trên thế giới. Vì vậy, Người được yêu mến, khâm phục và kính trọng trên toàn thế giới.

(T.N.Ca-un, *Hội thảo quốc tế về chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb KHXH, H.1990, tr.41).

173. Tinh hoa văn hoá và đạo đức của Người là tấm gương tuyệt đối tự giác phục vụ nhân dân, suốt đời đấu tranh vì Độc lập, Tự do của dân tộc.

(Nay Pe-na, *Hội thảo quốc tế về chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb KHXH, H.1990, tr.48).

174. Sự hiểu biết văn hoá rộng lớn, trí thông minh, những hoạt động phi thường và lòng vô tư tuyệt đối đã làm cho uy tín của Người và lòng tin của nhân dân đối với Người không có gì so sánh nổi. Những lời nói, những hành động, thái độ của Người, tất cả đều thuyết phục là Người không muốn dùng giải pháp bạo lực.

(La-giơ-lô Xan-gô, *Hội thảo quốc tế về chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb. KHXH, H.1990, tr.72).

175. Nhưng trong mọi biến đổi cũng có một số điều quan trọng không hề thay đổi. Đó là lý tưởng Xã hội chủ nghĩa, các tư tưởng nhân đạo chủ nghĩa, tự do, dân chủ và công bằng xã hội, mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà yêu nước vĩ đại, người theo chủ nghĩa quốc tế đã cống hiến trọn đời mình cho những lý tưởng đó.

(V.M.Xôn-xep, *Hội thảo quốc tế về chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb.KHXH, H.1990, tr.86).

176. Như một nhà văn hoá, Người đã tham gia vào sự phát triển và truyền bá văn hoá, nhận thức được văn hoá “như một kho tàng kiến thức của con người về thiên nhiên, cuộc sống, cũng như để đánh giá về sự tồn tại, mà giá trị của nó có thể tăng cường lòng tin vào tính hoàn thiện không ngừng của con người”.

(Mac-xê-la Lom-bac-đô, *Hội thảo quốc tế về chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb.KHXH, H.1990, tr.88).

177. Khó mà mô tả được một nhà văn hoá như Hồ Chí Minh nhưng một phần của những tác phẩm, hành động, những nét đặc biệt, những tư tưởng, lời phát biểu và thành quả của Người sẽ minh hoạ tính quên mình, tính vững chắc của mục đích, tính kiên định trong bảo vệ mục tiêu, sự trung thành đối với nhân dân và tinh thần bất khuất trong cuộc đời của Người, cuộc đời của một nhà cách mạng, của lòng dũng cảm, tinh thần ham hiểu biết, yêu nước, sự thông thái và trên hết là chủ nghĩa nhân bản của Người... Thế giới tri thức của thế kỷ XX được phong phú hơn bởi Bác Hồ là một phần của thế giới ấy.

(Sê-ra-phin D. Quy-son, *Hội thảo quốc tế về chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb.KHXH, H.1990, tr.106).

178. Thơ là một phần của cuộc đời Người. Các sinh viên văn học phải rất chịu ơn Người vì tập thơ “Nhật ký trong tù” của Người. Điều đáng ngạc nhiên là Người đã diễn tả những tình cảm, suy nghĩ và mong muốn sâu thẳm nhất của mình không phải bằng chữ quốc ngữ, là tiếng Việt được La tinh hoá mà bằng tiếng Hán theo truyền thống của Lý Bạch (701 - 762) và Đỗ Phủ (712-770) ở thời Đường. Khả năng hiếm có này làm người ta nhớ lại Giô-dép Côn-rát, một nhà văn Ba Lan đã trở thành một bậc thầy vĩ đại về văn phong và văn xuôi Anh. Mầu sắc của quyền tự do con người và ý nghĩa đạo đức của công lý đã thấm đượm những dòng thơ của Người. Những vần thơ mang ngụ ý tinh tế, dí dỏm của Người được nâng lên bởi sự hiểu biết sâu sắc của một con người hiện đại.

(Sê-ra-phin D.Quy-son, Hội thảo quốc tế về chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.107-108).

179. Nhân quan văn hoá của Người là bao quát và sâu sắc. Người thể hiện quan điểm của mình trong nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau, lúc là người tổ chức, nhà văn, nhà báo, nhà ngôn ngữ, nhà viết kịch, nhà thơ, khi là nhà giáo, nhà chiến lược quân sự, lãnh đạo kháng chiến, khi lại là người làm vườn. Di sản Việt Nam và châu Á phong phú và truyền thống phương Tây ở Người đã tạo nên tất cả các điều đó. Người là một trong số ít người châu Á lại thân thuộc với cả châu Á và phương Tây. Người thực sự là một người châu Á của tất cả các thời đại với ý nghĩa đầy đủ nhất của nó.

(Sê-ra-phin D.Quy-son, Hội thảo quốc tế về chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.108 -109).

180. Phải suy đi nghĩ lại về nhiều lời nói của Người, một người giàu kinh nghiệm và có trình độ văn hoá rất cao, một nhà cách mạng có quyết tâm, dũng cảm và nhiệt tình khác thường. Người đã được bầu làm Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam độc lập.

(I-Go Va-xi-li-ep, Hội thảo quốc tế về chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.113).

181. Chủ tịch là người theo chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa quốc tế chân chính và vĩ đại, hiến dâng toàn bộ cuộc đời và sức lực cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và Chủ nghĩa xã hội của nhân dân Việt Nam, cho sự nghiệp giải phóng, độc lập và tự do của các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới.

(Cốc Nguyên Dương, Hội thảo quốc tế về chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb. KHXH, H.1990, tr.117-118).

182. Vì là một nhà văn hoá chân chính mà Người làm cách mạng và làm cách mạng không chỉ giải phóng con người khỏi áp bức bóc lột mà cái

cao quý nhất là để giải phóng con người thoát khỏi nền văn hoá nô dịch và xây dựng nền văn hoá mới của dân tộc.

(Phiênng Xi-xu-lát, Hội thảo quốc tế về chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.135-136).

183. Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà văn hoá lớn. Cuộc đời hoạt động và sự nghiệp vĩ đại của Người là tấm gương cao đẹp trong sáng về một quan niệm nhân sinh về thế giới, toả sáng chủ nghĩa nhân văn mới, kết tinh những tư tưởng, tình cảm, những ước mơ lớn của nhân loại. Bởi thế, những tư tưởng văn hoá của Người đến với các dân tộc như một lẽ tự nhiên, có sức cổ vũ sâu sắc mỗi con người, mỗi dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gắn bó sâu sắc với dân tộc mình, đồng thời, Người cũng đã dành nhiều tình cảm thắm thiết cho mọi dân tộc trên thế giới.

(Phiênng Xi-xu-lát, Hội thảo quốc tế về chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.137)

184. *Nhật ký trong tù* và các bài thơ khác của Hồ Chí Minh trong những hoàn cảnh ấy trở thành những văn kiện giải phóng nghệ thuật và đã có, ngoài sự sống của bản thân nó, một sức sống mãnh liệt riêng ở các nước khác.

(Vi-ven-xi-ô Hô-xê, Hội thảo quốc tế về chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.148).

185. Về mặt phong cách, đó là những bài thơ “ngắn gọn, tinh tảo và trong sáng, hoàn toàn cổ điển nhưng biểu lộ những tình cảm và những ý nghĩ của một chiến sĩ ở tuyến đầu của thời đại chúng ta”. “Cấu trúc cổ điển của nó phối hợp với sự phong phú về tình cảm và sự nhạy cảm sôi nổi”, được biểu hiện bởi tài năng nghệ thuật huyền diệu của Hồ Chí Minh, theo sự chỉ đường của trí thông minh của Người. Một người biên dịch nhấn mạnh về điều này rằng: “Một ánh sáng sinh ra từ khổ đau như vậy làm thức tỉnh lý trí và con tim, đây là con người hành động và là nhà thơ”. Nhà thơ vẫn tiếp tục đấu tranh cho nền độc lập đất nước mình cũng như Người vẫn tiếp tục viết nhiều bài thơ nữa. Niềm hy vọng của Người vào tương lai vẫn trong sáng.

(Vi-ven-xi-ô Hô-xê, Hội thảo quốc tế về chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.150).

186. Tư tưởng chính trị của Người chịu ảnh hưởng của những nhà tư tưởng dân chủ và Xã hội chủ nghĩa lớn ở châu Âu được áp dụng vào một hoàn cảnh châu Á và điều đó đã đem lại cho nó một ý nghĩa thế giới.

(Gôn-lan, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.157).

187. Hồ Chí Minh không còn với chúng ta theo nghĩa vật chất. Nhưng Người rất gần bó với chúng ta về mặt đạo lý, tinh thần.

(Xan-ti Mau-roi, Hội thảo quốc tế về chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.158-159).

188. Hồ Chí Minh là một trong số những người đầu tiên khai phá và đặt nền móng cho nền văn học mới, mà trong quá trình hình thành đã dần dần xâm nhập vào quỹ đạo những mối liên hệ rộng rãi của văn học thế giới. Hồ Chí Minh, người mở đường và nhà sáng lập trong lịch sử văn học Việt Nam.

(N.Ni-cu-lin, Hội thảo quốc tế về chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.162, 165).

189. Vấn đề tác động qua lại trong giao lưu văn hoá Đông - Tây là vấn đề mới đối với các nhà tư tưởng Việt Nam, nhưng vận mệnh của phong trào giải phóng lại phụ thuộc vào cách hiểu đúng đắn vấn đề này. Lời giải đáp mà Hồ Chí Minh đưa ra chính là sự kết hợp học thuyết cách mạng của phương Tây (chủ nghĩa Mác) với các truyền thống tư tưởng tiến bộ của Việt Nam... trong thế giới quan của Người, không chỉ những đặc điểm riêng của Việt Nam, mà cả những điểm tổng quát, đã khiến Người trở nên gần gũi với nhiều nhà hoạt động tiến bộ hiện đại. Di sản tư tưởng của Người không thuộc riêng Việt Nam

(V.G.Buróp, Hội thảo quốc tế về chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.167).

190. Hồ Chí Minh là một người nhân đạo sâu sắc và là một chiến sĩ. Chủ nghĩa nhân đạo đã hướng Người vào những mục đích chiến đấu cao thượng, khiến Người hiến dâng cả cuộc đời mình cho cuộc đấu tranh này. Đặc tính của một chiến sĩ đã cho phép Người tiến hành cuộc chiến tranh này với tất cả nhuệ khí, sự bền bỉ và không biết mệt mỏi trong suốt những năm dài vô cùng gian khổ ở rừng sâu trong vùng nhiệt đới, giữa những trận chiến đấu liên tục chống bạo lực của quân thù và giữa những khó khăn chồng chất.

(Hồ Chí Minh là một trong những anh hùng của thời đại, của thế hệ chúng ta, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.34).

191. Di chúc của Người đặc biệt có ý nghĩa đối với các lực lượng cách mạng và toàn thế giới tiến bộ. Nó không thuộc vào loại những tuyên tập lý luận, nhưng nó là sự nghiệp của Hồ Chủ tịch.

(I-li-a Sét-lích, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.67).

192. “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, một câu ngắn gọn, và thoát nghe qua có vẻ bình thường. Câu này hợp với văn phong của người đã đề ra nó. Một con người biết nói lên những lời cần nói vào mỗi giai đoạn lịch sử, để động viên nghị lực, tập hợp lực lượng, kích thích chủ nghĩa anh hùng và kêu gọi kháng chiến. Những lời nói giản dị, đúng mức, không văn hoa nhưng khắc sâu vào trái tim, khối óc của từng người, bởi vì người nói những lời đó chỉ là diễn đạt điều mà mọi người cảm thấy sâu xa nhất trong lòng mình nhưng chưa diễn đạt được. Vì Người là hiện thân ý chí bất khuất của cả một dân tộc không bao giờ cam chịu làm nô lệ.

(Một nhà cách mạng triệt để, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.89).

193. Sau vẻ dịu dàng của Người là một ý chí sắt thép, dưới bề ngoài giản dị là một tinh thần quật khởi, anh hùng, không gì uy hiếp nổi. Người là hiện thân tinh thần, tài năng và tâm hồn nghệ thuật của nhân dân Việt Nam, hiện thân của tinh thần yêu tự do tha thiết, của khả năng chịu đựng và đấu tranh của họ.

(Hồ Chủ tịch, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.93).

194. Cái làm nên sự vĩ đại của Hồ Chí Minh, có lẽ là cái “tâm thường” của Cụ. Bất chấp những dáng nét có tính chất huyền thoại và đôi khi kỳ lạ của một cuộc đời toàn tâm toàn ý hiến dâng cho cách mạng, cụ Hồ là hiện thân cho tính cách của con người Việt Nam, bám chắc sâu vào đất đai của xứ sở, thấm nhuần tư tưởng gia đình, quan tâm đến mọi việc đổi thay và hết lòng với công việc tập thể. Hồ Chí Minh, nói một cách đơn giản, là người đại diện nhất, tinh tảo nhất, lão luyện nhất của đồng bào của mình, những người mà Cụ xem là bình đẳng chứ không phải là thần dân của mình.

(Chủ tịch Hồ Chí Minh qua ý kiến của một số chính khách phương Tây, tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 2/1990, tr.71).

195. Lần đầu tiên, thế giới được thấy vị Chủ tịch của một Đảng cộng sản kết hợp chặt chẽ văn học với chính trị, kết hợp những bài thơ với những con số... Thật vậy, trong các cuộc họp của Đảng hoặc Quốc hội ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Cụ Hồ Chí Minh thường bắt đầu những diễn văn và những bài nói sâu sắc của mình bằng cách đọc lên những câu thơ rút ra từ văn học dân gian Việt Nam.

(Áp-đen Ma-lếch Kha-lin, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.127).

196. Người ta thấy ở Đồng chí một vốn sống dồi dào, một sự hiểu biết rộng lớn, với trình độ văn hoá của một người mà không ai quên rằng người đó đã là một nhà báo, một nhà văn và một nhà thơ trong số những nhà báo, nhà văn, và nhà thơ ưu tú nhất ở Việt Nam.

(Lê-ô Phi-ghe, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.247-248).

197. Người không những biết sử dụng rất nhiều thứ tiếng Âu, Á đồng thời còn rất hiểu tình hình trong nước của những người khách đến thăm. Lịch sử sẽ dành cho Người vinh dự của một vị lãnh tụ vĩ đại mà thế kỷ XX đã sinh ra.

(U.Bóc-sét, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.239).

198. Hồ Chí Minh có đầy đủ những đức tính quan trọng của một nhà thơ, vì thơ của Người đã được kết tinh từ nguồn cảm hứng thực sự của thi ca, từ sự hóm hỉnh, tinh tế và từ sức tưởng tượng phong phú.

(Phê-can-xơ Xoi-la-gi, Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại, Nxb. Lao động, Nxb. Quân đội nhân dân, H.1993, tr.43).

199. Người am hiểu những trào lưu nghệ thuật Tây Âu... Người nói một cách tinh tế về những tác phẩm mà Người đã xem và trước hết là những nghệ sĩ đã mạnh dạn phơi trần Sự Thật xã hội, kêu gọi đấu tranh. Người bàn luận về những vấn đề nghệ thuật châu Âu, sau khi đã nghiên cứu đầy đủ, chính xác, thận trọng. Người nhấn mạnh rằng mỗi dân tộc cần phải chăm lo đặc tính dân tộc mình trong nghệ thuật.

(E-rich Giô-han-xôn, Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại, Nxb. Lao động, Nxb. Quân đội nhân dân, H.1993, tr.29).

200. Cụ tình thông các tri thức uyên thâm để viết cho quần chúng và để giải quyết các vấn đề khó khăn của quần chúng. Cụ là mẫu mực của một nhà trí thức chiến đấu mà các nước khác cần phải có. Văn hoá và tri thức trong tay Cụ đã trở thành một loại vũ khí tích cực phục vụ cho quần chúng.

(Na-gi A-lu-si, Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại, Nxb. Lao động, Nxb. Quân đội nhân dân, H.1993, tr.34).

201. Lần đầu tiên, thế giới được nghe Chủ tịch của một Đảng Cộng sản kết hợp chặt chẽ văn chương với chính trị, thơ ca và những con số.

(Báo Tin tức Ai Cập, Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại, Nxb. Lao động, Nxb. Quân đội nhân dân, H.1993, tr.35).

202. Tôi hết sức kính trọng lòng quả cảm của Cụ Hồ Chí Minh và kính trọng con người văn hoá, đầy nghị lực và tin tưởng, cái đó đã giúp Người sáng tác thơ trong một hoàn cảnh khó khăn như vậy, trong gian khổ, đói rách, hiểm nghèo và đau thương dai dẳng. Tôi cũng nhận thấy với tấm lòng khâm phục tràn đầy, rằng trong nhà tù Người cũng có thể thương xót những người khác và luôn nghĩ đến những nguyên tắc của chủ nghĩa nhân đạo.

(M.Bun-ton, Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại, Nxb. Lao động, Nxb. Quân đội nhân dân, H.1993, tr.37).

203. Tất cả con người của Bác cho ta ấn tượng của sức mạnh và sự dịu dàng, nhà lãnh đạo cách mạng và người nghệ sĩ đã hoà hợp với nhau trong một chất thép. Sự khiêm tốn là một trong những đặc điểm của con người vĩ đại này, cũng như bầu không khí vui vẻ là sự có mặt của Người đã đem đến sự giản dị tuyệt vời. Cuộc sống của Người là một bài thơ đầy nét anh hùng ca, giống như cuộc đấu tranh của dân tộc Người.

(Rơ-nê Đơ-pê-tơ-rô, Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại, Nxb. Lao động, Nxb. Quân đội nhân dân, H.1993, tr.39 - 40).

204. Ở trong bản thân con người ông Hồ Chí Minh, nhà cách mạng công sản với nhà nghệ sĩ kiểu mới là một.

(Gioóc-giơ Bu-đa-ren, Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại, Nxb. Lao động, Nxb. Quân đội nhân dân, H.1993, tr.41).

205. Ông thông bảy thứ tiếng khác nhau và nói được rất nhiều tiếng thổ âm, trái lại, ông chỉ dùng những câu nôm na, khiến cho dù một người quê mùa chất phác nhất nghe cũng hiểu được ngay.

(Tuần báo "Đáy Pari", Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại, Nxb. Lao động, Nxb. Quân đội nhân dân, H.1993, tr.124).

206. Người ta thấy ở đồng chí vốn sống dồi dào, một sự hiểu biết rộng lớn, với trình độ văn hoá của một người không ai quên rằng người đó đã là một nhà báo, một nhà văn và một nhà thơ trong số những nhà báo, nhà văn, nhà thơ ưu tú nhất ở Việt Nam.

(Lê-ô Phi-ghe, Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại, Nxb. Lao động, Nxb. Quân đội nhân dân, H.1993, tr.125).

207. Cả diện mạo của Nguyễn Ái Quốc toát lên sự lịch thiệp và sự tế nhị. Từ Nguyễn Ái Quốc toả ra một nền văn hoá, không phải là nền văn hoá châu Âu, mà có lẽ là nền văn hoá tương lai.

(Ô-xíp Man-đen-sơ-tam, Hồ Chí Minh một nhân cách lớn, Nxb. Văn hoá thông tin, H.2005, tr.111).

HỒ CHÍ MINH -
NGỒI SÁNG TẮM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG

1. Người là bậc vĩ nhân, là nhân vật tuyệt vời. Cuộc đời của Người là những thế kỷ trong lịch sử và là những trang sử vẹn toàn, là những cuộc chiến đấu đời đời đáng ghi nhớ.

(Éc-tô-đê ác-tu-rô, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.47).

2. Trong tương lai, tinh thần của Người, niềm tin của Người, lòng quyết tâm và sức mạnh của Người cũng sẽ được phản ánh trong những hành động của nhân dân Việt Nam.

(Phơ-ran-xơ Pha-bơ, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.54).

3. Người không phải chỉ là một vị Chủ tịch mà còn là một người đã làm cho nhân dân và đất nước lớn lên cùng với Người. Người đã trở thành một truyền thuyết sinh động, một người yêu nước, một người đồng chí, một nhà triết học và một chiến sĩ đấu tranh cho tự do.

(Chủ tịch Hồ Chủ tịch, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.95).

4. Cụ đã kết hợp giữa sự tao nhã cao quý với một tác phong dễ gần gũi, rất dân chủ, một sự kết hợp nhịp nhàng giữa sự tự do không nghi thức, thoải mái, và tự nhiên với một thái độ đường hoàng và thận trọng. Cá nhân Cụ có một sức hấp dẫn đặc biệt không gì so sánh được, không những đối với nhân dân nước Cụ, mà còn đối với tất cả những ai không mang nặng đầu óc thù hằn hay thành kiến.

(Jai Hồ, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.100).

5. Cụ Hồ Chí Minh có được cái chất hiếm thấy trong các lãnh tụ cộng sản: Người có tài vui nhộn, cởi mở, giàu tưởng tượng... tóm lại "Người là Bác Hồ của tất cả mọi người" - đúng như Người đã tự nhận.

(N.K.Sinh, "Bác Hồ" - Một pho lịch sử đấu tranh, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.106).

6. Cần phải bắt đầu từ đâu? Và phải viết thế nào về một nhân vật mà nhà văn Pháp La-com-bơ đã miêu tả: “Nhân vật thần kỳ này đã làm cho tôi khâm phục hơn tất cả mọi thứ trên đời”.

(Mát-đi Pha-mi, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.119).

7. Người đã thành công trong việc gieo trồng những giá trị văn minh nhất, nhân đạo nhất trong tâm trí của mỗi người công dân Việt Nam. Chắc chắn Người cũng là vị lãnh tụ xã hội chủ nghĩa nhân đạo, văn minh, vĩ đại nhất chưa từng có trong thời đại chúng ta.

(Lai-la En-ghê-ba-li, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.123).

8. Những giá trị văn minh và nhân đạo của Người sẽ lớn mạnh và phát triển sâu rộng không ngừng ở Việt Nam mà còn trong cả mọi cuộc đấu tranh trên toàn thế giới.

(Lai-la En-ghê-ba-li, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.122).

9. Cụ đã trở thành như một vị thánh, một người thầy, một người tiêu biểu cho cuộc kháng chiến, một nhà văn, một nhà tuyên truyền chính trị, một nhà nghiên cứu văn học sắc bén và một nhà thơ giàu tình cảm. Nếu Việt Nam là sự thức tỉnh lương tri của thời đại chúng ta, thì Cụ Hồ Chí Minh là người đã tạo ra lương tri đó.

(Áp-đen Ma-léch Kha-lin, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.126, 128).

10. Vĩ đại vì Chủ tịch đã cống hiến một cách tuyệt đối cả đời mình cho sự nghiệp giải phóng và bảo vệ Tổ quốc. Vĩ đại vì Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn giữ vững niềm tin tưởng trong mọi hoàn cảnh.

(An-tô-ni-ô Vác-gá, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.133).

11. Lòng dũng cảm, sự cống hiến của Người cho sự nghiệp đấu tranh giành độc lập chưa thể nào so sánh được với sự dùi dốt của Người về mặt tinh thần đã thấm sâu vào tâm khảm của nhân dân Việt Nam.

(A.R. Rô-xơ, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.146).

12. Người là nhà văn, nhà thơ tinh tế viết bằng nhiều thứ tiếng, là nhà báo có ngôn ngữ súc tích, mẫu mực; là người có trái tim bao la như vũ trụ,

có lòng yêu thương vô hạn đối với trẻ em; là tấm gương về đức tính giản dị trong tất cả các mặt và chỉ tự coi mình là một “nhà hoạt động cách mạng”.

(Hồ Chí Minh, người là tiêu biểu cho khả năng của các dân tộc ..., Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.150).

13. Đồng chí là tượng trưng cho tất cả những gì tốt đẹp nhất trong phong trào vĩ đại của chúng ta. Đồng chí là một nhà cách mạng, một người yêu nước, một người giàu lòng nhân đạo, một nhà hoạt động quốc tế tận tụy.

(Giôn Gô-lan, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.163).

14. Cụ là một người dân tộc chủ nghĩa, nhưng Cụ cũng là một người theo chủ nghĩa quốc tế - không phải là một nhà quốc tế hẹp hòi mà là một con người yêu mến văn hoá Pháp trong khi chống ách thực dân Pháp, một con người biết coi trọng những truyền thống cách mạng của Mỹ trong khi bọn Mỹ phá hoại đất nước Người.

(Pét-ghi Đáp-phơ, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.167).

15. Như biết bao người Việt Nam khác, mặc cho những sự khùng khiếp do Pháp và Mỹ gieo rắc trên đất nước Cụ, Cụ vẫn giữ được tâm hồn thư thái và không bao giờ để cho chiến tranh man rợ ảnh hưởng đến bản chất nhân đạo của Cụ.

(Pét-ghi Đáp-phơ, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.168).

16. Ngày nay, mỗi khi tôi nghĩ rằng con người đó sau này trở nên một nhân vật thần kỳ với cái tên Hồ Chí Minh, đứng đầu cuộc đấu tranh anh hùng rất độc đáo của dân tộc mình, thì tôi hiểu rằng cái phong cách đối xử khiêm tốn tự nhiên của đồng chí đối với thanh niên trong phong trào của chúng ta đã có một tác dụng như thế nào.

(Phơ-rit-xơ Gơ-lao-bao-phơ, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.172).

17. Trong cảnh gông xiềng, mái tóc đã hoa râm của Cụ Hồ càng thưa dần và mắt Cụ kém đi, nhưng Cụ không bao giờ mất hy vọng, không bao giờ quên hát lên những bài ca tiêu biểu cho nguyện vọng của mọi người.

(Rơ-nê Đi-pét, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.197-198).

18. Là một người yêu nước sâu sắc chăm lo làm sao cho nước Việt Nam tìm thấy được con đường độc đáo riêng của mình đi tới chủ nghĩa xã hội, luôn luôn thấm nhuần tinh thần chủ nghĩa quốc tế vô sản chân chính và vững vàng nhất, đồng thời Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là một nhà thơ. Sở dĩ Người là hiện thân của dân tộc Việt Nam một cách tốt đẹp đó chính là vì Người đã cùng chia sẻ những tình cảm, nguyện vọng, khiêu thăm mỹ và sự hoà hợp với dân tộc Người. Và Người đã biết cách biểu lộ những tình cảm, nguyện vọng đó thích hợp với cảnh và người.

(Mác-tin Mô-nôt, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.255).

19. Cụ Hồ Chí Minh thuộc về tương lai, vì Cụ đã tạo ra tương lai vĩ đại ấy....

(Giôn Tác-man, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.294).

20. Cụ đã tiếp chúng tôi, một bạn đồng nghiệp người Anh và cá nhân tôi, vào giờ ăn trưa, mà không cần chúng tôi báo trước, với phong thái lịch sự, tao nhã, một điểm nổi bật về tác phong của Cụ...

(Nguyễn Chương, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 2/1990, tr.70).

21. Nếu di sản của một dân tộc bao hàm tất cả những thử thách mà dân tộc đó phải đương đầu, bao hàm những cuộc chiến đấu mà dân tộc đó phải trải qua, bao hàm những bước gian lao và trắc trở mà người ta ghi nhớ và rút ra những bài học quý báu, bao hàm niềm phấn khởi của những thắng lợi đã giành được, những triển vọng được vạch ra, nếu từ những điều đó mà kinh nghiệm lịch sử của một cuộc cách mạng được vun đắp nên thì phải nói rằng Đồng chí Hồ Chí Minh, với cuộc sống chiến đấu, cách mạng phong phú của Người, đã kết tinh toàn bộ kinh nghiệm của các đồng chí.

(Lui-gi Lông-gô, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.72-73).

22. Sự liên hệ sâu sắc và kiên trì của Người với thực tế dân tộc kết hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản chân chính, ý chí kiên quyết của Người chống chủ nghĩa đế quốc trong cuộc đấu tranh chống Mỹ xâm lược, tinh thần chiến đấu bất khuất của Người cho tự do, độc lập và hoà bình, ý thức cao cả của Người về những giá trị xã hội và con người của chủ nghĩa xã hội, lòng tin tưởng của Người vào nhiệt tình cách mạng của các dân tộc và sự thống nhất của tất cả các lực lượng tiến bộ, tính chất thực tế thiên tài mà bình dị của Người trong hoạt động chính trị, đức tính khiêm tốn, giản dị của một người lãnh đạo vĩ đại, lòng nhân đạo, sự hiểu biết và trí thông minh của Người.

(Lui-gi Lông-gô, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.73).

23. Cuộc đấu tranh của Người sẽ tiếp tục. Ở Người có một cái gì đó không thể chết được và sẽ không bao giờ chết; nó đang được tiếp thụ và sẽ ngày càng được tiếp thụ nhiều hơn bởi những thế hệ trẻ, bởi tất cả những ai tin tưởng vào con người, vào lòng tự hào, danh dự và lý trí của con người, bởi tất cả những ai tin tưởng rằng trong tương lai nhân loại sẽ vĩnh viễn thoát khỏi những xiềng xích của đế quốc và mọi hình thức bóc lột.

(Lui-gi Lông-gô, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.74).

24. Nhân loại đã mất một vị lãnh tụ cách mạng vĩ đại, một người thầy mác-xít lê-nin-nít xuất sắc mà tấm lòng ưu ái đầy thi vị mong muốn một thế giới tốt đẹp có hương hoa tươi thắm và những tiếng vui cười náo nức của các trẻ em đã thấm nhuần vào chủ nghĩa nhân đạo toàn diện của cuộc đời mà Người đã sống, thấm nhuần vào những việc kỳ diệu mà Người đã làm và sự nghiệp trọn đời Người đã phục vụ.

(H.Uynxtơn, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.75).

25. Tên tuổi của Đồng chí Hồ Chí Minh sẽ mãi mãi gắn bó với những hành động cao cả nhất và những ước mơ cao quý nhất của nhân loại nhằm thực hiện một khối cộng đồng anh em thực sự của nhân dân các nước được hưởng quyền bình đẳng và được thoả mãn đầy đủ về những nhu cầu vật chất và tinh thần của mình, một thế giới không có chiến tranh, không có sự tàn bạo, nghèo khổ và phân biệt đối xử.

(H.Uynxtơn, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.75).

26. Tấm gương vĩ đại của Đồng chí Hồ Chí Minh suốt đời đấu tranh quên mình để phục vụ nhân dân Việt Nam, phục vụ những người lao động trên thế giới và toàn thể loài người bị áp bức sẽ mãi mãi cổ vũ trái tim và dịu dặt tư tưởng của các chiến sĩ hoà bình đấu tranh cho tự do và chủ nghĩa cộng sản.

(H.Uynxtơn, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.76).

27. Đồng chí Hồ Chí Minh là con người cần thiết xuất hiện đúng lúc, đúng yêu cầu của lịch sử, với những tư tưởng và ý kiến đúng. Chính vì vậy mà Đồng chí đã làm ra lịch sử. Tầm vĩ đại tư tưởng của Người, nhân quan sáng suốt nhìn xa thấy rộng của Người chỉ có thể bắt nguồn từ nhận thức

sâu sắc về những lực lượng thúc đẩy sự biến đổi có tính chất bùng nổ nhất trong toàn bộ công việc của loài người, qua các thời đại lịch sử.

(Gót Hơ, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.78).

28. Đồng chí Hồ Chí Minh kết tinh trong con người mình những đức tính vĩ đại của nhân dân Việt Nam. Có thể thấy được tầm lớn những đức tính ấy ở sự suy sụp của các đế quốc Pháp, Nhật Bản và của đế quốc Mỹ hiện nay, những đế quốc bị tan tác trên con đường đấu tranh của nhân dân Việt Nam cho độc lập và chủ nghĩa xã hội.

(Gót Hơ, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.80).

29. Cũng như Lê-nin, Chủ tịch Hồ Chí Minh giản dị trong sự vĩ đại của mình. Ngay cả đến kẻ thù tàn bạo nhất cũng đã phải thừa nhận đạo đức đó của Đồng chí. Thế hệ chúng ta được biết nhà cách mạng Việt Nam vĩ đại đó, Người đã chiến đấu chống Nhật Bản, Pháp và Mỹ, Người vẫn luôn luôn vui tươi, lạc quan và không bao giờ tỏ ra kêu nại.

(Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đô-mi-nich, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.91)

30. Sự qua đời của vị lãnh tụ vô cùng kính yêu và kiệt xuất của nhân dân Việt Nam và toàn thể phong trào cộng sản và cách mạng trên thế giới mà Người đã góp phần vào bằng những lời giáo huấn cao cả, là một tổn thất to lớn và không gì bù đắp nổi.

(Béc-na-đô An-va-ra-đô Môn-xôn, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.98-99).

31. Người đã cống hiến cả đời mình cho cuộc chiến đấu cao cả của nhân dân Việt Nam anh hùng để giành tự do, với sự kiên cường của một nhà cách mạng đáng kính.

(Giác-cơ Đơóc-xi-liêng, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.100).

32. Đồng chí là một con người, một đảng viên cộng sản kiên cường, người chiến sĩ hết sức tận tụy, vị lãnh tụ cách mạng và là một anh hùng truyền thuyết mà danh tiếng lẫy lừng khắp thế giới ai cũng biết.

(A-dích Mô-ha-mét, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.104).

33. Người mất đi đã để lại một khoảng trống lớn trong những nhà cách mạng ở tất cả các nước, nhưng hình ảnh, tinh thần dũng cảm kiên

cường và sự nghiệp của Người sẽ sống mãi trong lòng và trong ký ức của mọi người yêu chuộng tự do và chính nghĩa.

(Ran-đơ-ri-an-gia Rơ-nê An-xen-mơ, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.110).

34. Cuộc đời đồng chí Hồ Chí Minh sẽ mãi mãi là ngọn đèn pha ngời sáng đối với những người cộng sản ở tất cả mọi nơi. Người đã khắc phục mọi khó khăn, trở ngại, xây dựng nên một phong trào cộng sản mạnh mẽ ở Đông Dương, tập hợp nhân dân chung quanh Đảng, giáo dục nhân dân tinh thần không sợ sức mạnh của đế quốc và dũng khí tiến hành cuộc chiến đấu liên tục chống đế quốc cho đến lúc giành được thắng lợi, giáo dục nhân dân tinh thần yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế chân chính, và bằng sự hi sinh tận tụy hoàn toàn của Người vì sự nghiệp của nhân dân, Người và Đảng đã được nhân dân yêu mến, tin tưởng và kính trọng...

(Pu-xpha Lan, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.121).

35. Cuộc đời và những cuộc đấu tranh dũng cảm của Người đã cổ vũ và hướng dẫn các chiến sĩ đấu tranh cho tự do, hoà bình và chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới.

(Ê-dê-ki-át Pa-pai-can-nu, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.128).

36. Người đã nêu một tấm gương khiêm tốn, tận tụy quên mình, dũng cảm bất khuất, trung thành với những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin, tấm gương đó sẽ tiếp tục cổ vũ toàn thể những người cộng sản, những người cách mạng, những người yêu nước muốn bảo đảm cho dân tộc mình được tự do, độc lập.

(Mô-ha-mét Hác-men, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.131).

37. Con người của Đồng chí Hồ Chí Minh thật vô cùng kính yêu. Người tượng trưng cho quyết tâm cách mạng, lòng dũng cảm, khí phách anh hùng và tinh thần hy sinh vì mọi người của nhân dân Việt Nam.

(Pom-pây-ô Mác-két, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.140).

38. Đồng chí Hồ Chí Minh là một người cách mạng cộng sản kiên cường, là tượng trưng cho cuộc đấu tranh vì tự do, vì nhân dân bị áp bức và chủ nghĩa xã hội. Tấm gương của Người sẽ sống mãi với cuộc đấu tranh của nhân dân lao động trên toàn thế giới. Cuộc đời chói lọi của Người sẽ

là bài học cho những người bị áp bức. Tự do và chủ nghĩa xã hội sẽ thắng.

(Gơ-rin-đô Ga-xpê-rô-ni, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.144).

39. Đồng chí Hồ Chí Minh là một nhà quốc tế chủ nghĩa nổi tiếng... Đồng chí còn là bạn của tất cả các dân tộc đấu tranh cho tự do và độc lập. Cuộc đời của Đồng chí Hồ Chí Minh là một trường học đối với toàn thể những người cộng sản, những người dân chủ và những người yêu nước. Cuộc đời đó cổ vũ họ đấu tranh để giành thắng lợi cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

(Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Xy-ri, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.148-149).

40. Được nhân dân kính mến, được các bạn hữu khâm phục, được kẻ thù tôn trọng, Người là một trong những nhân vật hoạt động chính trị và là lãnh tụ nhân dân cao quý nhất của thế kỷ này. Tấm gương của Người sẽ còn sống mãi trong lòng của tất cả những ai trên thế giới tin tưởng vào sự nghiệp của công lý, độc lập và hoà bình.

(Nô-rô-đôm Xi-ha-núc, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.153).

41. Cả cuộc đời của Người là một tấm gương dũng cảm và tận tụy quên mình vì sự nghiệp cao quý nhất. Đồng thời, chúng tôi cũng cần bày tỏ sự khâm phục của chúng tôi đối với lòng tin sâu sắc của Người vào vận mệnh của đất nước mình và tương lai của nhân loại. Trong thế giới tàn bạo này, Người đã đem lại cho chúng ta cũng như cho biết bao dân tộc khác những lý do để hy vọng.

(Quốc trưởng Nô-rô-đôm Xi-ha-núc, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.155).

42. Người là một vĩ nhân, Người mất đi là một tổn thất to lớn không những đối với nước Ngài mà còn đối với châu Á và cả thế giới.

(V.V.Gi-ri, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.160).

43. Người không còn nữa, nhưng tên tuổi của Người sẽ sống mãi như nhân dân của Người. Đức độ lượng, tính giản dị, tình yêu nhân loại, sự tận tụy hi sinh và lòng dũng cảm của Người sẽ cổ vũ thế hệ mai sau.

(In-đi-ra Găng-đi, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.160).

44. Người là một vĩ lãnh tụ vĩ đại đã tận tụy vì sự nghiệp của đất nước. Tên tuổi của Người sẽ mãi mãi tượng trưng cho chủ nghĩa yêu nước chân chính và cổ vũ cuộc đấu tranh anh hùng vì tự do.

(Xa-ba An Xa-lem An Xa-ba, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.163).

45. Với tinh thần tận tụy quên mình cho sự nghiệp chính nghĩa, Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ mãi mãi sống trong lòng các dân tộc. Người là hiện thân cao nhất của lòng dũng cảm và đạo đức, đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam đoàn kết và tự giải phóng mình.

(Hu-a-ri Bu-mê-diên, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.175).

46. Sự nghiệp của Người cũng như sự nghiệp của tất cả những chiến sĩ hy sinh trong chiến đấu sẽ là một tấm gương cho toàn thể nhân dân yêu chuộng hoà bình và tự do trên thế giới.

(Ma-riêng Nơ-gu-a-bi, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.178).

47. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người mà lòng trung thành đối với Tổ quốc và trọng danh dự đã làm cho mọi người khâm phục. Loài người sẽ mãi mãi nhớ đến nhà yêu nước vĩ đại đó, là một trong những chiến sĩ vĩ đại nhất đã bảo vệ tự do và phẩm cách của con người trong một thế giới đầy lo âu và biến động.

(Mút-xa Tơ-ra-ô-rê, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.184).

48. Tinh thần dũng cảm, kiên trì, sự sáng suốt và lòng nhân đức cao cả của Người đã làm cho Người không những trở thành vị lãnh tụ của nhân dân Việt Nam mà còn là một tấm gương sáng đối với toàn thể thanh niên thế giới.

(Ban Thường vụ Liên đoàn thanh niên dân chủ thế giới, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.205).

49. Người là một chiến sĩ dũng cảm và một nhà lãnh đạo lỗi lạc cuộc đấu tranh cho độc lập dân tộc, hoà bình và hạnh phúc của nhân dân Việt Nam. Người đã biết cách làm cho rất nhiều bè bạn khắp năm châu, nam cũng như nữ, đứng về phía cuộc đấu tranh chính nghĩa của các bạn. Người mất đi làm cho biết bao người trên thế giới mất đi một người bạn giàu lòng nhân đạo, luôn luôn chú ý đến cuộc đấu tranh mà họ đang tiến hành vì hoà bình, công lý và tình hữu nghị giữa các dân tộc.

(Xê-xin Huy-gien, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.206).

50. Đức tính của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một sự kết hợp trí thông minh, óc sáng suốt và lòng nhân đức cộng với nghị lực kiên cường và đức tính khiêm tốn hiếm có. Là hiện thân của những đức tính tốt đẹp nhất của dân tộc, lòng yêu nước thiết tha của Người được kết hợp một cách hài hoà với tình đoàn kết quốc tế hết sức nồng nhiệt. Là một người nhân đạo chân chính của thời đại chúng ta suốt hơn nửa thế kỷ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tận tụy cống hiến không mệt mỏi, có hiệu quả cho một sự nghiệp, luôn luôn chiến đấu chống áp bức, đứng hàng đầu trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới và chủ nghĩa đế quốc để tạo khả năng giải phóng hoàn toàn Tổ quốc của Người và xây dựng một xã hội phục vụ con người, giải phóng các dân tộc khác và xây dựng một nền hoà bình thật sự cho thế giới.

(Ban Thư ký Hội đồng hoà bình thế giới, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.209).

51. Sự lạc quan, niềm tin tưởng của Hồ Chủ tịch vào thắng lợi rõ ràng đã trở thành một phần không thể tách rời niềm tin của những người cách mạng vào vận mệnh của loài người.

(Ô-xma-ni Xi-en-phu-ê-gôt, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.212-213).

52. Thân thể của Người chói sáng tình nhân đạo cao cả, đã đem lại cho thế giới lòng tôn kính vô biên đối với Người, ngay cả trong hàng ngũ kẻ thù. Là một nhà nhân đạo vĩ đại, Người yêu chuộng hoà bình, một nền hoà bình trong độc lập và tự do, cần thiết cho hạnh phúc của con người.

(J.Noóc-man, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.218-219).

53. Cái vĩ đại của Hồ Chí Minh có lẽ chính là cái bình thường của ông... Cụ Hồ đúng là một kiểu người Việt Nam: gắn bó với quê hương, mang nặng tình thân gia đình, quan tâm đến mùa màng và hết lòng vì tập thể.

(Pôn Muýt-xơ, Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại, Nxb. Lao động, Nxb. Quân đội nhân dân, H.1993, tr.26).

54. Ông được so sánh với Khổng Tử, Phật Thích-Ca-Mâu-Ni và Thánh Giăng Báp-tít-xơ và được miêu tả như một người ông hiền từ và một người theo chủ nghĩa khổ hạnh, nhiệt tâm và nghiêm khắc.

(Rô-bôt Sa Plin, Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại, Nxb. Lao động, Nxb. Quân đội nhân dân, H.1993, tr.30).

55. Người ta sẽ ghi nhớ niềm tin tưởng của Người đối với cuộc sống, lòng yêu nhân loại và thiên nhiên của Người, lòng khao khát cho bản thân cũng như đồng bào của Người, và sự cần thiết của Người đòi hỏi thiên hạ phải sung sướng đã rồi mình mới được sung sướng.

(Rô-giê Đờ-nuych-xơ, Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại, Nxb. Lao động, Nxb. Quân đội nhân dân, H.1993, tr.38).

56. Cụ Hồ, trước hết đó là một phong cách và một kiểu quan hệ với nhân dân. Còn một khía cạnh lạ lùng nhất của con người Hồ Chí Minh, đó là sự pha trộn của sức cảm hoá và sự lịch thiệp đã tạo ra thành một nhân vật đặc biệt, biết bắt đầu từ đâu và kết thúc ở chỗ nào.

(Giăng La-cu-tuya: Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại, Nxb. Lao động, Nxb. Quân đội nhân dân, H.1993, tr.47).

57. Chủ tịch Hồ Chí Minh, người có lòng nhân đạo và nhận thức cao rộng, dễ gần và dễ hiểu, đã hiến dâng trọn đời mình cho sự nghiệp.

(V.Đơ-tê-rê-ca-rôp, Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại, Nxb. Lao động, Nxb. Quân đội nhân dân, H.1993, tr.55).

58. Hồ Chí Minh đã tiếp thu sự giáo dục truyền thống ưu tú của dân tộc. Người hiểu sâu sắc lịch sử dân tộc và kính trọng truyền thống mà các thế hệ trước để lại. Đồng thời, Hồ Chí Minh cũng xa lạ với thái độ tự phụ ngạo mạn dân tộc. Người đánh giá cao những giá trị văn hoá dân tộc.

(V.G.Burôp, Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại, Nxb. Lao động, Nxb. Quân đội nhân dân, H.1993, tr.86).

59. Ông, một con người mềm dẻo, kiên nhẫn, ôn hoà, luôn luôn tìm cách hoà giải về thể thức hoá, không khoan nhượng trong nguyên tắc.

(Mu-ra Búc-gun, Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại, Nxb. Lao động, Nxb. Quân đội nhân dân, H.1993, tr.92).

60. Tôi đã thấy được một con người đôn hậu, vui tính, giản dị, hết sức nhạy bén đối với những người xung quanh. Đồng thời tôi cũng thường xuyên cảm nhận được tâm vóc lớn lao và siêu phàm trong nhân cách – sức mạnh trí tuệ, sự sáng suốt và ý chí của Người.

(E-ca-tê-ri-na Vec-ni-sê-va, Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại, Nxb. Lao động, Nxb. Quân đội nhân dân, H.1993, tr.107).

61. Hình ảnh của Hồ Chí Minh đã hoàn chỉnh với sự kết hợp đức

khôn ngoan của Phật, lòng bác ái của Chúa, triết học Mác, thiên tài cách mạng của Lênin và tình cảm của một người chủ gia tộc, tất cả bao bọc trong một dáng dấp rất tự nhiên.

(Ê-len Tuốc-me-rơ, Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại, Nxb. Lao động, Nxb. Quân đội nhân dân, H.1993, tr.109).

62. Tính giản dị, kiên nghị và lòng nhân ái là những nét đặc sắc trong nhân cách của Bác Hồ cũng như tình yêu của Người đối với cuộc sống và lòng triu mến của Người với thiên nhiên.

(Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Pê-ru, Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại, Nxb. Lao động, Nxb. Quân đội nhân dân, H.1993, tr.111).

63. Đối với nhân dân, ông luôn luôn là biểu tượng mà họ cần có: ông cũng là một người Việt Nam lịch sự, khiêm tốn, nói năng hoà nhã, không màng địa vị.

(Đavit Han-bóc-xton, Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại, Nxb. Lao động, Nxb. Quân đội nhân dân, H.1993, tr.116-117).

64. Hồ Chí Minh là hiện thân của những phẩm chất tốt đẹp nhất của dân tộc Việt Nam và giá trị của toàn nhân loại đó là trí tuệ và tính khiêm tốn, tài năng và tính giản dị. Bản tính của Người là dịu dàng và đôn hậu, nhưng lúc cần thiết Người là kết tinh của ý chí và quyết tâm, có khả năng lôi cuốn theo mình hàng triệu quần chúng.

(Thông tấn xã Liên Xô TASS, Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại, Nxb. Lao động, Nxb. Quân đội nhân dân, H.1993, tr.121).

65. Chính là trái tim của Người, chính là tên tuổi của Người, đang giúp cho chúng ta tư duy, hô hấp, đấu tranh, tồn tại.

(Lui-gi Lông-gô, Hồ Chí Minh một nhân cách lớn, Nxb. Văn hoá thông tin, H.2005, tr.21).

66. Không thể nào không nghĩ tới nhân cách đậm đà và độc đáo của Cụ,... với một sức thu hút toát ra từ đôi mắt, từ tất cả con người của Cụ.

(Giác-cô Rô-bê-ma-nan-gia-ra trả lời phỏng vấn hãng AFP, Hồ Chí Minh một nhân cách lớn, Nxb. Văn hoá thông tin, H.2005, tr.85).

67. Không thể không nhìn nhận tài năng, không thể không kính nể nhân cách và cuộc đời của Cụ Hồ... - Một nhân cách phong phú mà những người bình thường chỉ thấy được vài khía cạnh phù hợp với tầm cỡ và ước vọng của mình.

(Lý Chánh Trung, Hồ Chí Minh một nhân cách lớn, Nxb. Văn hoá thông tin, H.2005, tr.85).

68. Đồng chí Hồ Chí Minh là một chiến sĩ cộng sản kiên cường, một người theo chủ nghĩa quốc tế, đồng thời cũng là một người tượng trưng cho dân tộc mình, - một dân tộc hết sức coi trọng những giá trị tinh thần.

(Tập chí Thời mới, Hồ Chí Minh một nhân cách lớn, Nxb. Văn hoá thông tin, H.2005, tr.91).

69. Đồng chí Hồ Chí Minh là con người đã tập trung vào mình tất cả những phẩm cách cao quý nhất, không phải chỉ của một dân tộc riêng biệt, mà của cả nhiều thế hệ loài người.

(Xã luận báo Đoàn kết, Hồ Chí Minh một nhân cách lớn, Nxb. Văn hoá thông tin, H.2005, tr.98).

70. Tên của Người đã trở thành một khái niệm trên khắp các đại châu của trái đất chúng ta.

(Tuần báo Chân trời, Hồ Chí Minh một nhân cách lớn, Nxb. Văn hoá thông tin, H.2005, tr.100).

71. Chính tấm gương về con người mới ở Cụ Hồ, con người không thể thiếu được, hiện thân của những gì là xã hội chủ nghĩa, đã phản ánh con người của tương lai.

(Xã luận báo Chiến sĩ, Hồ Chí Minh một nhân cách lớn, Nxb. Văn hoá thông tin, H.2005, tr.111).

72. Hồ Chủ tịch là một nhà lãnh đạo đã thể hiện được trước những phẩm cách đẹp đẽ nhất của con người trong tương lai gần gũi.

(Xã luận báo Dân chúng, Hồ Chí Minh một nhân cách lớn, Nxb. Văn hoá thông tin, H.2005, tr.111).

73. Cụ Hồ không thích người ta sùng bái Cụ. Bạn sẽ không thấy ảnh Cụ tô màu trắng lệ tràn ngập nước Việt Nam. Bạn cũng sẽ không thấy tượng Cụ dựng lên ở khắp nơi. Cụ không cần có những chuyên gia quảng cáo để tô điểm cho Cụ. Nhân dân sẽ còn nhớ mãi đến Cụ, khi mà chẳng ai còn chú ý đến tên tuổi của Giôn-xơn và Nich-xơn trên danh sách các tổng thống Mỹ. Quần chúng yêu mến Cụ vì những gì Cụ đã làm cho họ và vì những gì mà Cụ là hiện thân.

(Giấc-cơ Đơ-coóc-noi, Hồ Chí Minh một nhân cách lớn, Nxb. Văn hoá thông tin, H.2005, tr. 121).

74. Nếu chúng ta muốn đối phó một cách hợp lý và mạnh mẽ với

những vấn đề mà chủ nghĩa xã hội đang gặp phải, chúng ta phải học ở Hồ Chí Minh bằng cách phát triển những phẩm chất đã thể hiện trong suốt cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài của Người: kiên nhẫn và vững vàng theo đuổi mục đích và bình tĩnh trong những lúc khó khăn; linh hoạt về tư duy và chính trị khi xây dựng khối đoàn kết xã hội chủ nghĩa; khiêm tốn và gần gũi với nhân dân, nhất là với công dân và nông dân; có sự đồng cảm để đạt tới sự hoà giải dân tộc; có tinh thần quốc tế mạnh mẽ; sự sáng tạo và nhạy bén về văn hoá, một sự hiểu biết có phân tích về lịch sử, đặc biệt là về cách thức mà những biến đổi lịch sử đã diễn ra; và phẩm chất mà Hồ Chí Minh có một cách dôi dào - đó là sự lạc quan của ý chí.

(A-lan A-xbon, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.125).

75. Hồ Chí Minh chỉ nhận lấy uy tín do lịch sử đã trao vào tay Cụ... Về điều này, không ai có thể nói rằng đây là cuồng tín, và cũng không thể nói rằng đây là thần linh hoá.

(Giăng La-cu-tuya, Hồ Chí Minh một nhân cách lớn, Nxb. Văn hoá thông tin, H.2005, tr.123).

76. Nhìn theo bất cứ tiêu chuẩn nào, Cụ cũng là một nhân cách nổi bật nhất trong thời đại chúng ta.

(Báo Người yêu nước, Hồ Chí Minh một nhân cách lớn, Nxb. Văn hoá thông tin, H.2005, tr.129).

77. Có lẽ bạn sẽ không nhận ra Người trong một đám đông quần chúng, và sẽ không phân biệt được Người vì Người cũng giống như mọi con người khác thôi. Nhưng không thể không nhận ra Người, bởi lẽ Người không phải như mọi con người khác. Người là Hồ Chí Minh...

(I-ri-na Lép-sen-cô, Hồ Chí Minh một nhân cách lớn, Nxb. Văn hoá thông tin, H.2005, tr.138).

78. Cụ Hồ Chí Minh là một nhà cách mạng xuất thân Khổng học; các bài viết của Cụ đầy những dấu ấn đạo Khổng, chẳng hạn trong việc đề ra những đạo đức cách mạng,... Điều đó hoàn toàn không có nghĩa là Cụ là một người sùng cổ, mà chỉ chứng tỏ rằng Cụ đã biết kết hợp truyền thống với đấu tranh cách mạng ngay trong bản thân Cụ.

(Giăng Sét-xnô, Hồ Chí Minh một nhân cách lớn, Nxb. Văn hoá thông tin, H.2005, tr.176).

79. Đồng chí Hồ Chí Minh đã sống một cuộc đời trong suốt như pha lê.

(Lê-ô-nít Brê-giơ-nép, Hồ Chí Minh một nhân cách lớn, Nxb. Văn hoá thông tin, H.2005, tr.201).

80. Tính giản dị của Người đã đạt tới sự thanh thoát và hết sức thoải mái, tính giản dị ấy chỉ còn giữ lại cái điều cốt lõi nhất: một ý chí xuyên suốt con đường lâu dài vì hạnh phúc của nhân dân.

(Giác-cơ Can, Hồ Chí Minh một nhân cách lớn, Nxb. Văn hoá thông tin, H.2005, tr.312).

81. Những lời lẽ giản dị của Cụ Hồ, mang xuất xứ của một tri giác sâu xa về đạo đức, vốn hoàn toàn không phải là giản đơn, mà xét cho cùng, lại phản chiếu sự phức tạp sâu xa của các vấn đề xã hội và con người.

(Gioóc-giơ Bu-đa-ren, Hồ Chí Minh một nhân cách lớn, Nxb. Văn hoá thông tin, H.2005, tr.317).

82. Thật là một con người rất nhân hậu! Đối với ai, Người cũng rất tốt.

(Rô-sa Lô-dơ-bi trả lời phỏng vấn hăng Roi-tơ tại Hương Cảng, Hồ Chí Minh một nhân cách lớn, Nxb. Văn hoá thông tin, H.2005, tr.393).

83. Trong khi tâm hồn của Cụ Hồ đã toả ra những gì làm xúc động lòng người, thì không còn có thử thách nào mà người không dám vượt qua, không còn có hi sinh nào mà người ta không dám chấp nhận.

(Tuần báo Bằng chứng Thiên chúa giáo, Hồ Chí Minh một nhân cách lớn, Nxb. Văn hoá thông tin, H.2005, tr.394-395).

84. Nét nổi bật ở nhân vật hết sức phong phú này là sự toả sáng của lòng nhân hậu, là đức tính vô cùng dịu hiền và trong sáng của Cụ.

(Giăng-ru, Hồ Chí Minh một nhân cách lớn, Nxb. Văn hoá thông tin, H.2005, tr.414-415).

85. Bác Hồ, cách gọi triu mến của chúng tôi ở Ấn Độ, đã kết hợp được trong bản thân Người những đức tính lớn lao của Mác, Lênin, Ma-hat-ma Găng-đi và Gia-oa-hat-lan Nê-ru. Người đại diện cho sự vĩ đại vốn có của nhân dân Việt Nam, bình dị, chuyên cần, yêu quý trẻ thơ và thanh niên, thẳng thắn, trung thực, chân thành và một ý thức mạnh mẽ về nhân văn kết hợp với nhiệt tình và tinh thần cách mạng... Hiếm có lãnh tụ nào trên thế giới lại được nhân dân mình hết lòng mến mộ tin yêu và kính trọng như Hồ Chủ tịch.

(T.N.Ca-un, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.38, 41).

86. Nhân dân sẽ mãi mãi nhớ đến Người như một nhà nhân đạo chủ nghĩa vĩ đại.

(Mô-ham-mát I-xman Mat-su, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.45).

87. Những gì thuộc về Người, từ phẩm chất đến hành động, vẫn sống mãi trong lòng nhân dân Việt Nam, nhân dân các dân tộc yêu độc lập, tự do, hoà bình, công lý và những người tiến bộ trên trái đất. Tấm gương anh hùng và tấm gương đạo đức sống tràn đầy tình yêu Tổ quốc và nhân dân một cách tự nguyện đó đã được truyền lại cho các thế hệ thanh thiếu niên Việt Nam ngày nay.

(Nay Pe-na, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.49).

88. Cuối cùng chữ Bác Hồ là chữ đã thể hiện đồng thời tình cảm, sự kính trọng và ý nghĩa của những giá trị đó. Tấm gương của Bác Hồ tiếp tục là nguồn cảm hứng để không yếu đuối trong đấu tranh giành lấy tương lai, để không dừng lại ở điều đạt được mà luôn luôn tiến lên phía trước.

(Mi-ghen Ê-tê-pha-nô, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.54).

89. Nghĩ tới Hồ Chí Minh hấp dẫn và cử chỉ thân mật, mà mọi người đồng chí và ngay cả một vài kẻ thù của Người vẫn nhớ mãi.

(Béc-na Đam, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.61-62).

90. Những con người như Hồ Chí Minh ngày càng trở nên vĩ đại, vì họ là những người đã cho chúng ta lý do để sống và khả năng để thực hiện những giấc mơ của mình. Người trở nên vĩ đại, vì Người đã dựa vào triết học duy vật biện chứng, thứ triết học “không chỉ phản ánh sự đúc kết quan trọng nhất trong lịch sử tư duy của loài người mà còn là sự khám phá có ý nghĩa nhất trong lịch sử tri thức và văn hoá; những quy luật chi phối cả thế giới cũng như thiên nhiên, con người và cuộc sống xã hội”.

(Mac-xê-la Lom-bac-đô, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.89- 90).

91. Người đã vận dụng sáng tạo những tư tưởng nhân đạo của cuộc đại cách mạng Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Người đã đem hết sức mình kết hợp những lý tưởng của nhân loại với cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam vì giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội.

(L.Ô-gun-giê-ran: Môi quan hệ biện chứng giữa tính giai cấp và tính nhân loại trong sự nghiệp sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, UNESCO và Uỷ ban khoa học xã hội Việt Nam, Nxb.KHXH, H.1990, tr.93).

92. Là một nhà giáo, hiền triết và giảng viên, cái đáng quý ở Người

là luôn chủ trương liêm chính, tiết kiệm, cần cù, trung thực, chí công và chống bạo ngược, tư lợi. Phi-líp Đơ-vi-lê, một tác giả có uy tín về lịch sử và văn hoá Việt Nam, viết: “Hiển nhiên là Người phản đối mọi bạo lực”. Ai biết Người đều thấy rõ tình thương yêu Người dành cho những người dân bình thường ở địa vị yếu đuối thấp hèn và tài làm trung gian hoà giải của Người...

(Sê-ra-phin D.Quy-son: Hồ Chí Minh: Một người châu Á cho mọi thời đại, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, UNESCO và Uỷ ban khoa học xã hội Việt Nam, Nxb.KHXH, H.1990, tr.110).

93. Ít người châu Á nào lại được nhân dân yêu mến như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người thực sự là thần tượng của nhân dân mình. Hiếm người châu á nào lại đóng một vai trò quan trọng như vậy trong việc tạo dựng một dân tộc mới như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong cả sự nghiệp của mình, Người luôn xuất phát từ tình thân hết lòng phục vụ nhân dân, vừa bằng những kiến thức uyên bác, kinh nghiệm và tài nghệ của mình, vừa bằng sự tận tâm và liêm khiết, để giành được sự kính trọng và biết ơn của nhân dân.

(Sê-ra-phin D.Quy-son: Hồ Chí Minh: Một người châu á cho mọi thời đại, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, UNESCO và Uỷ ban khoa học xã hội Việt Nam, Nxb.KHXH, H.1990, tr.110-111).

94. Người luôn luôn quan tâm tới lợi ích của nhân dân, nghĩ những điều dân nghĩ, lo những điều dân lo, hiến dâng cả đời mình cho nhân dân, không hề quan tâm tới bản thân. Người cư xử nhiệt tình, khiêm tốn, gần gũi, bình dị, giữ mối liên hệ thân mật không cách bức với quần chúng. Quyết tâm và dũng khí đấu tranh của Người xuất phát từ tấm lòng yêu mến nhân dân, sức mạnh và uy tín to lớn của Người cũng bắt nguồn từ sự giúp đỡ và ủng hộ của nhân dân.

(Cốc Nguyên Dương: Tinh thần Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, UNESCO và Uỷ ban khoa học xã hội Việt Nam, Nxb.KHXH, H.1990, tr.120).

95. Suốt đời, Người luôn luôn gìn giữ đạo đức cao đẹp “cần kiệm liêm chính” và “chí công vô tư”, dùng 8 chữ đó để giáo dục cán bộ và nhân dân.

(Cốc Nguyên Dương: Tinh thần Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, UNESCO và Uỷ ban khoa học xã hội Việt Nam, Nxb.KHXH, H.1990, tr.121).

96. Đương nhiên, Người không quan niệm mình là trên hết, nên phẩm chất lãnh đạo của Người được phát huy không chỉ do am hiểu lý luận xã hội chủ nghĩa mà còn do bản chất khiêm tốn, giản dị và cởi mở.

Nói rõ hơn, Người không bao giờ có tham vọng cá nhân, phù phiếm; Người không cố công để trở thành một nhân vật xuất chúng, theo ngôn ngữ của các xã hội tư bản.

(A-lan A-xbon: Hãy học ở Hồ Chí Minh những phẩm chất đã thể hiện trong suốt cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài của Người, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, UNESCO và Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Nxb.KHXH, H.1990, tr.122).

97. Người sống giản dị không giả dối, không xa hoa. Người hoạt động tự do giữa lòng nhân dân.

(A-lan A-xbon: Hãy học ở Hồ Chí Minh những phẩm chất đã thể hiện trong suốt cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài của Người, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, UNESCO và Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Nxb.KHXH, H.1990, tr.124).

98. Người luôn luôn gắn bó với nhân dân mình, rút ra bài học từ những nổi thống khổ của nhân dân, khâm phục lòng can đảm và ý chí quyết tâm của nhân dân.

(A-lan A-xbon: Hãy học ở Hồ Chí Minh những phẩm chất đã thể hiện trong suốt cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài của Người, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, UNESCO và Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Nxb.KHXH, H.1990, tr.124).

99. Hồ Chí Minh là người đại diện cao nhất, kiên trì nhất, sáng suốt nhất và chỉ có trong quá trình đó, Hồ Chí Minh mới thể hiện đầy đủ tầm cỡ của mình. Tất cả những ai may mắn gặp Hồ Chí Minh đều ngạc nhiên về sự giản dị của Người. Ngay cả những người không có được may mắn đó và chỉ biết Người qua những bài viết và những sự kiện trong cuộc đời của Người cũng có ấn tượng sâu sắc là ở Hồ Chí Minh, nhà cách mạng và con người không tách rời nhau.

(Pi-nô Ta-gơ-li-a-đúc-chi Pê-ru-gia: Hồ Chí Minh, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, UNESCO và Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Nxb.KHXH, H.1990, tr.126).

100. Hồ Chí Minh là người có đầy đủ 5 đức tính tiêu biểu của giai cấp cần lao như Lênin đã đặt ra.

(Si-phơ-nôm Vi-chi-vô-ra-san: Hồ Chí Minh, người có đủ năm đức tính của lãnh tụ mà Lênin đề ra, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, UNESCO và Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Nxb.KHXH, H.1990, tr.131).

101. Hồ Chí Minh không bao giờ là một nhà độc tài về chính trị mà là người có một ảnh hưởng mạnh mẽ trong sự lãnh đạo. Người là một người nông hậu, có khả năng lôi cuốn và thông cảm. Người thiết tha quan tâm tới đồng bào của mình. Người không thay đổi trong suốt cả cuộc đời mình, từ những ngày đầu của cách mạng cho đến khi giữ chức vụ cao nhất là chủ tịch nước. Người luôn coi mình là một người lính được nhân dân cử ra mặt trận. Ở Người, tình yêu đối với nhân dân là một tình cảm mãnh liệt.

(K.C.Ti-a-gi: Hồ Chí Minh, hiện thân của những phẩm chất tốt đẹp nhất của người cách mạng, Hội thảo quốc tế về chủ tịch Hồ Chí Minh, UNESCO và Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Nxb.KHXH, H.1990, tr.133).

102. Hồ Chí Minh là một trong những vị lãnh tụ cách mạng, mà khi Người còn sống, tên tuổi đã được hàng triệu người biết đến, và đã trở thành huyền thoại. Mọi người khâm phục Người, đã nói về Người và mỗi người đều nhận thấy nét đặc trưng nổi bật trong hình ảnh của Người. In-đi-ra Gan-đi (Ấn Độ) đã gọi Hồ Chí Minh “là một nhà lãnh đạo mềm dẻo mà vĩ đại và kiên định”. Rot-nây A-ri-xmen-đi (Urugoay) coi “Hồ Chí Minh là biểu tượng cho sự uyên bác cộng sản chủ nghĩa ở châu Á”. Xan-va-đo A-gien-đê (Chi-lê), vào năm 1971, đã trả lời như sau về câu hỏi của một nhà báo: “Ba phẩm chất của các nhà hoạt động chính trị mà ông muốn có là thế nào?” - Đó là: “Nhất quán, nhân đạo, khiêm tốn cao cả của Hồ Chí Minh”. Còn ở Liên Xô, người ta ngưỡng mộ gọi Hồ Chí Minh là “hiệp sĩ cách mạng”, và những từ này thể hiện sự khâm phục đối với ý chí sắt đá, lòng dũng cảm bất khuất của người chiến sĩ và đồng thời tính giản dị và nhân đạo của Người.

(Ép-ghê-nhi Cô-bê-lép: Hồ Chí Minh - Nhà yêu nước, nhà cách mạng và một con người, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, UNESCO và Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Nxb.KHXH, H.1990, tr.138).

103. Hồ Chí Minh đã có uy tín to lớn vô hạn trong quần chúng nhân dân Việt Nam. Nhưng cái đó chính là uy tín chứ không phải là sự sùng bái cá nhân đối với những méo mó xuyên tạc và tội ác tày trời của nó.

(Ép-ghê-nhi Cô-bê-lép: Hồ Chí Minh - Nhà yêu nước, nhà cách mạng và một con người, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, UNESCO và Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Nxb.KHXH, H.1990, tr.140).

104. Chỉ có Hồ Chí Minh đã luôn luôn nói về quyền bình đẳng của phụ nữ, về giáo dục, tự do ngôn luận, độc lập về kinh tế và quyền của phụ nữ được hưởng các quyền lợi khác như của nam giới. Chỉ Hồ Chí Minh là thấy được rằng phụ nữ đã phải chịu đựng những gánh nặng như nam giới và còn hơn thế nữa.

(Giô-xơ-phin Sten-sen: Vai trò của Hồ Chí Minh trong lịch sử tiến bộ của phụ nữ, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, UNESCO và Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Nxb.KHXH, H.1990, tr.142).

105. Dù đi đến đâu, chúng tôi cũng cảm thấy sự hiện diện của tinh thần Hồ Chí Minh, một cụ già dịu dàng, hiền từ, mỉm cười rộng lượng với mọi người. Bởi vì, với tư cách là người cha của dân tộc, Người biết rằng họ sẽ không bao giờ xa rời con đường giải phóng.

(Vi-ven-xi-ô Hô-xê: Những đứa con của chiến tranh, nhà thơ Hồ Chí Minh và sự giải phóng con người, Hội thảo quốc tế về chủ tịch Hồ Chí Minh, UNESCO và Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Nxb.KHXH, H.1990, tr.149).

106. Lòng nhân ái của Người biểu lộ đối với cả những kẻ do bọn cai trị của họ phái đi, nhiều khi trái ngược với ý muốn họ, để tiến hành một cuộc chiến tranh tàn bạo chống lại dân thường.

(Gôn-lan: Hồi ức về Hồ Chí Minh, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, UNESCO và Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Nxb.KHXH, H.1990, tr.156).

107. Điều cần đến là một cuộc nổi dậy về đạo đức, một sự phục hưng mới, chống lại quá trình bất ổn định phi nhân tính này - ít nhiều nổi bật khắp thế giới. Ở giữa cơn khủng hoảng này, nhân loại đã sản sinh ra những danh nhân lỗi lạc làm nên thời đại như Lenin, Hồ Chí Minh và Găng-đi là những người đã để lại những dấu ấn không thể sai lầm của mình để được tiếp tục theo đuổi trong các đảo lộn nhiều biến động.

(Xan-ti Mau-roi: Hồ Chí Minh vẫn sống với chúng ta, Hội thảo quốc tế về chủ tịch Hồ Chí Minh, UNESCO và Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Nxb.KHXH, H.1990, tr.158).

108. Tình thương nhân dân của Người, sự khiêm tốn và giản dị của lối sống của Người là sâu sắc và hồn nhiên.

(Xan-ti Mau-roi: Hồ Chí Minh vẫn sống với chúng ta, Hội thảo quốc tế về chủ tịch Hồ Chí Minh, UNESCO và Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Nxb.KHXH, H.1990, tr.160).

109. “Bác Hồ”, nhân dân thường gọi Người như thế. Bao giờ Người cũng coi nhân dân là gia đình của mình. Bản thân Người không có gia đình. Cho đến lúc về già, bao nhiêu sức lực, trí tuệ, tình cảm của Người đều dành cho cách mạng...

(Tuông nhớ đồng chí Hồ Chí Minh, báo Thời mới, số 37, ra ngày

17/9/1969, *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.15*).

110. Tất cả những người dân Xô-Việt đã gặp đồng chí Hồ Chí Minh đều nhớ mãi thái độ ân cần của Người. Người là người bạn chân chính và thân thiết của nhân dân Liên-Xô. Người hết sức quan tâm đến tất cả những gì đang diễn ra trong cuộc sống của đất nước Xô-Việt, và hễ có dịp là Người nói lên ý kiến chân thành và hữu nghị của mình.

(Tưởng nhớ đồng chí Hồ Chí Minh, báo Thời mới, số 37, ra ngày 17/9/1969, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.15).

111. Cuộc đời của Người là một tấm gương sáng chói của lòng yêu nước, của tinh thần anh dũng và chiến đấu kiên cường cho công lý xã hội.

(Nhà cách mạng vĩ đại, báo Diễn đàn nhân dân, cơ quan trung ương của Đảng Công nhân thống nhất Ba Lan, số ra ngày 5/9/1969, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.29).

112. Lòng yêu nước cao thượng, tính trung thực, lòng trung thành với lý tưởng của Người cũng như trí kiên cường và điều luyện về chính trị đã làm cho ngay cả quân thù cũng phải khâm phục.

(Hồ Chí Minh là một trong những anh hùng của thời đại, của thế hệ chúng ta, báo Chiến sĩ tự do của Quân đội Ba-lan, số ra ngày 10/9/1969, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.32).

113. Người còn để lại cả di sản về lý tưởng mà Người đã truyền cho tất cả chúng ta, tất cả những người trung thực trên hành tinh này, nêu một tấm gương về lòng trung thành phục vụ dân tộc và qua đó phục vụ cả loài người, nêu một tấm gương về ý chí chiến đấu kiên cường bất khuất, ý chí đó đã biến thành sức mạnh bất diệt.

(Hồ Chí Minh là một trong những anh hùng của thời đại, của thế hệ chúng ta, báo Chiến sĩ tự do của Quân đội Ba Lan, số ra ngày 10/9/1969, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.35).

114. Chủ tịch Hồ Chí Minh, người có lòng nhân đạo và nhận thức cao rộng, dễ gần và dễ hiểu, đã hiến dâng trọn đời mình cho sự nghiệp. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vì hàng triệu triệu con người mà chính Người đã dìu dắt họ vượt qua cảnh tối tăm do ba tên đế quốc gây ra.

(V.Đơ-tê-rê-ca-rôp: Vừa là chủ tịch vừa là chiến sĩ, báo Mặt trận Tổ quốc Bun-ga-ri, số ra ngày 4/9/1969, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.38).

115. Khi nói về Người thì cái khái niệm thông thường về cái chết không còn đúng nữa, vì giờ đây đồng chí Hồ Chí Minh như một đoá hoa lớn, đỏ thắm và bất diệt, luôn luôn tươi mát, gieo khắp đất nước Việt Nam biết bao hạt giống tốt về tư tưởng và biết bao gương sáng.

(Xin gửi tới Chủ tịch Hồ Chí Minh lời nguyện: Mãi mãi giành thắng lợi, báo Gờ-ran-ma, cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Cu-ba, số ra ngày 14/9/1969).

116. Năm 1924, Hồ Chủ tịch viết về Lênin những điều mà ngày nay cả thế giới nghĩ về Người cũng như thế: “Không phải chỉ do thiên tài của Lênin, mà chính do cả lòng coi khinh sự xa hoa, tinh thần yêu lao động của Người, sự trong sạch về đời sống riêng của Người, nếp giản dị của Người, tóm lại là đạo đức vĩ đại và cao cả của bậc thầy đã có một ảnh hưởng rất mạnh đối với các dân tộc châu Á, và Người đã chiếm được trái tim của họ, thật không gì ngăn nổi... Không những họ biết ơn Lê-nin, họ có một lòng tôn kính gần như lòng hiếu thảo vậy. Phải nhìn thấy những cặp mắt sưng mọng lên vì khóc của các sinh viên trường Đại học Phương Đông, phải nhìn thấy cảnh những chàng trai ấy khóc nức nở lên khi nghe tin Lê-nin mất, thì mới hiểu hết tình yêu của họ đối với Lê-nin”.

(Xin gửi tới Chủ tịch Hồ Chí Minh lời nguyện: Mãi mãi giành thắng lợi, báo Gờ-ran-ma, cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Cu-ba, số ra ngày 14/9/1969).

117. Con người đã là kết tinh của mọi đức tính cách mạng, đối với con người có những tư tưởng tuyệt vời, có những hành động phi thường, nhìn xa thấy rộng, học vấn uyên thâm, con người đã nêu gương sáng ngời về liêm chính và ý thức danh dự cao cả, tuyệt đối chân thành, con người đã nêu cao tinh thần hi sinh và lao động quên mình, đức tính khiêm tốn được thể hiện qua mọi thử thách.

(Xin gửi tới Chủ tịch Hồ Chí Minh lời nguyện: Mãi mãi giành thắng lợi, báo Gờ-ran-ma, cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Cu-ba, số ra ngày 14/9/1969, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.43).

118. Thật là rất tự nhiên khi mỗi con người đều cảm thấy đau đớn khi biết tin một người có phẩm chất như vậy, thông minh như vậy, có một ý chí như vậy, qua đời, mặc dù chúng ta biết chắc rằng tấm gương của Người, cuộc đời của Người mãi mãi sẽ là nguồn cổ vũ vô tận và sẽ luôn dẫn dắt nhân dân Việt Nam đi đến thắng lợi hoàn toàn, thắng lợi vĩnh viễn đang tới gần.

(Xin gửi tới Chủ tịch Hồ Chí Minh lời nguyện: Mãi mãi giành thắng lợi, báo Gơ-ran-ma, cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Cu-ba, số ra ngày 14/9/1969).

119. Bởi vì cũng như Phi-đen, như Chê, như Ca-mi-lô, Người và nhân dân của Người rất thân yêu đối với chúng ta, mặc dầu chúng ta chưa bao giờ có vinh dự được Người đến thăm, điều mà chúng ta hằng mong ước.

(Éc-tô-đê ác-tu-rô: Bác Hồ sống mãi, tạp chí Véc-đê Ô-li-vô, cơ quan của các lực lượng vũ trang Cu-ba, số ra ngày 14/9/1969, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.48).

120. Nhân vật đó suốt đời không hề bị những phái đối lập trong nước chỉ trích, mà ngay đến kẻ thù cũng phải tôn trọng... Hồ Chí Minh, người đại diện tuyệt vời và anh hùng cho những gì tốt đẹp nhất được thể hiện trong phong trào cộng sản thế giới suốt 50 năm qua kể từ Cách mạng tháng Mười đến nay. Người là tượng trưng cho tinh thần của cuộc kháng chiến do những người cộng sản đã tiến hành để chống lại chủ nghĩa thực dân cũng như chủ nghĩa phát-xít và quốc xã.

(I-li-a Sét-lích, báo Quyền lợi đỏ, cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Tiệp Khắc, số ra ngày 9/9/1969).

121. Chính tấm gương của con “người mới” này - một con người xa lạ với mọi thứ chủ nghĩa cá nhân - con người không thể thiếu được, hiện thân của mọi cái gì là xã hội xã hội chủ nghĩa, đó là con người của tương lai.

(Người sẽ còn sống mãi, báo Chiến sĩ, cơ quan trung ương của Mặt trận giải phóng dân tộc An-giê-ri, số ra ngày 5/9/1969,).

122. Những kẻ thù xấu xa nhất cũng bắt buộc phải tôn trọng Người. Những nhà văn, nhà báo dù có ác ý nhất cũng không thể tìm thấy một chút thiếu sót nhỏ nhặt nào trong cuộc đời gần 80 năm của Người. Đây cũng là một trong những bài học mà chúng ta có thể rút ra từ cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh: người ta không thể là nhà cách mạng trong những việc lớn mà lại thiếu sót trong những việc nhỏ.

(Người sẽ còn sống mãi, báo Chiến sĩ, cơ quan trung ương của Mặt trận giải phóng dân tộc An-giê-ri, số ra ngày 5/9/1969).

123. Cụ thuộc vào lớp người mà cuộc sống cá nhân của riêng họ không có nghĩa lý gì so với cuộc sống của những người khác.

(Cụ Hồ Chí Minh hay là con đường đi vào vĩnh cửu, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.85).

124. Trong suốt cả cuộc đời mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm

gương về lòng trung thực, tinh thần hy sinh, quên mình. Người không chỉ là lãnh tụ của nhân dân Việt Nam mà còn là người đã dùng cảm đem hết sức mình để cống hiến cho nhân dân Việt Nam giành lại nhân phẩm, giành lại nền độc lập cho Tổ quốc mình.

(Bay-a Lát-xen, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.87).

125. Điều mà Người đã truyền bá, đó cũng là hình ảnh một con người mới, vì mọi người mà phục vụ; điều mà Người khắc sâu trong cả một dân tộc, đó là nền đạo đức trong sáng, một nền đạo đức cao quý mà không có nó thì mọi cuộc cách mạng đều sẽ không thành.

(Một nhà cách mạng triệt để, báo An-nát, xuất bản ở miền Đông An-giê-ri, số ra ngày 5/9/1969).

126. Cụ đã nổi bật lên một cách rất sắc nét và chói lọi trong một bối cảnh lịch sử đen tối và đầy máu lửa của đất nước anh dũng của Cụ.

(Jai Hồ, tuần báo Ấn Độ ánh điện, số ra ngày 13/9/1969, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.99).

127. Trải qua cuộc đời dài đầy gian truân và thử thách, đau khổ và hy sinh, Cụ đã trở thành hiện thân của sự bất khuất trước uy vũ, bình thản và tự tin, một hiện thân của nghị lực. Hơn nữa, bằng những lời giáo huấn và bằng tấm gương sáng của Cụ, bằng một sức mạnh tinh thần đặc biệt do bẩm sinh mà có, Cụ đã giáo dục cho cả một dân tộc thấm nhuần được những đức tính đó.

(Jai Hồ, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.100).

128. Người không phải chỉ là một người yêu hoà bình mà còn là một nhân vật đặc biệt đáng yêu và hữu nghị, một con người không nghĩ gì đến mình, giản dị và khiêm tốn. Là Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Người không tự giam mình trong tháp ngà. Về cơ bản, Người là một con người của quần chúng - một lãnh tụ có sự kết hợp hiếm có giữa lòng khoan dung tốt độ và ý chí kiên quyết nhất; xét theo bất cứ tiêu chuẩn nào, Người cũng là nhân vật nổi bật nhất trong thời đại chúng ta.

(N.K.Sinh: "Bác Hồ": Một pho lịch sử đấu tranh, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.103).

129. Lối sống ung dung, giản dị và sôi nổi của Người, chứng tỏ Người đã trung thành cho đến giờ phút cuối cùng của đời mình, với những lý tưởng đã từng thúc Người trong thời niên thiếu. Đó là một cuộc đấu

tranh không khoan nhượng chống chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc để giành tự do, hoà bình và phẩm giá con người.

(V.Thạ-pa Ma-đơ-rat: Hồ Chí Minh, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.107).

130. Nhiều lãnh tụ khi đã nắm được chính quyền thì thoái hoá về chính trị và trở thành độc tài - nhưng Cụ Hồ Chí Minh thì không bao giờ như thế.

(V.Thạ-pa Ma-đơ-rat: Hồ Chí Minh, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.107).

131. Thiên thần thoại của Cụ là ở một cuộc sống giản dị và khiêm tốn.

(Áp-đen Ma-lếch Kha-lin: Cụ Hồ Chí Minh nhà nghiên cứu văn học, nhà văn, nhà thơ, báo Tin tức, ngày 10/9/1969, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.126).

132. Cùng với toàn thể loài người tiến bộ, lịch sử sẽ mãi mãi tưởng nhớ đến Bác Hồ là một người hiền hậu và đáng yêu nhất.

(Tưởng nhớ Bác Hồ, báo Người quan sát, ngày 7/9/1969, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.129).

133. Bản thân sự khiêm tốn của Hồ Chủ tịch, sự cao đẹp về mặt tư tưởng và sự rèn luyện vững chắc trong hành động của Người đã làm cho Người trở thành một nhân vật lịch sử đặc biệt.

(An-tô-ni-ô Vác-gát: Chủ tịch Hồ Chí Minh là ngọn đèn pha mãi mãi chiếu sáng, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.133).

134. Người luôn luôn đứng về phía độc lập, công lý và phồn vinh của loài người và đấu tranh để thực hiện những mục tiêu đó. Người là hình ảnh của những đức tính khiêm tốn, giản dị và cần cù.

(Tổng thư ký Hội đồng hoà bình Miến-điện: Chủ tịch Hồ Chí Minh một lãnh tụ hiếm có trong thời đại chúng ta, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.133).

135. Người trung thực với chính bản thân mình và cả thế giới. Người đã mang lại ánh sáng cho nhân dân Người.

(A-min: Chính Người, Bác Hồ, đã giúp chúng tôi mở đường đi đến ánh sáng, báo 14 tháng 10, ngày 7/9/1969,).

136. Có những nhân vật lãnh đạo đã thể hiện trước được những đức tính đẹp đẽ nhất của con người trong tương lai sắp tới và Đồng chí Hồ Chí

Minh là một trong những nhân vật ấy.

(Hồ Chí Minh, người là tiêu biểu cho khả năng của các dân tộc đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, báo Dân chúng, cơ quan trung ương của Đảng cộng sản U-ru-goay, ngày 4/9/1969).

137. Người là một trong những vĩ nhân của thời đại chúng ta, một người làm ra lịch sử hiện đại, một trong những nhân vật cao quý nhất, đáng yêu nhất trong thời đại chúng ta.

(Thương tiếc đồng chí Hồ Chí Minh, báo Tiến lên, cơ quan trung ương của Đảng cộng sản Xây-lan, ngày 9/9/1969).

138. Cuộc đời hoạt động của Người đã cổ vũ những người nam, nữ bình thường, những người công nhân, nông dân, thanh niên và sinh viên khắc phục những khó khăn dường như không vượt qua nổi, tiến tới thắng lợi.

(Thương tiếc đồng chí Hồ Chí Minh, báo Tiến lên, cơ quan trung ương của Đảng cộng sản Xây-lan, ngày 9/9/1969).

139. Đồng chí Hồ Chí Minh là hiện thân của tất cả những gì tốt đẹp nhất trong phong trào vĩ đại của chúng ta: một nhà cách mạng, một người yêu nước, một người nhân đạo, một nhà hoạt động quốc tế toàn tâm toàn ý.

(Thương tiếc đồng chí Hồ Chí Minh, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.153).

140. Cụ Hồ Chí Minh biết đến cách giải quyết những khó khăn và những biến động của chính trị và lịch sử. Người đã đem tài năng hiếm có và phẩm chất vô cùng cao quý của Người để hiến dâng cho lý tưởng mà Người đã xác định.

(Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần là “sự bất công ghê gớm của số mệnh”, báo Tin tức Xu-đăng, số 89, ngày 5/9/1969).

141. Một con người tự rèn luyện một cách xuất sắc, biết lắng nghe mọi ý kiến và có thể có những quyết định chính xác trong mọi tình hình sôi sục nhất.

(Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần là “sự bất công ghê gớm của số mệnh”, báo Tin tức Xu-đăng, số 89, ngày 5/9/1969).

142. Đây quả là một con người vĩ đại nhưng không bao giờ Người tỏ ra mình là một con người vĩ đại.

(Giôn Gô-lan: Bác Hồ người xây đắp nền tự do của nhân dân Việt Nam, báo Sao Mai, cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Anh, ngày 5/9/1969).

143. Người nom có vẻ mảnh khảnh, nhưng lại mãnh liệt đến mức khó tưởng tượng nổi, trong sự tận tụy hoàn toàn vì nhân dân và đất nước của Người cũng như với lòng tự hào về hoàn cảnh, nền văn hoá và lịch sử của dân tộc mình.

(Giôn Gô-lan: Bác Hồ người xây đắp nền tự do của nhân dân Việt Nam, báo Sao Mai).

144. Cụ Hồ xem khinh mọi vinh hoa của quyền cao chức trọng và Cụ sống không phải trong Phủ Chủ tịch mà là trong một căn nhà nhỏ bằng gỗ. Cụ mặc một bộ áo quần ka-ki bạc mầu, đi dép cao-su bằng lớp ô-tô cũ. Đây không phải là một hình ảnh nhằm phục vụ mục đích tuyên truyền hay chính trị. Cụ không phải là con người như vậy.

(Pét-ghi Đáp-phơ: Hồ Chí Minh, một người vừa là G.Oa-sinh-ton vừa là A.Linh-con của đất nước mình, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.167).

145. Nhiều kẻ thù của Người tỏ lòng khâm phục và kính trọng đối với Người. Nhiều người tự do ở phương Tây ca ngợi những cống hiến của Người cho sự tiến bộ của nhân loại. Là một trong những người hiếm có, được lịch sử giao phó, Người tiêu biểu cho một nền đạo đức mới, đạo đức mác-xít mang đầy nhân tính sâu sắc và đầy tinh thần xả thân quên mình.

(Cụ là một người cộng sản, báo Diễn đàn Ca-na-đa, ngày 10/9/1969, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.173,174)

146. Bởi vậy, bọn đế quốc không bao giờ có thể vu khống và công kích nổi Cụ, cũng như giai cấp công nhân, kể cả giai cấp công nhân Mỹ, dù có đánh giá cao đến đâu cũng không thấy hết được vai trò của Cụ.

(Cụ Hồ Chí Minh, báo Thế giới hàng ngày, tập II, số 38, ngày 5/9/1969, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.179).

147. Người khiêm tốn và kín đáo khi nói chuyện về cuộc đời mình. Người vui sướng nói rằng, cuộc đời ấy không phải lúc nào cũng lặng lẽ. Bất kỳ ai đã từng được biết thời kỳ Người sống gian khổ, cống hiến hoàn toàn cho cuộc đấu tranh cách mạng để giải phóng đất nước đều phải ngạc nhiên về sự cường tráng, năng lực và nhiệt tình của Người.

(Rơ-nê Đì-pét: Bác Hồ sống mãi, báo Phong trào, tháng 10/1969, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.187).

148. Những ai muốn biết thế nào là một con người chân chính, đâu là vẻ đẹp của thế giới, đâu là sự thắng lợi của lý tưởng trên trái đất này, đâu là mùa xuân, thì phải tìm hiểu cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tìm hiểu cuộc sống mẫu mực của người anh hùng này của thời đại chúng ta.

(Rơ-nê Đì-pét: Bác Hồ sống mãi, báo Phong trào, tháng 10/1969, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.189).

149. Bác Hồ bước đi, sức đã kiệt giữa bọn người thù địch, nhưng trong tim Người, ngọn lửa cách mạng vẫn cháy bùng bùng.

(Rơ-nê Đì-pét: Bác Hồ sống mãi, báo Phong trào, tháng 10/1969, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.196).

150. Cuộc hành trình của Người là cuộc hành trình của tự do qua con đường gian khổ của thời đại.

(Rơ-nê Đì-pét: Bác Hồ sống mãi, báo Phong trào, tháng 10/1969, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.197).

151. Chúng ta học tập tinh thần đấu tranh bất khuất kiên cường, dũng khí và lòng khiêm tốn của Đồng chí, quyết tâm phấn đấu cho thắng lợi của cuộc cách mạng giành độc lập và dân chủ thật sự của nhân dân.

(Mi-y-a-mô-tô Kên-gi: Đồng chí Hồ Chí Minh không những là lãnh tụ lỗi lạc của nhân dân Việt Nam mà còn là một chiến sĩ lỗi lạc, một nhà hoạt động tài năng của phong trào cộng sản quốc tế, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.214).

152. Hồ Chí Minh là một vị lãnh tụ thực sự liên hệ sâu sắc với quần chúng. mà nói như vậy cũng không đủ, phải nói là một vị lãnh tụ kiệt xuất đã hoà sâu trong nhân dân Việt Nam, thực sự trở thành một thể thống nhất với nhân dân Việt Nam.

(Ha-ra-ma-đa Xa-tô-mi: Một lãnh tụ không chuộng nghi thức. Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.217).

153. Người chỉ khác người ở đôi mắt sáng ngời, đôi mắt đặc biệt, chứa đựng những ý nghĩa sâu xa. Tôi mãi mãi không thể nào quên được đôi mắt đó...

(Ha-ra-ma-đa Xa-tô-mi: Một lãnh tụ không chuộng nghi thức, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.218).

154. Người ta có thể nói chưa có nhà lãnh đạo chính trị nào qua đời lại làm cho đông đảo nhân dân trên toàn thế giới đau buồn sâu sắc như cái chết của Cụ Hồ Chí Minh.

(Sin-gô Si-ba-ta: Hồ Chí Minh, nhà tư tưởng, tạp chí Rơ-ki-xi Hy-ô-rông, số 232, tháng 9/1969, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.219).

155. Tinh thần cách mạng dũng cảm của Người trong cuộc đấu tranh cho tự do và độc lập; sự cống hiến trọn vẹn của Người cho nhân dân; tính trong sạch, khiêm tốn, quảng đại và thanh khiết của Người - những từ này dễ miêu tả nhân phẩm của Lênin cũng là những từ miêu tả thực sự nhân phẩm của Cụ Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh là Lê-nin ở Việt Nam.

(Sin-gô Si-ba-ta: Hồ Chí Minh, nhà tư tưởng, tạp chí Rơ-ki-xi Hy-ô-rông, số 232, tháng 9/1969, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.220).

156. Có lẽ chưa từng có một người nào kỳ diệu như Chủ tịch Hồ Chí Minh, kỳ diệu không những về mặt con người mà còn với tư cách là lãnh tụ của một dân tộc, của một quốc gia. Chữ “kỳ diệu” dùng ở đây là để nói về một con người có một thể xác và một tâm hồn giản dị như thế, xuất thân từ nơi đồng ruộng.

(Cụ Hồ Chí Minh từ trần, báo A-sa-hi buổi chiều, ngày 5/9/1969, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.232).

157. Hầu hết các lãnh tụ đều phải xuống hoà mình với quần chúng, nhưng Cụ Hồ Chí Minh đã sinh ra từ quần chúng, đã sống và chiến đấu cùng với quần chúng. Cụ không thích khoa trương, không thích kiêu cách. Nếu chúng ta cố tìm một lãnh tụ châu Á giống như thế, thì người đó rất có thể là Ma-hát-ma Găng-đi quá cố của Ấn Độ.

(Cụ Hồ Chí Minh từ trần, báo A-sa-hi buổi chiều, ngày 5/9/1969, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.233).

158. Chúng ta dành sự ngưỡng mộ lớn nhất đối với những phẩm chất vĩ đại của một dân tộc đã sản sinh và nuôi dưỡng cụ Hồ Chí Minh

(Cụ Hồ Chí Minh từ trần, báo A-sa-hi buổi chiều, ngày 5/9/1969, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.234).

159. Người là một con người thẳng thắn, khiêm tốn, giản dị. Hình

anh anh hùng không nghĩ tới mình trước sau như một của Người từ cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Minh trước đây đến cuộc kháng chiến chống Mỹ của Việt cộng (Mặt trận dân tộc giải phóng) ngày nay đã cổ vũ và trở thành tấm gương cho hàng chục vạn thanh niên Việt Nam thà chết không chịu làm nô lệ.

(U.Bớc-sét: Hồ Chủ tịch, vị anh hùng không nghĩ tới mình, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.235-236).

160. Chúng ta tưởng nhớ tới đến Chủ tịch Hồ Chí Minh không những vì Người đã có những cống hiến vĩ đại như trên đã nói, mà còn vì đạo đức tuyệt vời của Người, và vì ánh sáng mà Người đã toả ra khắp nơi. Vị nguyên thủ ấy, nhà lãnh đạo được mọi người tôn kính ấy, người đã làm cho bọn đế quốc phải kinh hồn khiếp vía ấy, chính là một người có đức tính dịu dàng, khiêm tốn, chỉ nghĩ đến người khác. Những đức tính tốt đẹp đó của Người đã biến thành một sức mạnh mà ngày nay, - ngay cả trong giờ phút chúng ta tỏ lòng thương tiếc Người, - đang được triển khai trên thế giới...

(Gioóc-giơ Mác-se: Một con người suốt đời vì hạnh phúc của nhân dân, vì chủ nghĩa xã hội, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.241-242).

161. Đối với mỗi người Việt Nam, Đồng chí là “Bác Hồ” yêu quý nhất và kính trọng nhất. Đồng chí cũng là “Bác Hồ” yêu quý nhất và kính trọng nhất của chúng tôi, của những người anh em của Đồng chí, của các cháu của Đồng chí trong Đảng Cộng sản Pháp.

(Phơ-răng-xoa Bi-u: Từ người cùng khổ đến vị chủ tịch nước. Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.247).

162. Đặc điểm nổi bật của đồng chí Hồ Chí Minh là đức tính nhân hậu toát ra từ con người của Đồng chí, và thái độ ân cần, niềm nở của Đồng chí đối với bất kỳ ai, trai, gái, trẻ, già, do đó đồng chí đã gây được thiện cảm đối với họ ngay từ những lúc ban đầu gặp gỡ.

(Lê-ô Phi-ghe: Đồng chí Hồ Chí Minh như tôi được biết. Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.247).

163. Thành công lớn của đồng chí là ở chỗ đã dùng uy tín của mình được xây dựng trên cơ sở đạo đức và tác phong gương mẫu đó để phục vụ cho vấn đề đoàn kết giữa các dân tộc. Vì rằng nhà yêu nước hết sức nồng nàn ấy đồng thời cũng là một chiến sĩ cách mạng quốc tế.

(Lê-ô Phi-ghe: Đồng chí Hồ Chí Minh như tôi được biết, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.250).

164. Đồng chí Hồ Chí Minh không muốn ai sùng bái mình, nhưng hiếm có một vị lãnh tụ lại được người ta tôn kính như Người. Đó là lòng yêu mến tuyệt đối của cả một dân tộc đối với một người, khi mà cả dân tộc đó đều thấy có mình trong con người đó và con người đó đã hy sinh tất cả cho dân tộc.

(Lê-ô Phi-ghe: Đồng chí Hồ Chí Minh như tôi được biết, báo Nhân đạo, cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Pháp, ngày 14/9/1969, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.252).

165. Sự có mặt phi thường của Người như choán hết cả gian phòng, có thể nói làm xoá nhoà sự có mặt của những người khác; nhưng sự săn sóc, thái độ ân cần hết sức lịch thiệp và hoà nhã của Người đối với khách làm cho người ta trong những phút đầu thấy đôi chút lúng túng nhưng sau đó lại tạo ra một bầu không khí thân mật, thoải mái ngay.

(Sác-lơ Phuốc-ni-ô: Một giờ với đồng chí Hồ Chí Minh, báo Nhân đạo, cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Pháp, ngày 4/9/1969).

166. Trên khắp thế giới, tấm gương của Người sẽ tiếp tục được noi theo bởi tất cả những ai đấu tranh cho tự do, hạnh phúc và chủ nghĩa xã hội.

(Sác-lơ Phuốc-ni-ô: Hồ Chí Minh người đã đem lại ánh sáng, báo Nhân đạo, cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Pháp, ngày 21/9/1969).

167. Nhà cách mạng khiêm tốn và lấy lòng uy tín, nhà yêu nước được mọi người tôn kính, tượng trưng cho sự đoàn kết và cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, tự do và thống nhất đất nước của dân tộc Việt Nam.

(Ma-đơ-len Ríp-phô: Bác Hồ ra đi giữa mùa thu, báo Nhân đạo, cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Pháp, ngày 21/9/1969).

168. Tất cả những ai được biết Người đều kính mến Người. Người đã làm cho những kẻ thù giai cấp tệ hại nhất cũng phải kính trọng Người. Toàn bộ con người của Bác Hồ đã thể hiện qua lời Di chúc đó - bài học cuối cùng về đạo đức cách mạng - mà tất cả mọi người đều cần phải học tập.

(Ma-đơ-len Ríp-phô: Bác Hồ ra đi giữa mùa thu, báo Nhân đạo, cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Pháp, ngày 21/9/1969).

169. Ở Cụ, đã kết hợp tới mức độ phi thường chủ nghĩa anh hùng với đầu óc sáng suốt, lòng yêu nước tuyệt vời với tinh thần cách mạng trong sáng, thái độ cứng rắn trước cuộc sống với lòng nhân đạo đối với con người. Sự hoà hợp giữa những đức tính đôi khi hình như trái ngược nhau đó, giải thích nguyên nhân tại sao cùng một lúc Cụ là nhà thơ, người đảng viên, nhà

lãnh đạo quốc gia, nhà ngoại giao lại vừa là một chiến sĩ. Ngay trong lúc còn sống, Cụ đã nổi tiếng là “người soi đường chỉ lối”, là “Bác Hồ” đôn hậu.

(Giăng Ru: Tưởng nhớ Bác Hồ, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.277).

170. Cụ rất khéo léo đối với tất cả mọi người, nhưng khi gặp trường hợp cần thiết. Cụ vẫn giữ vững tính độc lập suy nghĩ của mình. Với tính độc lập này, trong những giờ phút quyết định, Cụ đã nêu gương về sự kết hợp chặt chẽ giữa sự thận trọng với tính kiên quyết vốn là tác phong của Cụ...

(Giăng Ru: Tưởng nhớ Bác Hồ, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.277).

171. Hạt giống Người gieo đã nảy mầm, và cây cối đã ra hoa ra trái.

(Gioóc-giơ Mông-ta-rông: Một người cùng khổ chống lại bọn khổng lồ, tuần báo Bằng chứng Thiên chúa giáo, ngày 11/9/1969).

172. Hồ Chí Minh cho ta thấy khi trong tâm hồn và trái tim đã chứa đựng một ý chí kiên quyết, một tư tưởng mãnh liệt, một mục tiêu làm nức lòng người, thì không có thử thách nào mà người ta không dám vượt qua, không có hi sinh nào mà người ta không dám chịu đựng.

(Phơ-răng-xoa Phông-vi-ây An-ki-ê: “Bác Hồ” cũng như Mô-i-dơ, tuần báo Bằng chứng Thiên chúa giáo, ngày 11/9/1969).

173. Nếp sống thanh đạm đến mức khắc khổ này kết hợp với phong cách các nhà hiền triết phương Đông, đã tạo nên một thiên thần thoải chung quanh Bác Hồ và khiến Cụ trở thành như một nhà tiên tri của châu Á, báo hiệu công cuộc giải phóng của các dân tộc bị áp bức. Vinh quang đến tột đỉnh, nhưng con người Cụ vẫn như trước kia, nghĩa là vẫn ghét xa hoa hào nhoáng, vẫn giản dị về ăn mặc cũng như trong tác phong sinh hoạt.

(Phơ-răng-xoa Phông-vi-ây An-ki-ê: “Bác Hồ” cũng như Mô-i-dơ, tuần báo Bằng chứng Thiên chúa giáo, ngày 11/9/1969).

174. Cuộc đời của Người, hoàn toàn hiến dâng cho sự nghiệp của nhân dân và cách mạng, từ ý chí kiên cường bất khuất của Người trước kẻ thù đế quốc, trong mọi tình huống, từ đức độ khiêm tốn của Người, từ tài năng của Người áp dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo, từ lòng trung thành của Người đối với chủ nghĩa quốc tế vô sản, chúng ta học được những bài học vĩnh cửu cổ vũ chúng ta hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn nữa.

(Đô-lô-rét I-ba-ru-ni: Tưởng nhớ đồng chí Hồ Chí Minh, báo Thế giới công nhân, cơ quan trung ương của Đảng cộng sản Tây Ban Nha, ngày 5/9/1969).

175. Cuộc sống và đời hoạt động của người cộng sản gương mẫu này đã truyền cho và hiện vẫn còn truyền cho không phải chỉ riêng đồng bào của Người sức mạnh và nghị lực trong cuộc chiến đấu đáng làm điển hình.

(Hai-nơ-xơ Gơ-ruyn-béc: Hồ Chí Minh: Lời kêu gọi chiến đấu, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.289).

176. Với ảnh hưởng của Cụ trên thế giới, thì Người xứng đáng được đặt vào đền thờ những bậc vĩ nhân.

(Một vị anh hùng đã khuất, báo Miền Nam nước Đức, ngày 5/9/1969, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự Thật, H.1971, tr.293).

177. Người ta không hề thấy có mấy may mắn vết của một sự niềm nở gương ép trong con người Cụ, một người sống cuộc đời nghiêm túc nhất, mẫu mực nhất.

(Man-côm Xan-mơn: Lần cuối cùng tôi được gặp cụ Hồ, báo Luận đàn, ngày 10/9/1969).

178. Sở dĩ những câu chuyện thần kỳ về Người làm cho người ta ngạc nhiên không phải là do tính chất lãng mạn hoặc anh hùng ca mà là do tính chất hiện thực của nó trên “thế gian” này. Lịch sử của nhà cách mạng lỗi lạc đó sở dĩ hấp dẫn được mọi người là do Người đã tạo nên cuộc đời anh hùng của mình một cách khách quan chứ không phải là do tính chất cao siêu của thứ chủ nghĩa anh hùng cá nhân.

(Bài học về đồng chí Hồ Chí Minh, báo Đoàn kết, cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Ý, ngày 5/9/1969).

179. Cụ dẫn dắt cả một dân tộc đi theo con đường của mình bởi vì kiến thức của Cụ sâu rộng, triết lý của Cụ trong sáng và tấm gương của Cụ đầy phẩm cách thực sự.

(Nguyễn Chương: Chủ tịch Hồ Chí Minh qua ý kiến của một số chính khách phương Tây, tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 2/1990, tr.66).

180. Nghị lực lớn lao, ý chí sắt đá, lòng dũng cảm và kiên cường, đức tính giản dị và nhân đạo của Đồng chí Hồ Chí Minh làm cho nhân dân Việt Nam, nhân dân Liên Xô, những người cộng sản và tiên bộ trên thế giới hết sức yêu mến và kính trọng Đồng chí.

(Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô, Đoàn Chủ tịch Xô Viết tối cao, Hội đồng bộ trưởng Liên Xô, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.10).

181. Thiếu thốn, khủng bố, cầm tù lâu năm và án tử hình không hề

lay chuyên ý chí đấu tranh cách mạng của Đồng chí Hồ Chí Minh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc của mình. Trong cuộc đấu tranh anh hùng đó, Đồng chí Hồ Chí Minh đã trở thành hiện thân của tinh thần bất khuất và ý chí chiến thắng của nhân dân Việt Nam, được thế giới khâm phục.

(Van-te Un-bơ-ri-ích, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Xã hội thống nhất Đức, Chủ tịch Hội đồng nhà nước nước Cộng hoà dân chủ Đức, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.30-31).

182. Tất cả những người tiên bộ, tất cả những người có lòng nhân đức sẽ mãi mãi noi theo tấm gương của Người, tấm gương của chủ nghĩa yêu nước ngoan cường, kết hợp với lòng trung thành trước sau như một với chủ nghĩa quốc tế vô sản, tấm gương của một người lãnh đạo cộng sản đã giáo dục nhân dân mình tìm ra con đường độc đáo của mình để tiến tới chủ nghĩa xã hội, tấm gương của con người sáng ngời sự thông minh và khiêm tốn và đối với mỗi người Việt Nam và đối với hàng triệu người khác là “Bác Hồ” rất yêu quý và kính trọng.

(Tuyên bố của Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Pháp, ngày 4/9/1969, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.63-64).

183. Cuộc đời của Hồ Chí Minh vô cùng giản dị và khiêm tốn; đã hoà làm một với thực tế và cuộc sống của các dân tộc đang chiến đấu chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới.

(Kiến nghị của Quốc hội Ghi-nê gửi nhân dân Việt Nam, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.11).

184. Toàn bộ cuộc đời của nhà hoạt động chính trị vĩ đại này là một tấm gương về lòng trung thành, về sự gắn bó toàn tâm toàn ý với sự nghiệp của nhân dân Việt Nam và sự thống nhất đất nước Việt Nam.

(Kiến nghị của Quốc hội Ghi-nê gửi nhân dân Việt Nam, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.11).

185. Một chiến sĩ đấu tranh bền bỉ cho chủ nghĩa xã hội và nền dân chủ, một nhà yêu nước vĩ đại và một nhà chính trị lỗi lạc, một người kiên trì đoàn kết các lực lượng dân chủ và hoà bình, vị lãnh tụ anh hùng và thần kỳ của cuộc đấu tranh vì độc lập và tự do của Việt Nam.

(Nhóm thượng nghị sĩ và hạ nghị sĩ trong Quốc hội Ý: Điện chia buồn khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, ngày 5/9/1969, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.14).

186. Tám gương cách mạng ngoan cường, sự vĩ đại của Người trên phạm vi thế giới kết hợp với đức tính khiêm tốn đáng khâm phục, không thể phai mờ trong tâm trí mọi người nam cũng như nữ trên thế giới, nhất là trong giờ phút quyết định này đối với nhân dân Việt Nam và các dân tộc bị thống trị.

(A-gô-xti-nhô Ne-tô, Chủ tịch Ban lãnh đạo phong trào nhân dân giải phóng Ăng-gô-la: Điện chia buồn khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, ngày 5/9/1969, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.9).

187. Trí thông minh, sự sáng suốt, sự nhìn xa trông rộng và tinh thần dũng cảm của đồng chí Hồ Chí Minh trong việc lãnh đạo cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam, là những điều cả thế giới đều biết.

(Phốt-xơ Phơ-răng-xoa, Ủy viên thường vụ Ban Thường vụ Ủy ban lâm thời Liên minh Ca-mơ-run, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.24).

188. Chủ tịch Hồ Chí Minh là một tấm gương lớn, suốt đời hi sinh cho hạnh phúc của nhân dân Việt Nam và các dân tộc trên thế giới còn rên xiết dưới ách thống trị của bọn thực dân, đế quốc.

(A-min-can Ca-bơ-ran, Tổng Bí thư Đảng Châu Phi vì độc lập của Ghi-nê và Cáp ve Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.30).

189. Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại là một người giản dị trung chính, đã hy sinh cả đời mình cho sự nghiệp giải phóng thiêng liêng của nhân dân Việt Nam.

(Mô-ha-mét Xa-le áp-đa-la, Bí thư phụ trách về thông tin và chỉ đạo Ban Chấp hành mặt trận giải phóng dân tộc Sát, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.34).

190. Cả bè bạn lẫn kẻ thù đều phải công nhận rằng Người là một nhân vật xuất chúng, đã quên mình hiến dâng cả cuộc đời cho sự nghiệp độc lập dân tộc và xây dựng xã hội. Đức độ liêm khiết và lòng trung thành tận tụy của Người được nhân dân thế giới khâm phục và kính trọng.

(Gin-bóc F. Oai-tơ, Chủ tịch và Bơ-rơ-n-xơn P.Clác, Thư ký thường trực, Tổ chức những người bạn Mỹ, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.53).

191. Mọi người sẽ tưởng nhớ người anh Hồ Chí Minh, không những chỉ là Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mà còn là một trong

những tấm gương tiêu biểu nhất của khí phách kiên cường cách mạng, lòng kiên quyết và đức độ nhân đạo.

(H.Ráp Bơ-rao, Chủ tịch Ủy ban phối hợp sinh viên toàn quốc, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.54).

192. Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà hoạt động chính trị vĩ đại nhất và được nhiều cảm tình nhất của thời đại chúng ta.

(Các Bon-nơ-vi, Chủ tịch danh dự Ủy ban bảo vệ hoà bình của Na-uy, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.56).

193. Con người cách mạng của đồng chí Hồ Chí Minh không phải thuộc về câu chuyện thần thoại mà là biểu hiện cụ thể của toàn bộ cuộc đời cao cả đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng, vì Người đã lãnh đạo cuộc đấu tranh anh hùng giải phóng dân tộc và lãnh đạo nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

(Tu-li-ô Vê-ki-ét-ti, Tổng Bí thư Đảng Xã hội thống nhất vô sản Ý, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.61).

194. Tất cả các chiến sĩ chiến đấu cho tự do sẽ mãi mãi nhớ đến Người, coi Người là tiêu biểu cho tinh thần hy sinh, lòng dũng cảm và tinh thần yêu nước bất khuất.

(Men-ba éc-nan-đê, Chủ tịch Ủy ban Cu-ba đoàn kết với Việt Nam, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.69).

195. Đồng chí Hồ Chí Minh đã bắt đầu hoạt động cách mạng, đã gương cao ngọn cờ chủ nghĩa Mác-Lênin và đã hiến dâng trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam và phong trào cộng sản quốc tế.

(Ban Chấp hành Trung ương Hội hữu nghị Triều Tiên - Việt Nam, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự Thật, H.1970, tr.73).

196. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã là và mãi mãi sẽ là tượng trưng của sự bền bỉ chịu đựng gian khổ và tinh thần dũng cảm. Hồ Chí Minh không còn nữa nhưng sự nghiệp vĩ đại của Người mãi mãi sẽ là một tấm gương sinh động trên trái đất. Tinh thần cách mạng của Người sẽ thức tỉnh mọi người tiến tới giành những thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội.

(Hội hữu nghị giữa các dân tộc của Công-gô: Điện chia buồn khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, ngày 5/9/1969).

197. Là mẫu mực xuất chúng về mọi đức tính của con người và mọi đức tính xã hội chủ nghĩa, Người sẽ sống mãi mãi trong lòng chúng ta.

(Van-te Pha-bi-an, Chủ tịch Tổ chức hoạt động ủng hộ Việt Nam của Cộng hòa liên bang Đức: Điện chia buồn khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, ngày 10/9/1969).

198. Người là một lãnh tụ với đức độ không ai có thể chối cãi, xứng đáng với tất cả lòng tôn kính mà mọi người hiện nay bày tỏ với Người.

(Ủy ban Thụy Điển đoàn kết với Việt Nam: Điện chia buồn khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời).

199. Người là một lãnh tụ có tầm của Lê-nin với khả năng đặc biệt nhằm biến phẩm chất tài giỏi, quên mình, vẻ vang nhất của nhân dân Người thành hành động.

(Giôn Ta-cơ-man, Chủ tịch Ủy ban Thụy Điển giúp đỡ Y tế cho Việt Nam: Điện chia buồn khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, ngày 9/9/1969).

200. Tinh thần cao cả của Người đã khiến cho ngay cả những kẻ thù địch với Người cũng phải kính trọng, khâm phục, và hơn ai hết, Người đã tập hợp được chung quanh tên tuổi của Người những cuộc đấu tranh và những niềm hy vọng của những người bị áp bức trên khắp trái đất, của nam, nữ thanh niên, của tất cả mọi người, bất kỳ thuộc tín ngưỡng và lý tưởng nào đã lên tiếng phản đối chiến tranh, bạo lực và chủ nghĩa đế quốc.

(En-do A-nhô-lét-ti, Ủy ban Ý đấu tranh cho hòa bình và tự do ở Việt Nam: Điện chia buồn khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời).

201. Chủ tịch Hồ Chí Minh không còn nữa, nhưng đức độ cách mạng cao đẹp và tinh thần chiến đấu của Người, tượng trưng cho lòng dũng cảm và sự chiến đấu chống lại cuộc xâm lược lớn nhất chưa từng có trong lịch sử, sẽ mãi mãi khắc sâu trong tâm trí nhân dân Việt Nam, trong tâm trí các dân tộc cách mạng Á - Phi và các dân tộc cách mạng khác trên thế giới.

(I-bơ-ra-hi-ma Phô-pha-na, Tổng thư ký Hội luật gia Á - Phi: Điện chia buồn khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, ngày 5/9/1969).

202. Bác Hồ, cách gọi triu mến của chúng tôi ở Ấn Độ, đã kết hợp được trong bản thân Người những đức tính lớn lao của Mác, Lênin, Ma-hat-ma Găng-đi và Gia-oa-hat-lan Nê-ru. Người đại diện cho sự vĩ đại vốn có của nhân dân Việt Nam, bình dị, chuyên cần, yêu quý trẻ thơ và thanh niên, thẳng thắn, trung thực, chân thành và một ý thức mạnh mẽ về nhân văn kết hợp với nhiệt tình và tinh thần cách mạng.

(T.N.Ca-un: Chủ tịch Hồ Chí Minh - Nhà ái quốc Việt Nam vĩ đại,

người bạn lớn của nhân dân Ấn Độ và toàn nhân loại, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.38).

203. Những gì thuộc về Người, từ phẩm chất đến hành động, vẫn sống mãi trong lòng nhân dân Việt Nam, nhân dân các dân tộc yêu độc lập, tự do, hoà bình, công lý và những người tiến bộ trên trái đất. Tấm gương anh hùng và tấm gương đạo đức sống tràn đầy tình yêu Tổ quốc và nhân dân một cách tự nguyện đó đã được truyền lại cho các thế hệ thanh thiếu niên Việt Nam ngày nay.

(Nay Pe-na: Chủ tịch Hồ Chí Minh với cách mạng Cam-pu-chia, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.49).

204. Cuối cùng chữ Bác Hồ là chữ đã thể hiện đồng thời tình cảm, sự kính trọng và ý nghĩa của những giá trị đó. Tấm gương của Bác Hồ tiếp tục là nguồn cảm hứng để không yếu đuối trong đấu tranh giành lấy tương lai, để không dừng lại ở điều đạt được mà luôn luôn tiến lên phía trước.

(Mi-ghen Đê-xtê-pha-nô: Hồ Chí Minh con người của nhân loại, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.54).

205. Những con người như Hồ Chí Minh ngày càng trở nên vĩ đại, vì họ là những người đã cho chúng ta lý do để sống và khả năng để thực hiện những giấc mơ của mình. Người trở nên vĩ đại, vì Người đã dựa vào triết học duy vật biện chứng, thứ triết học “không chỉ phản ánh sự đúc kết quan trọng nhất trong lịch sử tư duy của loài người mà còn là sự khám phá có ý nghĩa nhất trong lịch sử tri thức và văn hoá; những quy luật chi phối cả thế giới cũng như thiên nhiên, con người và cuộc sống xã hội”.

(Mac-xê-la Lom-bac-đô: Giá trị tư tưởng của Hồ Chí Minh trong thời đại hiện nay, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.89, 90).

206. Ít người châu Á nào lại được nhân dân yêu mến như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người thực sự là thần tượng của nhân dân mình. Hiếm người châu Á nào lại đóng một vai trò quan trọng như vậy trong việc tạo dựng một dân tộc mới như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong cả sự nghiệp của mình, Người luôn xuất phát từ tinh thần hết lòng phục vụ nhân dân, vừa bằng những kiến thức uyên bác, kinh nghiệm và tài nghệ của mình, vừa bằng sự tận tâm và liêm khiết, để giành được sự kính trọng và biết ơn của nhân dân.

(Sê-ra-phin D.Quy-son: Hồ Chí Minh: Một người châu Á cho mọi thời đại, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.110-111).

207. Người luôn luôn quan tâm tới lợi ích của nhân dân, nghĩ những điều dân nghĩ, lo những điều dân lo, hiến dâng cả đời mình cho nhân dân, không hề quan tâm tới bản thân. Người cư xử nhiệt tình, khiêm tốn, gần gũi, bình dị, giữ mối liên hệ thân mật không cách bức với quần chúng. Quyết tâm và dũng khí đấu tranh của Người xuất phát từ tấm lòng yêu mến nhân dân, sức mạnh và uy tín to lớn của Người cũng bắt nguồn từ sự giúp đỡ và ủng hộ của nhân dân...Suốt đời, Người luôn luôn gìn giữ đạo đức cao đẹp “cần kiệm liêm chính” và “chí công vô tư”, dùng 8 chữ đó để giáo dục cán bộ và nhân dân.

(Cốc Nguyên Dương: Tinh thần Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.120, 121).

208. Đương nhiên, Người không quan niệm mình là trên hết, nên phẩm chất lãnh đạo của Người được phát huy không chỉ do am hiểu lý luận xã hội chủ nghĩa mà còn do bản chất khiêm tốn, giản dị và cởi mở. Nói rõ hơn, Người không bao giờ có tham vọng cá nhân, phù phiếm; Người không cố công để trở thành một nhân vật xuất chúng, theo ngôn ngữ của các xã hội tư bản...Người sống giản dị không giả dối, không xa hoa. Người hoạt động tự do giữa lòng nhân dân. Người luôn luôn gắn bó với nhân dân mình, rút ra bài học từ những nổi thống khổ của nhân dân, khâm phục lòng can đảm và ý chí quyết tâm của nhân dân.

(A-lan A-xbon: Hãy học ở Hồ Chí Minh những phẩm chất đã thể hiện trong suốt cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài của Người, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.122,124).

209. Hồ Chí Minh là người đại diện cao nhất, kiên trì nhất, sáng suốt nhất và chỉ có trong quá trình đó, Hồ Chí Minh mới thể hiện đầy đủ tầm cỡ của mình. Tất cả những ai may mắn gặp Hồ Chí Minh đều ngạc nhiên về sự giản dị của Người. Ngay cả những người không có được may mắn đó và chỉ biết Người qua những bài viết và những sự kiện trong cuộc đời của Người cũng có ấn tượng sâu sắc là ở Hồ Chí Minh, nhà cách mạng và con người không tách rời nhau.

(Pi-nô Ta-gơ-li-a-đúc-chi Pê-ru-gia: Hồ Chí Minh, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.126).

210. Hồ Chí Minh không bao giờ là một nhà độc tài về chính trị mà là người có một ảnh hưởng mạnh mẽ trong sự lãnh đạo. Người là một người nông hậu, có khả năng lôi cuốn và thông cảm. Người thiết tha quan tâm tới đồng bào của mình. Người không thay đổi trong suốt cả cuộc đời mình, từ những ngày đầu của cách mạng cho đến khi giữ chức vụ cao nhất là chủ tịch nước. Người luôn coi mình là một người lính được nhân dân cử ra mặt

trận. Ở Người, tình yêu đối với nhân dân là một tình cảm mãnh liệt.

(K.C.Ti-a-gi: Hồ Chí Minh, hiện thân của những phẩm chất tốt đẹp nhất của người cách mạng, Hội thảo quốc tế về chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.133).

211. Hồ Chí Minh đã có uy tín to lớn vô hạn trong quần chúng nhân dân Việt Nam. Nhưng cái đó chính là uy tín chứ không phải là sự sùng bái cá nhân đối với những méo mó xuyên tạc và tội ác tày trời của nó.

(Ép-ghê-nhi Cô-bê-lép: Hồ Chí Minh - Nhà yêu nước, nhà cách mạng và một con người, Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.140).

212. Điều cần đến là một cuộc nổi dậy về đạo đức, một sự phục hưng mới, chống lại quá trình bất ổn định phi nhân tính này - ít nhiều nổi bật khắp thế giới. Ở giữa cơn khủng hoảng này, nhân loại đã sản sinh ra những danh nhân lỗi lạc làm nên thời đại như Lênin, Hồ Chí Minh và Găng-đi là những người người đã để lại những dấu ấn không thể sai lầm của mình để được tiếp tục theo đuổi trong các đảo lộn nhiều biến động.

(Xan-ti Mau-roi: Hồ Chí Minh vẫn sống với chúng ta, Hội thảo quốc tế về chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb.KHXH, H.1990, tr.158).

213. “Bác Hồ”, nhân dân thường gọi Người như thế. Bao giờ Người cũng coi nhân dân là gia đình của mình. Bản thân Người không có gia đình. Cho đến lúc về già, bao nhiêu sức lực, trí tuệ, tình cảm của Người đều dành cho cách mạng.

(Tưởng nhớ đồng chí Hồ Chí Minh, báo Thời mới, số 37, ra ngày 17/9/1969).

214. Chúng ta tưởng nhớ tới đến Chủ tịch Hồ Chí Minh không những vì Người đã có những cống hiến vĩ đại như trên đã nói, mà còn vì đạo đức tuyệt vời của Người, và vì ánh sáng mà Người đã tỏa ra khắp nơi. Vị nguyên thủ ấy, nhà lãnh đạo được mọi người tôn kính ấy, người đã làm cho bọn đế quốc phải kinh hồn khiếp vía ấy, chính là một người có đức tính dịu dàng, khiêm tốn, chỉ nghĩ đến người khác. Những đức tính tốt đẹp đó của Người đã biến thành một sức mạnh mà ngày nay, - ngay cả trong giờ phút chúng ta tỏ lòng thương tiếc Người, - đang được triển khai trên thế giới...

(Gioóc-giơ Mác-se: Một con người suốt đời vì hạnh phúc của nhân dân, vì chủ nghĩa xã hội, báo Nhân đạo, cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Pháp, ngày 12/9/1969).

215. Đối với mỗi người Việt Nam, Đồng chí là “Bác Hồ” yêu quý nhất và kính trọng nhất. Đồng chí cũng là “Bác Hồ” yêu quý nhất và kính trọng

nhất của chúng tôi, của những người anh em của Đồng chí, của các cháu của Đồng chí trong Đảng Cộng sản Pháp.

(Phơ-răng-xoa Bi-u: Từ người cùng khổ đến vị Chủ tịch nước, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự thật, H.1971, tr.247).

216. Đặc điểm nổi bật của đồng chí Hồ Chí Minh là đức tính nhân hậu toát ra từ con người của Đồng chí, và thái độ ân cần, niềm nở của Đồng chí đối với bất kỳ ai, trai, gái, trẻ, già, do đó đồng chí đã gây được thiện cảm đối với họ ngay từ những lúc ban đầu gặp gỡ.

(Lê-ô Phi-ghe: Đồng chí Hồ Chí Minh như tôi được biết, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự thật, H.1971, tr.247).

217. Thành công lớn của đồng chí là ở chỗ đã dùng uy tín của mình được xây dựng trên cơ sở đạo đức và tác phong gương mẫu đó để phục vụ cho vấn đề đoàn kết giữa các dân tộc. Vì rằng nhà yêu nước hết sức nồng nàn ấy đồng thời cũng là một chiến sĩ cách mạng quốc tế... Đồng chí Hồ Chí Minh không muốn ai sùng bái mình, nhưng hiếm có một vị lãnh tụ nào lại được người ta tôn kính như Người. Đó là lòng yêu mến tuyệt đối của cả một dân tộc đối với một người, khi mà cả dân tộc đó đều thấy có mình trong con người đó và con người đó đã hy sinh tất cả cho dân tộc.

(Lê-ô Phi-ghe: Đồng chí Hồ Chí Minh như tôi được biết, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự thật, H.1971, tr.250, 252).

218. Sự có mặt phi thường của Người như choán hết cả gian phòng, có thể nói làm xoá nhoà sự có mặt của những người khác; nhưng sự săn sóc, thái độ ân cần hết sức lịch thiệp và hoà nhã của Người đối với khách làm cho người ta trong những phút đầu thấy đôi chút lúng túng nhưng sau đó lại tạo ra một bầu không khí thân mật, thoải mái ngay.

(Sác-lơ Phuốc-ni-ô: Một giờ với đồng chí Hồ Chí Minh, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự thật, H.1971, tr.257).

219. Người đời đời là một biểu tượng sinh động... Trên khắp thế giới, tấm gương của Người sẽ tiếp tục được noi theo bởi tất cả những ai đấu tranh cho tự do, hạnh phúc và chủ nghĩa xã hội.

(Sác-lơ Phuốc-ni-ô: Một giờ với đồng chí Hồ Chí Minh, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự thật, H.1971, tr.259, 264).

220. Nhà cách mạng khiêm tốn và lấy lòng uy tín, nhà yêu nước được mọi người tôn kính, tượng trưng cho sự đoàn kết và cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, tự do và thống nhất đất nước của dân tộc Việt Nam... Tất cả những ai được biết Người đều kính mến Người. Người đã làm cho những

kẻ thù giai cấp tệ hại nhất cũng phải kính trọng Người. Toàn bộ con người của Bác Hồ đã thể hiện qua lời Di chúc đó - bài học cuối cùng về đạo đức cách mạng - mà tất cả mọi người đều cần phải học tập.

(Ma-đơ-len Ríp-phô: Bác Hồ ra đi giữa mùa thu, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự thật, H.1971, tr.265, 272).

221. Ở Cụ, đã kết hợp tới mức độ phi thường chủ nghĩa anh hùng với đầu óc sáng suốt, lòng yêu nước tuyệt vời với tinh thần cách mạng trong sáng, thái độ cứng rắn trước cuộc sống với lòng nhân đạo đối với con người. Sự hoà hợp giữa những đức tính đôi khi hình như trái ngược nhau đó, giải thích nguyên nhân tại sao cùng một lúc Cụ là nhà thơ, người đảng viên, nhà lãnh đạo quốc gia, nhà ngoại giao lại vừa là một chiến sĩ. Ngay trong lúc còn sống, Cụ đã nổi tiếng là “người soi đường chỉ lối”, là “Bác Hồ” đôn hậu. Cụ rất khéo léo đối với tất cả mọi người, nhưng khi gặp trường hợp cần thiết, Cụ vẫn giữ vững tính độc lập suy nghĩ của mình. Với tính độc lập này, trong những giờ phút quyết định, Cụ đã nêu gương về sự kết hợp chặt chẽ giữa sự thận trọng với tính kiên quyết vốn là tác phong của Cụ...

(Giăng Ru: Tưởng nhớ Bác Hồ, báo Chiến đấu, ngày 8/9/1969, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự thật, H.1971, tr.277).

222. Cuộc đời của Người, hoàn toàn hiến dâng cho sự nghiệp của nhân dân và cách mạng, từ ý chí kiên cường bất khuất của Người trước kẻ thù đế quốc, trong mọi tình huống, từ đức độ khiêm tốn của Người, từ tài năng của Người áp dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo, từ lòng trung thành của Người đối với chủ nghĩa quốc tế vô sản, chúng ta học được những bài học vĩnh cửu cổ vũ chúng ta hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn nữa.

(Đô-lô-rét I-ba-ru-ni: Tưởng nhớ đồng chí Hồ Chí Minh, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự thật, H.1971, tr.286-287).

223. Sở dĩ những câu chuyện thần kỳ về Người làm cho người ta ngạc nhiên không phải là do tính chất lãng mạn hoặc anh hùng ca mà là do tính chất hiện thực của nó trên “thế gian” này. Lịch sử của nhà cách mạng lỗi lạc đó sở dĩ hấp dẫn được mọi người là do Người đã tạo nên cuộc đời anh hùng của mình một cách khách quan chứ không phải là do tính chất cao siêu của thứ anh chủ nghĩa anh hùng cá nhân.

(Bài học về đồng chí Hồ Chí Minh, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập III, Nxb. Sự thật, H.1971, tr.307).

224. Tinh thần tận tụy quên mình của Đồng chí Hồ Chí Minh đối với

sự nghiệp của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam tiếp tục là ngọn cờ của nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, là tấm gương sáng ngời đối với các dân tộc đang đấu tranh để tự giải phóng.

(Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Bungari, Đoàn Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hoà nhân dân Bungari, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hoà nhân dân Bungari, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự thật, H.1970, tr.24-25).

225. Cuộc đời của Người là một tấm gương sáng chói những phẩm chất cách mạng và nhân đạo cao cả nhất. Hiếm có một nhà lãnh đạo nào trong những giờ phút thử thách lại tỏ ra sáng suốt, bình tĩnh, gan dạ, quên mình, kiên nghị và dũng cảm một cách phi thường như vậy.

(Phi-đen Ca-xtơ-rô, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Cuba, Thủ tướng Chính phủ cách mạng nước Cộng hoà Cuba, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, tập I, Nxb. Sự thật, H.1970, tr.26).

226. Một chiến sĩ đấu tranh bên bỉ cho chủ nghĩa xã hội và nền dân chủ, một nhà yêu nước vĩ đại và một nhà chính trị lỗi lạc, một người kiên trì đoàn kết các lực lượng dân chủ và hoà bình, vị lãnh tụ anh hùng và thân kỳ của cuộc đấu tranh vì độc lập và tự do của Việt Nam.

(Nhóm thượng nghị sĩ và hạ nghị sĩ trong Quốc hội Ý: Điện chia buồn khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, ngày 5/9/1969).

227. Tấm gương cách mạng ngoan cường, sự vĩ đại của Người trên phạm vi thế giới kết hợp với đức tính khiêm tốn đáng khâm phục, không thể phai mờ trong tâm trí mọi người nam cũng như nữ trên thế giới, nhất là trong giờ phút quyết định này đối với nhân dân Việt Nam và các dân tộc bị thống trị.

(A-gô-xti-nhô Ne-tô, Chủ tịch Ban lãnh đạo phong trào nhân dân giải phóng Ăng-gô-la: Điện chia buồn khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, ngày 5/9/1969).

228. Trí thông minh, sự sáng suốt, sự nhìn xa trông rộng và tinh thần dũng cảm của đồng chí Hồ Chí Minh trong việc lãnh đạo cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam, là những điều cả thế giới đều biết.

(Phốt-xơ Phơ-răng-xoa, Ủy viên thường vụ Ban Thường vụ Ủy ban lâm thời Liên minh Ca-mơ-run: Điện chia buồn khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, ngày 4/9/1969).

229. Mọi người sẽ tưởng nhớ người anh Hồ Chí Minh, không những chỉ là Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà mà còn là một trong những tấm gương tiêu biểu nhất của khí phách kiên cường cách mạng, lòng kiên quyết và đức độ nhân đạo.

(H.Ráp Bơ-rao, Chủ tịch Uỷ ban phối hợp sinh viên toàn quốc: Điện chia buồn khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, ngày 5/9/1969).

230. Tinh thần cao cả của Người đã khiến cho ngay cả những kẻ thù địch với Người cũng phải kính trọng, khâm phục, và hơn ai hết, Người đã tập hợp được chung quanh tên tuổi của Người những cuộc đấu tranh và những niềm hy vọng của những người bị áp bức trên khắp trái đất, của nam, nữ thanh niên, của tất cả mọi người bất kỳ thuộc tín ngưỡng và lý tưởng nào đã lên tiếng phản đối chiến tranh, bạo lực và chủ nghĩa đế quốc.

(En-do A-nhô-lét-ti, Uỷ ban ý đấu tranh cho hoà bình và tự do ở Việt Nam, Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, t.II, Nxb. Sự thật, H.1970, tr.99).

231. Những ai trông thấy ở Bác một vị thánh, ít nhất cũng đã có sự sáng suốt để nhận ra cái sức mạnh ở bên trong của Người.

(Giác cơ Can, Hồ Chí Minh đồng chí của chúng ta, Nxb. Xã hội, Pa ri, 1970, tr.208)

232. Tính khiêm tốn, quảng đại, thanh khiết, -những từ đã mô tả nhân cách của Lênin, cũng là những từ để mô tả nhân cách của cụ Hồ Chí Minh.

(Tạp chí Rơ -ki-si-hi-ô-rông, Nhật Bản, số 232, tháng 9/1969)

233. Khi Cụ Hồ để cho các em học sinh vượt râu mình lúc đến thăm trường học, hoặc khi Cụ đi đôi dép làm bằng lớp cao su, thì các việc ấy không có chút gì là mỉa dân hoặc giả tạo.

(P.P.Anhiê, Tuần báo Bằng chứng Thiên chúa giáo, Pa ri, ngày 11-9-1969)

234. Tính giản dị của Người đã đạt tới sự thanh thoát và hết sức thoải mái, tính giản dị ấy chỉ còn lại cái điều cốt lõi nhất: một ý chí xuyên suốt con đường lâu dài vì hạnh phúc của nhân dân.

(Giác cơ Can, Hồ Chí Minh, Đồng chí của chúng ta, Nxb. Xã hội, Pa ri, 1970, tr.208)

MỘT SỐ CÔNG TRÌNH TƯỢNG NIỆM HỒ CHÍ MINH Ở TRONG NƯỚC VÀ TRÊN THẾ GIỚI

CÔNG TRÌNH TƯỢNG NIỆM HỒ CHÍ MINH Ở TRONG NƯỚC

Theo thống kê của Bảo tàng Hồ Chí Minh, ở Việt Nam hiện có hơn 300 công trình tượng niệm Hồ Chí Minh, với 6 loại hình chủ yếu: Đền thờ; Nhà tưởng niệm; Đài kỷ niệm và bia biển lưu niệm; Tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh; Các công trình mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh; Ban thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh tại các đình, chùa, đền, miếu, và gia đình.

1/ ĐỀN THỜ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

1. Đền thờ xây dựng năm 1970 tại xã Long Đức, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
2. Đền thờ Bác Hồ xây dựng năm 1973 tại Trí Phải Tây, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.
3. Đền thờ Bác Hồ tại Lương Tâm, huyện Long Mỹ, Cần Thơ.
4. Đền thờ Bác Hồ tại Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.
5. Đền thờ Bác Hồ tại thôn Cái Tắt, xã An Đồng, huyện An Hải, Hải Phòng, khánh thành ngày 2/9/1993.
6. Đền thờ Bác Hồ tại xã Đại Kim, huyện Thanh Trì, Hà Nội, khánh thành ngày 19/5/1995, v.v..

2/ NHÀ TƯỢNG NIỆM CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

1. Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, xây dựng năm 1970 ở xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.
2. Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, xây dựng năm 1983 ở huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.
3. Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, xây dựng năm 1990 ở phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
4. Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh ở ATK Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên (Công trình của Thành phố Hà Nội tặng nhân dân tỉnh Thái Nguyên tháng 5/2005), v.v..

3/ ĐÀI KỶ NIỆM

1. Bến Đò (cũ) thôn Phú Gia, xã Phú Thượng, huyện Từ Liêm, Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt bước chân đầu tiên về Hà Nội ngày 24/8/1945. (Xây dựng năm 1990).

2. Khu rừng thông, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm và nói chuyện với cán bộ chủ chốt, thân hào, thân sĩ trong tỉnh, ngày 22/2/1947. (Xây dựng năm 1990).

3. Phủ đường Quốc Oai (cụ) nay là trụ sở UBND huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây. Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì các phiên họp Hội đồng Chính phủ đêm 20 và 21/1/1947 (Xây dựng năm 1990).

4. Đồi Tỉnh Keo, thôn Nà Lọm, xã Phú Đình, huyện Định Hoá, tỉnh Bắc Thái - Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ở và làm việc các năm 1948, 1952, 1953.

5. Đình Thượng Đông, xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Hà nay là Nam Định có phong trào thi đua sản xuất khá nhất tỉnh, được Bác Hồ về thăm ngày 13/6/1958.

6. Xã Yên Trường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá - Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm và nói chuyện với đại biểu cán bộ và nhân dân tỉnh, ngày 11/12/1961.

7. Thôn Huỳnh Cung, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội, nhiều năm liền hoàn thành vượt mức nghĩa vụ đóng thuế lương thực đã được đón Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm và chúc tết Quý Mão(1963).

8. Xã Đình Dù, huyện Văn Lâm (nay là Mỹ Văn), tỉnh Hưng Yên, có phong trào chống hạn khá, được Bác về thăm ngày 16/10/1958.

9. Xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hải Hưng, có phong trào khá về nhiều mặt, nhất là nhà trẻ và mẫu giáo, được Bác về thăm ngày 16/9/1961.

10. Xã Hiệp Lực, huyện Ninh Quang, tỉnh Hải Hưng, có phong trào thủy lợi xuất sắc được bác về thăm ngày 26/7/1962,v.v..

4/ ĐỊA ĐIỂM LƯU NIỆM

1. Các điểm trong khu di tích Pác Bó:

- Hang Cốc Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng - Chủ tịch Hồ Chí Minh ở và làm việc năm 1941.

- Bộ bàn ghế đá - Chủ tịch Hồ Chí Minh ngồi làm việc trong những ngày nắng ráo trong thời gian Người ở hang Cốc Bó năm 1941.

NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG CÁCH MẠNG

- Bếp ở khu vực đầu nguồn Pác Bó trong thời gian Người ở hang Cốc Bó.
 - Nơi Bác ngồi câu cá tại khu vực đầu nguồn Pác Bó trong thời gian Người ở hang Cốc Bó.
 - Khóm trúc Bác trồng năm 1961 khi Người về thăm lại Pác Bó.
 - Nơi Bác ngồi làm thơ ở khu vực đầu nguồn Pác Bó trong chuyến Người thăm lại Cao Bằng, năm 1961.
 - Nhà cụ Dương Văn Đình, nơi Bác thường lui tới thăm hỏi gia đình và tuyên truyền cách mạng cho quần chúng.
 - Lán Khuổi Nặm - Chủ tịch Hồ Chí Minh ở, làm việc và chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8, tháng 5/1941.
 - Bếp nấu ăn cho đại biểu dự Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 tại Khuổi Nặm, tháng 5/1941.
 - Nơi Bác thường tập thể dục buổi sáng trong thời gian Người ở Khuổi Nặm năm 1942 và một thời gian của năm 1945.
 - Biển chỉ dẫn đường Bác đi lại ở khu vực đầu nguồn Pác Bó.
 - Núi Các Mác, suối Lênin, ngọn núi và dòng suối ở Pác Bó được Bác đặt tên.
 - Hang Diêm Tiêu, nơi Bác cất giấu tài liệu khi ở Pác Bó.
 - Hang Sĩ Đięng - Bác dùng làm hòm thư lưu trong thời gian ở Pác Bó.
 - Khu ruộng Nà Chang, năm 1961, Bác nói chuyện với đồng bào các dân tộc Pác bó.
2. Khuôn Tát, Phú Đình, huyện Định Hoá, tỉnh Bắc Thái, Bác ở và làm việc từ 20 đến 28/11/1947; từ 11/1 đến 7/3/1948; từ 5/4 đến 1/5/1948.
3. Thôn Cầu Thành, xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ, Thái Nguyên, nơi Bác đến thăm nông dân hợp tác xã.
4. Xóm Thượng Hải, xã Ái Quốc, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Hưng, Bác về thăm ngày 31/5/1957.
5. Nhà máy công cụ số 1, thuộc Khu công nghiệp Thượng Đình, quận Đống Đa, Hà Nội, nơi Bác đến thăm nhiều lần vào các năm 1958, 1960, 1963.
6. Nhà A2, phòng 23, Trường Nguyễn Ái Quốc, nay là Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh làm việc trong thời gian Đại hội Đảng lần thứ III, từ 22/8 đến 10/9/1960.

7. Nhà lưu niệm Bác Hồ ở Xuân Dương, Hà Tây, nơi Bác ở và làm việc từ 19/12/1946 đến 13/1/1947.

8. Nhà lưu niệm Bác Hồ ở Vạn Phúc, thị xã Hà Đông, Bác ở và làm việc từ 7 đến 19/12/1946 và viết lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

9. Ngôi nhà 48 Hàng Ngang, Hà Nội, nơi Bác Hồ ở, làm việc cuối tháng 8/1945 và viết Tuyên ngôn độc lập.

10. Nhà lưu niệm Bác Hồ tại xã Cần Kiệm, huyện Thạch Thất, Hà Tây, Bác ở và làm việc từ 31/1 đến 2/2/1947.

11. Nhà lưu niệm Bác Hồ ở Sài Sơn, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây, Bác ở và làm việc từ 3/2 đến 2/3/1947 và về thăm 19/5/1957.

12. Chùa Một Mái, xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây, Bác đã lên thăm trong thời gian Người ở và làm việc tại Nhà tổ, tháng 2/1947.

13. Khu lưu niệm Bác Hồ tại thị xã Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh (cơ quan Tỉnh uỷ cũ), Bác về thăm ngày 15/6/1957.

14. Nhà số 5 Châu Văn Liêm, phường 3, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh, nơi Bác ở một thời gian trước khi ra đi tìm đường cứu nước.

15. Ngôi nhà ở thôn Dương Nỗ, huyện Phú Vang (nay là xã Phú Dương), huyện Hương Phú, tỉnh Thừa Thiên Huế, Bác cùng cha và anh sống trong khoảng thời gian 1898-1901.

16. Địa điểm Nguyễn Tất Thành tham gia phong trào chống thuế ở Huế.

17. Lớp học ở trường Dục Thanh, phường Đức Nghĩa, thị xã Phan Thiết, thầy giáo Nguyễn Tất Thành dạy học năm 1910.

19. Nhà số 8 phố Vua Lê - Hà Nội, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh ở và làm việc từ tháng 9/1945 đến tháng 12/1946, v.v..

5/ MỘT SỐ TƯỢNG CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH Ở NGOÀI TRỜI

1. Tượng đứng toàn thân Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ.

2. Tượng đứng toàn thân Chủ tịch Hồ Chí Minh ở thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

3. Nhóm tượng Bác Hồ với các cháu thiếu nhi ở Quảng trường UBND thành phố Hồ Chí Minh.

4. Nhóm tượng Bác Hồ với thiếu nhi ở trước Bảo tàng Hồ Chí Minh-Chi nhánh Bình Thuận.

5. Nhóm tượng Bác Hồ với đồng bào các dân tộc Tây Nguyên tại thị xã Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

6. Tượng đứng toàn thân Nguyễn Tất Thành tại trường Quốc học Huế, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

7. Nhóm tượng đứng Bác Hồ với thanh thiếu niên ở Công viên Nguyễn Tất Thành, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

8. Tượng đứng toàn thân Chủ tịch Hồ Chí Minh tại quảng trường Vinh, Nghệ An.

9. Tượng đứng toàn thân Chủ tịch Hồ Chí Minh ở đảo Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh.

10. Nhóm tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh với nhân dân các dân tộc tỉnh Hà Giang tại thị xã Hà Giang, v.v...

6/ CÁC CÔNG TRÌNH, CÔNG VIỆC, ĐỊA DANH MANG TÊN CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH.

1. Đường Trường Sơn- Đường Hồ Chí Minh.

2. Đường Hồ Chí Minh trên biển.

3. Thành phố Hồ Chí Minh

4. Chiến dịch Hồ Chí Minh

5. Đường Nguyễn Tất Thành, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

6. Đường Nguyễn Tất Thành, thị xã Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

7. Trung tâm thanh thiếu nhi Nguyễn Tất Thành, thành phố Vinh, Nghệ An.

8. Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc (ở chiến khu Việt Bắc và Hà Nội), nay là Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

9. Trường Nguyễn Tất Thành, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

10. Đồi cây Bác Hồ ở xã Vật Lại, huyện Ba Vì, Hà Tây.

11. Đồng bào dân tộc Vân Kiều, Thừa Thiên Huế mang họ Hồ.

12. Danh hiệu “Cháu ngoan Bác Hồ”.

13. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

14. Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh, v.v..

7/ MỘT SỐ CHÙA CÓ THỜ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

1. Chùa Hà Vi, còn gọi là Hồng Phúc Tự ở phường Trần Nguyên Hãn, thị xã Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Chùa làng Thành ở xã Thọ Xương, thị xã Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.
3. Chùa Phương Lan ở xã Phương Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.
4. Chùa Xuân Hội ở xã Lạc Vệ, tỉnh Bắc Giang.
5. Chùa Phật Tích ở xã Phật Tích, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.
6. Chùa Vĩnh Nghiêm ở xã Trí Vân, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh.
7. Chùa làng Đông ở xã Đình Trí, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
8. Chùa Nhã Nam còn gọi là Nam Thiên Tự ở xã Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
9. Chùa Thái Đào ở xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
10. Chùa Yên Mẫu ở xã Kinh Bắc, thị xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.
11. Chùa Phố ở thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.
12. Chùa Vân Cốc ở xã Vân Chung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh.
13. Chùa Bà Đá ở phố Nhà thờ lớn, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, v.v...

8/ MỘT SỐ ĐỀN THỜ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

1. Đền Thiên Hậu ở thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.
2. Đền thờ Đức Thánh Trần ở thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.
3. Đền Làng Trung ở xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, Hà Tây.
4. Đền thờ Đức Thánh Trần ở 13 Đào Duy Từ, Hà Nội.
5. Đền thờ Mẫu (Láng Hạ) Ứng Thiên, Đống Đa, Hà Nội

9/ TƯỢNG ĐÀI VÀ CÁC CÔNG TRÌNH TƯỞNG NIỆM CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRÊN THẾ GIỚI

+ Châu Mỹ:

Cu Ba:

- Tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh ở thủ đô La Habana
- Trường cấp II Hồ Chí Minh ở tỉnh Jarugo.

Trước đây là trường cấp II ở nông thôn Bainon (Esbec de Saihoa). Trong chuyến thăm hữu nghị chính thức Cuba của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng, ngày 23/3/1974, Chủ tịch Phidel Castro và đồng chí Phạm Văn Đồng đến thăm và chính thức khánh thành trường. Trong cuộc mít tinh trọng thể, Chủ tịch Phidel Castro đã quyết định trường mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh. Từ khi thành lập đến nay, trường là một trong hai cơ sở mạnh trong các hoạt động đoàn kết, hữu nghị với Việt Nam

và là một trong hai cơ sở đầu tiên được Ban Bí thư Trung ương Đảng cộng sản Cu ba công nhận: Chi hội hữu nghị với Việt Nam nhân dịp kỷ niệm 95 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trường thường xuyên tiến hành các đợt sinh hoạt tư tưởng, tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động chính trị văn hoá, thể thao... nhân các ngày lễ kỷ niệm lớn của Việt Nam, đặc biệt là nhân dịp ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Trường cấp I Bác Hồ (Escuele Semi-internado Primaria Tio Hồ) ở Thủ đô La Habana.

Trường thuộc quận Playa, thủ đô La Habana.

Ngày 1/9/1976, theo quyết định của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Cu Ba, trường được thành lập và mang tên Bác Hồ để bày tỏ tình đoàn kết, hữu nghị của Cuba với nhân dân Việt Nam.

Méhicô

- Tượng đài Hồ Chí Minh trong Công viên “Tự do cho các dân tộc” tại Thủ đô Mêxico.

+ Châu Âu:

Cộng hoà Liên bang Nga:

- Quảng trường và tượng đài Hồ Chí Minh tại Thủ đô Mátxcova.
- Đại lộ Hồ Chí Minh ở thành phố Ulianốpxcơ.
- Biển lưu niệm Hồ Chí Minh ở thành phố Vlađivôxtốc

Hunggari:

- Đài tưởng niệm Hồ Chí Minh tại công viên thành phố Zalaegerszey, cách Thủ đô Budapest khoảng 100km.

Pháp:

- Nhà số 9, ngõ Công Poanh (Compoint) quận 17, Paris.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ở đây 20 tháng, từ 14/7/1921 đến 14/3/1923. Tại đây, Người tham gia sáng lập “Hội liên hiệp thuộc địa” và được bầu làm uỷ viên thường trực của Hội. Người đã khởi thảo Tuyên ngôn, Điều lệ và Lời kêu gọi. Đây là một tổ chức yêu nước và cách mạng có tổ chức và quy mô đầu tiên hoạt động hợp pháp ở Paris.

Người thành lập tờ báo *Le Paria* (Người cùng khổ), cơ quan ngôn luận của Hội, vừa là người sáng lập, kiêm chủ bút, biên tập và phát hành báo. Nhờ công lao của Nguyễn Ái Quốc, tờ báo đã góp phần quan trọng vào việc tuyên truyền, giác ngộ chủ nghĩa Mác-Lênin ở các nước thuộc địa.

Trong thời gian này, Người còn viết nhiều bài báo có tác động lớn, đả kích thực dân Pháp xâm lược và bóc lột nhân dân các nước thuộc địa của Pháp.

Ngày 14/3/1923, Người rời nhà số 9 ngõ Công poanh, dọn đến số nhà 3 phố Mácơ Đê Patơriacơ, quận 5, Paris. Đây chính là nơi đặt trụ sở “Hội liên hiệp thuộc địa” và là toà soạn báo *Le Paria*.. Năm 1983, Trung ương Đảng Cộng sản Pháp đã gắn biển di tích.

Năm 1986, chủ sở hữu ngôi nhà phá bỏ nhà cũ để xây nhà mới 9 tầng. Những kỷ niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh được chính quyền thành phố Môngtơroi (Montreuil) đưa về trưng bày và dựng thành “Không gian Hồ Chí Minh” trong Bảo tàng Lịch sử Môngtơroi.

Năm 2001, Đại sứ quán Việt Nam tại Pháp và chính quyền thành phố Paris đã gắn lại biển di tích tại ngôi nhà số 9.

- Bảo tàng Lịch sử sống Môngtơroi.

Những kỷ vật của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời kỳ sống tại Pháp và đặc biệt là ở ngôi nhà số 9 ngõ Công Poanh được đưa về đây và dựng thành “Không gian Hồ Chí Minh”.

Ngày 19 tháng 5 năm 2005, chính quyền thành phố Môngtơroi đã dựng tượng bán thân Chủ tịch Hồ Chí Minh ngay trong khuôn viên bảo tàng.

+ **Châu Á:**

Trung Quốc :

- Nhà số 248 và 250 (trước là nhà số 13a và 13b) đường Văn Minh.

Nơi đây, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổ chức các lớp huấn luyện chính trị cho các thanh niên yêu nước trong thời gian từ đầu 1926 đến 4/1927. Tầng dưới của ngôi nhà là cửa hàng bán tạp hoá. Lớp học và chỗ ở của các học viên ở tầng 3. Trước cửa nhà có gắn tấm biển đề “Chính trị đặc biệt huấn luyện Ban” bằng chữ Hán. Chính từ những bài giảng của Người, Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức đã tập hợp lại và xuất bản thành cuốn “Đường Cách mệnh”, tác phẩm lý luận cách mạng đầu tiên ở Việt Nam, được những nhà cách mạng Việt Nam cuối những năm 20 của thế kỷ XX coi là cuốn “cẩm nang, sách gối đầu giường của mình”.

- Khách sạn Nam Dương ở Liễu Châu.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ở khách sạn này từ cuối năm 1943 đến 9/1944, sau khi ra khỏi nhà tù Quốc dân Đảng. Hiện nay, khách sạn là nhà số 2, đường Liễu Thạch, thành phố Liễu Châu, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Trong thời gian ở đây, Người đã triển khai nhiều hoạt động

cách mạng, như mở lớp học đào tạo cán bộ cách mạng Việt Nam, tham gia một số hoạt động của Việt Nam cách mạng đồng minh hội, tham dự Đại hội các đoàn thể cách mạng Việt Nam ở nước ngoài họp tại Liễu Châu (3-1944). Tại đây, Người cũng đã có nhiều cuộc tiếp xúc với các tổ chức chống Nhật, chống Pháp của người Việt Nam ở Liễu Châu, chấp nối liên lạc với Đảng ta, chuẩn bị điều kiện để trở về nước, tiếp tục lãnh đạo phong trào. Hiện nay, thành phố Liễu Châu đã dành cả tầng 1 và 2 phòng trên tầng 2 để trưng bày tái hiện về hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Liễu Châu và một số mốc chính trong quan hệ của Chủ tịch Hồ Chí Minh với các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Chính phủ Trung Quốc như Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai, Lưu Thiếu Kỳ, Tống Khánh Linh.... Căn phòng Người đã ở và làm việc được trưng bày như nguyên gốc.

Ngôi nhà đã được gắn biển (Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh) năm 2001.

Ấn Độ:

- Tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt tại công viên nằm giữa giao điểm đường Hồ Chí Minh và đường Giaoaháclan Nêru, ở thành phố Cancútta.

- Tại Thủ đô Niu Đêli có một đại lộ mang tên Hồ Chí Minh

Thái Lan:

- Nhà Hợp tác tại bản Mạ, huyện Mương, tỉnh Nakhonphanom.

Tháng 7 năm 1928, Nguyễn Ái Quốc đến Xiêm (Thái Lan). Từ Băng Cốc, Người đã đi đến những nơi có Việt Kiều như Phì Chệt, Udon Thani, Sacon Nakhon... Khoảng cuối năm 1928, Người đến bản Mạ, thuộc tỉnh Nakhon Phanom. Tại đây, Nguyễn Ái Quốc với bí danh là Thầu Chín ở trong nhà ông Võ Trọng Đài. Ngôi nhà này ở phía sau mảnh đất của ông Huê Đạm và bà Nguyễn Thị Nuôi. Khi thấy ông Chín khuyên mọi người làm nhà hàng hoang để làm nơi sinh hoạt, gọi là nhà Hợp tác thì vợ chồng ông Huê Đạm đã hiến mảnh đất ấy làm trụ sở Hội và làm nơi ở cho anh em độc thân. Những ngày xây dựng nhà Hợp tác, ông Chín tham gia tất cả các công việc, như đóng gạch, dựng nhà, lợp mái...

Nhà Hợp tác có ba gian, mỗi gian rộng khoảng 20m². Mái lợp ngói gỗ, vách nhà thưng ván lá sách cả bốn phía. Cửa lớn, cửa nhỏ đều bằng gỗ, nền nhà lát gạch vuông do hội viên Hội hợp tác tự đóng lấy. Nhà ngăn đôi theo chiều dọc. Nửa nhà phía trước hoàn toàn để trống. Gian giữa đặt một bàn con, hai bên có vài chiếc ghế dài dùng để hội họp hoặc học tập. Nửa nhà phía sau, hai gian bên dùng làm phòng ngủ, có phản gỗ để nằm, có cửa sổ và hai cửa ra vào phòng. Các cháu học sinh ở lớp học bên nhà hàng xóm thường ra sân Hợp tác chơi, ông Chín cũng có lúc ra vui chơi với các cháu.

Những người ở đây phần lớn là những thanh niên yêu nước được đưa từ trong nước sang. Họ chỉ ở đây một thời gian, rồi bắt liên lạc đi Udon, Phi Chit... Dù chỉ ở trong thời gian ngắn, nhưng họ ăn mặc giống như người dân bản, tham gia lao động, xay thóc, giã gạo với bà con. Nhà Hợp tác ở bản Mạ thực sự trở thành trạm liên lạc, đưa đón những người Việt Nam yêu nước.

Trong thời gian ở đây, ông Chín đã động viên mọi người học tiếng Thái để hiểu phong tục, tập quán và được cư dân bản địa quý mến. Chính Người cũng nêu một tấm gương về tự học. Người còn chủ trương mở trường học cho trẻ em, dạy trẻ em chữ Việt để các em không quên gốc gác. Ông khuyên mọi người phải biết đoàn kết giữa người Việt với người Thái, người Việt với người Việt. Những điều ông Chín dạy đã trở thành bài học cho các thế hệ Việt kiều ở bản Mạ nói riêng và Việt kiều ở Thái Lan nói chung: dù sống nơi đâu cũng luôn hướng về Tổ quốc và hết lòng đoàn kết hữu nghị với nhân dân nước bạn.

Tháng 1 năm 2004, Thủ tướng hai nước Việt Nam - Thái Lan và các đại biểu dự Hội nghị liên Chính phủ Việt - Thái đã khai trương Làng Hữu nghị Việt - Thái ở bản Mạ, trong đó hạt nhân là di tích Nhà Hợp tác, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng ở và làm việc.

+ **Châu Phi:**

Cộng hoà Madagátxca:

Quảng trường và tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Thủ đô Antananarivô.

Cộng hoà nhân dân Ănggôla:

- Đại lộ Hồ Chí Minh tại Thủ đô Luanda.

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|--|--------------|
| <i>* Lời giới thiệu</i> | 5 |
| Phần I: Hồ Chí Minh - Những chặng đường cách mạng | 7 |
| + Từ làng Sen đến bến Nhà Rồng (1890 - 1911) | 8 |
| + Từ một người yêu nước trở thành một người cộng sản (1911 - 1920) | 30 |
| + Từ người cộng sản Việt Nam đầu tiên đến người chiến sĩ cộng sản quốc tế (1920 - 1924) | 42 |
| + Chuẩn bị và sáng lập Đảng cộng sản Việt Nam (1924 - 1930) | 58 |
| + Chỉ đạo phong trào cách mạng trong nước (1930 - 1941) | 74 |
| + Lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa, sáng lập nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà (1941 - 1945) | 89 |
| + Cùng Trung ương đảng, lãnh đạo Chính phủ thực hiện nhiệm vụ vụ nội trị và ngoại giao (1945 - 1946) | 106 |
| + Lãnh đạo cuộc kháng chiến, kiến quốc (1945 - 1954) | 131 |
| + Lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 - 1969) | 164 |
| Phần II: Hồ Chí Minh - người sống mãi | 234 |
| + Hồ Chí Minh - anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá kiệt xuất | 241 |
| + Hồ Chí Minh - người sáng tấm gương đạo đức cách mạng | 283 |
| + Một số công trình tưởng niệm Hồ Chí Minh ở trong nước và trên thế giới | 327 |

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ THÔNG TIN

43 Lò Đúc - Hà Nội

HỒ CHÍ MINH - NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG CÁCH MẠNG

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGUYỄN VĂN KHƯƠNG

Biên tập:

PHƯƠNG HẢO

Trình bày:

LINH CHI

Sửa bản in:

HẢI YẾN

In 1000 cuốn khổ 19x27cm tại CN C.ty Phát Triển Công Nghệ Truyền Hình
Giấy phép xuất bản số 231-2009/CXB/11-11/VHTT.
In xong và nộp lưu chiểu năm 2009.



8 935077 071597

Giá: 295.000 đồng

